

anthony grey & nguyên ước



TRĂNG HUYẾT

tập 4

SH

T R Ầ N G H U Y Ệ T

Trăng huyết
anthony grey & nguyên ước
Midway Press

Copyright © anthony grey

anthony grey & nguyên ước

T R A N G
H U Y E T

tập 4



Midway Press 2023

NỘI DUNG

Lời nói đầu của Anthony Grey	11
Lời Giới Thiệu của Nguyễn Minh Diễm	17
Nội Dung Bài Thơ Cảm Đề của Nguyễn Ước	33
TẬP MỘT	35
Phần I. Đòi Thuộc Địa Là Thế! 1925	35
Phần II. Hận Thù Của Triệu Cu-li 1929-1930	257
TẬP HAI	11
Phần III. Sông Hương 1936	11
Phần IV. Chiến Tranh Và Nạn Đói 1941-1945	199
TẬP BA	11
Phần V. Điện Biên Phủ 1954	11
Phần VI. Thái Bình Kiều Mỹ 1963	211
TẬP BỐN	9
Phần VII. Chúng Tôi Tranh Đấu	

Đã Ngàn Năm 1968-1969	9
Phần VIII. Chiến Thắng Và Chiến Bại 1972-1975	293
Tái Bút	489
Thay lời bạt của Hoàng Khởi Phong	505
Phụ lục 1 Tiểu Sử Tác Giả	519
Phụ lục 2 Phỏng vấn của Đài Á châu Tự do	525
Phụ lục 3 Nguyên văn Lời Mở đầu của A. Grey	535

TẬP IV - PHẦN THỨ BẢY CHÚNG TÔI TRANH ĐẤU ĐÃ NGÀN NĂM 1968

Quết định của Tổng Thống Kennedy nhằm khuyến khích và hỗ trợ việc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm tỏ cho thấy một bước ngoặt định mệnh trong sự can dự của Hoa Kỳ vào Việt Nam.

Ba tuần lễ sau cuộc đảo chánh, vào ngày 22.11.1963, bản thân vị Tổng Thống Mỹ ấy cũng bị ám sát. Tiếp theo đó là ba năm xáo trộn và kinh hoàng của Miền Nam. Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của tướng Dương Văn Minh giải tán quốc hội, bỏ hiến pháp. Ngay sau hôm đảo chánh 1.11.1963, chương trình Ấp Chiến Lược bị hủy toàn bộ, như lời vị tướng cầm đầu phe đảo chánh tuyên bố: “Ấp Chiến Lược không cần thiết, không ích lợi, những hàng rào quanh ấp là hàng rào nhà tù.” Sau ngày đó, tình hình an ninh Nam Việt Nam suy sụp hẳn. Cộng

Sản làm chủ nông thôn; hệ thống giao thông đường bộ bị cắt vụn; cơ sở hành chánh và dân vệ cấp xã ấp gần như tê liệt toàn bộ. Bên cạnh đó, mạng lưới biệt kích được Ngô Đình Diệm rải ra Miền Bắc để thu thập tin tình báo cũng bị vỡ. Từ nay, muốn có tin tức, “người nhái” biệt hải của Mỹ phải tìm cách đổ bộ vào duyên hải Miền Bắc, bắt cóc người dân hoặc cán bộ sống ở đó, đem ra tàu đậu ở ngoài khơi. Nạn nhân bị khai thác ấy chỉ có thể còn sống và được thả về địa phương nếu chịu xé cờ đỏ sao vàng, dẫm lên hình của Hồ Chí Minh và thể chấp nhận sẽ hợp tác.

Chính phủ của tướng Dương Văn Minh chỉ kéo dài được ba tháng thì bị lật đổ bởi một hội đồng quân nhân khác. Lần này kẻ làm “chính lý” là Nguyễn Khánh, nguyên tư lệnh Quân đoàn II. Ông cáo giác rằng Minh Cốc chịu ảnh hưởng của mấy viên tướng do Pháp đào tạo như Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim... có khuynh hướng trung lập hóa Nam Việt Nam theo chủ trương của De Gaulle, Tổng Thống Pháp. Trong vòng 18 tháng tiếp đó, diễn ra một chuỗi sôi động với năm cuộc đảo chánh và phản đảo chánh, cùng với tình trạng hoang mang bất ổn, xuất hiện những chính quyền kế tiếp nhau nhanh như chớp và bất lực.

Thừa thế xốc tới và có thanh thế thêm nhờ kết quả cuộc vận động lật đổ Diệm, Phật giáo

bành trướng thành một lực lượng đáng sợ với tham vọng khống chế chính quyền các cấp. Tại các thành phố, việc truy lùng dư đảng Cần Lao, những cuộc biểu tình, bãi khóa công khai chống cả Mỹ lẫn chính phủ, xảy ra hằng ngày và trở thành quen thuộc. Cuộc đấu tranh cho dân tộc và đạo pháp của Phật giáo đi quá đà, bị lũng đoạn bởi các phần tử cư sĩ, giáo sư và sinh viên đại học Huế khuynh tả thời thượng, nguy hòa, hoạt đầu hoặc phiêu lưu chính trị, v.v. đưa tới việc thành lập Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc rồi Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng. Hai tổ chức này có những hành động vô chính phủ, bạo động và khủng bố tại căn cứ địa ở Huế và Đà Nẵng cùng các tỉnh duyên hải miền trung và Sài Gòn, khiến chính quyền trung ương phải cử đại diện ra Huế điều đình. Cuối tháng Tám năm 1964, xảy ra một biến cố bi thảm trong đó các tín đồ Phật giáo và Công giáo đụng độ nhau, chém giết nhau trên đường phố tại Đà Nẵng, Qui Nhơn và thủ đô Sài Gòn. Qua năm 1965, có bằng chứng các tỉnh thị bộ Cộng Sản, ngoài việc nhanh chóng khai thác tình trạng xung đột và hoang mang đó, đã cài được cán bộ thành vào hàng ngũ lãnh đạo các cuộc xuống đường đấu tranh cho “dân chủ và hòa bình” ở Đà Nẵng và Huế. Đặc biệt ngày 6.6.1966, từ Huế, TT Thích Trí Quang vận dụng tới phương thế cuối cùng là kêu gọi gia đình Phật tử tại đó và các thành phố

miền trung đem bàn thờ Đức Phật ra đặt giữa lòng đường trước mặt nhà để làm phương tiện đấu tranh và phát động chiến dịch tự thiêu.

Một phần vì tham vọng quân phiệt tạo thêm kích thích tố cho các cuộc biểu tình bãi khóa đòi hỏi dân chủ của sinh viên, một phần vì các chính phủ mới ở Sài Gòn không dám đụng tới Phật Giáo và không muốn bị cáo giác là thô bạo, sử dụng những phương pháp cảnh sát trị thời Ngô Đình Diệm nên họ chỉ đối phó nửa vời với các xáo trộn đó. Càng đấu tranh quá đà càng bất đồng nội bộ, tới cuối năm 1966, Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất – được thành lập đầu năm 1964 bởi 11 Giáo hội và Hiệp hội thuộc Ủy ban Liên phái trước đây trong tổng số gần 40 tổ chức Phật giáo lớn nhỏ – bị vỡ làm hai: một bên trụ sở là chùa Ấn Quang, chủ yếu gồm các Giáo Hội Miền Trung; một bên trụ sở là chùa Việt Nam Quốc Tự chủ yếu gồm Giáo Hội Miền Bắc di cư năm 1954 và Tiểu thừa Tịnh Độ Tông Miền Nam.

Vào tháng 3.1964, trong khi Hoa Kỳ chuẩn bị nắm trọn quyền chỉ huy cuộc chiến, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cũng chuẩn bị để lần đầu tiên đưa các đơn vị quân chính qui Miền Bắc vào Miền Nam qua ngã Lào và Cambodia hòng dứt điểm chiến trường. Khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ, chủ tịch MTGPMN là Nguyễn Hữu Thọ mừng rỡ tuyên bố: “Người Mỹ đã làm dùm chúng tôi

điều mà suốt chín năm nay chúng tôi không làm được” và ngày 1.11.1963 “chẳng khác nào quà tặng từ trời rơi xuống.” Hà Nội khai thác tận tình cơ hội đó. Nhận thấy thời điểm chiến thắng gần kề, Bộ Chính Trị Cộng Sản Hà Nội bắt đầu đưa người vào tiếp quản Miền Nam. Theo họ, trong tình trạng rối ren chính trị, suy thoái quân sự, và cái gọi là HĐQNCM được Mỹ ủng hộ chỉ nhằm phục vụ cho quyền lợi của Mỹ và thế giới tư bản, chế độ Miền Nam đã mất chính nghĩa. Để có đủ tài nguyên theo đuổi cuộc chiến, Hà Nội vừa vay mượn vừa tiếp nhận viện trợ ồ ạt về vũ khí của Liên Xô, về quân trang quân dụng của Trung Quốc, tận dụng tối đa hải cảng Kampong Thom ở Cambodia để vận chuyển quân khí. Và như thế, góp phần đẩy cuộc Chiến Tranh Đông Dương Lần Hai vào thật sâu trong vòng quay của cuộc Chiến Tranh Lạnh toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, đối với Hoa Kỳ, một cuộc rút lui được người ta mong đợi đã trở nên không thể thực hiện. Dù Tổng Thống Lyndon Johnson gia tăng số lượng cố vấn Mỹ tại Việt Nam lên tới ba chục ngàn người, tới đầu năm 1965, rõ ràng Cộng Sản đang đứng bên bờ chiến thắng với hai phần ba lãnh thổ Miền Nam bị họ làm cho ung thối; chính lúc đó ông quyết định thay đổi tận gốc sự can dự của Hoa Kỳ.

Trước hết, vào tháng Hai năm 1965, Johnson ra lệnh cho máy bay Hoa Kỳ bắt đầu oanh tạc

thường xuyên các mục tiêu tại Miền Bắc lẫn Miền Nam Việt Nam. Các sư đoàn quân chính qui và các đoàn chuyên gia được Hà Nội đưa vào nam trở thành mục tiêu cho pháo đài bay B-52 của Hoa Kỳ trải thảm sát hại. Chỉ một tháng sau, không cần tham khảo ý kiến của chính phủ Sài Gòn lúc ấy do Phan Huy Quát làm Thủ tướng, Hoa Kỳ cho hai tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng; đó là đơn vị chiến đấu Mỹ đầu tiên đến để tác chiến độc lập bên cạnh người Nam Việt Nam. Từ ngày đó tới cuối năm 1965, lính Mỹ ở VN lên tới 184.314 người – với số tử trận 1.369; số bị thương 5.300. Ngoài ra, còn có sự hiện diện các đơn vị tác chiến của Nam Hàn, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan. Kể từ lúc ấy, với các hàng không mẫu hạm và các khu trục hạm của Hạm Đội Bảy đang tuần tra sẵn ở ngoài khơi vùng có chiến tranh, Hoa Kỳ cương quyết sử dụng sức mạnh Hải Lục và Không quân để tham chiến. Dù sự can dự ấy được xem là “có tính giới hạn” và được quyết định bằng một sự thăm lén chính trị, không thông qua lời tuyên chiến chính thức nào, cũng không cần một hiệp ước hỗ tương với chính phủ Sài Gòn.

Sở dĩ có thể thực hiện được một sự can dự như thế là do những biến cố khó hiểu xảy ra ngoài khơi Bắc Việt Nam, tại Vịnh Bắc Việt, vào tháng Tám năm 1964. Chính Tổng Thống Johnson đưa ra lời tuyên bố rằng dù không bị

khieu khích, các tuần tiểu đình của Bắc Việt đã đột nhiên tấn công hai khu trục hạm Maddox và Turner Joy của Hoa Kỳ; để trả đũa “hành động gây hấn ấy của Cộng Sản”, ông ra lệnh oanh kích các căn cứ tuần tiểu hải quân và các kho xăng dầu tại Bắc Việt.

Sự tiết lộ đầy kịch tính ấy được trình bày cho các thông tin viên vào lúc nửa đêm mùng 4 tháng Tám. Trong bầu không khí đầy xúc động, ba ngày sau, Quốc Hội Hoa Kỳ gần như nhất trí thông qua một nghị quyết do Nhà Trắng soạn thảo, chấp thuận cho Tổng Thống có toàn quyền sử dụng mọi biện pháp để ngăn không cho Bắc Việt “gây hấn thêm nữa.”

Luật ấy – thường được gọi là Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt – còn ghi rõ rằng Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ xem Việt Nam là quan trọng cho lợi ích quốc gia của Mỹ lẫn hoà bình của thế giới, đồng thời nó cho phép Tổng Thống Johnson, vài tháng sau đó, khởi sự oanh tạc và bắt đầu gọi một số lượng binh sĩ tới Việt Nam – rốt cuộc lên tới nửa triệu người – mà không cần tham khảo thêm ý kiến của Quốc Hội hoặc của nhân dân Hoa Kỳ. Về sau, người ta biết ra rằng các tàu hải quân Mỹ ấy không là nạn nhân hoàn toàn vô can và bị gây hấn, nhưng dù sao Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt cũng đã có hiệu lực tới sáu năm, cho đến khi tình cảm chống chiến tranh dâng cao tới độ sự thật bị phanh phui và rốt cuộc, phải hủy bỏ nó.

Cuộc chiến tranh kéo dài trên ba mặt trận: oanh tạc Miền Bắc; các cuộc hành quân của lính Mỹ, QLVNCH và các đơn vị đồng minh tham chiến; và các chương trình bình định xây dựng nông thôn Miền Nam.

Việc oanh tạc Miền Bắc leo thang dần. Nó khởi sự vào ngày Johnson ra lệnh không tập Đổng Hới và Vĩnh Linh để trả đũa vụ Vịnh Bắc Việt (4.8.1964). Tới tháng 3.1965 bắt đầu dội bom thường xuyên. Hai tháng sau đó, là giai đoạn vượt vĩ tuyến 18 đánh rộng ra bắc với số phi vụ tăng lên gấp bốn năm lần. Rồi tới cuối năm 1966, oanh tạc liên tiếp và dữ dội vào các mục tiêu quân sự ngay khu ngoại thành Hà Nội. Xen kẽ các giai đoạn oanh tạc là vài tuần lễ tạm ngừng để đưa ra các đề nghị hòa bình với Hà Nội. Johnson đề nghị nếu Hà Nội đình chỉ gửi người và vũ khí vào Miền Nam, Mỹ sẽ ngưng ném bom và ngưng tăng cường quân lực ở Miền Nam; sau đó hai bên sẽ đàm phán trực tiếp để giải quyết chiến tranh. Hà Nội trả lời bằng cách đòi Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom Miền Bắc trước đã.

Chủ trương của Mỹ từ đầu tới cuối cuộc chiến là không muốn đổ bộ ra Miền Bắc vì sợ mở rộng chiến tranh sẽ gặp phản ứng mạnh của thế giới Cộng Sản, đặc biệt Trung Quốc. Mỹ chỉ gia tăng oanh kích để ngăn chặn việc đưa người và vũ khí vào nam, và đặc biệt oanh tạc

Miền Bắc để làm cho các nhà lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội tin rằng Hoa Kỳ kiên quyết đánh bại họ. Thế nhưng sự gia tăng oanh tạc không làm HCM và Bộ Chính trị ở Hà Nội nao núng. Ngược lại tình cảnh chết chóc, đổ nát khốn đốn do các cuộc dội bom gây ra lại khiến cho chế độ toàn trị tại Hà Nội đẩy mạnh tuyên truyền và xách động tối đa, làm cho nhân dân Miền Bắc càng oán hận “đế quốc Mỹ xâm lược”, đoàn kết và quyết tâm hơn bao giờ hết trong việc chống lại “kẻ thù ngoại xâm”, vốn ám ảnh họ suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc.

Tính tới ngày 31.12.1967, lính Mỹ có mặt tại Nam VN khoảng nửa triệu người, số thương vong trong năm là 9.353 tử trận và 99.742 bị thương. Tình hình chiến trường có phần cải thiện nhưng tương đối chậm và hầu như không có trận chiến thắng ngoạn mục nào vì chiến tranh Việt Nam không thuận tụy đánh trận địa như ở Triều Tiên và nhất là, không thể tìm thấy và đánh bại một đối phương thường tìm cách lẩn tránh như ma, chờ dịp thuận tiện để chủ động chọn chiến địa. Dù được sự hỗ trợ của các tiểu đoàn chính qui Cộng Sản Bắc Việt, Việt Cộng hầu như vẫn chỉ có thể chiến đấu bằng các hoạt động theo kiểu du kích, sử dụng tối đa phương pháp tuyên truyền và khủng bố. Lính Mỹ, đồng minh và QLVNCH phải “lùng và diệt” địch; suốt cuộc chiến, một phần ba binh sĩ thương vong

đều do bởi pháo kích, bắn tia hoặc mìn bẫy.

Trong khi đó, kể từ tháng 6.1965, sự lãnh đạo chính trị tại Nam Việt Nam dần dần ổn định, thoát đầu dưới nhiệm kỳ thủ tướng của Thiếu tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ và kế đó, dưới nhiệm kỳ Tổng Thống của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu. Tới năm 1967, Nam Việt Nam lại có hiến pháp, bầu cử Tổng Thống và quốc hội, các hội đồng tỉnh thị. Tuy nó được đánh giá như một khởi điểm có tinh pháp chế cho nền Đệ nhị Cộng hòa để thoát ra khỏi chế độ độc tài quân phiệt nhưng nó tiến triển rất chậm vì Thiệu và các tướng lãnh không thật tâm xây dựng một chế độ dân chủ đủ mạnh để hỗ trợ chính nghĩa chống cộng. Bên cạnh đó, các đảng phái chính trị quốc gia thiếu trình độ và bằng lòng với việc phát triển cơ sở, chia chác chức vụ ở một số địa phương. Sự thiếu trưởng thành về chính trị khiến họ không thể đoàn kết với nhau: trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1967, có tới 10 liên danh dân sự tranh cử với liên danh của hai tướng Thiệu Kỳ! Nói chung, người dân bỏ phiếu bầu kẻ đại diện cho mình vào các cơ cấu dân cử không phải vì tin tưởng hoặc ủng hộ kẻ đó; họ chỉ làm theo lời chỉ bảo của giáo hội mà mình là tín hữu hoặc đoàn thể chính trị mà mình là cảm tình viên. Vì thế, về mặt căn bản, các cấp chính quyền vẫn không thật sự phục vụ dân chúng – đặc biệt giới trí thức, sinh

viên và tầng lớp trung lưu – tham những công khai và gặp bội chính quyền của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và họ không bao giờ tranh thủ được sự tín nhiệm và ủng hộ rộng rãi của quần chúng nông thôn.

Qua năm 1967, cùng với việc Tổng Thống Johnson tăng số lượng lính Mỹ tham chiến, ngân khoản viện trợ Mỹ dành cho Việt Nam cũng tăng theo, với các chương trình được gọi bằng những danh xưng khác nhau, như “phát triển nông thôn,” “binh định và xây dựng” hoặc “cuộc chiến tranh khác”. Chúng bắt đầu đạt được một số kết quả trong nỗ lực cách ly dân quê Nam Việt Nam khỏi ảnh hưởng tuyên truyền hoặc khủng bố của Việt Cộng. Hiệu quả hỗ tương của các cuộc hành quân lùng và-diệt địch của Mỹ, khai quang rừng núi bằng hoá chất diệt cỏ dại hay còn gọi là chất độc màu da cam, cùng các cuộc oanh tạc, đã đưa tới tình trạng hàng triệu người tị nạn chiến tranh, không nhà không cửa. Họ lũ lượt kéo nhau về các thành thị vốn đã chật ních người, để sống trong các khu vực tị nạn lụp xụp và nghèo nàn. Ở đó, tuy không còn sợ hãi bom đạn và khủng bố nhưng phải đương đầu với một cuộc phấn đấu mới để mưu sinh trong tình trạng kinh tế lạm phát trầm trọng, phát sinh bởi tình hình sản xuất nông nghiệp suy sụp và các chương trình viện trợ ồ ạt hàng tiêu dùng của Hoa Kỳ.

Chiến tranh được các ký giả phương tây tiếp tục trình bày một cách sốt dẻo trên báo chí và truyền hình tại Hoa Kỳ và khắp thế giới như một vũng lầy của người Mỹ và bất lực của quân dân VNCH, làm sôi động thêm các phong trào phản chiến. Trong khi trên thực tế, việc điều hành cuộc chiến đã đạt được những bước tiến nhất định. Sự ổn định chính trị tại đô thị và việc mở rộng vòng đai an ninh tại nông thôn, xây dựng lại chính quyền xã ấp cùng các hoạt động quân sự của Mỹ, QLVNCH và đồng minh khiến Hà Nội nhận thấy không còn cơ may chiến thắng bằng vũ lực hoặc khai thác bất ổn chính trị. Tuy Hà Nội vẫn tuyên truyền rằng MTGPMN đang chiếm được 3/4 đất đai và 4/5 dân số nhưng hầu hết các đơn vị từ Miền Bắc xâm nhập vào nam chỉ hoạt động lấn khuất tại các vùng sâu và vùng xa, làm mồi cho phi pháo và những cuộc hành quân truy lùng của QLVNCH và đồng minh.

Tới cuối năm 1967, tướng Westmoreland, tư lệnh lực lượng Mỹ tại Việt Nam, tuyên bố tình hình quân sự đang khả quan và chương trình bình định nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực. Ông chủ trương chấm dứt giai đoạn “lùng và diệt địch” để chuyển sang giai đoạn “tảo thanh và bình định.” Phản ứng lại, Bộ Chính trị Đảng Lao Động họp và lại ra nghị quyết khẩn trương hơn: “Chuyển cuộc Chiến tranh Cách mạng Miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành

thắng lợi và quyết định.” Trên thực tế, song song với việc MTGPMN đang thăm dò Hoa Kỳ về việc trao đổi tù binh, mệnh lệnh ấy của Trung ương có hàm ý liễu lĩnh sửa soạn một cuộc tổng tấn công được họ tuyên truyền là để đưa tới một cuộc tổng khởi nghĩa trên khắp Miền Nam.

Cũng trong những năm ấy, con số các phi công không quân và hải quân Mỹ bị bắn rơi ngày càng nhiều trên Miền Bắc và bị bắt làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội. Khi số lượng tù binh đó ngày càng tăng thì bắt đầu lọt ra ngoài những lời đồn đãi rằng họ là đối tượng của những cuộc hành hạ dã man, kiểu trung cổ, trong quá trình “tẩy não”. Và hậu quả là nhóm nhỏ người Mỹ ấy trở thành mục tiêu cho mỗi quan tâm đầy xúc động và mãnh liệt tại Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Phong trào đòi hỏi hòa bình và chống lại sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam ngày càng lan rộng trên thế giới, cuốn hút vào đó các đoàn nhóm Việt kiều yêu nước, chủ lực là sinh viên Miền Nam được đi du học và không trở về tại Paris, Tokyo và Montréal.

- 1 -

Vào thời điểm có oanh tạc, đèn đóm khắp trung tâm Hà Nội phải tắt hết hoặc che chắn thật kín để ánh sáng không chút nào lọt ra ngoài. Mặt nước Hồ Gươm, quả tim của thủ đô, bát ngát và sâu lắng chỉ phản chiếu yếu ớt ánh

sáng lơ mờ của bầu trời mây giăng thật mỏng khi chiếc công xa Tatra già nua, hai chục tuổi đời, khục khặc đầu máy và dí mũi thận trọng lăn bánh dọc mạn bắc bờ hồ trong một đêm hạ tuần tháng Giêng năm 1968.

Như thường lệ, giờ này đường phố thủ đô đông nghẹt nông dân Miền Bắc với xe đạp thồ, xe cải tiến và xe bò trên đó nông sản chất thành đống cao ngheo nghệu. Nhờ bóng tối che chở, họ hối hả tiếp tế cho thủ đô và họ gan lì không chịu nhường tắc đường nào cho chiếc ô-tô con đang bóp còi inh ỏi. Tình thế mỗi phút một khẩn trương vì ai cũng vừa nghe văng lại từ một chốn rất xa âm thanh o o quen thuộc của những chiếc pháo đài bay B-52 và đoàn oanh tạc cơ Cánh xòe F-105 của Mỹ, như họ đã phải nghe từng đêm suốt cả tuần nay. Tiếng máy bay làm chân họ bước nước rút, vai kê thật sát và hai tay đùn xe đẩy cộ mạnh hơn.

Trong không khí chưa hết oi bức, các khung cửa kính của chiếc xe Tiếp Khắc cũ kỹ được hạ xuống, nghiêng vào bản lề rỉ sét kêu ken két. Chẳng biết tiếng động của đàn máy bay có vọng hay không tới tai của trung úy Mark Sherman lúc này đang ngồi khom lưng nơi băng ghế sau của chiếc xe Tatra, giữa hai công an Việt Nam có vũ trang. Nhưng dù có nghe ra, Mark cũng chẳng để lộ chút dấu hiệu nào cho những kẻ đang canh giữ mình biết.

Hai cổ tay nằm yên trong còng thép. Hai mắt cá chân cột lỏng không xích sắt. Thờ ơ ngó ra ngoài cửa xe, Mark đưa mắt trống rỗng nhìn vệt bóng mờ của những đèn cùng đài quanh hồ và từng đoàn nông dân đang đua nhau lướt qua rất vội. Trên người Mark vẫn y nguyên bộ đồ bay dày và mềm, màu ô-liu, mặc từ đêm cất cánh lần cuối tại Đà Nẵng vào đầu năm 1966. Cùng với ngày tháng nặng nề trôi, bộ quần áo độc nhất mặc suốt bốn mùa xuân hạ thu đông ấy nay xơ xác, từ cổ áo xuống lai quần mòn trơ chỉ. Ngoại hình của Mark giờ đây chỉ phảng phất đôi chút vóc dáng của viên phi công tuổi trẻ hào hoa từng hăm hở leo lên chiếc chiến đấu cơ Thần sấm Thunderchief F 105D hai năm trước.

Đầu cạo nhẵn thín. Da xanh xao vàng vọt dán sát khuôn mặt hốc hác trơ xương với hai con mắt thâm quầng, thò lỏ và thụt sâu trong hai hố mắt. Vai xuôi xị. Mắt không chút sinh khí với tia nhìn lơ đãng. Hai bàn tay đeo còng chuỗi hồ hững giữa hai bắp đùi dang rộng như biểu lộ một thái độ vô vọng. Thỉnh thoảng mùi xăng Liên Xô lợn cợn và ngập ngựa hơi ben-den của chiếc Tatra thốc lên làm Mark nhúm mày. Anh hình mũi, tỏ vẻ khó chịu, và sau đó, bộ mặt lại trở về vẻ hoàn toàn dửng dưng.

Ngồi đằng trước trên chiếc ghế bên cạnh tài xế, Trần Văn Kim thỉnh thoảng ngoái đầu lui

quan sát Mark Sherman nhưng viên phi công Mỹ không nhìn lại. Tuy tuổi ngoài năm mươi nhưng trên vành cao cổ của chiếc áo đại cán, bộ mặt đầy đặn của Trần Văn Kim vẫn trẻ trung kỳ lạ. Nếu Mark có thể nhìn người phụ tá cao cấp ấy của Hồ Chí Minh bằng đôi mắt của cha mình, hẳn anh sẽ nhanh chóng nhận ra trên bộ mặt cân đối và hài hòa đó dấu vết tinh anh của một gia đình từng cho ra đời một người nữ xinh đẹp tuyệt vời là Lan, em của Kim. Nhưng không chút để ý tới sự có mặt của Kim, Mark tiếp tục ngó trống rỗng vào màn đêm bên ngoài cửa xe, như suốt chuyến đi dài này anh vẫn nhìn như thế kể từ thời điểm xuất phát tại trại giam tù binh ở Sơn Tây, phía tây bắc Hà Nội.

- Trung úy Sherman này, chẳng lẽ anh không muốn biết người ta đang đưa mình tới chỗ nào sao?

Kim hỏi bằng tiếng Anh với giọng lơ lơ và suýt soát nhưng Mark không trả lời dù bị hai công an kèm cặp thọc mạnh mũi súng vào be sườn. Kim đưa tay khoát nhẹ, có ý bảo thuộc hạ đừng làm thế. Rồi anh quay mình và tiếp tục ngồi ung dung trên ghế trước.

Được che bốn phía bằng lá gồi và trên cắm tua tua cành cây rừng, chiếc Tatra với hình thù nguy trang dị dạng, khật khưỡng lăn bánh qua một nửa chu vi của bờ hồ. Tiếp đó, xe chạy vào khu vực có mấy hàng phố thủ công nghiệp xưa

cổ của thủ đô rồi hướng mũi ra một vùng ngoại ô ven đô ở phía nam. Thêm lần nữa, các đám đông dày đặc ken đầy đường làm xe phải dừng bánh. Người tài xế công an thò đầu ra ngoài cửa xe, lắng nghe tiếng máy bay. Chốc lát sau, đầu vẫn để yên tại chỗ, anh ta hỏi vọng vào:

- Chắc hẳn lại cảng Hải Phòng, phải không đồng chí Kim?

Thay vì trả lời, Kim dỏng tai lắng nghe âm thanh máy bay kêu o o trên mây. Tiếng gầm rú nghe mỗi lúc một gần khi những phi vụ phối hợp, phát xuất từ các căn cứ của Hoa Kỳ ở Bắc Thái Lan và các hàng không mẫu hạm thuộc Đệ Thất Hạm Đội đậu ngoài khơi Biển Đông vào điểm hội tụ. Đến khi tiếng ầm ầm đột nhiên tăng mạnh hơn cũng đúng là thời điểm súng phòng không và các ụ tên lửa bố trí quanh thủ đô bắt đầu khai hỏa.

Kim điềm tĩnh ra lệnh cho tài xế cho xe tiếp tục lần đường đi tới:

- Nghe như thế tối nay chúng nó bắn phá đúng ngay con đường này. Mình cho xe chạy tới điểm đến càng sớm càng tốt.

Tài xế để máy xe trở lại rồi nhấn ga. Anh ta chăm chú nhìn qua kính chắn gió khi kềm tay lái vượt quá những bóng người lúc nhúc và lơ mờ trước hai ánh đèn le lói nơi đầu xe vì bị lưới sắt bọc kín để phòng máy bay không tập. Đọc lẽ đường hai bên, cứ cách vài thước lại có

một bức chân dung thật lớn của Hồ Chí Minh đang nhìn xuống, trên một tấm bảng treo giữa những bích chương in hình các o du kích Việt Nam bắn tan xác máy bay chiến đấu Mỹ bằng chỉ một phát súng trường. Thấy các chân dung và bích chương đó, Kim lại từ ghế trước ngoái ra sau và nói:

- Trung úy Sherman này, vì anh tỏ ra không để ý tới mục đích của việc chúng tôi đưa anh về thủ đô lần này nên tôi sẽ nói cho anh biết tại sao anh được đem tới đây. Anh có vinh dự được vị lãnh tụ vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam tiếp kiến. Chủ tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chúng tôi, Bác Hồ mà anh thấy chân dung được treo khắp mọi nơi ở đây, Bác muốn đích thân nói chuyện với anh.

Kim quan sát thật kỹ từ nhân của mình nhưng trên vẻ mặt tro tro của Mark không gợn lên chút quan tâm nào. Rồi trong bầu không khí im lặng tiếp đó, tiếng bom rơi vun vút từ xa nghe càng lúc càng rõ dần. Trên khuôn mặt đầy đặn của Kim lại loé lên một nụ cười tươi tắn:

- Trung úy này, có lẽ anh không tin tôi. Có lẽ anh thấy không thể nào tin nổi rằng một nhà lãnh đạo quan trọng ngấn ấỵ của cả nước mà vẫn tiếp tục ở lại giữa lòng thủ đô Hà Nội vào thời điểm bọn đế quốc các anh bỏ bom bắn phá cực kỳ nguy hiểm như thế này. Mà anh không tin cũng phải vì người Mỹ không thể nào hiểu nổi

tính cách vĩ đại của Bác Hồ chúng tôi. Bác nhất định chia xẻ tất cả những gian nguy mà nhân dân và các đồng chí của bác đang đối mặt...

Thình lình, ánh chiếu của một ngọn lửa màu da cam chói lọi làm lòng xe sáng rực khi bom dội trúng một kho nhiên liệu cách đằng trước họ một hai dặm, làm bùng lên tia chớp thật lớn. Tài xế lập tức thắng xe ngay giữa lộ và tự động phóng như bay ra khỏi xe. Trong một thoáng, Kim quan sát đám cháy rồi cộc lốc ra lệnh cho hai công an ngồi nơi băng sau, trước khi anh lao người qua cửa xe phía bên mình.

Chung quanh xe, nông dân bỏ xe cộ chờ hàng, vọt lên vỉa hè và nhảy lẹ xuống hố núp cá nhân làm bằng ống bê-tông lớn và cao cỡ thùng phuy hai trăm lít, được đặt chìm thành từng dãy hai bên đường. Ngồi lọt thỏm trong lòng hố, họ thò tay kéo nắp đẩy lên đầu kín mít. Chưa đầy một phút, khắp khu vực trở nên vắng lặng, không một bóng người.

Lóng cồng lỏi Mark ra khỏi lòng xe, hai công an đẩy cái thân xác cao kênh và gầy nhom của anh xuống một hố cá nhân nhỏ xíu. Họ cố đè nhưng Mark không chịu ngồi sụp xuống. Người anh vẫn thẳng đơ trong bàn tay túm chặt của họ, để mặc họ muốn làm gì thì làm. Thấy không thể làm cho Mark khò lưng ngồi chồm hồm, hai công an bắt đầu hét lớn vào hai lỗ tai anh và vừa nhảy lên đè vừa trở ngược báng súng nện

tới tấp lên hai vai anh. Tới khi có một đợt bom khác nổ quá gần làm đất và gạch đá rơi như mưa khắp mặt đường chung quanh, họ lật đật buông Mark ra rồi nhào xuống hai chiếc hố gần đó.

Cả hai vừa kéo kín nắp hố thì ánh chớp và tiếng bom nổ ầm ầm, rền lên như sét đánh. Gạch đá càng lúc càng bay rào rào, trúng chiếc Tatra nằm trơ vơ giữa đường. Từ dãy nhà kho nhiên liệu đang bốc cháy, ánh sáng đỏ rực làm loang lên bầu trời một màu da cam chất ngất và nóng bỏng. Mark Sherman ngược mắt nhìn lên, bộ mặt anh đánh lại, khốc liệt. Rồi từ trong hố núp bom chỉ đào vừa vặn cho người Á Đông nhỏ thó, Mark đột nhiên đứng thẳng lưng. Anh chụp nắp hố, liệng ra xa. Chiếc nắp hố quay tròn như bánh xe, lăn qua bên kia mặt đường cho tới khi rớt xuống rãnh nước bên đường, kêu leng keng. Đưa hai nắm đấm lên trời cao vời vọi và mù mịt khói, Mark làm nhảm gào thét với những chiếc oanh tạc cơ Mỹ đang bay khuất dạng đâu đó trên mây.

Tiếng của Mark tuôn ra từng tràng, lộn xộn, không đầu không đuôi. Không ai biết anh muốn nói gì. Chúng tự động vọt ra khỏi cổ họng. Ban đầu nhỏ hơn tiếng kêu của một loài thú, kể đó biến thành những âm thanh chửi bới mê loạn. Đôi khi tiếng la hét ấy chìm lìm trong tiếng ầm ầm cuồng nộ của cuộc oanh tạc. Đôi khi chúng ré lên chói tai nhức óc trong không khí im ắng

bất chợt giữa hai đợt bom. Có lần, nắp hố bên cạnh Mark bị rón rén hé lên và qua vành hố, hai tròng mắt của Trần Văn Kim giắt mình đảo quanh. Rồi một đợt gạch đá khác lại văng tới tấp làm Kim phải kéo sập nắp hố của mình lại.

Khoảnh khắc sau, một cục gạch to cỡ nắm tay văng đến, đập vào trán Mark làm anh ngất xỉu. Anh gục xuống, nửa thân người dưới lòng đất, nửa thân người vắt ngang miệng hố. Mark nằm không nhúc nhích trong khi tiếng gầm rú của lũ máy bay oanh tạc xa dần rồi mất hút trên mây. Và sau cùng, khi đường phố yên tĩnh trở lại, trong mấy giây ngắn ngủi, tiếng thốn thốc yếu ớt của Mark là âm thanh duy nhất của con người trong trời đêm thình lạng.

- 2 -

Mười phút sau khi cuộc oanh tạc chấm dứt, chiếc Tatra dừng lại trước một bức tường cao, nơi cổng lớn được canh gác cẩn mật, chờ kiểm tra. Xong, xe chạy vào một sân rộng nền bằng bê-tông, nằm khuất sau một toà nhà tuy xây chưa được bao lâu nhưng không mang vẻ hiện đại, với những đường nét khắc khổ chịu ảnh hưởng lối kiến trúc ảm đạm thời Staline hồi thập niên 1940.

Nơi băng ghế sau trong lòng xe, Mark Sherman đã hoàn toàn hồi tỉnh. Chính giữa trán anh, nơi bị cục gạch vỡ bắn trúng, đỏ rần

và u lên một cục. Nhưng anh vẫn ngồi cù rù trong lòng ghế như trước đó, mặt đờ đẫn chẳng một chút cảm xúc. Mark thụ động để mặc công an áp tải đẩy xuống xe, dẫn qua mấy đợt cầu thang rồi xuống một tầng hầm rất sâu. Tiếp đó, qua các hành lang với hết trạm kiểm soát này tới trạm kiểm soát khác được bố trí cách quãng nhau làm thành một dãy canh phòng chặt chẽ với các toán bộ đội chính qui thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam võ trang bằng súng tiểu liên xung phong AK-47. Họ nhìn Mark với tia mắt cảnh giác và thù nghịch trong khi sĩ quan của mỗi trạm cẩn thận kiểm tra giấy tờ và lệnh công tác của Trần Văn Kim.

Dưới ánh điện vàng vồ, chân đeo xích sắt lỏng không và mang đôi dép râu làm bằng vỏ ô-tô cũ dùng quanh năm trong nhà tù, Mark lóng ngóng vụng về lướt dọc các hành lang dài như vô tận. Cứ mỗi lần đầu gối Mark sắp khuỵu, hai công an áp tải lại thọc mũi súng vào bả sườn anh, thúc thẳng bước và lẹ lên. Trước một cửa lớn không ghi tên ban ngành công tác, không gắn phù hiệu cơ quan nhưng mỗi bên có tới bốn lính gác, người ta ra lệnh cho Mark đứng lại.

Kim gõ lên cửa hai tiếng sắc và rõ rỏi một mình đi vào. Mark đứng chờ trong tia mắt guồng guồng đầy cảm hận của tám lính gác, như thể họ phải dằn mình lắm mới không nhảy xổ vào rạch da cắt thịt anh ngay tại chỗ. Mark ngược

lại không chú ý tới họ. Anh vẫn đứng, đầu cúi xuống, hai cổ tay bị còng buông ơ hồ trước thân mình. Thậm chí sau khi được lính gác dẫn vào bên trong và cửa đóng lại đằng sau, Mark cũng không ngược mặt. Anh vẫn cúi đầu tiếp tục nhìn trống rỗng xuống sàn xi-măng.

Trong hầm nhà, đằng cuối phòng, có hình dáng một người Việt Nam lớn tuổi, da nhăn nheo. Ông ngồi nghiêng đầu, một tay cầm điều thuốc lá cháy dở, một tay viết nắn nót trên một tờ giấy có kẻ ô, giữa các xấp hồ sơ nằm rải rác, vô trật tự trên mặt chiếc bàn dài lớn và bóng loáng, loại dùng cho nhiều người họp chung. Không khí trong căn hầm với những chai bia màu xanh cao cổ và những chiếc ly cạn tới đáy, chưa được dọn dẹp, cùng mấy chiếc ghế có lót nệm mút nằm không ngay ngắn như tỏ cho thấy vừa kết thúc một cuộc họp cấp bộ lãnh đạo chớp đỉnh. Trên vách đằng sau ông lão, treo bức chân dung đen trắng của Lênin nghiêm nghị nhìn xuống căn phòng với đôi mắt bùng bùng nhiệt tình cách mạng và chòm râu vểnh ra đầy khiêu khích dưới cái miệng vuông vắn, cương nghị.

- Đi!

Một lính gác thúc mũi súng tiểu liên đẩy Mark Sherman bước tới trước, và ra lệnh cho anh đứng lại cách bàn họp mấy bước. Suốt một phút ông lão tiếp tục viết, không nhìn lên. Sau cùng, ông đặt bút xuống. Rồi với vẻ hiền từ, ông

chậm chậm vẩy tay ra hiệu cho lính gác đứng tránh qua một bên.

Lúc ấy, lần đầu tiên Mark nhướng mắt nhưng không tỏ dấu hiệu nào cho biết anh đã nhận ra vẻ mặt vàng vò héo hon với bộ râu lua thưa đó là của một người mà danh tính đã trở thành một vật thể biểu tượng và gây hứng khởi trên khắp thế giới cho những kẻ thích trở thành người cách mạng, còn hơn bức chân dung của Lênin trên bức vách đằng sau ông ta.

Trái ngược với vẻ mặt oai vệ của Lênin trên bức hình, nhà lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam cao niên này trông có vẻ mỏng mảnh và tầm thường. Da ông rần rạn như một tờ giấy thời cổ làm bằng da thuộc. Lồng ngực dẹp lép khiến chiếc áo bốn túi làm bằng vải bông rộng thùng thình, trông như chiếc áo bù nhìn giữ ruộng, máng lồng không trên đôi vai xương xẩu. Chỉ có hai con mắt dường như vẫn lưu giữ mọi tia lửa của sự sống. Đôi mắt ấy sáng quắc và hàm chứa một quẻ tâm sắc bén và quyền biến khác thường. Chúng dường như hút hết mọi ánh sáng và năng lượng của căn phòng vào trong những tia nhìn không chút dao động. Đặc biệt, khi nhìn sâu vào đôi mắt ấy, người ta không đoán được cái gì đang động lại trong đáy tâm tư ông. Lúc đôi môi của ông lão hé mở, bộ mặt có vẻ dửng dưng ấy đột nhiên biến đổi hẳn nhờ nụ cười chan chứa thân tình và ấm áp.

Đằng sau khói thuốc lá quện thành vòng, ông lão tiếp tục mỉm cười. Rồi với ngón tay gầy guộc, ông gõ nhẹ nhẹ vào một tờ giấy khắc trên bàn và nói bằng tiếng Anh. Giọng ông rõ ràng, tự tin:

- Trung úy Sherman ạ, thân phụ của anh có viết cho tôi một bức thư. Anh ngồi xuống nhé.

Lính gác thận trọng nhắc mũi súng và bước lên trước khi người Mỹ lê tới chiếc ghế ông lão chỉ. Nhưng thêm lần nữa, ông nhẹ nhàng vẩy tay ra hiệu cho lính gác lùi lại một hai bước.

Tiếp tục mỉm cười, Hồ Chí Minh đẩy một bức hình nhỏ màu nâu đen qua mặt bàn bóng loáng:

- Kèm với bức thư thăm hỏi, cha của anh còn gởi bức hình đã chụp chung với chúng tôi. Lúc chụp hình này, tuổi của ông ấy không lớn hơn anh bây giờ bao nhiêu. Anh biết không, thuở đó chúng tôi là bạn thân của nhau. Tôi vẫn nhớ mãi khuôn mặt đáng mến của ông ấy, và lúc này tôi có thể thấy là hai cha con anh rất giống nhau.

Đang đứng lặng yên một bên ghế của Hồ chủ tịch, Trần Văn Kim bước vòng ra đằng sau ông, nhìn xuống bức ảnh và xem xét nét mặt người thanh niên Mỹ trong ảnh. Trong bức ảnh, Hồ Chí Minh lúc năm mươi lăm tuổi, đang cười thoải mái với một nhóm nhân viên OSS giữa một bãi đất trống trong rừng vào tháng Tám năm 1945. Những người Mỹ trong ảnh đội mũ lưỡi trai mềm, mặc quần cụt, chân mang ủng

đi rừng, và Joseph Sherman đứng cười tươi tấn sát bên vai trái của Hồ Chí Minh.

Hồ chủ tịch thở ra nhẹ nhẹ và nói:

- Những ngày ấy đối với chúng tôi thật đáng ghi nhớ. Tôi giúp cho cha anh trở về đơn vị sau khi ông bị quân Nhật bắn rơi, rồi sự hỗ trợ mà ông đáp tạ chúng tôi cũng thật vô giá. Nhưng buồn thay và đáng tiếc thay, sự hợp tác mật thiết ngắn ấy giữa hai xứ sở chúng ta lại chẳng kéo dài được bao lâu!

Mark Sherman nhìn chăm chặp bức hình của cha mình rồi đắm đắm ngó Hồ Chí Minh. Giữa các tù binh Mỹ gan góc, tên của nhà lãnh tụ Miền Bắc này bị họ nhắc tới khi nói với nhau và cố tình đọc trại đi ngay trước mặt những kẻ hành hạ mình, là “Horse Shit Man: Lão Cứt Ngựa”, hiểu theo tiếng lóng là “Gã ba xạo”; và vì sự xỏ xiên, nhục mạ cố ý đó, lần nào họ cũng bị trừng trị thể thảm. Nhưng đối với họ, việc chỉ gọi tên Hồ Chí Minh theo cách đó trở thành một vấn đề danh dự. Và lúc này, trên mặt Mark thoáng gọn nét bức bối, môi anh mấp máy một hai lần như thể sắp gọi như thế, nhưng rồi nét mặt anh thêm lần nữa rũ xuống, trở về vẻ trống rỗng quen thuộc.

Trong vài giây con mắt lấp lánh của Hồ Chí Minh chăm chặp dò xét Mark rồi môi lại nở nụ cười ấm áp. Đưa tay khui một trong mấy chai bia Trung Quốc để sát bên cạnh, ông rót, bọt

bia sủi ngập vành ly. Ông đẩy ly bia sóng sánh màu hổ phách tới trước mặt Mark rồi rót một ly khác cho mình.

- Thật là một thảm kịch lịch sử khi nước Mỹ rút lại bàn tay hữu nghị đã được hoan hỉ đưa ra năm 1945. Thay vào đó, lúc này, nước Mỹ chỉ ấn vào tay chúng tôi thanh gươm thách đấu. Thế thì trung úy ạ, chúng ta nên uống mừng cho sự khôn ngoan của xứ sở anh trong quá khứ - chứ không cho sự điên rồ của nó trong hiện tại. Tôi hy vọng có thể một ngày nào đó, các nhà lãnh đạo xứ sở anh sẽ khôn ngoan trở lại.

Hồ Chí Minh đưa bàn tay xương xẩu lên, ra hiệu mời người Mỹ uống. Nhưng Mark trơ mắt ngó lại ông, không sờ tới ly bia trên bàn.

Ông lão uống ừng ực ly bia của mình, nghe rồn rột, rồi chỉ vào cục u trên trán Mark:

- Tối nay, anh thấy đó, chuyện thật trở trêu, phải không? Bom của đồng đội của anh suýt giết anh chết trên đường tới đây. Còn tôi chỉ muốn gặp anh cho thỏa tình nghĩa của tôi đối với một chiến hữu cố cựu và cốt để cảm thấy yên tâm về sự an toàn của anh.

Sau lưng ghế của Hồ Chí Minh, Trần Văn Kim kín đáo đưa tay ra hiệu về phía người lính gác thứ hai đứng tận đầu phòng đằng kia. Anh ta quay mình và lặng lẽ bước ra ngoài. Hồ Chí Minh lại mỉm cười với Mark nhưng lần này mặt ông lộ vẻ cứng rắn và không một chút nhượng bộ:

- Anh đã có hai năm nghiền ngẫm về sự điên rồ trong các hành động của xứ sở anh, phải không? Cho tới lúc này, anh đã được học tập đầy đủ về chúng tôi để biết rất rõ rằng chúng tôi có chính nghĩa. Nói cho cùng, chúng tôi chiến đấu đã ngàn năm cho nền độc lập của mình. Và chúng tôi phải làm cho các anh tin rằng ngày nào chưa chiến thắng, ngày đó chúng tôi còn chiến đấu.

Trong một chốc Hồ Chí Minh ngừng nói, đưa mắt chiêu dụ nhìn vào bộ mặt của Mark:

- Chính tại quê nhà anh, có những đồng bào của anh đã càng ngày càng nhận thức rõ rệt rằng Hoa Kỳ phải từ bỏ cuộc chiến tranh xâm lược kiểu thực dân mới của nó. Từ khi anh nằm trong nhà tù của chúng tôi tới nay, đồng bào của anh đã nhận ra rằng rốt cuộc, chắc chắn nhân dân Việt Nam sẽ hoàn toàn chiến thắng. Anh có thể tiếp tay thúc đẩy cho quá trình đó diễn ra nhanh hơn và hạn chế những đau khổ của bản thân anh và của những người như anh nếu anh công khai tố cáo sự điên rồ của xứ sở anh.

Phản ứng duy nhất của Mark là ngồi khòm người xuống thấp hơn trong lòng ghế. Nhưng ngay lúc đó, sự yên lặng ấy bị phá vỡ bởi tiếng cánh cửa sau lưng anh mở ra và tiếng chân dép của người lính gác thứ hai đang bước thật lẹ về phía họ. Khi tới mép bàn, anh ta đặt một túi vải nhỏ xuống ngay chính giữa vũng ánh đèn.

Trần Văn Kim bước tới, mở túi, dốc hết đồ vật bên trong ra và thận trọng bày ngay ngắn lên mặt bàn. Khi Kim rút tay về, mọi người thấy một bức thư chưa dán trong một bì thư chưa đề địa chỉ nằm kê mấy tờ giấy bạc nhàu nát, một khăn tay và một cái chân thú nhỏ xiu, phủ lông muọt mà, móc vào một sợi dây chuyền mỏng mảnh và đẹp, bằng vàng.

Kim nói thấp giọng:

- Thưa Bác, đây là những món đồ trong người thằng trung úy Sherman mà ta soát thấy khi nó bị bắt.

Chúi mình tới trước, Hồ Chí Minh cầm lá thư, chòm râu dài và bạc quét lên mặt bàn. Ông mở thư ra đọc. Xong ông nhìn thẳng vào mặt Mark:

- Vì lý do nhân đạo và để đáp ứng lời thỉnh cầu của cha anh về anh, lúc này chúng tôi sẽ cho phép gởi đi lá thư đã được anh viết cho mẹ trước khi cất cánh chuyển cuối cùng. Ít ra việc này cũng cung cấp bằng chứng cho gia đình anh biết rằng anh vẫn sống rất an lành. Tôi tin anh sẽ hoan hỉ thấy rằng đây là một nhượng bộ phát xuất từ sự tôn trọng những công tác mà thuở trước cha anh đã làm cho chúng tôi.

Hồ Chí Minh gõ nhẹ lên bì thư để làm nổi bật lời nói của mình nhưng Mark chẳng nghe thấy gì nữa. Ánh mắt anh lúc này không còn vẻ đờ đẫn như trước. Hai con mắt nhìn hau háu vào số đồ vật ít ỏi trên bàn. Cảm giác được thái

độ biến đổi của Mark, Trần Văn Kim ra hiệu cho lính gác bước lên. Nhưng khi anh ta chưa tới sát bên Mark, người Mỹ đã đột nhiên phóng mình lên khỏi ghế.

Hai bàn tay bị còng của Mark vươn như điện trên mặt bàn cho tới khi với tới món đồ nhỏ bé đầy lông. Chưa kịp kéo nó về phía mình anh đã bị lính gác lẻ làng mở khuy bao da súng lục, rút súng ra, trở ngược báng súng nện xuống mấy đốt ngón tay của anh. Cùng với cử động đó, từ đằng sau, anh ta cung tay kẹp chặt cổ Mark. Nhưng dù bị nghẹt thở, ú ớ, hai mắt lồi lên trắng dã dưới sức ép của thể khóa, người Mỹ vẫn không buông chiếc bùa ra.

- Vật gì thế?

Lớp giấy da thuộc trên mặt ông lão nhăn lại thắc mắc khi ông nóng nảy hỏi Kim bằng tiếng Việt. Kim trả lời:

- Thưa Bác, cháu nghĩ đó là cái chân thỏ. Theo biên bản thẩm vấn, thành trung úy Sherman sau cùng đã thừa nhận rằng nó lúc nào cũng đeo cái chân đó trong người, suốt các phi vụ, từ khi cất cánh cho tới khi hạ cánh. Ở bên tây, người ta tin rằng những vật như thế mang lại may mắn cho họ. Nghe vậy, gã lính gác đột ngột vung cánh tay còn lại chụp bàn tay Mark, cạy bật các ngón tay của anh ra rồi vặn ngược bàn tay anh lại, vô lấy chiếc chân thỏ. Nhếch mép cười thắng lợi, anh ta ném chân thỏ lên mặt

bàn. Nhưng dù hai tay bị còng chặt, Mark vẫn quấy lộn như điên, vùng được người ra. Thêm lần nữa anh lao mình lên mặt bàn, cố sức chụp lại chiếc chân thỏ. Nhưng người lính gác thứ hai đang đứng nơi cửa phòng lật đật chạy tới, nhảy lên người Mark. Phải lựa thế lắm hai bộ đội người Việt mới vật được người Mỹ xuống sàn nhà, vừa khóa anh nằm không cựa cựa vừa thở hổn hển.

Trong một lúc Hồ chủ tịch đứng lặng yên quan sát, mắt lim dim nhìn xuống cả ba con người ta nằm yên quẩn lấy nhau như trong một sỏi vật. Kế đó ông quay sang Kim:

- Tình hình cải tạo của trung úy Sherman như thế nào?

Kim nghiêng mình ghé sát tai ông:

- Thưa Bác, nó là thằng ngoan cố nhất trong tất cả những thằng Mỹ ta bắt được. Suốt chín tháng nay, nó có thể chống lại hết thầy các kỹ thuật thuyết phục của ta. Từ lúc bị ta bắt tới nay, nó bị biệt giam liên tục. Suốt ba tháng vừa qua, kể từ lúc Bác nhận được thư của cha nó, ta phải đưa nó vào chế độ canh giữ sát nút hăm bốn trên hăm bốn giờ để đề phòng nó tự sát.

- Và chính xác, chú Kim này, chú dự tính xử lý nó ra sao? Cho tới lúc này chú chỉ mới nói với bác là chú nghĩ ta có thể sử dụng nó như một công cụ đặc biệt.

- Châu nghĩ, có lẽ cách khôn ngoan là ta

ban phát lòng nhân đạo có kèm theo mục đích tuyên truyền.

Dưới sàn nhà, Mark vẫn gào la khản giọng trong thế kẹp cứng của hai lính gác rành võ thuật. Ngừng một chút Kim nói tiếp, vẫn nhỏ nhẹ:

- Thưa Bác, vào đúng lúc, thế thôi. Sáu tháng nữa chúng ta có thể thả hắn ra – nhưng trong khoảng thời gian từ đây tới đó, Bác cho phép cháu được tự mình giám sát cách riêng việc giam giữ nó. Cháu đã nghiên cứu tỉ mỉ trường hợp của nó. Cháu tin rằng nếu ta xử lý nó đúng cách, nó sẽ cho thấy nó là vốn liếng cực quý cho những người Mỹ đang vận động chấm dứt chiến tranh.

Ông lão Việt Nam gật đầu và thở phào:

- Đồng chí Kim ạ, chú nổi tiếng thiên tài trong vấn đề này nên bác không tranh luận với chú. Cứ theo ý chú mà làm y như thế.

Kim mỉm cười biết ơn rồi ra hiệu hai lính gác lôi Mark đứng lên. Thêm lần nữa anh nghiêng mình sát vai ông lão, thì thầm vào tai ông. Hồ chủ tịch gật đầu, quay lại bàn cầm chiếc chân thỏ lên. Trong vài giây ông chiếu cặp mắt sắc sảo của mình vào bộ mặt của Mark đang nghiến chặt răng. Rồi tay ông uốn nắn kiểm tra chiếc chân thỏ hai ba lần trước khi gật đầu ra hiệu cho lính gác buông Mark ra. Khi cả ba lùi lại, mắt ông lão không còn bùng bùng mà miệng tùm tùm cười. Ông cầm chiếc búa, dịu dàng đưa về phía người Mỹ.

Đăm đăm nhìn Hồ Chí Minh một hồi lâu, mặt Mark căng thẳng phân vân, rồi anh ngập ngừng bước tới. Sau khi đưa mắt nghi kỵ nhìn bộ mặt nhăn nheo ấy lần cuối, Mark giật lẹ chiếc chân thỏ và áp chặt nó giữa hai bàn tay bị còng. Ông lão tiếp tục mỉm cười với Mark thêm vài ba giây, như một người bác thân yêu ngấm nghĩa đứa cháu ruột rất thương mến của mình. Rồi nụ cười ấy đột ngột tắt ngúm và Hồ Chí Minh đưa tay khoát lui ra. Xong ông về lại ghế, lập tức vui đầu bận rộn với đồng hồ sơ giấy tờ như thể lúc này, trong phòng chỉ có một mình ông.

Trên đường giải tới xà lim mới dành đặc biệt cho mình tại Hỏa Lò, trung tâm giam giữ phạm nhân của Sở Liêm Phóng thời Pháp thuộc ngay giữa thủ đô Hà Nội, bàn tay túm chặt chân thỏ của Mark cứ co giật liên tục trong bóng tối nơi băng ghế sau của chiếc Tatra. Mặt của Mark khi dần ra khi rúm lại theo cử động các ngón tay hết bóp lại nơi của mình. Đôi khi anh đâm chiếc chân thỏ vào cườm tay, mạnh tới độ mấy vuốt thỏ nhỏ bé cào anh rướm máu.

Cuối cùng, khi bị bỏ lại một mình trong bóng tối đen như mực của xà lim biệt giam dùng để trừng trị tù nhân phạm kỷ luật, Mark ngồi xồm trên sàn xi-măng. Chúi đầu kẹp giữa hai đầu gối, anh thu mình lại như thai nhi nằm trong bụng mẹ. Miệng anh mút mũi chân thỏ phủ đầy lông như thể đó là một núm vú giả cho trẻ con ngậm.

Không để ý tới lũ chuột đang chạy riu rít, được giám thị cố ý thả vào qua một lỗ nhỏ dưới sàn, Mark ngồi nhún nhún người, cúi tới giữa lui như thế trong một hồi lâu. Anh thì thầm rên rĩ với chính mình, cho tới sau cùng, anh buông mình ngã xuống trong giấc ngủ mê mết.

- 3 -

Cách Hà Nội một ngàn bảy trăm cây số ở phương nam, trong khi đứa con trai thứ của mình mệt lã ngã người ngủ chập chờn trong một xà-lim tối tẻ, Joseph Sherman bước đi trên những con đường đầy bóng tối của Sài Gòn và cố giữ cho con mắt tâm trí đừng ngó thấy những bóng ma quá khứ đang như ẩn như hiện, ám ảnh từng góc đường.

Đã mười hai năm, đây là lần thứ nhất Joseph quay lại thủ đô của Miền Nam. Tiếng gầm rú không ngớt và tình trạng hỗn độn cực độ do các nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ khiến Sài Gòn thay đổi tới độ gần như không còn có thể nhận ra. Nhưng mắt anh chẳng cảm thấy xốn xang chút nào khi nhìn hoạt cảnh đó vì lòng đang bồi hồi xúc động theo những hoài tưởng quá khứ, sau một quãng thời gian xa cách quá dài và nay mới được đặt chân trở lại.

Bước sóng đôi trên vỉa hè đường Công Lý bên cạnh dáng người nhỏ thó của Trần Văn Tâm, Joseph gần như không thấy vẻ ngoài Dinh Độc

Lập rất hiện đại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nổi bật đằng sau những tấm lưới chống hỏa tiễn B-40 giăng quanh khuôn viên. Thêm vào đó, trên quãng đường trước mặt dinh, lính phòng vệ đặt rào gỗ ngăn không cho các loại xe có động cơ và trên ba bánh qua lại, khiến nó có vẻ cô lập và đáng sợ.

Nhưng khi nhìn xuyên qua những lỗ lưới mắt cáo, thấy các bãi cỏ rộng mênh mông và đầy bóng tối được các chuyên gia thiết kế vườn bố trí quanh cái dinh thự vĩ đại, nguyên thủy là của Toàn quyền Đông Dương thuộc Pháp, Joseph lại liên tưởng tới một cậu bé mười lăm tuổi thuở nào. Đêm ấy, ngưng nghịu trong bộ lễ phục dạ hội trắng tinh mặc lần đầu trong đời, cậu đã lao như điên qua sân thêm cảm thạch nơi dinh thống đốc Nam kỳ ngày trước, nay là dinh Tối cao Pháp viện, cách nơi này ba trăm thước, hòng cứu chiếc độc bình Trung Hoa vô giá sắp bị rơi vỡ bởi một chú khỉ con chui tuột vào đó.

Joseph cũng thấy hiện lên trong tâm trí cảnh vị sứ thần nam triều tại Sài Gòn, mặt tuy điểm đậm nhưng lòng thường bứt rứt, thân phụ của người lúc này đi bên anh, kinh hoàng đứng trên thềm cao của dinh thự ấy khi anh ló mình ra với con vật đang vùng vẫy vì bị ôm chặt vào chiếc áo dạ hội rách bướm của anh. Và cũng từ chốn sâu thẳm tận đáy tâm thức của Joseph chợt

hiện lên nét thơ ngây tới độ bí nhiệm và vẻ rạng rỡ trên khuôn mặt mười tuổi của đứa con gái vị quan kia khi cô bé tròn xoe mắt, nhìn cậu bé ngoại quốc xa lạ vừa cứu cho con vật yêu quý của mình thoát án chết.

Liếc Trần Văn Tâm thật lạ, Joseph tự hỏi không biết người Việt Nam này có cảm nhận được tâm trí anh đang tràn ngập những hoài cảm chất ngất ấy không. Mắt Tâm mãi miết nhìn theo một đoàn xe GMC của quân đội VNCH âm âm lẫn bánh trên đường Pasteur. Đôi môi làm thành cái miệng nhỏ như con gái của anh ta chu lại tỏ vẻ gớm ghiếc khi ở đằng xa, đoàn xe tải đó vừa chạy vừa bóp còi inh ỏi và phun khói mù mịt làm cả một quãng đường bị khuất lấp trong vùng khói xám dày đặc.

Không ai bảo ai, cả hai cùng rẽ qua đường Tabert cũ, đi về hướng Cầu lạc bộ Thể thao ở một góc vườn Tao Đàn, nơi chiều nay Joseph vừa khám phá khách lui tới thời nay gồm các chủ đồn điền người Pháp mặt mày khinh khỉnh, các viên chức người Mỹ nói cười huyền ảo và các thương gia người Việt lẫn người Hoa Chợ Lớn rất nhũn nhặn, cùng nhau quần tụ thành một xã hội hỗn tạp và chỏi nghịch. Dù không còn chút dấu vết nào của sự độc quyền thuở trước dành cho các tây thực dân quyền cao chức trọng nhưng ngay lúc hai cổng vào hai đầu Cầu lạc bộ xuất hiện trong tầm mắt của

Joseph, hình ảnh thơ mộng với chiếc xe thổ mộ nhỏ nhắn năm nào, khi anh đưa Lan về nhà nàng sau trận chung kết quần vợt, lại lọc cọc lăn bánh trong tâm tư Joseph khiến anh cảm thấy ruột mình đau thắt và buồn thấm thía.

Dù chỉ mới quay lại Sài Gòn có ba ngày nhưng ngay trước khi máy bay chạm bánh lên phi đạo Tân Sơn Nhứt, những hình ảnh xa xưa ấy đã bắt đầu sống động trở lại trong tâm trí Joseph. Suốt hai mươi bốn giờ phi hành từ Washington, Joseph hầu như không phút nào chợp mắt. Khi chiếc máy bay Boeing của hãng Hàng không Pan Am bắt đầu lướt thật dài và thật êm qua một ngã ba sông của dòng Cửu Long chín nhánh xoè ra như những đường gân lấp lánh bạc của một bàn tay, anh bắt gặp xa xa và thấp thoáng hai đỉnh tháp sóng đôi của Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn. Lập tức, Joseph nhớ lại hai cột mốc dẫn đường hải hành ấy đã, hơn bốn mươi năm trước, huyền ảo như hai tai thỏ giấu mình rồi trôi lên hụp xuống khắp bốn hướng rừng khi con tàu Avignon chầm chậm uốn mình chạy theo dòng sông Lòng Tảo ngoằn ngoèo.

Tuy thế, khi đặt chân xuống mặt đất, Joseph thấy Sài Gòn nay chỉ còn lưu giữ vài ba dấu tích ngày cũ. Thành phố vẫn còn nguyên không khí ẩm ướt quen thuộc khiến con người như ngày ngày sốt, nhưng ngày nay, khói xăng ngọt ngọt dường như lúc nào cũng làm cho cổ họng nghèn

ngheť. Chuyển đi từ phi trường Tân Sơn Nhứt tới khách sạn Continental Palace đã hoá thành một cơn ác mộng vì xe phải chạy qua những ngã tư ngã ba kẹt cứng người đi xe và ðủ thứ tiếng động, ðủ loại khói xe.

Vẫn tồn tại những chiếc xích-lô với các phu ðạp xe người Việt gầy guộc không kém các cu li kéo xe tay thời thuộc ðịa. Còn luôn cả những chiếc tắc-xi Renault nhỏ bé sơn xanh với trắng cùng một ít xe Citroën và Peugeot xộc xệch, tài sản của những tây thực dân người Pháp thuở nào. Nhưng lúc này, những chiếc xe hơi nhỏ bé ấy bị khuất lấp bởi từng ðoàn xe tải to lớn, dài thườn thượt, kéo rơ-móc của quân ðội chạy ðề lên chiếc bóng của hàng trăm xe hơi nhỏ Chevrolet, Pontiac và Mercury của viên chức các cơ sở ngoại giao nhiều nước và các phái bộ Hoa Kỳ.

Các thanh niên thiếu nữ người Việt trên những chiếc Lambretta và Honda máy nổ ròn rã, len lỏi lách mình, khi rúc vào khi lạng ra khỏi ðám xe cộ hỗn tạp. Và Joseph cảm thấy khoan khoái vì vẫn còn nhiều thiếu nữ mặc chiếc áo dài tha thướt và ðầy quyến rũ. Thậm chí một số cô còn che mặt bằng khăn lụa để tránh hít phải khói xe ngột ngạt. Tà áo họ trôi nổi bồng bềnh giữa những dòng xe cộ ngược xuôi với vóc dáng mảnh mai muợt mà từng làm cậu bé Joseph mười lăm tuổi như say như ngáy khi lần ðầu tiên ghé lại Sài Gòn bốn mươi hai năm trước.

Rồi chẳng bao lâu, Joseph lại khám phá ra rằng cái tắt bật hối hả thời chiến đã làm biến mất giấc ngủ trưa của Sài Gòn. Ngay cả sự thỉnh lặng trong quãng thời gian giới nghiêm dài bốn giờ, bắt đầu từ nửa đêm, cũng bị lấy mất bởi những đoàn xe tải quân đội gầm rú, chạy ào ào và bất tận, qua những đường phố không một bóng người.

Tới mười hai giờ trưa, một số chủ tiệm vẫn kéo cửa sắt xuống trong khoảng một hai giờ nhưng những quán rượu đèn nê-ong sặc sỡ, các ki-ốt bán đồ lưu niệm loè loẹt rẻ tiền mọc lên dọc hai bên đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi và Tự Do vẫn mở cửa để phục vụ những tốp lính Thủy quân Lục chiến được nghỉ phép, đi đông nghẹt các đường phố vốn ngọt ngào sẵn vì xe cộ. Khắp nơi mọc lên những chung cư xây cất kém chất lượng để đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho số lượng người nước ngoài đang gia tăng hơn bao giờ hết. Joseph nản lòng khi thấy chúng dường như sẽ tẩy xóa hoàn toàn vẻ thanh lịch đang ngày càng mất dần của một thành đô Sài Gòn thời thuộc địa Pháp.

Nhưng sau cùng, Joseph cũng cảm thấy khuây khoả phần nào khi thấy ra mình được cấp nguyên một biệt thự cũ xây từ thời thực dân, bên đường Duy Tân, vì anh tới đây lần này là để giữ một chức vụ chính quyền. Sau khi suy đi nghĩ lại nhiều lần, anh chấp nhận làm cố

vấn cao cấp cho JUSPAO – Joint United States Public Affairs Office: Cơ quan phối hợp các hoạt động dân sự của Hoa Kỳ, được chính thức dịch ra tiếng Việt là Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ. Cũng ngay tại biệt thự ấy, Joseph vừa mời Trần Văn Tâm dùng cơm tối do một đầu bếp người Việt đứng tuổi, cơ hữu của biệt thự, phụ trách việc nấu nướng và dọn bàn. Mặc dù cả hai đã quen biết nhau mấy chục năm và Joseph từng có thời đi lại thân mật với Tâm cùng gia đình của anh ta nhưng gần như suốt buổi tối, viên chức cao cấp Việt Nam ấy vẫn đối đáp rất dè dặt và thường tìm cách tránh né.

Vẫn nụ cười khúc khích che đậy vẻ bối rối khi Tâm bị hỏi về những đất đai mệnh mông anh ta thừa hưởng ở đồng bằng sông Cửu Long. Và ngay lúc đó, Joseph bỗng nhận ra rằng sự kiện Tâm vẫn được hưởng đặc quyền đặc lợi của một đại gia sau nhiều năm người Mỹ gây sức ép nhằm có một loại cải cách điền địa sâu rộng nào đó đã khiến trong thái độ của anh ta có thêm một khía cạnh thù thế mới cho bản thân.

Tâm hiện là phụ tá bộ trưởng thông tin trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu. Và Joseph suy ra rằng chính địa vị đó, với sự xuất hiện ít ỏi trước công chúng và vì thế ít chịu nguy cơ về chính trị, đã và đang tự nó cung cấp cho anh ta những hiểu biết sâu xa về các cơ hội đầu cơ trực lợi

trong một nền kinh tế thời chiến đang phất lên và bị tham nhũng lèo lái của Nam Việt Nam.

Bị Joseph thúc giục, Tâm thừa nhận, kèm thêm một nụ cười khúc khích bối rối nữa, rằng hiện nay anh ta có nhiều đầu tư kinh doanh khác nhau “trong mấy thứ đại khái như bất động sản, ngành xây dựng và các đại lý nhập cảng”. Mặc dù tiết lộ như thế, thái độ của Tâm vẫn giữ kẽ, như thể anh ta biết chắc chắn rằng không sớm thì muộn thế nào cũng sẽ có ngày và có người đặt ra cho mình một câu hỏi khó chịu nhất.

Thế nhưng câu hỏi đang được Joseph canh cánh và rất thèm đặt ra cho Tâm lại chẳng liên quan chút nào tới việc kinh doanh và kinh nghiệm quan lại của gia tộc cùng lợi thế chính trị hiện nay của Tâm. Anh dần lòng cho đến khi cả hai nhấp ly rượu mùi Pháp trên thềm nhà và hít vào thật sâu hương đêm đậm đà trong khu vườn đầy bóng tối quanh biệt thự. Lúc đó, người Mỹ mệt lã với các câu hỏi về nội các mới, hiến pháp vừa được ban hành, quan điểm của Tâm về chương trình bình định... và tới lượt người Việt Nam nhiệt liệt khen ngợi Joseph về món chả giò của bác đầu bếp cùng mùi vị tinh khiết của rượu Pháp anh ta vừa được thiết đãi.

Rồi Joseph cũng tìm cách đặt được câu hỏi đó. Khi nghe nhắc đến tên Tuyết, Tâm lại rơi vào im lặng, lâu tới độ Joseph có cảm tưởng anh

ta không muốn đề cập đến vấn đề đó. Sau cùng, Tâm trả lời. Không ngờ Joseph, mắt chỉ nhìn chăm chú vào bóng tối trong vườn. Và dù làm như thế, anh ta vẫn để lộ vẻ bối rối trong cung giọng. Ếm hơi thở, Tâm nói rất nhẹ:

- Tôi không biết cụ thể hơn những gì tôi từng kể với anh hồi năm 1956. Giản dị là con gái của anh biến mất – gần như không để lại dấu vết nào.

Joseph hỏi lại với giọng nói không giấu nổi chút hy vọng le lói:

- Anh nói “gần như”, vậy có nghĩa kể từ lúc đó, anh có đôi chút tin tức về nó?

Người Việt Nam lại rơi vào im lặng và ngồi trầm ngâm như suy tính. Joseph mừng tượng thấy trán anh ta cau lại:

- Vài tin tức cụ thể và rất nhiều lời đồn không thể kiểm chứng. Và vì Tuyết đã quyết định triệt để trung thành với phía bên kia nên xin anh biết cho rằng cả nhà chúng tôi không bao giờ có ý định dò hỏi tới nơi tới chốn. Sau khi nó bỏ nhà ra đi, chúng tôi nghe tin nó lập gia đình với một thanh niên cha Hoa mẹ Việt, được biết tới dưới cái tên Triệu Hùng Lương. Rồi sáu bảy năm sau, thằng đó chết.

- Tại sao chết?

- Bên Trung ương Tỉnh báo có cho người sang gặp tôi để lấy thêm thông tin. Họ cho tôi biết rằng Triệu Hùng Lương trước năm 1954 là

biệt động thành của Việt Minh. Sáu năm sau, nó bị bắt vì tình nghi hai mang, vừa là Việt Cộng vừa có liên hệ với một nhóm Mao-ít đang âm mưu ám sát Thái cực Quyền sư Triệu Trúc Khê, Đường chủ Tinh Võ Đường Chợ Lớn. Thằng ấy chết trong lúc bị thẩm vấn. Dù gì đi nữa, tên của vợ hắn là Tuyết, cháu gọi tôi bằng cậu ruột. Họ nói khi tới nhận diện xác chồng, cô ta chỉ mặt nhân viên an ninh và thề sẽ trả thù cho cái chết của chồng. Tuần lễ sau, cô ta biến mất, hình như gia nhập biệt đội ám sát của Việt Cộng. Mấy tháng sau, có vài phần tử trong cơ quan an ninh của họ bị ám sát và họ tình nghi thủ phạm là Tuyết. Tôi chỉ trả lời là chúng tôi đã mất liên lạc với nó từ lâu.

Joseph bấu chặt mép bàn, rướn người tới:

- Rồi sau đó anh có biết thêm tung tích của nó không?

Nhìn xuống các móng tay mình, Tâm thở hắt:

- Từ đó, chỉ toàn là lời đồn. Nghe nói cũng chính cô gái ám sát mật thám ấy về sau trở thành một trung đội trưởng chủ lực quân nổi tiếng ở miệt dưới. Cô ta lấy danh xưng là “Tuyết Lương”, để tưởng nhớ chồng mình.

Joseph nhảy nhồm trên ghế, kinh hãi ngó người Việt Nam:

- Tôi không tin có chuyện đó!

Tâm vội vàng nói thêm:

- Thì tôi đã nói là không có đủ bằng chứng để khẳng định rằng cô “Tuyết Lương” ấy chính là con gái của anh. Đó mới chỉ là tin đồn thôi. Nói cho cùng, tại Việt Nam, “Tuyết” không phải là cái tên hiếm thấy. Nhưng cũng có dư luận nói “Tuyết Lương” là con lai.

Joseph dựa ngửa ra lưng ghế, im lặng choáng váng. Trí óc anh mù mẫm theo những ngụ ý trong lời Tâm vừa nói. Rồi anh đứng lên và bắt đầu đi tới đi lui trên thảm nhà:

- Anh Tâm này, anh nghe lời đồn đó vào lúc nào vậy?

- Vào đầu những năm sáu mươi.

- Rồi kể từ lúc đó, anh có nghe thêm gì về “Tuyết Lương” nữa không?

Tâm lắc đầu:

- Dường như cô ta đột ngột biến mất khỏi chiến trường đồng bằng sông Cửu Long vào khoảng giữa năm 1963.

Joseph thất kinh nhìn chằm chặp người Việt Nam:

- Vậy có thể nó bị người ta giết rồi!

Né ánh mắt của Joseph, Tâm trả lời nhẹ nhàng:

- Dĩ nhiên là có thể. Nhưng như tôi vừa nói, gia đình của tôi không để tâm tới chuyện dò hỏi tới nơi tới chốn. Có thể lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng đã bố trí cho nó một công tác nào đó ít có sức mê hoặc ít có vẻ cá nhân chủ nghĩa.

Anh cũng biết, Cộng Sản đòi hỏi sự chấp hành mệnh lệnh và tinh thần kỷ luật trên tất cả mọi thứ khác. Một phụ nữ trẻ tuổi xinh đẹp mang bên hông khẩu súng lục của Mỹ và lang thang khắp nơi chỉ vì trả thù rửa hận mà thôi thì trông y hệt một tay cao bồi miền Viễn Tây Hoa Kỳ, không thích hợp chút nào với kiểu mẫu đấu tranh trong khuôn khổ kỷ luật của Cộng Sản. Cũng có thể vì cô ta quá nổi tiếng; đảng phải hóa giải hoặc khai thác danh tiếng dùng sĩ đó theo kiểu có lợi hơn nữa.

Joseph ngừng bước, rót rượu đầy hai ly. Trong một hồi lâu hai người ngồi im nhấp rượu. Rồi thêm lần nữa Joseph quay sang Tâm, mặt bần khoản và trầm ngâm:

- Anh có nghĩ rằng biết đâu Tuyết Lương có thể được phái ra Đà Nẵng với nhiệm vụ tình báo nào đó?

- Anh có ý nói để do thám các phi công Mỹ khi họ ra phố, phải vậy không?

Joseph nòn nao gật đầu:

- Đúng vậy!

- Cũng có thể. Tại sao anh hỏi như vậy?

- Vì Mark, đứa con trai thứ hai của tôi, gia nhập không quân và đóng ở Đà Nẵng cho tới ngày nó mất tích tại Miền Bắc trong một phi vụ oanh tạc hai năm trước đây. Chúng tôi không biết sau khi máy bay rơi nó còn sống hay không nhưng trong lá thư sau cùng gởi cho mẹ, nó

có nhắc tới một cô gái Việt Nam lai tây sống ở thành phố đó mà nó nghe người ta gọi tên là “Tuyết”. Không có gì rõ ràng trong lá thư đó, nhưng hình như “Tuyết”, dù cô ta làm cái gì đi nữa, cũng có biết tới tên của Mark. Qua một cô gái khác, cô ta nhờ chuyển cho Mark một lời nhắn mơ hồ về “cha của cô ta đang ở bên Mỹ”. Mark viết điều ấy một cách rất tình cờ và rõ ràng nó chẳng hiểu chút gì về chuyện đó.

- Mark có biết nó có một người chị cùng cha khác mẹ không?

Joseph lắc đầu thật lẹ và quay nhìn chỗ khác:

- Không. Tôi không kể cho đứa con trai nào của mình nghe về Tuyết. Tôi vô cùng ân hận là kể từ khi chúng nó khôn lớn, tôi rất ít liên lạc với cả hai.

- Vậy anh ra Đà Nẵng chưa?

Joseph gật đầu:

- Tôi có bay ra đó, gần như ngay sau khi vừa đặt chân xuống Sài Gòn.

- Anh có tìm được điều gì không?

Joseph thở ra chậm chậm:

- Không – hoàn toàn chẳng có gì. Tôi không tìm được dấu vết nào của cô gái đó. Nhưng hôm đó, tôi chưa có được đôi ba thông tin cụ thể về nó như lúc này.

Một nụ cười thiện cảm và có phần nào phiền muộn chợt xuất hiện trên mặt Tâm:

- Nếu “Tuyết Lương” là con gái của anh thì

Joseph ạ, hẳn anh rất đau lòng khi nghĩ nó đang đứng về phía đối nghịch. Nhưng có lẽ cái đó giúp anh hiểu rõ thêm phần nào xứ sở bất hạnh của chúng tôi. Lúc này, chúng ta đang có chung một điều, là trong cuộc chiến tranh kinh hoàng này, cả hai chúng ta đều cùng có người ruột thịt của mình đang ở phía bên kia và đang đánh nhau với chúng ta.

Joseph nói trầm giọng:

- Tôi xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ tới mình mà quên mất người em Trần Văn Kim của anh.

- Anh không nhất thiết phải xin lỗi. Họa hiem lắm mới có một người Mỹ thấy mình đang ở trong hoàn cảnh giống như của anh, nhưng đối với người Việt chúng tôi thì chuyện xảy ra như vậy là bình thường.

Joseph trả lời đờ ỉn:

- Cách đây trăm năm, chúng tôi có một cuộc Nội Chiến Nam Bắc vì thế chúng tôi nghĩ mình có thể hiểu rất rõ tình cảnh anh em thù nghịch nhau, bắn giết nhau. Mấy chục năm nay anh có liên lạc gì với Kim không?

Tâm nhún vai và thêm lần nữa quay mặt:

- Một phần tử chớp bu trong Bộ Chính Trị tại Hà Nội thì liên lạc gì bây giờ với một phụ tá bộ trưởng nhỏ bé của “chính quyền ngụy” ở Sài Gòn?

- Nhưng cũng thường xảy ra nhiều trường hợp du kích Việt Cộng lên về nhà ăn Tết với gia đình dù họ ở bên kia chiến tuyến.

- Chuyện đó chỉ có thể xảy ra đối với cán bộ địa phương cấp thấp thôi. Còn đối với chủ em của tôi, kẻ xem việc lãnh đạo cách mạng là quan trọng hơn mọi thứ trên đời, thì chẳng biết phải “cống hiến” thêm bao nhiêu nữa mới đủ. Vào ngày nó làm mất danh dự của thân phụ tôi, tôi đã thề không bao giờ nói chuyện với nó nữa. Nay cũng thế, cho tới khi nó gập đầu gối xuống trước bàn thờ cha tôi mà năn nỉ xin tha thứ.

Nói tới đây, Tâm cất tiếng cười cay đắng và buồn bã:

- Liệu anh có thể tưởng tượng rằng giờ đây, sau tất cả những xương máu đã đổ ra ngân ấy, Kim tới quì xuống trước mặt tôi ngay tại Sài Gòn này không? Mẹ tôi sống với trái tim tan nát và bần bật nín lặng trong rất nhiều năm cho tới khi bà qua đời. Kể từ ngày Kim sỉ nhục thậm tệ cha tôi và tất cả ông bà tổ tiên nội ngoại của chúng tôi cho đến ngày cuối cùng trong đời mẹ tôi, bà chẳng bao giờ còn biết hạnh phúc là gì.

Tâm lại nhún vai như một cử chỉ bất lực:

- Nhưng cho dù có quá nhiều cái chia rẽ chúng tôi, cho dù Kim là Cộng Sản, thì dù gì đi nữa, chú ấy vẫn là em ruột của tôi. Không ai có thể tự mình tự cắt ruột mình.

- Đúng. Và Tuyết, cho dù nó ở bất cứ nơi nào và đang làm điều gì đi nữa, nó vẫn là con gái của tôi.

Joseph nói như thế với giọng cam đành. Tiếp

đó, cả hai lại ngồi im tránh nhìn nhau. Để người lòng phiền muộn, Joseph sau cùng đề nghị cả hai đi dạo dưới trời đêm, qua những đường phố đô thành. Họ đi bên nhau nhưng mỗi người có một cõi riêng. Mỗi người bị vây kín với những ý nghĩ riêng tư. Và chậm chậm, trong vườn lòng khô héo của họ từ từ lại trỗi lên một tình cảm thiết thân nhau.

Chợt nghĩ tới một chuyện Joseph xao xuyến hỏi Tâm về đứa con trai của Lan nay ra thế nào. Người Việt Nam râu rĩ lắc đầu nói với anh rằng cậu bé ấy từ trần chỉ vài tháng sau khi tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt. Tin này làm tâm trạng cả hai ảm đạm thêm lên, và từ phút đó, họ không còn chuyện trò với nhau nữa.

Ngay giữa trung tâm thủ đô, nhiều tốp lính Thủy quân Lục chiến Mỹ ồn ào, mặc áo hoa hòe, chân đi lều lẻo, hết vào lại ra các quán rượu. Tại công viên Quách thị Trang trước mặt chợ Bến Thành, một số người tị nạn không nhà cửa đang nâng dân số Sài Gòn tăng thật nhanh lên tới khoảng ba triệu người, mệt mỏi ngã lưng nằm xuống ngủ thêm một đêm nữa trước khi nhà ai đó hoặc trên vỉa hè.

Joseph và Tâm bất giác cất chân bước thật nhẹ để bỏ lại sau lưng những cảnh tượng chỉ thúc ép tâm trí họ nghĩ tưởng tới những gì chiến tranh đang gây ra cho một Sài Gòn từng thanh tịnh hơn và phẩm cách hơn, thành phố được cả hai

tùng biết và rất yêu mến thuở niên thiếu. Khi tới công viên trước Nhà thờ Đức Bà, Joseph và Tâm bắt tay nhau, chúc nhau thêm một đêm an lành, rồi chia tay người đi mỗi hướng.

Joseph đi về phía biệt thự cung cấp cho mình ở đường Duy Tân, nhưng chỉ mới vài bước, anh tần ngần đứng lại. Dù tối nay thật ảm đạm với Tâm, đau đớn về Tuyết và kinh hoàng trước những thay đổi của Sài Gòn hiện thời, nhưng vẫn có điều gì đó đầy quyến rũ được thành phố này cùng dân cư của nó lưu dưỡng cho anh, và lúc này điều đó vẫn tiềm ẩn lảng đãng trên các đường phố. Trong cái nóng nham nháp và ẩm ướt, Joseph chợt nhận ra mình vẫn cảm nhận có điều gì đó kỳ lạ, gần như thú vị. Đó là cảm giác xôn xao như một loại bồn chồn ray rứt đang làm ngòn ngọt cổ họng và kéo mọi giác quan anh căng ra, tới tận cùng ranh giới của hơi thở.

Sau khi đứng tần ngần một lúc, Joseph lại thấy mình cất chân đi về phía đường Catinat, hiện nay vẫn bám víu một cách không chính thức vào cái tên Pháp nguyên thủy của nó hơn là đại lộ “Tự Do”. Cố tình băng qua bên kia đường để tránh chỗ vỉa hè ngay trước sân thêm khách sạn Continental, anh rảo bước tới Công trường Lam Sơn.

Dưới chân tượng đài do Nguyễn Văn Thiệu lập nên, bên trên đặt tượng hai người lính Thủy quân Lục chiến Việt Nam khổng lồ, sẵn sàng và

đen đũi, xung phong chia súng thẳng vào Tòa nhà Quốc hội, đang tụ tập sẵn một đám người nhàn tản. Khi tới gần hơn, Joseph thấy đèn quay phim vô tuyến truyền hình rọi sáng chói lọi trên đầu những kẻ đứng xem. Một trong các nhiệm vụ Joseph sắp phải đảm trách tại JUSPAO là điều hợp cuộc họp báo hàng ngày trong một hội trường có máy lạnh ở đường Nguyễn Huệ. Thường lệ vào lúc xế chiều, tại đó có buổi thuyết trình tóm tắt tình hình chiến sự trong ngày, với sự tham dự của đội ngũ ký giả Mỹ và đám phóng viên nước ngoài càng ngày càng đua nhau đa nghi. Họ gọi một cách bêu riếu các buổi họp báo đó là “Hành động ngu xuẩn lúc năm giờ”. Và một trong các công tác chủ yếu của Joseph là tìm cách gia tăng tính thuyết phục cho diễn tiến đó.

Phát xuất từ tính hiếu kỳ nghề nghiệp và hy vọng sẽ thấy thông tin viên của một mạng lưới quan trọng nào đó thuộc hệ thống truyền hình Mỹ, Joseph bước tới gần hơn để tìm hiểu kẻ ấy phát biểu ra sao. Nhưng anh sùng sốt khi nghe giọng nữ đang nói lời tường thuật trước ống kính lại thuộc loại bị một số người Mỹ giễu là “Anh ngữ quý tộc Luân Đôn”.

Vươn cổ nhìn qua đầu những người Việt Nam đang tùm tùm ngó, Joseph thấy trong ánh sáng đèn chiếu nóng rực, một thiếu nữ dong dỏng cao. Cô ta đứng nổi bật với đôi bốt-đờ-sô, loại

giày trận của lính, và bộ đồ đi săn bốn túi nhân nhúm, bằng vải màu nhạt. Tất cả gọi cho thấy nàng và toán truyền hình vừa trải qua mấy ngày ngoài mặt trận để quay phim chiến sự.

Đằng sau máy thu hình, chuyên viên thu thanh đưa lên cao cho nàng nhìn rõ xấp bảng nhỏ ghi thời lượng và các tiêu đề vắn tắt. Joseph đoán cô phóng viên đang thu hình ảnh và lời đúc kết cho một cuốn phim vừa quay xong ở các khu vực giao tranh. Trong khi anh lắng tai nghe, một đôi lần nàng đọc trật chữ vì quá mệt và phải lặp lại lời bình luận. Nhưng nhịp điệu và cung giọng cho thấy nàng sắp chấm dứt. Joseph bước tới gần hơn khi nàng ngừng một chút cho chuyên viên quay phim thu nhỏ dần hình ảnh để kết thúc.

Nữ phóng viên nói, giọng cố ý chậm lại:

- Lần thứ nhất tôi tường thuật cuộc chiến tranh này là vào năm năm trước đây, lúc đó mới chỉ có vài ngàn cố vấn Mỹ can dự. Hiện nay, có tới hơn nửa triệu người Mỹ tham chiến tại Việt Nam. Dù các phát ngôn viên chính thức của Hoa Kỳ liên tục nói với chúng tôi rằng “hết thảy mọi phẩm định bằng số lượng” đều cho thấy Cộng Sản đang bị đánh bại, thế nhưng chiến thắng vẫn như làn khói lọt qua kẽ tay, lảng tránh và khó nắm bắt.

Nàng dừng lại một chút để làm nổi bật lời kết luận ấy, rồi nói thêm theo thông lệ:

- Đây là Naomi Boyce-Lewis, tường thuật từ Sài Gòn.

Joseph chăm chăm nhìn bộ mặt sáng rõ và chói lọi của nữ phóng viên người Anh khi chuyên viên thu hình giữ ống kính cố định một chỗ để lấy thêm vài đoạn phim cuối cho các chuyên viên ráp nối ở Luân Đôn. Trong vài giây ấy, anh cố lặn lội trí óc mình nhưng không thể nhớ ra cái họ nghe có vẻ quen thuộc ấy. Kể đó, đúng khoảnh khắc máy thu hình ngừng quay và đèn đóm tắt lịm, trí nhớ của Joseph bỗng loé sáng. Đám đông người Việt vừa im lặng đứng quan sát cuộc thu hình nay miễn cưỡng tản đi. Và ngay lúc ấy, Joseph lách vào, bước tới chân tượng đài nơi nàng đang cúi húi giúp các nhân viên trong toán thu dọn máy móc.

Joseph nói, giọng thật thấp:

- Lời đúc kết của cô vào điểm cao nhất của phim khiến ai cũng phải lắng nghe, cô Boyce-Lewis ạ. Không biết cô có chút liên hệ nào với Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis từng ở đây với Quân đội Anh hồi cuối Thế Chiến Hai không?

Nghe tiếng nói của Joseph, Naomi quay lại, giật mình nhìn lên:

- Có phải ông có ý nói tới thân phụ tôi...

Người Mỹ cười thật tươi, chìa bàn tay:

- Hẳn đúng như vậy. Tôi là Joseph Sherman. Thưa, Ngài Harold có mạnh khỏe không ạ?

- Cha tôi bị hạ sát ở đây hồi năm 1945, ông Sherman ạ.

Naomi trả lời với giọng nhỏ nhẹ rồi khi nhìn Joseph chăm chú hơn, mắt nàng chột sáng lên về quan tâm:

- Nhưng nếu ông biết rõ về cha tôi thì thật thú vị cho tôi được trò chuyện với ông vào một lúc nào đó.

- 4 -

Tiếng gầm gừ của đám đông dân chúng Hà Nội dội vang rền vào tai Mark Sherman nghe như thể tiếng gào thét của những linh hồn bị đọa đày chốn địa ngục. Hàng hàng lớp lớp đàn ông đàn bà và trẻ em vây kín Mark. Nước bọt họ nhổ lên người anh như mưa. Tay họ đập anh chân họ đá anh. Tóc trên đầu anh bị họ bứt từng nắm. Trong cơn điên dại, không biết bao nhiêu lần họ túm lấy Mark, lôi anh xuống đất, đá vào mặt, đập lên người, làm anh nằm bẹp dí trên mặt đường nhựa lờm chờm đá giẫm. Mark vừa gượng đứng lên chưa vững đã bị họ khoèo chân, xô tới đẩy lui, kéo giật anh quay mòng mòng giống như anh là con thú đang chạy trốn.

Trên đầu đám đông sùng sục thịnh nộ ấy, những ống kính đen ngòm hung ác của các máy quay phim vô tuyến đang thu hình cơn thống khổ lồ lộ của năm mươi phi công Không quân và Hải quân Hoa Kỳ đang lóng ngóng giữa một biển người. Những ống kính trông có vẻ đang căng thật thẳng, kéo ra dài ngoằng, và rồi chính

chúng cũng tiếp tay hành hạ các phi công bằng dao đâm, tay thụi chân đạp, rất dữ dằn, rất ác liệt, cho tới khi các phi công ngã quỵ, bò lăn bò lóc trên mặt đường. Đằng sau các ống kính ấy là chuyên viên thu hình người Nga và Đông Âu to lớn, người Trung Hoa mắt ti hí và Việt Nam mắt xếch, tay quay phim, mặt khoái chí, mắt liếc đều càng và miệng cười nham nhở. Về mặt họ giãn ra và vận vẹo, môi mép há hốc, mở toang hoác, cho tới khi chính họ cũng hiệp đoàn và gào rú man dại theo đám đông dân chúng.

- Khẩu đầu, Sherman! Đồ khốn nạn! Khẩu cái đầu cút đái của mày xuống mà chịu khổ chịu nhục! Mày, đồ giặc Mỹ ác ôn! Địt mẹ bố tiên sư mày!

Giọng nói của lũ cai tù đang nháy cà tung bên thân thể tù nhân vang lên thùng tai long óc qua chiếc loa phóng thanh di động họ cầm trên tay, kê sát lỗ miệng. Những tiếng lóng Mỹ mà họ dùng để rửa sả nghe trật lất vì lối phát âm như bắt chước tập nói tiếng Anh của họ. Nhưng hễ mỗi lần nghe xướng tên một người Mỹ, đám đông lại lập tức hè nhau lạnh lạnh hô khẩu hiệu. Cuộc gào thét lệ làng bốc lên tới cực điểm. Rồi Mark cảm thấy một mũi lê nhọn hoắt rạch vô lưng mình, cùng lúc ấy, báng súng của một gã cai tù khác động vô bụng dưới, buộc anh phải đau đớn gập người xuống, làm theo những tiếng hò hét đang cất lên:

- Khẩu đầu, Sherman! Khẩu đầu! Cúi cái đầu chó đẻ của mày xuống! Giết sạch bọn giặc lái đế quốc Mỹ! Treo cổ cả bọn chúng nó vì những tội ác dã man chúng nó gây ra cho nhân dân Việt Nam anh hùng! Đả đảo đế quốc Mỹ!

Một ngọn lửa buốt và rát đốt giữa hai bắp vế Mark, cháy tới khô háng, khi anh thêm lần nữa cúi nhúi dưới những bàn chân dồn dập xô đẩy nhau. Anh lê người đứng dậy chỉ vì bạn tù thúc giục đứng lên, bằng không chắc hẳn anh cứ nằm yên dưới đất cho tới khi người ta đá anh chết lịm. Thoạt đầu, lớp lớp đám đông biển người ấy đứng có hàng ngũ trên các khán đài được đặc biệt dựng lên ở hai bên vệ đường. Họ im lặng quan sát. Miệng họ há hốc và mắt nhìn chăm chập các tù binh Mỹ còn đang ngơ ngác vì bị lửa xuống khỏi chiếc xe tải vừa chở tới đây, từ nhà giam Hoả Lò ở trung tâm Hà Nội. Tù binh bị còng từng cặp với nhau và khi người ta chưa kịp tháo khăn bịt mắt của họ ra, đã có tiếng gầm gừ cất lên. Rồi đám đông bắt đầu ủa qua băng ghế, ào ào tràn xuống. Cai tù thét lớn trong loa phóng thanh, xách động cho quần chúng nổi cơn mê loạn theo một phương án có tiên liệu kỹ lưỡng. Sau đó, họ đẩy các tù nhân vào nanh vuốt của đám đông. Và gần như lập tức, tiếng gào thét nổi lên như điên như dại:

- Johnson là thằng giết người! Rusk là thằng giết người! McNamara là thằng đồ tể tàn sát đàn bà trẻ con! Chúng mày là quân khốn nạn!

Tiếng gào rú chất ngất cầm thù đỏ vang dội trong tai Mark làm anh có cảm tưởng mình bị nhấc bổng lên, bị chuyển đi trên mặt sóng thủy triều của đám đông, như thể bị vùi dập trong lòng biển cả âm u. Quần áo rách tả tơi. Máu từ vết thương trên đầu chảy xuống đầm đìa mặt. Mark ra sức trườn tới, huých đầu gối thúc cùi chỏ vào cái khối thân thể con người ta đó để bơi ra ngoài. Nhưng anh bị kéo giật ngược trở lại một cách hung hãn vì cổ tay phải anh đeo chung còng với một phi công hải quân trẻ tuổi. Người bạn hải quân ấy lúc này nằm mê man và khắp thân thể đầm đìa máu, đã bị chìm sâu dưới mặt nước làm Mark cảm thấy mình bị lôi theo, tuột thẳng xuống, không một điểm tựa cho mình gượng lại. Và anh bắt đầu quần quai, đầm đuối. Mark vận vẹo, lật mình, hóp không khí, nhưng anh càng vùng vẫy càng bị đám đông ép chặt hơn. Da thịt họ dường như hóa lỏng thành nước, ụa vào ngập miệng anh, sặc mũi anh.

Rồi mặt đất bên dưới Mark bỗng nứt ra. Cảm giác đang chết đuối biến thành một cảm giác cực kỳ kinh hãi hơn: anh đang rơi từ bầu trời cao thẳm và rục rờ xuống mặt đất xa xa bên dưới, người lơ lửng giữa không trung trong khi mắt cứ đăm đăm ngó chiếc Thunderchief F-105D quay vòng vòng phía dưới mình, tuôn khói mù mịt. Máy bay phát nổ trên một sườn đồi cây cối rậm rạp bên bờ sông Hồng, phun lửa

màu da cam chói lọi. Những ngọn lửa cuồng nộ ấy vọt lên không trung cao ba bốn chục thước, liếm trúng thân thể đang rơi của Mark. Chúng đốt cháy phùng phục bộ đồ bay và chiếc dù, nướng khét lẹt thịt anh và làm anh lao xuống nhanh hơn. Nhưng dù sao đi nữa Mark vẫn cảm thấy, như mọi lần, cuối cùng mình bỗng rơi nhẹ nhàng xuống đất và đáp thật lẹ trên hai chân. Ngay lập tức, anh bị bao vây bởi một đám nông dân người Việt đang đua nhau hò hét. Từ bên dưới lùm cây dưới chân đồi nơi trên đỉnh còn nguyên vẹn một pháo đài cũ của Pháp, họ vừa giậm chân chạy tới vừa gào rú luôn miệng. Rồi cán mã tấu cứng trũng của họ đập lên đầu Mark. Lưỡi mã tấu sắc sùi của sâu vào người Mark cho tới khi máu trong cơ thể anh tuôn ra làm tắt ngúm những ngọn lửa đang hành hạ mình.

Mark rút khẩu súng lục .38, quát lớn bảo họ lui ra. Nhưng như thường lệ, họ không nghe lời anh. Anh chia mũi súng vào mặt người Việt Nam gần nhất. Như lúc nào cũng xảy ra trong thực tế, phát súng đầu tiên vẽ một chấm tròn màu đỏ; nó làm thủng một lỗ ngay chính giữa trán người nông dân. Và cũng như thường lệ, người nhà quê ấy gục xuống, đè lên trên người Mark, ghim chặt anh xuống đất. Nhưng dù Mark có vùng vẫy dữ dội tới mấy đi nữa, anh vẫn không thoát ra khỏi cái tù thi gậy cùm đó. Nó nặng không ngờ. Nó đè anh lún thật nhanh

và thật sâu xuống lòng đất nhào nhẹt. Bên trên ngực anh, nó càng lúc càng nặng, còn nặng hơn một toà cao ốc bốn chục tầng.

Rồi phía trên lòng đất, một biển cả những bộ mặt người Việt tộc mạch ngó Mark qua một vành đai đang thu hẹp dần, lúc này biến thành một huyết mộ hun hút sâu, hơn bao giờ hết. Và Mark lại thấy trong số những bộ mặt ấy có mẹ anh, viên đại tá tóc bạc của Lầu Năm Góc nay trở thành người cha kế của anh, và Gary, anh của anh. Họ thỉnh lặng quan sát anh với ánh mắt trống rỗng, thỉnh thoảng lúc lắc đầu hoang mang. Khi Mark đang rần sức hét lên thật lớn cho họ nghe, họ tan đi thật lẹ trước mắt anh. Lập tức, anh lại quần quai trong xà-lim tối đen hôi hám nơi lần đầu tiên người ta khoá hai mắt cá chân của anh vào chiếc cùm gi sét được chế tạo bởi những tây thực dân thuở trước.

Mark không thể thấy hai bàn tay của mình. Chúng bị quặt ngược ra sau lưng trong “bộ còng khốn kiếp” đang siết chặt hai cổ tay anh, ăn hằn vô thịt, sâu tới gân, cho tới khi hai vòng răng cửa lỏm chồm của cặp còng nghiến vào xương cườm tay. Chẳng mấy chốc, hai cánh tay Mark tím bầm, sưng lên gấp đôi kích cỡ bình thường. Và rồi trước mắt anh, những vết thương lở lói trên cổ tay anh hoá ra vàng khè, mưng mủ. Lũ bò cạp xanh lè và lũ chuột đen đuôi mập nung núc, chạy qua chạy lại thật lẹ trên

người Mark. Khấp chân tay anh, mụn nhọt và những vết thương mưng mủ nổi lên như nấm. Những chén đồ ăn nước uống chập chờn lượn lơ ngoài tầm tay với của anh tựa những hồn ma đã lìa khỏi xác.

Khi cơn thống khổ vì mất nước và thiếu ăn càng lúc càng tăng một cách ác liệt, trong hai tai Mark rền lên như điên những tràng cười hô hố chế nhạo. Kế đó, bộ mặt đều cang của gã cai ngục người Việt tra khảo anh ngay hôm đầu tiên, được anh đặt cho cái tên là “Thằng Chăn Lợn”, vênh vao nhìn vào không gian chật hẹp bên trong xà-lim biệt giam. Bộ mặt gã lớn dần, lớn dần rồi phình ra như trái bong bóng trẻ con thổi chơi, buộc Mark phải lùi dần lùi dần rồi ôm mặt khóc thút thít trong góc xà-lim. Và bộ mặt bặm trợn của gã cai ngục dài ra như mũi chim ưng. Nó mở toang hoác rồi chầm chậm áp thật gần như miệng cá chép khi hắt lẹp đi lẹp lại hai tiếng: “Báo cáo! Báo cáo!”

Dù Mark đã ép mình thật sát vào vách xà-lim để cố tránh những ngọn roi uốn lượn về phía anh, dập dềnh như những cọng rong biển dài ngoằng, nhưng chúng vẫn quấn chặt hai cánh tay anh làm nổi lên một cơn đau bất chợt. Hai vai Mark bị siết cụp vào sống lưng. Xương sườn sắp lòi ra khỏi lồng ngực. Và lúc ấy, anh lại cảm thấy nỗi sợ hãi quen thuộc rằng toàn bộ cơ thể của mình sắp bị bung ra khỏi dàn xương khung

và trào lên khỏi cổ họng. Bắt đầu có âm thanh la hét nghe thật gớm guốc, lặp đi lặp lại hai tiếng gào thét của gã tra khảo thành một giọng the thé cao hết cỡ: “Báo cáo! Báo cáo!”

Tiếng gào thét điên cuồng đó cất lên thật lạ, tới một độ cao cực kỳ, nghe như tiếng huyết tự động của vòi ăm nước đang sôi. Sau cùng, Mark nhận ra rằng mình không còn bị kẹt cứng trong một cơn ác mộng mê mết, mà đã choàng tỉnh, đang nằm trên thêm xi-măng của xà-lim biệt giam và đang nghe tiếng nói lảm nhảm mất trí của chính mình. Bộ mặt của “Thằng Chăn Lợn” ở sát trước mắt anh cũng không còn là “trái bong bóng” đè anh ngạt thở trong giấc mơ. Nó là một thực tại bằng xương bằng thịt của gã cai ngục thích thú những trò tai ác. Gã đang lắc vai Mark để lôi anh đứng lên.

Khi thị giác của Mark rõ dần, trong ánh sáng ban mai màu xám, anh nhận ra người cán bộ Bắc Việt với y phục sạch sẽ tươi tắn, kẻ dẫn độ anh trong xe Tatra đêm qua, lúc này đang đứng sau lưng “Thằng Chăn Lợn.” Trên mặt gã đại cán ấy dường như nở mãi một nụ cười yếu ớt. Và đúng lúc tiếng gào thét lịm xuống, gã bắt đầu cất lời với giọng dỗ dành:

- Trung úy Sherman ạ, anh vừa nằm thấy ác mộng – nhưng lúc này mọi căng thẳng đã qua hết rồi. Tôi tới đây để đưa anh đến một nơi mình có thể bình tĩnh chuyện trò với nhau.

Cúi xuống lượm chiếc chân thỏ đang nằm trên sàn xà-lim và bên cạnh Mark, Trần Văn Kim dịu dàng đặt nó vào lòng bàn tay viên phi công Mỹ:

- Đừng lo lắng nữa – mọi sự sẽ ổn thoả ngay thôi.

Kim mở cửa xà-lim, đứng tránh sang một bên để Mark đi qua trước mặt rồi ra hiệu cho “Thằng Chăn Lợn” đi theo. Anh đỡ người Mark lên bằng ghế sau chiếc Tatra hôm qua lúc này đậu sẵn trong sân nhà tù, rồi leo lên ngồi một bên Mark. “Thằng Chăn Lợn” ngồi trên ghế trước cạnh tài xế. Chỉ ít phút sau, chiếc xe thả cả ba xuống sân sau toà nhà Bộ Tư Pháp, tọa lạc gần Hỏa Lò.

Trong phòng thẩm vấn trống trải, người ta bày sẵn trên mặt bàn nhỏ một bữa điểm tâm đạm bạc gồm bánh mì nướng, bánh bột dẹt và nước cam. Vẫy tay ra hiệu cho người Mỹ đi tới bàn ăn, trong khi đó, Kim cũng tới ngồi trên chiếc ghế đầu kê gần đó. Anh lôi từ xà cọt đeo bên mình ra một kệ hồ sơ bìa màu da trâu, còn gã cai tù đứng canh nơi cửa ra vào.

Sau khi trở mắt nghi ngờ nhìn bữa ăn sáng, Mark ngồi xuống và bắt đầu ăn. Khòm lưng chồm hồm trong lòng ghế như một con thú, anh nhai ngấu nghiến đồ ăn và nuốt ừng ực. Mark vừa ăn vừa uống vừa thỉnh thoảng liếc mắt nghi kị về phía Trần Văn Kim và “Thằng Chăn Lợn”

như thể sợ cả hai đối ý, đòi lại đồ ăn.

Kim nói thấp giọng, mặt không ngược lên:

- Theo hồ sơ của anh, tôi thấy suốt ba tháng trời kể từ lúc bị bắt, anh thà bị trừng phạt chứ không chịu tiết lộ họ và tên, số quân và ngày sinh của mình. Rõ ràng việc ấy đòi hỏi một sự gan góc cực kỳ.

Mark đồ dẫn nhìn người Việt Nam trong một giây, miệng vẫn nhai. Rồi anh khom người xuống sát mặt bàn, ăn cho hết những thức còn lại.

- Thật tội nghiệp cho anh khi anh chọn lựa cách như thế để biểu dương lòng can đảm của mình. Nếu ngay từ đầu chúng tôi biết rõ anh là ai thì anh đã được cứu xét một cách rất đặc biệt.

Mark vẫn không trả lời. Kim tiếp tục đọc hồ sơ. Sau một hai phút im lặng, Kim ngược lên:

- Trung úy ạ, lý ra tôi không nói với anh điều này nhưng vì có một số rất nhỏ các tù binh Mỹ, trong đó có anh, không chịu kết án sự can dự lầm lạc của chính phủ Hoa Kỳ vào Việt Nam. Gần như hết thầy các đồng đội của anh đều đã nói để ghi âm hoặc viết lời cáo giác, và sau đó, chúng được xuất bản hoặc phát thanh ở nước ngoài. Và tại sao không làm như thế nhỉ? Hiện nay, tại Washington, một số thượng nghị sĩ cùng một số nhân vật quan trọng và nổi tiếng đang bắt đầu mô tả vai trò của xứ sở anh tại Việt Nam là “một sự phản bội trầm trọng nhất.”

Người Việt Nam lấy trong xà cọt ra chiếc máy ghi âm nhỏ rồi đặt lên mặt bàn kê sát bên ghế đầu. Kim bật máy và căn phòng tràn ngập những giọng nói căng thẳng của các phi công tù binh Mỹ. Giọng này kế tiếp giọng kia kết án sự tham chiến của chính mình. Các tính từ như “đê hèn,” “bất hợp pháp” và “vô luân” được dùng tới và lặp đi lặp lại. Đồng thời, các phi công mô tả nhiều lần rằng bản thân mình là “tên tội phạm độc ác nhất”, kẻ thực hiện các “cuộc không tập bất nhân.” Nhưng Mark không tỏ dấu hiệu nào cho thấy anh có để ý tới nội dung những lời ghi âm ấy hay không.

Chú người tới trước, Kim tắt máy và gõ gõ ngón tay trở vào tập hồ sơ đặt trên đùi:

- Trung úy ạ, anh biết không, đọc hồ sơ của anh là một việc rất thú vị vì chính trong khi quyết tâm không chịu khai báo đúng theo những điều chúng tôi đòi hỏi, anh đã nói ra với cán bộ chấp pháp mọi sự khác trên đời. Thí dụ, tôi rất buồn khi biết anh bất hoà với cha anh lúc anh mười sáu tuổi và kể từ lúc đó anh chưa bao giờ gặp lại ông ấy. Anh biết không, tôi cũng có quen biết với cha anh. Ông ấy là một người đặc biệt – ông ấy dám gánh hoàn toàn trách nhiệm về hành động cứu mạng Hồ Chủ tịch hồi năm 1945. Vì thế, chúng tôi có lý do để ngưỡng mộ ông. Và đó cũng là lý do chính đáng khiến chúng tôi phải làm một điều gì đó để đáp tạ lòng tử tế

của ông – thí dụ, thả cho về nhà đưa con trai có thể ông tin rằng lúc này nó đã chết.

Mark chậm chậm ngược mặt lên ngó người Việt Nam. Dù ánh mắt của Mark vẫn lảng đãng, Kim để ý thấy lần đầu tiên anh cau mày như thể khó chịu. Kim nói chậm rãi hơn:

- Có thể lúc này anh quên, nhưng đã có lần anh nói với cán bộ chấp pháp rằng sau khi cha anh bỏ mẹ anh, anh sẽ sẽ không bao giờ nói chuyện với ông nữa. Hồ sơ cho thấy có một đêm, anh mê sảng và kể hết từ đầu tới cuối câu chuyện anh bất hoà với cha anh.

Mark có vẻ như cố làm cho mình bình tĩnh trở lại, tập trung tinh thần chuẩn bị thẩm lạng phản bác những gì Kim đang nói, và rướn người tới gần bàn hơn. Thấy thế, Kim đứng lên, chậm chậm rảo bước quanh phòng cho tới khi dừng lại sát bên người Mỹ:

- Anh có biết rằng thái độ của anh làm cho cha anh bị tổn thương sâu sắc vì anh không chịu nói chuyện với ông? Có phải anh há dạ khi biết rằng cha anh đau khổ vì hành động khinh suất của ông trong quá khứ? Và chính cái đó khiến anh không chút nào sẵn lòng gặp lại ông, chuyện trò với ông. Bằng sự im lặng của mình, anh muốn cho cha anh đau đớn hết mức có thể được. Bằng mọi giá, anh muốn trả đũa cha anh.

Kim ngừng một chút để thăm dò tác động của lời mình nói trên mặt người nghe, và thấy

cặp lông mày của Mark nhú lại rõ nét hơn. Kim mỉm cười:

- Nhưng rõ ràng bất chấp những cái như thế, cha anh vẫn lo lắng cho anh, đúng không? Bằng không ông đã không chấp nhận rắc rối khi nhân danh anh mà viết thư năn nỉ Bác Hồ kính yêu của chúng tôi. Bất chấp sự khắc nghiệt của anh đối với ông, rõ ràng cha anh vẫn rất quan tâm tới anh. Và nếu so sánh với hành động đó của ông thì thái độ của anh có thể nói là bất tương xứng, không ngang bằng, đúng không?

Trong khi Kim quan sát, vẻ mặt của Mark thêm lần nữa căng thẳng như thể bị tra vấn bởi những ý nghĩ trong đầu mình. Kế đó, Mark nhìn người đại cán Việt Nam với ánh mắt hoang mang. Kim nói tiếp:

- Đôi khi chúng ta đi quá xa trong mối oán hận những người ruột thịt của mình. Chúng ta thêm khát trả thù cho những tổn thương mà ta tưởng rằng mình đã phải chịu và không nhận ra rằng chính mình cũng đang cực kỳ tàn nhẫn. Bản thân tôi cũng biết sự bất hòa giữa cha và con gây đau khổ tới mức nào vì chính tôi, khi còn trẻ, cũng đã cãi nhau dữ dội với cha mình. Cũng như anh, tôi đã thể sẽ không thêm và không bao giờ dấn dằng tới ông ấy. Ông bị giết mười bốn năm trước đây, vào lúc chấm dứt cuộc chiến tranh Việt-Pháp. Và dù lúc đó cái lý do gây ra phân ly giữa hai cha con tôi vẫn

còn nguyên, tôi luôn luôn cảm thấy buồn thấm thía mỗi khi nghĩ rằng trước lúc ông qua đời, tôi đã chẳng làm gì để nói cho ông biết những cảm xúc của tôi. Có thể cũng sẽ xảy tới cho anh một điều giống y như vậy. Có thể anh sẽ ở lại đây nhiều năm vì sự buống binh của anh. Và tới ngày anh được phóng thích, có thể cả cha lẫn mẹ anh đều đã qua đời. Có bao giờ anh nghĩ tới khả năng đó không?

Sớ thịt quai hàm của Mark săn lại, anh nhìn Kim ngơ ngàng. Thấy Mark bắt đầu có loại phản ứng đúng như mình tiên liệu, người Việt Nam làm như tình cờ quay qua chỗ khác. Kim bước trở lại chiếc ghế đầu trên đó đặt kẹp hồ sơ.

- Nhưng có thể tôi xét đoán lầm anh. Có thể anh không giống như tôi; anh không phải là người cảm thấy ân hận và bận tâm tới những gì người khác đang cảm thấy. Có thể anh khép kín được anh trong thế giới ích kỷ của riêng anh, chỉ để làm khoan khoái bản thân anh thôi. Nói cho cùng, tại sao anh lại để cho mình phải quan tâm tới việc làm an lòng người cha đang lo lắng kia – và thậm chí người mẹ của anh nữa? Tôi đoán anh đang tự nhủ rằng mối quan tâm hiện nay của anh đâu phải là việc cha mẹ anh có vui mừng hay không khi anh được trở về nhà. Tôi đoán như vậy có đúng không? Tôi nghĩ là trong trí óc anh, anh chưa bao giờ suy nghĩ theo một lối khác, rằng trong khi anh chọn lựa để cho

mình tiếp tục chịu khổ sở lâu thêm nữa ở đây thì chính vì sự bướng bỉnh đó của anh mà cùng lúc ấy, tại quê nhà, cha mẹ anh cũng phải chịu khổ sở, dưới một hình thức khác. Kim quay mình ngó người Mỹ và thấy Mark đang đắm đắm nhìn chòng chọc tới đằng trước. Trong mắt viên phi công bắt đầu xuất hiện tia nhìn đau đầu và hơi thờ bắt đầu dồn dập, đứt đoạn.

Kim nói tiếp với giọng an ủi:

- Nếu việc này chỉ giao cho một mình tôi quyết định thôi thì trung úy ạ, tôi sẽ vì cha anh mà lập tức thả anh ra. Nhưng chẳng may còn có những đồng chí lãnh đạo khác tôi phải tham khảo ý kiến, mà họ thì không quen biết với cha anh. Phải làm cho họ tin rằng việc phóng thích anh không làm hại tới chính nghĩa của chúng tôi. Đó là lý do khiến tôi bị buộc phải yêu cầu anh đưa ra một lời tuyên bố nếu tôi muốn thả anh về nhà. Đó chỉ là biện pháp phòng ngừa - và nó cũng chẳng nhiều nhận gì hơn cái mà các bạn của anh đã làm trong tù. Nhưng thật ra tôi không biết anh có muốn được phóng thích hay không, đúng không? Vì anh vẫn chẳng chịu chuyện trò với tôi nên tôi không thể xét đoán rằng anh có quả thật muốn trở về để làm an lòng gia đình mình ở quê nhà hay không. Có thể anh đủ kiên cường chịu đựng cuộc sống tù ngục ở đây mà có lẽ sẽ kéo dài tới vô tận...

Kim rút rừ trong kẹp hồ sơ ra một mảnh giấy

đánh máy và xem xét nó cẩn thận trong khoảng một phút. Qua khoe mắt, anh để ý thấy Mark xoay người trên ghế, nhìn thẳng vào anh có ý dò hỏi. Kim tiếp tục, giọng tiếc rẻ:

- Dĩ nhiên nếu anh bác bỏ cơ hội mà hôm nay tôi cố gắng hiến cho anh thì nó sẽ không được đưa ra thêm lần nào nữa. Nếu anh quyết định không muốn đọc những lời đã được viết ra trên mảnh giấy này thì tôi chỉ còn một chọn lựa duy nhất là trả anh về cho cán bộ quản giáo để anh ta săn sóc anh. Và anh phải quay trở lại cái xà-lim biệt giam ấy mà chịu sự trừng trị.

Ngẩng đầu và liếc thật lẹ về “Thằng Chăn Lợn” đang đứng bất động bên cửa ra vào, Kim im lặng mấy giây. Xong, anh quay lại nói với Mark:

- Nhưng tôi hy vọng anh không ép buộc tôi phải làm điều đó. Nếu anh quyết định anh có thể đọc cho chúng tôi, tôi cam đoan rằng anh sẽ nằm trong danh sách sớm được phóng thích. Rồi anh có thể về lại nhà mình và cảm ơn cha anh đã lo lắng giúp đỡ cho anh một cách đầy đủ!

Kim cầm máy ghi âm lên và đi tới bàn của Mark. Anh ra lệnh cho gã cai tù dọn dẹp khay đựng đồ ăn. Xong, anh đặt mảnh giấy với máy ghi âm xuống trước mặt Mark và nói rất dịu dàng:

- Chỉ đọc mất một hai phút thôi. Và chẳng việc gì phải gấp. Anh muốn kéo dài ra tới bao nhiêu lâu cũng được.

Khi Mark ngược mặt lên nhìn người Việt

Nam, anh bắt gặp một nụ cười rất thân thiện. Đột nhiên trong mắt người Mỹ ánh lên tia nhìn dao động cực độ và anh gục đầu xuống giữa hai cánh tay. Một hai giây sau, vai Mark bắt đầu run rẩy. Và tiếng khóc sục sùi của anh, ban đầu trầm lặng, rồi dần dần lớn hơn cho tới khi vỡ oà, tràn ngập cả căn phòng. Mark khóc nức nở suốt mười lăm phút. Trong thời gian đó, Kim nhẫn nại đứng chờ một bên. Sau cùng, khi Mark lặng yên trở lại, Kim vỗ vai anh như chia xẻ, an ủi và khích lệ. Và mở máy ghi âm.

Kim nói đỡ dành, giọng ngọt ngào dễ chịu như thấm vào xương:

- Trung úy Sherman ạ, chỉ đọc một chút thôi, với giọng bình thường thôi. Chỉ cần anh làm như vậy thôi. Có mất gì đâu. Chỉ có được thôi.

Mark ngồi im trong lòng ghế một hồi lâu, không nhúc nhích. Kế đó anh chậm chậm vươn thẳng lưng lên, cầm mảnh giấy có chữ đánh máy. Trong khi Mark xem tờ giấy, hai gò má anh thỉnh thoảng co giật. Rồi anh lắc lắc đầu, hít vào một hơi dài và thở ra thật nhẹ. Hướng mặt về phía máy ghi âm, anh đọc lớn tiếng với giọng trống rỗng và ngập ngừng:

- Tôi là trung úy Mark Sherman thuộc Không lực Hoa Kỳ. Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết

rõ ràng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người. Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bất nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, và tôi đánh giá vai trò của tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...

Thình thoảng Mark vấp vấp chữ này chữ nọ, nhưng mỗi lần như vậy, Kim kiên nhẫn bảo anh đọc lại câu đó thêm lần nữa. Hễ lần nào Mark dừng lại và ngó lên, anh đều thấy “Thằng Chăn Lợn”, từ chỗ đứng một bên khung cửa, đang ló mắt guồm guồm ngó anh. Và anh miễn cưỡng đọc tiếp cho đến hết:

- ... các chính sách man rợ và vô luân của chính phủ Hoa Kỳ hoàn toàn bị kết án bởi các dân tộc tiến bộ trên thế giới.

Mark tiếp tục trong khi cuộn băng ghi âm thăm lặng quay trên bàn bên cạnh anh:

- Và lương tâm tôi sẽ không yên ổn cho tới khi tên lính xâm lược cuối cùng của đế quốc Mỹ bị quét sạch khỏi đất nước Việt Nam...

- 5 -

Naomi Boyce-Lewis nói với nụ cười buồn bã:

- Lúc nào tôi cũng cảm thấy mình bị Việt

Nam gạt gắm, ngay cả trước khi tôi biết Việt Nam là gì và ở chỗ nào trên quả đất này. Lúc ấy, hết thầy các con bé học chung lớp với tôi, cha của chúng đều đã trở về. Chúng tôi ăn mừng và rõ ràng chiến tranh đã chấm dứt – nhưng người ta cứ nói với tôi là phải nhẫn nại chờ. Thình thoảng tôi nhận được một lá thư từ một nơi rất xa lạ có cái tên là “Sài Gòn”, một địa danh tại nơi tôi ở chưa ai từng nghe nói tới. Rồi bỗng dung thư từ bất hản, và người ta nói với tôi rằng ông ấy sẽ không bao giờ về nữa. Tôi nghĩ là khi nhận được tin đó tôi vừa buồn vừa tức và thấy nó vô cùng phi lý. Khi tới đây lần đầu năm 1963, tôi vẫn nuôi thật sâu trong lòng mình ác cảm ấy. Tôi suy nghĩ mãi nhưng không hoàn toàn nhận ra rằng tôi cảm thấy Việt Nam mắc nợ tôi một cái gì đó.

Nàng cầm đuống lên, loay hoay nghịch một lúc với ly sinh tố ướp lạnh kiểu Pháp vừa được người hầu bàn Việt Nam mặc áo vét trắng mang ra bàn của họ, trên hàng hiên Cầu lạc bộ Thể thao, cạnh vườn Tao Đàn. Trong khi ngắm Naomi, Joseph cảm thấy lòng rung rung xúc động. Dù chuyện xảy ra đã hơn hai mươi năm, anh vẫn choáng váng khi tại công viên Lam Sơn đêm qua, nghe tin viên đại tá tình báo Anh từng làm việc chung với mình bị tử thương trong lúc thi hành nhiệm vụ, chỉ một hai ngày sau khi anh lên đường rời Sài Gòn năm 1945.

Trong ký ức của Joseph, đại tá Boyce-Lewis là một nhân vật cách biệt và hơi có vẻ chiều cổ, kẻ với thái độ khinh khỉnh nào đó đã bài bác mỗi thiện cảm người Mỹ dành cho dân Việt Nam bản xứ. Nhưng hình ảnh ngu ngơ của cô bé khốn khổ chín tuổi đang phụng phịu chờ thân phụ trở về sau cuộc chiến, làm dâng lên trong lòng anh nỗi bồi hồi thương cảm.

Tin tử nạn ấy cũng làm sống động trở lại trong tâm tư Joseph những khoảnh khắc quá đổi buốt nhói trong đời mình vào khoảng thời gian cuối mùa thu năm 1945 – cuộc tái hợp với Lan và việc cả hai cứu Tuyết thoát khỏi nạn đói trầm trọng ở mạn bắc Trung Việt – và điều đó lại khiến anh cảm thấy xúc động thấm thía hơn.

- Chính xác thì ông ấy tử nạn như thế nào?

- Cha tôi bị một mũi tên tẩm độc bắn trúng cổ tại một khu vực người thượng ở mạn bắc Sài Gòn. Chỉ vài giờ sau, ông qua đời.

Naomi nói với giọng đều đều, không xúc cảm và vẫn nhìn xuống đĩa, còn Joseph, anh nhắm mắt mình lại trong vài giây. Một bầu không khí im lặng đáng sợ quyện kín hai người. Trong một hồi lâu, cả hai ngồi nhìn đĩa thức ăn và không chạm tới thức uống, không ai nói với ai một lời. Cuối cùng, để phá vỡ tình trạng im lặng, Joseph mở miệng, cố chọn lời nói đối vô hại về những hoài tưởng liên quan tới cha nàng:

- Tôi xin lỗi. Lý ra tôi đừng hỏi. Theo như tôi

còn nhớ, Ngài Harold là một người Anh mà mọi người Mỹ, dù thuộc bất cứ tầng lớp nào, cũng đều ngưỡng mộ. Phong cách thanh lịch vô hạn và sức chịu đựng đầy cao nhã, bất chấp mọi khiêu khích, là điều gì đó mà chúng tôi, những thân dân thô thiển cụt thuộc địa của quý vị, sinh ra và lớn lên bờ bên kia Đại Tây Dương, không thể nào thể hiện giống y như vậy. Đôi khi nó có thể khiến cho kẻ khác tức điên người – nhưng nó là một phẩm chất đáng để người ta ganh tị. Tôi nhớ lại bữa ăn tối tại phòng ăn của các sĩ quan tham mưu người Anh, nơi tôi gặp thân phụ cô lần cuối. Và đó cũng là cơ hội cho thấy cái cảm quan mang phong thái Anh trong những tình huống khó khăn. Những bộ đồ ăn bằng bạc cấp trung đoàn, khăn trải bàn bằng vải lanh, và ý thức cực độ về sự chùng mực mà những người dự tiệc đều tôn trọng – cho dù trên đường phố bên ngoài đang xảy ra những trận đánh dữ dội mở đầu cuộc Chiến Tranh Việt Pháp. Đối với tôi đó là một dịp đáng nhớ: được trở về với lối sống văn minh sau bao nhiêu tuần lễ sống chốn núi rừng phương bắc. Đêm đó, tôi khá khiếm nhã khi nổi nóng tới độ mất tự chủ về vấn đề đường lối chính sách của Anh nhưng thân phụ cô, lúc ấy ngồi bên cạnh tôi, chỉ lịch sự mỉm cười. Và bằng giọng độ lượng, ông đã vạch ra những gì mà ông thấy là sai lầm trong phong cách của tôi.

Naomi ngược lên nhìn Joseph, môi mím nụ cười ảm áp phản ánh tâm trạng khoan khoái qua những hồi tưởng của anh gọi lên trong lòng nàng:

- Anh thật giống hệt cha tôi! Tôi chưa từng gặp người nào biết chính xác cha tôi làm chuyện gì ở đây trước khi ông qua đời. Và khi nghe tới cái thời đại anh vừa kể, tôi thấy nó rất đối lạ lòng đối với mình. Anh biết không, trong cuộc đời tôi, cha tôi là một hình bóng hết sức mờ mờ vì hầu hết quãng thời gian ấy ông đi xa. Dù gì đi nữa, việc nghe anh nói như thế về cha tôi cũng giúp cho tôi phục hồi được ký ức của mình về ông ấy.

Naomi tiếp tục mím cười với Joseph trong một chốc. Rồi nàng vội vàng quay mặt sang chỗ khác, như thể bối rối vì lời tâm sự thân mật và quá dễ dãi của mình. Joseph nói nhỏ nhẹ:

- Tôi sung sướng vì những điều nhỏ nhoi mình vừa nói đó đã giúp ích được ít nhiều, và tôi đang ao ước có thể kể cho cô nghe thêm nữa.

- Được nghe những sự việc xảy ra trong thực tế ở đây hồi “bốn mươi lăm” từ một người từng trải qua biến cố đó quả là một việc khá hiếm hoi.

Naomi thêm lần nữa mím cười và nhìn Joseph với vẻ hơi tiếc rẻ. Chiếc áo đầm trắng nàng mặc trông thật tươi mát, phía trước cài khuy từ cổ xuống ngang bụng. Mái tóc vừa cắt tỉa, chải thành dợn sóng mềm mại buông xỏa xuống vai.

Bên ánh nến, trông Naomi dường như thư thái trở lại và đẹp rực rỡ. Nhưng rõ ràng sự phiền muộn do những lời chuyện vãn tối nay gây ra trong lòng Naomi làm khoé miệng nàng thỉnh thoảng run rẩy, khiến nhan sắc ấy mang thêm vẻ dễ bị thương tổn.

Gần như từ đầu tới cuối bữa ăn tối, Naomi ngồi yên trong lòng ghế, cảm tì bất động trên lòng bàn tay trong khi Joseph diễn tả chi tiết những biến cố trong đó cha nàng và anh bị cuốn hút vào đạo mùa thu năm 1945. Nàng hầu như không chạm đến thức ăn và ly rượu của mình, đồng thời nói rất ít về mình cho tới khi anh sắp kể xong. Lúc ấy, với mắt nhìn xa xăm, Naomi cất tiếng:

- Tôi nghĩ chính vì cha mình mà giả dụ không trở thành phóng viên đi nữa, tôi vẫn bị cuốn hút phải đi Sài Gòn, không lúc này thì lúc khác, để nhìn xem địa danh ấy giống với cái gì. Nhưng ngay sau khi tới đây lần đầu tiên, tôi nghĩ mình sắp có một loại quan hệ vừa yêu vừa ghét cái xứ sở này. Gần như vừa đặt bàn chân tới đây, tôi đã phát hiện những câu chuyện gay cấn nhất đời mình, với các hình ảnh thu được trong cuộc phục kích ở Mộc Linh và vụ tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức. Dù từ lúc đó đến nay đã năm năm, và chỉ cần với một trong hai phóng sự như thế, tôi đã có thể sống những buổi tối thật an lành tại Luân Đôn...

Thình lình giọng của Joseph run rẩy xúc động:

- Cô cảm nhận nơi này theo cách như thế thì quả thật kỳ lạ. Suốt đời mình, tôi cũng có ít nhiều quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam – thậm chí lúc này, tôi cũng không thể xác định trong hai cảm xúc đó cái nào mạnh nhất.

- Tại sao anh nói như vậy?

- Tôi tới đây lần đầu tiên lúc mới mười lăm tuổi, đi theo một cuộc săn bắn để góp phần sưu tập dã thú cho một nhà bảo tàng vạn vật học do ông nội tôi sáng lập. Tôi hoàn toàn sững sờ trước một dân tộc xa lạ, rừng núi, rồi cung điện ở Huế – nhưng vào ngày chót của cuộc săn bắn, người anh của tôi tử nạn. Do đó trong cùng một lúc, tôi bị xứ sở này làm cho mình vừa say đắm vừa kinh hãi. Nhưng chuyến đi ấy cũng khiến tôi chọn chuyên đề lịch sử Á Đông. Rồi tựa như con bướm đêm bị cuốn hút vào ngọn lửa, mười năm sau tôi trở lại đây để nghiên cứu cho chuyên đề của mình. Đó là lúc chuyển tình cảm của tôi với Việt Nam bắt đầu đi thật xa và sâu hơn những gì của cô. Tôi cho rằng...

Joseph bỗng ngừng nói, mặt thoáng vẻ bối rối:

- Khốn nạn thật, Naomi, lúc này tôi đã biết ra tại sao cô là một ký giả ngoại hạng. Chỉ mới quen biết cô có hai phút, cô đã làm cho tôi phun ra hết bụng dạ của mình theo cách trước đây tôi chưa bao giờ làm như thế với ai.

Naomi chống chế bằng nụ cười thú vị:

- Nhưng tôi chỉ mới hỏi anh có một câu thôi mà!

- Có thể đó là bí thuật của cô!

Sự cáu tiết của Joseph rất chân thật tới độ lần đầu tiên từ khi gặp nhau, cả hai cùng bật cười. Rồi khi dứt tiếng cười, không cần ai thúc giục, Joseph tiếp tục kể lại câu chuyện tình bất hạnh của mình với Lan, cuộc hôn nhân với Tempe và sau đó, sự phát hiện Tuyết có mặt trên đời. Về phần mình, Naomi cảm động khi nhìn người đàn ông đẹp trai và tự tin ngồi trước mặt mình đang càng tâm sự càng bối rối.

Ánh mắt Naomi đắm thắm quan sát Joseph đang tần ngần xoay xoay chân để ly rượu vang. Trong khi nói, anh hầu như đưa mắt ngó chỗ khác, không nhìn nàng. Ngập ngừng, Joseph chầm chậm nói đến những cảm xúc của mình. Và Naomi có thể nhận ra chúng đã chôn thật sâu vùi thật kín trong lòng anh suốt nhiều năm trời. Anh chỉ đề cập ngắn ngủi tới cái chết của Lan, sự biến mất của Tuyết và việc anh lui về ẩn dật tại đại học Cornell. Sau đó, anh im lặng.

Naomi dịu dàng thúc giục:

- Nhưng sau khi bỏ đi biệt mười hai năm, cái gì làm cho anh đột nhiên quyết định liêu lĩnh mở vết thương cũ ra lần nữa và trở lại nơi này?

Lúc lắc đầu rất chậm, Joseph thở ra thật dài:

-Naomi ạ, tôi đang sợ cô sẽ hỏi câu ấy. Cô biết không, sau khi vợ tôi bị tôi rời bỏ, cô ấy kết hôn với một quân nhân hiện dịch. Tôi cho rằng trong thời gian tôi không sống chung với hai con trai mình, ông ấy đã khiến cho chúng cảm thấy cuộc sống nhà binh là quyến rũ. Gary, đứa con đầu lòng mà cô từng gặp ở Mộc Linh, chọn Lục quân. Đứa con thứ hai của tôi gia nhập Không quân. Cả hai xét đoán rất khắc nghiệt việc tôi từ bỏ mẹ chúng. Kể từ ngày đó, Mark từ khước mọi giao tiếp với tôi. Còn Gary, dù có quan hệ ít nhiều với tôi nhưng cũng vẫn chỉ là những gặp gỡ rất hờ hững. Gary vừa trở lại đây được mấy tháng cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai. Hôm kia, hai cha con chúng tôi ăn trưa với nhau – nhưng rất tẻ nhạt. Mark bị bắn hạ ở Miền Bắc trong một phi vụ cất cánh từ Đà Nẵng hai năm trước đây. Dù vẫn hi vọng rằng nó còn sống nhưng tôi không nhận được tin tức gì về nó.

Joseph đưa tay lên gỡ chân tóc. Naomi nhìn anh như muốn được nghe tiếp.

- Khi Gary quay lại Việt Nam thêm lần nữa, tôi vẫn ngồi tại Cornell phân vân nhìn đồng bào mình xâu xé nhau. Tôi thấy mình không thể đứng chung hàng ngũ với những người biểu tình phản chiến cùng những kẻ trốn quân dịch. Tôi cũng không hoà đồng thoải mái với phía bảo thủ hoặc với phía được gọi là đa số thâm lặng. Và bỗng dưng tôi nhận ra rằng chính vì sự ngu

xuẩn của bản thân tôi khiến cho cả hai đứa con trai tới đây thi hành nhiệm vụ trong cuộc chiến tranh khùng khiếp này. Nếu trong khoảnh khắc mê lầm ấy tôi không sắp lưng bỏ đi thì có thể các con tôi đã không chọn binh nghiệp. Và thậm chí hiện nay, chú em Guy của tôi cũng đã trở lại đây cho một nhiệm kỳ phục vụ thứ hai tại Tòa Đại sứ. Như thế, thỉnh linh tôi cảm thấy mình như người phạm tội thêm lần nữa. Và vì thế, quyết định đầu tiên của tôi là viết một lá thư riêng cho Hồ Chí Minh về Mark. Hồi cuối Thế Chiến Hai, tôi cùng với một đơn vị OSS được thả dù xuống Bắc kỳ. Lúc đó tôi gặp ông Hồ và quen biết khá nhiều với ông ấy. Tôi đi gặp người vợ cũ của mình, thảo luận ý tưởng đó, và tình cờ cô ấy đưa cho tôi xem một lá thư của Mark. Nó chuyển một lời nhắn không đầu không đuôi mà chính nó cũng không hiểu, từ một cô gái ở Đà Nẵng mà nó nghĩ cô ta xưng tên là “Tuyết”...

Hai mắt Naomi bỗng tròn xoe:

- Và anh nghĩ có thể tìm được đứa con gái mất tích của mình! Có phải đó là lý do thật sự khiến anh trở lại đây?

Mỉm cười như thể thú nhận rằng chẳng có gì đáng hãnh diện về một động cơ như thế, Joseph miễn cưỡng gật đầu:

- Tôi nghĩ nếu thành thật thì mình phải thừa nhận rằng lúc đó, đột nhiên tôi có toan tính phải bằng một cách nào đó cứu vãn cho đời

mình đừng tan nát nữa. Không có hi vọng gì nhiều rằng Gary sẽ nhìn mọi sự theo cách của tôi và chỉ có Chúa mới biết tôi còn có cơ hội gặp lại Mark nữa hay không. Nhưng sâu trong thâm tâm mình, lúc nào tôi cũng cảm thấy chắc chắn Tuyết đã che giấu cảm xúc thật sự của nó đối với tôi.

Joseph lại thờ dài và uống cạn ly:

- Vì lý lịch của tôi, trong một hai năm vừa qua có mấy cơ quan chính phủ cố thuyết phục tôi đảm trách một nhiệm vụ nào đó ở đây và tôi luôn luôn từ chối. Nhưng cách đây hai tháng, ngay sau khi nghe nói tới lá thư của Mark rồi lời đề nghị của JUSPAO thỉnh linh từ trên trời rơi xuống, tôi lập tức quyết định tạm gác sang một bên những băn khoăn về tính đạo đức của việc tham chiến.

Naomi chậm chậm đáp lại, như thể vừa nói vừa suy nghĩ. Trong giọng nói của nàng có âm hưởng ngỡ ngàng:

- Joseph ạ, anh có lý, thật là kỳ lạ rằng dường như chúng ta không chỉ có chung mối quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam. Nói cách khác, tôi nghĩ có thể cả hai chúng ta đã làm gần như trái ngược ý muốn của mình, mà tới đây hết lần này rồi lần nọ, để tìm cho ra một cái gì đó mình cảm thấy là hệ trọng – một cái gì đó mà chúng ta luôn luôn linh cảm mình sẽ không có nhiều hy vọng tìm thấy.

Joseph ngẩng đầu sừng sốt ngó Naomi. Ánh mắt cả hai gặp nhau và lặng yên nhìn nhau. Ngay khoảnh khắc đó, cả hai cảm nhận ra rằng trong lòng họ đang phát sinh một mối thân tình. Và Joseph mỉm cười với nàng:

- Naomi ạ, khi em tìm kiếm cái gì đó mà em không dám hi vọng sẽ tìm thấy nó thì thật đặc biệt hoặc thật tốt đẹp nếu em tìm thấy cái mà em không bao giờ dám mơ tới việc tìm kiếm nó.

Naomi tinh nghịch mỉm cười đáp lại Joseph:

- Câu anh nói nghe như thể anh dịch từ trong tác phẩm huyền học của một hiền giả Á Đông nào đó – hoặc đó là sự khôn ngoan theo kiểu “chỉ một mình Joseph Sheman mới có”?

- Người Việt Nam có một thành ngữ rất hay và không ủy mị chút nào để mô tả kẻ gặp hên bất chấp mọi điều kiện bất lợi. Họ nói: “Mèo mù vớ cá rán.”

Cả hai cùng phá lên cười. Joseph ngược mắt và nhận ra rằng các thực khách khác đã lần lượt ra về, chỉ còn lại anh và Naomi trên hàng hiên nhìn xuống chiếc sân rộng thênh thang lung linh mấy chiếc lưới quần vợt màu trắng. Mấy người hầu bàn đang sốt ruột chờ tín hiệu họ sẵn sàng rời đi. Joseph ra dấu xin lỗi và gọi tính tiền.

Kế đó, cả hai bước ra đường, di dọc dưới hàng cây thẳng tắp hai bên con đường sát hông Dinh Độc Lập. Trong bóng tối ấm áp dưới tàng

cây, hai người im lặng sóng bước bên nhau trong mấy phút, thanh thản tận hưởng niềm khoan khoái dễ chịu mà họ bất chợt cảm thấy nhờ đang ở gần nhau. Sau cùng, chính Naomi là người phá vỡ không khí tĩnh lặng ấy. Nàng nói với giọng trầm ngâm:

- Em nghĩ rằng không người phương tây nào từng dính líu ít nhiều tới Việt Nam mà khi rời nơi đây bản thân họ không bị biến đổi chút nào. Có lẽ về khía cạnh đó, chúng ta cũng khá giống những người ấy. Khi chúng ta ở đây, có một đặc trưng thôi miên nào đó mà em không bao giờ chạm tới được; nó như thể một loại bùa ngãi mê hoặc trộn vụn tâm trí của chúng ta. Và dù nó là gì đi nữa, dường như nó có sức mạnh làm lộ rõ cái tốt đẹp nhất hoặc cái xấu xa nhất bên trong con người của chúng ta – đôi khi thậm chí cả hai.

- Anh nghĩ là mình biết em có ý nói tới cái gì.

- Ngay ngày đầu tiên ở Sài Gòn năm 1963, em đã cảm nhận ra cái đó. Và vào lúc mới đầu, em nghĩ nó làm lộ rõ cái xấu xa nhất bên trong con người của em.

Joseph hóm hỉnh trả lời:

- Nghe như thể em sắp thổ lộ những điều có thật và thú vị nào đó – hẳn là rất đáng quan tâm!

- Em cũng nghĩ như vậy – nhưng cái này chẳng phải chuyện đùa đâu. Trước đây em có kể với anh rằng em từng gặp Gary và Guy, em của anh, một thời gian ngắn trong nhiệm kỳ

đầu ở đây của hai chú cháu ấy. Thật ra, lúc đó em kể không hoàn toàn đúng lắm. Thực tế, em chỉ gặp Gary có một lần thôi. Còn Guy thì em biết rất rõ vì Guy với em thấy đôi bên đều có lợi khi trao đổi nhau tin tức về cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Giữa Guy và em có một tình thân hữu hơi nhì nhằng và có tán tỉnh nhau chút đỉnh nhưng trong thực tế chẳng bao giờ đưa tới cái gì cụ thể. Và em muốn kể điều đó cho anh nghe để đề phòng trường hợp em gặp anh và Guy chung một lượt.

Naomi dừng bước. Joseph thấy trong bóng tối, mặt nàng nghiêm trang:

- Joseph ạ, em nói như thế vì em có linh cảm mạnh mẽ rằng tình bạn của anh đối với em sẽ quan trọng – anh hiểu chứ?

Mặt nàng bản khoăn dò xét nét mặt Joseph và anh gật đầu:

- Vâng, anh hiểu.

- Lúc đó, trong khoảng thời gian có cuộc đảo chánh lật đổ Ngô Đình Diệm thì cũng có xảy ra một biến cố khác nữa. Nó liên quan tới Guy, nhưng em nghĩ lúc này em chưa thể kể hết cho anh nghe. Có lẽ tới một lúc nào đó – càng hiểu rõ anh hơn thì em càng dễ kể hơn. Nhưng nó làm cho em đột nhiên thấy rõ bản thân mình – làm cho em nhận ra rằng lúc đó mình có nguy cơ trở thành một cái gì đó mà mình không bao giờ ngưỡng mộ.

- Biến cố gì lúc đó vậy?

Luống lự nhìn Joseph mấy giây, rồi Naomi quay mặt, nhắc chân đi tiếp:

- Joseph ạ, em lúc nào cũng là người có tham vọng. Có lẽ nó dính dáng sao đó tới việc mình là con gái của một người giàu của cải và có tước hiệu nhưng lại là kẻ xa lạ đối với em. Có thể các nhà phân tích tâm lý ở xứ anh sẽ nói với anh rằng em đang cố gắng khẳng định bản thân đối với người cha quá cố của mình hoặc đang chứng minh rằng mình có thể thành công trong một lãnh vực nào đó mà bối cảnh đặc quyền chẳng giúp được gì – hoặc họ cũng sẽ giải thích bằng những thuật ngữ tâm lý rắc rối nào đó. Em không hiểu cái nào là lý do số một, nhưng em nhất định cất bước lên đường để làm cho bản thân và thế giới tin rằng em có thể thực hiện công việc phóng viên truyền hình giống như bất cứ người nào khác, thậm chí còn làm tốt hơn họ nữa. Và quả thật cho tới nay em chưa hề thay đổi ý kiến của em về vấn đề đó. Nhưng trong biến cố em đang nói tới đây, nó làm cho em nhận ra mình thèm khát thành công quá, thèm tới độ trong quá trình thực hiện, mình không màng tới sự đau khổ của người khác – đó là cái em có ý muốn nói khi em bảo rằng Việt Nam thoát đầu làm lộ rõ cái xấu xa nhất ở trong em.

Joseph nói giọng lảng đong:

- Em chẳng thể nào xấu tới độ như em đang

tự tô vẽ nếu đã có lần nào đó trong đời, em từng lắng nghe tiếng nói của lương tâm.

- Lúc này, em sắp mượn câu nói của anh: trước đây em chưa hề kể với ai như thế này. Nhưng tối nay, trong khi ngồi nghe anh nói, em bỗng ao ước được tin cậy nơi anh. Em có thể kể cho anh nghe tại sao. Và từ ngày đảo chánh Ngô Đình Diệm, em rần hết sức tỉnh táo khi nhìn các tin tức, các câu chuyện mình tường thuật với con mắt trầm ẩn hơn. Em rần hết sức trước tiên nghĩ tới nội dung thông tin chứ không phải chỉ nghĩ tới lợi ích cho bản thân. Em không biết mình có luôn luôn đạt kết quả hay không, nhưng ít ra em cũng đang rần hết sức mình.

Thêm lần nữa Joseph mỉm cười và nói:

- Naomi ạ, anh quen biết em chưa được bao lâu nhưng cũng đủ lâu để biết rằng em là người hiếm có.

Cả hai băng ngang công viên trước Tòa Đô chánh, rẽ về hướng khách sạn Continental Palace. Naomi bước sát hơn vào người Joseph. Nàng vừa đi vừa nắm tay anh như để kết chặt tình thân hữu:

- Người Mỹ các anh rất lệ mồm lệ miệng khen ngợi người khác. Em hi vọng sớm nhận được cái gì đó giống như vậy về anh...

Đang bước xuống bậc thêm khách sạn Continental với một sĩ quan thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 vừa dùng chung bữa tối, đại úy Gary

Sherman bỗng liếc qua vỉa hè bên kia con đường trước khách sạn. Anh chợt thấy một người vai rộng mặc áo vét-can kiểu nhiệt đới màu nhạt đi bên cạnh một phụ nữ tóc hung thanh lịch và đẹp rực rỡ. Người đàn ông tóc hai bên thái dương lấm chấm bạc và đang cười. Gary lảng đãng ngó hai người trong vài ba giây rồi giật mình nhận ra đó chính là cha mình. Khoảnh khắc sau, anh cũng biết ra người đang bước sát bên ông tay trong tay ấy là ai. Vừa thấy mặt cả hai, Gary chững lại tại chỗ và chăm chú ngó họ đang tới thẳng chỗ mình đứng. Vì mãi mê chuyện trò, Joseph và Naomi không thấy Gary cho tới khi cả hai bắt đầu bước lên bậc thềm. Lúc đó, cả hai nhìn lên và thấy Gary đang đứng giữa lối đi của mình.

Về mặt Joseph rạng rỡ một nụ cười tươi tắn:

- Gary! Thật ngạc nhiên quá sức! Bố tưởng con đã hết hạn nghỉ phép, về lại đơn vị rồi. Chắc hẳn con có biết cô Boyce-Lewis đây...

- Hẳn nhiên rồi bố. Con với cô ấy từng gặp nhau một lần.

Cố tình nói với giọng lãnh đạm, Gary chào người nữ ký giả Anh bằng một cái gật đầu hờ hững. Joseph vẫn mỉm cười và nói:

- Cô Boyce-Lewis và bố vừa ăn tối ở Câu lạc bộ Thể thao. Bố tiếc đã không biết con còn ở lại thành phố. Nếu biết, cả ba chúng ta đã cùng đi ăn với nhau.

Joseph liếc viên sĩ quan kia nhưng Gary đứng yên, không giới thiệu bạn mình. Gary nói:

- Con vừa thấy hai người băng qua đường – dù sao thì ý kiến đó chưa hẳn hay ho lắm. Nụ cười trên mặt Joseph hơi nhạt đi nhưng bàn tay vỗ vai con trai vẫn nồng nhiệt:

- Tầm bậy. Gary, bố thật sự rất muốn đi chung như vậy. Lần sau về lại Sài Gòn con phải tới dùng bữa tối với bố. Lúc này bố có chỗ ở yên ổn rồi. Con sẽ phải gặp vài ký giả Mỹ đang viết về chiến cuộc ở đây.

- Được vậy thì tốt quá – còn tốt hơn nữa nếu bố gọi cho con một thiệp mời, in ấn đàng hoàng, để con có thể dàn xếp với Việt Cộng ngừng bắn đêm đó.

Gary vừa nói vừa cười nhưng rõ ràng trong giọng nói có vẻ mỉa mai. Và thêm lần nữa anh gật đầu chào chiếu lệ Naomi trước khi bước thật lẹ xuống hết bậc thềm. Trong một chốc, Joseph nhìn theo bước chân của con rồi quay sang Naomi với vẻ ân hận:

- Anh xin lỗi về chuyện này.

Naomi đáp lại thật lẹ:

- Có gì đâu mà xin lỗi. Em cảm thấy mình có phần lỗi vì đã nắm tay anh.

Joseph nói cương quyết:

- Anh không muốn em nói lời xin lỗi nào về việc đó. Anh chẳng chút nào ân hận về việc đó. Trong lô phòng của mình nơi tầng ba, Naomi chờ

cho tới khi người hầu Việt Nam bung vào chiếc khay đựng chai whisky Scotch, nước đá và nước suối Perrier, mới ngồi xuống cạnh Joseph trên xô pha. Sau đôi chút lưỡng lự, nàng nắm tay anh:

- Joseph ạ, em không thể nào kể hết cho anh nghe tối nay có ý nghĩa ngần nào đối với em. Cám ơn anh đã giúp cho em có những giờ phút khoan khoái vì nói rất nhiều chuyện năm 1945 và về cha em – và vì tất cả những cái khác nữa.

- Đối với anh thì ít ra anh cũng đã được nói rất nhiều tới bản thân mình.

Joseph vừa đáp lại vừa mỉm cười. Rồi bất giác anh nâng bàn tay Naomi, dịu dàng áp môi mình lên các ngón tay của nàng. Nàng im lặng nhìn anh, mặt không tỏ vẻ xúc động nhưng không rút tay về:

- Joseph ạ, lúc này em quả thật nên ngủ đôi chút. Sáng mai em phải đi Hồng Kông bằng chuyến bay sớm nhất.

Joseph gật đầu đầy hiểu biết:

- Anh chỉ ao ước em ở đây lâu hơn.

- Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở lại đây.

Naomi đứng lên rót rượu cho Joseph và đặt ly xuống mặt bàn thấp trước mặt anh. Trong một lúc, nàng đứng tần ngần bên xô-pha, rồi mỉm cười với anh thêm lần nữa:

- Em sửa soạn đi ngủ đây. Anh có năm phút để uống cạn ly whisky và sau đó, anh muốn đi đâu thì tùy ý.

Vẫn mỉm cười nhìn Joseph, Naomi cởi giày. Và với đôi chân còn mang vớ nàng bước về phía phòng ngủ. Nhưng trước khi mở cửa phòng, nàng ngoái lui nhìn anh và lại mỉm cười:

- Hoặc anh có thể ở lại đây nếu anh muốn.

Joseph ngược lên, ngạc nhiên:

- Anh nghĩ là em vừa nói em phải ngủ đôi chút và ngủ thật ngon.

- Anh nghe không kỹ Joseph ạ. Em nói là em “nên ngủ”.

Sau khi Naomi ra khỏi phòng khách, Joseph cởi áo vét, tháo cà-vạt và ngồi yên cả chục phút bên chai whisky. Cuối cùng, lúc Joseph mở cửa phòng ngủ, anh thấy bên trong mờ mờ tối; chỉ duy nhất một ngọn đèn còn sáng, và Naomi đang ngồi bên mép giường, đưa lưng lại phía anh. Nàng mặc áo ngủ màu trắng viền đăng-ten để lộ đôi vai trần và đang thông thả chải tóc.

Naomi nói với giọng thì thầm, không quay mình lại:

- Em bắt đầu nghĩ là anh chẳng vào đây.

- Anh cảm thấy mình nên đợi - để phòng trường hợp em đổi ý.

Nàng lắc đầu thật lẹ và để lược xuống. Một lúc sau, Joseph bắt đầu cởi quần áo. Rồi Naomi cảm thấy mặt giường trĩu xuống dưới sức nặng của anh. Nàng nói dịu dàng:

- Joseph ạ, em cần phải nói cho anh biết là em dỏ kinh khủng cái chuyện ấy. Em hy vọng anh sẽ không bị thất vọng.

Naomi cười thật khê nhưng rõ ràng cơ thể đang căng thẳng. Và khi Joseph lướt môi trên vai nàng, anh cảm thấy da thịt nàng run rẩy. Anh đáp lại bằng một nụ cười và nói:

- Anh cũng chẳng khá gì hơn. Thật ngạc nhiên là vẻ bề ngoài thường làm người ta lầm lẫn hết sức! Sau cùng, khi Naomi quay lại nhìn Joseph, đôi mắt nàng mở lớn như thể sững sốt về hành động của mình. Và anh dịu dàng hôn lên trán nàng trước khi ôm nàng trong tay. Cuộc làm tình của cả hai khoan thai, gần như cẩn trọng và không đam mê bùng cháy. Nhưng trong khoảnh khắc ấy, một cách lặng lẽ và không một lời nói ra, mỗi người đều cảm thấy những âm ảnh riêng tư từng lôi cuốn họ trở lại Sài Gòn hết lần này sang lần nọ, lúc này đột nhiên dẫn tới một trạng thái khuây khoả cho cả hai.

- 6 -

Sáng hôm sau, đúng tám giờ rưỡi, trong khi mở khoá cửa văn phòng Joseph nghe bên trong vang ra tiếng điện thoại reo liên tục. Vừa nhắc ống liên hợp lên, anh nghe oang oang giọng khẩn trương của Guy:

- Joseph, anh qua Tòa đại sứ liền bây giờ được không? Vừa xảy ra một chuyện rất đặc biệt!

- Chuyện gì vậy?

- Tôi không thể nói qua điện thoại. Suốt đêm qua tôi gọi anh nơi biệt thự cho tới bốn giờ sáng

mới thôi gọi vì bác bếp nói anh vẫn chưa về nhà. Anh chẳng để lại số điện thoại nào cho người ta liên lạc cả!

Mất Joseph nheo lại khi nhận ra cung điệu khiển trách trong giọng nói của chú em.

- Guy ạ, đêm qua tôi có chuyện bất ngờ. Chú có thể nói cho biết đôi chút tại sao tôi phải lập tức chạy qua bên chú không?

Guy trả lời, giọng rất chậm và đắn đo:

- Chờ anh qua đây tôi mới nói thì tiện hơn. Nhưng tôi cam đoan với anh rằng qua đây càng sớm thì càng có lợi cho chính anh.

- Được, tôi sẽ có mặt ở bên đó ngay lập tức.

Bối rối trong bụng về cú điện thoại khẩn cấp của Guy, Joseph lật đật tới Đại sứ quán Hoa Kỳ, một toà nhà kiên cố mới được xây xong trên khu đất trước kia thuộc Trụ sở Bộ binh Pháp, phía bắc Quảng trường Nhà thờ Đức Bà. Guy đã quay lại Sài Gòn cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai, làm viên chức phản gián phụ trách bộ phận điều tra. Thông thường, JUSPAO – Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ – có rất ít hoặc gần như không có quan hệ trực tiếp với phân sở CIA Sài Gòn, một cơ quan ngày càng phình ra với các phòng làm việc chiếm hết ba tầng trên cùng của toà nhà sứ quán siêu hiện đại, tọa lạc sừng sững trên một ô phố góc tây bắc ngã tư Đại lộ Thống Nhất và đường Mạc Đĩnh Chi.

Trong chỗ riêng tư, mức độ ác cảm Joseph

tùng cảm thấy ngay từ đầu đối với Guy, người em kém mình mười sáu tuổi, đã không vui chút nào theo với thời gian dần trôi. Và bởi sự khác biệt về tính nết cũng như sự mặc nhiên chấp nhận của cả hai anh em, quan hệ đôi bên lúc nào cũng lạnh nhạt và xa cách. Vì thế, Joseph kết luận rằng chắc chắn Guy gọi anh vì lý do nghề nghiệp. Anh cố lục lại trong ký ức và nhớ ra giữa một tiệc tiếp tân nào đó mình từng nghe có người nói úp mở tới các báo cáo tình báo gợi ý cho thấy Việt Cộng đang dự tính tung ra một cuộc tấn công trên khắp Miền Nam, trùng vào kỳ nghỉ hàng năm sẽ bắt đầu đúng hai ngày nữa.

Về mặt phản ứng chuyên môn, theo sự hiểu biết của Joseph, nếu các kế hoạch tấn công có tính đều khắp như thế bị lộ một cách quá dễ dàng, chắc chắn chúng chỉ nằm trong một thủ đoạn tuyên truyền mới và vì thế người ta chẳng mấy chút tin rằng đang có một sự đe dọa như thế. Joseph cho rằng biết đâu vừa xuất hiện bằng chứng mới mẻ nào đó và Guy muốn trình bày ngắn gọn cách riêng với anh. Thế nhưng Joseph lập tức buông bỏ sự suy đoán đó khi tòa nhà sứ quán Mỹ xuất hiện trong tầm mắt anh với trọn vẹn vẻ thô kệch của nó.

Xây dựng ròng rã suốt hai năm và sau cùng, tới tháng Chín năm 1967, tòa nhà sứ quán mới này được sử dụng thay cho tòa nhà của một ngân hàng Pháp cũ ở đường Hàm Nghi nhìn

xuống sông Sài Gòn, một địa điểm mãi tới cách đây bốn tháng vẫn được dùng làm trụ sở ngoại giao của Hoa Kỳ tại thủ đô Việt Nam Cộng Hòa.

Cũng như Dinh Độc lập của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, khắp mặt tiền của Đại sứ quán Mỹ được bảo vệ bởi những mảnh bê-tông trông như những mu rùa khổng lồ dùng làm lá chắn chống hoả tiễn và đạn pháo, tạo cho tòa nhà sứ quán có diện mạo y hệt một pháo đài và trông gớm ghiếc như một điểm gờ. Bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán là một vòng tường thành cao hơn ba thước. Trên nóc toà nhà sứ quán, người ta xây nhô lên một bệ đáp máy bay trực thăng. Bên trong khu vực, một lực lượng sáu mươi binh sĩ Thủy quân Lục chiến tuần phòng khắp khuôn viên suốt ngày suốt đêm.

Trong khi đứng nơi cổng chính phía đường Thống Nhất chờ một hạ sĩ TQLC xét thẻ tùy thân, Joseph âm thầm nghĩ rằng chính các tấm lưới mắt cáo chống hoả tiễn của Đại sứ quán và của Dinh Tổng Thống đã biến hai toà nhà ấy thành những đền đài hiu hắt, thường trực nhắc cho dân chúng nhớ tới tinh thần chiến đấu bền bỉ của bộ đội Việt Cộng. Những phòng thủ ở chốn tận cùng này là một xác nhận công khai và rõ ràng hơn bao giờ hết rằng lực lượng du kích có đủ sức mạnh, không ngăn trở nổi, để tiến công vào hai đại bản doanh song lập của kẻ thù ngay tại trung tâm thủ đô Sài Gòn.

Trong phòng làm việc của mình trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy không mất thì giờ nhập đề. Thấy Joseph vừa bước chân qua cửa, Guy vẫy anh mình ngồi xuống ghế và ấn nút chiếc máy ghi âm trên bàn giấy. Vì chất lượng âm thanh quá tồi tệ khi ghi và sang băng, Joseph nghe không rõ lời giới thiệu. Nhưng anh bật người ngồi thẳng lưng lên ghế khi tai quen dần với những gì rõ ràng được ghi lại từ một chương trình phát thanh trên làn sóng ngắn:

“... Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết rõ ràng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người...” Trên thành ghế, các đốt ngón tay của Joseph bấu tới trắng bệch. Anh nhìn đau đáu và chăm chập chiếc máy ghi âm:

- Cảm ơn trời! Ít ra nó còn sống.

Gật đầu khốc liệt, Guy đưa ngón tay lên ngụ ý rằng cả hai nên nghe cho hết đoạn băng ghi âm. “... Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bất nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và tôi đánh giá vai trò của

tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...” Trong nín lặng và choáng váng, Joseph lắng nghe phần tự kiểm còn lại của Mark. Lúc Guy tắt máy ghi âm, Joseph vui mặt trong hai lòng bàn tay. Sau cùng, khi ngược lên trở lại, mặt anh xanh xao và anh nói qua hai hàm răng nghiến chặt:

- Guy, nó còn sống – nhưng chúng đối xử với nó khốn nạn tới mức nào mới khiến được nó phải nói ra những lời như thế?

Guy trả lời, giọng run rẩy xúc động:

- Chúng nó hành hạ Mark giống y như chúng hành hạ những kẻ khốn khổ nào lỡ lọt vào tay chúng. Mark gan góc cực kỳ nên có lẽ chúng phải hành hạ nó ác liệt nhất – đó có thể là lý do tại sao chúng tốn nhiều thời gian như vậy để vắt cho ra những câu nhảm nhí tục tĩu đó. Joseph hất hàm về phía máy ghi âm:

- Cái đó phát đi từ đâu vậy?

- Đài phát thanh Havana Cuba loan đi đêm qua.

Joseph lăm bầm chửi thề rồi nhắm mắt lại. Guy nói, giọng sôi sục:

- Giả dụ Mark không phải là cháu của tôi đi nữa thì những lời đó cũng làm tôi lộn ruột. Hơn nữa, vì biết nó vốn là thằng chân chất gan dạ nên cái đó khiến cho mình cảm thấy tệ hại gấp cả chục lần. Đứng lên khỏi ghế, Guy giận dữ sải chân bước ngang phòng và đứng nhìn chăm chặp ra ngoài cửa sổ:

- Anh Joseph này, liệu cái đó có làm cho trí óc anh suy nghĩ về mọi sự đơn giản hơn một chút không? Liệu nó có làm cho anh ít quan tâm hơn một chút tới “những phức tạp sâu xa và lâu đời” mà anh lúc nào cũng cảnh giác tới? Liệu nó có khiến cho anh tự hỏi rằng có phải toàn bộ những phức tạp này đều quả thật phát sinh từ “sự bóc lột bất nhân” đám dân chúng từng chịu đau khổ dưới thời Pháp thuộc?

Bằng giọng câu tiết, Guy tiếp tục trau chuốt bản trích dẫn những lời Joseph từng nói với hắn trước đây:

- Và phải chăng bản thân những kẻ ấy sở hữu tính nết khoái trá những trò tàn ác và vì thế chúng muốn sát hại, làm tàn phế hoặc làm tri độn người khác chỉ đơn giản là vì cái thú tính khốn kiếp đó? Joseph mệt mỏi thờ dài và đứng lên. Anh nói trầm tĩnh:

- Guy ạ, có lẽ chúng ta sẽ thảo luận vấn đề cũ rích ấy vào một dịp khác. Trong lúc này, tôi muốn mượn cuốn băng để nếu được thì tự mình nghe lại.

Người em đột nhiên hoà hoãn. Hắn quay lại bàn giấy, ngồi xuống và dịu giọng:

- Joseph, xin anh ngồi xuống đã. Anh có lý - có lẽ đây không phải là lúc chúng ta nói toạc ra những điểm bất đồng. Tôi yêu cầu anh qua đây không chỉ để nghe cuốn băng đó thôi. Có một vấn đề khác còn lớn hơn chuyện đó nữa.

Joseph ngồi thật yên trong lòng ghế, cặp lông mày lo lắng nhíu lại thành một đường lằn:

- Chú muốn nói tới vấn đề gì?

- Tất cả những chi tiết tôi sắp nói ra đây được chính thức xếp loại là mật – chỉ một mình anh nghe thôi, chịu không?

Joseph gật đầu đồng ý.

- Tháng vừa qua, Việt Cộng bắt đầu đưa ra các thăm dò bóng gió về việc thảo luận trao đổi tù binh và về những cái mà chúng gọi một cách ồm ồm ở trên nhũ là “các vấn đề chính trị khác...” Joseph mở lớn mắt kính ngạc:

- Có phải chú có ý nói Việt Cộng muốn thương lượng? Chuyện như thế nghe không hợp chút nào với tính cách của chúng, phải không?

- Trước đây, chưa từng xảy ra chuyện như thế. Nay thì nó có thể là vỏ bọc bao che cho một cái gì khác – chúng tôi không thể loại trừ khả năng đó. Nhưng dù sao đi nữa, rải rác suốt hai ba năm vừa qua, chúng tôi tóm được một số tù nhân quan trọng ở Miền Nam: các cán bộ đầu não của Mặt Trận Giải Phóng. Lốt của chúng dày cộm tới độ mấy ông bạn thẩm vấn người Việt của chúng tôi ở đây, tại Sài Gòn này, cũng không thể lột tới tận tên họ thật của vài đứa trong bọn chúng. Thông thường, bọn chúng vút hẳn vào sọt rác cái tên do cha mẹ đặt cho và mỗi đứa đều có ít nhất sáu bí danh. Anh thừa biết rằng không tên nào trong tập đoàn lãnh

đạo chính trị và quân sự ở Miền Nam này là không do Hà Nội phái vào – nhưng chứng minh cho được điều đó lại là một chuyện khác.

- Và chú hiện có những tiếp cận nhất định liên quan tới các tù nhân ấy, có phải chú đang có ý nói tới vấn đề đó?

Guy gật đầu:

- Đúng thế. Cách đây ba tháng, những móc nối đầu tiên qua các thành phần thứ ba đã làm lộ ra một danh sách nửa tá tù nhân mà Mặt Trận muốn ta phóng thích ngay. Chúng đề nghị rằng để đổi lại, các phi công Mỹ ở Hà Nội cũng sẽ được phóng thích. Suốt mấy tuần lễ vừa rồi chúng tôi không nghe thấy gì cả ngoại trừ đêm qua – chỉ mấy giờ sau khi lời tự kiểm của Mark được Đài phát thanh Havana loan đi.

Joseph vội vàng hỏi:

- Có phải chú cho rằng việc chúng cho truyền thanh lời của Mark tối qua là có dụng ý?

- Gần như chắc chắn. Dường như chúng đánh giá Mark là con chủ bài vì nó là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman nổi tiếng. Đêm qua, Mặt Trận đưa ra danh sách mười hai tù binh Mỹ, lần đầu tiên nêu rõ họ và tên – và trong số đó có tên của Mark.

- Nhưng Guy này, đó là một tin tuyệt diệu!

- Chúng ta hãy cố giữ cái tuyệt diệu đó như một triển vọng – hiện hãy còn quá sớm. Và âm mưu ấy còn dày đặc hơn nữa.

- Chú có ý nói gì?

- Trong danh sách các tù nhân của Sài Gòn mà Mặt Trận muốn ta phóng thích để trao đổi, có thêm một đòi hỏi mới – cho một tù nhân quả thật rất đặc biệt. Hắn bị bắt ở đồng bằng sông Cửu Long cách đây một năm. Kể từ lúc đó, hắn bị biệt giam trong một xà-lim vách sơn trắng, có gắn máy lạnh, tại tầng hầm của Sở Liêm Phóng Pháp thuở trước ở đầu đường Tự Do. Hắn cực kỳ cứng cỏi tới độ ngay cả họ và tên của mình hắn cũng không tiết lộ. Hắn chỉ được chúng tôi đề cập tới với biệt hiệu “người trong phòng trắng” – và đó cũng là cách mà Mặt Trận gọi hắn ở trong danh sách. Chúng tôi biết chắc chắn rằng ít nhất hắn cũng ở trong Ủy Ban Trung Ương của Đảng Lao Động – thậm chí còn có thể là Ủy viên Bộ Chính Trị. Chúng tôi đang bắt đầu nghĩ rằng có thể hắn chính là đối tượng của toàn bộ việc trao đổi tù binh này. Và có thể Việt Cộng chờ cho tới lúc này mới đòi hỏi tới hắn để giả bộ hạ thấp tầm quan trọng của hắn. Suốt mười hai tháng qua, hắn không nói một tiếng. Nhưng chúng tôi biết chắc chắn, một cách tuyệt đối, rằng hắn là một tên Hà Nội cao cấp nhất từ trước tới nay đang nằm trong tay của chúng tôi.

- Vậy tại sao chú kể hết chuyện đó cho tôi nghe?

- Vì đêm qua, sau khi xuất hiện tên của Mark,

bỗng dung tôi giật nảy người – anh có thể biết rất rõ một điều mà không một người Mỹ nào ở Sài Gòn này biết.

- Điều gì vậy?

- Trong thời kỳ hoạt động phản gián cho OSS, anh từng sống quanh quẩn nơi rừng núi Bắc kỳ suốt mấy tuần lễ với một nửa các Ủy viên Bộ Chính Trị hiện nay, đúng không?

Joseph thận trọng gật đầu. Guy tiếp:

- Tôi nghĩ khi nhìn “người trong phòng trắng” anh có thể biết ngay hắn là ai. Hắn có thể là một trong các người bạn cố cựu của anh. Việc xác định ra hắn sẽ giúp chúng tôi lượng giá được cuộc trao đổi tù binh này.

Nói tới đây, từ phía sau bàn giấy, Guy đứng bật dậy:

- Tôi thấy là mình có thể tới đó ngó qua hắn một chút.

- 7 -

Joseph rùng mình khi cánh cửa màu trắng của phòng giam đặc biệt dưới tầng hầm Sở Liêm Phóng cũ, bót Catinat thời Pháp, đóng sầm lại sau lưng anh và Guy. Đôi mắt anh tự động nheo lại dưới ánh chói lọi của những ngọn đèn pha sáng quắc từ bên trên đầu tỏa xuống, chảy lênh láng sàn phòng rồi phản chiếu lên bốn bức vách và dội ngược trở lại trần nhà mà mọi phía đều sơn một màu trắng toát đơn điệu. Qua các lỗ

lưới mắt cáo gắn ở mé cao trên vách, nghe rõ mồn một tiếng nhiều chiếc máy lạnh đặt đâu đó đang chạy vù vù, đều đều, và cái lạnh buốt nhói bên trong phòng cho thấy năng suất cực mạnh của chúng. Trên nền xà-lim diện tích khoảng hai chục thước vuông, người ta chỉ bày biện một xô nước nhỏ, một cái bàn, một chiếc ghế đẩu và một giường ván; tất cả đều sơn màu trắng lấp lánh. Trong góc phòng, bên cạnh xô nước, có một cái lỗ, lộ liễu và không che chắn, dùng làm nơi vừa đại tiện vừa tiểu tiện.

Nhân vật cư trú độc nhất trong xà-lim ngồi trên ghế đẩu xây lưng về phía họ – một dáng người đứng tuổi, nhỏ thó và rất co rút, mặc trên thân độc chiếc quần cụt màu trắng sờn xơ chỉ. Người ấy gần như cụp mình xuống tới hai lần với hai vai rút lên tận mang tai và hai tay ôm chặt hông để cố sức tự cung cấp chút hơi ấm cho thể xác đang run cầm cập của mình.

Guy nói giọng đều đều:

- Chúng tôi lập ra xà-lim này để đặc biệt dành cho hấn. Trong một cuộc hành quân của Lực lượng Đặc biệt, người ta bất chợt phát hiện bộ chỉ huy của hấn nhờ tình cờ bắt gặp một nhà bếp kiểu Điện Biên Phủ thuở trước ở gần Mộc Linh. Bọn cần vụ của hấn gồm sáu tên bảo vệ và hai tên đầu bếp nên chúng tôi biết mình đã lưới được một con cá cực lớn.

Đưa tay chỉ hai hàng lỗ thông gió đục cao

trên vách trong khi hai anh em cùng bước tới phía người tù, người CIA nói tiếp:

- Không phải lỗ nào trên lưới mắt cáo kia cũng dùng để dẫn không khí vào. Chúng tôi gắn các mi crô cực nhạy và các ống kính truyền hình để ghi nhận từng cử chỉ, từng âm thanh của hân suốt hai mươi bốn giờ trong ngày dù hân thức hay ngủ. Cho tới lúc này, hân không để lộ gì cả. Tuy vậy, cũng cho tới lúc này, hân chưa bao giờ mặt đối mặt với một sĩ quan OSS từng tiếp tay huấn luyện cái đám du kích Việt Minh còn con mà đây mơ mộng hồi năm 1945.

Guy cất cao giọng để âm vang rõ hơn trong xà-lim nhưng khi cả hai tới gần, người Việt Nam còm cỏi ấy vẫn không nhúc nhích, không quay lại. Thậm chí khi hai người Mỹ đi vòng tới đứng trước mặt, anh ta vẫn tiếp tục cúi mình, co ro ôm chặt thân thể tiều tụy bằng hai cánh tay gầy guộc trơ xương, và họ chỉ thấy đỉnh đầu anh ta cúi xuống. Guy thấp giọng, nói bằng tiếng Pháp:

- Này đồng chí, tôi đem một người bạn cũ của bác Hồ tới gặp nhà ngươi đây. Hãy để cho ông ta nhìn rõ ngươi một chút.

Trong một hồi lâu, người tù vẫn yên lặng cúi đầu xuống. Nhưng cuối cùng, khi anh ta nhướng mắt lên nhìn họ, Joseph bỗng căng cứng người và ém bụng hít vào nhẹ nhẹ. Dù hai gò má hốc hác lõm sâu và móng tóc bạc bị cạo sát

da đầu, đôi lông mày của một người học rộng và ánh mắt sáng quắc khiến Joseph lập tức nhận ra người Việt Nam ấy. Và ký ức anh quay trở lại thật nhanh thời điểm hai mươi ba năm trước, tới đôi ba ngày ngắn ngủi anh trải qua trên mỏm đá bên ngoài hang Pắc Bó trong thời gian anh được săn sóc phục hồi sức khỏe sau khi chiếc máy bay Warhawk bị rớt. Trong chớp mắt đôi bên nhận ra nhau. Mắt của Đào Văn Lật cũng mở lớn, ánh lên một thoáng phù du, rồi nét mặt lại trở về vẻ trống rỗng cũ.

Guy chăm chú quan sát cả hai người và hần ghi nhận được những dấu hiệu bất giác ấy. Tiếng hần sắc lạnh, không kèm được âm vang đặc thảng trong giọng nói của mình:

- Joseph, tôi có thể nói là anh nhận ra hần. Hần là ai vậy?

Tiếp tục nhìn Lật đắm đắm, đầu óc Joseph rối tung với những thôi thúc trái ngược nhau. Làm thế nào anh có thể kết hợp ổn thỏa trong tâm trí mình hình ảnh một người An Nam trí thức, trẻ tuổi và đầy lý tưởng, kẻ đã từng đọc thơ của Hồ Chí Minh cho anh nghe trên một sườn núi ở Bắc kỳ, với hình ảnh một lãnh tụ du kích chiến chuyên khủng bố phá hoại, pháo kích khu dân cư, ném lựu đạn vào nơi thị tứ, giết mìn xe đồ xe lửa, và rõ ràng cũng đã từng điều hành các chiến dịch đánh phá đẫm máu và không chừa một thủ đoạn nào của Việt Cộng

ở Miền Nam? Và nếu anh xác nhận nhân dạng rằng người tù này là một trong những phụ tá thân cận của Hồ Chí Minh, liệu việc đó có kích lệ chính phủ Mỹ trao trả anh ta để đổi lấy một nhóm các phi công bị bắt trong đó có thể gồm luôn cả Mark? Hoặc việc biết rõ người tù này thật sự là ai chỉ khiến cho họ thêm muốn giữ chặt anh ta lâu hơn nữa? Còn nữa, Hồ Chí Minh có thể sẽ không nhả Mark, thậm chí trả thù tàn khốc khi biết ra người chỉ mặt Đào Văn Lật chính là cha của nó?

Trong vài giây, Joseph dần vật cực độ. Anh không biết trong hai diễn tiến khả thi đó cái nào có thể đưa tới việc phóng thích Mark. Rồi không biết quyết định nên chọn cái nào, Joseph đột nhiên quay lưng lại với Lật. Anh nói chậm chậm:

- Tôi không biết chắc chắn. Tôi nghĩ mình có thể nhận diện được hắn – nhưng tôi không chắc lắm. Một vẻ nhẹ nhõm lướt qua khuôn mặt Lật. Và anh ta lại thêm lần nữa cúi đầu xuống, mắt nhìn chằm chập sàn phòng.

- Nhưng hắn từng là một tên trong bọn ở chung với Hồ Chí Minh trong động đá ở Bắc kỳ, phải không?

Giọng Guy giận dữ để quyết. Joseph quay lại đối đầu hắn và nói với nét mặt cau có:

- Guy này, tôi đã ở Việt Nam trong một quãng thời gian rất lâu, suốt bao nhiêu năm trời và

gặp gỡ vô số người. Tôi nghĩ mình có nhớ ra mặt của anh ta ở đâu đó – nhưng có thể là vào hai ba chục năm về trước. Và thuở đó anh ta không bị biệt giam suốt cả năm dài trong cái địa ngục trắng xóa này. Tôi thật sự không nhớ rõ mình có thể đã gặp anh ta ở chỗ nào.

Guy nói lạ làng:

- Ở Tòa Đại sứ chúng tôi có hình ảnh ngược trở lại bốn chục năm về trước. Chúng tôi thừa hưởng kho lưu trữ hình ảnh của Sở Liêm Phóng Pháp. Có thể anh nhận dạng được một bức ảnh có ghi tên trên đó.

Mắt người CIA liếc xuống Lật lúc này vẫn ngồi đưa mắt nhìn trống rỗng phía trước mặt với thái độ như thể hai người Mỹ đã bỏ đi tự lúc nào.

- Nhưng Joseph ạ, còn có một cái khác có thể giúp gợi lại trí nhớ của anh – nó được ghi vào hồ sơ là “những vết sẹo và đặc trưng cá biệt về thể xác”.

Nắm một cánh tay đang mắc trong còng của Lật, Guy lôi anh ta đứng lên. Rồi với cử động của bàn tay còn lại, Guy túm chiếc quần cụt lỏng lẻo của Lật tuột thật lẹ khỏi hai ống quyển, xuống tận sàn nhà. Vẫn túm chặt cánh tay của người Việt Nam để anh ta không thể cúi xuống kéo quần lên, hắn quay anh ta về phía Joseph theo cách làm sao để háng của anh ta phô ra trọn vẹn:

- Lúc này anh đã biết tôi có ý nói gì – hẳn chẳng có một hòn dái khốn nạn nào cả! Trơ vơ trong bàn tay nắm cứng của người Mỹ, Lật loay hoay rán hết sức vươn cái thể xác ốm o tàn tạ của mình lên để cố giữ đầu ngẩng thật cao nhìn thẳng tới bức tường trắng trước mặt, nơi đằng xa kia, cố sức phấn đấu giữ cho bằng được cái tư thế mà ít nhất theo tâm tưởng của anh, nó cũng biểu lộ một phẩm cách nào đó.

- Anh giải thích ra sao về cái này, Joseph? Liệu có thể hẳn từng là một loại thái giám nào đó ở cung đình Huế ngày xưa ngày xưa? Có phải đó là nơi có thể anh từng gặp hẳn?

Lật đang nghiêng qua lắc lại cố giữ thăng bằng. Joseph quay mặt đi ra cửa để khỏi phải nhìn cái thân thể còm cõi và bị thiếu của người Việt Nam sáu mươi lăm tuổi ấy.

- Guy, cái đó chẳng giúp ích được gì – hãy để cho hẳn mặc quần vào. Chúng ta đi thôi, về xem các bức ảnh.

Joseph gõ mạnh lên cánh cửa, cố ý cho cai tù bên ngoài biết cả hai muốn đi ra và không quay lại nữa. Nhưng trong khi chờ cửa mở, xuyên qua khe mắt, Joseph có thể thấy Lật đang run lấy bầy ngời khom người trên chiếc ghế đầu màu trắng. Hai cánh tay khẳng khiu và bị còng đang cố sức túm chiếc quần cụt tả tơi kéo lên che kín háng mình.

- 8 -

Vì phòng lưu trữ của CIA về hình ảnh những kẻ tình nghi khủng bố đặt ở tầng trên cùng của toà nhà sứ quán và được xếp chính thức vào loại “Mật” nên Guy phải tháp tùng Joseph đi qua mấy chốt kiểm tra an ninh và ở lại với anh suốt thời gian xem xét. Bên ngoài, thỉnh thoảng tiếng máy bay trực thăng quạt nhịp phần phật nghe rõ mồn một khi đáp xuống hoặc bốc lên từ nóc toà nhà, hợp với tiếng loạch xoạch đơn điệu từ trên rầm thượng của mấy chiếc máy cắt giấy đang xén vụn hồ sơ phế thải, tạo thành một bối cảnh âm thanh đều đều buồn tẻ trong khi Joseph bắt đầu công việc gian nan là xem xét tỉ mỉ tủ hồ sơ dự trữ gồm hàng trăm bức ảnh cũ trong các ngăn kéo nằm rời nhau.

Đứng sau lưng Joseph, Guy chăm chú quan sát. Thỉnh thoảng hắn sốt ruột quay mặt nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ bằng nhựa, xuyên qua các lỗ hổng nơi mu rùa lá chắn chống hoá tiễn, ngó xuống quãng đường cấm xe cộ bên dưới. Joseph làm việc một cách máy móc, lướt qua một chuỗi những bộ mặt người Việt vô danh bị chụp hình bên dưới các biểu ngữ chống đối người Pháp hồi thập niên 1930 mà không thật sự xem xét chúng. Anh chỉ thấy độc nhất trong tâm trí mình khuôn mặt hốc hác của Đào Văn Lật, bị giam giữ trong một ngục sâu lung linh và trống trải nơi có vẻ thích hợp với cảnh

giới của truyện khoa học giả tưởng hơn là bản doanh cảnh sát. Sau vài phút, Joseph ngừng tay. Anh quay lại nhìn chú em rồi hỏi với giọng băn khoăn:

- Ý tưởng lập ra cái xà-lim ác mộng đó là của ai vậy Guy?

- Tại đây là do CIA tưởng tượng ra.

- Nhưng sao lại sơn màu trắng? Tại sao nhiệt độ gần như đông lạnh và thêm nữa, có các ống kính thu hình thám sát?

- Anh thừa biết rằng người Việt Nam nào cũng lật đật chạy đi mặc áo lạnh khi nhiệt độ xuống dưới hai chục độ, phải không? Giống với hết thầy đồng bào của mình, người tù sẽ mừng tượng mạch máu của hân co rút lại trong nhiệt độ lạnh – đó là kỹ thuật làm mất định hướng. Cũng vì lý do đó nó được sơn màu trắng.

- Một nơi như thế có vẻ khiến người ta mất trí hơn là làm cho người ta mở miệng.

Guy lẹ làng đáp trả:

- Thật là một tình cảm đáng ngạc nhiên, phát xuất từ một người vừa biết tin con trai mình bị hành hạ tới nổi tri độn tại Hà Nội.

- Nhưng đó không phải là lý do khốn nạn khiến cho chúng ta phải làm như thế!

Guy cố ý đặt cả hai tay lên mặt tù và chồm người tới trước:

- Anh nghe đây! Ngay tại Sài Gòn này, những người bạn đồng minh nhỏ thó của chúng ta

cũng hiểu rõ kỹ thuật “thuyết phục dịu dàng” không kém người anh em ruột thịt của họ tại Hà Nội. Và chúng tôi không thể ngăn cản chuyện đó – anh nhớ cho đây là xứ sở của họ. Chúng tôi phải cương quyết đặt ông bạn của chúng ta vào xà-lim đặc biệt đó là để mang hắn ra khỏi nanh vuốt của họ – nghĩa là để bảo vệ hắn. Những người Việt Nam canh gác và phụ trách máy ghi âm và thu hình là do chúng tôi trả lương – họ là nhân viên của CIA. Chúng tôi dứt khoát phải làm như thế. Nếu để hắn cho người Việt Nam Cộng Hòa thì hắn toi mạng từ lâu rồi.

Joseph khịt khịt mũi cáu tiết:

- Chúc mừng chú! Chú đã khám phá ra một hình thức tra tấn nhân đạo đầu tiên trên thế giới!

Guy trả miếng:

- Nếu anh rất quan tâm tới ông bạn của chúng ta thì anh chỉ việc tìm cho ra một tấm hình và cho chúng tôi biết họ với tên của hắn. Lúc đó, hắn sẽ mở miệng. Nghe xong chúng tôi sẽ khoác cho hắn một cái áo ấm, và anh sẽ hoàn toàn thấy rằng dù sao đi nữa làm như thế vẫn tốt hơn. Anh không hiểu ư? Chúng ta đang có cơ hội bằng vàng để đạt tới một thoả thuận to lớn qua đó sẽ khiến cho Mark được phóng thích – nếu anh làm được chỉ một việc thôi là làm sao cho bật ra cái họ và tên của hắn.

Vì khuôn mặt của Guy quá gần, Joseph bất chợt nhận ra một cách sắc sảo hơn bao giờ hết

cái nét gô-loa trên vế mặt của hắn. Tóc đen, mặt nhỏ và dài. Vế mặt hăm hở ấy bỗng dung nhắc anh nhớ tới một người anh biết rất rõ. Và anh giật mình rúng động trong lòng khi nhận ra mình đang nhìn một phiên bản khác của bộ mặt Paul Devraux thời trai trẻ. Đôi mắt Guy bốc lửa, cùng một loại dám sống dám chết với cái lý tưởng mà chung cuộc đã chứng tỏ cho người Pháp đó thấy tính định mệnh của nó. Ngay khoảnh khắc ấy, Joseph quyết định bỏ qua bất cứ bức hình nào trông có vẻ giống Lật, có thể được anh tìm thấy trong phòng lưu trữ này. Không đáp trả Guy, anh quay lại tủ hồ sơ. Rồi với cử chỉ máy móc, Joseph lại bắt tay tiếp tục việc kiểm tra các bức hình.

Trong gần mười lăm phút, Joseph lọc lựa hết ngăn kéo này sang ngăn kéo khác, cố ý tạo ấn tượng rằng anh đang xem xét cận kề từng phong bì bên trong đựng ảnh và làm như chú mục nhìn kỹ hơn vài bức rồi lướt qua thật lẹ các bức khác. Cùng với tiếng đồng hồ kêu tích tắc, Guy càng lúc càng thêm nôn nóng. Trong khi chờ đợi, hắn bắt đầu nhấc chân bước, chậm chậm đi tới đi lui. Tình cờ, Joseph quyết định nhìn tỉ mỉ hơn một bức hình có vẻ như một chân dung vô danh nào đó. Rồi một bộ mặt phụ nữ hiện ra dưới mắt Joseph làm tim anh nhảy thót trong lồng ngực.

Dù ánh mắt của Joseph chưa hoàn toàn tập

trung nhưng đôi gò má cao với hai con mắt đặc biệt sáng rực, từng có thời hết lượt này tới lượt khác khẽ gặp anh lúc nào là chiêm chọc và kết án anh lúc đó, đã làm loé lên trong anh một thông điệp. Nó được gửi trực tiếp và nhanh nhạy tới một bộ phận nào đó trong đầu anh khiến óc não vốn thường trực thao thức đón chờ nay bùng lên vì đã tới khoảnh khắc tiếp nhận.

Bức hình có vẻ như được phóng lớn, chụp bằng ống viễn kính từ một điểm rất xa. Không đội nón và rõ ràng không biết mình đang bị chụp lén, đứa con gái của anh trong bức ảnh với mái tóc dài buông xuống phía trước vai trái, thắt bằng chiếc nơ dày và xinh xắn. Phía sau nó là hậu cảnh một xóm nhà tranh và mấy lùm dừa nước gợi cho thấy nó đang ở tại một làng quê vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với hai tay run lẩy bẩy, Joseph lật bức hình và đọc hàng chữ đánh máy ở mặt sau: “Tuyết Lương, tỉnh Long An, tháng Giêng năm 1963.”

Sau một lúc chết lặng nhìn bức ảnh, Joseph nhận ra Guy đã dừng bước. Đứng từ đằng kia phòng, hắn đưa mắt ngó tới và thấy anh mình đang nhìn chăm chú. Trong một thoáng, ánh mắt hai anh em chùng lại, rồi Guy bắt đầu bước về phía Joseph. Nhưng hắn chưa kịp tới kế bên, Joseph đã bình tĩnh cho bức hình vào lại phong bì bằng giấy màu nâu và nhét nó vào nằm lẫn giữa các phong bì khác.

Guy sắc giọng hỏi:

- Anh đã tìm ra ai có vẻ giống hần chưa?

- Chưa – không có ai đáng để ý.

Joseph nói, không nguốc mắt và tiếp tục kiểm tra từ hồ sơ này qua hồ sơ khác suốt năm phút. Sau đó anh đứng lên, dụi mắt:

- Guy, chú có phiền lòng không nếu chúng ta tạm ngưng ở đây và để một lúc nào khác sẽ làm xong việc này? Tôi muốn có chút thì giờ ra bên ngoài để nghe lại cuộn băng của Mark. Và có lẽ liên lạc với Gary nữa để báo cho nó biết.

Guy miễn cưỡng gật đầu:

- Được thôi. Có điều chúng ta rán trở lại với việc này càng sớm càng tốt.

Hần tháp tùng Joseph tới lối ra của Đại sứ quán rồi lập tức quay lại phòng lưu trữ hình ảnh. Đi một mạch tới ngăn kéo cuối cùng nơi Joseph vừa làm việc, hần xem xét những bìa hồ sơ quần một góc bên trong đựng các bức ảnh. Lúc này, khi bước về phía Joseph, Guy đã cẩn thận liếc tẩm bìa hồ sơ mà Joseph đặt lại vào đó một tấm hình rõ ràng vừa làm cho ông anh giật mình. Để ý trên góc tẩm bìa đó có chút sòn rách, hần ghi nhớ vị trí phía trước cái ngăn kéo Joseph vừa xếp hồ sơ vào đó. Giờ đây, kéo ngăn ra thêm lần nữa, Guy lôi ra một bức ảnh. Hần bắt gặp khuôn mặt xinh đẹp của một thiếu nữ trông có vẻ như người có cha mẹ dị chủng. Lật mặt sau tấm hình, hần đọc câu ghi chú rồi viết

họ tên thiếu nữ cùng số tham khảo vào một mảnh giấy. Guy bốc điện thoại lên gọi và một viên phụ tá xuất hiện nơi khung cửa. Hắn yêu cầu anh ta kiểm tra họ và tên của thiếu nữ trên máy điện toán. Xong, hắn vẫn ở lại trong phòng lưu trữ, thỉnh thoảng ngắm bức ảnh. Năm phút sau, người phụ tá quay lại với một tờ giấy vừa in ra trên tay. Anh ta nhìn xuống tờ giấy và nói:

- Suốt ba năm vừa qua, có đưa vào hồ sơ mấy bản báo cáo về tung tích của Tuyết Lương nhưng không bản nào được xác nhận và được tiếp tục theo dõi. Báo cáo từ Qui Nhơn và Đà Nẵng cho biết thường thấy cô ta tại hai nơi đó. Báo cáo sau cùng là từ Huế hai tháng trước đây. Tội nguyên thủy của cô ta là tình nghi hạ sát hai nhân viên cảnh sát an ninh VNCH vào năm 1961. Và người ta tin rằng một tháng sau đó, cô ta đã ném lựu đạn vào hai nhân viên hoạt vụ của ta. Cả hai thoát chết, chỉ bị thương nhẹ. Hai bản báo cáo đầu tiên về tung tích chỉ có tính thông lệ. Khi nhận được chúng, đã không có hành động tiếp theo nào vì lúc ấy có nhiều hồ sơ khẩn cấp ưu tiên. Báo cáo sau cùng vẫn nằm y nguyên trong hồ sơ vì không người nào có đủ quan tâm để dõi theo nó. Có thể nói trong thời gian hiện nay, Tuyết Lương không có gì đáng chú ý nữa.

Guy gật đầu, cầm lấy bản in trên tay người phụ tá:

- Cho lệnh Huế kiểm tra dấu vết. Khi nhận được kết quả, lập tức báo cho tôi biết. Người phụ tá trả lời nhanh nhẩu:

- Vâng thưa ông. Tôi tiến hành việc đó ngay bây giờ.

- 9 -

Tối đó bên bàn ăn, Joseph ngồi một mình, mắt lẳng đàng nhìn vào bóng tối bên kia mấy ngọn nến vừa được bác bếp thắp lên. Tô canh chua đặt trước mặt hơn mười lăm phút anh không chạm đũa đang nguội dần. Cứ cách vài phút, bác bếp lại thập thò trước cửa nhìn ra, xem anh dùng xong chưa để dọn lên món kế tiếp. Sát bên khuỷu tay Joseph để sẵn một chai rượu đế Việt Nam loại Gò Đen nguyên chất và một chiếc ly có chân, nhỏ và mỏng. Anh thường đều đặn nâng ly nhấp chút rượu gạo nồng đượm ấy nhưng không muốn đụng tới thức ăn.

Lúc con người thấp và mập của bác bếp im lặng xuất hiện bên cạnh, Joseph giật mình ngó lên. Rồi anh đưa tay ra dấu xin lỗi khi thấy người Việt Nam nhìn anh với vẻ trách móc vì tô canh vẫn còn nguyên:

- Bác Hoi ạ, tôi xin lỗi - tối nay tôi không cảm thấy đói.

Người bếp phàn nàn bằng nụ cười năn nỉ:

- Nhưng Monsieur Sherman, canh chua là món canh ngon nhất của tôi. Ông không biết

chứ nó là món đặc sản; gồm cá lóc, giá, khóm, cà chua, đậu bắp, bạc hà... Tôi nấu toàn đồ ngon đồ bổ cho ông ăn. Monsieur chịu khó ăn đi. Món bò nướng lá lốt cũng chín tới nơi rồi.

- Không sao đâu bác Hợi. Bác cứ mang món bò nướng lá lốt ra đây cho nóng. Tôi sẽ rán ăn đôi chút.

Người Việt Nam cầm tô canh lên, vội vã bung trở vô nhà bếp. Bác chưa trở ra với món bò nướng bỗng có tiếng điện thoại reo. Joseph nghe bác trả lời giọng ấp úng, lơ lơ thú tiếng Anh ngắc ngư chêm mấy tiếng Pháp bồi. Khi xuất hiện trở lại với mấy xâu thịt bò xanh đượm - bò vằm thật nhuyễn ướp gia vị, gói trong lá lốt rồi nướng trên lửa than thật hồng - bác mỉm cười sung sướng:

- Monsieur Sherman, em ông mới gọi đó. Ông ấy hỏi tôi ông có nhà không. Khi tôi nói ông đang ngồi một mình, ông ấy bảo sẽ tới đây ngay. Tôi mang thêm chục xâu bò nướng lá lốt cho ông em của ông có được không Monsieur Sherman?

Mặt Joseph thoáng mờ, rồi anh gật đầu:

- Được, nếu chú ấy chưa ăn tối.

Mười lăm phút sau Guy tới. Bác bếp cười tươi rồi dẫn khách vào phòng ăn. Chưa đầy một phút, đĩa bò nướng đã được đặt xuống trước mặt khách. Guy nói với vẻ như xin lỗi:

- Tôi không có ý tự động tới đây để dùng bữa

tối. Thật ra, tôi chỉ muốn nói chuyện với anh. Rót rượu trắng cho cả hai anh em, Joseph đáp với vẻ mặt dè dặt:

- Chủ tối lúc này càng tốt. Bác bếp của tôi thích có người thường thức công trình nấu nướng của bác nhưng tối nay tôi lại phụ lòng bác. Washington có phản ứng gì về việc trao đổi tù binh chưa?

- Chưa – nhưng chúng tôi nhận được một yêu cầu khẩn cấp của Bộ Ngoại giao về việc cố tìm cho ra “người trong phòng trắng” thật sự là thằng cha nào. Chẳng người nào ở thủ đô Washington ưa nổi cái ý tưởng để cho một kẻ không tên không họ được ra đi tự do.

Guy nhấp rượu và bắt đầu ăn. Hắn sử dụng đôi đũa bằng động tác thành thạo lạ thường:

- Đó là lý do tôi có mặt tại đây – để cố thuyết phục anh tối nay quay lại Tòa đại sứ nhằm tra cứu cho xong mấy bức hình.

Thay vì trả lời, Joseph uống cạn ly rồi lại rót đầy. Anh không nhìn em cũng không chạm tới món bò nướng. Trong vài phút, Guy im lặng ăn rồi đẩy đĩa ra xa, ngồi dựa ngửa ra lưng ghế. Hắn nói với giọng nôn nóng:

- Joseph này, anh biết không, tôi chẳng bao giờ có thể đọc được những gì đang diễn ra trong đầu anh. Anh luôn luôn tỏ ra hết sức lạnh nhạt với tôi vì những lý do chỉ một mình anh biết rõ. Còn tôi, tôi chấp nhận chuyện đó như là định

chuẩn tới một mức nào đó, trong quan hệ giữa anh và tôi. Nhưng thật khốn nạn, tôi bắt đầu nghĩ rằng anh hẳn là một loại sinh vật nào đó có máu lạnh từ đầu tới chân. Phải chăng anh không có chút cảm xúc nhân tính nào? Sau hai năm trời, anh mới biết được thằng con trai thứ hai của anh còn sống trong khi có thể nó đã chết. Rồi thay vì làm hết sức mình để giúp nó, anh lại nhốt mình một chỗ, trong cái biệt thự này. Anh ngồi ăn tối một mình và không làm gì cả! Tôi thật sự hoàn toàn hiểu không ra.

Joseph đặt ly xuống, nhìn đưa em ngồi bên kia bàn:

- Guy ạ, bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu người tù trong phòng trắng ấy đúng là một kẻ nằm trong hàng ngũ chớp bu do Hà Nội phái vào, thì việc đó có thể làm hại toàn bộ cuộc thương lượng liên quan tới Mark. Nghĩa là người nắm quyết định giữ hoặc thả hoặc trao đổi hẳn chắc gì sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của chú? Bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu tôi nhận diện được hẳn một cách xác thực, thì hành động đó của tôi tự nó có thể khiến cho Hà Nội kết án Mark chịu thêm vài năm bị hành hạ khổ sở – thậm chí có thể tàn tệ hơn nữa?

Trong một chốc, Guy trầm ngâm nhìn Joseph. Khi mở miệng trở lại, giọng của hẳn bỗng có thiện cảm hơn:

- Tôi nghĩ tôi đã không nhìn vấn đề từ góc độ

đó. Vậy phải chăng như thế có nghĩa anh biết rõ hẳn là ai – nhưng lúc này anh không nói ra?

Joseph đột ngột đứng lên, rời bàn và bước vào nhà bếp. Khi trở ra, anh mang theo một chai rượu để còn nguyên. Rồi vẫn im lặng, anh rót đầy ly của hai anh em. Guy cầm ly mình lên:

- Thôi được. Tôi có thể thấy là anh không muốn trả lời câu hỏi đó. Ngay lúc này, tôi không hối thúc anh về chuyện đó nữa. Nhưng có lẽ chúng ta đang đạt được một tiến bộ nào đó. Lần đầu tiên trong đời mình, anh thật sự san sẻ tâm sự với đứa em quá ít tuổi hơn anh này. Có lẽ chúng ta nên uống mừng điều đó.

Guy vừa nhếch mép cười vừa nâng ly lên môi. Dù giọng điệu hơi có vẻ châm biếm, thái độ của hắn mềm mỏng một cách đáng chú ý. Bỗng dưng Joseph cảm thấy lòng nhoi nhói ân hận vì đã luôn luôn giữ thái độ xa cách đối với em. Anh nói tần ngần:

- Guy ạ, có lẽ tôi cũng nên kể cho chú nghe một chuyện khác nữa. Hôm nay, không phải tôi chỉ bị choáng váng một lần thôi – nhưng trong khi lướt qua các bức ảnh đó, tôi còn bị một cú choáng váng thứ hai.

- Phải chăng anh có ý nói là khi anh nhìn vào bức ảnh cô gái nhà quê ấy...

Nói tới đây Guy ngừng lại một cách đầy ý nghĩa rồi hỏi:

- Tuyết Lương?

Mắt Joseph mở lớn kinh ngạc:

- Làm sao chú biết?

- Tôi thấy vẻ mặt của anh khi đó. Lúc anh chuỗi nó vô lại gần kéo, tôi ghi nhớ trong đầu mình vị trí đặt hồ sơ đó. Sau khi anh ra về, tôi kiểm tra nó và tôi đoán chắc cô ta là người anh từng gặp vào một lúc nào đó – một người mà lúc đó anh không nghĩ nó là Cộng Sản. Phải vậy không?

Joseph cúi đầu xuống. Anh nói trong khi mắt nhìn mặt bàn:

- Không. Không đúng. Tuyết Lương là con gái của tôi.

- Con gái của anh?

Guy há hốc miệng không tin nổi. Trong một lúc hần ngồi yên nhìn Joseph chăm chăm. Kể đó hần gật gù mấy lần:

- Tôi nghĩ lúc này mình đã hiểu tại sao anh ngồi đây trong bóng tối và không nuốt nổi bữa ăn chiều.

- Từ năm 1954 tới nay tôi không gặp Tuyết – lúc đó nó mười bảy tuổi. Kể từ khi trở lại đây, tôi nghe người ta nói tới một người có cái tên giống như tên nó đang nằm trong danh sách “truy nã” – nhưng tôi thật sự không bao giờ tin những lời đồn đãi đó cho tới sáng nay, khi nhìn thấy bức ảnh ấy.

- Nhưng mẹ của nó là ai? Và lý do khốn nạn nào khiến nó đi qua phía Việt Cộng?

Joseph trả lời với vẻ cam chịu:

- Guy ạ, chuyện dài lắm. Nhưng nếu chú có thì giờ thì tôi rất muốn kể hết cho chú nghe.

Guy nói thật lẹ:

- Anh kể đi, nếu việc đó làm anh nguôi ngoai và tôi có thể giúp được phần nào.

Bằng giọng đôi khi nghèn nghẹn vì xúc động, Joseph kể cho chú em nghe về sự dính líu lâu dài giữa anh với Lan và Tuyết, không giấu diếm điều gì. Khi anh chấm dứt, Guy thở ra một hơi thật trầm và thật mạnh:

- Trong nhiều năm trời, tôi có nghe nói loáng thoáng trong gia đình về cái chuyện lẩn quẩn ấy nhưng tôi không bao giờ tưởng tượng nổi những chuyện đó lại hoàn toàn có thật và xảy ra trong cuộc đời của anh.

Guy cầm chai rượu lên, thêm lần nữa rót đầy ly của Joseph và của mình. Hai anh em lặng yên trong một trạng thái không nói nhưng đầy cảm thông. Sau cùng, Guy cất tiếng với giọng kinh ngạc:

- Joseph này, anh có biết không, đây là lần đầu tiên trong đời anh không đắn đo giữ kẽ với tôi. Tôi tán thưởng thái độ ấy còn hơn anh tưởng nữa. Lúc còn bé, tôi cứ băn khoăn ngẫm nghĩ hoài về việc tại sao anh lại có thái độ nhu thế cố tình gây thương tổn cho tôi hoặc cố tình ghét bỏ tôi. Trong một thời gian rất dài, anh khiến cho tôi có cảm tưởng rằng tôi bất xứng, không

đáng làm em của anh hoặc của anh Chuck. Anh có nhớ không?

Joseph đáp lại, giọng trầm hẳn:

- Tôi biết. Tôi biết mình đã cư xử như thế đối với chú, và chưa bao giờ tôi có chút hãnh diện nào về thái độ đó - thật ra chú chẳng có lỗi gì trong việc đó.

Guy mỉm cười hoang mang:

- Anh nói như vậy là có ý gì?

- Tôi hoàn toàn phi lý. Tôi đã qui trách cho chú về một việc không can dự gì tới chú.

- Đó là việc gì?

Trong khi cân nhắc lời lẽ để trả lời, Joseph choáng váng nhận ra rằng anh đang vô tình đi tới điểm sắp sửa kể cho Guy nghe câu chuyện từng được anh thể sẽ giữ câm lặng suốt đời. Liếc chai rượu đế thứ hai trên bàn, đặt ở giữa hai anh em, Joseph thấy chỉ còn một góc chai và anh ân hận mình đã để cho rượu vào lời ra. Đưa tay lên dụi hai mắt, anh nói thật lẹ:

- Bỏ qua đi Guy. Đó chỉ là rượu nói thôi.

Guy trút hết phần rượu còn lại vào cả hai ly rồi cười lớn:

- Không được. Anh không thể chuẩn êm như vậy được. Lúc này rượu đã bắt đầu nói rồi thì cứ để nó nói luôn cho xong chuyện.

Trong cùng một lúc, cả hai nâng ly lên uống và Joseph đáp lại với một nụ cười:

- Guy ạ, tôi không biết chắc là mình nên bắt

đầu câu chuyện như thế nào – nhưng tôi nghĩ chủ có lý – nó là một cái gì đó quả thật chủ nên biết trọn vẹn từ đầu tới cuối...

Guy cười thúc giục:

- Anh nói lên, bỏ cái lối úp úp mở mở đó đi. Tối nay tôi lớn bộn rồi!

- Thôi được. Có bao giờ chủ tự hỏi tại sao bố và mẹ chung sống với nhau chừng ấy năm trời trong ngôi nhà rộng thênh thang ở Georgetown mà mỗi người lại ở riêng một tầng lầu? Có bao giờ chủ tự hỏi tại sao mẹ uống quá nhiều rượu vào những năm cuối đời của bà? Có bao giờ chủ tự hỏi tình trạng đó xảy ra đã bao lâu rồi không?

Guy mỉm cười yếu ớt:

- Không. Quả thật tôi chưa hề suy nghĩ tới tình trạng đó. Lúc đó, tôi cứ cho rằng một thượng nghị sĩ Virginia ưa náo nhiệt như bố thì lúc nào cũng cần nhiều không gian cho những sinh hoạt chính trị khoa đại và phô trương của ông, và bà mẹ khôn ngoan của chúng ta thích giữ một khoảng cách an toàn đối với bố.

Nhìn sâu vào đáy ly rượu, Joseph bỗng dung thấy lại hình ảnh của mẹ vào thời điểm khoảng một tháng trước ngày bà từ trần. Hôm đó Flavia đón anh và đưa lên các phòng riêng của bà được trang trí lộng lẫy nơi mấy tầng trên của toà nhà to lớn tại đường Dunbarton, Georgetown. Ở mỗi đầu chiếc bàn dùng đãi tiệc trưa đều sắp riêng ra cho Flavia nhiều chai rượu. Và bà một

mình uống hết một chai rượu trắng. Uống xong, Flavia thả ly rượu hình bầu dục vô lò sưởi. Rồi bà vừa khóc nức nở trong hai cánh tay của con trai vừa thổ lộ điều bí bà gọi là “bí mật khủng khiếp” về sự chào đời của Guy. Bà kinh hãi nhìn Joseph khi anh bảo rằng anh biết điều đó từ lâu. Rằng đêm ấy anh đã tình cờ thấy bà trong cơn bão rừng khuya và anh đã nhận ra Guy càng lớn càng giống hệt người cha ruột của hắn. Trước khi Joseph ra về, bà bắt anh hứa sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật ấy cho cha anh hoặc Guy biết. Lúc này, trong khi Joseph chợt nhớ lại và Guy chờ anh kể tiếp câu chuyện, lời thề ấy thêm lần nữa ám ảnh trí óc anh. Anh bỗng nghe mình chất lưỡi:

- Guy ạ, chú biết không, chuyện không hoàn toàn đúng như chú nhớ. Bố và mẹ không chỉ sống riêng mỗi người một tầng lầu suốt hai mươi năm sau cùng mà thôi – thậm chí từ vài năm trước khi chú ra đời, bố và mẹ đã không ở chung với nhau một tầng lầu.

- Có phải đó là lý do khiến ông già thích nhắc lại và thường đùa cợt với tôi rằng tôi được “gây giống” ở trong rừng nhân một chuyến đi săn?

- Đúng ở một mức độ nào đó – nhưng cái mà ông không bao giờ biết là sự thật của sự việc đó như thế nào.

- Joseph này, ngang đây thì cách tốt nhất là anh nên làm rõ ra anh có ý nói tới cái gì, để

cả anh lẫn tôi đều hiểu rõ những gì anh đang nắm được.

- Guy ạ, tôi đang tìm cách kể cho chú nghe đây. Rằng cái người mà lúc nào chú cũng nghĩ là bố ấy, người đó không thật sự là cha ruột của chú.

Nụ cười lập tức tắt dần trên bộ mặt của Guy. Môi hắn mím lại. Bộ mặt hắn từ từ biến thành một cục đá. Sự tiết lộ tàn nhẫn đó làm hắn nín lặng. Và Joseph cảm thấy một đợt sóng cảnh giác đang trào lên trong lòng mình. Anh vội vàng nói:

- Ngoài tôi ra, không một người nào khác biết chuyện này Guy ạ. Tôi đã thề không bao giờ kể với ông ấy – hoặc với chú – nhưng tôi nghĩ chú có quyền biết.

Guy hỏi dūr dơi giữa hai hàm răng nghiền chặt:

- Và vì lý do khốn kiếp nào mà anh được chia sẻ cái bí mật khủng khiếp đó?

- Mẹ thổ lộ với tôi mấy tuần lễ trước khi bà qua đời. Mẹ bị dần vật tâm trí và bà phải kể với một kẻ nào đó để vơi bớt khổ não.

- Nhưng tại sao kẻ đó phải là anh?

- Có lẽ mẹ cảm thấy rằng tôi hiểu câu chuyện về trại săn ấy là có thật. Chú biết không, vị thượng nghị sĩ vĩ đại của Virginia đã say quắc cần câu trong đêm xảy ra việc đó. Tôi thấy ông đi chân nọ đá chân kia khi về lều của hai ông bà.

Rồi một lát sau, liếp lều mở và tôi thấy mẹ chạy ra ngoài, dưới trời mưa bão...

- Thế rồi anh đóng vai kẻ ưa nhìn lên! Hèn gì anh biết mặt cha ruột của tôi!

Guy cao giọng kết án và Joseph gật đầu.

- Thế thì ông ấy là ai?

- Một người Pháp hướng dẫn săn bắn – một cựu sĩ quan quân đội Pháp. Sau đó, ông ấy làm thanh tra Sở Liêm Phóng tại đây, vào những năm ba mươi.

- Ông ấy còn sống không?

Joseph lẹ làng lắc đầu:

- Ông ấy bị những người Việt Nam theo Cộng Sản chủ nghĩa ám sát tại Huế năm 1936. Guy đứng bật dậy, chiếc ghế sau lưng hắn ngã đánh rầm xuống sàn nhà. Mặt hắn trắng bệch, hơi thở hắn đứt đoạn:

- Vậy là từ đêm ấy về sau, cậu bé Joseph nhóc tí làm ra vẻ mộ đạo của mẹ quyết định sẽ dành suốt cuộc đời mình đưa mũi khinh khinh ngó xuống thằng em út của nó vì nó coi hắn là thằng con rơi con rớt – có đúng vậy không?

Joseph khốn khổ ngược mắt nhìn lên mặt em:

- Guy ạ, tôi nghĩ, tự trong thâm tâm mình tôi luôn luôn biết mình có thái độ đó là sai – nhưng dù sao đi nữa, tôi không thể rũ sạch ý nghĩ ấy. Tôi xin lỗi.

- Đừng xin lỗi mất công!

Mắt Guy rục lên tia nhìn dữ dội và lạnh như băng. Trong một thoáng, Joseph nghĩ hắn sắp sửa mắng như tát nước vào mặt mình. Nhưng Guy cố sức tự chủ:

- Nếu trong bụng anh còn những bí mật kinh tởm nào nữa của gia đình thì cứ giữ lấy cho riêng anh - tôi không muốn nghe nữa!

Guy xoay người rào bước ra ngả cửa hông của biệt thự. Nhưng hắn chưa tới cửa, Joseph đã đứng bật lên, lật đật chạy theo:

- Guy, chờ chút! Nếu tôi nghĩ ra chú phản ứng như thế này thì tôi đã không bao giờ kể cho chú nghe...

Anh chưa tới nơi, cửa đã đóng sầm vào mặt anh. Khoảnh khắc sau, Joseph nghe tiếng xe hơi khởi động trên đường phố bên ngoài. Máy xe rú lên như điên trong một hai giây rồi có tiếng bánh xe nghiêng xuống mặt đường nhựa, lao đi thật nhanh.

Joseph ngồi suốt đêm không ngủ. Tới nửa đêm, tiếng pháo nổ vang rền trên đường phố thoát đầu làm anh giật nảy người. Rồi anh nhớ lại đêm nay giao thừa và mai là ngày Tết con khi. Pháo nổ liên tục suốt mấy tiếng đồng hồ. Anh pha cho mình mấy ly cà-phê rồi thao thức đi tới đi lui trong nhà, lắng nghe tiếng pháo. Thình thoảng, Joseph ngồi xuống ghế, mê thiếp chập chờn. Nhưng khi trời vừa rạng sáng, anh ra vườn đi dạo.

Không biết bao nhiêu lần Joseph dần vật mình khi nhớ lại cuộc đối mặt đau lòng và tủi cực giữa anh và Paul Devraux tại Điện Biên Phủ. Lúc ấy cũng như lúc này, anh đã nhẹ dạ tin tưởng rằng sự thật sẽ chinh phục mọi người và khi biết sự thật, người khác sẽ cảm thông và độ lượng vì sự chân tình và lòng thành thật của anh. Nhưng rồi đức tin nông nổi đó lại chính là nguyên cơ gây ra phiền muộn sâu xa. Joseph thờ dài cả trăm lần và nguyện rửa mình suốt đêm về sự ngu ngốc đó. Anh cố nghĩ cho ra một phương cách nào đó để hàn gắn với Guy nhưng rồi anh nhận ra, với cảm giác tuyệt vọng, rằng không còn đường trở lui nữa.

Tới lúc bác bếp đến và bắt đầu làm việc, Joseph tắm rửa cạo râu và yêu cầu dọn bữa sáng ngoài hàng hiên. Đang giữa bữa điểm tâm, có tiếng chuông cửa sân trước reo vang. Khi bác bếp mở cổng, Joseph kinh ngạc thấy Guy đang đứng trên vỉa hè, tay xách cặp.

Người Việt Nam tươi cười dẫn Guy tới bàn ăn sáng. Hai anh em ngồi im lặng cho tới khi cà phê và bánh ngọt được dọn ra. Guy tí toáy con dao ăn một hồi lâu, rõ ràng đang bứt rứt. Cuối cùng, khi mở miệng, mắt hần vẫn nhìn chằm chặp xuống đĩa thức ăn:

- Joseph ạ, tôi nghĩ là tôi muốn được nghe đôi điều về người cha ruột của mình. Ông ấy có vẻ như thế nào?

Lòng Joseph se lại, bồi hồi xúc động vì xót thương em. Anh cảm thấy cổ họng mình tắc nghẹn. Sau khi lấy lại bình tĩnh, anh nói, giọng sâu lắng:

- Tên ông ấy là Jacques Devraux. Vào thuở xảy ra cuộc săn bắn đó, tôi mười lăm tuổi và có ấn tượng rất sâu sắc về ông ấy. Ông là nhà thiện xạ, hiểu rất rõ tất cả những gì cần biết về rừng rậm và dã thú, và dường như không biết sợ hãi là gì. Ông là người ít nói, lúc nào cũng ngẩng cao đầu - ông làm tôi nhớ tới các dũng sĩ anh hùng thời cổ Hi Lạp trong cuốn sách lịch sử của tôi...

Hai anh em trò chuyện suốt nửa giờ. Từ đầu tới cuối cuộc đàm thoại, cách cư xử của Guy mềm mỏng và không tỏ vẻ thù nghịch. Hắn đặt nhiều câu hỏi với giọng bối rối và Joseph nhẫn nại trả lời, luôn luôn cố làm nổi bật những khía cạnh tích cực trong cá tính của Jacques Devraux. Anh cũng nói tới Paul cùng tình bằng hữu lâu dài giữa hai người. Và anh kể với Guy rằng anh nhận thấy trong Guy có cùng một loại năng động và nhiệt tình mãnh liệt mà anh đã từng rất ngưỡng mộ Paul về mặt đó. Tới lúc dường như đã thấm mệt về đề tài ấy, cả hai ngồi lặng thinh bút rút. Kế đó, khi Joseph đứng dậy, bắt đầu sửa soạn rời nhà để đến cơ quan làm việc, Guy rút trong cặp ra một phong bì màu nâu và đặt lên mặt bàn. Hắn nói thấp giọng:

- Joseph ạ, tôi nghĩ hẳn anh quan tâm tới cái này.

- Đó là cái gì vậy?

- Một tung tích đã được xác định, được gọi về đây khuya đêm qua. Tôi đã kiểm tra bằng máy điện toán và dõi theo đường dây cũ. Tuyết Lương hiện sống ở Huế.

Joseph chụp lấy phong bì. Bằng hai bàn tay run lẩy bẩy, anh bắt đầu mở ra:

- Chú có địa chỉ của nó không?

Guy gật đầu:

- Tất cả ở trong đó. Có một chuyến bay của hãng Hàng Không Việt Nam cất cánh từ Tân Sơn Nhứt lúc hai giờ chiều nay. Tôi đã giữ một chỗ với tên của anh trên chuyến đó. Anh cũng sẽ thấy trong phong bì này có sẵn vé.

- Guy ạ, tôi không biết cảm ơn chú thế nào đây. Sau đêm vừa qua, tôi hầu như chẳng còn trông mong chút nào vào sự giúp đỡ của chú.

Guy sốt ruột khoát tay ra hiệu cho Joseph đừng nói nữa:

- Có lẽ lúc này chúng ta chỉ nên nghĩ tới chuyện trước mặt thôi - việc đó để lúc khác thảo luận. Hẳn tần ngần nhìn anh với ánh mắt cảnh giác:

- Nhưng có một điều quan trọng nữa tôi buộc lòng phải nói cho anh biết. Ngay khi chúng tôi vừa yêu cầu xác định bản báo cáo tung tích thì mấy ông bạn an ninh Ty Cảnh Sát Quốc Gia

Thừa Thiên Huế của chúng ta tự động hành quân liền. Và nếu tung tích ấy tỏ ra xác thực thì họ lúc nào cũng lập tức ra tay bắt kẻ tình nghi mà không cần có thêm chi thị.

- Vậy là Tuyết sắp bị bắt?

Guy nhún vai:

- Cái đó tùy vào anh. Tôi không thể chặn đứng – nhưng tôi có thẩm quyền hoãn lệnh đó hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đó là thủ tục đúng qui cách để chúng tôi có cơ hội phối trí những hoạt động thiết yếu nào mà các phái viên của chúng tôi cần tới. Tôi chỉ có thể đưa lệnh tạm hoãn. Họ sẽ không ra tay với Tuyết cho tới giờ này sáng mai. Nếu anh có mặt tại chỗ trước khi họ hành sự thì...

Guy lại nhún vai bỏ lửng câu nói. Joseph mở xong phong bì, đọc các mảnh giấy bên trong rồi nhìn người em thêm lần nữa với ánh mắt kỳ quặc:

- Guy này, cái gì làm bụng dạ chú bỗng dưng thay đổi vậy?

- Hẳn phải có lý do – nhưng lúc này đừng hỏi tôi về cái đó.

Người CIA quay lưng và hai anh em đi bên nhau ra tới cổng. Trong khi đi, Joseph xem đồng hồ tay. Lúc này là tám giờ rưỡi sáng thứ Ba ngày 30 tháng Giêng dương lịch, ngày thứ nhất của kỳ nghỉ mấy ngày Tết – buổi sáng đầu tiên của năm Mậu Thân. Thông thường sáng thứ

Ba vào thời khắc này là giờ cao điểm sớm mai của một Sài Gòn tấp nập hoạt động và đô thành tràn ngập tiếng động âm ỉ. Nhưng vì hôm nay là ngày nghỉ lễ và truyền thống ngưng hoạt động vào dịp tết, nên khi Joseph mở cổng, đường phố bên ngoài biệt thự yên ắng kỳ lạ.

Joseph đi với Guy ra lễ đường. Khi tới bên xe hơi, anh chìa tay. Guy im lặng bắt tay anh rồi chuôi mình vào sau tay lái. Trước khi cho nổ máy, hắn nghiêng đầu ra cửa xe, vẫy tay về phía chiếc phong bì Joseph đang cầm:

- Chỉ để phòng trường hợp anh cảm thấy choáng váng khi tới chỗ đó nên tôi phải báo trước cho anh biết: địa chỉ tôi đưa đó không phải là nhà riêng – mà là một nhà thổ lớn nhất ở Huế. Không nói thêm một tiếng, Guy khởi động máy và từ từ cho xe lăn bánh ra giữa đường. Joseph đứng nhìn vói cho tới khi chiếc xe biến mất khỏi tầm mắt, dọc theo đại lộ vắng vẻ.

- 10 -

Ánh sáng bắt đầu nhạt dần khi Joseph đi qua chiếc cầu nhỏ Thượng Tứ bằng đá, uốn theo hình vòng cung và hoa văn thật đẹp, bắc ngang con hào bọc quanh Kinh thành Huế. Trong chiều tà, ngọn gió nam nhẹ nhàng thổi lay động những đóa sen trắng sen hồng đang quần tụ nhau trên mặt nước yên tĩnh đậm màu xanh rêu. Từ lan can cầu nhìn xuống, Joseph thấy

hình ảnh lũy thành phản chiếu trên mặt nước bỗng dung thay đổi sắc màu. Chỉ trong khoảnh khắc, những tường thành cao ngã màu phon phớt đen với đôi chỗ nứt còn lung linh gạch đỏ tươi, trong nắng hoàng hôn tất cả bất chợt biến thành đỏ thắm, màu của máu.

Joseph quay mình và vừa kịp thấy vầng thái dương từ từ lặn xuống đằng sau các đỉnh núi đỏ tía của dải Trường Sơn ở phía tây. Những tia nắng lịm dần của nó toả hình nan quạt lấp lánh trên mặt nước sông Hương dài hun hút, rộng mênh mang và rợp bóng mát đang nằm lặng yên tịch mịch trong ánh sáng êm đềm của chiều đang trôi. Anh tưởng chừng nghe ra tiếng mấy hàng liễu mảnh mai và lau sậy lướt thướt hai bên bờ đang rì rào chuyện trò trong gió. Và cứ thế, Joseph đứng lặng hồi lâu, uống cho đầy mắt, hoà cho lạc mất mình trong cơn hoài tưởng chuyển viếng thăm năm nào. Kế đó, lòng lặng yên trở lại, anh vội vàng cất bước vào Thành Nội.

Đây là lần thứ nhất Joseph về lại Huế kể từ năm 1936. Theo bản đồ của Guy cung cấp trong phong bì màu nâu sáng nay, Joseph biết rõ góc đông bắc kinh thành kiên cố và xưa cũ của Hoàng đế Gia Long nay đã trở thành Bộ tư lệnh Mang Cá của Sư đoàn 1 Bộ binh thuộc Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Anh thấp thỏm chờ thấy các hoạt động quân sự với những đoàn xe vận

tải và xe kéo pháo hiện đại tấp nập ra vào, khuấy động không khí yên tĩnh của đất thần kinh. Anh e ngại sẽ chứng kiến những chiếc xe tăng đậu sừng sững bên cổng thành thay cho các thớt voi đường bộ ngày xưa. Hoặc những người lính quần áo rằn ri mình đẩy súng ống sẽ đứng vào chỗ của các ông quan bằng đá hay lính thị vệ đầu đội nón chóp có miếng vải che ngực lắt lay trong gió. Nhưng rồi Joseph thở ra nhẹ nhõm vì trong thành phố Huế, đặc biệt khu vực nội thành gần như không có dấu vết chiến tranh, ngoại trừ rải rác đôi ba người lính mặc quân phục, vai không đeo vũ khí, chầm chậm chạy xe Honda trên đường về nhà hay tới đơn vị.

Các đơn vị cấp trung đoàn đóng hậu cứ và căn cứ tiền phương xa Huế vài chục cây số. Lính trong bộ tư lệnh sư đoàn hầu hết thuộc các phòng ban hành chánh, hậu cần và đại đội Hắc Báo tăng phái. Bom đạn dường như xa lánh Huế. Trong năm năm trở lại, Huế gần như chỉ bị đối phương pháo kích bằng vài ba phát súng cối lẻ tẻ vào khu dân cư gần Mang Cá. Lần chịu tai ương nặng nề nhất của Huế là bị quân khủng bố ném lựu đạn vào hội chợ Phú Văn Lâu ba năm trước làm chết và bị thương khoảng mười người dân đang xem triển lãm. Trong thành phố không có bóng dáng đi lại của quân nhân Mỹ. Cũng không có quán rượu xập xình, vũ trường xanh đỏ hoặc tiệm ăn tấp nập. Các loại xe quân

sự kể cả xe kéo pháo đều không được phép qua cầu Tràng Tiễn. Chúng phải dùng cầu Bạch Hổ và bọc đường Quốc Lộ I chạy tới một cửa thành ở mạn đông bắc hoàng thành để vào Mang Cá. Thịnh thoảng Joseph mới thấy có một chiếc xe díp chở vài ba quân nhân áo quần đầy bụi, súng xếp dưới sàn xe, chạy lạch lổng trên đường phố, dừng lại trước chợ Đông Ba để uống cà phê Lạc Sơn hay đang tìm đường qua vạn đồ Gia Hội. Cuộc sống mộc mạc vật chất và sâu lắng tâm linh của người dân Huế hình như ngày càng kết tinh hơn bởi không còn những xáo trộn chính trị và chỉ chịu ảnh hưởng tối thiểu của viện trợ Mỹ và tiếng động thời chiến. Trong không khí Huế vẫn thoang thoảng mùi hoa sen, hoa huệ và hàng trăm loại hoa cỏ dịu dàng đưa hương từ mỗi vườn nhà nội ngoại thành.

Bất chấp những tàn phá chiến tranh tại các vùng đất khác của xứ sở, đối với Joseph, dọc hai bên bờ sông Hương lặng lẽ trôi, lịch sử và truyền thống của đất nước Việt Nam dường như vẫn được bảo tồn trong hoà hợp với vẻ đẹp đầm thắm của cảnh sắc nơi đây. Lòng lâng lâng cảm giác thú vị, anh ngược mắt nhìn lên những con rồng vỹ viển nhe răng nơi mái cong bên trên cung điện. Rồi khi rảo bước giữa những lùm bụi và cây cảnh trong những hoa viên thẳng tắp, Joseph ngửi ra mùi hương hoa sứ thoang thoảng. Anh có thể nghe ra tiếng chuông chùa

xa xa trăm lảng điểm thu không và thấy mình đang thiết tha hy vọng rằng mọi biểu tượng thanh bình của một thời quá khứ giờ đây có thể trở thành những điểm lành đầy may mắn cho anh trong cuộc tìm kiếm đứa con gái lạc loài. Từ Sài Gòn, Joseph phải đi Huế bằng phi cơ dân sự bốn cánh quạt, máy kêu ầm ĩ và thỉnh thoảng thân tàu run bần bật của Air Việt Nam. Khi chiếc xe nhà của một người Việt Nam được sử dụng như một thứ tắc-xi đưa rước, vừa chở Joseph ra khỏi phi trường Phú Bài sau chuyến bay dài hai tiếng đồng hồ, vượt tám trăm cây số cất cánh từ Tân Sơn Nhất, anh quên hết mệt nhọc bởi có cảm tưởng như thể đang trên một chuyến xe chở mình lần đường tìm về quá khứ. Phú Bài nằm cách cố đô An Nam khoảng mười lăm cây số về hướng nam. Con đường quốc lộ hẹp, gồ ghề, chạy qua những cánh đồng Hương Thủy xanh muốt hầu như chưa bị bom đạn chạm tới. Từ những rặng tre vây kín làng mạc, trẻ em cười như hoa mới nở và xúng xính trong bộ quần áo mới ngày Tết màu tươi rói, lật đật chạy ra đầu con đường đất dẫn vào làng, sung sướng đưa tay vẫy vẫy chiếc xe. Nhiều lần tài xế buộc lòng phải dừng xe bên chiếc cổng nhỏ chờ cho một con trâu nặng nề dừng đỉnh lê bước băng ngang quốc lộ, ngay trước đầu xe. Trong cuộc hành trình dài nửa giờ ấy, mắt Joseph thường bắt gặp những miếu thờ lẫn khuất và

thấp thoáng trong mây bụi chuối hay dưới các lùm me.

Toàn bộ quang cảnh ấy và vẻ bình yên bất tận của những cánh đồng lúa vắng lặng cùng những xóm nhà tranh nằm rải rác nhắc nhở Joseph, một cách sinh động, về cách mà xứ sở này đang bị hư hoại và tình trạng Mỹ hóa Sài Gòn cùng vài thành phố đông dân khác trong quá trình nỗ lực cứu vãn Miền Nam khỏi bàn tay Cộng Sản. Và anh cảm thấy trong lòng hoài nhớ thắm thía thời thanh xuân của mình, thuở Việt Nam có vẻ như không bị xáo trộn như hiện nay.

Vừa thấy thấp thoáng những con đường thênh thang của thành phố Huế và dòng sông tĩnh lặng trôi êm đềm bên tường thành để đồ, Joseph đã nghe vọng lại trong tâm tưởng lời nhận xét đầu tiên từng được Lan nói với anh hơn ba mươi năm trước: “Joseph ạ, nếu lắng tai thật kỹ anh có thể nghe ra trong Huế nhịp đập của con tim An Nam.” Nhưng khi xe chạy dọc đại lộ Lê Lợi, bên bờ sông phía nam, nhịp đập duy nhất mà anh nghe ra lại chính là của trái tim mình. Theo lời người tài xế Việt Nam, địa chỉ do Guy cung cấp ở mãi tận cuối Gia Hội, một khu vực cổ của thành phố, tọa lạc ngoài vòng thành và ở bờ bắc bên kia sông. Những con phố hẹp của khu vực ấy đổ về ngôi chợ Đông Ba đang nằm uể oải không xa chân cầu Clémenceau

ngày cũ, nay được gọi là cầu Tràng Tiền. Lòng càng lúc càng khắc khoải, Joseph bảo tài xế cho xe chạy một mạch qua cầu Tràng Tiền, chờ anh tới thẳng địa chỉ ấy trước khi ghé vào làm thủ tục nhập khách sạn Hương Giang, nơi Guy đã đánh điện lấy phòng cho anh.

Qua tới khu vực Gia Hội cổ xưa, Joseph thấy những ngôi nhà san sát hai bên đường phố chật hẹp lúc này treo chi chít các dải giấy hồng điều tươi thắm, ghi những câu bằng chữ nho ước mong một mùa xuân mới tràn đầy an lạc. Trước cửa nhà, Joseph để ý thấy có cây nêu trang hoàng một túm lá và bùa để xua đuổi ác thần, cùng một cách thức với loại cây nêu được dựng bên ngoài chánh điện đặt ngai vàng của Hoàng đế Khải Định trong chuyến anh viếng thăm Huế lần đầu tiên, thuở còn là cậu bé mười lăm tuổi.

Đúng giờ giao thừa đêm qua, tại Huế cũng như mọi nơi khác trên khắp đất nước, dân chúng trang trọng cử hành nghi lễ đón hương hồn ông bà tổ tiên đầu năm ngự về cùng ăn tết với con cháu. Và giờ đây, người ta hân hoan nhàn nhã tụ tập thành từng đám đông trên đường phố. Đâu đâu cũng thấy tà áo dài màu tím Huế đậm thắm hay màu sắc lễ hội vờn bay trong gió vì phụ nữ Huế, từ khuê các tới buôn thúng bán bưng, đều có tập quán mặc áo dài khi ra đường. Lúc trời sắp hoàng hôn, tiếng pháo chào mừng ngày Nguyên đán thêm lần nữa nổ

ran. Khi xe chạy qua những ngôi nhà nhỏ mở rộng cửa, Joseph có thể thấy các ngọn nến lung linh trên bàn thờ gia tiên đầy hoa tươi và các đĩa trái cây mới hái. Dọc vỉa hè trước nhà, có các đám đông người lớn và trẻ em ngồi chồm hổm, háo hức cười khúc khích hoặc cãi và om sòm quanh hột xí ngầu hay những trò chơi cờ bạc khác. Và vì ít khi có người Mỹ xuất hiện tại khu vực phố cổ này nên người Việt Nam đang đi trên đường thường đứng lại thành từng đám, nhìn vào cửa xe, trầm trồ chỉ chỏ Joseph.

Xe không thể chạy nhanh vì phải len lỏi giữa các đám người đông đúc rộn ràng khiến Joseph càng lúc càng nôn nóng và căng thẳng cực độ. Dù xảy tới tình huống nào đi nữa, viễn ảnh gặp lại Tuyết cũng làm lòng anh nôn nao bứt rứt, nhất là khi anh cảm thấy mình mỗi lúc một căng thẳng trước hoàn cảnh Tuyết sắp bị bắt và tiếp đó, sẽ bị cáo buộc về tội ám sát và khủng bố. Trong nhiều năm trời hun hút, giấc mơ gặp lại con gái chưa bao giờ thành có thật nên lúc này, Joseph bắt đầu e sợ biết đâu phút cuối sẽ xảy tới điều gì đó trục trặc. Có thể người ta không tôn trọng lệnh tạm hoãn của Guy hoặc có thể sự việc biến thành một trường hợp nhận diện sai người và Tuyết không chút nào có mặt tại đây, hoặc có thể người ta cho lầm địa chỉ. Trong khi xe vẫn trườn lách tới trước, những giả dụ ấy và những e sợ phi lý khác vụt qua tâm

trí Joseph làm anh xao xuyến thêm lên, không phải chỉ đơn thuần cảnh giác mà còn bởi một lý do khác. Kể từ sáng nay, từ đáy lòng Joseph càng lúc càng dâng cao một nỗi sợ hãi mơ hồ hơn: trong lúc anh và Guy ngồi dùng điểm tâm nơi biệt thự của anh ở đường Duy Tân, Sài Gòn đang nhận từng chút một các báo cáo về những cuộc giao tranh mới nổ ra. Và sau đó, trong những giờ ngồi làm việc ở văn phòng JUSPAO, anh ghi nhận được chi tiết của những trận tấn công đó.

Trong đêm vừa qua, các đơn vị Việt Cộng đã vi phạm cuộc hưu chiến ba ngày để ăn tết Mậu Thân. Họ tung ra một loạt tấn công bất ngờ và dồn dập vào bảy thành phố phía bắc Sài Gòn. Tướng William Westmoreland, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã hạ lệnh hủy bỏ cuộc ngừng bắn Nguyên Đán và tuyên bố tình trạng báo động tối đa cho các lực lượng Hoa Kỳ trên khắp Việt Nam. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sáng nay cũng làm y như vậy. Ông đặt các lực lượng Nam Việt Nam trong tình trạng báo động tương tự, nhưng vào lúc đó, một nửa số lính của ông đã rời đơn vị đi nghỉ phép và đang ở nhà ăn Tết.

Đà Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn, Pleiku, Hội An, Kontum và Ban Mê Thuột là những thành phố phía bắc Sài Gòn, duyên hải hoặc cao nguyên, trở thành tâm điểm các cuộc tấn

công của Việt Cộng. Chúng được phóng ra cùng một lúc với tiếng pháo nổ đầu tiên trong đêm giao thừa. Và dường như đó là một sáng kiến mới mẻ của lực lượng Cộng Sản vì cho đến nay họ lúc nào cũng chỉ hành quân giới hạn, khi ẩn khi hiện, trong vùng rừng sâu, đồi cao và nông thôn hẻo lánh. Mặc dù cuộc đụng độ tại bảy thành phố đó vẫn tiếp diễn trong trời tang tởng sáng, cho tới lúc Joseph rời Sài Gòn, các chỉ huy trưởng liên quân Việt Mỹ vẫn hoài nghi về viễn ảnh của một cuộc tổng tấn công đều khắp. Các sĩ quan cao cấp nhún vai nói với Joseph rằng trước đây, đã có vô số lần “báo động đỏ tối đa” nhưng rồi chẳng xảy ra chuyện gì, và rằng các cuộc tấn công đêm qua cũng chỉ là những cú vi phạm ngừng bắn đã thành thói quen của Cộng Sản.

Chiếc máy bay DC-4 của hãng Hàng Không Việt Nam chở Joseph ra phương bắc bay lơ lửng giữa mây trời. Dù thường đưa mắt nhìn xuống mặt đất, anh vẫn không thể dò tìm được bằng chứng nào về những cuộc đụng độ đang được tường trình. Sau khi đi xe hơi từ Phú Bài ngang qua vùng quê Dạ Lê đầy vẻ thanh bình và nhận thấy kinh đô lâu đời của An Nam vẫn nằm yên trong ánh hào quang tĩnh mịch của quá khứ, lòng Joseph vui bớt nỗi sợ. Và rồi anh lại càng cảm thấy tin tưởng hơn với ý nghĩ rằng phản ứng chính thức của Sài Gòn sáng nay là hợp lý.

Nhưng tới lúc nghe tiếng pháo bắt đầu nổ ran trở lại trên đường phố Gia Hội Joseph chợt nhớ đến chiến công thần tốc và lấy lòng trong ngày Tết của một vị Đại đế An Nam, vào thế kỷ mười tám. Thuở ấy, đạo binh nam mười vạn quân từ Đàng Trong vượt sông Gianh kéo ra Đàng Ngoài, rồi tràn vào thành Thăng Long, tàn sát kẻ thù Mãn Thanh giữa cuộc truy hoan mừng xuân của hai chục vạn ngoại nhân phương bắc. Và nay nhớ tới chuyện ấy, lòng Joseph bỗng dung thêm lần nữa tràn ngập sợ hãi. Anh chồm mình tới trước, thúc giục tài xế cố rướn cho xe chạy tới nhanh hơn, qua những con đường nhỏ đông đúc. Và tài xế bắt đầu bóp còi inh ỏi. Cuối cùng, khi xe lách qua được các đám đông đang túm tụm quanh mấy khu vực chợ búa, nó lăn bánh dọc theo một con đường đất dơ dáy và ra tới gần vùng Bãi Dâu, mồm đất cuối của thành phố. Joseph mất tinh thần khi thấy những túp lều xiêu vẹo, mái lợp tôn dợn sóng cong vòng. Người tài xế gầy gò chỉ tới các túp lều rồi lơ quờ hoa tay về phía khu nhà tồi tàn sát mé sông, đối diện với bờ bên kia, nơi rõ ràng là khu vực cấm thường dân đi lại. Anh ta nói láu táu bằng tiếng Pháp:

- Linh tráng gọi đây là “Đường Cung Tân Mỹ Nữ”. Ông thấy đó, lính bộ tư lệnh Sư đoàn 1 chỉ cần chống sào nhảy qua con sông nhỏ này là nhập cung ngay.

Nhìn qua cửa xe, Josep thấy thấp thoáng xa xa một pháo đài đặt trên tháp canh Cửa Trài, góc đông bắc của hoàng thành. Người tài xế dừng xe tại một góc đường và chỉ tay về phía một toà nhà lớn và đồ nát, trông như thể được dùng làm kho gạo, với lan can bằng gỗ nứt nẻ chạy men theo mé ngoài của tầng bên trên. Anh ta lém lỉnh nói tiếp:

- Có điều người ta không mở cửa cung trong ba ngày tết nên cung phi mỹ nữ phải lưu vong xuống các vụn đồ kiếm ăn. Nhưng biết đâu đâu năm ông gặp hên. Đó, địa chỉ ông tìm đó. Ông nhìn kia, có người đứng chờ sẵn đấy!

Joseph thấy ở đó có một dãy cửa sổ dùng làm cửa ra vào, ăn thông với lan can gỗ. Dọc theo chiều dài của lan can, đang phơi mấy dây quần áo bạc thếp, bay phất phơ trong gió nhẹ. Sơn phai màu tróc và bung ra từng mảng trên các vách ván cong vồng, có vẻ như đã tới lúc sụm hẳn. Ngay đầu tầng cấp cao nhất dẫn lên lan can, có hình dáng vụn vẹo của một người đàn bà lớn tuổi mặc bộ đồ đen, đang lom khom bên lan can, ngó xuống chiếc xe.

Người tài xế nháy mắt với Joseph và nói:

- Monsieur, có thể nó không đẹp nhưng “đi” rẻ là cái chắc...

- Chờ tôi tại đây!

Joseph giận dữ ngắt lời và lao mình ra cửa xe nhưng chưa vội trả tiền cho anh lái. Trong

khi anh nhảy một bước hai bậc, chạy lên tầng cấp, người đàn bà luống tuổi trên lan can quay mình, nhắc chân đi khắp khếnh về phía một khung cửa long cánh và đang khép hờ. Nhưng Joseph bắt kịp dễ dàng và túm lấy cánh tay của bà ta. Rút trong túi bức hình của con gái do Guy sáng nay bỏ chung trong phong bì, anh vừa dí vào mũi người đàn bà vừa hỏi bằng tiếng Việt, cố ý nói thật chậm:

- Chị Tuyết Lương có đây không?

Người đàn bà nhìn bức hình rồi lắc đầu, không ngó Joseph. Ngoác miệng như sắp kêu cứu và vùng vẫy với sức mạnh không ngờ, bà ta cố gỡ mình thoát khỏi tay nắm của người Mỹ. Thấy thế Joseph buộc lòng phải buông ra. Bà vọt lẹ vô phía trong rồi đóng sầm cửa lại. Joseph chậm chậm đi lui dọc theo lan can, ướm từng cánh cửa mỏng mảnh. Anh đưa tay túm nắm cửa, rung lách cách cho tới khi mở bật ra được một cánh.

Cửa mở thẳng vào một buồng nhỏ, tối tàn, mố meo, xông mùi tanh tươi. Lập tức mắt Joseph bắt gặp một bàn thờ ông địa đặt dưới đất, mặt khói ám lem luốc. Căn buồng làm bằng ván ọp ẹp, chỉ có một bức màn tả tơi vừa che vừa ngăn với hành lang bên trong. Joseph đi dọc tới cuối hành lang, lên tầng trên, vạch hết bức màn này tới bức màn khác. Đồ đặc độc nhất trong mỗi căn buồng dơ dáy đó là một giường

ván sần sùi, trái manh chiếu lác đén sì ở giữa. Đầu giường vắt chiếc khăn nhỏ nhộp nhúa, sờn tới độ sắp rách. Cuối chân giường để một cái xô bằng nhôm và chiếc ca nhựa mức nước. Đầu đó trong phòng vương vãi mấy miếng giấy kèm màu vàng, như hai mặt của một đồng đô-la tròn trịa úp vào nhau. Joseph rung mình khi thoáng nghĩ tới công dụng của những đồ đạc ấy. Sau khi xem xét tới căn buồng cuối cùng, Joseph quay mình trở lui. Để ý thấy hình dáng lơ mơ của người đàn bà luống tuổi từ cuối hành lang đang lấm lét nhìn theo mình, Joseph lật đặt quay lại, ấn vào tay bà tờ giấy con cộp năm trăm đồng. Và thêm lần nữa, anh rút bức ảnh của Tuyết ra. Anh nói bằng tiếng Việt, cố ý phát âm thật chậm từng tiếng một:

- Đùng nửa đêm nay, tôi sẽ tới đây lần nữa. Bà phải nói với Tuyết Lương rằng nó phải gặp tôi ở đây. Bà phải nói với nó rằng tên tôi là Joseph Sherman. Việc này rất quan trọng. Một vấn đề sống chết.

Bộ mặt choắt cheo của người đàn bà nhăn lại luống lự nhưng dù gì đi nữa, bà vẫn túm chặt tờ giấy bạc bằng cả hai tay. Trong một hồi lâu bà nhìn Joseph với ánh mắt kỳ dị rồi lê chân đi một mạch, chẳng tỏ vẻ mình có hiểu hay không lời vừa nói của người Mỹ.

Joseph bảo người tài xế chở anh tới khách sạn rồi nói anh ta chờ trong khi anh mang túi

đổ ngủ qua đêm lên nhận phòng. Sau cùng, Joseph trả tiền cho người tài xế khi anh ta thả anh xuống bên cạnh chiếc cầu nhỏ bằng đá bắc qua hào sen bên ngoài cửa Thượng Tứ, lúc mặt trời đang lặn. Nhìn những con đường xanh bóng cây và nhà cửa bên trong Kinh thành, Joseph thấy lòng dịu lại. So với thành Bắc Kinh khô khan đầy nắng gió thì thành nội Huế thơ mộng, sinh động và có hơi người vì dân chúng ăn ở đi lại đông đúc, nhà cửa khi leo lên gần bờ thành, khi núp bóng trong những vườn cây rậm rạp. Joseph khắp khởi mừng, nghĩ rằng dù sao lần này mình cũng sẽ được đặt chân vào Tử cấm thành u tịch. Nhưng qua cửa Hiển Nhân, vào hẻm bên trong Đại Nội và nôn nóng đi vòng ra mé sau điện Thái Hòa, Joseph bàng hoàng khi thấy những thâm cung huyền bí bốn mươi ba năm trước từng hiện lên thấp thoáng trong đôi mắt mê mẩn và tò mò của cậu bé mười lăm tuổi, nay chỉ là hoang tàn bình địa. Tử cấm Thành không còn thành nữa. Vườn Thượng uyển đằng xa kia lồ lộ trên cao như sân khấu trống trơn của một vận động trường điêu tàn mà khán giả chỉ là hàng chục luống rau tím, bụi cải vàng lay lắt trong gió hoàng hôn. Hầu hết miếu đền cung điện chỉ còn tro bụi. Kể cả lầu Kiến Trung, nơi tháng 8.1945, đại diện địa phương của Việt Minh long trọng cam kết với hoàng đế Bảo Đại là sẽ giữ gìn đền miếu lăng tẩm của nhà Nguyễn.

Đó đây ngả nghiêng vài di tích như những trang thờ bằng gạch xanh biếc màu rêu, nằm xiêu lệch làm dấu mốc cho các vườn rau hay mấy vạt cỏ hoang. Trên mỗi nền đất hoang giờ đây có cắm tấm bảng, bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh, để tên cung điện và ghi thêm rằng tháng Hai năm 1947, khi mặt trận Huế vỡ, Việt Minh giật sập bằng chất nổ trước khi họ rút khỏi cố đô, bắt đầu cuộc tiêu thổ kháng chiến chống Pháp nơi đồng ruộng. Cũng may còn lại vài ba đền đài. Riêng Điện Thái Hòa không hiểu sao họ chỉ chất củi đốt nên lính Pháp vào cứu kịp. Hay là Cộng Sản cũng sợ làm kinh động long mạch, nơi giao hòa của Thanh long và Bạch hổ. Thở đều một lát cho những xúc cảm ấy lắng xuống, Joseph tiếp tục một mình đi bộ loanh quanh trên sân Đại Triều Nghi để thăm thía vè sâu thẳm của Ngọ Môn dưới lầu Ngũ Phụng và tận hưởng mùi hương hoa đại thoang thoảng từ các vườn hoa cỏ dại mọc đầy. Phát sinh từ lòng ngưỡng mộ những truyền thống quân vương và tôn trọng các chùa chiền lăng tẩm, Hoa Kỳ không bao giờ để cho lực lượng quân sự của mình trú đóng tại Huế ngoại trừ một số ít ỏi các cố vấn quân sự chiếm cứ toà nhà khách sạn Thuận Hóa ở mạn nam sông Hương. Một nhóm nhỏ dân sự Mỹ sống trong thành phố đảm trách công tác lãnh sự và tình báo. Joseph làm theo lời khuyên được Guy ghi trên một mảnh

giấy để sẵn trong phong bì, dặn rằng khi tới cố đô, anh nên thông báo sự có mặt của mình tại Huế với văn phòng CORDS – Civil Operation Revolutionary Development Support: Cơ Quan Bình Định và Phát Triển – tên gọi một bộ phận lúc đó điều hợp chương trình bình định nông thôn của Mỹ. Tại đó, anh bắt gặp một nữ thư ký người Việt đang một mình trực văn phòng.

Joseph cho cô ta biết họ và tên của mình, địa chỉ khách sạn, và chỉ nói rằng anh tới Huế trong hai ngày nghỉ để ngoạn cảnh hoàng cung. Cô ta viết các chi tiết đó vào một cuốn sổ. Một viên chức CIA trong lớp vỏ nhân viên CORDS, được Guy báo trước chuẩn bị đón một quan chức JUSPAO cao cấp từ Sài Gòn ra, đã để lại số điện thoại riêng cùng lời mời Joseph dùng cơm tối với anh ta. Nhưng Joseph cảm thấy không có bụng dạ hào hứng với chuyện giao tiếp xã hội nên anh một mình đi bộ trở lại khách sạn. Ở đó, Joseph rán ăn uống đôi chút bữa cơm chiều tại phòng ăn nhìn xuống dòng sông, nhưng không chạm nổi đĩa thức ăn. Suốt một tiếng đồng hồ, anh ngồi đưa mắt nhìn qua cửa sổ, ngó xuống những con thuyền treo đèn úng ngũ sắc đậu thành từng chòm nhỏ dọc bờ sông. Trời bên ngoài càng về chiều theo với tiếng pháo nổ ran từ mọi hướng, lòng Joseph càng nôn nóng. Cuối cùng, anh bước ra đường, lang thang dọc bờ sông, tìm cách giết cho hết khoảng thời gian đang chậm

chậm trôi qua làm nặng trĩu thêm cái tâm trạng vốn đã khắc khoải cực độ.

Đi hết công viên đầy hoa ven bờ sông, trước hai ngôi trường trung học nam và nữ lớn nhất của Huế, bất giác Joseph thấy ra mình đang rẽ qua hướng nam, bước dọc theo những hàng cây thẳng tắp dẫn lên đàn Nam Giao, nơi thuở nào anh cùng Lan quan chiêm Lễ Tế Trời. Và rồi anh thấy ra rằng những tường thành cao của tế đàn nay cỏ bò lan khắp, rêu bám đầy và nhiều chỗ sụp lở. Cây trong Rừng Thông Công xơ xác, bị dân địa phương đốn làm củi hoặc trẻ mục đồng bẻ cành làm trò đánh giặc. Trong trời nhà nhem tối, quần thể tế lễ thái cổ đó không những đã mất sức mê hoặc mà còn đầy vẻ thô lương hiu quạnh. Joseph lại lảng đãng đi lang thang suốt một lúc trên những con đường đất chung quanh tế đàn. Joseph bắt đầu cảm thấy chán nản và lòng dạ ủ ê hơn khi khám phá ra tại khu vực ven đô này không kiếm nổi phương tiện cơ giới về lại thành phố. Cuối cùng, anh đi bộ một quãng rất xa tới đầu dốc Bến Ngự, chỗ ngoặt thẳng xuống con sông đào, mới vẫy được một chiếc xích-lô ọp ẹp. Xe chở Joseph thẳng tới nhà thổ xiêu vẹo để anh giữ đúng lời hẹn nửa đêm với đứa con gái lúc này không chỉ là người xa lạ đối với anh mà còn là kẻ tự khẳng định công khai, suốt bảy năm qua, rằng sẽ dùng hết trí tuệ và thân xác đối đầu quyết tử với đất nước của cha mình để trả thù chồng.

- 11 -

- Tại sao tới đây?

Có tiếng hỏi đột ngột và gay gắt ngay sau lưng làm Joseph giật bắn người. Anh nhìn quanh, chỉ thấy lơ mờ một hình dáng người nữ mặc toàn đồ đen. Dáng ấy nói the the bằng tiếng Anh, giọng không thềm che đây hận thù.

- Con đó, phải không Tuyết?

Joseph vừa hỏi vừa hăm hờ bước vào vùng tối đen bên dưới lan can gỗ của kho gạo cũ nhưng dáng ấy lùi lại một bước, gằn giọng:

- Nói cho tôi biết mau, tại sao tới đây?

Khi mắt quen với bóng tối, Joseph nhận ra khuôn mặt phụ nữ ấy và cảm thấy nghẹt thở. Anh bước thêm bước nữa, dang rộng tay như muốn ôm choàng hai vai của con gái:

- Tuyết, cha tới đây báo động cho con! Con phải lập tức đi khỏi đây ngay. Sáng sớm mai, mật vụ bắt con đó!

- Đừng đụng người tôi!

Lần này Tuyết đứng yên nhưng giọng nói lạnh lẽo tới độ làm Joseph sùng người. Hai cha con đứng mặt ngó mặt nhau, mắt nhìn mắt nhau. Chỉ có tiếng pháo ngày xuân lịm dần, lẹt đẹt điểm rơi rạc vào tình thế im lặng và căng thẳng giữa cha và con.

Trước đó, Joseph hầu như sắp buông bỏ mọi hy vọng gặp lại con gái. Tới nửa đêm, kho gạo khoá kín cửa. Quang cảnh vắng tanh. Thậm

chỉ người đàn bà lớn tuổi cũng mất dạng. Anh ngóng đợi, đi lang thang quanh quẩn khắp khu xóm tối tăm nhộp nhúa, không còn để ý đến giờ giấc. Anh lòng vòng hết tới lại lui nơi góc đường bên ngoài kho gạo dù trong bụng không còn chút hi vọng tìm thấy con gái ở đây. Rồi đứng trước ba giờ sáng, ngay khi Joseph vừa quay lại lần chót sau một ngày khắc khoải cùng kiệt, Tuyết bỗng xuất hiện trong bóng tối đằng sau lưng cha làm anh xây xẩm mặt mày.

Joseph nói như đuối sức và tuyệt vọng:

- Tuyết ạ, con chỉ còn có hai giờ thôi. May mắn lắm là ba giờ nữa. Cứ để cha giúp con, đưa con vô Sài Gòn. Ngay sáng mai, cha con mình có thể đi chuyến máy bay đầu tiên. Cha sẽ che giấu con cho tới khi tìm được cách mang con ra khỏi Việt Nam.

Tiếng Tuyết cười khanh khách trong bóng tối làm Joseph rợn người:

- Bọn mặt vụ của đế quốc Mỹ lựa đúng giờ xấu nhất của chúng để ra tay bắt tôi. Kẻ đang lâm nguy không phải là tôi mà chính là bọn chúng - và luôn cả các người!

Đêm mù mịt. Joseph bước tới gần hơn, cố nhìn rõ nét mặt con:

- Con nói như thế là có ý gì vậy Tuyết?

Anh thấy Tuyết đưa cườm tay lên gần mắt, nhìn cho rõ vành số lần tinh trên mặt chiếc đồng hồ rẻ tiền đeo nơi cổ tay:

- Bọn giặc Mỹ ở đây và lũ chư hầu của các người ở Sài Gòn chỉ còn không tới mười lăm phút nữa để tháo chạy thực mạng. Sau thời điểm đó, Huế sẽ rơi vào tay của nhân dân. Joseph nhìn Tuyết, không tin nổi những gì tai vừa nghe:

- Con có ý nói Cộng Sản sắp chiếm thành phố này ư?

- Không chỉ thành phố này thôi. Hàng trăm thành thị Miền Nam sắp được hoàn toàn giải phóng - kể cả Sài Gòn. Nói cho mà biết. Đã bắt đầu Cuộc Tổng Công Kích. Thành Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bù nhìn của đế quốc Mỹ và thành tướng giặc lái Nguyễn Cao Kỳ sẽ bị giết chết. Hết thấy các đài phát thanh sẽ bị chiếm lĩnh. Sắp nổ ra Cuộc Tổng Khởi Nghĩa của toàn thể nhân dân Miền Nam.

- Con nói có thật không Tuyết?

Tuyết nhún vai:

- Có lẽ “người ta” sẽ không tin lời tôi cho tới khi bị đại diện của nhân dân tới khách sạn bắt đi! Nói nữa cho mà biết. Trong khi “người ta” đang ngồi nhâm nhi bữa ăn tối ở khách sạn Hương Giang thì hai trung đoàn quân giải phóng cùng hai tiểu đoàn đặc công, pháo binh và quân du kích các huyện ngoại thành đã áp sát thành phố này, khắp cả hai phía tả ngạn lẫn hữu ngạn!

- Làm sao con biết chỗ cha ở?

- Chỉ thư ký làm việc cho văn phòng CORDS

là mật báo viên của chúng tôi. Ngay sau chín giờ tối nay, đã ghi thêm tên Joseph Sherman của Juspaio vào danh sách giặc Mỹ bị tầm nã. Joseph kinh hãi, nhìn chăm chặp con gái:

- Nhưng mà Tuyết, ngay tại Huế này, một cuộc tấn công như thế làm sao thành công nổi? Nguyên bộ tư lệnh của một sư đoàn bộ binh thiện chiến nhất của quân chính phủ đóng trong thành nội và ba bốn tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ sẵn sàng ứng chiến ở Phú Bài – chỉ cần vài phút là họ có thể kéo quân tới đây ngay!

- Có ít nhất một nửa bọn lính Sư đoàn 1 đã về nhà ăn Tết. Những tên lính ngự còn lại chỉ là dân văn phòng, đang say khuướt hoặc nằm ôm vợ ôm con ngủ như chết! Chúng tôi chắc ăn vì chúng tôi chỉ chọn chiến trường khi quân số, vũ khí và hoả lực của chúng tôi phải mạnh gấp mấy lần lính ngự. Lần này chúng tôi tràn vào bất ngờ với súng AK, B-40, thượng liên hiện đại, còn bọn ngự trong thành nội quân ít, tài hèn lại xài toàn Các-bin, Garand cổ lỗ sĩ phế thải của đế quốc Mỹ!

Giọng Tuyết đầy khinh mạn và lạnh như nước đá. Dù trong bóng tối lơ mờ, Joseph vẫn có thể thấy Tuyết bặm môi với vẻ kinh tởm. Hoa tay về phía kho gạo cũ, Tuyết nói tiếp:

- Suốt sáu tháng vừa qua, chúng tôi đã lên kế hoạch sát sao và chuẩn bị triệt để cho Cuộc Tổng Công Kích này. Từ một năm nay, tôi đến

ở tại cái chỗ khủng khiếp đó, chịu đựng đủ thứ nhơ nhớp trong những đêm những ngày mưa lê thê của xứ Huế chính là để tổ chức một cụm điệp báo. Chỉ với hai chục thiếu nữ, chúng tôi biết hết những tin tức đáng giá về lính ngự và những thằng chỉ huy bọn chúng – cùng như về tất cả các lực lượng của giặc Mỹ tại Huế. Như vậy, lúc này đã hiểu tại sao không tới đây thì tốt hơn chưa?

Joseph im lặng suy xét lời của con gái. Khi anh mở miệng trở lại, giọng anh còn hơn nản nỉ:

- Tuyệt ạ, ngay cả lúc này cha vẫn không chút nào ân hận về việc cha tới chỗ này tìm con. Từ lúc xa con tới nay, suốt mười bốn năm qua, ngày nào cha cũng nghĩ tới con. Bộ con cho là cha hoàn toàn quên con rồi sao?

Tuyệt nói dữ dằn:

- Cối tôi sống hoàn toàn khác với thế giới của các người. Đối với tôi, cái đáng nhớ nhất chính là hàng ngàn thằng Mỹ gian ác, no cơm ấm cật ngất ngưỡng bao nhiêu năm trời nay trên xác chết của người khác. Nay đã tới lúc cả bọn chúng nó thế mạng cho chồng tôi, đền bù cho hạnh phúc của tôi.

Joseph lẹ làng bước tới túm hai vai Tuyệt, không để con gái kịp lạng người:

- Tuyệt, ta là cha của con! Và cha không bao giờ thôi hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm ra con dù con đi bất cứ đâu.

Tuyết càng cố vùng vẫy quẫy người ra Joseph càng túm chặt hơn. Mặt hai cha con áp sát nhau trong bóng tối. Thành linh, có ánh chớp rục lên chiếu sáng khung trời trên kinh thành bên kia sông, và nhờ thế anh lần đầu tiên thấy rõ mặt con gái. Đôi mắt hạnh đào. Hai gò má cao. Miệng rộng với vành môi đầy đặn. Khuôn mặt ấy hiện lên tròn vẹn trước mặt Joseph như qua một ống kính quay phim lướt thật nhanh trong một chớp mắt mà chỉ có tiềm thức mới thấy kịp. Vẻ đẹp của Tuyết lúc này lên tới cực điểm nhan sắc và được tôn thêm nhiều lần nhờ ánh chớp sáng rục. Tuyết trông có vẻ giật mình và mất bình tĩnh. Rồi sau ánh chớp và trong bóng đêm trở lại tối đen như mực, Joseph cảm thấy thân thể đưa con gái chột dụi lại trong bàn tay nắm chặt của cha. Tuyết nói với giọng thật thấp:

- Để cho tôi yên, hãy đi khỏi chỗ này ngay. Và đừng kể với ai những gì tôi vừa nói. Nếu còn ở lại thì khi họ tới đây, họ sẽ giết không tha.

Từ phương tây, một loạt tiếng nổ lớn hơn bất cứ tiếng pháo Tết nào, xé toạc màn đêm. Joseph vội vàng quay đầu ngo. Trong một lúc, anh lắng nghe, nhận ra tiếng gầm rú của hàng loạt đạn trọng pháo cùng với hỏa tiễn và đạn súng cối. Tới lúc anh quay lại nhìn con gái, ánh sáng pháo kích chớp nháy liên tục và hai cha con hoàn toàn nhìn rõ mặt nhau. Tuyết nói sắc lạnh:

- Suốt tám năm nay tôi chỉ mơ tới phút này thôi. Giờ đây, tôi sẽ không bỏ cuộc và bỏ chạy – vì bất cứ lý do gì hoặc bởi bất cứ ai.

Không nói một lời, Joseph kéo con gái vào ngực mình. Anh siết thật chặt, hít thật sâu và nhắm mắt lại, để mặc cho lòng chìm đắm với những xúc động rào rạt như nước lụt vỡ bờ. Khoảnh khắc phù du ấy Tuyết cũng níu lấy cha. Nhưng rồi nàng buông tay và đẩy Joseph ra:

- Tại sao cha không đi đi? Có phải cha muốn họ thấy tôi đang đứng với cha để tôi phải chết theo cha? Có phải cha muốn họ tin rằng dù sao tôi cũng là một tên phản bội?

Joseph buông thõng hai tay, tần ngần nhìn con gái:

- Tuyết ạ, cha không thể bỏ con sắp lưng mà đi. Cha không thể lại để con trong tình trạng như thế này...

Anh buông lửng câu nói vì chợt thấy có một loạt chuyển động trên con đường đằng sau lưng Tuyết, từ mé sông dẫn thẳng vào. Cảm giác về mặt báo động của Joseph, Tuyết quay mình nhìn theo con mắt cha và thấy hình dáng của mấy chục người cầm súng đang chạy thật lẹ về hướng hai cha con. Khi tới gần, toán quân vội vàng nép mình vào bóng tối trong xóm nhà tồi tàn. Nhưng lúc ấy, ánh sáng của cuộc pháo kích dồn dập và hoả châu bên trên thành phố đủ soi sáng cho Joseph nhận ra những chiếc mũ tai

bèo đặc biệt và ba-lô hình vuông có cắm lá trên lưng họ.

Joseph thở gấp:

- Ngó họ như thể lính Miền Bắc.

Tuyết thì thầm:

- Đúng - các anh ấy là toán tiền trạm của Tiểu đoàn 804 Quân đội Nhân dân Việt Nam. Họ vừa vượt sông bằng phao.

Joseph cố đẩy Tuyết vào sâu hơn trong vùng tối phía dưới lan can, nhưng ánh hoả châu và ánh chớp của đạn pháo soi sáng rực cả con đường. Hai cha con thấy rõ khoảng hai chục bộ đội đang đi tới. Chưa kịp triển khai đội hình, toán tiền trạm ấy cũng bất chợt thấy cả hai. Tổ đi đầu lập tức trụ chân bấm cò. Tiếng AK vang lên, ròn rã hơn pháo tết. Súng nổ ran từng loạt, đạn cày lên vách ván của kho gạo vốn rạn sần, làm dăm gỗ văng tứ tung khắp chung quanh hai cha con. Joseph đột nhiên cảm thấy rất bóng nơi lồng ngực. Anh chơi vơi, đưa hai tay lên ôm ngực và khụy xuống. Gần như lập tức, mười ngón tay anh dính bết máu và mắt anh đứng tròn nhìn con gái.

Trong một thoáng, Tuyết lặng người chôn chân tại chỗ, rồi lòn tay qua nách của Joseph, xốc cha đứng lên. Thấy loáng thoáng bóng người và nghe văng vẳng tiếng động, toán bộ đội Bắc Việt bắn tiếp. Đạn cắm bình bịch, gỗ văng tan tác trên đầu hai cha con. Càng tới gần

mục tiêu, bộ đội càng chạy nhanh hơn. Tuyết liếc lui thật lẹ rồi nhanh như cắt kéo Joseph quanh qua một góc kho gạo, lòi cha bằng ngang đường. Hai cha con chạy vào bóng tối của một con hẻm nhỏ đưa tới trung tâm một khu vực nhà cửa khang trang. Từ chỗ đó, Tuyết dìu cha men theo vách các ngôi nhà gạch, lủi thẳng tới vạt đồ nhỏ đậu bên này bờ, cách cửa Đông Ba ở bờ bên kia một quãng.

- 12 -

Cùng thời điểm ấy tại Sài Gòn, nơi văn phòng dành riêng cho viên chức trực phân sở CIA trong Đại sứ quán Mỹ, Guy Sherman ngồi sau bàn giấy đọc báo cáo. Thình thoảng, hần ngừng đọc, ngẩng đầu thận trọng nghe ngóng tiếng pháo nổ ran trên các đường phố bên dưới. Đêm càng khuya tiếng nổ càng rời rạc và Guy đợi cho tới lúc tai nghe một tiếng nổ đặc biệt lớn để chấm dứt một tràng pháo như thường lệ. Sau đó, hần đứng lên bước tới khung cửa sổ, đưa mắt nhìn xuống mái những toà nhà chung quanh nhưng hần không thể quan sát bao quát vì lớp lá chắn hoá tiễn bảo vệ sứ quán làm tầm nhìn bị thu hẹp.

Đây không phải lần đầu Guy thấy mình bỗng bất giác đưa tay sờ vào khẩu súng lục tự động .38 đang nằm yên trong bao da đeo dưới nách trái. Hần không biết chắc động tác sờ súng ấy

chỉ là thói quen của người thích đi săn hoặc chỉ để yên chí súng vẫn còn đeo bên mình sẵn sàng ứng chiến. Nhưng hẳn hiểu rõ ràng rằng đêm nay, trong khu vực Đại sứ quán, hẳn không phải là kẻ duy nhất cảm thấy thần kinh căng thẳng khi nghe tiếng pháo cứ nối tiếp nhau nổ ran từng chập.

Lần nào đi một vòng tuần tra Guy cũng nhận thấy vẻ mặt của lính Thủy quân Lục chiến canh gác phía sân trước và trên nóc sân thượng sứ quán đều như căng ra và đánh lại. Họ cố che giấu tâm trạng bứt rứt bằng những câu nói đùa dí dỏm và động tác giả vờ chụp vũ khí mỗi khi nghe vang một tiếng nổ đặc biệt. Nhưng rõ ràng thái độ bông đùa đó hé cho thấy trong ruột họ đang bồn chồn nóng nảy. Họ đã biết các báo cáo về tình trạng Việt Cộng vi phạm ngưng bắn bắt đầu lan rộng khắp nơi từ đêm qua và suốt hôm nay. Và họ bức bối vì tiếng pháo mừng xuân nổ ròn trên đường phố Sài Gòn làm họ mất định hướng, không thể dùng thính giác để đoán có cuộc đụng độ nào vừa nổ ra hay không.

Guy cố nói vài lời trấn an lính gác rằng theo như hẳn thấy cho tới giờ này, tình hình đô thành vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chính phủ VNCH. Nhưng hẳn biết rõ những lời vỗ về đó không thể làm họ thật sự yên tâm. Cuối cùng, khi mọi sự im lặng trở lại, Guy rời cửa sổ quay về bàn giấy, ngồi xuống, tiếp tục nghiên

cứu bản báo cáo dài lê thê vừa do một phái viên mới tuyển ở lục tỉnh gửi về. Hắn cố tập trung vào lối hành văn lủng củng và nội dung rối rắm của nó để phân biệt đâu là ý kiến chủ quan của người viết đâu là sự kiện cụ thể đáng ghi nhận. Cứ thế, dần dần Guy không còn nghe ra tiếng pháo và rồi, chỉ một lát sau, hắn gần như không còn để ý tới các tiếng động chung quanh.

Trong khi Guy Sherman ngồi giải quyết công việc thì bên trong một ga-ra sửa chữa ô tô khoá kín cửa trên đường Phan Thanh Giản, cách Đại sứ quán Mỹ khoảng tám trăm thước, một toán hai mươi đặc công cảm tử tinh nhuệ của Tiểu đoàn C-10 thuộc Lực Lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân tự tập kể bên chiếc xe vận tải nhẹ một tấn, hiệu Peugeot.

Trên sàn xi-măng loang lổ vết dầu nhớt dưới chân các đặc công, sắp sẵn các thùng gạo và mấy cần xé cà chua bên trong giấu những bộ phận rời của súng phóng hỏa tiễn B-40, súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, lựu đạn và cả ngàn băng đạn. Nhưng lúc này, các du kích quân tạm thời không ngó tới vũ khí. Họ đang dồn mọi con mắt vào viên chính ủy đứng với tờ giấy đánh máy dưới một bóng đèn không có chụp, treo lơ lửng giữa trần nhà đầy mạng nhện. Vách ga-ra bằng tôn mỏng, cửa sổ chỉ được che kín bằng bao bố, âm thanh nào hơi lớn một chút là có thể lọt ra ngoài nên người bên trong chỉ

có thể nói thì thắm. Tuy thế, với vẻ mặt cực kỳ nghiêm trọng, giọng của viên chính ủy vừa đủ nghe nhưng vẫn nhấn mạnh từng tiếng để nội dung khích động của lời kêu gọi thấm sâu vào lòng từng chiến sĩ sắp vào trận.

- “Tiến lên toàn thắng ắt về ta!” – đó là lời của Hồ Chủ tịch phát đi từ Hà Nội cho tất cả các cán bộ và chiến sĩ tham gia cuộc tổng tấn công lịch sử này. Câu chúc Tết đó của Bác Hồ cũng là hiệu lệnh xung trận cho toàn thể quân đội và toàn thể nhân dân chúng ta.

Càng nghe chăm chú, nét mặt của các đặc công càng căng thẳng khi nghĩ tới cuộc tấn công quyết liệt sắp tới, do chính họ chủ động. Y phục của toán đặc công không người nào giống người nào với những màu sắc đen, tím, nâu... lộn xộn. Đầu không đội mũ. Chân đi dép Nhật. Bền trên chiếc quần tây nhàn nhó là áo sơ-mi bèo nhèo. Kiểu cách ăn mặc ấy thích hợp với nhân dáng người nhà quê, làm họ trông giống như phu phen lao động nặng nhọc và không gây chú ý khi di chuyển trong thành phố tới chỗ tập trung quân. Và lát nữa, người ta sẽ thấy toán đặc công không có vẻ gì đặc biệt nếu bị chặn hỏi trên chuyến xe chở họ tới đột nhập khuôn viên và tòa nhà của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Người trẻ nhất trong toán quyết tử là Ngô Văn Kiệt, cháu thừa tự duy nhất của kẻ từng có thời là “chú bồi” trại săn của Jacques Devraux. Mím miệng và liếm môi,

Kiệt gồng người bóp chặt hai nắm tay và ép thật sát vào hai cạnh sườn để đè nén cảm giác kích động đang làm lộn lạo ruột gan.

Hai gò má Kiệt còn nguyên vẻ bầu bĩnh, không một sợi lông măng, với hai con mắt thơ ngây của một thiếu niên mười bảy tuổi. Đồng đội khi muốn chọc quê cậu vẫn gọi đùa là “Ốc Tí”, như Ngô Văn Đồng, người cha quá cố thường gọi thuở cậu còn là thiếu nhi giao liên. Trong khi nghe chính ủy nói, hai mắt Kiệt không nhấp nháy. Cậu cố dương dương khí thế để che lấp số tuổi còn quá nhỏ của mình. Ngược lại, mấy đầu ngón tay của cậu thỉnh thoảng âm thầm sờ vào đường lằn quanh hông, chỗ phía dưới thắt lưng, nơi cậu quấn chặt quanh mình một dải lụa màu xanh đỏ và lặn thật kỹ bên trong hai lớp vải quần ka ki vàng và áo sơ-mi nâu. Mọi khi, cậu giấu dải lụa ấy ở nơi chỉ một mình cậu biết, nhưng lần này, cậu đeo nó theo trong người vì đây là đêm mười chết một sống.

Dải lụa xanh đỏ ấy rất cũ, gần như phai màu hết một nửa. Nó nguyên là băng cờ xung trận thuở nào được thân phụ của Kiệt, cùng kẻ vai sát cánh với ông nội và chú của cậu, phát lên thật cao khi phóng bàn chân trần lao vào trại binh của Pháp tại Yên Bái năm 1930. Sau đó, nó được truyền lại cho Kiệt vào ngày đầu tiên cậu được kết nạp làm thành viên đội thiếu nhi giao liên của Mặt trận Dân tộc GPMN tại Mộc Linh.

Dù trong lòng tự hào vô bờ bến về dải băng cờ đỏ, Kiệt lúc nào cũng theo đúng lời dặn nghiêm khắc của cha là phải thận trọng giữ nó kín đáo tuyệt đối, cực kỳ bí mật. Tuy không hiểu rõ nguyên nhân nhưng Kiệt biết một thực tế là từ trước tới nay, các đảng viên Cộng Sản lớn tuổi tuy lớn tiếng hô hào đấu tranh cho độc lập dân tộc, họ vẫn đánh giá, một cách chính thức, rằng hoạt động thuở trước của những người dân tộc chủ nghĩa đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng không đáng được liệt vào lịch sử cách mạng Việt Nam. Theo lời mẹ Kiệt kể lại, cha cậu có lần căn chốt rằng, âm thầm đốt bỏ một tài liệu học tập về công trạng của Đảng Cộng Sản Đông Dương trong đó có ghi lời phán xét của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn rằng khởi nghĩa Yên Bái chỉ là một cuộc bạo động bất đắc dĩ, hăng hái nhất thời và non yếu của bọn tư sản, đồng thời, câu nói ‘Không thành công thì thành nhân’ của Nguyễn Thái Học chỉ biểu lộ đặc tính thiếu kiên trì của tầng lớp tiểu tư sản trí thức. Nhận định rẻ rúng ấy chưa phản ánh đúng mức thái độ quyết liệt của đảng Cộng Sản trong thực tế. Họ luôn luôn xem Việt Nam Quốc Dân Đảng là một kẻ thù tiềm ẩn và truyền kiếp. Khi đấu tố cải cách ruộng đất, họ hào phóng chụp chiếc mũ Việt Quốc lên đầu hàng chục ngàn con cháu địa chủ, trong đó có vô số người từng tham gia kháng chiến ở cấp ủy viên chính trị và cấp chỉ huy trưởng quân sự.

Lúc này, viên chính ủy bắt đầu đọc chậm rãi theo nguyên văn ghi trong tờ giấy:

- Đúng theo lệnh tấn công của Ủy ban Trung ương của Đoàn Chủ tịch Mặt trận Giải phóng Miền Nam, tất cả cán bộ và chiến sĩ của Lực lượng Võ trang Giải phóng lúc này hãy tiến lên tấn công thẳng vào các bộ chỉ huy địch, bẻ gãy ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và đập tan nguy quyền nguy quân bù nhìn, tay sai của Mỹ. Mục tiêu chủ yếu của chúng ta là phục hồi quyền lực cho nhân dân, giải phóng toàn bộ mười bốn triệu nhân dân Miền Nam và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng thiết lập nền dân chủ trên cả nước!

Chính ủy ngược lên, mắt lấp lánh nhìn lần lượt từng bộ mặt của hai mươi chiến sĩ đặc công, rồi đọc tiếp:

- Các đồng chí, cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm 1968 này sẽ là trận chiến vĩ đại nhất trong suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc ta. Nó sẽ làm thay đổi toàn bộ thế giới nhưng nó cũng đòi hỏi nhiều hi sinh. Nó sẽ quyết định vận mệnh và sự sống còn của tổ quốc ta và làm rung động thế giới... Đất nước chúng ta có một lịch sử bốn ngàn năm chiến đấu và đánh bại ngoại xâm, đặc biệt những chiến thắng vinh quang như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa và Điện Biên Phủ. Chúng ta đã đánh bại cái gọi là chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và chúng

ta đang đánh bại cái gọi là chiến tranh giới hạn của bọn chúng. Giờ đây, chúng ta nhất quyết tiến lên đánh bại hoàn toàn bọn xâm lược Mỹ để phục hồi độc lập và tự do trên tổ quốc của chúng ta!

Với ánh mắt mê mẩn, các đặc công quyết từ nhìn viên chính ủy từ cấp trung đoàn được đặc biệt điều xuống để động viên trung đội của họ. Rõ ràng họ bồi hồi xúc động bởi vẻ hùng tráng trong lối đọc đầy ấn tượng của ông ta. Hết thấy họ đều biết rõ rằng ông từng là tự vệ thành Hà Nội chiến đấu chống Pháp suốt cuộc Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất, từ thuở cách mạng bùng lên rồi kháng chiến trường kỳ, cuối cùng ông bị thương tại Điện Biên Phủ. Bàn tay phải của ông cụt hết ba ngón. Vết thương chiến trận ấy làm chân ông đi khập khểnh. Họ thấy ông cũng bị xúc động trước thời điểm này và ông không che giấu chút nào những giọt lệ long lanh trong mắt.

Ông đọc tiếp, giọng rung rung:

- Các đồng chí thân mến, bọn xâm lược Mỹ biết rõ chúng đang thua. Tiếng gọi xung phong để giành độc lập đang vang lên! Dải Trường Sơn uy hùng và sông Cửu Long vĩ đại đang chuyển mình để tiếp thêm cho chúng ta sức mạnh lớn lao của sông núi! Đêm nay, các đồng chí phải hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh

thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiếm lĩnh Đại sứ quán Mỹ! Phải giết sạch bọn chúng ở trong đó! Phải đẩy lùi tất cả các nỗ lực tái chiếm của địch! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng – và không bao giờ đầu hàng!

Hạ thấp tờ giấy rồi với hai con mắt rực lửa, ông thêm lần nữa lần lượt nhìn chăm chăm vào mặt từng cảm tử quân:

- Đồng chí ạ, chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!

Hai mươi đặc công đồng lòng như một, cùng nhau lặp lại lời thúc quân tối hậu ấy với giọng thì thào khàn đặc: “Chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!” Họ vừa hô vừa cung tay đưa lên cao quá đầu mình. Viên chính ủy đứng nhìn hết người này tới người nọ thêm ba mươi giây nữa rồi trở gót, chuỗi người thật êm và thật lẹ ra khỏi ga-ra.

Lập tức cậu thiếu niên Kiệt cùng mười chín đồng đội bắt đầu xúc gạo ra khỏi thùng, lấy hết cà chua ra khỏi cần xé, để lộ ra những vũ khí đạn dược đã được lén lút đem vào trung tâm Sài Gòn suốt tuần lễ vừa qua. Sau khi lẹ làng ráp súng, các đặc công chuyển vũ khí, ém hết sức cẩn thận lên thùng xe Peugeot và cốp của một chiếc xe tắc xi Renault nhỏ, móp méo, sơn màu trắng xanh, đã đậu sẵn ở mé sau ga-ra. Kiệt

chạy ra kéo mạnh sợi xích sắt, nâng liếp cửa mở thẳng ra đường. Trong khi xích còn rung lèng xèng, hai chiếc xe đã chạy ra ngoài và Kiệt thả sợi xích, chạy theo nhòai người đu lên xe tải. Mười phút sau khi viên chính ủy đọc xong lệnh ra trận, hai chiếc xe nổ bình bịch, không bật đèn, nối đuôi nhau chạy qua mấy con đường Sài Gòn vắng vẻ, tiến vào mục tiêu.

- 13 -

Trong phòng trực dành cho viên chức CIA trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy Sherman tình cờ bước tới, đứng bên cửa sổ. Dù tầm nhìn bị giới hạn bởi các bùng lá chắn chống hoà tiễn, hắn vẫn chợt thấy thấp thoáng hai chiếc xe hơi không mở đèn, đang nối đuôi nhau chạy về phía nam, theo đường Mạc Đình Chi. Chỉ khoảnh khắc sau, chiếc xe tải loại nhẹ Peugeot và chiếc tắc xi Renault biến khỏi tầm mắt của Guy, lẫn vào bên dưới bờ tường thành cao ba thước bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán. Nhưng hiện tượng xe chạy không bật đèn đủ khiến Guy cảm thấy có điều gì không ổn. Chụp khẩu tiểu liên Beretta dành cho sĩ quan trực trên giá súng, Guy chạy tới dãy thang máy giữa tầng năm. Bước vào một hộp thang, hắn bấm nút cho thang tuột xuống đất ngay phía tiền sảnh, nơi phòng đợi trong toà nhà sứ quán.

Trong lúc thang máy chưa xuống tới tiền

sánh và Guy còn trong hộp thang, bốn đặc công cảm tử trong chiếc tắc xi Renault xanh trắng đã kê súng tiểu liên lên thành cửa sổ xe. Họ cùng khai hỏa một lượt vào hai quân cảnh Mỹ đang đứng hai bên cổng hông Đại sứ quán, nơi trạm gác phía đường Mạc Đình Chi. Mấy loạt đạn đó không trúng mục tiêu nhưng làm cả hai lính Mỹ chạy lùi vào bên trong, đóng sập cửa sắt. Kế đó, xe tải và xe tắc xi rẽ phải, quẹo qua đại lộ Thống Nhất, ngay đằng trước cổng chính có cửa sập của Đại sứ quán.

Đang đứng gác chiếu lệ trong các bốt gác nhỏ bằng bê tông, có cửa sổ xây gắn vào tường thành, bốn cảnh sát viên Miền Nam vừa nghe loạt súng đầu tiên đã lật đật chạy tìm chỗ nấp. Thấy vậy, Ngô Văn Kiệt lập tức nhảy xuống đất, ôm theo trước bụng quả bộc phá C-4 nặng bảy ki-lô. Vốn là người chạy lẹ nhất và nhanh tay nhất trong khoá huấn luyện sử dụng chất nổ nên đêm nay cậu có nhiệm vụ đặt chất nổ phá thùng lỗ đầu tiên nơi tường thành Đại sứ quán, cũng là lỗ quyết định. Kiệt lao mình thẳng tới vị trí đã định, chỉ cách ngả ba Thống Nhất - Mạc Đình Chi mấy thước. Dù hai bàn tay hơi run, Kiệt vẫn gấn gòn gàng ngòai nổ chậm mười giây vào chân tường thành. Xong, cậu vọt lui. Cùng với các đặc công khác, cậu núp mình gọn lỏn ở hông bên kia của xe tải.

Tiếng bộc phá gầm lên rung chuyển toà cao

ốc Đại sứ quán. Guy ngã bật người trong hộp thang máy. Khi bụi đất do quả bộc phá bắn tung tóe chưa kịp lắng xuống, trung đội trưởng đặc công đã thối còi và dẫn đầu trung đội chui lẹ qua lỗ thùng cao và rộng chưa tới một thước, sát mặt đất. Cách vòng tường hai chục thước, sau cơn choáng váng do tiếng nổ của quả bộc phá gây ra, hai quân cảnh gác cửa hông toà nhà hồi tỉnh thật lẹ. Chung quanh họ, gạch đá vẫn còn rơi nhưng mỗi người đã kịp nâng khẩu tiểu liên lên, bắn thẳng vào toán du kích Việt Cộng từ lỗ thùng nơi chân tường tủa lên. Cả hai thấy có một hai đặc công chới vơi, ngã gục. Nhưng những đặc công còn lại kịp thời nhào người xuống đất, bắt đầu bắn trả xối xả về hướng hai quân cảnh. Một quân cảnh trúng đạn chết tại chỗ. Người còn lại bò tới máy truyền tin đặt bên trong trạm gác, hét đi hét lại vào máy:

- Chúng tôi! Bọn chúng tôi rồi! Chúng tôi cần yểm trợ!

Nhưng chỉ mấy giây sau, trạm gác bị đạn quật trúng lỗ chỗ. Máy truyền tin cầm bật. Đầu và ngực của người quân cảnh sống sót găm đầy đạn. Toán đặc công C-10 bắt đầu tự do bố trí súng phóng hoả tiễn B-40 và súng ba-zô-ca bên trong khuôn viên, ngay mặt trước toà nhà sứ quán, để từ cự li gần nhất có thể nhắm thẳng vào các vị trí tấn công trực diện.

Bên trong toà nhà sứ quán, Guy từ hộp

thang máy vọt ra phòng đợi nơi tầng trệt. Hắn kịp thời ngó thấy viên trung sĩ Thủy quân Lục chiến phóng mình tới cửa trước đang mở. Phải mất một hai giây, anh ta mới kéo được hai cánh cửa gỗ lim khổng lồ sập vào. Then chưa kịp gài thì hàng loạt đạn tiểu liên khác đã bắn vỡ tung các khung kính nơi mấy cửa sổ kế bên cửa lớn. Người CIA khom mình xuống thật thấp, vừa chạy tới bên viên trung sĩ vừa quạt khẩu Beretta thật lẹ qua khung cửa sổ không còn kính rồi hụp đầu xuống phía dưới thành cửa. Guy gào lớn át tiếng đạn bay rào rạt:

- Trung sĩ, mau tới nhà kho lấy vũ khí. Phải làm cho bọn ngoài bãi cỏ kia tưởng trong này có cả một đạo quân!

Viên trung sĩ vừa vọt chạy tới phòng chứa vũ khí, Guy nghe viên hạ sĩ TQLC phụ trách tổng đài của bộ phận gác khẩn trương điện thoại gọi yểm trợ. Guy biết lúc này, bên trong toà nhà sứ quán đang bị bao vây, ngoài hẳn ra chỉ có hai chục người. Họ gồm có mười hai quân nhân Mỹ, cộng thêm hai TQLC nơi tiền sảnh, một trung sĩ TQLC khác tại bót gác trên nóc, bốn nhân viên truyền tin và mật mã ở mấy tầng trên và một viên chức trẻ tuổi thuộc ngành ngoại giao đang trực - anh ta mới tới, đang trải qua đêm đầu tiên tại Sài Gòn và lúc này ở trong một văn phòng nơi tầng thứ tư. Để tự vệ, ngoài vũ khí cá nhân của 15 quân nhân, 6 người dân sự còn lại

chỉ có vài khẩu súng lục .38, một hai khẩu súng bắn đạn chùm và sáu khẩu tiểu liên Ý.

Trên bãi cỏ trước sân toà nhà sử quán, cậu đặc công thiếu niên Ngô Văn Kiệt đang tiếp tay ngắm khẩu B-40 thứ nhất vừa được kê đúng vị trí. Cửa tiền sảnh tuy đã khép nhưng đèn vẫn sáng bên trên cửa. Kiệt và hai xạ thủ khác quyết định nhắm phát đạn đầu tiên thẳng vào con ó ngay chính giữa bảng Quốc huy Hoa Kỳ gắn trên phiến đá cẩm thạch dày và tròn, lấp lánh một bên cửa. Với cự ly gần, nó là mục tiêu dễ tác xạ. Và cả ba thét lên sung sướng khi trái hỏa tiễn lao mạnh vào đúng tấm bảng, tuy hơi lệch xuống bên phải một chút. Các đặc công khác cũng đã vào vị trí trên bãi cỏ, đằng sau các bồn bê tông tròn và lớn, đường kính hơn bốn thước, cao nửa thước, để trồng hoa hoặc cây kiểng. Ở đó, sau khi bố trí súng B- 40 phóng hỏa tiễn và ba-zô-ca, họ lần lượt khai hỏa từng khẩu một, nhắm vào mặt tiền toà nhà sử quán.

Quả B-40 đầu tiên xuyên thủng bức vách gắn bảng quốc huy, chạm trần nhà và phát nổ ngay bên trên trạm gác của TQLC. Mạnh thép hỏa tiễn nóng hơn lửa làm trọng thương viên hạ sĩ đang gọi điện thoại yểm trợ, đồng thời, phá nát dàn máy truyền tin, cắt đứt liên lạc với viên trung sĩ gác trên nóc sân thượng toà nhà cũng như với các đơn vị TQLC khác ở Sài Gòn. Đang lom khom bên dưới thành cửa sổ, Guy cũng bị

tiếng nổ ấy làm xây xẩm mặt mày, hai tai điếc đặc trong một lúc. Rồi hần lảo đảo đứng lên, nép sát vách, lùi dần. Guy chưa lùi được mấy thước, quả hỏa tiễn thứ hai xuyên thùng cánh cửa gỗ lim, chạm trúng bức vách sau của toà nhà sứ quán, nổ nghe thùng tai lưng óc. Vài giây sau, quả thứ ba phát nổ, bắn trúng mé cao trên bức vách, và Guy nhào người thật lẹ xuống sàn nhà đằng sau chiếc cột ở cuối khách sảnh.

Phía sau bàn trực gác, viên trung sĩ TQLC vừa từ kho vũ khí trở về với hai tay ôm một bó súng ống, đang cố cấp cứu viên hạ sĩ bị trọng thương. Thấy vậy, Guy chạy tới một bên. Hướng mặt về phía hai cánh cửa lim tan nát, hần nâng khẩu Beretta chia ra khung cửa và chờ đợi, tin chắc rằng ngay sau màn hoá lực B-40, sẽ tới một đợt xung phong của đối phương vào toà nhà sứ quán.

Trong khi viên chức CIA Guy Sherman đang quì ghì súng canh chừng khung cửa, chờ xảy tới một sự việc tồi tệ nhất, thì khắp Sài Gòn, tin tức Việt Cộng tấn công và chiếm được mảnh đất thuộc khu vực chủ quyền quốc gia của Hoa Kỳ tại tâm điểm đô thành làm choáng váng các chỉ huy trưởng quân đội và các nhà ngoại giao Mỹ ngay trên giường ngủ của họ. Cũng thế, trong khi mắt họ ngái ngủ chân cạp rập bước xuống giường, qua điện thoại và máy truyền tin, những báo cáo khác bắt đầu truyền về dồn dập, cho biết các cuộc tấn công bất ngờ và có

phối hợp đã được phóng ra cùng một lúc trên tất cả các thành phố lớn vào giữa đêm 30 tháng Giêng năm 1968. Và Nam Việt Nam bỗng chốc rực cháy suốt từ đầu này tới đầu kia lãnh thổ.

Kỳ giả nước ngoài của các hãng thông tấn, báo chí và truyền hình cũng bị choáng váng. Trong khi loạng choạng bước khỏi giường ngủ, họ bỗng nhận ra rằng cuộc xung đột cút bắt “lùng và diệt” mới đây còn khiến họ buộc lòng phải chạy tìm đi nó ở chốn rừng sâu núi thẳm, lúc này hiện ra ngay trên ngưỡng cửa nhà họ. Hết người này tới người nọ lần lượt phát hiện rằng chỉ cách khách sạn hoặc nhà ở của mình vài khu phố, vừa khởi sự một trận quyết đấu gay cấn nhất trong toàn bộ cuộc chiến. Rồi từng phút từng phút trôi qua, họ bắt đầu hiểu ra rằng từ lúc khởi sự cuộc chiến tới nay, đây là trận đụng độ đầu tiên giúp họ có thể làm cho dân chúng ở ngay tại Hoa Kỳ hoặc ngay tại quê nhà xa xôi của họ lãnh hội nhanh chóng và thấu đáo về chiến tranh Việt Nam.

Các phóng viên lao mình tới những khu vực giao tranh để được chứng kiến tận mắt. Họ điện thoại và hỏi chuyện với những người Mỹ đang ngơ ngác trong mấy tầng trên của toà nhà sứ quán Hoa Kỳ bị vây hãm. Suốt cả đêm, họ tới tấp đánh điện tín, gọi điện thoại và gởi các bản tin viễn ký về trận đánh đang xảy ra, cho New York, Luân Đôn, Paris... và từ những nơi

đó, chúng được truyền qua hàng chục ngàn đài phát thanh, trạm truyền hình và báo chí trên khắp quả đất. Và thế giới hồi hộp theo dõi, lắng nghe, đọc kỹ lưỡng những sự kiện mới nhất trong cuộc xung đột không cân sức tại Việt Nam, giữa con cháu Á Đông với chiếc xe tăng khổng lồ của chú Sam. Người ta hầu như không tin nổi rằng một nhóm nhỏ du kích quân Cộng Sản đã chiếm được cái bản doanh biểu tượng cho một quốc gia có quân lực hùng mạnh nhất thế giới, và hiện đang đủ khả năng đẩy lùi mọi nỗ lực tái chiếm bản doanh đó.

Tại tiền sảnh của toà nhà sứ quán, bất chấp sự khắc khoải trông ngóng từng giây từng phút của viên trung sĩ TQLC không bị thương lẫn Guy, đợt xung phong tối hậu của đối phương vẫn không xảy tới. Cả hai đều không biết rằng ngay trong mấy giây đầu tiên của cuộc đột nhập, khi toán đặc công vừa chui qua lỗ thùng nơi chân tường thành, họ đã mất người chỉ huy. Anh ta bị một trong hai quân cảnh gác cổng giết lúc hai bên mới bắt đầu trao đổi hoà lực. Kết quả toán đặc công mất thủ trưởng cứ loay hoay chúm mình, dùng các bồn hoa làm ụ che chắn, không ai có quyết định dứt khoát. Họ tạm thời bằng lòng với việc bắn từng chập B-40, từng tràng súng máy vào toà nhà sứ quán, vào bất cứ người Mỹ nào xuất hiện trên các mái nhà nơi mấy đường phố chung quanh. Kể đó, họ bước

vào bên trong các bồn hoa, nằm ép mình theo mép vành bê-tông và tiếp tục bắn phá.

Một đơn vị quân cảnh Mỹ được phái tới bên ngoài để xông vào giải vây. Họ thấy hai cổng trước vẫn khoá chặt và trong khi cố mở cánh cổng bên hông, họ bị hoả lực của đặc công bắn ra đẩy lùi. Viên sĩ quan chỉ huy quyết định không nên liều tính mạng của binh sĩ bằng cách leo qua tường thành để tấn công trong đêm tối. Hơn nữa, họ cũng không trông thấy cái lỗ sát mặt đất vốn bị đặc công Việt Cộng dùng chất nổ phá thùng trước đây. Vì vậy, cũng giống các nhà chỉ huy quân sự Mỹ khác, suốt đêm họ cứ thắc mắc hoài làm thế nào Việt Cộng lại tràn được vào khuôn viên Đại sứ quán với đầy đủ khí giới rồi khoá chặt cả hai cánh cổng lại đằng sau.

Trong bóng đêm tiếp tục dày đặc, trận đánh càng lúc càng thêm hoang mang. Sau khi quyết định cứ chờ bên ngoài cho tới lúc trời sáng, người ta bố trí lính Mỹ hàng hàng lớp lớp trên các mái nhà chung quanh Đại sứ quán. Dưới ánh sáng hoả châu, lính Mỹ nổ súng ào ạt xuống các đặc công, không cho địch ngóc đầu lên, để địch không thể xung phong vào toà nhà sứ quán. Người ta gọi trực thăng tới nhưng không thể đáp xuống nóc toà nhà sứ quán vì hoả lực Việt Cộng từ bên dưới các bồn hoa bê tông bắn lên.

Vì các thiết bị truyền tin tại trạm gác của TQLC nơi tiền sảnh đã bị phát B-40 đầu tiên

phá nát nên những người Mỹ mắc kẹt nơi mấy tầng trên trong toà nhà cũng không biết bên dưới đang xảy ra chuyện gì. Suốt đêm, họ ngồi chờ giây phút cửa phòng của mình bị đập tung và đặc công Việt Cộng ào vào tàn sát họ. Viên chức ngoại giao cầm khẩu súng lục .38, rút vào phòng mật mã, nơi có thể liên lạc trực tiếp và nói chuyện với cấp trên ở Bộ Ngoại giao tại thủ đô Washington. Và cho tới lúc đó, anh ta cứ tự hỏi phải chăng cuộc đời mình tới đây là bế mạc.

Sau khi lom khom nơi cửa trước suốt cả tiếng đồng hồ để chờ đẩy lui một đợt xung phong không bao giờ xảy tới, Guy rời tiền sảnh, lật đật quay lại văn phòng trực trên tầng năm. Hẩn ngồi yên, lắng nghe tin tức thế giới qua các đài phát thanh BBC và VOA. Kế đó bỏ ra gần một giờ, hẩn dùng điện thoại liên lạc các nơi và ráp nối thành một bản lượng giá chính xác sức mạnh của lực lượng đặc công. “Lầu Năm Góc Phương Đông” tức Bộ tư lệnh Tân Sơn Nhứt của tướng Westmoreland cũng đang bị bốn tiểu đoàn Việt Cộng tấn công. Một sĩ quan quân báo cao cấp tại đó nói với Guy rằng theo quan sát từ các mái nhà ở hai bên đại lộ Thống Nhất, người ta thấy có khoảng mười hoặc mười hai thi thể Việt Cộng nằm rải rác quanh các bồn hoa. Ngoài ra còn đếm được khoảng năm sáu đặc công di chuyển thoăn thoắt giữa các bồn hoa bê tông và đang bắn trả.

- Đường như những gã sống sót ấy quyết định chống cự tới giọt máu cuối cùng. Nhưng chúng tôi đoán quân số tham gia cuộc tấn công chỉ khoảng một trung đội. So với những gì đang diễn ra tại Huế, Đà Nẵng và khắp các địa điểm khốn nạn khác thì chuyện xảy ra ở Tòa Đại sứ chỉ là một trận đánh chẳng có gì đáng kể!

Guy nôn nóng đáp lại:

- Được thôi! Nhưng nói cho tôi biết lý do khốn kiếp nào khiến các ông không phái ai tới đây để dọn sạch bọn chúng. Việt Cộng càng bám chặt khu vực chủ quyền này của chúng ta lâu chừng nào thì chúng càng bắn bừa văng tùm lum lên báo chí quốc tế nhiều chừng ấy.

Viên sĩ quan quân báo nói, giọng đều đều:

- Các cấp chỉ huy của chúng tôi đã quyết định rằng không liều tính mạng của lính trước khi trời sáng. Thế thôi. Cho tới lúc đó, không bàn thảo gì nữa về vấn đề này.

Guy nổi cáu:

- Trời đất ơi, thế thì trễ mất! Tôi vừa nghe tin tức qua các đài phát thanh – khắp thế giới người ta bảo rằng bọn Việt Cộng đang làm mưa làm gió, chạy tứ lung tung trong cái Toà Đại sứ khốn nạn này mà chúng ta không trực nổi chúng ra! Có phải chúng ta cứ ngồi yên, để mặc bọn chúng tha hồ kiểm điểm bằng cái phép thắng lợi tuyên truyền này?

Viên sĩ quan quân báo nói hờ hững:

- Tôi sẽ cố liên lạc với người nào đó để điều chỉnh lại cái ấn tượng sai lạc ấy của các hãng thông tấn. Tin tôi đi. Ở đây chúng tôi có toàn bộ hình ảnh hơn ông. Ông chỉ việc ngồi yên thôi. Mọi sự rối sẽ ổn thoả đâu vào đó.

- Khốn nạn, chỉ cần vài TQLC có quyết tâm là trong mấy phút thôi, có thể quét sạch bọn chúng... Guy giận dữ hét lớn nhưng đường dây đã tắt. Hắn chửi thề, dần mạnh ống nói. Khi bước tới bên khung cửa sổ, nhìn ra, hắn thấy dưới ánh sáng hoả châu lâu lâu lại loé lên, mấy gã đặc công trong các bồn hoa vẫn tiếp tục trao đổi hỏa lực với lính Mỹ trên các mái nhà chung quanh; rồi rồi rạc rạc bằng vũ khí cá nhân. Hắn đứng nhìn suốt nửa giờ, ruột căng lúc càng nóng, rồi lật đật trở xuống tiền sảnh.

Ở đó, Guy thấy viên hạ sĩ đã được đặt nằm yên trên băng-ca. Bảng điện thoại ở tầng trên, viên trung sĩ TQLC đang cố sắp xếp để tải thương anh ta qua ngả nóc toà nhà ngay khi trực thăng có thể đáp xuống. Nhìn đồng hồ thấy gần năm giờ sáng và bất chợt có một quyết định, Guy cầm lên khẩu súng bắn đạn chùm 12 li của viên trung sĩ rồi bốc một nắm đạn dòn chặt cứng túi quần. Tay kia vẫn cầm khẩu tiểu liên Beretta, hắn khom người thật thấp, lúi tới cửa trước, nhìn ra ngoài qua khung cửa sổ vỡ nát. Guy bỏ ra vài phút để ghi nhận vị trí của các đặc công Việt Cộng còn lại. Kế đó, hắn vội

và bước về hướng có một trong những cửa nhỏ hơn, trở ra mặt sau toà nhà sứ quán.

Khi Guy đi ngang bàn trực, viên trung sĩ gọi hần với giọng quan tâm:

- Ông tính chuyện gì vậy? Có cần tôi tiếp một tay không?

- Không, trung sĩ ở yên đó.

Guy vừa lắc đầu vừa nói ra câu ấy rồi cười rầu rĩ:

- Tôi chỉ muốn thử nghiệm một trong những lý thuyết của bố tôi trước đây về ý chí và quyết tâm chiến thắng.

- 14 -

Từ mặt sau toà nhà sứ quán, Guy nhích từng chút một, nhô mình ra khỏi chỗ che chắn. Hần mọp người sát đất, chống hai cùi chỏ trườn tới. Giữ khẩu súng bắn đạn ria và khẩu Beretta ngay trước mặt, cứ tiến được vài thước, hần dừng lại nghỉ. Nhắm một bốn hoa bê tông gần toà nhà nơi lúc nãy, dưới ánh sáng hoả châu, Guy ngó xuống thấy ở đó có hai gã đặc công nằm sóng soài trên cỏ, hình như đã chết. Hần đoán rằng mấy tên địch sống sót có thể vẫn cố thủ bên trong hai bốn bê tông cách hần khoảng ba chục thước, và ở chốt chiếm giữ đó, chúng rất khó bị bắn trúng.

Trước khi rời toà nhà sứ quán, Guy gọi cú điện thoại sau cùng cho viên sĩ quan quân báo

ở “Lầu Năm Góc Phương Đông”, yêu cầu anh ta ra lệnh các lực lượng bên ngoài Đại sứ quán ngưng phóng trái sáng lên phía trên khuôn viên Đại sứ quán, vì Guy biết chắc chắn mình sẽ không còn mạng nếu để đối phương thấy ra mình tại khoảng đất trống. Dựa vào kết quả xem xét tình hình từ khung cửa sổ vỡ nát nơi toà nhà sứ quán, Guy tin rằng chỉ còn sống sót nhiều nhất năm đặc công Việt Cộng. Và dường như chúng đang tập trung quanh các bồn hoa nằm dọc hai bên lối đi dẫn vào cửa chính phía mặt tiền toà nhà. Trong bóng tối trước lúc trời chưa rạng sáng, Guy không thể thấy rõ các đặc công nhưng khi âm thầm trườn mình qua bãi cỏ, trong khoảnh khắc im ắng giữa các loạt súng nổ, một đôi lần hắn nghe có tiếng nói thì thầm suýt soát của đối phương. Khi tới được một bồn bê tông lớn nơi Guy dự tính dùng làm ụ che chắn cho mình, hắn thấy tại đó có hai gã du kích. Một đã chết còn một đang nằm lịm trong vũng máu, thở thoi thóp và hoàn toàn bất tỉnh. Trong vài phút, Guy ngừng trườn, nằm thật yên bên cạnh họ, lấy lại hơi thở. Kế đó, Guy ngóc đầu lên nhìn tới bồn hoa kế tiếp. Vừa rồi, quan sát từ khung cửa sổ toà nhà sứ quán, hắn đã thấy hai gã bên trong bồn hoa đó cứ vài phút lại ngóc đầu lên trên thành bồn để bắn về phía mái nhà bên kia đường Thống Nhất. Đoán thế nào chúng cũng sẽ lặp lại động tác ấy, Guy

nâng khẩu Beretta lên, nhắm thẳng hướng đối phương, chờ đợi.

Khắp khuôn viên bỗng im lặng hẳn. Vài phút trôi qua không một ai động đậy. Miệng Guy khô. Hắn thấy lòng lâng lâng kích động với cảm giác nôn nao hồi hộp trước đây hắn từng ném trái khi đi săn trong rừng núi Đông Virginia vào những sáng mùa thu lúc trời còn tờ mờ. Trong khi thu mình nhìn chăm chú vào một điểm trên mép bồn hoa, chỗ hắn kỳ vọng con mồi sẽ ngóc đầu lên, Guy chợt nghĩ rằng cảm giác này có lẽ không phải được truyền lại từ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Nó chắc hẳn là di sản thừa kế của một người Pháp hướng dẫn săn bắn hắn không biết mặt nhưng, theo lời kể của Joseph, là kẻ lão luyện, từng rượt theo cọp và voi trong rừng sâu của xứ Việt Nam thời thuộc địa. Cũng trong khoảnh khắc ấy, Guy nhớ lại câu chuyện người cha ruột của mình bị những người Việt Nam theo chủ nghĩa Cộng Sản ám sát. Và như thế, hắn thấy lòng hào hứng cực độ với niềm xác tín ngất ngây rằng, đối với hắn, việc săn lùng và bắn gục những kẻ đột nhập Đại sứ quán đêm nay hẳn là một hành động trả mối hận thù riêng tư và truyền kiếp.

Vào lúc ấy, bên trong bốn bê tông cách Guy ba chục thước, cậu thiếu niên đặc công Ngô Văn Kiệt nạp vào nòng khẩu tiểu liên xung kích AK-47 một băng đạn còn đầy và cuối cùng, rồi

trao súng cho người đồng đội lớn tuổi đang nằm bên cạnh. Anh ta vừa bắn xong bằng đạn chót. Chung quanh hai người rải rác vỏ đạn đồng. Tay đặc công ấy nhìn Kiệt, nuối tiếc lên thắc mắc. Kiệt nói nhẹ nhàng:

- Đồng chí cầm lấy súng của em. Anh bắn giỏi hơn em nhiều.

Nói xong, cậu nghiêng người qua một bên, chỉ vào hai quả lựu đạn miếng đeo nơi thắt lưng:

- Em còn cái này. Em tháo ba cái thứ nổ to và dữ dằn này hơn.

Người đồng đội của Kiệt lại ngó cậu, mắt chớp nháy nháy cảnh giác. Lời động viên và căn dặn của viên chính ủy trong ga-ra sửa xe chợt vang lên trở lại trong tâm trí anh, cực kỳ sống động: “Các đồng chí phải hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng – và không bao giờ đầu hàng!” Anh tự hỏi, như vậy phải chăng tới giờ cuối, Kiệt sẽ dùng lựu đạn cho nổ banh xác cả hai anh em vì tình thế không còn hy vọng và cả hai sắp hết đạn?

Cảm giác được nỗi sợ hãi căm lạnh đằng sau vẻ mặt của đồng chí mình, Kiệt lắc đầu:

- Anh đừng lo – em chỉ dùng chúng để giết bọn đế quốc Mỹ. Em chỉ giết đứa nào dám tính

tới chuyện bắt chúng ta làm tù binh.

Bên kia đường bắn sang một loạt đạn thăm dò thật dài. Thêm lần nữa, đạn cào một lần ngang lăm chằm làm văng tung tóe hạt bê tông trên thành bồn hoa. Kiệt cảm thấy người đồng chí bên cạnh bỗng cứng người. Anh ta nhìn xuyên lên trời đêm tối đen, cố tìm dấu vết xạ thủ Mỹ nơi mái nhà trong bóng tối bên trên họ. Ngay khi dứt loạt đạn của địch, anh rướn người, tì cùi chỏ lên mép bồn hoa, bắn trả ba phát thật lẹ về phía mới lóe sáng.

Từ chỗ núp cách đó ba mươi thước, Guy siết cò súng Beretta ngay khi vừa thấy đầu và vai đối phương nhô lên trên mép bồn bê tông. Khẩu súng rung lên trong tay khi hắn kềm loạt đạn, quét trúng đầu và ngực người Việt Nam, giết chết tươi anh ta. Trong một hai giây, tiếng đạn cắm vào da thịt con người ngay bên cạnh làm Kiệt choáng váng. Nhưng khi nghe có tiếng chân chạy qua bãi cỏ hướng về phía mình, cậu nghiêng người sang một bên, rút quả lựu đạn miếng khỏi thắt lưng. Kiệt kéo khuy nhưng chưa ném. Lắng nghe tiếng chân của Guy, cậu buông chốt và bắt đầu đếm ngược trở lại bốn giây, rút ngắn khoảng thời gian nổ của quả lựu đạn khi rời khỏi bàn tay cậu.

Trong ánh sáng lơ mơ của bình minh đang tới, Guy thấy Kiệt vặn người vào tư thế ném lựu đạn. Hắn bắt đầu vừa bắn vừa chạy. Cậu thiếu

niên đặc công liều mạng ngóc đầu ngó ra trong khi đạn cắm vào thành bê tông bên ngoài kêu loảng xoảng. Khi Guy chỉ còn cách mấy bước, Kiệt vận cổ tay tung quả lựu đạn qua thành bốn.

Người CIA điên tiết, há miệng thét lớn, nhào tới, nhảy lên thành bốn đúng lúc quả lựu đạn bay cầu vòng rớt xuống bãi cỏ. Kiệt ngồi dậy và lùi lại, hoảng kinh khi thấy hình dáng mờ mờ của người Mỹ vụt hiện ra ngay trên đầu mình. Cậu bật ngựa người đúng lúc đạn từ khẩu Beretta bay ra, ghim đầy ngực. Cũng gần như ngay trong tích tắc đó, quả lựu đạn phát nổ, điếc tai. Những mảnh kim loại lờm chờm, nóng bỏng và đầy chết chóc của nó đâm thủng háng Guy, xuyên thẳng vào bụng hắn. Trong một thoáng, Guy đứng chơi vơi trên mép bốn hoa, thét lên đau đớn. Rồi thân thể của người Mỹ đổ nhào tới trước, hai tay dang ra bên trên thi thể của cậu bé Việt Nam, và nằm bất động.

Khi trời sáng hẳn, những người Mỹ bên ngoài Đại sứ quán dần dần thấy rõ trung đội đặc công Việt Cộng đã kiệt quệ. Sau khi phát hiện lỗ thủng nơi chân tường thành, một chiếc xe díp của quân cảnh húc vào cổng trước bị khoá chặt đồng thời lính Sư đoàn 101 Không kỵ bắt đầu đổ bộ bằng trực thăng xuống nóc tòa nhà sứ quán. Lính nhảy dù chạy rầm rập khắp sáu tầng lầu tòa nhà, tay vung vẩy súng tiểu liên, lựu đạn và dao găm, hi vọng tìm ra vài tên Việt Cộng bên

trong toà nhà. Nhưng họ hết sức ngạc nhiên khi thấy chỉ có một nhóm nhỏ người Mỹ mặt tái xanh, run rẩy lộ mình ra khỏi chỗ nấp.

Cuộc đụng độ vẫn tiếp tục đôi chút trong và chung quanh khu vực sát các căn nhà nhỏ khác bên trong khuôn viên vì có vài đặc công Việt Cộng sống sót quyết chống cự tới giọt máu cuối cùng. Rồi sau cùng, trước chín giờ sáng, Đại sứ quán trở lại tình trạng an ninh khi tướng Westmoreland đến thanh tra hiện trường. Cộng Sản chiếm được khuôn viên Đại sứ quán Hoa Kỳ trong sáu tiếng rưỡi đồng hồ – một cuộc chiếm cứ tương đối ngắn ngủi nhưng làm người Mỹ choáng váng sâu xa. Trong số hai mươi Việt Cộng đột nhập, chỉ có hai người sống sót, bị thương và bị bắt. Mười chín thi thể khác được tìm thấy nằm rải rác khắp khuôn viên giữa gạch đá đổ nát văng ra từ mặt tiền của toà nhà bị trúng mấy quả B-40. Trong số tử thi có mấy tài xế của Đại sứ quán, những kẻ có thể là Việt Cộng cũng có thể không. Thậm chí các ký giả dày dạn kinh nghiệm cũng phải kinh hãi trước quang cảnh tàn sát và hủy hoại khi họ được phép vào để phỏng vấn tướng Westmoreland về trận đánh Đại sứ quán Mỹ và về cuộc tổng công kích của Cộng Sản lúc đó đang nổ ra trên khắp thành thị Miền Nam.

Người CIA Guy Sherman và cậu thiếu niên Ngô Văn Kiệt được tìm thấy cùng nằm chết với

nhau. Thi thể của cả hai quần vào nhau trong khoảnh khắc lìa đời. Khi người ta kéo riêng họ ra, quần áo người này thấm máu người kia. Và không ai để ý rằng dải băng cò bên dưới lớp áo nâu quần vàng đầm máu của Kiệt nguyên thủy có sọc màu vàng. Y hết bản thân của hai kẻ đã chết ấy, các ký giả đang quan sát cũng như các TQLC mặt mày ảm đạm phụ trách việc tách rời hai thi thể của Guy và Kiệt, không một ai biết rằng cái chết của cả hai đã đưa tới một chung cuộc cho những hận thù cá nhân phức tạp và chẳng chít, có hệ lụy từ hơn bốn chục năm về trước nơi một trại săn từng được dựng lên trong rừng thẳm Nam kỳ phía bắc Sài Gòn thời thuộc địa.

- 15 -

- Đau chỗ đó lắm phải không?

Có giọng nói nghe rất khê và lúng búng, bằng tiếng Việt, làm Joseph giật mình. Anh mở mắt, thấy một bé gái khoảng mười tuổi đang ngồi chồm hóm mé dưới chân mình. Con bé mặc áo cánh cổ kiềng màu xám, quần dài nâu may bằng vải rẻ tiền, đi chân trần và đang hình mũi, nhúu đôi lông mày dọ hỏi. Khi ấy, Joseph mới nhận ra mình vừa rên lên đau đớn lúc trở người trong lòng đò. Con đò đang đưa nhẹ nhẹ theo chuyển động của mặt nước sông Hương nhưng hai lớp chiếu cói lót dưới lưng chỉ làm bớt phần

nào cảm giác khó chịu vì anh nằm ngửa, lưng đè sát mặt ván thô nhám sần sùi.

- Không, chỉ đau chút chút thôi.

Joseph vừa nói vừa há miệng hóp không khí, hít vào thở ra khò khè, nặng nhọc. Miếng băng cột xéo ở mé bên trên lồng ngực chỗ vàng khè, chỗ đỏ bầm, đầy máu khô, cứng trũng. Khó khăn lắm anh mới có thể nhấc lên cánh tay phải đang tê dại. Viên đạn trúng ngay chính giữa giữa hai chiếc xương sườn trên cùng, ngay phía dưới xương đòn gánh bên phải và phạm vào phổi. Nhưng qua vết thương dưới nách, anh đoán đầu đạn xuyên suốt người, bay thẳng ra ngoài. Lá phổi bên phải của Joseph bị phá rách. Và sau năm ngày đêm, lúc này anh đã quen dần với việc thở từng hơi ngắn thích ứng với khả năng của lá phổi còn lại.

- Có phải ông sắp chết không?

Joseph nhìn vào hai con mắt tròn xoe đầy thắc mắc ấy. Trong lúc con bé đưa mắt nhìn anh hóng câu trả lời, bộ mặt mười tuổi với vẻ thơ dại mộc mạc và nét đẹp chưa thành hình của nó bỗng đầy vẻ nghiêm trọng. Joseph chống một bên sườn, nhòm người lên, nhìn mặt đau đớn:

- Không, ông thấy ông không chết. Mai mốt ông khoẻ lại. Đến lúc đó, ông sẽ đem cháu với mẹ của cháu với em của cháu tới một nơi không có chút giặc giã nào cả.

- Không có chút giặc giã nào cả?

Bộ mặt thiên thần màu hổ phách ấy cau lại vì hiểu không ra. Xa xa ngoài kia tiếng súng trường các búp và tiếng súng liên thanh lấp bắp bắn liên tục. Thình thoảng tiếng uỳnh uych nghe sâu hơn của đại bác 90 li gắn trên xe tăng và tiếng oành oành của đạn súng cối làm mặt đất rung chuyển, át tiếng nổ của các loại vũ khí nhẹ hơn, nhưng hiếm khi bật hẳn tiếng nổ ròn rã của súng cá nhân.

Mười tiểu đoàn gồm bộ binh, pháo binh và đặc công Cộng Sản tràn vào thị xã Huế trong những giờ đầu ngày 31 tháng Giêng; chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã chiếm được Thành Nội, Gia Hội, khu vực phố xá quanh chợ Đông Ba và các vùng phụ cận dọc mạn nam sông Hương mà chỉ gặp đôi chút kháng cự. Tiểu đoàn I Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Phú Bài, cũng chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã mở được đường tới cơ quan MACV – Military Assistance Command-Vietnam: Bộ Chỉ huy Hỗ trợ Quân sự tại Việt Nam, đóng trụ sở tại khách sạn Thuận Hóa, trong khu vực hữu ngạn sông Hương, đối diện với Kinh Thành. Vài ngày sau, lính Mỹ mới khởi sự đụng độ với Việt Cộng. Nhưng lúc ấy, mọi nỗ lực của lính Mỹ nhằm xông ra quét sạch bệ đội Bắc Việt và cán binh Việt Cộng khỏi các khu vực khác ở mạn nam sông Hương đều gặp kháng cự trên từng bước một.

Phía bờ bên kia, ở khu vực tả ngạn, những

binh lính Sư đoàn 1 còn ở lại đơn vị khi Cộng Sản tấn công và đại đội Hắc Báo thiện chiến lúc này cũng ra sức phản công nhưng chưa vượt quá khu vực quanh bộ tư lệnh. Và Cộng Sản đang chiếm Hoàng Thành Đại Nội, dùng các cung điện trong đó làm nơi đặt bộ chỉ huy. Thủy quân Lục chiến Mỹ thận trọng tiến quân trên đường phố, lom khom bước đằng sau xe tăng theo kiểu đánh thời Thế Chiến Hai. Nhưng dù áp dụng chiến thuật đó, xem ra cũng ít có hiệu quả vì nó lạ lẫm với các binh sĩ đã ngày càng quen thuộc lối chiến đấu trong vùng rừng núi và nông thôn Việt Nam. Vì thế, phải mất hơn bốn ngày, lính Mỹ và lính nhảy dù của QLVNCH mới quét sạch địch ở khu vực Hữu Ngạn.

Súng phóng hoá tiễn B-40 rất chính xác gây thiệt hại cho xe tăng. Đối phương vốn quen lẩn lút nơi rừng núi nay chứng tỏ tinh thần quyết tử đáng kinh ngạc với trận thế cận chiến từ nhà này sang nhà nọ trong thành phố. Mây thấp và mưa lất phất khiến không thể cung ứng được những phi vụ yểm trợ chiến thuật bay thật sát. Chung quanh vạn đồ lúc nhúc bên bờ bắc của sông Hương, nơi buông neo con đò có Joseph đang nằm, cuộc đụng độ giành giật khu vực Tả Ngạn đang diễn ra ác liệt và chứng tỏ là một trận đánh gây tổn thất đắt giá cho cả đôi bên.

Joseph nói, giọng rất trầm:

- Ở chỗ này của cháu, kể từ ngày mẹ cháu sinh

cháu ra cho tới lúc này, người ta cứ bắn nhau hoài bắn nhau miết. Nhưng ở các chỗ khác thì không chỗ nào giống như chỗ này. Ở các chỗ khác, mấy đứa con nít ngang tuổi của cháu và của em cháu chơi trò chơi cả ngày. Chúng nó đi bơi. Chúng nó đi chỗ này chỗ khác. Cháu có thích chơi trò chơi, thích đi bơi đi chơi không?

Ngó Joseph với vẻ tần ngần, con bé tí chiếc cầm thanh và nhỏ lên hai nắm tay nhỏ xíu, không trả lời. Suốt năm ngày vừa qua, một đôi lần anh thấy nó rụt rè ngó ra, mặt lấp ló bên mép chiếc chiếu cói treo ngăn đôi khoang đò, dưới mui đò lợp bằng lá gồi mỏng mảnh. Thông thường, ngày nào nó cũng theo Tuyết và đưa em trai tên Chương rời đò lúc sáng sớm, cho tới khi trời chạng vạng tối ba mẹ con mới trở về. Tuy vậy, ít nhất có một lần, con bé ở lại nơi ngăn khoang đầu lái đò ở mé gần bờ sông. Và anh nghĩ rằng nó đã leo qua ngổi bên anh khi anh đang nằm ngủ ở ngăn khoang đầu mũi đò nhìn ra giữa sông.

Bộ mặt nhỏ nhắn của con bé thêm lần nữa cau lại, ngỡ ngàng:

- Có thiệt ông là cha của mẹ con...
- Thiệt, thiệt đó.
- Nhưng ông là đế quốc Mỹ... sao mà có thể thiệt được?
- Được chứ. Để mai mốt ông khỏe ông nói thật rõ cho cháu nghe.

Joseph co rúm người và nhắm mắt lại. Một chút rần sức thôi cũng đủ làm anh mệt lã. Hễ hơi nhúc nhích người là anh cảm thấy chóng mặt vì vết thương gây choáng váng và mất nhiều máu. Suốt năm ngày đầu tiên, gần như Joseph chỉ ngủ chập chờn, hôn mê và đông đưa lui tới trong trạng thái nửa tỉnh táo nửa mụ mẫm. Anh chỉ nghe loáng thoáng những tiếng động chiến trận đang diễn ra bên ngoài. Đôi khi anh chợt tỉnh, thấy Tuyết đang quì một bên săn sóc chỗ bị thương của anh. Và qua lớp băng vải nặng mùi hôi, anh đoán vết thương bắt đầu làm độc. Mỗi ngày, Tuyết mất nửa giờ tháo băng, rửa vết thương bằng mấy ấm nước đun sôi trên chiếc bếp cồn nhỏ đằng sau khoang đồ. Nhưng dù cử chỉ lúc nào cũng nhẹ nhàng chu đáo, vẻ mặt Tuyết lạnh lẽo như một chiếc mặt nạ vô cảm và cố tình né tránh ánh mắt của cha. Mỗi khi Joseph cố mở miệng gọi chuyện, nàng ra hiệu cho anh im lặng hoặc không chịu trả lời.

Joseph chỉ nhớ lơ mờ bằng cách nào hai cha con tới được con đò này. Dù bị thương nặng, anh cũng đi trầm trây trầm trật ra khỏi khu phố nhóp nhép ấy nhờ Tuyết đỡ một bên và cả hai ra tới mé sông mà không bị phát hiện. Họ thấy thêm nhiều bộ đội Bắc Việt vượt sông bằng xuồng nhưng lúc ấy, Joseph cảm thấy kiệt sức và chóng mặt. Hai cha con núp một hồi lâu nơi mé sông rồi sau đó Tuyết dìu cha đi tới một con

đồ nào đó nhưng lúc ấy anh hoàn toàn bất tỉnh. Anh tỉnh lại, thấy Tuyết đang tuyệt vọng và tới tấp lên mặt anh. Rồi với sự nâng đỡ của con gái, anh leo lên chiếc đồ mui che kín mít này. Nằm lơ mơ, anh ngó ra sau thấy Tuyết chống sào, rồi chèo đồ thật chậm, đi thật xa, hình như là ra sông Hương. Joseph nhớ lại sau đêm đầu tiên, trong ánh sáng sớm mai, anh mở mắt và thấy Tuyết đang đút cháo gạo nấu thật nhuyễn vào miệng cha.

Khi trí óc đủ tỉnh táo để nhận ra rằng hai cha con đang ở dưới mé nước Phú Văn Lâu, trong khu vực thành phố bị đối phương chiếm đóng, Joseph hỏi Tuyết:

- Liệu người của con có sẽ tìm thấy cha ở đây không? Có phải chúng ta vẫn còn bị nguy hiểm? Tuyết trả lời cộc lốc:

- Con đồ này có thể miễn khám xét của tư lệnh Lực lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân cấp. Người ta biết rất rõ rằng con sống nơi vụn đồ này suốt cả năm nay, kể từ ngày được điều ra Huế. Trong khi Tuyết nói, Joseph nhìn chăm chú con gái. Mặc dù Tuyết tỏ thái độ bất cần, anh vẫn cảm thấy con gái đang e ngại chiếc đồ có thể bị bắt thần khám xét. Anh nói dịu dàng:

- Tuyết ạ, cha rất ân hận. Cha tới tìm con là để cảnh báo cho con – chứ không phải để làm con bị lâm vào một hoàn cảnh nguy hiểm lớn lao hơn.

Lúc đó, Tuyết đột ngột quay lưng lại với anh, chăm chú nhìn miếng băng vải mới thay và chẳng tỏ vẻ có để ý hay không tới lời xin lỗi của cha.

Khi Joseph mở mắt ra lại, con bé vẫn còn đứng yên lặng bên anh và đang ngó anh với hai con mắt tò mò lẫn nghi hoặc. Anh nhìn đồng hồ, kinh ngạc thấy ra mình lại vừa ngủ hơn hai giờ. Qua mui đèn te tua mỏng mảnh, anh có thể thấy bên ngoài trời đã về chiều và hình như lần đầu tiên lắng tiếng đụng độ. Con bé hỏi, giọng nồn nồn, như thể nó chờ đặt câu hỏi đó suốt hai giờ nay:

- Ông tên gì vậy?

- Joseph Sherman.

Con bé lặp lại thành tiếng lơ lơ vài lần cái tên đó với giọng Việt Nam nhỏ nhẹ nghe như hát. Rồi đột nhiên nó ngừng lại:

- Nếu ông là cha của mẹ con thì tức là ông là ông ngoại của con.

Mặt nó trầm trọng như thể đã mất một thời gian suy nghĩ cân nhắc trong đầu óc mình cái triển vọng dễ sợ đó, và Joseph cảm thấy ứa nước mắt. Khi mở nổi miệng, anh dịu dàng gật đầu và cười với nó. Không cười lại, con bé tiếp tục nhìn anh chăm chặp với tia mắt bút rút:

- Nhưng làm chi có chuyện đó - ông là giặc Mỹ mà?

Joseph tiếp tục cười với nó:

- Cắt nghĩa cho cháu hiểu hết chuyện đó thì thật là khó. Tên của cháu là gì? Nó im lặng xem xét bộ mặt của Joseph một hồi lâu, như thể nghi ngại rằng chẳng biết mình có nên tin cậy người Mỹ hay không. Rồi nó hít vào một hơi thở bực bội để tỏ ra chắc chắn đã phải tiết lộ. Nó nói nghiêm trang:

- Con tên là Trinh. Triệu Hồng Trinh.

- Tên của cháu đẹp lắm - nó có nghĩa là “trong sạch lắm và đạo đức lắm”, phải không? Ông dám đánh cá rằng cháu là một thiên thần tí hon đang giả dạng làm người, đúng không?

Trinh bật cười khúc khích và đưa tay lên che miệng nhưng vẫn tiếp tục nhìn Joseph chăm chú. Bên trên các đầu ngón tay, hai mắt con bé long lanh vẻ hớn hờ. Rồi nó cúi mình tới trước, giật giật mấy sợi lông mọc trên bắp tay ông ngoại:

- Tại sao tên đế quốc Mỹ nào cũng lông mọc đầy người như mấy con khi?

Vẻ mặt tò mò thơ ngây của con bé làm Joseph bật cười. Và anh chợt nhớ, thật sinh động, tới Lan lúc mười tuổi với con khi nhỏ trong hoa viên dinh thống đốc Nam kỳ. Anh thấy sâu trong đôi mắt của Trinh loé lên nét di truyền hao hao. Cảm thấy cổ họng mình se lại, Joseph vẫy tay ra dấu cho con bé tới gần hơn. Nhưng ngay lúc ấy, con đồ tròng trành lắc mạnh hết bên này tới bên kia dưới sức nặng của một

người nào đó đang từ trên bờ bước xuống. Trên bộ mặt của Trinh nụ cười tắt ngúm. Nó chưa kịp rút ra đằng sau, manh chiếu đã bị vén lên một bên và Tuyết xuất hiện. Mặt Tuyết sa sầm khi thấy hai ông cháu với nhau. Nàng cao giọng nói với Trinh bằng tiếng Việt, líu lo và liến thoắng tới độ Joseph không thể nghe ra nàng trách mắng cái gì. Con bé giật nảy mình, lập tức bò ra khỏi ngăn khoang của ông ngoại. Anh nghe Tuyết tiếp tục mắng mỏ con đằng sau manh chiếu ngăn đôi.

Một giờ sau, khi Tuyết mang sang cho Joseph chén cháo buổi tối và cá khô, mặt Tuyết vẫn nặng chình chịch, đầy vẻ khó chịu. Không nói một lời, nàng đặt thức ăn xuống trước mặt cha rồi sắp lưng dợm trở lui ngăn khoang của mình, không xem xét miếng vải băng vết thương như thường lệ. Joseph nghe xa xa tiếng súng lại rộ lên lớp lớp như đang bắt đầu một cuộc đụng độ khác.

Anh nói trầm giọng:

- Tuyết ạ, con chịu khó ở lại nói chuyện với cha một phút thôi. Cha muốn biết những gì đang diễn ra trong thành phố này.

- Bọn lính đế quốc của cha và bọn ngụy quân tay sai của chúng đang ra sức đập tan quyền làm chủ của nhân dân – nhưng chắc chắn bọn chúng sẽ không thành công. Cuộc cách mạng tại Huế thế nào cũng tiến đến toàn thắng.

Tuyết nói, vẫn đưa lưng về phía cha. Nhưng Joseph để ý thấy trong lời lẽ của con gái không còn sự tự tin tuyệt đối như trước nữa. Và hai vai Tuyết có vẻ đang chùng xuống vì lo lắng. - Tuyết ạ, cha có thể hỏi là hàng ngày con đi đâu vậy không?

- Để giúp cách mạng tiến tới. Có nhiều công tác phải thực hiện. Tại các khu vực giải phóng trong thành phố, cán bộ phải đi khắp các đường phố kêu gọi bọn viên chức thối nát của ngụy quyền Thiệu Kỳ ra đầu thú. Chúng tôi thành lập nhiều trung tâm cải tạo...

Joseph cố tình ngắt lời con, anh nói:

- Cha thấy hai đứa con của con quanh quẩn thui thủi với nhau. Hôm nay, cha thấy chúng nó có vẻ sợ khi bị con bỏ lại trên đò. Con đừng có quở trách Trinh mà tội nghiệp. Cháu nó chỉ qua đây nói chuyện với ông ngoại để hai ông cháu đỡ buồn thôi...

Tuyết bò thật lẹ dọc theo con đò về phía Joseph, mắt rực lửa, giận dữ:

- Đi lên bờ hay ở dưới đò, cái gì tốt hơn nào? Đi hoạt động cho cách mạng như người ta đang trông chờ nơi tôi? Hoặc ở yên một chỗ để người ta phải tới con đò này tìm tôi? Rồi lúc đó người ta phát hiện có cha đang ở đây!

Sự căng thẳng và mệt mỏi trên mặt Tuyết trông rõ từng nét, và Joseph sùng sốt khi thấy con gái sắp trào nước mắt. Anh chợt nhận ra và

lần đầu tiên anh hiểu tình thế nghiêm trọng tới lui đều cực khó đang vật vã con gái:

- Tuyết, cha xin lỗi, cha mù mờ quá. Lúc này cha thấy ra là mình làm cho mọi sự hóa ra khó khăn biết mấy. Cha ở lại chỗ này thì rất nguy hiểm cho cha, cho con và cho các con của con. Nói tới đây, anh đau đớn trở mình, cố nhịn đau rón gối dậy:

- Cha nghĩ lúc này cha đủ sức rời đồ rồi. Tối nay, trong bóng đêm, cha sẽ tìm đường tới phòng tuyến của phe bên kia, chung quanh trụ sở MACV.

- Cha nhắm bơi nổi qua sông không? Có qua được, cha cũng không đi nổi quá vài bước! Với một lá phổi bị liệt, cha chỉ có thể mò từng bước rất chậm. Cha quá yếu vì mất máu – đi chưa tới trăm thước là bị người ta bắt rồi! Cũng không thể dùng thuyền để vượt sông, qua tới khách sạn Thuận Hóa. Quân hai bên đang giữ chặt hai đầu cầu Tràng Tiền, sẵn sàng bắn vào bất cứ thuyền đồ nào dám sang sông. Có cắm lá cờ bên nào cũng chết.

Joseph lật chiếc mền đang đắp trên hai chân qua một bên và bóp bóp hai đầu gối:

- Thà như vậy vẫn tốt hơn bị tìm thấy ở đây. Bị người ta bắt thì cũng phải có ngày trao trả tù binh. Cha đi rồi thì con và hai cháu sẽ an toàn trở lại.

Tuyết chụp mền đắp lại lên mình cha rồi

bỗng cứng người vì đột nhiên có tiếng nói ở trên bờ. Hai cha con nghe giọng như chim hót của Trinh đang trả lời các câu hỏi của ai đó đang cật vấn với âm thanh léo nhéo trong cổ họng của người Miền Bắc. Qua câu đối đáp của Trinh, thấy rõ là con bé đang run lấy bầy.

- Có người nào nữa ở dưới thuyền không đấy?

- Mẹ cháu, em cháu, cháu và...

Trinh bỗng dừng ngưng bật. Hai cha con nghe con bé bật khóc. Joseph ghé mắt vào một kẻ nứt nơi bức liếp bằng cốt tre mỏng mảnh, thấy ba cán binh chính qui Bắc Việt. Cả ba đều mặc quần áo bộ đội bằng vải ka-ki nội hóa, chân đi dép râu, đầu đội mũ tai bèo, ba lô trên lưng không cắm lá cây. Người cán binh duy nhất mặc quần dài màu xanh lá cây, có vẻ cấp bậc cao hơn hai người mặc quần cụt màu đen, hung hãn bóp chặt cườm tay của Trinh làm nó sợ hãi rúm người lại:

- Ai nữa? Nào, nói nhanh nào!

Joseph cảm thấy con đồ chao mạnh. Kế đó, thấy Tuyết trườn lên bờ sông, chạy tới bên con gái. Nàng cầm trên tay một tờ giấy, chìa ra trước mặt người bộ đội:

- Tôi là Tuyết Lương. Tôi là cán bộ chính trị công tác với Lực lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân. Con đồ này của tôi. Đây là giấy miễn khám xét nó, do chính tay tư lệnh của chúng tôi ký.

Người lính Bắc Việt nhìn Tuyết chăm chăm từ trên xuống dưới, mắt guồm guồm. Rồi quay sang đồng đội, anh ta khịt khịt mũi chế nhạo:

- Chúng ta không thể lúc nào cũng cực kỳ tin nhiệm vào trí óc lô-gic của các chị em ta trong nam, có đúng thế không các đồng chí?

Joseph thấy người lính đó lại nhìn Tuyết từ dưới lên trên. Lần này mắt hắn mở lớn, chăm chăm ngắm nghía rồi lấp lánh vẻ dâm dăng:

- Các đồng chí ạ, tôi nghĩ là để đảm bảo, dù sao ta cũng phải kiểm tra triệt để chiếc thuyền này. Các đồng chí có đồng ý không đấy?

Hắn buông cườm tay Trinh, chụp cánh tay Tuyết và bước về phía đuôi thuyền. Tuyết xoay người lại, ườn ngực, buộc gã bộ đội phải đứng lại:

- Chờ chút! Con trai tôi đang ngủ. Nó bị lên sỏi rất nặng, đang sốt đỏ cả người. Đừng làm nó thức dậy.

Nhìn quá bức liếp, Joseph thấy mặt tên cán binh ấy bùng giận. Kế đó, Tuyết rần rần ra trên môi một nụ cười giả tạo rồi đặt bàn tay lên cánh tay hắn. Nàng hất đầu về chiếc đò đang đậu kế bên, cũng không một bóng người như tất cả những con đò khác đang cắm neo dưới bờ vì dân chúng trong đò đã bỏ trốn lên bờ. Tuyết nói với giọng dẫn dụ:

- Có lẽ anh nên khám xét chiếc đò đậu kế bên đó. Em sẽ tiếp anh một tay nếu anh thích triệt

để – vậy anh để em cho con gái của em xuống
đò đi ngủ nhé!

Nàng vẫy tay cho Trinh bước lẹ xuống chiếc
đò của ba mẹ con. Xong, nàng mỉm cười kéo gã
bộ đội bước xuống con đò kế bên.

Joseph nghe tiếng chân bé Trinh chạy vội
vào khoang đò rồi ngồi xuống kế bên cậu em
đang ngủ. Qua bức liếp, anh thấy hai cán binh
Bắc Việt kia đi lui đi tới, cười rúc rích. Thịnh
thoảng cả hai đưa mắt nhìn xuống con đò bên
cạnh rồi liếc nhau như lé, có vẻ sốt ruột chờ
tới lượt mình. Anh đưa tay lên dụi mắt rồi nằm
xuống kéo mền lên đắp ngang ngực, mắt nhìn
trần trần mũi đò.

Tiếng súng giao tranh lại tắt ngấm, lẹ làng
không kém lúc mới cất lên. Mặt sông yên tĩnh
trở lại. Joseph cố hết sức bịt hai tai nhưng anh
không thể xua đi những âm thanh thoát ra từ
con đò kế cận. Trong nhịp đò nhún và kêu nhóp
nhép trên mặt nước, anh nghe có tiếng gã bộ
đội Bắc Việt cằn nhằn, thở hồng hộc. Và đôi ba
lần, anh tưởng chừng mình nghe ra tiếng Tuyết
bật khóc.

Hơn một giờ sau, khi Tuyết đơn độc trở về
con đò của mình, Joseph nghe con gái thầm
lặng khóc tẩm tức trên chiếc chiếu cói ở ngăn
trước một hồi lâu, trước khi anh tê dại thiếp
vào giấc ngủ.

- 16 -

Sáng hôm sau, Joseph thức dậy muộn. Gió mùa đông bắc mang mưa phùn với những giọt nước lạnh lẽo rơi lất phất trên cổ đô đang lâm trận, làm bầu trời dường như ép xuống sát mặt đất hơn bao giờ hết. Nước mưa đọng lại, hơi nước rịn qua mũi đồ, đều đặn nhỏ từng giọt lên chiếc mền đắp trên thân anh. Trước khi tỉnh táo hẳn, Joseph thấy mình lơ mơ tự hỏi tại sao trong khi ngủ anh nghe tiếng súng nổ lộp bộp ở một nơi thật xa, tới lúc thức lại nghe như bỗng lan rộng hơn và dày đặc hơn. Nhưng chỉ phút chốc sau, anh nhận ra rằng trận tuyến đang di chuyển về phía vạn đồ đang có anh ẩn núp.

Trong khi nằm nhìn lên mũi đồ, Joseph căng hai tai hy vọng rằng bên trên tiếng động chiến tranh đó mình có thể nghe ra tiếng người hoặc tiếng lục đục phía bên kia bức màn chiếu ngăn đôi khoang đồ. Nhưng dần dà anh nhận ra rõ ràng là Tuyết và hai cháu ngoại của anh không còn ở bên ngăn đó nữa. Khi Joseph chống cùi chỏ cố ngóc đầu lên nhìn ra ngoài qua khe hở tấm liếp cốt, vết thương bị nhiễm độc trên ngực bỗng đau nhói khác thường. Ngửi ra mùi mù hôi thối quyện với mùi máu tanh tươi trên miếng băng vải anh bắt đầu tự hỏi không biết mình còn có thể sống được bao lâu nếu vẫn tiếp tục không được chữa trị đúng cách như thế này.

Qua kẽ hở nơi tấm liếp, Joseph thấy chốc

chốc lại phụt lên đám khói trắng của một quả hoả tiễn đang nổ. Dọc theo bờ sông, lửa do cuộc pháo kích của trọng pháo Mỹ đêm qua từ hướng bờ biển Thuận An, cách Huế mười cây số, rót vào thành phố, lúc này vẫn cháy âm ỉ làm bốc lên trời một màn khói đen dày đặc. Anh thấy thật rõ tường thành của cố đô với gạch vôi rơi vãi tứ tung. Mặt thành có những vết thẹo lở chỗ vì đạn pháo của Mỹ và Nam Việt Nam nhưng tường thành dày hai chục thước và cao sáu thước vẫn kiên cố. Nó đủ sức che chắn cho những tay bắn tỉa của Bắc quân thỉnh thoảng nổ súng qua gờ thành hoặc qua các lỗ châu mai trên cao.

Một làn gió mạnh thổi xoay dọc con đò, song song với mé nước. Joseph giật bắn người khi nhìn thấy lá cờ utor súng đang treo ử rử trên cột Kỳ đài kiên cố, cao ba ngấn và ba chục thước, thẳng hướng của Ngọ Môn, là lá cờ hai màu xanh đỏ với ngôi sao vàng ở giữa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Dù Tuyết có kể cho anh nghe rằng từ một tuần nay, từ bộ chỉ huy đóng trong Tử cấm thành của các hoàng đế nhà Nguyễn, Cộng Sản kiểm soát hầu hết thành phố Huế; lính Thủy quân Lục Chiến của Mỹ và Không lực VNCH không dám dùng phi pháo ào ạt để đánh bật họ ra khỏi nơi mang tính cách biểu tượng đó vì sợ làm tan nát Đại Nội và vài ba cung điện hư hao còn sót lại, nhưng hình ảnh lá cờ và tin tức ấy vẫn làm anh choáng váng.

Joseph cũng thấy ra rằng cầu Tràng Tiền do người Pháp xây lên thuở trước nay chẳng còn đủ mười hai nhịp. Một vài dầm thép khổng lồ bị gãy và rớt chìm xuống lòng sông, do Cộng quân giật sập để chặn đường của liên quân Mỹ-Việt từ mạn nam kéo qua giải phóng khu vực Tả ngạn. Mặc dù vấp phải những trở ngại đó, anh vẫn không hiểu tại sao với ưu thế về hỏa lực, quân đồng minh lúc này không thể tái chiếm Huế thật nhanh vì đây là lần đầu tiên đối phương thực hiện điều từ lâu liên quân Mỹ-Việt vẫn mong muốn họ làm. Đó là hãy ra khỏi những chỗ ẩn núp nơi vùng rừng xanh núi thẳm chập chờn để quần thảo tay đôi giữa chốn đồng bằng trống trải.

Ngày như kéo ra dài dằng dặc. Con đàu trong ngực Joseph càng lúc càng nhức nhối thêm lên. Anh chỉ biết nằm trơ vơ trong khoang dò bồng bênh, ngủ lơ mơ giữa những khoảnh khắc tạm ngưng tiếng chiến trận. Thỉnh thoảng, qua mui dò, anh thấy thấp thoáng mấy chiếc mũ tai bèo màu vàng nhạt và ba lô không còn cắm cành lá của bộ đội Bắc Việt. Dường như họ đang chúi đầu chạy vội vã dọc theo bờ sông và Joseph đoán có lẽ họ đang rút về phía tây dòng sông, hướng đối diện với mũi tiến quân của liên quân Mỹ-Việt.

Trong lòng dò vắng lặng, thời gian càng trôi qua Joseph càng tin chắc Tuyết đã bỏ trốn,

mang theo hai con. Anh tính chuyện rời con đồ nhưng rồi lại quyết định rằng nếu để cho mình kẹt giữa làn đạn của binh lính hai bên thì còn nguy hiểm hơn tiếp tục ở lại trong lòng đồ. Khấp mình thấy Joseph, chỗ nào dường như cũng nhúc nhút theo với con đau nơi vết thương làm anh cảm thấy xây xẩm rù liệt. Trong mụ mắt ngây dại, anh tự hỏi phải chăng mình đang ở khoảnh khắc lia đời. Anh cảm thấy mệt mỏi cùng cực. Càng cảm giác một cách chắc chắn rằng Tuyết đã vĩnh viễn bỏ đi, trí óc anh càng thấm thía một tâm trạng chán ngán. Và cứ thế, anh hầu như chẳng còn lo lắng điều gì sẽ xảy tới cho mình nữa.

Tới xế chiều, Joseph lại buồn ngủ. Anh nghĩ mình đang mơ khi có cảm giác con đồ tròn trĩnh và nghe thoang thoảng tiếng người khe khẽ suyt đằng sau manh chiếu dùng làm màn ngăn. Rồi trong mơ màng, anh nghe tiếng sột soạt của con gái anh chầm bếp cồn nhỏ, sửa soạn bữa ăn đạm bạc với sự phụ giúp của hai cháu bé. Cũng vẫn những âm thanh ấy, cử chỉ ấy, y hệt những gì ba mẹ con từng làm trong cõi thật suốt bảy đêm vừa qua. Dù có cảm thấy ấm lòng đôi chút nhưng cũng chỉ là mơ thôi. Anh nhủ lòng như vậy rồi lặng yên nhắm mắt, thiu thiu ngủ. Joseph chỉ mở mắt ra khi Tuyết vạch manh chiếu qua một bên, mang sang cho anh chén cháo đặc và cá khô như thường lệ. Sau khi

đặt cháo và cá xuống trước mặt cha, Tuyết lui ra ngay, không nói một tiếng. Nhưng Joseph đã nhòe dãi thật lẹ, chụp cổ tay con gái:

- Tuyết, cha tưởng đêm nay con không trở về đây nữa...

Tuyết quay đầu lại ngó cha, không chống cự. Ngay lúc ấy, Joseph nhận ra vẻ mặt của con gái mình xanh xao, run rẩy. Anh nói tiếp:

- Cha rất mừng khi thấy con trở về vì cha muốn cảm ơn con về việc chiều hôm qua. Cha không có quyền trông mong một chuyện như vậy...

Tiếng nói của Joseph ràn rạn trong cổ họng. Tuyết nhẹ nhàng rút cuờm tay ra khỏi tay nắm của cha và ngồi xuống. Trong thế ngồi chồm hổm chụm hai chân, nàng thụt lùi một chút. Hai khuỷu tay Tuyết xoắn vào nhau ôm hai đầu gối, mắt đăm đăm nhìn sàn đồ. Bên ngoài bỗng vang lên tiếng súng bắn trả nhau, nghe gần hơn lúc này.

- Trận tuyến đang tới gần hơn phải không Tuyết? Có phải đó là lý do khiến con lo lắng – có phải vì con sắp mất Huế?

- Lúc này, con chẳng còn lo ai thắng ai thua nữa!

Hai má sấn lại, răng cắn răng, Tuyết thì thầm câu nói ấy với vẻ khốc liệt. Tuy vẻ mặt dữ dội nhưng hai con mắt Tuyết đầy ứ nước mắt.

- Tại sao vậy Tuyết?

Tuyết dụi dụi mắt, lắc lắc đầu:

- Con càng ngày càng thấm mệt vì giết chóc và máu đổ! Lính ngự chiến đấu li lợm không ngờ. Quân giải phóng bị tổn thất ngoài sức tưởng tượng. Nhất là hôm nay con thấy và nghe nói tới cả trăm người không vũ khí bị tàn sát không chút xót thương. Một số bị bắn vào đầu, một số bị đập tới chết bằng khúc cây, bằng báng súng.

Joseph choáng váng rụng rời. Tuyết vừa nói vừa rung mình rung động, nổi gai ốc khắp hai cánh tay trần:

- Thậm chí, một số còn bị chôn sống!

Joseph chóng mặt, ngó con gái:

- Những người ấy là ai? Ai giết họ?

Giọng Tuyết bỗng cay đắng và tỏ vẻ khinh miệt:

- Các chiến hữu dũng cảm và quý báu của con. Các đồng chí thân thương của con giết họ vì tất cả đã tính sai nước cờ.

- Con có ý nói gì vậy?

- Con không giấu gì cha nữa. Chúng con sai lầm về vấn đề khởi nghĩa. Trước đây, theo dự kiến thì tiếp liền sau cuộc Tổng Công Kích của quân đội giải phóng là lập tức có cuộc Tổng Khởi Nghĩa vĩ đại của toàn thể nhân dân thành thị Miền Nam. Khắp nơi trên Miền Nam, lý ra nhân dân phải tung bùng hoan hỉ kéo nhau ra đường để nghênh đón các lực lượng giải phóng tiến vào thành thị trong chiến thắng - nhưng

nhân dân đã không làm như vậy. Nhân dân vẫn giữ thái độ lãnh đạm, xa lánh, thậm chí còn kéo nhau vượt phòng tuyến, chạy về phía lính ngụy. Tại Huế cũng vậy. Còn nữa, ngụy quân ở đây phản công rất ngoan cố. Bọn Mỹ lại đổi ngay vũ khí hiện đại cho chúng. Lính dù và lính thủy đánh bộ ngụy từ Sài Gòn vừa đổ bộ ra Huế. Hai trung đoàn giải phóng quân bị tổn thất nặng nề. Hiện nay bộ chỉ huy mặt trận bị khoá chặt trong Đại Nội, không rút ra được theo cửa Chánh Tây hoặc cửa Hữu. Bộ đội tiếp ứng trên La Chũ bị phi pháo không bằng đồng Hương Trà nổi. Máu sẽ đổ rất nhiều. Chưa kể những gì còn lại trong Đại Nội, luôn cả điện Thái Hòa cũng sẽ tan tành. Con nghe nói có vài lãnh đạo đang nổi điên. Họ nói trung ương bị trúng kế “điệu hổ ly sơn” của Mỹ Thiệu.

Joseph kinh hãi:

- Chẳng lẽ không có phương án hai sao?

Tuyết lắc đầu:

- Hoàn toàn không. Hoàn toàn tin vào Tổng Khởi Nghĩa và tin một trăm phần trăm rằng chính quyền chắc chắn sẽ về tay nhân dân. Vì thế, hàng ngàn cán bộ nằm vùng bao nhiêu năm nay, lúc này hoàn toàn bị lộ diện vì đã ra công khai để huy động tổng khởi nghĩa và lùng bắt ngụy quân ngụy quyền. Không có kế hoạch dự trù cho họ rút theo quân giải phóng nên họ lúc này như cá nằm trên cạn. Cơ sở nội thành

xây dựng bằng khổ nhục tù đầy giờ đây không ai giết mà sập. Ngược lại, phía giải phóng đang hạ sát những kẻ bị bắt gồm các lính ngự, thủ trưởng ngự quyền, rất đông các công chức cán bộ cấp thấp, các thanh niên trong hạng tuổi quân dịch, các tên cầm đầu đảng phái phản động, các cha cố...

Thình lình có tiếng nổ thật lớn gần con đò, hai cha con chững lại, lắng tai cảnh giác. Tiếng vũ khí cá nhân lác cắc tiếp tục nổ vang nghe lớn hơn. Tiếng khạc đạn ròn rả của tiểu liên xung phong AK-47 do Nga chế tạo tương phản rõ rệt với tiếng lụp bụp nghe âm vang hơn của súng M-16 hoặc AR-15 của Mỹ.

- Có lẽ đây là lần duy nhất con nói thật với cha. Con cần có người nghe con nói để nhẹ bụng đôi chút. Công tác của con ở đây là tiếp tay sưu tập danh sách các viên chức ngự quyền, sĩ quan ngự quân, lãnh tụ tôn giáo, giáo chức, hội viên hội đồng tỉnh, thị và xã ấp... và những người đại loại như vậy. Trước đây, người ta bảo chúng con rằng sẽ mang những người ấy đi cải tạo, nhưng giờ đây, thực tế đó chỉ là danh sách những kẻ bị tử hình vì họ đều bị Mặt Trận liệt vào thành phần ác ôn. Hôm nay, vì cấp lãnh đạo thấy rằng chúng con sắp bị đánh bật khỏi Huế, công lao xương máu bao nhiêu năm trời nay hóa thành tro thành bụi nên họ uất hận, bắt tay vào chiến dịch giết người tập thể, không một

chút xót thương. Chắc chắn sẽ có tới hàng ngàn người bị giết.

Tuyết ngừng nói, rồi giọng lắng xuống thành tiếng thì thầm:

- Các chị em thuộc tổ công tác của con trước khi trốn người mỗi ngả đã kể với con những chuyện không ai tin nổi. Trong số những kẻ bị giết có rất nhiều người nước ngoài – ba bác sĩ người Đức đến dạy thiện nguyện ở đại học y khoa Huế; có một bác sĩ chết chung với bà vợ người Đức. Có một giáo sư bác sĩ còn rất trẻ, cao, tóc vàng giống y như tóc của cha. Họ trói quặt tay anh ta ra sau, đẩy anh ta quì xuống sát một bên lỗ huyệt. Rồi họ bắn vô gáy anh ta. Họ chôn anh ta trong khi người anh ta vẫn còn nhúc nhích. Còn có hai người Mỹ, một giáo sư đại học người Pháp bị giết vì lầm là Mỹ. Rồi còn hai linh mục Pháp và một số người Phi luật tân...

Tuyết ôm đầu, mắt đăm đăm nhìn mạnh chiếu cói:

- Tại sao ra nông nổi này. Sinh viên thoát ly quay về giết sinh viên nội thành. Bạn học cũ theo cách mạng tìm giết bạn học cũ về phép ăn tết. Người ta lập tòa án nhân dân trong trường học, trong chủng viện, xử qua loa các thành phần bị liệt kê là ác ôn hoặc phản động, rồi chôn sống, rồi đập đầu... Rồi nã đạn pháo lung tung vào khu vực dân chúng ở bên kia phòng

tuyến. Gần như chỗ nào cũng có xác chết. Heo sổ chuồng đi lang thang khắp nơi, dân chúng sợ nó gặm xác người, không dám bắt làm thịt. Người ta còn lừa hàng ngàn người xuống Phú Vang, lên Nam Đông. Để làm gì chớ. Để cho phi pháo của Mỹ rớt theo bản u? Để chết dần chết mòn với nhau sao?

Nước mắt bắt đầu nhỏ xuống má từng giọt, Tuyết nhắm mắt lại. Nàng ngồi như thế hồi lâu. Các ngón tay run rẩy hết co vào lại duỗi ra cuốn lấy nhau, mỗi lúc một rối loạn. Càng nghe Tuyết nói Joseph càng thất kinh, lặng người. Sau cùng, cúi mình tới phía con gái, anh cầm tay Tuyết nài nỉ:

- Tuyết ạ, con hãy để cha mang cả ba mẹ con qua Mỹ. Con trả thù chồng như thế đủ rồi. Có thêm nữa thì chỉ tự làm tan nát đời con và tương lai của hai cháu thôi. Con vẫn có thể để mọi sự đó ở lại đây, ở lại đằng sau con. Còn kịp mà con.

Vẫn nhắm mắt, Tuyết lắc đầu thật lẹ:

- Không thể được!

- Tuyết ạ, nếu con tha thiết muốn việc đó thì không có gì là không thể được. Nếu con đủ lòng tin vào việc đó thì nó trở thành có thể được. Con còn có cha đây. Cứ để cho cha lo. Cha muốn đem con đi khỏi Việt Nam còn hơn muốn mọi sự khác trên đời.

Tuyết lại lắc đầu, hít vào thật sâu rồi chậm chậm nhắm mắt và thở ra nhẹ nhẹ. Lát sau,

nàng mở mắt, thấy cha đang nhìn mình đau đầu. Mím chặt đôi môi run rẩy, Tuyết cố lấy lại bình tĩnh:

- Con cũng đã làm nhiều điều ghê gớm. Vàng, ở Sài Gòn con đã ném lựu đạn giết những kẻ tra khảo chống của con, chẳng biết cha có nghe người ta nói tới chuyện đó không. Và con không ân hận nếu phải hành động như vậy thêm lần nữa! Bằng việc giết chết anh Lương của con, bọn nguy quyền đã cướp mất niềm hạnh phúc duy nhất mà con bắt đầu biết tới trong suốt cuộc đời con! Và suốt một thời gian dài, con ôm ấp trong lòng con nỗi khao khát trả mối thù ấy. Con đã tiến hành nhiều vụ khủng khiếp. Con đã chiến đấu, làm trung đội trưởng xung kích Giải phóng quân ở lục tỉnh suốt hai năm. Con đã nhiều lần giết người – lính Mỹ có, lính Diệm có, tụi ác ôn xã ấp có.

- Cha đã biết hết mọi sự đó.

Joseph nói như thế với giọng thật điềm đạm. Tuyết nhìn cha chăm chăm, miệng mở lớn kinh ngạc:

- Cha biết tất cả những chuyện đó – vậy mà cha cứ tới đây tìm con?

Joseph im lặng gật đầu. Tuyết tròn xoe mắt như thể đột nhiên kinh hãi vì những gì mình vừa nói. Rồi trong tiếng khóc đau xót sục sùi, nàng đưa hai tay lên dịu dàng ôm cổ Joseph và chúi đầu xuống cho tới khi trán dựa vào bộ ngực trần

của cha. Trong mấy phút, tiếng khóc ngất quãng và cổ nén làm cả người Tuyết rúng động. Joseph cũng thầm lặng khóc, hai tay ôm thật chặt con gái. Bên ngoài, dọc theo mé nước tan hoang, trận chiến tiến đều đặn về phía hai cha con.

Trong khi ôm con gái trong tay, Joseph thấy hai bộ mặt run rẩy của bé Trinh và đứa em trai tên Chương lộ ra bên mép chiếu côi, len lét nhìn lo lắng. Cực chẳng đã Joseph phải thả hai tay xuống. Anh hỏi dịu dàng:

- Tuyết ạ, con tính sao đây? Chỉ vài giờ nữa thôi, có thể khu vực này sẽ rơi vào tay quân Mỹ hoặc quân chính phủ. Tại sao con không nhân cơ hội này mà ở lại đây với cha? Cha sẽ mang cả ba mẹ con sang Hoa Kỳ.

Anh đưa mắt về phía hai cháu ngoại, mỉm cười và nhấn mạnh:

- Tất cả bốn chúng ta.

Tuyết lùi lại, hai tay ôm lấy thân mình như thể để giúp cho quyết định của nàng thêm phần dứt khoát. Sau một lúc im lặng, Tuyết lắc đầu một cách quả quyết:

- Con không đi theo cha. Nước Mỹ không có chỗ trong tâm hồn con. Tám năm thù hận, dốc hết trí tuệ, dùng hết thể xác để trả thù Mỹ, tới nay thì sự căm thù Mỹ đã lậm vào máu của con. Có qua tới bên đó con cũng không thể thích nghi với đời sống Mỹ. Con không thể nào quên chuyện anh Lương đã vì ai mà chết.

- Nhưng ở đây cũng đâu có chỗ cho con!

Tuyết gật đầu, xoắn một sợi dây thun thắt lại mái tóc:

- Cha nói đúng. Con biết rất rõ điều đó, kể cả với những kẻ trong Mặt Trận GPMN đang gọi con là đồng chí của họ. Họ dùng con để chiến đấu cho những mục đích của họ. Còn con, con nương theo họ để trả thù. Những thứ khác đối với con chỉ là khẩu hiệu có cổ nuốt vào bụng cũng không tiêu hóa nổi. Con là con lai, học trường Tây, cha Mỹ gia đình chính khách, mẹ Việt dòng dõi quan lại. Trinh và Chương mang ba dòng máu Mỹ, Hoa, Việt. Có chung một hàng ngũ với người ta thì cũng chẳng êm thắm lắm. Và nhất là, kể từ mấy hôm nay, hình ảnh của MTGPMN trong con không còn như cũ.

Trong khi Tuyết nói, Joseph tưởng chừng mình nghẹt thở. Anh hít lệ vào một hơi thật mạnh rồi thở ra mà như nén lại:

- Vậy con tính tương lai như thế nào?

Tuyết trả lời thật nhanh:

- Con ra bắc, mang theo Trinh và Chương. Dù sao Việt Nam cũng là quê hương của con. Con tin rằng xã hội ngoài ấy người ta sống khắc khổ, có nền nếp, đằm bạc, thuần nhất và đùm bọc nhau hơn trong Nam này. Con sẽ cố không nhớ tưởng tới hận thù nữa, sống cuộc đời bình thường. Ổn định và yên thân.

Nàng liếc Joseph thật lệ:

- Cậu Kim đang giữ địa vị cao trong Bộ Chính trị của Đảng Lao động. Cậu ấy là người gần gũi và tâm phúc của Hồ Chủ tịch. Năm ngoái, cậu Kim muốn con ra ngoài đó và có ý giúp tìm cho con một căn hộ ở gần cậu, tại Hà Nội. Rồi thế nào cũng còn ông cậu Lật...

Tuyết vội vã quay mình, dẫn hai con trở ra ngăn khoang đằng lái. Joseph nghe có tiếng lục đục rồi lời thì thầm dạn dò khi ba mẹ con thu xếp những đồ vật còm côi của mình. Sau vài phút, Trinh lại leo qua ngăn đò của Joseph, lật đặt tới bên ông ngoại. Con bé nhìn Joseph một lúc, bằng đôi mắt buồn rười, rồi nó đưa tay ra, một ngón tay sờ nhẹ lên lớp băng vải. Bỗng dung mặt nó đỏ ửng, giọng thủ thỉ:

- Ông ngoại, con cầu mong cho ông ngoại mau lành.

Trinh nín thở, mím môi như thể sắp nói thêm một câu gì nữa. Nhưng từ bên kia bức màn chiếu vang lên tiếng mẹ nó gọi sang, giọng rất gấp, làm bộ mặt bầu bình của con bé ánh lên vẻ cảnh giác. Sau khi liếc ngược trở lại đằng sau rất lẹ, nó cúi xuống thật sát Joseph và thì thầm vào tai anh: “Thưa ông ngoại con đi.” Nói xong, Trinh lẹ làng áp chiếc miệng nhỏ nhắn lên một bên gò má râu ria lờm chờm của Joseph, rồi lủi thật nhanh về phía mẹ, vừa đi vừa gãi môi.

Joseph khốn khổ nằm chờ Tuyết sang để nói lời từ biệt với con gái, nhưng chỉ tới khi cảm

thấy con đồ lặc qua lặc lại ba lần thật mạnh, anh mới nhận ra con gái mình đã cố ý tránh cuộc từ già đau lòng. Tim nhức buốt, Joseph gọi lớn tên Tuyết, lết hai đầu gối trườn tới. Anh bò như điên qua ngăn đồ trống trải phía sau và bò ra ngoài, tới phía đầu lái bằng phẳng. Tiếng đạn súng cối và vũ khí cá nhân vang vang điếc tai buốt óc. Tuyết đã đi xa được khoảng ba chục thước, chân bước thoăn thoắt dọc theo bờ sông, nhắm hướng tây. Người Tuyết hoá thành một hình bóng vô danh trong bầu trời âm đạm đang tối dần. Hai ống quần đen rộng thùng thình phồng lên hai bên đùi khi Tuyết cố giữ cho thăng bằng chiếc đòn gánh gác qua vai trái. Trong cặp gióng là một đôi thùng chắt lúa thừa bếp lò nấu ăn cùng các vật dụng linh tinh hèn mọn khác, thu dọn từ con đồ và gánh đi. Hai đứa bé hót hời. Đứa nít lấy tay phải, đứa túm chặt quần áo mẹ. Mỗi đứa một bên mẹ, vừa đi vừa chạy, vượt qua những tiếng nổ làm điếc đặc tai người của trận chiến chất ngất trong trời hoàng hôn bàng lảng.

Dù mắt Joseph nhìn không rời ba mẹ con, cả Tuyết lẫn Chương đều không nhìn lui. Chỉ có bé Trinh ngoảnh lại một lần về hướng ông ngoại. Thấy như vậy, anh đưa cánh tay không bị thương lên buồn bã vẫy chào vĩnh biệt. Con bé ngược đầu lên, vừa hăm hờ nói gì đó với mẹ vừa chỉ chỗ về phía ông ngoại. Nhưng nó đang

nói thì bị trượt chân và anh thấy Tuyết túm lấy Trinh, giận giữ lắc lắc nó với vẻ la rầy. Dần dần, hình ảnh mong manh ấy mất biệt trong trời chạng vạng tối và đầy sương mù. Trên đò, Joseph chậm chậm gục xuống đầu lái, người lạnh buốt, ruột quặn thắt vì chắc chắn sẽ chẳng bao giờ gặp lại con và hai cháu nữa. Nước mắt Joseph ứa ra đầy mặt. Anh không biết giọt nào khóc cho Tuyết vì chồng giọt nào khóc cho Lan mẹ của nó vì cha, giọt nào khóc cho Trinh và Chương sẽ lưu lạc trên đất bắc. Và giọt nào khóc cho bản thân bị mọi người thân yêu kẻ oán hận, kẻ bỏ đi; chỉ còn lại một mình trên dòng sông mênh mông, trong con thuyền mỏng mảnh, giữa tiếng động kinh hoàng của chiến trận đang tràn tới.

Nửa giờ sau, một đại đội Thủy quân Lục Chiến VNCH trên đường truy kích Bắc quân, tìm thấy Joseph đang lom khom nơi đầu lái con đò. Trước đó, anh đã bò vô lại khoang đò, lấy chiếc áo sơ mi dính đầy máu ra, rồi chậm chậm vẩy áo lên quá đầu để ngăn những người lính mặc đồ rằn ri có gắn huy hiệu con trâu nổi điên ấy đừng bắn mình. Một thượng sĩ người đen đùi, mặt đỏ và đầy theo, miệng ngậm điếu thuốc Ruby quân tiếp vụ, từ trong bóng tối lò mờ bước ra với hai TQLC khác. Làm như không nghe Joseph kể lắp bắp bằng tiếng Việt, anh ta tay cầm khẩu AR-15 dí lom lom mũi súng tay vượt

khắp người Joseph cho đến khi chắc chắn đối tượng không có vũ khí hoặc không phải người Nga. Anh ta lên bờ và lát sau đi xuống với viên đại úy đại đội trưởng. Nhìn con đò và nhìn Joseph, mặt viên đại úy lộ vẻ sùng sốt. Anh ta nói bằng tiếng Anh:

- Trời đất ơi! Có phải ông muốn nói ông là người Mỹ. Và một người Mỹ làm cho Juspao Sài Gòn như ông lại ẩn núp trong khoang chiếc đò khốn nạn nhỏ xíu này, suốt một tuần lễ, với vết thương nặng như thế kia?

Nói xong, anh ta gọi viên hạ sĩ mang máy truyền tin tới, bốc máy báo về bộ chỉ huy. Còn tay thượng sĩ mặt đỏ thì cười tùm tùm với vẻ tiểu lâm khi giúp Joseph lên bờ. Kế đó anh ta bước xuống đò, bỏ cả hai chân hai tay vào kiểm soát bên trong khoang. Lát sau, anh ta vọt lên bờ, phúi mạnh quần áo và nhăn mũi rồi cười khà khà:

- Đại úy ơi, thằng cha Mèo này mà bỏ được cái chốn dzui dzẻ đó chắc “nó” mừng hết lớn. Dưới đó mùi gì cũng có!

Joseph chỉ nhìn viên thượng sĩ, không cự nự cũng không tỏ ý giận. Trời vẫn còn đủ sáng cho anh lần đầu tiên nhìn thấy toàn cảnh con đò. Lúc này nó cắm sào đối diện với bờ sông bên kia, chỗ thuở nào anh đã trải qua đêm đầu tiên sum vầy với Lan trên sông Hương ba mươi hai năm trước.

- 17 -

Trong hầm trú ẩn nhộp nháp và ẩm thấp của mình tại căn cứ hỏa lực Birmingham, đại úy Gary Sherman ngồi dậy và dụi mắt. Bên ngoài, bóng chiều phủ khắp vùng đồng bằng ven biển Quảng Ngãi, một nơi cách Sài Gòn khoảng sáu trăm cây số. Anh vừa ngủ được nửa giờ nhưng mặt vẫn còn vẻ hốc hác phờ phạc. Chỉ mới ba giờ trước đây, Gary dẫn đại đội Hai với quân số hao hụt trở về căn cứ sau chuyến “lùng và diệt địch” lần thứ ba trong tuần. Với cũng chỉ một mục đích càn quét các thôn ấp nghèo nàn nằm rải rác khắp vùng duyên hải thấp trũng và nhiều đầm lầy của tỉnh Quảng Ngãi, cuộc hành quân không thu lượm được kết quả nào. Diễn tiến từ đầu tới cuối của nó như thông lệ: toàn thể đại đội trải qua hai đêm sục sạo và ăn ngủ giữa trời mà không một lần chạm trán Việt Cộng, ngược lại còn bị mất thêm sáu binh sĩ vì dẫm trúng mìn bẫy của đối phương.

Tới cuối cuộc hành quân, những binh lính sống sót mệt lã mừng vì thoát nạn và buồn bã đưa mắt nhìn các đồng đội thương vong được máy bay trực thăng tải đi. Gary hiểu rằng có một số lính quân dịch non nớt và rụt rè đang được anh ra sức huấn luyện để trở thành những binh sĩ chiến đấu hữu hiệu, hẳn sẽ cảm thấy nhẹ nhõm nếu bản thân họ được thay vào chỗ các thương binh ấy với một thương tật nào đó nhẹ nhàng ở chân.

Trong số sáu binh sĩ tử thương vì mảnh mìn văng trúng, có hai người chỉ bị nhẹ, một mất bàn chân và một bay trụi các ngón tay phải, ngoài ra có tới ba người chết tại chỗ. Đạp trúng mìn thì kết quả bao giờ cũng y như nhau: thân thể của cả ba nạn nhân vỡ nát không còn hình thù. Những đồng đội còn lại choáng váng nín lặng, mắt đờ đẫn nhìn theo chiếc trục thẳng chở ba thi thể bọc trong tấm poncho đi mưa của chính chủ nhân của nó vừa tử trận.

Đây là lần thứ ba trong tuần đại đội Hai bị sa bãi mìn. Tổng cộng tổn thất khoảng ba mươi người trong đó bảy chết tại chỗ, nhiều người bị thương nặng, cụt tay què chân hoặc mất bộ phận cơ thể khiến phải thương tật hay tàn phế suốt đời. Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân vừa qua làm lực lượng Cộng Sản trả giá đắt khủng khiếp, vì thế, lúc này mọi vùng quê Nam Việt Nam đều trở thành vùng đất cạm bẫy cùng một kiểu như nhau. Những con đường khúc khuỷu dẫn vào chốn đồi núi hoặc lộng gió chạy xuyên qua các xóm làng vùng ven biển giờ đây bị đối phương gài mìn bẫy dầy đặc hơn trước, khiến mức độ thương vong của liên quân đồng minh cao hơn bình thường.

Dù hình ảnh chiến trận trên đường phố tại các thành thị lớn của Miền Nam làm công chúng Hoa Kỳ choáng váng cực độ, con số tổn thất của bộ đội Việt Cộng và cán binh Bắc Việt, tính

cho tới lúc rút ra, lên tới ba chục ngàn người thương vong. Trong số đó có mười lăm ngàn tử trận, đối chiếu với con số tổn thất của binh sĩ Mỹ và Nam Việt Nam chỉ có khoảng mười ngàn người thương vong trong đó số tử trận về phía Mỹ là ba trăm sáu mươi bảy, phía VNCH là bảy trăm. Cơ sở nằm vùng của Việt Cộng tại Huế và miền trung gần như bị phá vỡ toàn bộ. Cán bộ chính trị hiếm hoi sót lại không dám ra mặt vận động quần chúng vì sợ gặp phản ứng ngược. Nhất là sau khi người ta khai quật nhiều hầm chôn tập thể trong thành phố Huế và các địa điểm phụ cận tại Phú Vang và vùng xa như Nam Đông với tổng số nạn nhân được phát hiện lên tới khoảng ba ngàn người. Hậu quả về quân sự là ngay sau khi chấm dứt cuộc tổng công kích, các đơn vị Cộng Sản kiệt quệ phải quay về lối đánh du kích quen thuộc cũ. Họ tiếp tục chiến thuật lẩn tránh và nghi binh trong vùng rừng rú và đồi núi. Thỉnh thoảng họ huy động quân số và hỏa lực ít nhất cũng hơn gấp ba để tấn công một đồn trọng điểm của VNCH nhưng cơ may thành công vẫn rất mong manh. Như vậy, phía quân đội VNCH, Mỹ và đồng minh lại phải quay về phương pháp “lùng và diệt” như cũ.

Nôn nóng khai thác thể thượng phong ấy, các chỉ huy trưởng quân đội Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam khắc nghiệt thúc binh sĩ dưới quyền đuổi theo đối phương. Và vì lý do đó, Gary đã

nhiều lần bị từ chối lời anh đề nghị cho đại đội đang sa sút tinh thần của mình được rút khỏi những công tác tích cực.

Tướng Westmoreland, tư lệnh quân đội Mỹ tại Nam Việt Nam, yêu cầu Hoa Kỳ gởi thêm một số lượng lớn binh sĩ sang để tiếp tay đẩy mạnh chiến dịch truy kích quyết liệt và mới mẻ này. Nhưng cuộc Tổng Công Kích Mùa Xuân đã đẩy phong trào phản chiến mạnh mẽ ở Mỹ lên tới cực điểm và Tổng Thống Jonhson từ chối lời yêu cầu đó. Những tường thuật của các phóng viên quốc tế “xông xáo” và hình ảnh “sống động” trên vô tuyến truyền hình không phản ánh trung thực thành quả chiến thắng của liên quân Mỹ-Việt, tinh thần dũng cảm và khả năng chiến đấu hữu hiệu của lính Cộng hòa, sự thiệt hại đến cùng kiệt của Cộng Sản cũng như tâm trạng chán ghét cực độ MTGPMN của dân chúng Miền Nam. Ngược lại, dư luận thế giới ngày càng hoài nghi các bản báo cáo lạc quan về tình hình chiến sự của tướng Westmoreland. Hậu quả là, ngay cả đại đội Hai của Gary cũng không nhận được quân số điển khuyết đúng mức những binh sĩ thương vong.

Sau khi thức giấc, Gary nằm bất động vài phút trên chiếc nệm hơi, kê trên giường ván, mệt mỏi ngẫm nghĩ về tình trạng gay go của mình. Anh thấy có vẻ như không thể nào chấm dứt được tình trạng suy sụp kinh khủng của

binh sĩ thuộc quyền và anh không biết làm thế nào nâng cao tinh thần họ nhằm chuẩn bị cho cuộc hành quân sắp tới.

Chiều nay, ngay lúc vừa trở về căn cứ, Gary hầu như không tin nổi hai tai mình khi nghe đại tá chỉ huy trưởng bốn đại đội Lực lượng Đặc nhiệm tại căn cứ hỏa lực Birmingham tuyên bố rằng đại đội Hai của anh được giao nhiệm vụ chặn đường rút lui của đối phương trong cuộc đổ bộ sáng mai của toàn bộ lực lượng vào làng Quảng Tơ. Tin tình báo đáng tin cậy cho biết tại đó hiện có mặt một thành phần đông đảo của Tiểu đoàn Cơ động 42 Việt Cộng.

Đầu tóc cụt ngắn và nụ cười tự mãn, đại tá chỉ huy trưởng trình bày với các sĩ quan:

- Tụi chó đẻ đó đang núp trong mấy ngôi nhà gạch và các địa đạo bên dưới. Tôi nghĩ rằng hết thảy các bạn đều cần một cú để lên tinh thần – chúng ta đã trải qua quá nhiều tuần lễ nản chí vì chẳng có cái đích gì cho mình đánh đấm. Vậy lúc này, các bạn có thể nói với binh lính dưới quyền của các bạn rằng ngày mai, ta sẽ cho họ cơ hội thật sự bắn thủng đít bọn vi-xi.

Nhìn đồng hồ thấy còn ba mươi phút nữa mới tới giờ thuyết trình hành quân, Gary miễn cưỡng lê người đứng lên và bắt đầu rửa ráy. Vừa đắp nước trong chiếc ca cầm tay lên bộ mặt ngái ngủ, hai lỗ tai của Gary bỗng bị ngứa ngáy bởi tiếng cười rậm rật nham nhở từ bên ngoài vọng vào. Anh dừng tay, bước ra ngoài cửa hầm.

Hai tân binh quân dịch trong đại đội Hai, nguyên là hai công nhân ngành thép ở tiểu bang Indiana, đang từ hướng “căn cứ bum-bum” đi loạng choạng về phía hầm trú đóng của đơn vị. “Căn cứ bum-bum” là một dãy mấy hàng quán xiêu vẹo dựng sát Quốc lộ Một, nơi các Miss Chu Lai nhà quê lấy thể xác mình làm sinh kế nuôi thân dưới mắt nhìn lão liên của một Madame Điện Biên Phủ. Thông thường, các tân binh quân dịch từ Mỹ mới qua, mắt ba chớp ba nháng, không phân biệt nổi tuổi tác của các nữ chiêu đãi viên người Việt. Trong quán rượu, nghe gọi Madame Điện Biên Phủ họ biết ngay phụ nữ ấy đứng tuổi, còn Miss Chu Lai tức là thiếu nữ còn nhỏ tuổi. Cả hai vừa chuyển nhau hút chung điếu cần sa vừa khoác vai nhau đi ngúc ngắc, nghiêng ngả. Một trong hai người lính có thân hình vạm vỡ, mái tóc vàng trẻ trung, đang đưa lon bia Mỹ lên miệng tu một hơi rồi cười nắc nẻ. Nhìn hai người lính đi chân nọ quẹt chân kia, Gary nhớ lại sáng nay trên mặt trận, anh đã thấy họ tiếp tay khiêng một thi hài đồng đội vỡ nát lên trục thăng. Cả hai chưa thay quần áo và Gary có thể thấy những vết máu của một đồng đội thương vong nào đó còn dính lổm đổm bộ đồ trận dơ bẩn và bết bùn của họ.

Gary nói gọn lỏn:

- Các cậu đi thay đồ sạch ngay. Tôi muốn mọi

người mặc quần áo đảng hoàng khi tôi thuyết trình vào một giờ sau.

Hai người lính ngừng cười trong mấy giây đủ để đưa tay lên chào chiếu lệ đại đội trưởng. Nhưng khi Gary trở vô hăm, anh lại nghe họ cất tiếng cười sảng sặc và tiếp tục đùa giỡn âm ĩ trên đường về hăm trú ẩn. Anh đứng yên, suy nghĩ lãng đãng về hai người lính ba gai ấy trong một chốc. Rồi không để tâm tới buổi thuyết trình hành quân sắp tới nữa, anh lôi ra một xấp giấy viết thư và ngồi xuống viết cho cha mình.

Gary bắt đầu: “Bố thân mến,

“Xin bố đừng hiểu lầm việc con chậm trả lời bức thư của bố gửi từ Luân Đôn là một bằng cớ chúng tôi có chuyện nầy chuyện nọ. Đó chẳng qua chỉ vì vào những ngày này, con thường bận túi bụi và cực kỳ mệt mỏi nên chẳng viết nổi thư. Suốt bốn tháng nay, kể từ khi cơn hoang mang sợ hãi ngày Tết Mậu Thân lắng xuống, cuộc sống ở đây là một loạt náo động và kéo dài dằng dặc những cuộc hành quân “lùng và diệt địch” nhưng trong đó cái khốn nạn là chúng con lùng thì rất nhiều mà diệt thì chẳng được mấy móng. Bù lại, dĩ nhiên chúng con nhận lãnh đều đặn một số lượng tổn thất những đồng đội thương vong vì mìn bẫy. Đối với bố, chuyện đó nghe như thể “có này có kia như trước đây”, nhưng bố tin con đi, lúc này nó là một loại thuốc mạnh hơn bao giờ hết mà khi nuốt vào chẳng cảm thấy thú vị chút nào.

“Thư của bố đến tuần trước và con đang tranh thủ đôi ba phút giữa các chuyến xuất kích để viết vội vài hàng trả lời vì con muốn nói với bố rằng con sung sướng biết bao khi đọc mấy dòng chữ đầu tiên của bố về việc chẳng bao lâu nữa Mark sẽ ra khỏi cái lò hỏa ngục ở Hà Nội.

“Cũng giống như bố, con hoàn toàn chẳng chút để tâm tới mấy nhóm hoà bình nào đó sang tận Hà Nội mang Mark trở về quê nhà, miễn sao nó an toàn thoát ra khỏi tất cả những gì nó đang trải qua là được rồi. Con chắc chắn lá thư riêng mà bố viết cho Hồ Chí Minh đã giúp nó được vô số điều dù con đang ao ước rằng lý ra trước đây bố nên nói cho con biết về lá thư đó – nó có thể giúp con cư xử hợp lý hơn trong đôi ba lần bố con mình gặp gỡ nhau vừa qua.

“Thêm một tiết lộ quan trọng nữa của bố là bố đã âm thầm làm lễ thành hôn với Tiểu thư Boyce-Lewis và quyết định ở hẳn tại Anh cũng làm cho con, theo một cách nói nào đó, cảm thấy hổ thẹn hơn vì việc mình đã làm. Đêm đó, bên ngoài khách sạn Continental, khi thấy bố và cô ấy đi với nhau, con có hơi thiếu lịch sự, và sau đó, lương tâm con ray rứt mãi. Chính vì muốn làm tâm trí mình nhẹ nhõm mà con nói ra cho bố biết việc đó và con xin bày tỏ lời xin lỗi vụng về cùng với lời chúc mừng chân thành của con cho cả hai...

“Có một tràng tiếng nổ nghe như tiếng súng đại liên xa xa phá tan bầu không khí yên lặng, Gary ngừng viết, lắng tai nghe. Khi tiếng nổ ấy tiếp tục, càng lúc càng lớn và càng nhanh hơn, anh nhận ra đó là tiếng phành phạch lẹ làng của máy bay lên thẳng. Rõ ràng là một trong ba đại đội kia đang trở về Birmingham sau khi hành quân. Anh lắng nghe cho tới khi các trực thăng đáp hẳn xuống đất.

Khi chiếc trực thăng cuối cùng tắt máy, Gary tiếp tục:

“Con vừa có ý nói rằng con hy vọng vai của bố đã lành hẳn, nhưng nay con đoán chắc là nó ổn thỏa rồi khi bố cảm thấy có đủ sức khỏe để “cùng nhau đi lên giữa hai dây ghế” trong nhà thờ và toà thị chính Caxton. Nếu bố đang bắt tay vào việc phê bình chính sách của chúng ta về Việt Nam dưới hình thức một cuốn sách, như bố đã viết trong thư, thì con đoán lúc này hẳn bố khá sung sức – như vậy, con cũng xin chúc bố thành công trong công việc đó. Một cuốn sách thuộc loại như thế, được viết bởi một người có kiến thức sâu xa về vấn đề đó, chắc chắn sẽ bán được số lượng đáng kể – thế nào các thư viện ở Toà Bạch Ốc, Bộ Ngoại giao và Ngũ Giác Đài cũng sẽ đặt trước nhiều cuốn để biết bố viết ra sao về các ông chủ của họ. Riêng phần con, con cảm thấy mình có thể đóng góp đôi dòng ngay lúc này về sự phê bình của chính con đối với

tình hình ở đây. (Cái này rõ ràng phải gửi thư đi một cách bí mật qua đường bưu điện dân sự để nó tới tay bố nguyên vẹn những gì mà con có thể hiểu biết về vấn đề đó).

“Chúng con vừa thực hiện tới ba cuộc hành quân trong một tuần và đến rạng sáng ngày mai, chúng con lại lên đường nữa. Chúng con bị hao hụt quân số trăm trọng và những kẻ còn lại thì tinh thần xuống rất thấp. Chẳng biết chúng con có còn gặp may mắn nữa hay không, lần này con hết sức nghi ngờ, và e rằng mình đang cảm thấy khá chán nản trước tất cả những cái đó.

“Lúc này, con thấy mình bị giằng co với nỗi khao khát từ nhiệm, rút chân ra, nhưng bên cạnh đó, ý thức trách nhiệm lại nói với con rằng mình nên ở lại đây và làm điều mình có thể làm để hạn chế phần nào những gì tồi tệ đang diễn ra ở đây. Thí dụ, hiện có một nguyên tắc rằng khi chúng con vào làng mà gặp bất cứ người Việt Nam nào không chịu đứng lại và tự khai báo thì cứ bắn người ấy. Thực tế, nhiều người nhà quê bỏ chạy chỉ vì sợ hãi thôi, và lúc đó, việc “cứ nổ súng rồi đặt câu hỏi” là cả một vấn đề! Việc đó, như bố có thể tưởng tượng ra, đưa tới rất nhiều trường hợp giết người bừa bãi.

“Người ta cũng không bao giờ có thể biết chắc chắn rằng một khi vào làng rồi thì sẽ tìm thấy chỉ đàn bà trẻ em thôi hay vài ba tên bắn

sẽ đang núp lén hoặc nguyên cả một tiểu đoàn Việt Cộng khốn nạn. Vậy hể lúc nào cảm thấy cần thiết là chúng con phải bố trí hoà tiễn và trọng pháo để bắn phòng ngừa và bắn ào ạt vào làng. Quả thật là điên khùng. Thường dân bị thương ở mức độ rất cao là điều không tránh khỏi, và trong tình huống như thế này, công tác “chinh phục con tim và trí óc của dân chúng” mà người ta đề ra cho chúng con là một việc không thể nào thực hiện nổi...

Gary ngừng viết, lại nhìn đồng hồ. Chỉ còn năm phút nữa bắt đầu cuộc họp thuyết trình hành quân. Anh miễn cưỡng gom mấy trang thư lại, rồi lật đặt thêm vào ở cuối trang anh vừa viết:

“Bây giờ con phải chạy đi họp ‘hội đồng chiến tranh’ một lần nữa. Vậy tạm thời con chỉ thêm vào hai chữ bắt hủ mà các nhà văn viết chuyện dài trên các báo thích viết: ‘còn tiếp’.”

Không đọc lại những gì vừa viết, Gary gấp mấy trang giấy vào nhau và đút vô túi áo ngực.

Khi Gary ra khỏi hầm, bóng tối bên ngoài ẩm ướt và hơi ẩm phả vào mặt anh. Vì trời nóng bức, anh đi chậm rãi tới bộ chỉ huy căn cứ, nơi các sĩ quan của bốn đại đội bắt đầu tụ về. Để gạt khỏi tâm trí viễn ảnh ảm đạm của cuộc thuyết trình, Guy buông thả cho ý nghĩ lang thang trở lại lá thư của cha. Và anh vừa đi vừa tự hỏi làm sao chú em Mark ứng xử vấn đề thích nghi

với cuộc sống tự do sau một thời gian tù ngục khủng khiếp như thế.

Gary cũng cố tưởng tượng lối sống của cha trong thời gian sắp tới với bà vợ mới người Anh. Trong óc anh chợt nảy sinh ý nghĩ rằng cuộc đời của em anh, cha anh và của chính anh đều đã bị Việt Nam ghi dấu ấn sâu đậm. Trong khi ngẫm nghĩ như vậy, tâm thức của Gary bắt giác loé lên hình ảnh cuộc đi săn dã thú trong rừng sâu Nam kỳ và cao nguyên Trung kỳ của ông nội và người bác đã chết bốn mươi ba năm về trước. Gary nhớ lại việc cha của anh đã cố giải thích như thế nào về lòng ác cảm của ông đối với cái hoạt cảnh trung bày ấy trong lần gặp gỡ đầy khốn khổ của hai cha con tại nhà bảo tàng. Những lời được ông nói ra lúc đó một cách ngập ngừng, giờ đây âm vang trở lại trong tai anh, nghe rõ mồn một: “...Gary ạ, có trời mới biết, hầu như tất cả chúng ta đều làm mỗi cho những khía cạnh tồi tệ nhất trong bản tính của mình... Chúng ta rất thường bị lôi cuốn bởi ý muốn chiến thắng bằng bất cứ giá nào.”

Vì lý do nào đó, ký ức ấy mang trở lại cảm giác mơ hồ về một điểm gỡ mà Gary từng linh cảm trước đây khi hay tin mình sẽ lại phải xuất kích quá sớm với các tân binh đang mệt lã. Và cảm giác ấy càng lúc càng bốc lên thật nhanh khi anh tới gần phòng thuyết trình. Vào lúc Gary trình diện đại tá chỉ huy Birmingham, tâm trạng của anh hoá ra bi quan cùng cực.

Trong khi diễn ra cuộc thuyết trình ngắn của các sĩ quan Mỹ, cách căn cứ hoả lực gần hai mươi lăm cây số, tại làng Quảng Tơ, hai trăm quân du kích của Tiểu đoàn Cơ động 42 thuộc Quân đội Giải phóng đang dừng quân nghỉ bồi dưỡng qua đêm trong những “chòi” tranh có cửa hầm được che đậy cẩn thận. Mỗi hầm trở thẳng xuống hệ thống địa đạo ngay bên dưới làng. Các địa đạo dài khoảng hai cây số dẫn tới cửa thoát ở bờ biển. Du kích quân đã trải qua nhiều lần thực tập rút xuống địa đạo thật lẹ để thử nghiệm việc bỏ trống làng theo một tốc độ nhanh nhất và một diễn tiến hoàn chỉnh nhất. Trong những trường hợp như thế, các bà vợ và gia đình của họ lúc nào cũng ở lại trong làng, trên mặt đất.

Đêm đó, trong khi chính trị viên đứng tuổi của tiểu đoàn đi từ chòi này sang chòi khác thì thăm ra lệnh cho bộ đội rút ra bờ biển, ông ta còn kèm theo lời cảnh báo các gia đình ở lại rằng họ sẽ bị quân Mỹ trừng phạt thê thảm. Về phần dân làng, chính họ cũng biết thân và đang chờ đợi vì đã được một thiếu nữ ở quán bumbum bên ngoài Căn cứ hoả lực Birmingham báo về cho biết sẽ có cuộc đổ bộ của lính Mỹ vào rạng sáng ngày mai. Và họ cũng được chỉ thị, một cách cực kỳ khắc nghiệt từ phía quân giải phóng, rằng không được hợp tác với bọn lính đế quốc, dù bằng bất cứ hình thức nào.

Sau khi dùng cơm tối xong, các cán binh Việt Cộng chào từ giã gia đình, rồi từ từ kẻ trước người sau, họ chuẩn thật êm xuống địa đạo, kéo nhau ra bờ biển. Tới nửa đêm, trên mặt đất làng Quảng Tơ chỉ còn lại đàn bà, trẻ con và người già quá hạn tuổi thi hành quân dịch.

Sáng hôm sau, khi Lực lượng Đặc nhiệm lên đường trong ánh nắng sớm mai, Gary bay trên chiếc trực thăng dẫn đầu. Anh đưa mắt nhìn lui và thấy phần còn lại của đợt xuất quân thứ nhất dàn ra đằng sau mình. Mười hai chiếc bóng hình con ong bay nghiêng nghiêng và đập dềnh theo hàng một, nổi bật trên nền ánh sáng màu da cam chói lọi của mặt trời đang mọc.

Gary cũng nhìn thấy phía đằng trước đoàn quân có chớp loé sáng rồi khói bùng lên, lan khắp năm sáu xóm nhà trong thôn làng sẽ đến. Qua bức màn khói ấy, các trực thăng võ trang Cobra chúi đầu rồi ngóc đầu, phóng hoà tiễn và bắn đại liên xuống các tốp lều tranh. Khi đoàn quân tới gần bãi đáp ấn định trên một cánh đồng dài hai trăm thước ở phía nam Ấp Một, mọi xạ thủ ngồi ngay cửa các chiếc trực thăng chuyển quân đều khai hoả khẩu đại liên 60 li cơ hữu dù không một dấu hiệu nào chứng tỏ có đạn từ dưới đất bắn lên. Hai người lính bị Gary khiển trách tối qua lúc này cùng bay với anh trong chiếc trực thăng dẫn đầu, chung với các chiến sĩ cùng trung đội. Tất cả đều cứng người,

căng thẳng. Ai cũng nắm chặt khẩu súng M-16 kẹp giữa hai đùi, mắt nhìn qua cửa trục thăng tìm dấu vết của Tiểu đoàn Cơ động 42. Theo lời đồn đó là một đơn vị Việt Cộng thiện chiến; một khi đã chọn lựa chạm trán, nó sẽ đánh rất quyết liệt và tàn độc.

Một trong hai người lính “thợ sắt” Indiana, kẻ vạm vỡ hơn bạn đồng nghiệp cũ đang ngồi kế bên, vỗ bồm bộp báng súng và nói:

- Bữa nay tụi mình hốt trọn ổ lũ vàng khè khốn kiếp đó. Chỉ còn một vấn đề khốn nạn là lâu hay mau thôi.

Người đi cặp với anh ta, có nước da sạm và thân hình mảnh dẻ, gật đầu đồng ý với bạn rồi quay sang nhe răng cười với Gary:

- Đứng ngay chóc – nếu mấy chả trong đại đội Một lùa được bọn thổ dân khốn kiếp đó chạy về hướng tụi mình. Đại úy ơi, tụi tui sẽ ra tay vì ông đó – và vì các cậu đại đội Hai của mình bị đi đứt mấy chuyến trước.

Gary đáp lại bằng cái gật đầu gọn lỏn rồi để hết tâm trí quan sát mặt đất khi đại đội bắt đầu nhảy xuống khu ruộng đổ bộ. Trong cuộc thuyết trình vừa qua, đại tá chỉ huy trường hạ lệnh cho các sĩ quan phải nhấn mạnh vào viễn ảnh rửa hận cho những đồng đội bị thương vong, nhằm làm sôi máu binh lính lực lượng đặc nhiệm. Không tìm được cách nào khác để điều chỉnh tình trạng rã rời tinh thần của đại

đội, Gary phải miễn cưỡng làm theo lời cấp trên nhưng anh vẫn áy náy về hai tiếng rửa hận cùng những phát tác vô lương của nó. Và trong khi Gary đang tự hỏi không biết hành động như thế của mình là đúng hay sai, hai càng trực thăng đã chạm mặt đất. Rồi bỗng nhiên nổi thắc mắc đó không còn là vấn đề khi binh sĩ ào ra của trực thăng, nhào xuống lớp cỏ mọc cao ngang hông và cúi mình chạy thật lẹ tìm chỗ nấp, với ý nghĩ độc nhất trong đầu mỗi người là phải sống sót đã.

Công tác thứ nhất của đại đội Hai là bảo vệ an toàn bãi đáp. Gary quát lớn ra lệnh các trung đội trưởng dàn quân thành một vòng tròn rộng. Kế đó, suốt mười lăm phút, trực thăng hết gầm lại rú, hết vào lại ra, thả xuống các đại đội xung phong. Cứ mỗi lần máy bay đáp xuống, cánh quạt tạt hơi gió thành những đợt sóng lớn, cuộn cuộn rượt theo nhau trên mặt cỏ cao. Gary quan sát binh sĩ các đại đội Một, Ba và Bốn xô đẩy nhau ào ra khỏi máy bay trực thăng. Vào khoảnh khắc đặt chân xuống đất, vẻ mặt người nào cũng căng thẳng và bốn chồn không kém binh sĩ trong đại đội của anh.

Và trên mọi bộ mặt căng cứng đều lộ lộ dấu vết mệt mỏi. Họ e ngại nhìn vùng đất phía trước, mắt trông chừng mình bẫy trong khi chân dò dẫm từng bước một trên con đường dẫn vào Ấp Một. Rồi tiếng máy bay trực thăng chìm dần

ở chốn xa xa. Tiếng động của các binh sĩ đang tiến vào sâu hơn trong ấp nghe cũng yếu dần. Một bầu không khí tĩnh mịch trùm lên Quảng Tơ. Dần dần, ánh nắng mặt trời đang mọc chuyển từ màu da cam sang màu vàng, nhạt hơn và chói lọi hơn.

Khi Gary khởi sự di chuyển đại đội dàn ra thành hình vòng cung theo tư thế vây chặn ở khu vực phía nam làng, anh bỗng nghe có tiếng nổ âm thật lớn và thấy đất đen vọt lên như suối bên trên một rặng cây xa xa. Tiếp theo tiếng nổ, khói bỗng bùng lượn lơ rồi chậm chậm bốc lên cao quá ngọn cây.

Người lính tóc đen gốc Indiana bò tới bên sĩ quan phụ tá của Gary, miệng thì thầm:

- Đồ khốn kiếp! Đụ má, lại thêm một trái mìn khốn nạn nữa!

Tiếp theo tiếng mìn nổ là tiếng súng vang lên ròn rã. Gary ra lệnh cho đại đội nằm yên. Súng tiếp tục nổ nhưng tiếng nghe rời rạc và không chuyển biến thành một cuộc trao đổi hoả lực ồ ạt và kéo dài như một dấu hiệu chứng tỏ hai bên đang chạm trán. Tới lúc đại đội Hai vào xong vị trí, Gary nghe rõ tiếng lửa cháy rầm rắc. Và từ những ngôi nhà tranh bị đốt, khói đua nhau bốc lên, bắt đầu làm mờ mịt bầu trời.

Người lính Indiana bên cạnh Gary thở phào:

- Rồi rồi, xảy tới đụng độ rồi đó. Đại úy ơi, cuối cùng mình cũng bắn thủng đít tụi da vàng.

Gary Sherman nhắm mắt. Máy truyền tin RTO kêu rào rào tiếng người gọi đi gọi lại nhưng không cho thấy một hình ảnh rõ nét nào về cuộc càn quét. Anh vội vàng ra lệnh cho người lính Indiana:

- Cách tốt là cậu đi ngó qua một cái, xem đang xảy ra chuyện gì – rồi về thẳng đây ngay. Trong một thoáng, người tân binh trẻ tuổi có vẻ ngần ngại rồi tuân lệnh, lúp xúp chạy tới rặng cây. Năm phút sau anh ta chạy về. Gary lập tức để ý thấy vẻ mặt anh ta vừa há hê vừa hãi hùng. Anh ta nói với giọng kinh hoàng:

- Đại úy, đại đội Một bắn tuốt lượt cả cái làng khốn nạn đó. Họ bắn hết thầy bọn bản xứ. Họ đẩy tất cả bọn chúng nó xuống hố. Họ đốt nhà, giết gia súc. Họ chà láng cái chỗ đó – trẻ em, con nít, đàn bà, người già, gà vịt, không chừa một mống!

Gary nhìn anh ta chằm chặp, không tin nổi:

- Cậu có biết chắc chắn rằng cậu đang nói cái gì không? Không có Việt Cộng ở đó à? Người lính lắc đầu nguây nguẩy.

- Vậy chó ai đang bắn người ta?

- Ai cũng bắn hết! Mấy ông trung sĩ, một ông trung úy, tất cả bọn họ! Họ cũng hiếp cả đàn bà nữa! Người lính gốc thợ sắt nói thật lớn bằng giọng sôi nổi. Những người khác trong đại đội thấy vậy cũng chạy tới dòng tai nghe. Thấy thế, Gary khoát tay giận dữ:

- Tất cả về ngay vị trí! Chúng ta đang làm nút chặn, phải giữ kỷ luật. Đại đội giữ đúng công tác, ở lại tại chỗ.

Quát xong, anh vẫy một trung úy:

- Anh phụ trách ở đây. Tôi đi vô làng.

Gary ra hiệu cho hai tân binh Indiana và dẫn họ chạy theo mình vô rừng cây. Anh lao qua bụi cây, vào tới ấp thứ nhất. Tại đó anh thấy hai lính Mỹ chìa súng bắn thẳng vào một đám đông đàn bà trẻ con đang co rúm dón sát vào nhau, ké bên một đường mương. Trong hai lính Mỹ đó có một trung úy, kẻ kia là trung sĩ. Và tiếng la rú kinh hoàng của đám dân quê Việt Nam tắt ngấm trong cuống họng khi đạn đại liên cùng với M-16 bắn nát căn cổ họ.

Họ vừa gục xuống đất liền bị một lính TQLC khác bắt đầu đá và hất những tử thi đầm máu ấy xuống đường mương. Mắt Gary bắt gặp trong đó có chút động đậy. Quay qua, anh thấy một đứa bé đang vạch đám xác chết. Không biết nó đang kiếm một người thân nào đó đã chết hoặc chỉ để tìm chỗ núp đạn. Khi viên trung sĩ thấy ra điều đó, hắn bắn mấy loạt đạn vào đứa bé cho tới khi nó lật ngửa, nằm không chút nhúc nhích.

Miệng khô rang hời hững, Gary gỡ khẩu AR-15 của mình xuống khỏi vai và bắn một loạt lên phía trên đầu hai lính Mỹ. Anh vừa lao người ra khỏi rừng cây vừa thét lớn:

- Thả súng xuống không tao giết cả hai đứa!

Liền ngay đó, Gary có cảm giác mình đang bay trên không khí. Chỉ tới khi thân thể anh thôi văng lên, đầu chúi xuống trước, cắm thẳng vào những vùi đất đen đang phun tủa lên khắp chung quanh, anh mới nhận ra mình vừa đập trúng mìn.

Khi cơ thể Gary nằm thẳng cẳng trên mặt đất, hai người lính TQLC gốc Indiana nhìn xuống anh, kinh hãi. Họ có thể thấy tất cả các bộ phận trong người Gary – tim, gan, phổi – đang đập rộn ràng bên trong lồng ngực toang hoác. Và máu anh bắn ra ướt đầm mặt đất chung quanh họ. Gary hấp hối suốt năm phút. Họ chỉ có thể bắt lực ngó anh nằm đó, trên đất đen, quần quai rên la. Cuối cùng, một người lính gốc thợ sắt chạy trở lại gặp viên trung úy phụ trách đại đội Hai. Rồi tất cả những người còn lại trong các chốt ngăn chặn đều tập trung chung quanh thi thể người đại đội trưởng của mình.

Tới lúc y tá cứu hộ của đại đội Hai đến hiện trường, bắt đầu sửa soạn gói thi thể tan nát của Gary vào tấm poncho, nhiều người lính của anh bật khóc nức nở. Những người khác rít lên kêu trời, chửi rủa tục tũn như kẻ mất trí. Rồi dần dần, từng người một, họ nối bước nhau đi sâu vào làng, tham gia cuộc tàn sát. Nhiều người trong bọn họ tiếp tục vừa khóc thầm vừa gào thét trong khi tiếp tay săn lùng và bắn gục những dân làng còn lại. Họ giết người Việt Nam. Giết

theo từng người một hoặc theo từng nhóm. Họ cướp phá tan hoang nhà cửa. Đốt làng và thọc lưỡi lê đâm chết trâu bò gia súc.

Có vài người lính rút người lại, hãi hùng vì những gì đang xảy ra. Họ tìm cách tránh mặt hoặc cố cứu một thôn nữ hay một bà lão lẻ loi. Nhưng những nỗ lực của vài người ít ỏi ấy không tác động gì nhiều trên những binh sĩ còn lại của cả hai đại đội. Cuộc bắn giết kéo dài suốt mấy tiếng đồng hồ, không một chút ngừng nghỉ. Và tới cuối cuộc tàn sát đó, xác chết chất thành đống bên trong và chung quanh làng Quảng Tơ lên tới con số hàng trăm.

- 18 -

Người dẫn chương trình Panorama: Toàn Cảnh, một tiết mục hội thoại thời sự có uy tín nhất nước Anh, cầm cuốn sách vừa xuất bản và đặt chênh chếch trên đùi mình để một trong mấy ống kính thu hình có thể lấy cận cảnh bức ảnh nơi bìa trước cuốn sách. Khi màn ảnh vô tuyến truyền hình trong các tư gia trên khắp nước Anh tràn ngập bức ảnh ấy, với hình một lính Thủy quân Lục chiến Mỹ bị thương và đang quần quai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân ở Huế, người dẫn chương trình bắt đầu đọc lời nói đầu cuốn sách. Một ống kính truyền hình từ đằng sau chậm chậm quét theo từng dòng và phóng lớn từng chữ:

“Trong buổi khai mạc hội nghị soạn thảo hiến pháp Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787, George Washington đã nói: ‘Chúng ta hãy đề ra định chuẩn để người khôn ngoan lẫn người chân thật đều có thể thường xuyên theo đó mà hiệu chỉnh.’ Kể từ lúc đó, hầu hết các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đều ao ước điều hành đất nước theo đúng những nguyên tắc giản dị ấy. Thế nhưng hiện nay định chuẩn mà chúng ta đang theo để chiến đấu tại Nam Việt Nam, vốn đã được đề ra và giương cao bởi các Tổng Thống kế tục nhau suốt mười năm qua, trên một qui mô lớn, lại phát xuất từ những lý do không chỉ liên quan tới sự tự cao tự đại của cá nhân họ mà còn liên quan tới cảm giác tự hào dân tộc không đúng chỗ. Chính định chuẩn ấy hôm nay bay lượn chập chờn trên đầu hơn nửa triệu binh sĩ Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam – nhưng sự thật càng ngày càng rõ rệt rằng chân thật và khôn ngoan đóng vai trò quá ít ỏi hoặc chẳng dự phần chút nào vào quá trình lập quyết định đưa chúng ta tham chiến và giữ chúng ta tiếp tục ở lại chiến đấu tại đó, cho dù hiện nay người ta đã thấy rõ rằng không bao giờ có viễn ảnh sở đắc được sự chiến thắng đáng ca ngợi nào. Thay vì chân thật và khôn ngoan, hiện nay hổ thẹn và kinh tởm đang lan rộng ở Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ và mọi nơi khác trên thế giới phương tây vì những hành động của

chúng ta tại Đông Nam Á. Tôi tin rằng đã tới lúc tất cả những người ‘khôn ngoan’ và những người ‘chân thật’ ở bên trong cũng như bên ngoài chính quyền phải dừng tay lại. Chúng ta nên chấm dứt ngay lập tức sự can thiệp quân sự đẩy tai họa tại Việt Nam và chặn đứng ngay lập tức sự xuất huyết kinh hoàng mạng sống và của cải của nhân dân Mỹ, bằng không thì sẽ tiếp tục tới vô tận mà không mang lại bất cứ lợi ích nào cho cả Hoa Kỳ lẫn phương tây...”

Bộ mặt chữ điền của người dẫn chương trình, nghiêm nghị và cứng nhắc với lớp điểm trang làm nổi bật sắc mặt, lại quay về phía ống kính. Anh ta ngừng một chút để tăng thêm phần gay cấn cho ý nghĩa lời nói của mình và làm nó lắng sâu trong lòng khán giả:

- Đó là quan điểm của Joseph Sherman, tác giả một cuốn sách mới xuất bản về chiến tranh Việt Nam có tựa đề là “Người Mỹ Bị Phản Bội” – *The American Betrayed* – mà đang nhanh chóng trở thành cuốn thánh kinh của phong trào phản chiến hiện đang làm rối loạn nước Mỹ. Ông Sherman làm thông tin viên hải ngoại tại Á Đông vào thập niên 1950 và sau đó, là giáo sư môn nghiên cứu Á Đông tại Đại học Cornell, và chỉ mới cách đây hơn một năm, ông rút lui khỏi chức vụ cố vấn đặc biệt cho nhà cầm quyền Mỹ tại Sài Gòn, để viết cuốn sách này. Cuốn sách được ra mắt trong tuần lễ này tại đây, ở Luân

Đôn. Vừa được phát hành tại Hoa Kỳ thì cuốn sách gây tranh cãi sâu rộng, một đằng lời cuốn sự chỉ trích gay gắt của những người ủng hộ vai trò của Hoa Kỳ, một đằng chiếm được sự tán thưởng nhiệt liệt của những người chống chiến tranh về nội dung can đảm của nó...

Ông kính lùi xa người dẫn chương trình để cho thấy hình ảnh Joseph đang ở bên cạnh anh ta. Joseph ngồi ngượng nghịu trong lòng ghế giữa phòng thu hình. Một bên vai bị thương tại Huế mười bốn tháng trước đây lệch xuống gượng gạo, tạo cho thế ngồi của anh có vẻ cấn cái. Trong khi lời dẫn nhập tiếp tục, người đạo diễn chương trình ngồi trước một dãy màn hình trong phòng kiểm soát, bật nút một máy phát riêng hình Joseph và vẫn giữ nguyên giọng nói sang sảng và trang trọng của người điều dẫn. Ông kính xoay đều đặn, từ từ thu gần vào và cuối cùng đóng khung hẳn bộ mặt của Joseph, từ cầm lên mái tóc, với vẻ mặt vốn xanh xao và hốc hác sẵn vì vết thương hành hạ cả thể xác lẫn tâm hồn, lúc này nghiêm lại thành nét khắc khổ với đôi môi mím chặt.

- Ông Sherman vừa thành hôn với Naomi Boyce-Lewis, một phóng viên truyền hình Anh. Ông đến thường trú tại đây, ở nước Anh này - nhưng ông không phải là một nhà phê bình suông, không dính dáng gì tới cuộc chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ. Bản thân ông bị thương

nơi vai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm ngoái tại Huế. Và trong thực tế, sự can dự của gia đình ông vào cuộc xung đột đó có lẽ cũng đầy tính bi đát, không kém bất cứ gia đình nào tại Mỹ.

Người dẫn chương trình ngưng một chút, biết rằng những lời mình sắp nói hẳn sẽ gây buốt nhói cho người đang ngồi bên cạnh.

- Người con trai cả của ông Sherman, một đại úy lục quân, qua đời năm ngoái trong một cuộc phục kích tại một làng quê. Người con trai thứ của ông, một phi công không quân, bị bắt làm tù binh tại Hà Nội suốt ba năm và vừa được phóng thích. Còn nữa, một người em ruột của ông làm việc cho Bộ Ngoại giao bị đặc công Việt Cộng hạ sát trong cuộc đột kích của họ vào Toà Đại sứ Mỹ dịp Tết Mậu Thân – như thế, có lẽ ông Sherman là người có đủ tư cách và đủ độ đoái dạt để có ý kiến về cơn quàn quại tại Hoa Kỳ do Việt Nam gây ra.

Ông kính rà cận cảnh khuôn mặt của Joseph, ghi nhận các sơ thệt nơi quai hàm của anh chuyển động thật lẹ và hai mắt anh nheo lại. Hàng triệu khán giả thấy anh nuốt xuống khó nhọc và hai mắt anh nheo nheo dưới ánh đèn thu hình chói lọi, rồi về mặt anh điểm tĩnh trở lại. Người dẫn chương trình nói tiếp:

- Nhưng có lẽ không có gì tiêu biểu cho cách thức mà cuộc chiến tranh Việt Nam hiện làm

chia rẽ đất nước Hoa Kỳ hơn là sự kiện chính thân phụ của tác giả đang trở thành một trong những người chỉ trích gay gắt nhất cuốn sách đó. Cuộc tranh luận ấy mang thêm một ý nghĩa khác thường vì thân phụ của tác giả không ai khác hơn là Nathaniel Sherman, thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân Chủ, đại diện tiểu bang Virginia suốt bốn mươi năm nay. Ông là một phần tử lão thành của Thượng nghị viện và là một trong những khuôn mặt chính trị nổi tiếng rộng rãi nhất và mang nhiều sắc thái nhất... Thượng nghị sĩ Sherman hiện có mặt tại phòng thu hình của chúng tôi ở thủ đô Washington, đang chờ chúng tôi qua vệ tinh viễn thông truyền hình. Và ông đã vô cùng khả ái nhận lời tham gia cuộc hội thoại của chúng ta...

Trong lúc người dẫn chương trình dẫn giải, màn hình lớn phía trên anh ta được bật lên cho thấy đầu và hai vai của thượng nghị sĩ đang ngồi yên lặng nơi phòng thu hình ở Washington của đài BBC và đang thận trọng lắng nghe lời giới thiệu. Dù tuổi ngoài tám mươi, ngoại hình của ông vẫn rất bắt mắt. Vẻ mặt hồng hào, sắc sảo nhưng cẩn trọng. Mái tóc bạc như cước cùng đôi lông mày rậm khiến ông có phong thái chững chạc và trưởng thượng. Mặc bộ vét-tông trang nhã bằng vải lanh trắng, rõ ràng ông thích thú vai trò một chính khách cao niên khả kính. Và sự việc ông mất cánh tay trái không còn lời

cuốn sự chú ý của người khác vì ông hiện đeo một cánh tay giả.

Người dẫn chương trình hướng mặt về phía màn hình và nói:

- Kính chào Thượng nghị sĩ. Xin cảm ơn ông đã vui lòng tham dự với chúng tôi.

- Thưa anh, chính tôi mới là người hoàn toàn thích thú. Tôi sung sướng được có cơ hội đàm đạo với anh và với khán giả người Anh của quý đài.

Thượng nghị sĩ mỉm cười và khẽ nghiêng đầu với cử chỉ ghi nhận đầy vẻ thượng lưu. Khi Joseph nhìn lên bộ mặt được phóng lớn ấy trên màn hình, anh nhận ra cha mình, vốn lúc nào cũng vẫn là người trình diễn, đang theo phản xạ cố ý kéo dài cái giọng lê thê cổ hữu của người Miền Nam để làm vui vẻ khán giả người Anh.

Người dẫn chương trình nói với vẻ tôn trọng:

- Thưa Thượng nghị sĩ, chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ thỉnh ý ông. Nay trước hết, chúng tôi xin được bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi cho con trai của ông hiện có mặt ở đây, tại Luân Đôn.

Anh ta quay sang Joseph, vừa hỏi vừa ghé mắt nhìn xuống bản ghi danh sách các câu hỏi đã được soạn sẵn:

- Thưa ông Sherman, trước hết xin yêu cầu ông giải thích cặn kẽ và rõ ràng tại sao ông tin tưởng hết sức mãnh liệt rằng Hoa Kỳ nên rút khỏi Việt Nam. Và có lẽ cũng xin ông vui lòng

nói cho chúng tôi biết rằng kết luận như thế của ông là do chỉ dựa duy nhất vào sự phân tích có tính chi tiết về tình trạng tại vùng đất ấy – hoặc có phải dù sao đi nữa, nó còn bị ảnh hưởng bởi những đau khổ riêng tư mà Việt Nam gây ra cho ông?

Joseph không trả lời ngay. Người dẫn chương trình bỗng lo sợ rằng câu hỏi đầu tiên ấy có thể quá thẳng thắn và nhẫn tâm; anh ta ngược mặt lo âu nhìn vị khách Mỹ. Và anh ta sùng sốt khi thấy Joseph vẫn lảng đãng ngó lên hình ảnh của thân phụ truyền qua viễn thông. Nhưng rồi chỉ khoảnh khắc sau, dường như Joseph tập trung được tâm trí và quay sang đối mặt với người dẫn chương trình. Joseph nói với giọng tự chế:

- Việc mất một đứa con trai thân thể bị tan nát vì mìn bẫy và có một đứa nữa là đối tượng hành hạ suốt ba năm dài đồng thời bị làm cho trì độn, nhất định có góp phần vào vấn đề tập trung trí óc của tôi. Nhưng trong cuốn sách của mình, tôi kết luận rằng rút quân là sự chọn lựa hợp lý và duy nhất của chúng tôi. Các lý do đưa tôi tới kết luận ấy hoàn toàn dựa trên sự am hiểu và những cái nhìn vào nội tình mà tôi thu lượm được qua nhiều năm trời tôi có quan hệ với Việt Nam. Giờ đây, người ta đau đớn thấy rõ ra rằng nhân dân Hoa Kỳ đã và đang để cho xứ sở của mình bị trôi giạt vào cơn ác mộng hiện nay vì chúng tôi đã lơ là, không theo dõi chặt

chê và đẩy đủ các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của mình cùng với những động cơ của họ. Không ai trong chúng tôi có đầy đủ cảnh giác – nhưng vì tôi biết Việt Nam một cách mật thiết trong hầu hết cuộc đời của tôi, nên sau cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, tôi cảm thấy đau đớn cực độ về sự lơ là ấy của chính mình. Và vì bản thân tôi cũng chịu đau khổ tột cùng, tôi cảm thấy mình càng có thêm động cơ thúc đẩy để, bằng cuốn sách này, cố khôi phục sự cân bằng.

Trong khi Joseph nói, bên trên đầu anh, bộ mặt phóng lớn của thân phụ anh tối sầm lại, chứng tỏ sự bất đồng của ông. Ngay khi anh vừa chấm dứt, thượng nghị sĩ êm ái xen lời, không đợi mời. Với vẻ đáng tiếc, ông nói với người dẫn chương trình bằng giọng lịch sự đầy trau chuốt:

- Nếu tôi được phép đóng góp ý kiến về vấn đề này thì thưa điều dẫn viên, tôi muốn nói rõ quan điểm của mình ngay từ đầu. Tôi chống lại mọi hình thức “rút ra” dù nó được cổ vũ bởi những kẻ gọi là bồ câu trắng trong Quốc hội Hoa Kỳ tại Washington đây – hoặc bởi chính con trai của tôi đang ngồi bên cạnh anh tại nước Anh đó.

Với giọng tạ lỗi, người dẫn chương trình le làng đáp:

- Tôi hiểu, thưa Thượng nghị sĩ, rằng ông rất nóng lòng muốn cho biết lập trường của ông

trong cuộc tranh luận này, và chúng tôi cũng nóng lòng không kém muốn được nghe lập luận ấy, nhưng xin ông vui lòng chờ. Tôi muốn trước tiên được đặt thêm một đôi câu hỏi cho con trai của ông. Anh ta xoay ghế đối mặt trở lại với Joseph:

- Thưa ông Sherman, thật là thắng thần khi ông thừa nhận mình không thể tách rời sự xúc động cá nhân để nó không can dự vào những luận cứ khách quan của ông về Việt Nam – nhưng phải chăng không có nguy cơ khiến cho việc ông tin rằng không thể thắng được cuộc chiến tranh ấy nảy sinh trực tiếp từ sự mất mát tới hai lần mà ông đang phải chịu – cùng với tâm trạng khắc khoải của kẻ đứng bên lề bất lực nhìn đứa con trai thứ của mình mòn mỏi vì bị làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội?

Thêm lần nữa Joseph không trả lời ngay. Tiếng nói êm như nhung của cha anh và vẻ đáng tiếc vờ vĩnh trong giọng nói khi ông phát biểu, không che đậy nổi sự thù nghịch không nguôi, tiềm ẩn trong những gì ông có ý nói. Khi đồng ý tham gia chương trình hội thoại này với cha, Joseph đã nuôi niềm hy vọng mơ hồ rằng biết đâu những đau khổ riêng tư đang được cả hai cùng chia xẻ có thể góp phần giúp cho người ngoại cuộc cá nhân hóa sự thống khổ mà Việt Nam đang tạo ra ngay tại xứ sở của mình. Cùng lúc ấy, Joseph bỗng nhận ra trước đây mình

đã hy vọng rằng, đối với hai cha con, một cuộc thảo luận công khai về các vấn đề có ý nghĩa đau đớn riêng tư đến thế, dù sao đi nữa cũng có thể kéo cả hai tới gần nhau hơn, đồng thời có thể đưa cả hai tới một loại thông cảm sâu xa nào đó trong quãng đời xế bóng của con người. Thế nhưng lối can thiệp đồng dục của thượng nghị sĩ và lời ám chỉ cầu kỳ tới sự kiện bản thân Joseph hiện sống tại nước Anh làm anh nghi ngờ rằng cha mình đã hoạch định và sắp sẵn các nhận xét của ông một cách cẩn thận không kém việc sửa soạn các diễn từ có tính toán trước tại Thượng nghị viện. Những ý nghĩ ấy rượt đuổi nhau trong tâm trí Joseph khi anh chuẩn bị trả lời câu hỏi của người dẫn chương trình. Sau cùng, khi Joseph mở miệng, thay vì phát biểu một cách nồng nhiệt, giọng anh lại chán nản nguội lạnh. Anh nói trầm giọng:

- Chẳng có chút nguy cơ nào khiến tôi lẫn lộn những bi thương mà mình cảm thấy về các cái chết trong gia đình tôi với những tính toán sai lầm và hào nhoáng về chính trị đã gây ra các cái chết đó. Trước hết, tôi thành thật tin tưởng rằng chúng tôi đến Việt Nam với lý tưởng cao đẹp. Chúng tôi đã đặt vào đó uy tín của nước Mỹ với niềm tin rằng mình sẽ làm tốt hơn người Pháp. Thế rồi toàn bộ chính sách nằm trong tay những kẻ ở Bộ Ngoại Giao, Tòa Bạch Ốc và Ngũ Giác Đài, những kẻ tự xem mình thuộc giới ưu

tú nhất nước Mỹ. Trong khi thiếu nghiên cứu tường tận văn hóa của người Việt cùng các hệ lụy và các phức tạp trong dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam, thì để nhanh chóng đạt cứu cánh, những kẻ ưu tú ấy chỉ muốn điều hành chiến tranh theo lối đặt trọng tâm vào hoạt động quân sự, đồng thời muốn có loại chính quyền bản địa thích hợp với cách thức giải quyết chiến tranh theo kiểu của họ. Chúng tôi ngày thối, tự tin, thiếu kiên nhẫn. Chúng tôi biến cuộc chiến tại Việt Nam thành cuộc chiến của Hoa Kỳ khiến cho nguyên có tham chiến bị xuyên tạc và chính nghĩa chống cộng của người Miền Nam bị xói mòn. Chúng tôi hỗ trợ rồi dựng lên tại Sài Gòn các chính quyền được giả định là dân chủ, nhưng thực tế những kẻ cai trị đó không có năng lực điều hòa quyền lợi cá nhân của họ với quyền lợi tập thể của dân chúng. Vì thế, họ không xây dựng được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ và pháp trị. Và vì thế, người dân vừa thờ ơ với những chương trình kế hoạch của chính quyền vừa xa lánh các viên chức hành chính lẫn quân sự. Ban đầu họ không thoát ra được cái não trạng và quán tính của giới quan lại nam triều và thư lại thời Pháp thuộc. Tiếp đó họ là những tay quân phiệt thiếu thiện chí phục vụ, khả năng xây dựng và không chịu nhìn xa trông rộng. Nếu không có viện trợ Mỹ thì các chính quyền ấy không tồn

tại quá năm phút. Họ nhân danh tình trạng chiến tranh để làm đủ thủ tục hại còn chúng tôi nhân danh nhu cầu chiến thắng để bảo vệ họ. Do đó, hoàn toàn không thiết lập được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ mà vì nó quân dân Miền Nam chiến đấu và chúng tôi hỗ trợ họ chiến đấu. Như thế, thật là gian trá khi chúng tôi làm như thể mình đang bảo vệ một chính quyền dân chủ. Sự hiện hữu loại chính quyền phản dân chủ đó, sự can thiệp thô bạo của chúng tôi và việc sử dụng hỏa lực ồ ạt trước mỗi cuộc hành quân gây tang tóc cho dân quê, chỉ tạo thêm nguyên cớ cho đối thủ của chúng tôi tuyên truyền, để một mặt làm phá sản chính sách của Hoa Kỳ và làm uống phí xương máu của quân dân Miền Nam, một mặt biến những gì gọi là hy sinh và khắc khổ của Việt Cộng trở thành quyền rũ. Bên cạnh đó, người Nam Việt Nam không ngồi lại được với nhau, và chúng tôi không thật sự có nỗ lực giúp cho họ có thể ngồi với nhau, để làm tiền đề giải quyết những vấn đề của họ nên không ai có thể giải quyết thay cho họ. Thêm nữa, để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến theo sinh hoạt chính trị bất nhất của Hoa Kỳ, chúng tôi có những can thiệp thô bạo, khi thế này khi thế nọ, rồi cuối cùng chỉ còn hai mục đích. Thứ nhất là ưu tiên duy trì sự ổn định tại Nam Việt Nam, khiến cho lạc mất nghĩa vụ góp phần xây

dựng một thể chế dân chủ. Thứ hai là tìm cách làm vừa lòng dư luận nhất thời tại Hoa Kỳ trong các đợt bầu cử khiến cho xa rời lý tưởng cao đẹp ban đầu. Tình trạng lẩn quẩn ấy sẽ kéo dài tới bất tận bất chấp những tuyên bố dối trá và hào nhoáng vì tự ái dân tộc Hoa Kỳ và vì không dám thừa nhận rằng mình đang loanh quanh và vá víu. Hiện nay, Chiến tranh Việt Nam đang làm nước Mỹ ngày càng quần quai chia rẽ, xứ sở Việt Nam ngày càng tan nát và dân chúng tại đó ngày càng đổ thêm nhiều xương máu. Lúc này toan tính chuyện thay đổi sự việc đó thì đã quá trễ – đó là lý do chúng tôi không thể thắng cuộc chiến tranh ấy. Joseph cố ý giữ cho mắt không ngược nhìn màn hình trên đó đang lộ lộ bộ mặt của cha. Và anh thận trọng chinh lại thế ngồi, dựa thẳng vào lưng ghế, chờ câu hỏi kế tiếp. Tuy thế, người dẫn chương trình ngược mắt lên kiểm tra phản ứng của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Thấy vẻ mặt ông càng lúc càng nồn nóng nên anh ta quyết định rằng đã tới lúc kéo ông vào cuộc thảo luận để gây tác động tối đa. Anh ta nói nhanh nhẩu:

- Thưa Thượng nghị sĩ, có lẽ lúc này ông đang muốn nói cho chúng tôi biết tại sao ông không chia xẻ quan điểm với con trai mình về việc không thể nào có khả năng chiến thắng tại Việt Nam?

Ông lão từ trong lòng ghế chúi người tới trước như xông trận và đằng hắng một cách gay cấn:

- Đúng thế, thưa anh. Những sự việc như cái chết của người trong gia đình tác động lên người này người nọ bằng những cách thức khác nhau. Đối với một số người này thì nó làm họ mất tinh thần và khiến họ muốn đầu hàng. Đối với một số người nọ thì nó làm bền vững thêm ý chí của họ và khiến họ quyết tâm hơn bao giờ hết để tiếp tục chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Ông đột ngột ngừng lại, đầu vươn ra đằng trước trên chiếc cổ da nhẵn thành nếp:

- Trong gần năm mươi năm phục vụ công chúng, tôi hãnh diện được công tác trong Ủy ban Quân lực của Thượng nghị viện Hoa Kỳ và tôi xin được nhắc nhở với khán giả quý đài rằng hiện nay, chúng tôi có lực quân lớn nhất, hải quân lớn nhất và không quân lớn nhất thế giới! Nhưng bất chấp thực tế ấy, chúng tôi vẫn bị sa lầy tại Việt Nam, chịu thương vong mỗi tuần lễ hai ngàn người, chẳng qua vì chúng tôi đang phóng ra nỗ lực chiến tranh trong những giới hạn do tự mình đặt ra cho mình. Cho tới nay, gần như chúng tôi bị lòng vòng trong thuật ngữ “chiến tranh hạn chế”. Con đường Trường Sơn vẫn là hành lang chuyển quân của Cộng Sản Hà Nội. Hải cảng Kampong Thom vẫn là nơi cập bến quân khí của Bắc Việt. Cambodia và Lào là đất bất khả xâm phạm đối với chúng tôi trong khi lại là nơi Cộng Sản ung dung lui về dưỡng quân, chấn chỉnh các đơn vị bị tổn thất. Cùng với sự

tham chiến ở ạt, nếu chúng tôi có một thoả hiệp với Lào cho phép quân Mỹ trú đóng, làm hàng rào băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17, cắt ngang đường mòn Hồ Chí Minh thì chắc chắn chúng tôi thành công. Nếu quân Mỹ đóng chốt khắp các biên giới Việt-Lào và Việt-Miền thì lúc ấy, chúng tôi cô lập được chiến trường, chặn hẳn nguồn tiếp tế nhân vật lực của Bắc Việt cho các đơn vị của họ ở Miền Nam. Lãnh thổ Miền Nam thành nơi cho các lực lượng phối hợp Mỹ Việt thay vì “lùng và diệt địch” thì “tảo thanh và giữ đất”. Nhưng cho tới nay, những kẻ lập quyết định vẫn không chọn đường lối đó vì không vượt qua nổi các hạn chế về ngoại giao và chính trị nội bộ. Nghĩa là, chúng tôi bị lẫn lộn trong chủ trương “đánh mà đừng thắng”. Nếu chúng tôi hất tung các hạn chế đó, ném toàn bộ sức mạnh hải và không quân vào cuộc chiến thì lúc đó, Hồ Chí Minh bị buộc phải nhanh chóng ngưng lập tức cuộc chiến tranh xâm lược của ông ta. Hai tiếng “chiến thắng” không làm tôi hoảng sợ như nó đang làm cho một số người hoảng sợ – nhưng để đạt chiến thắng, chúng tôi cần vận dụng ý chí quốc gia tới mức độ đầy đủ nhất của nó. Không phải chỉ vì đã chịu một hai bước thoái bộ tại rừng núi và nông thôn ở Việt Nam mà chúng tôi có lý do để bỏ rơi những nguyên tắc về sự cao cả, tự do và can trường vốn là đặc trưng của quốc gia chúng tôi từ khi nó ra đời...

Trong khi thân phụ tiếp tục trau chuốt quan điểm của ông bằng những cụm từ nghe thật kêu, Joseph chợt cảm thấy có nỗi thôi thúc đứng lên xin lỗi và rút lui khỏi cuộc phỏng vấn. Vì sau khi xuất viện tại Sài Gòn, Joseph bay thẳng đến Luân Đôn để gặp Naomi và ở lại Anh cho tới khi cả hai làm lễ cưới, nên đã hơn một năm hai cha con không gặp nhau. Lúc này, qua màn ảnh vô tuyến, việc khám phá ra rằng quan điểm cũng như thái độ của thượng nghị sĩ không giảm thiểu chút nào sau cái chết của Guy và Gary làm anh choáng váng và buồn thảm thía. Joseph thấy mình đang tự hỏi một cách phi lý rằng có phải việc thượng nghị sĩ tiếp tục điếc đặc một cách kiên quyết đối với số lượng ý kiến phản chiến ngày càng tăng, là phát xuất từ lòng tin tưởng thật sự hay chỉ vì ông không chịu đựng nổi việc thừa nhận rằng đưa con trai mà ông bất hoà với nó suốt đời, lần này lập trường của nó có thể hữu lý. Trong khi giọng rề rề của cha tiếp tục vang lên sang sảng, Joseph cũng bắt đầu lo ngại rằng khi tới hồi sắp kết thúc, cuộc hội thoại tay ba này có thể làm lộ rõ những dị biệt trong cuộc sống giữa hai cha con hơn là phô bày sự ủng hộ của anh đối với việc Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Việt Nam. Và khi hướng sự chú ý của mình về những gì đang được phát biểu từ Washington, Joseph kinh hãi nhận ra rằng lời ứng đối của thượng nghị sĩ đã trở nên cá nhân một cách sâu xa:

- ... Có lẽ tôi nên làm rõ ra rằng Joseph, con trai tôi, và tôi, chúng tôi chưa bao giờ có chung quan điểm...

Nathaniel vừa nói vừa giữ một nụ cười quyền rũ để hoá giải tính chất độc địa trong lời lẽ của mình:

- Việt Nam không phải là vấn đề đầu tiên mà cha con chúng tôi bất hoà nhau. Về mặt tính khí, Joseph lúc nào cũng có khuynh hướng thoả hiệp hơn tôi; vì thế lập trường mà nó đưa ra trong cuốn sách này quá thật không khiến tôi ngạc nhiên bao nhiêu – dù tôi lấy làm tiếc khi thấy con trai mình đang chủ trương rằng chúng tôi nên cắt đứt và tháo chạy khỏi cuộc chiến tranh ấy bằng một cung cách mà sẽ mang lại sự nhục nhã cho xứ sở của chúng tôi.

Người dẫn chương trình cảm nhận được tâm trạng của Joseph đang càng lúc càng căng thẳng khi cha anh đối đáp nên anh ta quyết định không đặt câu hỏi xen kẽ nào. Thay vào đó, anh ta chỉ nhướn đôi lông mày và ngửa lòng bàn tay về phía Joseph, ý nói Joseph có toàn quyền trả lời.

Joseph nói với giọng căng thẳng:

- Tôi chỉ muốn giới hạn ý kiến của mình trong phạm vi các vấn đề được nêu ra. Vì tôi nghĩ rằng cái ý tưởng nguy hiểm nhất trong mọi ý tưởng là khi chúng tôi phát biểu rằng chúng tôi nên dồn nỗ lực quân sự mạnh mẽ thêm nữa. Nếu

chúng tôi đưa một triệu lính Mỹ vào Việt Nam thì lúc ấy, họ sẽ gây thêm tan hoang và thậm chí hủy hoại những gì còn lại của xứ sở đó. Cuộc không tập của chúng tôi tại Bắc Việt không đóng góp chút nào vào những thành quả quân sự tại Miền Nam. Chúng không những đã chẳng bảo vệ binh lính của chúng tôi được chút đáng kể nào mà còn tạo cho chế độ Hà Nội có lý do cụ thể và cấp bách để kích động quần chúng Miền Bắc quyết tâm hy sinh thêm nữa, kéo dài cuộc chiến thêm nữa và đánh bại chúng tôi...

Không để người dẫn chương trình có thì giờ xen lời vào, Nathaniel cất tiếng nhanh như chớp:

- Thừa điều dẫn viên, tôi hoàn toàn không đồng ý chút nào với nhận xét đó. Nếu muốn đối đầu thành công với sự gây hấn của Cộng Sản thì chúng tôi cần hoạt động triệt để và cần huy động toàn bộ sức mạnh của đất nước vĩ đại của chúng tôi. Nhân dân Virginia, những người mà tôi đại diện, cũng giống như đại đa số nhân dân Hoa Kỳ, họ đều là những người yêu nước và cũng giống như tôi, hàng ngàn người đã mất con mất cháu tại Việt Nam. Cũng giống như tôi, họ đều tin tưởng rằng những tên Cộng Sản xâm lược Miền Nam ấy phải bị trừng phạt.

Ông lại ngừng một chút và mắt long lanh phản chiếu sự mãnh liệt trong lời ông sắp nói:

- Họ không giống như con trai của tôi! Đối

với họ, niềm tự hào về xứ sở của mình không phải là một tội lỗi!

Cứng người trong lòng ghế, Joseph nhìn lên màn ảnh đang phóng lớn hình ảnh của thân phụ. Anh nói, giọng sắc gọn:

- Tôi chẳng bao giờ lên án bất cứ người nào chỉ vì họ tự hào về xứ sở của họ hoặc vì họ chống cộng. Nhưng cái loại tự hào giả dối và ngoan cố khiến cho một người hoặc một quốc gia không thể nào thừa nhận rằng mình đang lầm lẫn thì cần phải xem đó là loại gì – đó là một cung cách đi tới tai họa!

Tại Washington, Nathaniel Sherman rít mọi hơi dài điều xì-gà ông vừa châm. Trong một vài giây, ông cân nhắc làm sao kết thúc một cách đầy nhiệt tình khi người dẫn chương trình “Toàn Cảnh” mời ông phát biểu ý kiến đúc kết. Rồi thêm lần nữa ông đưa mắt lên nhìn thẳng vào ống kính, và thêm lần nữa nở một nụ cười đáng tiếc mà suốt cuộc thảo luận, lúc nào cũng lấp lánh trên vẻ mặt ông:

- Thưa điều dẫn viên, thật không phải là không có tác động lên độc giả của cuốn “Người Mỹ Bị Phản Bội” khi sách ấy đề cập tới các lãnh tụ của đối phương như Hồ Chí Minh và tướng Võ Nguyên Giáp với những diễn đạt bằng lối nói đầy tôn trọng. Cuốn sách ấy cũng trình bày việc tác giả của nó từng gặp gỡ và làm việc ra sao bên cạnh những kẻ đó trong thời gian anh

ta công tác cho OSS tại Đông Dương năm 1945. Một số người điểm sách ở đây, tại Hoa Kỳ, kết luận rằng những ảnh hưởng thuở trước ấy tồn tại trong tâm tư tác giả mạnh mẽ hơn những sự kiện gần đây. Một số khác còn vạch ra rằng cuốn sách ấy được xuất bản trong thời điểm tác giả của nó rời Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ đến sống tại Vương quốc Anh. Tôi tin rằng những người điểm sách ấy thậm chí còn có ý gợi cho thấy nhan đề của cuốn sách ám chỉ một cách xác đáng tới việc tác giả của nó quyết định quay lưng lại với di sản dân tộc đầy tự hào của mình hơn tới bất cứ việc nào nước Mỹ đang thực hiện tại Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản trên khắp thế giới.

Thượng nghị sĩ dừng lại, rít một hơi dài xì gà, rồi thêm lần nữa mỉm cười nhìn thật sâu vào ống kính máy thu hình:

- Vì tác giả cuốn sách đó là con trai của tôi nên tôi xin được bác bỏ lời lên án của những người điểm sách ấy – nhưng với tất cả lòng chân thật, tôi buộc lòng phải thú nhận rằng, xét theo bề ngoài thì dường như họ cũng có được một đôi điểm.

Vì đang sôi giận, Joseph cảm thấy mình không thể nhìn lên màn hình đang chiếu bộ mặt tươi cười của cha. Và biết rằng ống kính đang chĩa thẳng vào mình, anh cố giấu cảm xúc nhưng mặt anh tái mét và các đốt ngón tay trắng bệch trên thành ghế.

- Ông có muốn trả lời thật ngắn gọn không, thưa ông Sherman?

Người dẫn chương trình vội vàng hỏi câu đó trong khi người điều hành tại chỗ ra hiệu với anh ta rằng sắp sửa bắt đầu nhạc hiệu để từ từ kết thúc chương trình. Joseph lắc đầu ảm đạm:

- Tôi chẳng có gì để nói thêm.

Người dẫn chương trình chưa kịp chặn lại, Joseph đã đứng bật lên, sai chân qua phòng thu hình, bước vào chỗ tối. Naomi Boyce-Lewis đang đứng phập phồng quan sát cuộc hội thoại viễn thông trực tiếp ấy từ vị trí một bên của phòng thu hình, đưa tay ra an ủi Joseph khi anh bước tới phía nàng nhưng anh gạt qua một bên. Hai lá cửa phòng thu hình bật lui bật tới kêu lắc cắc trên bản lề, và Joseph giận dữ tiếp tục đi thẳng một mạch ra hành lang đầy bóng tối ở bên ngoài.

Thoạt đầu, đạo diễn của chương trình dỗi ngược vì sự bỏ đi bất thần của Joseph nhưng rồi kịp thời trấn tĩnh, ra hiệu cho chuyên viên thu hình tiếp tục quay chiếc ghế của Joseph, trống trải và gay cấn. Đằng sau nó, hiện ra lò mờ hình ảnh của Nathaniel Sherman qua vệ tinh viễn thông. Dưới ánh đèn chói lọi trong phòng thu hình ở Washington, ông vẫn giữ vẻ kiên quyết, bập bập điệu xi-gà và cười tự tin nhìn thẳng vào ống kính cho tới khi nó lần lượt chiếu xong danh sách những người thực hiện cuốn phim.

- 19 -

Từng đoàn xe đồ và xe buýt đậu kế tiếp nhau, chiếc này nối đuôi chiếc kia, dàn thành hàng dọc bên lề các con đường bên ngoài Nhà Trắng trông như thể những cỗ xe ngựa bốn bánh mui trùm vải bạt làm thành vòng đai bọc kín một ổ để kháng tại vùng Viễn Tây Hoa Kỳ thuở nào. Nhưng xuyên qua màn mưa tuyết đang dồn dập kéo về lúc nửa đêm Thứ Sáu ngày 14 tháng Mười một năm 1969, ngay tại con tim của Washington, thay vì đoàn người da đỏ hí vang và xông tới chướng ngại vật gồm những phương tiện vận chuyển ấy, lại xuất hiện một đội hình im lặng gồm toàn những người Mỹ chịu tang, tay cầm ngọn nến thấp sáng, đặt bên trong chiếc ly nhựa nhỏ để che mưa chắn gió.

Họ bước theo nhịp đánh chầm chậm của những chiếc trống mặt bạt vải để ém tiếng cho ra sâu thẳm. Trong đội hình đi áp chót gồm bốn chục ngàn người tham gia biểu tình hòa bình “March Against Death: Cuộc Diễu Hành Chống Thần Chết” kéo dài bốn mươi tiếng đồng hồ mà mỗi người đeo trước ngực một tấm bảng nhỏ do chính tay mình viết tên một người Mỹ tử trận tại Việt Nam hoặc tên một làng mạc Việt Nam bị tàn phá, Mark Sherman người cũng nhắc, đi lơ dờ giữa đoàn biểu tình. Anh cử động như một xác chết biết đi, miệng mở lớn, mặt căng thẳng đẩy về đờ đẫn ngây dại, khiến người ngoài nhìn

vào có thể cho rằng anh đang cười mỉm hoặc cũng có thể đang nhăn nhó vì đau đớn. Một người trong ban tổ chức biểu tình để ý tới hiện tượng đó. Và mặc dù bận rộn tất bật, anh ta vẫn nhíu mày lo lắng khi thấy một chuyên viên thu hình đang quay phim những người điều hành đi đằng trước. Anh ta lật đặt bước tới bên mẹ của Mark cũng đang đi với con và khẩn trương thì thầm vào tai Tempe. Sau khi anh ta đi khuất, Tempe đưa tay dịu dàng quàng lên vai Mark, ôm ái vổ về con một lúc thật lâu như thể dỗ dành một đứa bé. Mark lắng nghe, về mặt dần dần dịu lại rồi tiếp tục cất chân bước, mắt ngó trống rỗng tới đằng trước, nhìn xuyên qua màn mưa giá lạnh.

Trên tấm bảng nhỏ đeo dưới cổ Mark, những chữ viết bằng sơn tên Gary, anh của mình, đã bắt đầu nhoè nhoẹt và mờ phai vì trời ẩm ướt. Tấm bảng trên ngực Tempe vẽ lem luốc tên “Quảng To”, ngôi làng nơi Gary từ trần. Và Joseph bước đi lạnh lùng sát vai bên kia của đứa con trai thứ, đeo tấm bảng ghi tên của Guy với đầy đủ cả họ và ngày xảy ra cuộc đột kích Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Dù bản chất vốn không bao giờ là người hoạt động chính trị, Joseph vẫn đồng ý bay từ Anh sang đây tham gia cuộc tuần hành ngay khi Tempe liên lạc với anh để nói cho biết rằng Mark cứ nhất quyết tham dự vì biến cố này hình như đang trở thành một cuộc tụ họp

biểu dương chính trị lớn nhất và chưa từng xảy ra trên đất Mỹ. Tempe nói với Joseph rằng nàng lo lắng cho tình trạng thần kinh của Mark vốn đang liên tục suy sụp kể từ lúc được thả về mười hai tháng trước đây. Thêm nữa, vì Mark là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và là con của tác giả cuốn sách chống chiến tranh Việt Nam nổi tiếng nhất nên anh thường được một số người hoạt động trong phong trào hoà bình tới lui thăm viếng với thiện cảm ngày càng tăng.

Từ ngày trở về Hoa Kỳ, Mark đến sống với Tempe và người chồng sau của mẹ. Tempe kể với Joseph rằng lúc này, tâm tính Mark thay đổi bất thường và chuyển biến cực nhanh. Vừa mới thu mình buồn rầu ủ rũ bỗng dưng nổi cơn thịnh nộ nửa khùng nửa tỉnh. Khi đề cập tới chiến tranh Việt Nam, Mark khẳng khái lên án bằng những câu nói làm người nghe nhớ lại những câu tự kiểm được truyền đi trên đài phát thanh Havana trong khi anh còn là tù binh ở Hà Nội. Tuy thế, Mark không chịu tiết lộ chút nào về chuyện trong tù của mình, kể cả đối với các bác sĩ phân tích tâm lý của không quân lẫn các bác sĩ tâm thần trị liệu do Joseph và Tempe mời tới chữa trị sau ngày anh giải ngũ.

Mark đã quen với việc chấp nhận lời mời tham dự mọi cuộc biểu tình vì hoà bình. Và hễ có ai tìm cách ngăn cản, anh liền phát đại phát điên, không kiểm soát nổi. Kết quả Mark

trở thành một khuôn mặt quần chúng, bị thăm và âm u. Sự hiện diện của anh tại một số cuộc biểu tình vì hoà bình bị khai thác triệt để. Đi bên cạnh Mark, thỉnh thoảng Joseph đưa mắt nhìn con, sẵn sàng nở nụ cười thân thiện và khích lệ. Nhưng Mark vẫn tỏ vẻ hờ hững đối với cha y như từ lúc mới được phóng thích và giữ đầu thật thẳng, mắt ngó miệt mài tới đằng trước. Thậm chí khi Joseph cố gọi chuyện bằng những nhận xét về thời tiết hoặc cảnh tượng trên đường đi, Mark vẫn tiếp tục không chút ngó ngang tới cha.

Cùng với một nhóm nhỏ các đồng bào khác có quan hệ với những người đã chết tại Việt Nam, Mark, Tempe và Joseph đi trong một phái đoàn đặc biệt, ngay chính giữa nổi bật vóc dáng gầy guộc và mái tóc bạc phơ của Tiến sĩ Y khoa Benjamin Spock. Ông là một bác sĩ lừng danh với cuốn sách bắt hủ về vấn đề chăm sóc ấu nhi với nội dung chỉ bảo cho nhiều thế hệ cách làm thế nào nuôi dưỡng con thơ của họ. Spock trở thành người chỉ trích nổi tiếng và đầy nhiệt tình cuộc chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến lấy đi đời sống của hàng triệu thanh niên đã được ông góp phần hướng dẫn vượt qua những nỗi nguy hiểm thời thơ ấu. Lúc này, vào mùa thu năm 1969, đối với phong trào hoà bình, Spock bỗng chốc trở thành nhân vật biểu tượng cho người cha và càng ngày càng lôi cuốn vô số

người biểu tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp trung lưu da trắng. Ông dẫn đầu “Cuộc Diễu Hành Chống Thần Chết” kể từ lúc trời chạng vạng tối hôm qua, và đi không ngừng nghỉ xuyên qua thủ đô của quốc gia.

Bên phải hàng đầu của một đội hình đặc biệt đi kế nhóm của Joseph có một nhà hoạt động người Việt. Ông tuổi khoảng bốn mươi lăm, màu da Á Đông vàng nhạt, đầu tóc đen cắt khá ngắn với bộ mặt lạnh lợi trên một thân mình mảnh khảnh trong bộ cà sa màu nâu sậm. Đó là nhà sư Thích Nhất Hạnh. Chào đời tại một tỉnh phía bắc Huế, ông đặt chân vào thiền môn lúc bắt đầu tuổi thanh niên, sau đó, nhanh chóng nổi bật nhờ những vận động nhập thế và hiện đại hóa giáo hội. Ông là nhà văn, nhà thơ, giáo sư đại học, nhà hoạt động xã hội và có hoài bão trở thành một thiền sư. Trong một bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc và hát trong những buổi sinh hoạt của thanh niên sinh viên, ông bày tỏ hạnh nguyện tha thiết nhất của kiếp người là chết cho quê hương và được cùng anh em đứng lên phát cao ngọn cờ nổi lên nam bắc. Là một diễn giả năng động và hùng biện trong giới phản chiến tại Hoa Kỳ, ông gây nguồn cảm hứng sinh động cho họ qua cuốn sách nổi tiếng “Hoa Sen Trong Biển Lửa” in bằng nhiều thứ tiếng Anh, Việt, Đan Mạch, Nhật và Ý... Nhân danh đạo pháp và những đau thương của dân tộc,

ông cổ vũ cho một giải pháp chấm dứt chiến cuộc trong đó đặt căn bản trên sự công nhận MTGPMN như một tập thể gồm đa số những người yêu nước chống đế quốc và trên niềm tin Phật tử hai bên chiến tuyến sẽ đóng vai trò chủ động hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tháng Sáu năm 1966, ông xuất hiện tại một Ủy ban của Thượng nghị viện Hoa Kỳ với Bản Tuyên Cáo đề nghị một giải pháp chấm dứt chiến tranh, khởi đầu bằng việc phía Mỹ Việt đơn phương chấm dứt oanh tạc ở cả hai Miền Nam Bắc, giới hạn hoạt động quân sự của mình trong phạm vi tự vệ, và chờ phản ứng của Mặt Trận. Sự có mặt của nhà sư nhiệt đới ấy trong cuộc diễu hành dưới trời giá lạnh đêm nay là một nguồn khích lệ lớn lao cho những thành phần muốn Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam tức khắc và vô điều kiện.

Nửa triệu người tham gia cuộc biểu tình lên đường bằng đường bộ, xe lửa hoặc máy bay. Họ tràn vào Washington đúng ngày giờ đã định, để đẩy cuộc biểu tình lên cực điểm của nó bằng một cuộc tuần hành quanh Đài Tưởng Niệm Washington vào hôm sau. Joseph đồng ý sẽ phát biểu trước đám đông cùng với những nhân vật nổi tiếng trong các lãnh vực nghệ thuật, chính trị và kỹ nghệ giải trí. Cuộc tuần hành âm thầm kéo dài hai ngày ấy đã được dàn dựng như một khúc dạo đầu đầy kịch tính cho một cuộc biểu tình vĩ đại. Suốt ba mươi tiếng đồng

hồ, dân chúng xếp hàng dọc lên tới một trăm ngàn người tham gia tuần hành, chia thành vô số đội hình. Cứ cách vài phút mỗi đội hình nối tiếp nhau lên đường từ Nghĩa trang Quốc gia Arlington trên bờ nam sông Potomac, lòn qua cầu Memorial Bridge lộng gió trong chặng đường hành hương thứ nhất của mình, vừa đi vừa đưa thân che cho ngọn nến đang cháy sáng trên tay. Cuộc hành trình dài sáu cây số rưỡi đưa đoàn người đi dọc theo Đại lộ Constitution tới hàng rào quanh Nhà Trắng, tiếp giáp Nam Portico. Ở đó, trong tầm nghe của Tổng Thống Richard Nixon, đoàn người dừng lại để đọc thật lớn danh tính những người Mỹ tử trận được viết sẵn trên tấm bảng nhỏ mỗi người đeo trước ngực. Cử chỉ chịu tang cho những kẻ hoàn toàn xa lạ với đoàn người biểu tình đã làm nước mắt của nhiều người nhỏ xuống thành dòng hoà với nước mưa đầm đìa trên má.

Rồi đoàn người xúc động ấy không cầm nổi lòng mình khi lê bước chân khốn khó đi dọc theo Đại lộ Pennsylvania, mắt hướng tới mục tiêu kế tiếp. Đó là vòm cao chan hoà ánh sáng của Điện Capitol đang lơ lửng như một bóng ma xanh xao giữa bóng tối lạnh giá bên trên khung trời thủ đô.

Bên dưới mái vòm và trên bãi cỏ phía tây, mười hai chiếc quan tài bằng gỗ thông với nguyên mặt ván để sẵn sùi, được sắp thành

hàng dưới ánh sáng chan hoà ấy. Tại đó, đoàn người diễu hành dùng chân, gỡ chiếc bảng nhỏ dưới cổ mình ra rồi kính cẩn đặt vào lòng áo quan với cử chỉ tiếc thương đầy buốt nhói. Cùng lúc ấy, họ cũng thổi tắt lịm ngọn nến do chính mình cầm theo từ Nghĩa trang Arlington tới đây, để tưởng niệm bốn mươi lăm ngàn sinh mạng Mỹ đã tử biệt tại chốn Á Đông xa xôi. Và hành động chung cuộc này không khỏi khiến cho nhiều người đàn ông lẫn đàn bà cũng như các thiếu nữ tham dự bật khóc nức nở.

Khi đoàn người có bác sĩ Benjamin Spock đi tới vòng tròn gồm các xe đồ kết thành chướng ngại vật vây quanh Nhà Trắng, đêm vừa quá nửa khuya Thứ Sáu. Tempe nhìn Joseph với ánh mắt khắc khoải và cảnh giác. Nàng đi thật sát Mark, nắm cánh tay con. Joseph cũng cặp vào sát hơn và nắm khuỷu tay Mark. Trước đó, Tempe đã nói riêng với Joseph rằng nàng e ngại việc gọi tên Gary có thể gây xúc động cực kỳ dữ dội cho Mark và vì thế cả hai hiệp ý là sẽ làm tắt cả những gì có thể để khiến Mark đừng để tâm tới khoảnh khắc ấy. Cơn mưa lạnh giá thổi tạt vào mặt đoàn người tuần hành khi họ tới gần địa điểm đã định, đối diện với các cửa sổ tầng thứ nhì của Nhà Trắng nơi những người biểu tình tới trước họ đang cất cao giọng xướng danh những người đã chết với đầy đủ họ và tên. Giọng đàn ông hầu hết khản đặc và giận dữ

còn giọng đàn bà và thiếu nữ nghe nhẹ hơn mà nghẹn ngào hơn. Tới khi nhịp điệu tang tóc và những bài ca ai oán cùng cất lên với tiếng trống càng lúc càng lớn, Joseph cảm thấy ở sát bên anh, con trai anh càng lúc càng căng thẳng.

Thoạt đầu, Mark giữ đúng những qui định nghiêm ngặt của ban tổ chức tuần hành. Anh dừng chân đúng địa điểm đã định, đứng xếp hàng một và quay mặt nhìn về phía Nhà Trắng. Mark réo lên: “Gary Sherman! Charles County, Virginia!” với giọng thật lớn và tuyệt vọng, rồi ngoan ngoãn đứng yên trong khi tới lượt Joseph rồi Tempe gọi tên của Guy Sherman và làng Quảng To. Thế nhưng tới khi người phụ trách trật tự của đoàn biểu tình ra hiệu cho Mark bước sang một bên và tiếp tục đi tới, anh có vẻ như không nghe. Trật tự viên gọi lần nữa thật lớn và bước tới phía Mark nhưng anh không quay lại cũng chẳng cất bước. Lập tức việc Mark không chịu di chuyển khiến cho hàng người có kỷ luật và đang bước đều đặn bị đứt quãng. Nhịp đi của đoàn biểu tình bị chững lại. Cả Joseph lẫn Tempe đều thúc giục Mark bước tới bằng những câu nói dịu dàng. Nhưng đột nhiên, anh vùng thoát khỏi tay nắm của cả cha lẫn mẹ và bắt đầu gào đi gào lại tên của Gary với giọng cực lớn, thất thanh và hoang dại. Mark vừa gào vừa lao mình tới hàng rào bao quanh Nhà Trắng, rồi anh nhảy lên túm các mũi nhọn trên đầu hàng

rào. Trong vài ba giây, thân hình Mark đông đưa ở đó, miệng vẫn gào thét. Rồi không biết vì lý do gì, anh xoay mình lại đối mặt với đám đông biểu tình, hai tay vẫn níu chặt phần trên cùng của hàng rào. Vài trật tự viên lao tới cố kéo người Mark xuống nhưng anh vùng vẫy dữ dội, hai chân lia lịa đá văng họ. Cứ thế, anh tiếp tục treo mình lơ lửng nơi mé trên hàng song sắt như chim phượng hoàng soãi cánh, in nghiêng bóng thân mình quần quai lên trên hậu cảnh là Nhà Trắng chan hoà ánh sáng.

Khi các toán truyền hình và phóng viên nhiếp ảnh ủa tới lấy hình sự cố ấy, đèn cao áp truyền hình chói lọi làm hiện trường rực sáng thêm và các trật tự viên không thể tiếp tục dùng sức mạnh để lôi Mark xuống khỏi hàng rào. Joseph cố thầm lặng thuyết phục con mình bước xuống nhưng Mark chẳng để ý chút nào tới nỗ lực của cha. Tempe cũng van nài con suốt mấy phút nhưng không có kết quả nên cam đành đứng ngó. Sau đó, ba cảnh sát viên phải dùng dùi cui nện nhiều lần lên các ngón tay của Mark để anh buông hàng rào. Cuối cùng, vừa rơi mình xuống đất, Mark bật khóc nức nở. Anh không bị bắt giữ vì nhờ có một trật tự viên lớn tuổi can thiệp bằng cách âm thầm giải thích cho cảnh sát về trường hợp của anh.

Đứng bên Joseph, Tempe bắt lực đâm đâm nhìn con. Khi Mark trấn tĩnh lại, nàng cố năn

nỉ con rời cuộc điểu hành nhưng Mark, với vẻ mặt kiên quyết và ủ dột, tiếp tục đi dọc Đại lộ Pennsylvania tới Điện Capitol, chân bước lảo đảo dưới trời mưa và thỉnh thoảng mút các ngón tay rướm máu của mình. Trước dây quan tài bằng ván thông không bào, khó nhọc lắm Mark mới gỡ được tấm bảng mang tên Gary ra khỏi cổ. Và lúc đó, tấm bia trắng ấy dính lem luốc vết máu từ các ngón tay Mark vậy lên.

Sau cùng, với hai mắt đầm đìa lệ, Tempe đặt tấm bảng nhỏ ấy vào lòng quan tài dùm cho con. Mark đứng chằm chập nhìn tấm bảng một hồi lâu. Khi mẹ dịu dàng chạm khuỷu tay anh, Mark chợt nhớ tới cây nến mình mang theo cho Gary. Anh đưa hai ngón tay lên, chằm chằm bóp tắt ngọn lửa. Kể đó, Tempe cố dẫn Mark đi nhưng anh nhất quyết đứng lại. Khi các hàng người tuần hành đằng sau tiến lên dây quan tài, Mark bước tới và lần lượt bóp tắt từng ngọn nến của họ. Mỗi lần làm như thế, anh để yên ngón tay mình trong ngọn lửa một vài giây trước khi bóp lịm nến. Rồi sau cùng, khi Tempe thuyết phục được con bước đi, một bàn tay của Mark da đã hoá đen sì và cháy thành than.

Joseph nhìn xuống bộ mặt đang thêm thiếp ngủ của Mark và nói rầu rĩ:

- Tempe ạ, khủng khiếp quá. Giá như anh đừng bao giờ gây ra, giá như anh đừng ngu ngốc đến thế có lẽ chẳng bao giờ xảy tới chuyện này.

Tempe hỏi lại bằng giọng thì thầm, hầu như không nghe rõ:

- Anh có ý nói gì vậy?

- Nếu anh không bỏ em mà đi có lẽ cả hai đứa con trai không đứa nào chọn nghiệp nhà binh như chúng đã làm. Có lẽ Gary sẽ không chết và Mark sẽ không bị...

Giọng Joseph nhỏ dần rồi nín lặng. Cả hai cùng đứng yên ngó bộ mặt xanh xao và hốc hác của con trai.

Khi Mark cùng với cha mẹ về đến ngôi nhà cũ của thân phụ Joseph tại Georgetown trời đã gần hai giờ sáng. Tempe lập tức cho mời bác sĩ ở gần gia đình tới săn sóc hai bàn tay của Mark và cho uống thuốc giảm đau loại mạnh. Thượng nghị sĩ hiện ở tại toà nhà đồn điền nơi Hạt Charles mấy tuần nay. Sau cuộc biểu tình, Joseph đề nghị mang Mark tới thẳng Georgetown để tránh cho mình khỏi bị bối rối khi gặp người chồng của Tempe. Trước khi ra về, bác sĩ bảo Joseph rằng liều thuốc giảm đau ông vừa cho Mark uống đủ đảm bảo Mark ngủ yên ít nhất mười hai tiếng đồng hồ. Và ông nhận lời sau thời điểm đó sẽ trở lại để khám Mark thêm lần nữa. Nằm ngủ trước mặt cha và mẹ, vẻ mặt thảm thiết và xanh xao lạ thường của Mark cùng nước da vàng vọt yếu ớt khiến anh trông có vẻ thê lương hơn bao giờ hết. Tempe phải nhắm mắt xua đuổi hình ảnh đó. Rồi quay mặt nhìn nơi khác, nàng nói trầm giọng:

- Joseph ạ, anh tự trách anh nhiều quá. Có bao giờ anh nghĩ rằng chính tính khí của Gary đã khiến quân đội trở thành một chọn lựa lý tưởng cho nó - và rằng ngay từ hồi nhỏ có thể Mark đã muốn theo nghề bay vì cha của nó từng là phi công?

- Nhưng đó là công việc anh bị bắt buộc phải làm - anh không bao giờ đặt chân vào nghiệp bay nếu chiến tranh không xảy ra.

Tempe trả lời:

- Em biết, nhưng mấy bức ảnh “Phi Hổ” cũ Mark thấy treo khắp nhà khi nó còn bé đã kích thích trí tưởng tượng của nó. Rồi tới một ngày nọ, nó tìm thấy cái này trong một ngăn kéo và hỏi em có biết đây là cái gì không.

Nàng quay qua Joseph, mở bàn tay ra. Joseph thấy chiếc chân thỏ thườ xưa nằm trong lòng tay Tempe.

- Đi đâu Mark cũng mang theo cái này - kể cả tối nay, nó vẫn mang theo trong người. Joseph sững sờ nhìn Tempe chăm chú. Khi nàng xoay lưng bước ra khỏi phòng ngủ, anh im lặng đi theo. Nơi phòng khách lớn, nàng ngồi lún mình trong lòng ghế nệm, mệt mỏi nhắm mắt lại. Ở tuổi trung niên, tóc Tempe bắt đầu điểm bạc, mặt xanh xao với vẻ mệt mỏi nhưng nàng vẫn là một phụ nữ điểm tĩnh và xinh đẹp. Và dù Tempe đang phiền muộn ra mặt, Joseph vẫn phải công nhận nàng lúc nào cũng giữ được phong thái tự

chủ và trầm lặng. Anh nói với giọng chân thành:

- Tempe ạ, anh thật sự vui mừng khi thấy em tìm được hạnh phúc với người khác. Em xứng đáng được như vậy.

Tempe không trả lời cũng chẳng mở mắt nhìn Joseph. Ngay lúc ấy, một người hầu gái bước vào phòng mang theo ấn bản buổi tối của tờ Washington Post vừa được người đưa báo của công ti Post thường xuyên và cấp tốc giao thẳng tới nhà theo lệnh đặt hàng của thượng nghị sĩ. Khi Tempe đặt tờ báo xuống mặt bàn thấp, mắt Joseph bắt gặp tấm hình trên trang nhất, anh vội vàng đứng dậy, cầm tờ báo lên để Tempe khỏi nhìn thấy nó.

Hình ảnh lộ lộ của Mark giang hai tay trong tư thế bị đóng đinh vào mặt tiền Nhà Trắng chan hoà ánh sáng được phóng lớn suốt chiều ngang bốn cột báo, và người viết lời chú giải không để vượt ý nghĩa tượng trưng đầy bi thảm hàm chứa trong bức ảnh. Xoay người quay lưng lại với Tempe, Joseph đứng nhìn đắm đắm bức ảnh, gần như không để ý tới tiếng chuông điện thoại reo vang nơi tiền sảnh. Khi người hầu gái trở lại nói với Tempe có điện thoại gọi nàng, Joseph không nhìn lên. Mấy giây sau, Tempe trở vào phòng khách và tới sát bên anh. Nàng nói, giọng run lấy bầy:

- Joseph, điện thoại gọi từ nhà nơi đồn điền. Chuyện của cha anh - ông bị đột quỵ. Bác sĩ nói

ông chỉ còn sống được vài giờ nữa thôi, và yêu cầu anh tới gặp ông ấy ngay.

Joseph nhìn nàng, mắt trống rỗng, chẳng nói gì. Tempe bảo dịu dàng:

- Xe em đang đậu ngoài kia. Nếu anh muốn, em chờ anh tới đó.

- 20 -

Khi Joseph và Tempe tới toà nhà trên đồn điền nhìn xuống dòng sông James, trời đã hơn năm giờ sáng. Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman đang nằm trong chiếc giường nơi tướng Robert E. Lee từng ngủ lại nhiều lần. Hậu quả cơn đột quỵ làm liệt nửa người bên trái và tác động cả lên mặt nhưng ông vẫn còn đủ tỉnh táo để nhận biết những gì diễn ra chung quanh. Nhờ vậy, Nathaniel đã ra lệnh cho gia nhân mang ông tới căn phòng nhỏ nhìn xuống mạn nam dòng sông rồi đặt ông vào chiếc giường lâu đời có bốn cọc móng mà hơn một trăm năm trước, vị đại tướng lừng danh của phe ly khai thời Nội Chiến Nam-Bắc mỗi lần ghé thăm thường ngủ ở đó. Khi Joseph và Tempe mới thành hôn, Tempe tận trang để dùng làm giường của hai vợ chồng. Sau ngày hai người ly dị, thượng nghị sĩ cho phục chế giống như nguyên thủy.

- Anh chỉ mong bố không muốn nhân dịp này làm một cuộc trình diễn cuối cùng trong phòng trưng bày ấy!

Joseph chán chường đưa lời nhận xét như thế khi Susannah, em gái anh, ra tận cửa đón anh, và chỉ cho anh đi lên theo vòng cầu thang to lớn xoắn ốc, làm bằng gỗ óc chó.

Susannah mặt vẫn không bớt vẻ ủ dột khi chào và ôm anh cùng Tempe. Kể đó, nàng đưa Tempe qua phòng khách để Joseph có thể một mình đi lên. Dù lúc còn ở Washington, tin cha hấp hối không làm Joseph quá đỗi xúc động nhưng vừa đặt chân vào phòng, anh cảm thấy choáng váng trước cảnh tượng một hình hài khốn khổ vì bệnh tật, nằm ngửa người trên hàng gối trắng tinh trong chiếc giường treo đầy màn trướng. Đôi mắt ông lão nhắm, có vẻ như đang ngủ. Nhưng con đột quị làm phần mặt bên trái méo xệch, trông rất quái đản. Má Nathaniel co rút thành hai hốc trũng màu vàng khè, tương phản với mấy lần sẹo nhăn nhú do tai nạn săn bắn thuở nào, để lộ ra trên mặt và trên cổ ông chỗ trắng phau chỗ xám xịt. Đối với Joseph, dưới ánh sáng lơ mơ của ngọn đèn ngủ đơn độc đặt sát bên giường, những đường lằn nhú lại ấy trông như thể những ngón tay từ vết thương ngày xưa đã làm đứt lìa cánh tay trái của ông giờ đây từ dưới cổ thò lên bầu chặt mặt ông. Cùng với vẻ dị dạng mới mẻ của một nửa khuôn mặt nằm ngay mé bên trên thân thể ấy khiến Joseph nghĩ rằng, dù gì đi nữa, cái sức mạnh ác liệt từng gây ra vết thương nguyên thủy kia lúc

này đang thêm lần nữa vươn ra túm cho bằng được, để kết liễu cho xong cái phần thưởng tối hậu đã từng trốn tránh nó trong quá nhiều năm trời trước đây.

Rùng mình với ý nghĩ đó, Joseph ngồi xuống chiếc ghế đặt sẵn bên giường. Người nữ y tá đang trực trong phòng nhón gót đi ra, đóng thật nhẹ cánh cửa đằng sau lưng anh. Trong lúc ngồi một mình đăm đăm nhìn bộ mặt nhăn nhú thê thảm ấy, Joseph không ngạc nhiên khi nhận ra cảm giác thương xót trước cơn hấp hối của một người – mà trong trường hợp này lại chính là cha của mình – lại bỗng dưng pha lẫn cảm giác giận dữ. Ký ức về cuộc va chạm đầy cay đắng trên vô tuyến truyền hình chỉ mới mấy tháng trước đây nay vẫn tươi rói và buốt nhói trong tâm tư Joseph. Và với một sức mạnh đáng kinh ngạc, hình ảnh những vết sẹo sần bần thuở nào giờ đây làm anh sống lại cái cảm giác bị sỉ nhục anh từng nếm trải khi nghe ra câu chuyện sự thật đằng sau cái chết của Chuck.

Trong chuyến xe từ Washington về đây, có mấy lần Joseph tự hỏi chẳng biết chốc nữa mình có thấy cha còn tỉnh táo hay không. Anh cũng tự hỏi chẳng biết mình sẽ có hay không cái cơ hội độc nhất và cuối cùng để thực hiện một điều trước đây mình chưa bao giờ làm nổi – là đối đầu với cha về sự thật cái chết của Chuck. Lúc nào Joseph cũng cảm thấy một cách mơ hồ

rằng mình đang nợ Chuck một điều, mà với ký ức của anh về lòng can trường và lương tri của Chuck, anh phải ép cho ra từ miệng cha một lời thú tội hoặc một câu hối hận nào đó. Và như thế, suốt mấy chục năm qua, việc không thực hiện nổi điều thôi thúc đó thỉnh thoảng đè nặng lương tâm của anh. Trong những lúc phần nộ lạnh lẽo nhất, Joseph cũng đã dự tính tiết lộ với cha sự thật về Guy – nhưng lòng hiếu thảo với người mẹ đã khuất và lời anh hứa với bà luôn luôn ngăn anh lại. Trong âm thanh đồng hồ kêu tích tắc bên giường, Joseph cảm thấy thêm lần nữa tự hỏi không biết mình có đủ can đảm để nói ra sự thật ấy hay không nếu người cha đang hấp hối này tỉnh lại.

Lạc loài trong nghĩ tưởng, thoát đầu Joseph không để ý lúc cha anh mở mắt. Anh giật mình về với thực tại khi nghe giọng thều thào của cha đang cố nói không thành tiếng. Rồi anh thấy mi mắt trái của ông xệ xuống lấp trùng đen vì nửa người bên ấy bị liệt nên buộc lòng ông phải nheo nheo liếc anh bằng con mắt bên phải. Khoé miệng bên trái của Nathaniel cũng bị liệt khiến ông không thể phát âm rõ ràng. Những lời đầu tiên của ông nghe nghèn nghẹt và rời rạc.

Joseph nói thật điềm tĩnh:

- Bố đừng có rần nói nữa.

Nói tới đây, Joseph kinh hoàng vì sự hư hoại

đang diễn ra trước mắt mình. Anh loay hoay lục lọi tâm trí để có thể đưa ra đôi ba lời an ủi. Joseph cố nở trên môi một nụ cười và nói tiếp:

- Bố hãy tin chắc là bố đã được mang vào chiếc giường Tướng Robert Edward Lee nằm thõa trước. Con đoán là bố đã mừng tượng ra lúc này người ta phải đặt lại tên cho nó là Giường Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, đúng không?

Ban đầu Joseph nói mà không nghĩ rằng lời của mình sẽ được nghe ra. Nhưng đột nhiên khuôn mặt méo mó trên nền gối trắng như tuyết ấy sáng lên vẻ thú vị và cái đầu ấy khe khẽ gật đồng ý. Kể đó nụ cười mới chợt xuất hiện đã nhạt nhoà ngay. Giọng của Nathaniel vẫn líu nhíu nhưng nhờ cúi xuống sát hơn, Joseph có thể hiểu ra ý nghĩa:

- Joseph... Bố sắp chết... Bố biết. Vì vậy bố muốn nói chuyện với con.

Chậm chậm rút bàn tay còn lại dưới mền lên, Nathaniel đưa về phía con. Joseph miễn cưỡng cầm bàn tay ấy trong cả hai tay mình. Ông tiếp tục nói, với giọng rên rỉ:

- Joseph ạ... chúng ta có những cái khác biệt nhau... nhưng bố yêu cầu con tới đây vì bố muốn con biết... trước khi bố ra đi... rằng bố không để cho việc đó ảnh hưởng tới nhận xét của bố về con... về việc bất đồng với bố trước công chúng... cái đó không phải là oán ghét

nhau cực độ... Bố không muốn lương tâm con bị ám ảnh về cái đó...

Joseph bản khoăn nhìn cha. Bàn tay Nathaniel với năm ngón lạnh giá và mềm rũ như thể chúng đã chết. Nhưng thậm chí cái chết trước mắt cũng không làm suy suyển chút nào sự cao ngạo bất khả xâm phạm của thượng nghị sĩ. Ông gọi con trai mình đến đây để tỏ lòng tha thứ cho nó trong khi chính ông đã kết án nó trước công chúng với sự gay gắt phi lý và không thể tha thứ.

Joseph nói ảm đạm:

- Bố ạ, chúng ta lúc nào cũng khác nhau.

Người đang lâm chung gật đầu, nhìn lại con trai với một con mắt hấp hem:

- Con không bao giờ giống Chuck và Guy... Bố nghĩ, con nhạy cảm hơn... giống mẹ con hơn... Con luôn luôn có vẻ rất xa cách bố...

Bàn tay lạnh lẽo ấy ngọ ngoạy trong hai bàn tay đang nắm của Joseph:

- Nhưng con mạnh ở các mặt khác. Con là đứa duy nhất sống sót. Chuck và Guy thì đã chết. Thấy mình có cơ hội, Joseph liền cúi xuống sát hơn:

- Gánh nặng về cái chết của anh Chuck mà cha mang trong mình bấy nhiêu năm trời nay có gay go lắm không?

Con mắt còn lạnh lặn nhắm lại. Trong một hồi lâu, âm thanh độc nhất trong phòng là tiếng

thờ khò khè của thượng nghị sĩ. Hai hàng mi Nathaniel chớp chớp và con mắt ấy mở ra:

- Bố đã cố cứu nó... Bố đã làm hết sức mình... Con biết như vậy mà, Joseph... Phải không?

Joseph nhìn lại cha với vẻ chẳng thể nào tin nổi. Một lát sau, mặt anh xoay về phía khung cửa sổ không treo màn. Anh tiếp tục nghe bên tai mình:

- Chuck đã có cái xứng đáng cho nó... Nó mạnh mẽ... mạnh cực kỳ, và quyết tâm... nó có ý chí để thành công... đó là lý do tại sao cái chết của nó là một tổn thất ghê gớm đến thế. Joseph, con hẳn không bao giờ quên việc đó, phải không? Bố nghĩ Chuck có hơi búyng bình... Giống như ông lão cha nó... Giống như thằng Guy em nó... Nhưng bố không xem cái đó là quan trọng... cái đó không phải là khuyết điểm tệ hại nhất của một con người.

Giọng Nathaniel rời rạc, lên xuống theo từng hơi thở đau đớn. Và Joseph cảm thấy trong lòng mình cơn giận sôi lên tới một cực điểm mới. Anh buông tay cha ra và đứng lên. Anh nói với giọng thì thầm và rất dữ dội tới độ bộ mặt hấp hối ấy phải lẹ làng quay sang phía anh:

- Bố lắm khi so sánh Chuck với Guy. Bố lắm hơn bao giờ hết mà bố không biết.

Trong một thoáng, con mắt độc nhất ấy nhìn thẳng lên Joseph rồi dường như tối sầm lại:

- Bố biết... bố biết... Joseph, con không cần

phải nói với bố về cái đó... Không người nào có thể sánh với Chuck, không bao giờ, phải không? Không ai cả!

Mặt ông lão bỗng nhăn nhó, méo xệch thêm vì đau đớn và đầu ông bắt đầu lặn qua lặn lại trên gối. Nhìn cha quần quai trong cơn đau lâm tử, Joseph cảm thấy cơn giận vụt tan biến trong lòng mình như một quả bóng xì hơi rất lẹ. Và cùng khoảnh khắc ấy, nỗi thúc bách phải làm thương tổn ông được thay thế bằng cảm giác xót xa thấm thía. Nathaniel đã lừa dối kẻ khác trong một thời gian quá lâu quá dài về vai trò của ông trong cái chết của đứa con trai ông yêu quý. Tới độ cuối cùng ngay cả ông cũng biến thành người tin tưởng vào những lời dối trá của chính ông. Joseph nghĩ, có lẽ ông phải làm như vậy để giúp ông chịu đựng nỗi sự đau khổ đó. Nhưng cái cách ông an trụ vững vàng đằng sau bức tường ảo vọng do chính mình xây lên ấy cũng làm cho ông suốt đời sống cô độc giữa gia đình. Và trong giờ nằm hấp hối này, ông cũng đang chết cô độc không kém.

Khi Joseph đứng nhìn sự sống đang héo úa và tàn tạ trong hình hài quần quai ấy, một ý nghĩ khác lại đánh động anh với một sức mạnh ghê gớm: anh thấy bản thân mình không khác bao nhiêu so với người cha kia, kẻ bất hoà với anh suốt đời.

Anh từng có ấn tượng rằng mình bị đối xử

bất công và bị hiểu lầm là trẻ con bởi một người cha mù quáng và không nhạy cảm, kẻ triển miên nhìn cuộc sống một cách đơn giản bằng con mắt của những tổ tiên đã chế ngự các vùng đất hoang dã và nguyên sơ của nước Mỹ với sự kiên quyết về mặt thể chất, không nguôi không giảm. Anh lúc nào cũng có cảm tưởng rằng bản tính rất đa cảm của mình khiến mình hơn hẳn người khác. Và như thế, tới lượt mình, anh đã làm cho hai đứa con trai của anh và Guy chống lại anh.

Chính sự duy lý tưởng đầy lãng mạn và điên rồ của anh đã đưa anh tới niềm tin rằng không có gì là không thể thực hiện một khi con người chân thành đáp ứng những thôi thúc phát xuất từ tận đáy tâm tư mình và một khi con người đặt tình yêu sự thật lên trên tất cả mọi sự. Nhưng chính niềm tin ấy đã mang thảm họa tới cho anh, trong cuộc đời của chính anh, và thậm chí còn vượt quá qui mô thảm họa của cha anh.

Rầu rĩ bởi những ý nghĩ đó hơn là vì cơn hấp hối của cha, Joseph quay lưng lại với chiếc giường và đột nhiên rảo bước tới bên khung cửa sổ. Anh đứng một hồi lâu, nhìn ra ngoài, nhìn dọc theo các bãi cỏ đầy bóng tối với bờ giậu và hàng dương chạy dài tới dòng sông. Đêm không trăng nhưng ngoài vườn sáng lơ mờ nhờ ánh đèn hắt ra từ bên trong các cửa sổ không che màn. Khi hai mắt quen dần với bóng

tối, Joseph tưởng chừng mình thấy có cái gì đó đang di động trong mấy hàng cây. Nhưng dù nhìn chòng chọc vào bóng tối, anh không thể chắc chắn rằng đó có phải là ánh đèn đang đùa giỡn, đang lừa dối mắt mình hay không.

Đứng trong căn phòng này Joseph nhớ lại chỉ cách đây mấy tiếng đồng hồ, mình đã đứng như thế nào bên một chiếc giường khác tại Georgetown, nhìn xuống bộ mặt của đứa con trai độc nhất còn sống. Đứa con ấy lúc này cũng lạc loài và xa cách anh không kém người cha của anh đang nằm hấp hối kia. Và bất giác Joseph rùng mình. Rồi anh mơ hồ nhận ra rằng trong chiếc giường có bốn cọc màn sau lưng mình, hơi thở hút vào và đẩy ra khỏi buồng phổi của cha anh bắt đầu nghe khô khè hơn và nặng nhọc hơn. Nhưng có điều gì đó ngăn anh không quay người lại.

Kế đó, có tiếng rít dài lanh lảnh và the thé, xé rách màn đêm trong khu vườn bên ngoài. Theo phản xạ, Joseph rụt người lại khi một hình dáng đen đui từ mé tối tằm bên hàng dương bờ giậu phóng vụt lên và lơ lửng bên trên rồi bay ngang thật sát khung cửa sổ. Con công lại rít lên lần nữa khi nó đậu nơi ống khói ngay trên phòng cha anh đang nằm. Những tiếng rít lặp đi lặp lại nghe lùng bùng và âm vang một cách kỳ dị trong ống thông hơi thẳng xuống lò sưởi bên cạnh giường bệnh. Một trận mưa bão hóng đổ

rào rào trong lòng lò sưởi. Và Joseph nghe thật rõ âm thanh khô khốc khản đặc của con công đang xoè đuôi múa trên đỉnh ống khói.

Khoảnh khắc sau, nhịp thở của Nathaniel đột nhiên đứt quãng. Một tràng ho nghèn nghẹt làm toàn thân ông rung chuyển và hơi thở của ông kêu ồ ồ thật lớn trong cổ họng đầy nước. Joseph chạy lẹ tới bên giường, quì xuống và cầm bàn tay ông lão. Lòng anh dâng trào nỗi khát khao được thốt ra vài lời sau cùng để an ủi cha, mãnh liệt tới độ lệ trào lên mắt anh. Nhưng Joseph bắt lực nhìn cha lúc này cả người co rúm và vắn vẹo vì cơn đau khủng khiếp. Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman chẳng còn nghe thấy gì, chỉ có toàn thân ông run rẩy. Rồi đột ngột, mọi rung động ngừng lại và cơ thể trắng bệch tàn tạ ấy dường như chìm xuống, lặn vào mấy chiếc gối trắng.

Joseph còn quì bất động bên giường trong đôi ba phút, cầm bàn tay rũ liệt không còn sinh khí của cha. Rồi anh đứng lên và thăm lặng đi ra cửa. Khi tới bên ngoài, anh thấy Tempe đang đứng chờ, tay đề lên môi. Nàng hỏi, giọng thì thầm khiếp đảm:

- Joseph, tiếng động gì dễ sợ vậy?

- Chỉ là con công bay tới trên ống khói thôi.

Anh đưa tay ra cầm bàn tay Tempe và lòng dịu lại khi chạm vào hơi ấm của bàn tay nàng:

- Chẳng có gì phải lo lắng - ông ấy đi rồi.

TẬP IV - PHẦN THỨ TÁM CHIẾN THẮNG VÀ CHIẾN BẠI 1972-1975

Sau 1975, tướng Trần Độ, nguyên Phó Chính ủy Quân Giải Phóng Miền Nam, người góp phần tích cực trong việc hoạch định cuộc Tổng Công Kích Mậu Thân đã nói với Stanley Karnow, tác giả cuốn Vietnam: A History rằng: “Nói thật, chúng tôi không đạt được mục tiêu chính là kích động cuộc tổng nổi dậy khắp Miền Nam.(...) Còn về tác động tại Mỹ thì chúng tôi không có dự tính ấy – nhưng nó lại hóa thành một kết quả rất may mắn.” Để may mắn hơn nữa, Bộ Chính trị rước thêm hai đợt Tổng Công Kích vào tháng 5 và tháng 9 bất chấp tổn thất xương máu gấp bội đợt thứ nhất. Rốt cuộc, Tổng Khởi Nghĩa chỉ là khẩu hiệu động viên các cán binh đi chết và từ sau năm Mậu Thân 1968, mùa xuân về mang theo lễ kỵ giỗ của khoảng 80.000 người cả bắc lẫn nam.

Với ba đợt Tổng Công Kích, cơ sở nằm vùng bị vỡ, cán binh Cộng Sản từ rừng núi tràn xuống đồng bằng làm mìn cho phi pháo, nhân dân thấy rõ “bàn lai diện mục” của Hà Nội và MTGPMN. Hà Nội không còn đủ quân giành lại nông thôn, phải rút về rừng núi; hoạt động biểu tình, đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tại nội thành, các phong trào hòa bình, phản chiến của một số trí thức và sinh viên yếu hèn; đặc biệt MTGP rơi mặt nạ “tổ chức tự phát của Miền Nam”, và từ nay cứ 10 Việt Cộng thì có 8 người từ Miền Bắc.

Theo tài liệu của MACV, từ tháng 10-1965 đến cuối năm 1968 CSBV đã xâm nhập vào Miền Nam khoảng 600 ngàn quân; trong năm 1968, họ đưa vào khoảng 236 đến 250 ngàn quân; thiệt hại của CSBV (tính luôn cả Việt Cộng) trong năm 1968 là 289 ngàn quân (bị thương, chết, ra hồi chánh, đầu hàng và tù binh). Chính Võ Nguyên Giáp cũng công bố với nữ ký giả Orina Fallaci là đến giữa năm 1969, CSBV đã chết nửa triệu quân.

Thế nhưng cuộc tấn công Tết Mậu Thân lại đạt thành quả tâm lý và chính trị nhờ báo chí và truyền thanh truyền hình khắp thế giới, đặc biệt tại Hoa Kỳ. Nó vô hiệu hóa nhận định của tướng Westmoreland rằng Mỹ và đồng minh đang chiến thắng; đưa tới sự phá sản các chính sách của Johnson về Việt Nam; góp phần chủ

yếu vào việc ông quyết định không ứng cử một nhiệm kỳ tổng thống nữa; đẩy mạnh thêm phong trào phản chiến khiến xã hội Hoa Kỳ thêm quần quai vì dân chúng chia rẽ; đồng thời dọn đường cho Mỹ đồng ý gặp riêng Bắc Việt tại Paris tháng 5.1968. Năm 1968 cũng là năm tổn thất nặng nề nhất cho HK với số tử thương 14.314, bị thương 150.000 và chiến phí lên tới 30 tỉ mỹ kim.

Lời từ chối tham dự hòa đàm Paris của Nguyễn Văn Thiệu giúp Richard Nixon đắc cử tổng thống. Để thực hiện lời hứa khi tranh cử là sẽ “kết thúc chiến tranh Việt Nam và đạt được một nền hoà bình trong danh dự”, Nixon bắt đầu dọn đường rút quân và chủ động hòa đàm với Bắc Việt. Như thế, chiến tranh VN chuyển sang một giai đoạn khác, đặc biệt sau chuyến Nixon đi Bắc Kinh, Việt Nam không còn là yếu tố quan trọng trong những quyết định chính trị, quân sự và ngoại giao của Hoa Kỳ ở châu Á.

Muốn cho cả hai phía “điều hâu” lẫn “bỏ câu” vừa lòng, Nixon tiến hành trong cùng một lúc các phương án:

- Hiện đại hóa vũ khí, tiếp tế và huấn luyện cho quân đội VNCH phát triển trên một qui mô lớn, theo chính sách được ông gọi là “Việt Nam hoá chiến tranh”. Mục đích là giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của HK để rút dần lính đánh bộ Mỹ ra khỏi VN;

- Mở rộng phạm vi oanh tạc của Mỹ và hành quân phối hợp với QLVNCH sang Cambodia và Lào;

- Thả thủy lôi phong tỏa hải cảng Hải Phòng để ngăn chặn đổ tiếp liệu bằng đường biển từ Liên Xô vào Bắc Việt, và nếu cần thì oanh tạc Miền Bắc để trả đũa những cuộc tấn công của Cộng Sản tại Miền Nam;

- Xúc tiến hòa đàm Paris giữa Mỹ và Bắc Việt; đề nghị góp phần tái thiết Đông Dương 7.5 tỉ mỹ kim, trong đó Hà Nội sẽ nhận được 4.2 tỉ;

- Chuyển quan hệ ngoại giao giữa Mỹ, Hoa và Nga sang giai đoạn mới và mật thiết hơn. Trung Quốc được nhận vào Liên Hiệp Quốc năm 1971 thay Đài Loan. Nixon tuyên bố tại LHQ là “chấm dứt thời đại đối đầu, chuyển sang thời đại thương thuyết trong tinh thần hiểu biết lẫn nhau”. Năm 1972, ông cùng Cố vấn An ninh Quốc gia, Tiến sĩ Henry Kissinger chính thức thăm Bắc Kinh; trong Thông cáo chung phổ biến tại Thượng Hải, Trung Quốc và Mỹ xác nhận “đều không mưu cầu bá quyền và đều phản đối bất cứ nước nào hay tập đoàn nào cố gắng thiết lập bá quyền ở châu Á”.

Vào tháng 3.1969, có tới khoảng 540.000 quân nhân Mỹ chiến đấu tại VN, nhưng con số cao điểm đó được rút dần từng đợt cho tới khi chỉ còn 27.000 “cố vấn” ở lại vào cuối năm 1972. Dù Nixon thành công trong việc rút từng bước một

các lực lượng trên bộ của Mỹ ra khỏi cuộc xung đột, nhưng trong thời gian ông làm tổng tư lệnh quân đội, có hai chục ngàn lính tác chiến Mỹ bị tử trận tại VN. Và trong hai năm đầu của nhiệm kỳ tổng thống, ông thả xuống Đông Dương số bom nhiều hơn số lượng Mỹ thả xuống châu Âu và vùng Thái Bình Dương trong Thế Chiến II. Tới tháng 5.1972, mỗi ngày có khoảng 30 ngàn tấn bom rơi trên Đông Dương với phí tổn 20 triệu Mỹ kim – nhưng chiến tranh vẫn kéo dài.

Đối với dân chúng Mỹ, ảo tưởng về chiến tranh ngày càng tan vỡ khi có sự tiết lộ vào tháng 11.1969 rằng có ba trăm thường dân VN bị lính Mỹ tàn sát tại làng Mỹ Lai 18 tháng trước đó; việc Thượng nghị viện Mỹ rút lại quyết nghị Vịnh Bắc Bộ ngày 24.6.1970 và việc xuất bản vào mùa hè năm 1971 các tài liệu mật bị tiết lộ, được người ta biết tới với cái tên là “Pentagon Papers – Tài Liệu Lầu Năm Góc”. Nó là một bản nghiên cứu chi tiết của chính quyền về sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam kể từ năm 1945 tới năm 1968. Nó cho thấy, một cách đầy kịch tính, qui mô can thiệp của tổng thống Kennedy trong âm mưu lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm và bối cảnh mơ hồ của Nghị Quyết Vịnh Bắc Bộ Việt mà nay người ta ngày càng biết rõ rằng đã có sự dàn dựng trước của Mỹ để chọc cho quân Bắc Việt tấn công vào tháng 8.1964, nhằm giúp Johnson rộng tay

tiến hành chiến tranh tại VN mà không cần tới lời tuyên chiến chính thức. Tài Liệu Lầu Năm Góc còn là một bản liệt kê rất đặc biệt và làm người ta choáng váng về những cách thức mà Kennedy lẫn Johnson cố tình lừa dối nhân dân Hoa Kỳ về vấn đề VN, và vì thế, giờ đây công luận hướng tới cuộc hòa đàm tại Paris.

Hiểu rõ con đường rút quân không thể đảo ngược của Hoa Kỳ và vẫn bám sát mục tiêu nhất thống nam bắc, kể từ sau Tết Mậu Thân, nỗ lực chính của Hà Nội là chuyển cán bộ chính trị và bộ đội vào nam để lấp đầy chỗ trống – từ đó, chiếm tới 80% quân số các lực lượng vũ trang của MTGPMN – và lập lại cơ sở bị phá vỡ trong cuộc Tổng Công Kích Mậu Thân. Đồng thời Hà Nội tiến hành đấu tranh quân sự và chính trị theo một qui mô mới, khai thác tối đa diễn tiến rút khỏi VN càng nhanh càng tốt của Mỹ và gắn liền với tình hình của cuộc điều đình tại Paris vốn bắt đầu từ ngày 13.5.1968.

Trong khi tiến hành mật đàm với Mỹ, Hà Nội cho ra mắt Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Và Hòa Bình ngày 10.4.1968 gồm danh sách một số nhân vật tôn giáo và trí thức từ thành thị Miền Nam thoát ly theo MTGPMN. Ngày 6.6.1969, Hà Nội công bố sự ra đời của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam, cũng chỉ gồm một danh sách nội các do Nguyễn Hữu Thọ đứng tên chủ tịch.

Hai sự kiện đó cùng với việc chính phủ VNCH phóng thích các tù nhân chính trị bị bắt dịp Tết Mậu Thân và các phong trào tranh thủ hòa bình, đòi quyền sống của một số trí thức sinh viên tự xưng là “thành phần thứ ba” tuy không gây được bất ổn như trước đây nhưng tạo thế tuyên truyền cho CS và góp phần tạo thành cái gọi là lý cơ cho chế độ quân phiệt Nguyễn Văn Thiệu biện minh sự tồn tại của mình. Thiệu tiếp tục dung dưỡng tham ô và thao túng các cơ chế dân chủ từ quốc hội tới các hội đồng tỉnh thị xã; phá hoại các đảng phái hoặc các tổ chức đối lập; ủng hộ tổng thống độc diễn. Đồng thời Thiệu không tích cực khai thác lời hứa của Mỹ trong chương trình Việt Nam hóa, tình trạng suy sụp của Cộng Sản sau Mậu Thân và tinh thần chiến đấu quyết liệt của Quân lực VNVH, để xây dựng phương án tự lực tự cường trong tương lai.

Tất cả những thành tố ấy đều được Hà Nội khai thác triệt để cho cuộc hòa đàm Paris đang bị kéo dài lê thê từ tháng 5.1968. Những đàm phán phức tạp và rắc rối vô tận đó kéo ra tới năm năm, được cả đôi bên sử dụng vào mục đích tuyên truyền, nhưng chỉ tập trung quanh một vấn đề duy nhất là ai sẽ cai trị tại Sài Gòn. Ban đầu, những cuộc đàm phán ấy chỉ diễn ra giữa các nhà ngoại giao Hoa Kỳ và Bắc Việt, về sau được mở rộng cho cả đại diện của VNCH

và của MTGPMN, nhưng nhanh chóng lâm vào tình trạng gần như thường xuyên bế tắc. Hà Nội và MTGPMN đòi hỏi rằng hòa bình phải được trả giá bằng việc Hoa Kỳ rút lui toàn bộ và MTGPMN có đại diện trong một chính phủ liên hiệp tại Nam Việt Nam nhưng Nguyễn Văn Thiệu không tán thành ý tưởng liên hiệp đó.

Trong khi tại Paris cuộc hoà đàm kéo dài mà không đưa tới kết quả chung cuộc nào thì tháng 3.1972, theo đúng sách lược “vừa đàm vừa đánh”, và tận dụng quá trình VN hóa để rút quân của Mỹ, Hà Nội lại phát động một chiến dịch đại tấn công bất ngờ vào Miền Nam bằng ba mũi giáp công, với sự yểm trợ ào ạt của đại pháo, và chiến xa Cộng Sản bắt đầu xuất hiện trên chiến trường. Mũi thứ nhất, xua ba sư đoàn ưu tú nhất của Miền Bắc với 200 chiến xa và phi pháo, lần đầu tiên tràn thẳng qua khu phi quân sự, công khai đánh chiếm Quảng Trị và đe dọa Huế. Mũi thứ hai, ba sư đoàn bộ binh, hai trung đoàn chiến xa cùng bốn trung đoàn pháo tiến chiếm Lộc Ninh, vây An Lộc. Mũi thứ ba, tại cao nguyên, ba sư đoàn Bắc quân tấn công Dakto, tràn ngập Tân Cảnh và ba sư đoàn chủ lực Quân khu 5 chiếm ba quận dọc miền duyên hải Bình Định.

Quân đội VNCH mà lúc này quân số lên tới 900.000 với vũ khí hiện đại, cùng sự yểm trợ của không lực Mỹ, đã có khả năng đẩy lui cuộc đại

tấn công mùa hè ấy và thu hồi phần lớn lãnh thổ bị mất. Bắc quân chỉ còn chiếm được Đông Hà, Lộc Ninh và Tân Cảnh. Để trả đũa, Nixon ra lệnh cho pháo đài bay B-52 của Mỹ dội bom các khu vực chung quanh Hà Nội và Hải Phòng, lần đầu tiên kể từ năm 1968, đồng thời cho rải thủy lôi tại Vịnh Bắc Việt để phong tỏa hải cảng Hải Phòng. Hậu quả là cuộc chọc thủng phòng tuyến Miền Nam của Cộng Sản bị mất đà và cuối cùng, cuộc tái oanh tạc và thả mìn Hải Phòng của Hoa Kỳ đã buộc lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội rút bớt các điều kiện hòa bình của họ.

Tới đầu tháng 10.1972, Bắc Việt từ bỏ việc khẳng khái đòi hỏi MTGPMN phải được lập tức tham gia một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn. Thay vào đó, để đổi lấy việc ngưng bắn và rút quân của Hoa Kỳ, họ đề nghị rằng chính quyền của VNCH sẽ tiếp tục tạm thời nắm quyền trong thời gian một “Hội đồng Hoà hợp và Hoà giải Dân tộc” thảo luận các vấn đề hợp tác tại Nam Việt Nam. Trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới vào tháng 11, Nixon và Henry Kissinger, nóng lòng muốn sớm ký kết hoà ước – nhưng Nguyễn Văn Thiệu phản đối kịch liệt những đề nghị mới ấy, gọi đó là một “sự liên hiệp trá hình” và không chịu hợp tác. Bất chấp sự thất bại đó, Hoa Kỳ đáp ứng bằng cách giữ lời hứa ngưng phần nào việc oanh tạc Miền Bắc và Kissinger lên tiếng loan báo rằng hoà bình đang

ở “trong tầm tay” trong một cuộc họp báo đầy sôi nổi tại Washington ngày 26.11.1972.

Hai tuần sau, theo triều sóng lạc quan về hoà bình, Nixon được bầu thêm một nhiệm kỳ tổng thống nữa với tuyệt đại đa số phiếu của cử tri. Thế nhưng sau cuộc bầu cử một thời gian ngắn, khi cuộc hòa đàm Paris tiếp tục trở lại, các bên tham dự lại sa lầy mà không đưa ra được lời giải thích rõ ràng nào về những gì đang cản trở hoà ước. Những người chỉ trích Nixon lập tức cáo giác rằng ông đã lợi dụng hòa đàm để tạo lợi thế cho mình trong cuộc bầu cử. Trong khi thực tế, trước đó, vào ngày 18.12.1972, Nixon cảnh cáo Nguyễn Văn Thiệu rằng nếu cần, Mỹ sẽ đi tìm một thỏa hiệp riêng rẽ với Hà Nội. Trước ngày ký kết Hiệp định Paris, Nixon một mặt trấn an Nguyễn Văn Thiệu bằng một lá thư hứa hẹn rằng nếu CS vi phạm Hiệp định Mỹ sẽ trả đũa dữ dội, mặt khác, ông lại thêm lần nữa trắng trợn đe dọa rằng nếu VNCH không chấp nhận Bản Hiệp định có nội dung chấp nhận 150.000 quân Bắc Việt được ở lại Miền Nam, Mỹ sẽ hành động một mình và sẽ chấm dứt cả viện trợ quân sự lẫn kinh tế.

Trước đó, khi các đại biểu khởi sự nhóm họp thêm vào lúc bắt đầu tháng 12.1972 tại các biệt thự vô danh trong khu vực ngoại ô Paris, nơi họ từng gặp gỡ nhau suốt bốn năm qua, các ký giả đang ngóng đợi trên các con đường mùa

đông tuyết phủ bên ngoài đều mang chung tâm trạng căng thẳng chưa từng thấy. Cũng y như đại biểu của các phái đoàn tham dự, họ chỉ nghĩ tới hoà bình. Đồng thời với lễ Giáng Sinh gần kề, vài người trong bọn họ đoán trước rằng sẽ có những hành động phá hoại đẫm máu được tiến hành trên một qui mô lớn một khi các lực lượng sau cùng của Hoa Kỳ đã cúi đầu chào từ biệt Việt Nam. Trong lúc ấy, máu người VN, thường dân và lính của cả hai bên, vẫn đổ trên khắp đất nước. Tổng kết hai năm 1968-69, Nam Việt Nam bị 39 ngàn người tử thương, 132 ngàn bị thương và 3 ngàn mất tích.

Về phía Bắc quân, con số thương vong không bao giờ được công bố. Nhưng như nhà văn bộ đội Bảo Ninh kể lại trong cuốn *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, in ở Hà Nội năm 1991: “Tôi không sợ chết, nhưng cứ bắn giết mãi thế này thì chết hoại tính người. Anh còn nhớ trên Plây-cu năm 72 không, có nhớ cảnh thầy người la liệt trong khu gia binh không? Máu tới bụng chân lội lồm bồm... Minh vào đây làm gì khi để mẹ già ở nhà cơ cực, không nơi nương tựa, ngày đêm than khóc nhớ con. Mẹ tôi cứ van tôi tìm cách mà trốn... Bao thằng khốn nạn ung dung hưởng lộc chiến tranh chỉ con cái nông dân là đứt lòng ra đi bỏ lại đằng sau cảnh mẹ già màn trời chiếu đất... Thắng hay thua, kết thúc mau hay kết thúc chậm, với tôi chẳng nghĩa lý gì nữa.”

- 1 -

Joseph Sherman lật ngược cổ áo măng-tô, kéo lên thật cao để che ngọn gió buốt tháng Chạp thổi dọc Đại lộ Général Leclerc ở Gif-sur-Yvette và dậm mạnh hai chân cho đỡ công. Cùng với hai mươi ký giả và phóng viên nhiếp ảnh thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, anh đang trông ngóng Henry Kissinger tới chỗ này. Trong khi đứng hai vai co ro trong trời giá lạnh, Joseph ngẫm nghĩ và nhận thấy sự sắp xếp địa điểm cho cuộc đối đầu này giữa Hoa Kỳ và những người Việt kẻ thù của nó, thật đáng ngạc nhiên và đầy quái đản không kém bất cứ những gì đã xảy ra trong cuộc chiến tranh đầy hoang mang kéo dài suốt cả chục năm nay. Các đại diện của Mỹ và Bắc Việt đang tiến hành những cuộc họp kỳ kèo để kết thúc cuộc chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Hai trong một tòa nhà trên con đường mang tên của vị tướng, vào cuối năm 1945, làm quyền cao ủy kiêm tổng chỉ huy các binh đoàn của Pháp đổ bộ và tái chiếm Việt Nam trong tay của Việt Minh, mở đầu cho cuộc chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Nhất.

Biệt thự nghỉ mát được các phóng viên tụ tập bên ngoài này có tường quét vôi trắng, mái ngói màu da cam, các lá cửa chớp màu lục. Trước đây nó là một cư sở gần như không ai để ý, toạ lạc bên trong vòng tường trét vữa, gần nhiều phù điêu, tại ven một thị xã thuộc vùng ngoại

ô ngái ngủ, cách trung tâm Paris gần hai mươi lăm cây số. Địa chỉ của nó là 108 Đại lộ Général Leclerc.

Lần đầu tiên nó được chọn làm địa điểm để so đo mặc cả là vào cuối năm 1969 khi Tiến sĩ Kissinger và Lê Đức Thọ, người thương thuyết chính của Hà Nội, khởi sự tiến hành những cuộc tiếp xúc bí mật, nhằm tránh sự nhòm ngó của công luận đang chú mục vào cuộc hoà đàm diễn ra chính thức tại một hội trường vĩ đại của chính phủ Pháp bên Đại lộ Kléber.

Chủ nhân nguyên thủy của biệt thự nghỉ mát này là Fernand Léger, một nghệ sĩ Pháp tả khuynh. Sau khi ông qua đời, nó được trao cho Đảng Cộng Sản Pháp, một đảng từng được Hồ Chí Minh góp phần thành lập vào thập niên 1920. Ngoài kỷ niệm đó mối quan hệ giữa hai đảng Cộng Sản xoay quanh trục Mát-cơ-va và tình nghĩa quốc tế khiến quan hệ đôi bên ngày càng hữu hảo. Cuộc hòa đàm Paris trong đó Hà Nội đang trực diện đối đầu và dương cao ngọn cờ cách mạng chống đế quốc thực dân mới cũng được xem như một đấu trường thu hút sự yểm trợ vô điều kiện của các đảng Cộng Sản năm châu thế giới, vì vậy Đảng Cộng sản Pháp cho Hà Nội mượn ngôi biệt thự của nhà họa sĩ làm cư sở ngoại giao. Và suốt những tháng cuối của năm 1972, nó trở thành một trong ba ngôi nhà được Bắc Việt thường xuyên sử dụng nhất tại Paris.

Qua những chuyện trò với người quen tại Bộ Ngoại giao, Joseph biết rằng những bức họa trừu tượng lập thể của Fernand Léger vẫn còn treo trong phòng khách rộng và dài. Tại đó kê chiếc bàn chữ nhật bọc nhung xộp màu lục. Trên mặt bàn và ngay trước mặt sáu chiếc ghế dành cho phái đoàn Mỹ luôn luôn bày sẵn các chai nước khoáng nhỏ của Pháp cùng với mấy chiếc ly mỗi khi họ sắp đến.

Thuở còn giữ được bí mật về nơi gặp gỡ này, Kissinger gần như ngày nào cũng bước qua ngưỡng cửa trong hơi thở hỗn hển, sau khi phóng xe qua vùng ngoại ô với tốc độ một trăm sáu chục cây số một giờ để bỏ rơi các phóng viên đang rượt theo. Nhưng kể từ lúc địa điểm này được người ta biết tới như hiện nay, ông có thói quen đến rầm rộ hơn, bằng chiếc xe cho thuê hiệu Mercedes màu trắng và hai bên có xe mô tô hộ tống của cảnh sát Pháp chạy kèm.

Vào hôm mồng 8 tháng Mười, chung quanh chiếc bàn bọc nhung xộp màu lục ấy, Kissinger gần như không nén nổi hồi hộp khi Lê Đức Thọ sau bốn năm dài buồng bình không chút nhượng bộ, đột ngột đảo ngược thái độ, bảo với ông rằng chính quyền Hà Nội cuối cùng sẵn sàng đồng ý chấm dứt sự thù nghịch. Lê Đức Thọ nói rằng Hà Nội sẽ phóng thích tù binh Mỹ, đổi lại tổng thống Nixon phải cam kết sẽ rút toàn bộ quân Mỹ và để cho Nam Việt Nam tự

hoạch định tương lai chính trị của chính nó. Lời tuyên bố ấy làm sững sốt những người Mỹ có mặt vì nó có nghĩa Hà Nội hầu như chấp nhận các đề nghị trước đây của Mỹ và phía Cộng Sản không còn giữ yêu sách quen thuộc là đòi cho MTGPMN phải được tham gia chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn. Người Mỹ nhận ra rằng Bắc Việt đang chú mục vào thời điểm bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ sẽ diễn ra trong tháng tới, chỉ còn đúng ba mươi ngày nữa. Và rõ ràng Bắc Việt kỳ vọng rằng họ có thể làm áp lực khiến tổng thống Nixon phải giải quyết thật nhanh để đạt lợi thế tối đa trong các cuộc thăm dò dư luận trước ngày bỏ phiếu – nhưng về mặt khác, có vẻ như không còn có thể nghi ngờ sự thành thật của các đại biểu Hà Nội.

Tuy nhiên, từ hôm đó tới nay đã hai tháng trôi qua trong căng thẳng dữ dội. Tổng thống Nixon tái đắc cử nhưng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn không chịu chấp thuận kết quả thương lượng kể trên. Và những người cung cấp tin tức cho Joseph tiết lộ rằng khi các cuộc hoà đàm tái tục vào giữa tháng Mười một, người Mỹ nhận thấy Cộng Sản đã trở lại, một cách không giải thích nổi, đường lối bất hợp tác ngoan cố trước kia của họ.

Phái đoàn Hoa Kỳ cố thuyết phục Cộng Sản tiếp nhận một số điểm phản đối của tổng thống Thiệu nhưng chẳng đạt được chút tiến bộ nào.

Joseph còn được nói cho biết rằng không có chọn lựa nào khác ngoài việc ngưng hoà đàm. Từ ngày nhóm họp trở lại vào mồng 4 tháng Mười hai, kỳ họp mới này kéo dài lê thê tới mười ngày. Và kể từ đó, trong những lần tiếp xúc với ký giả, các nhà thương thuyết đầy hoang mang của Mỹ thừa nhận rằng họ càng ngày càng chán nản vì sự thô lỗ và đôi khi vì chiến thuật khinh khỉnh mất thời giờ của Cộng Sản.

Các phóng viên đã tự ý dựng lên một khán đài bên con đường đối diện với biệt thự nghỉ mát ấy để có thể vươn cổ lên cao hơn đầu tường, ngó vào khu vườn bao quanh biệt thự. Thịnh thoảng, trong những khoảnh khắc nghỉ giải lao giữa các buổi thương thuyết, họ có thể thấy thấp thoáng bên dưới những hàng cây trụ lá, Kissinger và Lê Đức Thọ đang soãi bước và chuyện trò với các phụ tá. Bằng ống viễn kính, người ta chụp được những bức ảnh lung linh của cả hai. Nhưng các cửa sổ của ngôi biệt thự vẫn bị che kín mít bằng những bức màn thẳng nếp, có viền đăng ten, khiến các phóng viên không thể nào thấy chút gì bên trong. Theo dõi cuộc hoà đàm bằng cách thức như thế này quả thật nản lòng nhưng vì đang đặt nhiều hy vọng vào một chung cuộc nên từ mười ngày nay Joseph, cũng y như các đồng nghiệp khác, gan lì bám thật sát mọi dấu vết.

Trưa 13 tháng Mười hai hôm đó, từng đợt

bông tuyết bắt đầu nhảy múa trong gió lạnh khi rớt cuộc đoàn xe của Kissinger chạy tới đại lộ và lao vào khu vườn biệt thự, qua cổng sắt khép kín vừa mở ra đã vội vã đóng sập lại đằng sau đoàn xe. Thân hình chắc nịch, bè bè và mập mập trong chiếc áo mưa màu trắng với kính đeo mắt gọng nặng chinh chịch, Henry Kissinger rảo bước thật lẹ tới cửa trước của biệt thự. Mặt ông nghiêm trọng, không cười không nói khi các phóng viên trên khán đài bên ngoài yêu cầu ông dừng lại một chút cho họ chụp hình.

Cũng như các ký giả khác, Joseph đang chăm chú nhìn, cố chờ xem hình dáng khắc khổ với đầu tóc bạc của Lê Đức Thọ có xuất hiện để nghênh đón Kissinger nơi ngưỡng cửa hay không. Và vì anh mãi miết chú ý nên không nhận thấy ở một khung cửa sổ nơi tầng trên, bức màn của nó bị ai đó vén lên trong một thoáng. Cuối cùng, Lê Đức Thọ không xuất hiện. Có tiếng xì xào thất vọng rộ lên khắp chung quanh khán đài kèm theo những lời trao đổi và tiên đoán đầy âm ỉ về một lời tuyên bố đình chiến sẽ sớm được đưa ra.

Từ chỗ của mình bên khung cửa sổ trong một căn phòng nơi tầng trên và trong khi quan sát các phóng viên trò chuyện với nhau, Trần Văn Kim bỗng búng tay lách tách về phía viên phụ tá đang đứng đằng sau anh, ra hiệu bảo đi lấy ống nhòm đưa cho mình. Kim mặc áo đại cán kín

cổ màu sẫm, cùng loại y phục của Lê Đức Thọ. Thái độ của anh đối với những thành viên trung cấp trong phái đoàn Bắc Việt cũng xa cách và kiểu cách y như thái độ của Thọ. Khi người phụ tá quay lại mang theo ống nhòm, Kim nôn nóng cầm lấy. Anh thận trọng điều chỉnh ống kính cho tới khi nhóm ký giả trên khán đài hiện rõ trong mục kính. Rồi anh giật nảy mình khi thấy một khuôn mặt. Cuối cùng, Kim vẫn ngồi yên nhìn ra và đều giọng nói với viên phụ tá:

- Đồng chí đi lấy danh sách các ký giả sẵn tin cuộc thương thuyết. Kiểm tra kỹ lưỡng xem trong số đó có một người Mỹ tên là “Sherman” không. Lẹ lên đây!

Viên phụ tá lật đật rời khỏi phòng. Ít phút sau anh ta quay lại, mang theo một xấp giấy, và vừa thở hổn hển vừa nói:

- Thưa đồng chí có ạ. Trong danh sách các ký giả Mỹ có một người tên là Joseph Sherman.

Anh ta rút ra tấm hình của Joseph do một nhân viên hoạt vụ điệp báo của phái đoàn hòa đàm chụp bằng ống viễn kính. Và Kim hăm hở cầm lấy. Trong khi Kim xem xét bức hình, viên phụ tá bắt đầu làm đúng nhiệm vụ, đọc hồ sơ của Joseph:

- Từ năm 1954 tới năm 1967, giáo sư môn nghiên cứu Á Đông tại Đại học Cornell. Từ tháng Giêng tới tháng Ba năm 1968, cố vấn cao cấp Cơ quan Dân Sự Vụ JUSPAO của Mỹ tại

Sài Gòn. Sau đó từ chức và viết một cuốn sách có nhan đề “Người Mỹ Bị Phản Bội” phê bình chính sách của Mỹ tại Việt Nam...

Kim cúi kinh bật thành tiếng:

- Đùng, đùng. Cuốn sách đó nổi tiếng. Nhưng hiện nay hấn làm gì?

Người phụ tá lại tra cứu danh sách:

- Joseph Sherman kết hôn với một ký giả truyền hình Anh và định cư ở Luân đôn. Nhờ danh tiếng cuốn sách ấy mang lại cho mình, hấn hiện nay được tờ The Times ở Luân Đôn đặt viết một loạt bài phân tích đặc biệt về cuộc hoà đàm và chiến tranh. Cho tới hôm nay, đã in được hai bài. Người phụ tá đưa hai bài báo cắt sẵn, được gắn vào một tờ giấy khác:

- Hiện nay hấn trọ tại khách sạn Intercontinental, tại góc đường Rivoli và Castiglione dọc theo Công viên Tuileries. Số phòng 4567.

Vẫn đứng bên cửa sổ, Kim cẩn thận đọc từ đầu tới cuối hai bài báo cắt. Rồi anh tới ngồi xuống đằng sau bàn giấy, lấy ra một tờ giấy trắng. Anh rút bút bi từ túi ngực áo đại cán ra, tự tay viết bằng tiếng Pháp:

“Tôi nhận ra anh giữa các ký giả ở bên ngoài. Tôi sẽ gặp anh sáng mai lúc bảy giờ rưỡi phía bên trong cổng Công viên Tuileries, chỗ cuối đường Castiglione. Có lẽ anh rất muốn nghe đôi chút tin tức về Tuyết, con gái của anh – và câu

chuyện chi tiết bên trong những thủ đoạn lừa đảo mà Kissinger và những người Mỹ thương thuyết đang theo đuổi bên trong ngôi nhà này. Trần Văn Kim.”

Anh dứt mảnh giấy vào bì thư, dán lại rồi đưa cho viên phụ tá:

- Gọi một trong các ký giả của ta qua máy truyền tin trên xe anh ta và yêu cầu anh ta lập tức đến đằng sau nhà. Đưa anh ta thư này, bảo trao ngay cho Sherman. Nói với anh ta rằng tôi sẽ trông chừng từ cửa sổ này.

Khi người ký giả Cộng Sản Pháp mặc áo da không quen với Joseph, đưa cho anh phong thư ấy trên khán đài, Trần Văn Kim thấy vẻ mặt của người Mỹ cau lại vì kinh ngạc. Kim quan sát Joseph đọc mảnh giấy. Nhưng khi Joseph nhướn con mắt sừng sốt lên nhìn về phía biệt thự nghỉ mát, Kim đã thận trọng lùi bước ra xa màn cửa để khỏi bị trông thấy.

Từ đại sảnh bên dưới, vang lên rõ mồn một giọng đều đều của Kissinger, nói tiếng Anh với lối uốn giọng trong cổ họng của tiếng Đức. Bằng cung giọng lên rồi xuống theo nhịp điệu khi thẳng thừng khi gay gắt, viên Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ nói cho bộ mặt không lộ chút cảm giác của Lê Đức Thọ nghe. Rằng phái đoàn Bắc Việt, vì một lý do nào đó không nói ra, lúc này rõ ràng là đang né tránh và thường xuyên gở thủ đoạn gian trá, vì thế Hoa Kỳ không sẵn

sàng tiếp tục cuộc thảo luận, và do đó, cuộc thương thuyết bị đình chỉ.

- 2 -

Trần Văn Kim đưa tay lên chỉ lòng vòng mấy dãy tượng đá các chiến sĩ, nữ thần và nhà hùng biện đứng dọc bờ tường giữa hàng cột lớn của cung điện Palais du Louvre đang nhanh chóng hiện ra trong tầm mắt, dưới ánh sáng càng lúc càng chói lọi. Trong ánh tuyết lung linh phủ trắng xóa công viên Tuileries, anh vừa bước đi bên cạnh Joseph vừa nói:

- Monsieur Sherman này, người Pháp là thí dụ cổ điển cho một dân tộc quá khôn ngoan vì những lợi ích của chính họ. Tôi hy vọng rằng người Mỹ không chứng tỏ rằng mình quá thật cũng giống y như thế.

Nói xong, Kim mỉm cười nửa miệng với Joseph rồi lẹ làng quay mặt ngó chỗ khác và tiếp:

- Anh biết không, người Pháp không bao giờ tự kềm chế nổi tập quán phù hoa cùng với tính tự cao tự đại của họ. Thật chẳng đáng ngạc nhiên chút nào khi hàng ngày phải đối mặt với các dinh thự nguy nga và trang trí quá đáng như thế này nên cuối cùng những người cùng khổ của Paris nổi trận lôi đình, vùng lên chặt đầu những tên quý tộc cao ngạo không chịu nổi, từng xây dựng lên chúng? Chính sự hiện hữu của các toà nhà sừng sững này ở giữa những

người cùng khổ là một khiêu khích không thể tha thứ – đó là lý do người ta phải phóng đại quá đáng và nói liên tu bất tận về giá trị của chúng.

Thọc hai tay sâu hơn vào túi áo măng-tô, Joseph không trả lời. Trời vẫn dày đặc tuyết. Những hình tượng điêu khắc trên mặt tiền khổng lồ đầy vẻ cực kỳ hoa mỹ của điện Le Louvre tựa như những lính canh đứng yên trong ánh sáng ban mai ướt đầm và âm ẩm. Từ đường Rivoli và các kè đá dọc bờ sông Seine, tiếng động của xe cộ lưu thông lúc tinh sương chỉ là tiếng rì rầm xa xa, nghe như tiếng vo ve của lũ ruồi đang hấp hối lúc trời mới vào đông.

Kim chỉ tới một gờ mái nghiêng nghiêng ở mé nam:

- Anh hãy nhìn thiên thần đang dang đôi cánh với chiếc kèn kia. Đó là công việc xuất sắc nhất mà người Pháp có thể làm, là thổi chiếc kèn của chính họ.

Ngừng lại và tự tán thưởng câu nói dí dỏm của mình bằng một nụ cười, rồi liếc Joseph anh tiếp:

- Anh từng thấy sự phô trương giống y thế này ở mặt tiền Nhà Hát Lớn Sài Gòn – và ở những dinh thự cũ của thống đốc Nam kỳ. Lối kiến trúc khoa đại và thái độ hống hách của Pháp tại Việt Nam đã tác động lên đồng bào của tôi không khác gì các dinh thự này tác động lên những người cùng khổ của nước Pháp – chúng biến nhân dân cả hai nước thành những nhà cách mạng.

Người Việt Nam nhắm mắt lại, vừa đi vừa hít thật sâu hơi lạnh vào buồng phổi. Anh tiếp tục cất bước, thở ra thật dài và nói:

- Nhưng quả thật cũng tốt khi trở lại Paris sau những năm dài như thế. Chúng tôi luôn luôn nhớ rằng chính cái tính ngạo mạn và lòng thêm muốn phô trương mình cho một dân tộc hèn mọn thấy đã khiến các tây thực dân người Pháp mang những trí óc xuất sắc nhất của chúng tôi sang đây để giáo dục – và cũng chính tại đây lần đầu tiên chúng tôi được học hỏi những lời giảng dạy của Marx và Lênin. Con đường đưa chúng tôi tới nước Pháp cũng là con đường giúp chúng tôi học được cách chống Pháp hữu hiệu nhất.

Nói xong những lời ấy, Kim thêm lần nữa liếc thật lẹ về mặt của Joseph và tiếp:

- Nhưng bất chấp những khác biệt đó, cả hai dân tộc đều có chung một số điểm. Người Pháp lẫn người Việt đều là những dân tộc không ủy mị. Dĩ nhiên, chúng tôi khác với người Mỹ.

Joseph đột nhiên mở miệng:

- Nhân nói tới vấn đề không ủy mị, chẳng biết anh có nhân dịp mình đang ở đây để tới thăm anh Tâm của anh không? Tôi chắc chắn anh đã biết Tâm vừa mới sang đây để tham gia phái đoàn Sài Gòn. Hôm qua, tôi có trò chuyện với anh ấy – từ lúc hai anh em anh gặp nhau lần cuối tới nay dễ đã ba mươi mấy năm rồi nhì.

Joseph quan sát bộ mặt vẫn đầy vẻ trẻ trung

của Kim nhưng không thấy trên đó biểu lộ chút cảm xúc nào. Và Kim không trả lời. Dù tuổi sắp sáu mươi, mái tóc đen nhánh của Kim vẫn không điểm một sợi bạc. Khuôn mặt tròn trịa đẹp trai và có vẻ trẻ thơ của Kim cũng rất giống khuôn mặt Tâm.

Vẫn giữ ánh mắt chăm chú quan sát Kim, Joseph nói thêm:

- Nếu anh muốn nói chuyện với Tâm thì thế này. Tâm ở riêng một lô chung cư tại số 3 Đại lộ Léopold II trong Khu vực Mười sáu. Tâm từng có lần nói với tôi rằng tuy giữa hai người có những khác biệt nhưng anh ấy không bao giờ có thể quên anh là đứa em ruột thịt của mình.

Kim quay mặt ngó hẳn sang phía bên kia công viên. Joseph không thể thấy nét mặt của anh ta. Trong một lúc, cả hai im lặng đi bên nhau rồi Kim lắc đầu tỏ vẻ khước từ:

- Monsieur Sherman, tôi đến Paris không phải vì chuyện gia đình. Như anh có thể đoán ra, tôi cũng không tới công viên này để thảo luận với anh về triết lý và lịch sử. Tôi yêu cầu anh gặp tôi vì tôi muốn kể cho anh nghe những lý do thật sự nằm đằng sau sự tan vỡ các cuộc thương lượng tại Gif sur-Yvette.

- Tại sao lại kể với tôi?

- Vì anh nổi tiếng là người chỉ trích có thẩm quyền về chính phủ của anh – và lúc này anh đang viết cho một tạp chí phương tây có ảnh

hưởng và ở bên ngoài Hoa Kỳ. Nếu anh kể sự thật này trong ấn bản ngày mai của tờ The Times thì có lẽ các kế hoạch quỷ quái của tổng thống các anh sẽ bị phá ngang.

- Một cách chính xác, anh đang đề cập tới “kế hoạch quỷ quái” nào vậy?

Uồn ngực thở vào thật lâu, Kim vừa đi vừa quay sang nhìn người Mỹ:

- Rõ ràng là tổng thống của anh và Tiến sĩ Kissinger chẳng bao lâu nữa sẽ nói với thế giới rằng chúng tôi phải chịu trách nhiệm về việc làm ngưng cuộc hoà đàm – nhưng đúng ra, sự thật hoàn toàn trái ngược. Vào đầu tháng Mười vừa qua, chúng tôi đã đề nghị các điều kiện ngừng bắn theo đó có nghĩa chấp thuận những phác thảo trước đó của Hoa Kỳ. Kissinger đã hoan hỉ đồng ý. Chỉ sau khi tham khảo ý kiến của chế độ Thiệu tại Sài Gòn, Kissinger và tổng thống của anh mới khởi sự yêu cầu thảo luận lại từ đầu bản hiệp định. Người ta biết rất rõ rằng, về mặt nguyên tắc, Thiệu sẽ chống đối việc ký kết bất cứ bản hiệp định nào vì chỉ một thay đổi nhỏ nhất cũng đủ xói mòn chế độ độc tài của hắn. Nhưng lúc này hắn đã nêu ra ít nhất sáu mươi bốn điểm phản đối bản dự thảo của chúng tôi – và tổng thống của các anh thay vì ép buộc hắn phải chấp nhận các điều kiện đã được đôi bên thoả thuận giờ đây lại yêu cầu chúng tôi tái cứu xét hết thảy sáu mươi bốn điểm đó.

Hình như Nixon và Kissinger không sợ điều gì hơn là việc cãi nhau om sòm và công khai với thằng Thiệu bù nhìn!

Kim ngừng nói, mắt long lanh giận dữ:

- Mới đây, qua nguồn tin tình báo của Liên Xô, chúng tôi được biết rằng tại Washington, Nixon đang chuẩn bị điều mấy phi đội oanh tạc cơ khổng lồ tới dội bom các thành phố của chúng tôi trong thời kỳ lễ Giáng Sinh năm nay để ép buộc chúng tôi phải chấp nhận những thay đổi mới ấy – đó là sự thật nằm đằng sau các cuộc hoà đàm.

Trong một chốc, Joseph im lặng suy ngẫm lời của Kim:

- Anh đến Paris lúc nào vậy Kim?

- Mới hôm qua.

Mặt Joseph lộ vẻ trầm ngâm:

- Tôi tự hỏi không biết anh đang có ý kể đúng sự thật hay không? Có phải anh và những người còn lại trong Bộ Chính Trị ở Hà Nội đột nhiên nhận ra, một cách trễ tràng, rằng có thể Lê Đức Thọ đã và đang chơi bạo tay hơn quý vị – và quý vị dự tính dùng tôi hoặc một người nào đó giống như tôi để quý vị vượt qua khó khăn ấy?

Kim quày quả lắc đầu nhưng Joseph làm như không để ý. Anh nói tiếp:

- Kim ạ, tôi già rồi, già tới độ có thể nhận ra sự tiết lộ nào là cố ý một khi tai mình nghe nói tới nó. Tôi biết anh lúc nào cũng tin rằng anh

và các đồng chí của anh có thể đập tan nát chế độ Nguyễn Văn Thiệu vào một ngày nào đó nếu quý vị đẩy tới đủ mạnh. Nhưng nếu ngay lúc này quý vị đang sợ hãi cái ý tưởng đó thì tôi không phải là kẻ tiếp tay cho quý vị. Tôi có thể là người chỉ trích chính phủ của tôi – nhưng tôi không phải là kẻ chạy việc vặt cho Cộng Sản.

Cả hai im lặng, tiếp tục đi trên mặt tuyết rồi nét mặt của người Việt Nam chột ánh lên vẻ tính toán:

- Monsieur Sherman này, thế thì anh chẳng quan tâm chút nào nếu Hà Nội bị dội bom sao?

Đang đi đều bước Joseph bỗng chững lại. Anh nhìn chằm chặp vào mặt Kim:

- Anh đang có ý nói tới cái quái gì vậy?

Kim chăm bẵm ngó lại Joseph:

- Tuyết, con gái anh, và hai con của nó sống ngay tại Hà Nội từ bốn năm nay – hoặc giả anh quên hết chúng nó rồi?

Những bông tuyết nhỏ dần, điểm lấm tấm giữa hai người đàn ông khi họ nhìn thẳng mắt nhau. Rồi Joseph lẹ làng rướn một bước tới trước mặt người Việt Nam. Hơi thở anh dồn dập, hai bàn tay đang cặp sát hai bên hông bỗng hết bóp chặt lại nhả ra:

- Kim này, “không ủy mị” là tiếng áp dụng đúng cho anh đấy. Anh “không ủy mị” một cách khốn nạn tới độ sự đúng đắn nói chung của con người dường như chẳng có ý nghĩa chút nào đối

với anh. Bộ anh tưởng rằng tôi cho là anh không đáng chút nào tới những gì tàn tệ đã xảy ra cho thằng Mark con của tôi sao? Chắc chắn anh và những người còn lại trong Bộ Chính Trị của anh đã nghiên cứu kỹ lưỡng từ đầu tới cuối họ và tên của từng phi công Mỹ bị các người bắt, để xét xem có thể khai thác họ từng chút nhằm kiếm thêm chút vốn liếng cho canh bạc chính trị của các người không. Nếu không tỉ mỉ cẩn thận từng li từng chút như thế thì các người chẳng là cái quái gì cả!

Joseph giận run người trong khi người Việt Nam vẫn bình thản:

- Monsieur Sherman ạ, các đồng chí của tôi và tôi không có thời giờ để đích thân quan tâm tới các chi tiết nhỏ nhặt. Chúng tôi phải thực hiện các nghĩa vụ phức tạp hơn nhiều.

Joseph nói thật ác liệt:

- Tôi cũng có nhiều “nghĩa vụ phức tạp” cần thực hiện nhưng trong đó không có cái việc viết lời tuyên truyền trá ngụy nhân danh Đảng Lao Động của anh – cho dù có bị người ta dùng thủ đoạn hăm dọa tới mấy đi nữa.

Anh giận dữ nhìn Kim rồi đột ngột quay gót, đi thẳng vào vùng tuyết trắng dày đặc. Kim nhìn theo Joseph trong một chốc, rồi rút từ túi áo bên trong ra cuốn sổ tay và ghi rất nhanh. Chờ cho tới khi Joseph khuất khỏi tầm mắt, Kim chậm chậm rẽ lối, quay trở lại cổng vào công

viên Tuileries, mé đường Rivoli. Tại đó, anh vấy một chiếc tắc-xi đang chạy ngang. Sau khi liếc mắt thật lẹ dọc cả hai đầu đường, anh chui vào xe, mở sổ tay đọc địa chỉ ở khu vực Mười sáu vừa được Joseph nói cho biết.

Vì tuyết rơi mỗi lúc một thêm dày đặc, Kim không thấy chiếc xe hơi nhỏ có gắn cần truyền tin được lái bởi gã ký giả Pháp mặc áo da màu đen, kẻ đã trao tờ nhấn của anh cho Joseph tại Gif-sur Yvette. Chiếc xe nhỏ đó đậu bên lề bắc đường Rivoli, sát hông khách sạn Intercontinental. Một nhân viên mật vụ Bắc Việt môi màu tro, mặt châu quạu, ngồi một bên gã ký giả Pháp hất đầu ra hiệu cho tài xế chạy theo chiếc tắc xi khi nó đi thẳng về hướng La Place de la Concorde. Chiếc xe có cần truyền tin cẩn thận giữ khoảng cách một trăm thước đằng sau chiếc tắc xi dọc theo sông Seine tới cầu Pont d'Iena nơi cả hai xe cùng qua sông.

Tại đường La Fontaine bên kia vòm phát sóng của trụ sở Đài Phát thanh và Truyền hình Pháp, Kim ra hiệu dừng xe tắc-xi và bảo tài xế chờ. Nhân viên mật vụ nhìn theo bóng Kim, ra lệnh cho tài xế chạy chậm lại. Từ trong xe, cả hai quan sát Kim đi quanh qua góc đường, rồi khuất vào Đại lộ Léopold II. Khi chiếc xe mật vụ chạy tới ngã tư, người bên trong xe thấy Kim bấm chuông cửa số 3 ở góc một chung cư. Và gần như lập tức, cửa mở, xuất hiện một người

Việt Nam mặt đây về sừng sốt. Và rất giống Kim. Khi Trần Văn Tâm bắt tay người em ba mươi sáu năm nay không gặp rồi đưa tay lên choàng cổ em, nhân viên mật vụ lệ làng chụp một bức hình với chiếc máy ảnh cực nhỏ. Trước khi Tâm kéo Kim vào bên trong, nhân viên mật vụ chụp thêm một bức hình nữa. Và sau khi ghi lại địa chỉ ấy, y ra lệnh cho gã ký giả Pháp quành xe lại rồi lái ngang đường trước chung cư một lần nữa để y có thể chụp bức thứ ba lấy đầy đủ hình ảnh của toà nhà.

Bên trong chung cư nơi tầng trệt, hai anh em vốn đã không gặp nhau kể từ buổi chiều có giải vô địch quần vợt tại Sài Gòn năm 1936, lúc này đang nhìn nhau, long lanh ngấn nước mắt. Kim nói, giọng thì thâm nghèn nghẹn:

- Em chỉ có thể ở lại vài phút. Và phải tuyệt đối không nói chuyện chính trị.

- 3 -

Trắng rầm lơ lửng giữa bầu trời lồng lộng bên trên Hà Nội trong đêm Thứ Hai 18 tháng Mười hai năm 1972. Xuyên qua những cụm mây lãng đãng trôi lơ lửng khắp trời, trăng mờ màng toả ánh trong thanh xuống chan hòa thủ đô. Kể từ cuối tháng Mười, Hoa Kỳ tuyên bố ngưng oanh tạc từng phần, và như thế, thêm lần nữa đặt Hà Nội và khu vực trong vòng bán kính khoảng 115 cây số trở về hướng nam nằm ngoài phạm

vi không tập. Người dân Hà Nội, sau khi làm xong công chuyện buổi tối, lại lũ lượt kéo nhau ra phố tắm ánh trăng, dắt díu nhau tản bộ hoặc đi xe đạp thành từng đoàn. Hậu quả của việc ngưng oanh tạc từng phần là đường phố không còn tắt hết đèn đóm để phòng không và dân chúng sống khắp các khu vực nội ô lẫn ngoại ô cảm thấy thoải mái. Họ chẳng còn phải tắt đèn hoặc e dè khi di chuyển từ nhà tới xí nghiệp để làm việc hoặc ra chợ mua sắm cho gia đình.

Tại khu vực kỹ nghệ Khâm Thiên vốn thuộc trước thuộc vùng ngoại ô, Tuyết cùng hai con đang trên đường từ một cửa hàng bách hoá về nhà, mang theo rau quả và suất gạo còm cối hàng tháng. Nhà của ba mẹ con là căn hộ một phòng rộng mười sáu thước vuông, trong khu cao ốc tập thể dành cho công nhân trên hai mươi tuổi, được ưu tiên cấp cho ba mẹ con ngay khi vừa đặt chân ra Hà Nội mùa xuân năm 1968. Từ đó đến nay, tuy tuổi chỉ mới ba mươi lăm Tuyết đã cảm thấy bản thân, hồ hững như đời hơn bốn mươi và gần như cần nhựa sống. Nhan sắc rực rỡ ngày nào chỉ là bóng rất mờ trên khuôn mặt xanh xao, héo hắt và in hằn những lần nhăn tiểu tụy. Khi nàng xê dịch, vai lệch hẳn theo từng bước chân. Trên thân hình thon thả ngày nào nay còm cõi, quanh năm chỉ mặc một loại quần áo phân phối dành cho công nhân, may bằng vải ka-ki đơn điệu bạc màu, sờn tro chỉ.

Trong không khí se lạnh mùa đông Hà Nội, cái nắng Miền Nam như ở bên kia nhiều lớp mây rất xám. Những ngày tháng Miền Nam xa xôi như ở một cõi khác, mờ ảo như thuộc về một kiếp khác. Rời Huế khi tai còn âm vang tiếng súng Mậu Thân, ba mẹ con Tuyết được bố trí theo xe Molotova chở quân khí chạy ngược đường Trường Sơn. Xe rẽ xuống Đồng Hới rồi từ đó, được Thường vụ tỉnh Quảng Bình gọi theo xe công tác đi thẳng ra Hà Nội. Sau mấy cuộc liên hoan được rộn ràng đón tiếp như một dũng sĩ tay không diệt Mỹ của Miền Nam, và ở trong đoàn chủ tọa mấy buổi lễ xuất quân, tung bừng đưa tiễn thanh niên thủ đô hăm hở lên đường đi B để “góp một bàn tay tiếp quản 3/4 đất đai và 4/5 dân số”, Tuyết bắt đầu những ngày sống thu mình bên cạnh các con. Cuộc sống này do Tuyết chọn và cho đến nay nàng không chút hối tiếc về quyết định ấy.

Trần Văn Kim kinh ngạc khi nghe Tuyết từ chối tất cả những công tác liên quan tới chính trị, tương xứng với trình độ học vấn của mình, như làm nhân viên bộ ngoại giao hoặc dạy tiếng Pháp cho một học viện chuyên ngành đào tạo các cán bộ sẽ phục vụ tại các sứ quán ở châu Âu hay ở trong ban văn hóa tư tưởng dịch thuật tài liệu ngoại văn. Tuyết chỉ xin làm một công nhân lao động vô danh và bình thường.

Nhờ lý lịch có chống gốc Hoa và biết đôi chút

tiếng Quan Thoại, Tuyết được nhận làm người nấu ăn trong một căng-tin bên kia Sông Đổng, cho các công nhân quốc phòng người Hoa sang làm công tác quốc tế xây dựng Miền Bắc. Họ người vùng Hoa Bắc lực lưỡng, ăn thịt bỏ lòng. Công việc chính của họ là giúp kiến thiết và bảo quản con đường sắt rộng 1,2 thước từ Lạng Sơn tới ga Yên Viên dài hơn một trăm cây số. Tuyến đường đặc biệt dùng để chở quân nhu quân cụ của Trung Quốc yểm trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống Mỹ, và sau này, chở thêm vũ khí của Liên Xô trong những ngày căng Hải Phòng bị phong tỏa.

Những công nhân này, thuộc trong số 15 vạn thanh niên thiếu nữ người Hoa có mặt ở Miền Bắc mấy năm trước đây. Hầu hết là vệ binh đỏ, họ sống trong vùng oanh tạc mà thân nhiên như đi dạo mát, với lòng tin tưởng tuyệt đối vào vị chủ tịch Trung Quốc siêu phàm và đáng kính. Mỗi người nâng niu một cuốn sách đỏ ghi châm ngôn của Mao Trạch Đông làm kinh nhật tụng và sẵn sàng mang ra trích dẫn mỗi khi cần tranh luận, tự kiểm hoặc tổng kết công tác. Bên cạnh đó, năng lực lao động của họ thật ghê gớm. Sức một người đủ vác nổi một tà-vệ, và hai người đủ khiêng nổi một thanh đường rầy. Sang Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế, họ mang theo vũ khí cá nhân và súng cao xạ phòng không, sẵn sàng chiến đấu. Mỗi khi máy bay oanh tạc của Mỹ

xuất hiện trong tầm mắt, họ khua soong chảo rền trời. Tuân theo lời dạy của Mao chủ tịch, họ xem việc đánh nhau với đế quốc Mỹ như dùng đoàn côn đập một phát nát đầu con hổ giấy, chẳng cần xuống tấn.

Hằng ngày, Tuyết dậy thật sớm, lo chút điểm tâm cho Trinh và Chương, sắp sẵn bữa cơm trưa cho hai con khi chúng đi học về. Rồi khi trời chưa sáng hẳn, nàng đạp xe trên mười cây số trong sương mù qua cầu Long Biên sang Gia Lâm, vượt cầu sông Đuống để đến chỗ làm. Tới sâm sẩm tối mới đạp xe về. Lại lo bữa cơm tối đạm bạc rồi thăm lén dạy cho Trinh và Chương học thêm tiếng Pháp tiếng Anh. Riết rồi cũng quen dần với khí hậu khắc nghiệt. Mùa hè nắng rất, khô và ngứa như rôm sảy nổi khắp người. Mùa đông mưa phùn với gió rét như có hàng ngàn mũi kim chích vào mặt. Làm ở Yên Viên được ba năm, Tuyết phải thay đổi công việc vì các công nhân quốc phòng ấy về lại Trung Quốc. Kế tiếp, Trần Văn Kim bố trí cho Tuyết vào làm trong xưởng quân khí ở gần chung cư tập thể của ba mẹ con. Tại đó, Tuyết lao động mười hai giờ mỗi ngày. Công việc chính là ráp ngòi nổ vào đạn pháo cho các ổ cao xạ ở Miền Bắc hoặc để yểm trợ cho pháo binh ở chiến trường Miền Nam.

Chỉ thỉnh thoảng ngày tết hay ngày giỗ, Trần Văn Kim mới ghé lại thăm Tuyết, còn nàng gần

như chưa lần nào tự ý tìm đến văn phòng của Kim tại trụ sở trung ương đảng. Từ tháng đầu tiên đặt chân xuống thủ đô, Tuyết đã nhận ra đời sống ở đây không như mình nghĩ tưởng hồi còn ở Huế. Mỗi ngày qua đi trong cuộc sống ở Hà Nội, Tuyết càng trôi dần vào trạng thái trầm lặng và câm lặng. Ở đây lẫn lộn lung tung các khái niệm thông minh và lém lỉnh, khôn ngoan và hoạt đầu, trí tuệ và cơ hội. Người ta hô hào xây dựng một xã hội lý tưởng trong khi không ai nói rõ mẫu người lý tưởng đó cần những phẩm chất bất biến nào. Người ta cổ vũ một thứ đạo đức trong đó đòi buộc con người tuyệt đối thuần phục quyền lực và triệt để tự hủy bản sắc của mình. Kết quả, người ta quen với một cuộc sống máy móc, chỉ đạo, phân phối và mỗi người chọn cho mình nhiều lối tự thể hiện, tùy nhu cầu và hoàn cảnh. Chiến tranh dài ngày, chế độ bao cấp, quanh năm thi đua lao động sản xuất, lương tiền còm côi, khiến người ta đánh mất tinh thần lao động chân chính. Khi khắp nơi, dối trá và sợ hãi là nền tảng của ổn định thì người dám nói thật bị qui kết là kẻ phá hoại và bị điều đứng. Khi cái ác được sở chuồng và hoành hành thì xã hội bị biến thành chốn hiểm nguy cho những ai muốn đứng thẳng lưng và đi bằng hai chân của mình hoặc chỉ muốn sống cuộc đời chân chất lương thiện. Rốt cuộc, sống như thế chỉ là cố sống sót.

Cố quên những xông xáo chiến trận ngày cũ vì thuở ấy chất ngất hận thù. Cố quên những ước mơ và tủi hận lúc thanh xuân vì nhớ chỉ thêm trần trọc, gây thương tổn trong cuộc sống lao động nhọc nhằn. Hãy cầm và nín để tồn tại, để giữ cho mình vẫn là mình, để kéo dài cuộc đời nuôi dưỡng và dạy dỗ hai con. Thế thôi. Đời sống che đậy cảm xúc, tư duy gò bó, kham khổ, tính toán chặt chiu từng hạt gạo, thanh củi, cây quà, cuốn tập, manh áo cho con cũng đủ mỏi mệt. Và cô độc nữa, trong một xã hội bùng bít, một chiều, khai thác tình tự dân tộc và cai trị bằng dối trá, sợ hãi và kích thích thù hận. Những người chung quanh rất cảnh giác khi tiếp xúc với Tuyết vì biết nàng là con lai, dưng sĩ diệt Mỹ, có học mà chỉ làm công nhân, lại là cháu của một nhân vật chóp bu trong đảng.

Hình ảnh Hà Nội văn vật và thanh lịch, ăn nói nhỏ nhẹ, giao tiếp tinh tế, cảnh sắc xinh tươi từng gợi cảm Tuyết qua các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, những bài thơ những bản nhạc tiền chiến và phim ảnh của Pháp thuở đi học trường Marie-Curie nay chìm dần trong trí tưởng. Tất cả chỉ là một màu xám xịt, gương gao, buồn tẻ, cộc cằn với những khuôn mặt thường xuyên mệt mỏi, nín lặng, ngoại trừ những lúc phải sinh hoạt tập thể, thu hoạch nghị quyết, tổng kết thành tích. Bên dưới những câu khẩu hiệu rồn rảng, những bài ca líu lo vang khắp

các loa phóng thanh giăng mắc hang cùng ngõ hẻm, đời sống xã hội một chiều, đơn điệu, giả hình, đầy nghi hoặc và dễ thương tổn khiến người ta co cụm về cuộc sống gia đình và liên hệ thân tộc. Vì chỉ ở hai nơi đó người ta mới cảm thấy mình thật sự có trách nhiệm, sống tương đối thoải mái và chân thật, đáp ứng được chút thèm tình người và còn có chỗ cho mình được tin người và được người tin. Còn Tuyết, nàng chỉ có Trinh và Chương. Đào Văn Lật thì đang bận công tác chỉ đạo đầu đó tận trong Miền Nam. Chỉ có Trần Văn Kim hiện ở Hà Nội nhưng cậu ấy là nhân vật thượng đỉnh trong Bộ Chính trị. So với thế giới đầy an phận, lo toan và tình cảm của cuộc đời thường, các ủy viên Bộ Chính trị thuộc về một cõi khác. Gia đình họ hưởng chế độ phân cấp cao gấp bội người dân thường, được mua nhu yếu phẩm cao cấp tại những cửa hàng đặc biệt. Bản thân họ ăn ở cách ly theo một qui chế riêng biệt, do ban cấp dưỡng của Trung ương Đảng trực tiếp phụ trách. Có nhiều ủy viên năm thì mười họa mới ăn cơm chung với gia đình hoặc vợ con.

Dù sao Miền Bắc cũng là chỗ dung thân sau cùng cho mình trong tình thế này, Tuyết hằng tự nhủ như thế trong mong ngóng ngày trở về quê của mẹ chồng ở Long An nơi khí hậu ôn hòa, con người sống tích cực, hồn nhiên và bộc trực với những lời ca tiếng hát mới nghe thì cảm

thấy quê mùa ủy mị nhưng lại thấm đượm tình người ngọt ngào và thơm ngát mùi đạo lý dân già. Cầu cho ngày ấy Miền Nam thật sự độc lập, trung lập và hòa bình vì Tuyết vẫn rùng mình khi tưởng tượng một ngày kia, xã hội trong ấy đi vào loại vô trật tự đã thành nếp và hoại thư như xã hội thủ đô và Miền Bắc hiện nay.

Hai đứa con đi sát hai bên Tuyết. Trinh mười bốn tuổi, cao lóng không và lớn hẳn so với hôm nào rụt rè hớn lên má ông ngoại trên con đò Mậu Thân ở Huế. Chương mười một tuổi, nhanh nhẩu và động đậy không ngừng theo tính khí con trai tinh nghịch. Hai chị em hết chỗ miệng sang liền thoảng trêu ghẹo nhau lại đuổi nhau chạy lòng vòng quanh chân mẹ rồi níu lấy áo mẹ như chơi trò cút bắt. Chúng ré lên cười ròn rã khi có đứa làm rớt giỏ rau quả hay túi gạo đang cầm chặt trong tay. Thỉnh thoảng Tuyết cần nhàn con bằng giọng mõi mệt nhưng cả hai chỉ yên được một phút rồi tính hiếu động thiếu nhi lại nổi lên, thúc đẩy chúng bày thêm một trò mới.

Đột nhiên, có tiếng còi báo động phòng không hụ lên xé bầu không khí thủ đô làm hai chị em đang nhảy cẫng bỗng chùng lại. Lúc đó chỉ vừa hơn tám giờ tối. Chưa quá vài giây đồng hồ, đèn đường và tất cả những thứ gì có thể toả sáng trong các cơ sở công cộng đều tắt lịm. Thủ đô chìm vào bóng tối. Những người đang cỡi xe lập tức gò lưng đập tán loạn về hướng nhà mình.

Gọi tên hai con, Tuyết bảo chúng ép thật sát vào người của mẹ rồi cùng nhau chạy lẹ tới hầm trú ẩn chìm được lập ngay bên dưới toà nhà tập thể cao bốn tầng của nàng. Vừa chạy ba mẹ con vừa ngước mặt lên tìm kiếm nhưng trong bầu trời sáng vàng vạc ánh trăng rằm, chẳng một người dân Hà Nội nào nghe hoặc thấy gì. Đợt thứ nhất của đàn máy bay oanh tạc đông đảo nhất trong lịch sử không chiến của Hoa Kỳ tập kết về hướng Hà Nội đang ở độ cao trên mười một ngàn thước, nằm ngoài tầm tai nghe và vượt quá tầm mắt nhìn của những con người đang vật vã sống từng ngày dưới đất.

Toàn phi đội pháo đài bay tám động cơ B-52 trong đợt đầu này mang theo trên mỗi chiếc một khối lượng chất nổ cực lớn – bốn mươi hai quả bom, mỗi quả nặng khoảng 350 kilô, xếp liền nhau như trứng cá trong bụng máy bay dài bằng thép, và hai mươi bốn quả bom, mỗi quả nặng khoảng 225 kilô, sắp thành hai khối dưới đôi cánh rộng.

Đàn phi cơ đang lao tới các mục tiêu đã định tại Hà Nội và Hải Phòng. Bay theo đội hình ba chiếc một với vận tốc một ngàn cây số một giờ, chúng được hướng dẫn từ cứ điểm chỉ huy cách Hà Nội gần năm ngàn cây số ngang qua Thái Bình Dương tại đảo Guam hoặc cách gần một ngàn cây số ngang qua yết hầu của bán đảo Đông Dương tại Thái Lan. Mỗi chiếc được điều

khiến bởi một phi hành đoàn oanh tạc nhốt mình trong các buồng nhỏ không của sổ nơi khoáng sát bụng dưới.

Phi hành đoàn không bao giờ thấy, dù chỉ thấp thoáng, vùng đất họ oanh kích. Họ chỉ tính toán đường bay một cách mù loà bằng phi cụ và theo bản đồ. Tới thời điểm đã được tính trước, họ thả bom với sự hỗ trợ của màn hình ra đa và đồng hồ bấm giờ. Họ tự hào về việc trút các vũ khí hủy diệt của mình xuống mặt đất với sự chính xác từng li từng tí, như một bác sĩ giải phẫu. Theo như dự liệu ở mức độ tối đa, mỗi lượt trải bom của ba chiếc B-52 có khả năng hủy diệt mọi sự trong diện tích mục tiêu chính xác với chiều dọc hơn ba cây số và chiều ngang hơn một cây số rưỡi.

Do bởi năm ngày trước đó, các nhà thương thuyết Mỹ không muốn đòi co hơn thiệt với đại diện của đối phương trong ngôi biệt thự nghỉ mát nhỏ bé của nhà họa sĩ ở ngoại ô Paris nên tới đêm 18 tháng Mười hai này, lần đầu tiên các pháo đài bay B-52 được phái đến oanh tạc các cơ sở trọng yếu nằm ngay tại trung tâm thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng. Mục tiêu gồm các vùng tàu đậu, xưởng đóng tàu, đường sá, cầu cống, vị trí hoả tiễn, sân bay, kho tàng quân cụ, xí nghiệp quân sự, doanh trại. Trước đây máy bay Mỹ thỉnh thoảng có dội bom những mục tiêu ấy tại vùng ngoại ô nhưng đây là lần đầu

tiên có một trận không tập lớn lao nhắm thẳng vào các trọng điểm được đặt trong thành phố.

Vì không nghe ra cũng chẳng thấy nổi đàn máy bay oanh tạc nên Tuyết chết điếng theo tiếng nổ của đợt bom thứ nhất trong khi nàng đang dắt hai con chạy như bay tới hầm trú ẩn ngầm dưới đất. Thoạt đầu, bầu trời đêm rực sáng với ánh chớp chói lọi làm mờ mịt vầng trăng. Tiếp đó, mặt đất dưới chân ba mẹ con rung chuyển và các toà nhà hai bên đường phố rung động. Một tiếng gầm đĩnh tai buốt óc nhấn chìm mọi người xuống rồi lần lượt hết ánh chớp này tới ánh chớp khác loé lên cho tới khi mặt đất dường như liên tục sôi sùng sục trong hàng trăm tiếng nổ và chớp sáng choá mắt.

Ba mẹ con ngừng chạy, hải hùng rúc vào nhau. Lúc mới bắt đầu, cả ba thậm chí không dám tin bom đang rơi. Tình thế đêm nay không giống chút nào tám tháng trước đây, thời gian có những cuộc oanh kích từng chập bằng phóng pháo cơ xuống các khu vực ngoại ô nhằm trả đũa cuộc đại tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa của ba sư đoàn Bắc quân cùng với xe tăng tràn qua vùng phi quân sự đánh chiếm Đông Hà Quảng Trị. Giờ đây, trần gian dường như đang tận số. Trong ánh chớp chói lọi, quả đất dường như nảy lên và nổ tung chung quanh ba mẹ con.

Y hệt mọi người dân Hà Nội và Hải Phòng, ba mẹ con Tuyết cũng người khiếp đảm đến

tê lạnh. Chỉ tới khi các ụ phòng không quanh thủ đô bắt đầu khai hoả và nhìn thấy hoả tiễn địa không hình trụ dài, đậm màu phân ngựa do Liên Xô chế tạo, xé gió lao vút lên trời xuyên qua ánh chớp trắng xoá của những quả bom đang nổ, Tuyết và hai con mới biết ra rằng đang có những chiếc máy bay âm trầm ở một chốn mật mù trên đầu mình. Và cũng chỉ khi ấy ba mẹ con mới lấy lại được linh hồn để tiếp tục chạy một mạch tới hầm trú ẩn.

Đợt oanh tạc đầu kéo dài chừng hai mươi phút. Và khi hết khoảng thời gian hỗn mang đó, những tiếng nổ đang gấm hủ bỗng im bật. Mọi người nín lặng thêm năm ba phút nghe ngóng tình hình. Sau đó, từ những hầm trú ẩn vừa chen lẫn nhau kéo xuống, Tuyết cùng hai con và hàng ngàn người khác lầm lũi bước ra, chân quờ quạng đi xuống lòng đường trong khu vực Khâm Thiên âm u, đưa mắt ngo ngẩn và hãi hùng ngó lên trời.

Các tầng trời mây phủ bên trên thủ đô Hà Nội sáng rực, đỏ ánh như máu cùng khói đen từng vầng trôi bênh bồng qua khuôn trăng đầy đặn mới đầy rất trong thanh và mơ màng, lúc này bỗng đỏ quạch một màu máu: trăng huyết. Đêm ngất ngư với những tiếng nổ âm trầm khi xa xa các kho xăng dầu và các kho đạn được kế tiếp nhau nổ tung. Cứ mỗi tiếng nổ lại bắn tung lên trời hàng chục cột lửa đỏ rực. Khắp nơi và

mọi hướng, chỗ nào cũng thấy lửa. Lửa quáng mắt. Lửa nứt môi. Lửa bốc thật cao. Chỉ khoảnh khắc thôi Hà Nội hoá thành một vết cào xước nóng bỏng làm rát mặt địa cầu âm đạm.

Tối chín giờ, cơn choáng váng do đợt oanh tạc thứ nhất chưa kịp lắng, còi báo động lại hụ rền lên. Tuyết và hai con thêm lần nữa lao mình xuống hầm trú ẩn dưới đất. Chớp mắt sau, thủ đô lại rung động tận lòng đất khi cuộc không tập tàn khốc tái tục. Đợt oanh tạc thứ nhì kéo dài mười lăm phút và tiếp theo lại là một thời gian tạm lắng. Rồi kể đó, vào đúng mười giờ, mười một giờ và nửa đêm, tiếng còi hụ lại đều đặn rền vang. Ba đợt B-52 nữa lại nối tiếp nhau bay đến trên đầu người dân Hà Nội, tuôn như mưa hàng trăm tấn bom xuống các mục tiêu mới.

Suốt đêm ấy, cứ cách đúng một giờ lại có một đàn pháo đài bay khổng lồ càn quét bên trên thủ đô, trải xuống những tấm thảm hủy diệt được tính toán kỹ lưỡng như người ta làm toán cộng trừ nhân chia bằng máy tính. Và những đàn B-52 liên tục oanh tạc từng đêm, mỗi đầu giờ, không gián đoạn, không lơ lửng giảm, suốt mười một đêm kế tiếp, và chỉ tạm ngừng ngắn ngủi vào đêm Lễ Giáng Sinh. Ban ngày, trong lúc các phi hành đoàn B-52 nghỉ ngơi lấy lại sức, các oanh tạc cơ chiến thuật nhỏ hơn như Con ma Phantom F-4 và Thần sấm Thunderchief

cùng Cánh cụp F-111 và Cánh xòe F-105 chiến đấu phóng pháo cơ của Hải quân Hoa Kỳ từ các tàu sân bay đậu trong Vịnh Bắc Việt nối tiếp trận không tập như thể không để cho lực lượng phòng không của thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng có thì giờ rửa tay lau mặt. Theo đúng diễn tiến thời gian và một cách có hệ thống, các đoàn máy bay Mỹ tàn phá tan tành và san thành bình địa hết thảy các mục tiêu đã chọn.

Cũng trong thời gian ấy và một cách nghịch lý, trận không tập với mức độ kinh hoàng đến thế lại giúp cho tiếng nói của Đảng đồng đặc hơn, uy hùng hơn, khiến dân chúng hướng mắt về Đảng hơn và gây niềm khích lệ mới mẻ cho dân quân phòng thủ Hà Nội. Những bài tụng ca và hoan ca khỏe khoắn, véo von, phát ra từ các loa phóng thanh treo đầy đường và theo đường dây truyền thanh đơn giản vào thẳng trong mỗi gia đình, làm không khí như sôi lên từng giờ, đất trời choáng ngợp từng phút. Đâu đâu cũng nghe vang vang tiếng nhạc gọi tên vị lãnh tụ kính yêu và đã khuất bằng nhiều cung bậc khác nhau, và sang sảng giọng ca bày tỏ niềm tin tưởng và hi vọng vô vàn vào thủ đô Hà Nội mến yêu cùng con người Hà Nội anh dũng. Trong ánh chớp ngời ngời của bom đạn, người ta đứng thẳng lưng ém hơi thật sâu để hát lên thật cao, làm rạng rỡ mặt trời hồng của lãnh tụ và rực sáng ngôi sao mai thủ đô.

Suốt bảy năm chiến tranh vừa qua, trên khắp Đông Dương, Hoa Kỳ chỉ tổn thất một pháo đài bay B-52, nhưng trong trận 12 ngày không tập Hà Nội và Hải Phòng này, mười lăm chiếc pháo đài bay chiến lược khổng lồ ấy bị hoả tiễn SAM-2 bắn tan xác trên bầu trời khi chúng bay theo đội hình dày đặc. Chiếc pháo đài bay nào cũng mang theo bộ máy điện tử cực kỳ tinh vi, có thể làm tắc nghẽn hoặc gây nhiễu cho cơ phận ra-đa định hướng được gắn sẵn trong hoả tiễn Liên Xô. Nhưng người Bắc Việt đã làm cho bộ máy điện tử ấy mất tác dụng bằng cách tắt cơ phận định hướng, rồi cứ thế bắn bừa lên ngay giữa đội hình B-52 các hoả tiễn SAM có gắn thiết bị điều chỉnh cho nổ khi gần tới mục tiêu. Hơn sáu mươi nhân viên phi hành Mỹ phải nhảy dù khỏi những chiếc máy bay bị bắn hạ theo cách đó. Và họ chỉ có một nửa sống sót, nhập đoàn với các tù binh chiến tranh khác tại nhà lao Hoà Lò – nơi vẫn nguyên vẹn khi xảy ra trận không tập đánh xuống các tâm điểm tại Hà Nội.

Dù phi hành đoàn B-52 tự hào về khả năng trải bom cực kỳ chính xác xuống đúng mục tiêu, nhưng các xạ thủ của nó thừa hiểu rằng nếu họ bấm nút sớm vài giây hoặc trễ vài giây, bom có thể rơi ngoài khu vực mục tiêu tới vài trăm thước. Về sau, các chỉ huy trưởng của họ cho rằng đối với thành phố có tới một triệu dân

như Hà Nội mà con số người chết, theo chính người Việt Nam công bố, chỉ dưới hai ngàn người, thì trận không tập ấy là một trong những chiến dịch oanh tạc chính xác nhất. Không phải trong trận oanh tạc của Anh ở Dresden có tới sáu vạn người chết? Không phải trong trận oanh kích của Đức ở Luân Đôn có tới ba vạn người chết? Phải chăng những hình ảnh dẫn chứng ấy là bằng cứ cho thấy Hoa Kỳ nắm rất vững nghệ thuật oanh tạc đô thị và cho thấy có sự cân nhắc tới những thường dân đang sống ở đó? Nhưng bất chấp những so sánh ấy, tại Hà Nội đã có ít nhất một nhà thương bị bom đánh trúng, nhiều khu nhà cửa rộng lớn chỉ còn lại tro tàn. Và sáng nào cũng thấy có thêm nhiều tốp người Việt Nam tê dại, đi lang thang. Mất họ ngu ngơ nhìn đống gạch đá đổ nát trước đây từng là tổ ấm của vợ chồng con cái, và từ môi họ thoát lên tiếng khóc sục sùi cho những thân nhân tối qua còn sống.

Vào buổi sáng sau đợt oanh tạc cuối cùng, trong số những con người tro vơ ấy có vóc dáng lỏng lẻo của con bé Triệu Hồng Trinh. Nó đứng ở Khâm Thiên, bên ngoài nơi từng có lần là lối xuống hầm trú ẩn ngầm dưới đất, ngay dưới khu tập thể. Mắt đỏ đẫm và thân run lấy lấy, Trinh đợi người đau đớn. Nước mắt chảy từng vệt lem luốc rồi đóng thành một lớp cầu vồng và nhem nhúa khắp mặt. Toàn bộ khu cao

ốc tập thể chỉ còn đứng vững một bức vách. Ba bức kia sụm ngang mặt đất như bị nắm tay ai đâm trúng với một sức mạnh khủng khiếp. Tựa hình nhân cừ động bằng máy, đàn ông, đàn bà và trẻ con nhào người, im lặng bò lổm ngổm trên hàng đồng gạch đá đổ nát, cố thu nhặt từng mảnh đồ đạc vỡ nát. Những người khác chỉ biết đứng nhìn quanh với con mắt thảng thốt vô hồn. Còn Trinh đứng im lìm đưa mắt dò dẫm ngó toan cứu hộ, người dùng xẻng xúc xà bần, kẻ dùng tay dỡ từng mảng gạch đá để thông đường xuống hầm trú ẩn. Khi trời rạng sáng, người ta vẫn nghe có tiếng kêu cứu yếu ớt từ dưới đồng gạch đá nhưng từ một giờ qua, không còn vẳng lên tiếng rên la nào. Và Trinh đứng đó, khóc rấm rứt, một mình tội nghiệp ôm lấy thân mình suốt năm sáu tiếng đồng hồ ngóng trông chờ chực.

Lúc đó là ba giờ khuya trong đêm cuối cùng của trận không tập. Đã quen thuộc với khoảng cách gầm hú của các đợt oanh tạc đều đặn, và vào giờ đó đàn B-52 dường như vừa bay khỏi bầu trời thủ đô nên ba mẹ con ra khỏi hầm trú ẩn, lên đứng xem những làn chớp nháng xa xa trong cơn mưa bom đang trút xuống hướng Hải Phòng.

Chương hét lớn hả hê khi thấy có một hoá tiễn trúng mục tiêu, làm nổ tung thành một luồng lửa màu da cam giữa bầu trời đen thẫm

trên cao và hình ảnh của chiếc pháo đài bay khổng lồ tám máy của Mỹ bắt đầu xoáy vòng, rơi xuống, nghiêng nghiêng trong ánh sáng chói lọi. Đường như chiếc B-52 ấy rơi trong một thời gian rất lâu rồi mới chịu cắm đầu xuống đất cách đó mấy cây số. Cả ba mẹ con đứng mãi mê ngắm cho tới khi chiếc máy bay nổ tung làm mặt đất rung chuyển ầm ầm và một suối lửa khổng lồ phọt thẳng lên trời.

Khoảnh khắc sau, Tuyết và hai con kinh hãi thấy một đợt bom như “cái thang” mới kết, bắt đầu trải xuống cách chỗ ba mẹ con đứng chừng bảy tám trăm thước, ở mé bên kia, ngay khu vực xưởng quân khí Tuyết làm việc. Mọi người chung quanh bắt đầu rú lên, lao mình xuống trở lại các hầm trú ẩn ngầm. Trong cơn tán loạn, Trinh té xuống, bị người ta vượt qua mặt khiến đứt đoạn với mẹ và em. Rồi nó được một cán bộ đảng kéo dậy, hối hả đẩy vào một hầm trú ẩn khác ở gần đó.

Ngay lúc ấy, không người nào dưới mặt đất biết rằng ở một nơi thật cao mười hai ngàn thước bên trên đầu mình, có một tên lửa SAM-2 rượt theo một đội hình ba chiếc B-52 đang tới gần xưởng quân khí đã bị máy điện toán hoạch định là mục tiêu dứt điểm. Chiếc máy bay thứ nhất thả ba chục tấn bom trúng ngay mục tiêu rồi trở cánh. Nhưng quả SAM-2 phát nổ cách bên trên chiếc thứ hai chừng một trăm thước,

làm máy bay tránh tránh dữ dội trong khi xạ thủ vừa chạm tay vào nút thả bom. Tác động của hỏa tiễn nổ làm chiếc B-52 nảy lên dần xuống, lệch đường bay, và hất tung xạ thủ vào vách buồng. Tới khi y trụ được người lại, cây kim thứ hai của chiếc đồng hồ bấm giờ đã vượt năm giây quá thời điểm thả bom và bóng đèn nhỏ màu vàng báo hiệu “Cửa Bom Đã Mở” nhấp nháy như đèn trên bảng điện tử trước mặt. Dù vậy, y vẫn bấm nút thả bom và từng bóng đèn rồi từng bóng đèn trên bảng ra-đa tắt dần, báo hiệu loạt bom thứ nhất 350 ki-lô, rồi loạt thứ hai 500 cân đã trườn ra khỏi thân máy bay xám xịt. Bốn mươi giây sau, đèn hiệu “Bom Đã Thả” bật sáng trong khoang lái và phi công thở ra nhẹ nhõm, bắt đầu quành mũi máy bay quay về đảo Guam.

Ba mươi bốn tấn bom thay vì san bằng xưởng quân khí nhưng bởi chậm năm giây, đã đào một dãy hố ngang qua phía nam cuối khu ngoại ô Khâm Thiên. Một quả quất sụm ba mé tường khu nhà cao ốc tập thể trong đó có căn hộ của Tuyết cùng sống với hai con. Bom nổ khi chạm mặt đất, khoét một hố sâu ba thước xuyên tới tận hầm trú ẩn chìm dưới đất, nơi đang có hàng trăm con người ngồi bó gối run rẩy trong bóng tối.

Tới giữa trưa, Trinh nhìn chăm chú thi thể dập nát của Tuyết và Chương vừa được người ta kéo lên chung một lượt. Hai mẹ con đang

rúc vào nhau khi quả bom xoáy trúng hầm trú ẩn. Cả mẹ lẫn con cùng tử nạn trong khi ôm lấy người nhau. Gào từng chập, Trinh điên cuồng lao vào thi hài mẹ. Phải mất gần mười phút vừa năn nỉ vừa dỗ dành, nhân viên cứu hộ mới nhắc bổng được con bé lên, đưa nó đi khỏi hiện trường.

- 4 -

Một bầu không khí trang nghiêm và yên lặng bao phủ đại khách sảnh được trang hoàng lộng lẫy của Khách sạn Majestic cổ kính, tọa lạc bên Đại lộ Kléber. Suốt mấy phút, âm thanh duy nhất trong sảnh đường là tiếng xào xạc của những trang giấy làm bằng chất liệu hảo hạng và tiếng rạt rào của từng đợt mưa mùa đông tạt lên cửa kính. Các phụ tá nghi lễ người Mỹ lẫn người Bắc Việt đều đứng yên lặng, trang trọng và kính cẩn bên cạnh Kissinger hoặc Lê Đức Thọ trong khi cả hai ngồi đối mặt nhau qua chiếc bàn hội nghị làm bằng gỗ gụ phủ nhung xốp. Họ lật từng tờ bản hiệp định ngừng bắn dày khoảng sáu chục trang để người đứng đầu phái đoàn có thể nguệch ngoạc ký tắt vào các nghị định thư đã được họ mặc cả với nhau một cách gay go suốt hơn bốn năm vừa qua. Lúc ấy là một giờ thiếu mười lăm phút chiều Thứ Ba ngày 23 tháng Giêng năm 1973. Tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế thuộc Bộ Ngoại giao Pháp được trang

hoàng bằng những chiếc gương thiếp vàng, của sổ rèm kết tua và sàn trải thảm nhung cổ, trong khung cảnh ngoại giao trịnh trọng, cuộc chiến tranh mười năm mà Hoa Kỳ từng chiến đấu trong cái nóng bức và sinh lầy của rừng núi và nông thôn Việt Nam đang tới hồi kết liễu một cách trầm lặng.

Một nhóm nhỏ các ký giả, nhiếp ảnh viên và chuyên viên thu hình thời sự vô tuyến truyền hình được mời vào đại sảnh để quan sát nghi lễ ký kết. Máy ảnh lập tức chớp nháy lia lia và máy quay phim bắt đầu chạy lè xè đúng khoảnh khắc một viên chức bệ vệ người Pháp phụ trách nghi lễ đang đi quanh quần bên trong cánh cửa, thỉnh linh phát tay ra hiệu cho họ có thể quay phim và chụp hình quang cảnh.

Ngồi bên cạnh Lê Đức Thọ và đang chăm chú quan sát nghi lễ ký bản hiệp định, Trần Văn Kim bỗng nhướng mắt xem xét tỉ mỉ từng khuôn mặt ký giả cho tới khi bắt gặp đôi mắt của Joseph. Hai người ngó nhau trong vài giây rồi người Việt Nam khẽ gật đầu chiếu lệ, tỏ cho biết mình có nhận ra, sau đó lại chăm chú nhìn xuống các trang nghị định thư được đánh máy sẵn.

Sau cùng, khi hai nhà thương thuyết chính đặt bút qua một bên, các phụ tá đóng tập hồ sơ lại rồi đi vòng sau bàn, bước cẩn trọng từng bước để trao đổi văn bản. Qua người thông dịch, Tiến sĩ Kissinger và Lê Đức Thọ phát biểu sang

sảng và ngắn gọn, đề cập tới khát vọng hoà bình của cả đôi bên và tính lịch sử của khoảnh khắc này. Kế đó, cuộc tụ họp giải tán để cả hai có thể bước ra đường cho các nhà báo đang đợi có cơ hội chụp hình và quay phim họ. Vía hè lênh láng nước mưa. Bầu trời phía trên đầu họ xám xịt và nặng như chì. Các nhiếp ảnh viên phải dùng đèn chớp để chụp hình phút giây người Mỹ ấy và người Việt ấy đứng trên lề đường, tay siết chặt tay nhau, miệng cười vào miệng nhau thật rộng và thật tươi, như thể cả hai cùng là bạn tri kỷ lâu năm.

Nơi hành lang dẫn thẳng ra đại lộ, các phái đoàn và các phóng viên đứng lẫn lộn nhau khi lấy mũ đội và mặc áo mưa. Trong lúc chen lấn, Joseph cảm thấy có ai đó kéo tay áo mình. Anh quay lại thấy Trần Văn Kim đã đứng kế bên.

Người Việt Nam nói, giọng thấp:

- Monsieur Sherman, có lẽ chúng ta nên gặp nhau một chút trước khi anh rời Paris.

Joseph nhún vai:

- Không phải đã khá trễ cho những tiết lộ nóng hổi về mưu đồ bí mật của các nhà thương thuyết Mỹ sao?

- Lần này tôi có tin tức cho chính anh, hoàn toàn có tính cách cá nhân.

Kim nói như thế với giọng tự chế lạ thường. Thái độ của Joseph lập tức dịu hẳn:

- Tại sao chúng ta không gặp nhau uống chút

rượu nơi tầng trệt khách sạn của tôi tối nay? Tôi ở tại Intercontinental.

Người Việt Nam lắc đầu:

- Tôi nghĩ tốt hơn chúng ta nên gặp nhau ở một chỗ riêng. Tôi sẽ đến tận phòng anh đúng sáu giờ chiều nay.

Nói xong, không để người Mỹ có cơ hội trả lời, Kim quay lưng và đi thẳng, lệ làng biến mất trong đám đông.

Trưa đó, Joseph dùng bữa với một thành viên trong ban tham mưu của Kissinger. Người khách ấy kín đáo và bí mật giải thích hơn một chục điều khoản mới mẻ vừa được đưa vào các nghị định thư chung cuộc. Tới khoảng giữa buổi chiều, Joseph trở về khách sạn. Anh ngồi xuống, cho trang giấy trắng vào máy đánh chữ, bắt đầu viết bài cho tờ The Times.

Suốt một tiếng đồng hồ, Joseph vật lộn với công việc để cố trình bày văn bản hiệp định chung cuộc này khác biệt ra sao so với những điều kiện đã được người ta tường thuật là đôi bên từng thoả thuận trước khi diễn ra trận không tập Hà Nội và Hải Phòng trong thời gian lễ Giáng Sinh. Joseph suy nghĩ về những gì người phụ tá của Kissinger kể với anh lúc ăn trưa. Rằng có những thay đổi trong định nghĩa Khu Phi quân sự; quyền của Hoa Kỳ được tiếp tục hỗ trợ quân sự cho Sài Gòn đã được định rõ; một số cụm từ mang tính xúc phạm bị gạch

bỏ; và các điều khoản thuận lợi đã được củng cố thêm, v.v. Nhưng đối với anh, toàn bộ những cái đó dường như chỉ là chuyện tranh cãi đôi chút về ý nghĩa của từ ngữ chứ không đi vào thực chất và mức độ khả thi của Bản hiệp định.

Joseph có nghe nói rằng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bị ép buộc để rút cuộc phải chấp nhận bản Hiệp định Paris, trái với ý nguyện của ông. Và chính phủ Hoa Kỳ dọa dẫm rằng nếu Thiệu không đồng ý ký kết, trong tương lai họ sẽ cắt hẳn mọi viện trợ và sẽ phó mặc số phận của ông cho Hà Nội. Nhưng trong hết thảy những điều người ta nói cho Joseph biết đó, dường như không có điều nào giải thích tại sao trận không tập dữ dội và mãnh liệt vào thời gian lễ Giáng Sinh vừa qua là cần thiết.

Bản thân Joseph đã trải qua những ngày nghỉ lễ Giáng Sinh ấy với tâm trạng bứt rứt tại ngôi nhà ở một vùng quê nước Anh sâu trong miệt Tây Sussex Downs nơi anh chung sống với Naomi kể từ ngày thành hôn vào năm 1968. Ở đó, anh chăm chú theo dõi hàng giờ các tường thuật qua đài phát thanh về cuộc tàn phá trên một qui mô rộng lớn do pháo đài bay B-52 gây ra tại Miền Bắc Việt Nam. Các phương tiện hải cảng, đường sắt, cầu cống, đường lộ, kho tàng và xí nghiệp quân sự đều bị phá hủy hoàn toàn và khả năng tiến hành chiến tranh của Hà Nội bị sút giảm nghiêm trọng. Nhưng rồi bên cạnh

những tin tức ấy xuất hiện những chỉ trích kịch liệt từ khắp nơi trên thế giới về trận không tập ở ạt đó. Trong thời gian lễ Giáng Sinh ấy, có khoảng chín mươi ngàn tấn chất nổ được thả xuống Đông Dương, nhiều hơn số lượng Đức Quốc xã đã thả xuống nước Anh suốt thời Thế Chiến Hai. Nhiều tạp chí và nhiều chính trị gia trong thế giới phương tây lên án cuộc dội bom ấy là man rợ.

Cuối cùng, trận không tập chấm dứt vào ngày 30 tháng Mười hai và Nhà Trắng bảo đảm với Hà Nội rằng chừng nào còn diễn ra “những cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh” chừng đó họ sẽ không oanh tạc trở lại. Ngày 5 tháng Giêng, Henry Kissinger quay lại Paris và thấy rằng trận không tập đã khiến Lê Đức Thọ không còn gây trở ngại cho ông ta như suốt từ đầu chí cuối vòng đàm phán đầu tháng Mười hai năm ngoái. Và như thế, trong vòng chưa đầy một tuần lễ, các chi tiết chung cuộc của việc ngừng bắn được hoạch định.

Từ những ngày đầu năm 1973, Joseph đã biết được rằng tại Hoa Kỳ, cuộc chiến tranh Việt Nam được hầu như nhất trí thừa nhận rằng đó là một sai lầm bi thảm cho nước Mỹ. Khoảng năm mươi tám ngàn sinh mạng Mỹ bị tiêu vong, hai trăm ngàn người bị thương, cùng với 146 tỉ Mỹ kim bị phung phí trong một cuộc xung đột đã khiến cho dân chúng Mỹ bị chia rẽ sâu xa

hơn bất cứ vấn đề nào, kể từ cuộc Nội Chiến 1861-1865. Nhưng trong khi ngồi trong phòng khách sạn vào buổi chiều mùa đông tuyết phủ này, Joseph thấy mình dù sao đi nữa cũng đang vật vã với chính mình để làm sao trong tức thời, đưa ra được một viễn ảnh xác thực hầu đăng tải trong số báo phát hành ngày mai.

Hết giờ này sang giờ nọ, Joseph loay hoay với ý nghĩ của chính mình nhưng không đạt được kết quả nào. Tới sáu giờ, trong lúc anh vẫn ngồi bất động trước trang giấy trắng, Trần Văn Kim gõ mạnh lên cửa phòng. Khi đặt chân vào phòng, người Việt Nam không bày tỏ dấu hiệu chào hỏi nào cũng không nói một lời, chỉ đưa về phía Joseph một phong bì lớn màu nâu.

- Cái gì đây?

Joseph vừa hỏi vừa e dè cầm phong bì. Kim trả lời, không nhìn Joseph:

- Ảnh

- Ảnh ai?

- Con gái anh, Tuyết.

Hai người cùng im lặng trong một lúc. Rồi Joseph nhú mào bối rối, bắt đầu mở phong bì. Kim bình thản nói thêm:

- Tôi e rằng nó đã chết. Nó bị giết trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh.

Joseph ngừng mở phong bì, đứng chết lặng giữa phòng. Sau một lúc, anh thả phong bì chưa mở hẳn xuống mặt bàn, bên cạnh máy đánh

chữ, rồi ngồi xuống, lưng đưa về phía người Việt Nam. Một hồi lâu, anh đưa tay lên bóp bóp trán như để xoa dịu cơn đau. Suốt thời gian đó, Kim vẫn đứng bên cửa sổ, trầm lặng chờ. Áo măng tô của Kim vẫn không mở nút và bộ mặt tròn trịa ấy trống rỗng, không để lộ chút cảm giác nào.

- Tuyết chết như thế nào?

- Bom đánh trúng ngay hầm trú ẩn ngầm bên dưới toà nhà tập thể của nó. Người ta tìm thấy nó bị vùi dưới gạch đá, cùng với cả trăm người khác.

- Có phải tất cả đều bị giết chết?

- May mắn là trước đó, phần lớn công nhân ở Khâm Thiên đã được sơ tán khỏi thành phố. Nhưng hầu như toàn bộ khu vực ngoại ô đó bị nghiền nát bởi đợt đánh bom tàn bạo vào đêm cuối cùng – không một ngôi nhà nào còn đứng vững.

Joseph nói đỡ dẫn:

- Tôi có ý hỏi Tuyết và gia đình nó. Có phải tất cả đều bị giết chết?

- Chương, thằng con trai, cùng chết với mẹ. Trinh, đứa con gái, tình cờ núp trong một hầm trú ẩn khác. Nó còn sống.

Đưa hai tay lên ôm đầu, Joseph ngồi ngó chăm chăm phía trước mặt. Kế đó, mắt anh nhìn tới phong bì. Anh mở hân phong bì. Bên trong có khoảng năm sáu bức ảnh. Anh lấy ra và trải chúng lên mặt bàn.

Đây một bức ảnh của Tuyết do chính tay Joseph chụp bên ngoài trường Marie-Curie ở Sài Gòn. Lúc đó, Tuyết mười sáu tuổi, mặc áo dài màu nhạt và yếu điệu, thậm chí còn có vẻ hơi ỉu rũ nhưng khuôn mặt thanh xuân ấy đã toát lên vẻ đẹp tuyệt vời. Một bức ảnh khác, rõ ràng được chụp trong ngày cưới của Tuyết, cho thấy Tuyết đang tươi cười khoác tay một thanh niên người Việt đẹp trai, hai mắt bùng bùng và thân xác hình như cần cái trong bộ vét-tông nhiều vệt nhăn. Bức ảnh thứ ba cho thấy Tuyết chụp chung với Lan. Cả hai cùng mang áo dài thướt tha và trang nhã. Người nào cũng mảnh mai, thanh tú và duyên dáng, rõ ra là hai mẹ con. Nhưng cả hai lại không đứng sát vào nhau, người này không chạm tới và không nhìn người kia. Cũng có mấy bức ảnh của Tuyết và hai con. Bức cuối cùng cho thấy Trinh và cậu em Chương. Hai chị em cao hơn lúc ở Huế và rõ ràng chỉ được chụp vào một thời điểm nào đó trong khoảng bốn năm vừa qua.

Lẫn trong các bức hình có mấy dòng chữ viết nguệch ngoạc bằng tiếng Pháp trên một mảnh giấy làm bằng vỏ cây dó, ở dưới ký tên Trinh. Joseph cảm thấy nghèn nghẹn trong cổ khi đọc nó:

“Cháu biết là mẹ của cháu muốn ông ngoại có mấy bức ảnh này. Mẹ của cháu ít khi nhắc tới ông nhưng kể từ sau khi ở Huế, cháu đã làm cho

mẹ kể hết mọi chuyện về ông. Cháu nghĩ là mẹ không muốn nói quá nhiều về chuyện đó vì hễ cứ mỗi lần nói tới là mẹ khóc. Có một lần mẹ nói với cháu rằng ông chưa hề được xem hầu hết những bức ảnh này. Và cháu nghĩ ông cậu Kim của cháu sẽ có cách đưa chúng tới tận tay ông. Cháu hy vọng ông không lấy làm buồn vì cháu giữ riêng cho cháu bức ảnh chụp ông và mẹ bên ngoài trường học của mẹ ở Sài Gòn. Cháu chào từ biệt ông ngoại – Trinh.”

Buông mảnh giấy xuống bàn, Joseph đưa hai tay lên ôm mặt. Anh ngồi như thế một hồi lâu, không để ý tới Kim.

- Nó cứ nặng nề đòi tôi phải chuyển mấy cái đó cho anh, nếu không, nó không chịu tới lui với tôi nữa.

Joseph ngạc nhiên về giọng của Kim trong khi nói lời ấy. Thêm lần nữa anh nhận ra cái giọng cố tự chế, gần như giải bày tâm sự đã được người Việt Nam này sử dụng trước đây, hồi trưa nay bên Đại lộ Kléber. Vẫn ngồi trên ghế, anh xoay người lại:

- Trinh rồi sẽ ra sao?

- Đã có đảng quan tâm lo lắng cho hạnh phúc của nó!

Câu trả lời lạ lùng ấy nghe có vẻ rên và rỗng. Rồi như thể chợt bối rối vì lời mình vừa nói, Kim tần ngần bước tới phía Joseph một bước:

- Dĩ nhiên, tôi cũng hết lòng quan tâm lo lắng

cho nó. Anh nhớ cho rằng Tuyết không chỉ là con gái của anh – nó cũng là con của em gái tôi.

Joseph hỏi với giọng kinh ngạc:

- Vậy anh có gần gũi với Tuyết sao?

- Sau khi ra Hà Nội, nó rất ý thức về vấn đề mang hai giòng máu của mình và tôi nghĩ có lẽ cái đó khiến nó giữ khoảng cách với tôi. Nhưng tôi đã giúp được nó bằng những cách thức nhỏ nhặt mà nó không biết. Như anh có thể nhận ra trong mảnh giấy đó, Trinh thì ít cố chấp hơn. Nó xem tôi đúng là ông cậu ngoại của nó.

Joseph gật đầu buồn bã:

- Nếu Lan chịu giữ lời hứa kết hôn với tôi thì anh Kim ạ, chúng ta đã là anh em một nhà.

Người Việt Nam nhượng lòng mày kinh ngạc:

- Tuyết có lần kể cho tôi nghe rằng anh từng yêu cầu em gái của tôi kết hôn với anh – nhưng nó không đề cập gì tới ý muốn của mẹ nó.

Joseph cúi mặt trả lời:

- Mới đầu, khi tôi ngộ ý cầu hôn với Lan thì cô ấy chấp nhận nhưng rồi cuối cùng lòng hiếu thảo của cô ấy đối với thân phụ của anh quá lớn. Chuyện ấy xảy ra đúng vào tuần lễ anh cãi vả với ông cụ và sau khi anh bỏ nhà ra đi, cô ấy đổi ý. Cô ấy nói lúc đó cha anh cần tới lòng hiếu thảo của cô ấy hơn bao giờ hết.

Kim nhìn xuống, không nói gì. Một trạng thái im lặng đầy bút rút kéo dài giữa hai người. Sau cùng, Joseph hỏi với giọng trầm hẳn:

- Tôi có cảm giác anh chẳng có gia đình riêng nào, phải không?

- Phải, tôi không bao giờ lập gia đình. Tôi quyết định sống như vị Chủ tịch quá cố của chúng tôi là hiến trọn đời mình cho cách mạng.

Kim trả lời một cách gần như búng bình nhưng Joseph nhận ra trong thái độ ấy có dấu vết bối rối. Anh hỏi nhỏ:

- Có phải đó là lý do duy nhất?

Mắt Kim lại nhìn xuống. Anh đáp chậm chậm:

- Có lẽ cuộc cãi vã với cha tôi có dính líu đôi chút tới quyết định đó của tôi. Có lẽ sự việc đó khiến tôi đâm ra hoài nghi những truyền thống gò bó của các gia đình Việt Nam chúng tôi. Cuối cùng, có lẽ đó không phải là một quyết định sáng suốt nhất trong đời tôi.

Joseph cũng có thể thấy đối với Kim việc nhìn nhận sự sai lầm của mình không phải là điều dễ dàng. Và anh chợt cảm thấy lòng nhói nhói thương cảm người đàn ông có vẻ mặt trẻ trung và cứng cỏi đang đứng trước mặt:

- Anh Kim ạ, có phải thật là mỉa mai khi chúng ta lại thấy mình đang trò chuyện với nhau tại Paris vào một ngày như thế này. Từ lúc chúng ta gặp nhau lần đầu tính tới nay đã bốn mươi bảy năm và cả hai chúng ta đều đau khổ cực độ vì các cuộc chiến tranh trên xứ sở anh. Cha của anh, em gái anh, cháu gái gọi anh bằng cậu đều

tử nạn, và từ lâu bản thân anh lênh đênh, không gần gũi gia đình. Còn tôi mất đứa con trai lớn, em trai và con gái của mình – mà những mất mát đó là để cho cái gì vậy?

- Cho độc lập và tự do – nhân dân Việt Nam lúc nào cũng quyết tâm tranh đấu để giành độc lập và tự do.

Lời nói ấy của Kim thốt lên nghe có vẻ gương gào. Anh vừa nói vừa mở nút áo măng tô và một mồi buông mình xuống lòng ghế:

- Tại xứ sở chúng tôi, từ khi người Pháp đánh thành Gia Định cách đây gần 120 năm, cuộc xung đột giữa một bên gồm những quan lại nam triều và những kẻ hợp tác với Pháp, một bên gồm những người yêu nước chân chính, là điều không thể tránh. Ngay cả những sĩ phu cựu học, những trí thức tân học cũng chia hai chia ba theo những chủ nghĩa khác nhau. Cộng Sản cũng có đệ tam chống nhau với đệ tứ. Quốc gia cũng có kẻ theo Tàu người theo Nhật. Mấy chục năm chiến tranh, khi thỏa hiệp khi đối đầu khiến tại các địa phương chính quyền lúc nằm trong tay phe bên này lúc thuộc về phe bên kia, nên dòng họ này ngược đãi dòng họ nọ, đảng phái này săn bắt đảng phái kia. Hận thù của tập thể và của cá nhân cứ quện chặt vào nhau. Tại Việt Nam, không cách gì và không ai có thể ngăn cản nổi việc anh em chúng tôi đánh nhau, trừ ra chính chúng tôi tự giải quyết. Lý

ra người Mỹ phải có đủ lương tri để không can thiệp vào việc đó. Và nếu Hoa Kỳ giữ được thái độ như thế, hẳn anh đã không phải chịu chung với chúng tôi tấn thảm kịch này.

Joseph ngồi đăm chiêu nhìn tờ giấy trắng gần sẵn trên trục máy đánh chữ rồi như thể có một ý nghĩ đang đánh động mình, anh quay qua người Việt Nam:

- Anh Kim ạ, đây không phải lúc chúng ta tranh luận nhưng anh cho phép tôi nói thật. Nếu anh nói hận thù của người Việt là chuyện trong nhà thì ngay từ đầu, lý ra Miền Bắc các anh nên tìm cách giải quyết ôn hòa chuyện trong nhà với Miền Nam. Chuyện đã lỡ và có lẽ anh không bao giờ hiểu rằng thật ra chúng tôi tới Việt Nam vì những động lực cao quý. Chúng tôi sợ nếu mình không hành động thì Cộng Sản sẽ bành trướng khắp thế giới và làm thế giới biến đổi quá nhiều tới độ không còn nhận ra nó nữa. Vấn đề rắc rối là chúng tôi tiếp tục chiến đấu trong một thời gian dài rồi sự thể mới rõ ràng rằng chúng tôi lầm lẫn trong chuyện đó. Thật ra chúng tôi không bao giờ hiểu bối cảnh phức tạp của cuộc chiến tranh của quý vị. Rồi với tâm trạng nản lòng, chúng tôi sử dụng tới khủng bố và những phương pháp hủy diệt tập thể mà tự bản chất chúng phản lại tất cả những nguyên tắc chúng tôi quý trọng nhất. Cuối cùng, chúng tôi chỉ còn cố sức chiến thắng chỉ để làm thoả mãn tính kiêu căng tự phụ

của quốc gia mình. Đó là lý do tại sao cuộc chiến tranh này xâu xé hoàn toàn xứ sở của chúng tôi và khiến cho người dân Hoa Kỳ chán ngấy cuộc chiến tới độ kiệt sức.

Người Việt Nam im lặng một lúc rồi gật đầu:

- Trên thực tế, cung cách giải quyết vấn đề luôn luôn gắn chặt với con đường đã được một tổ chức hoặc tập thể lựa chọn để hình thành bản thân nó. Lỗi lầm tệ hại nhất bao giờ cũng gây ra tổn thất cho chính những kẻ sai phạm. Xứ sở nào cũng không tránh khỏi phải trả giá cho lỗi lầm của nó.

Trong một chốc, Joseph im lặng cân nhắc lời vừa nói của Kim và câu đối đáp của mình:

- Anh Kim ạ, bộ anh chẳng bao giờ hối tiếc việc anh làm hồi năm 1936? Bộ anh không bao giờ ân hận việc anh quay lưng lại với cha mình và gây phân ly cho gia đình mình?

Người Việt Nam trả lời với giọng ngập ngừng:

- Tôi thường phiền muộn vì chuyện đó. Tôi biết mình đã làm cho mẹ tôi và Lan đau khổ rất nhiều. Tôi đã trả giá đắt cho những niềm tin chính trị của tôi - nhưng lúc nào tôi cũng biết rõ rằng đã có rất nhiều cái bấp bênh hơn những liên hệ của mình với gia đình.

- Bộ sự tàn phá kinh khiếp trên quê hương anh chẳng bao giờ làm anh suy xét lại? Bộ anh chưa lần nào tự hỏi rằng mình đã chọn lựa đúng hay sai?

Kim im lặng một chốc rồi chậm chậm lắc đầu:

- Lúc này tôi nhận ra rằng có lẽ không thể nào làm cho cha tôi nhìn mọi sự theo cách của tôi. Thuở đó, cha tôi không thể nào lãnh hội được rằng lịch sử sắp sửa làm biến đổi thế giới. Ông suy nghĩ và kỳ vọng rằng đất đai mà người Pháp đã ban cho ông một cách bất công sẽ tồn tại mãi mãi trong tay của dòng họ chúng tôi. Sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam phát sinh từ ngọn triều nhất thời của lịch sử và làm kéo dài cái hy vọng hảo huyền đó, thế nhưng Bản Hiệp định hôm nay đang khiến cho lịch sử chuyển động trở lại. Chẳng bao lâu nữa, đất đai ruộng vườn của anh Tâm sẽ bị tước mất, và sau cùng, cũng giống như cha tôi, anh ấy sẽ nhận ra rằng mình đã chọn lầm phía.

Kim ngừng nói và thở ra thật điềm tĩnh:

- Hôm gặp nhau lần cuối, cha tôi nói với tôi rằng chủ nghĩa Marx sẽ hủy diệt gia đình tôi và quê hương chúng tôi – nhưng riêng về quê hương thì ông ấy lầm. Những gì đang xảy ra hôm nay tại Paris khiến tôi càng tin tưởng mãnh liệt hơn bao giờ hết rằng hồi năm 1936, tôi đã chọn lựa đúng. Sự hi sinh của tôi đã và đang có giá trị.

- Nhưng anh Kim ạ, anh đang là người cô đơn. Tôi có thể thấy ra điều đó.

Với nụ cười bối rối Kim ngẩng lên nhìn Joseph thật lẹ:

- Đúng, tôi không phủ nhận điều đó – đó là lý

do tôi rất sung sướng làm những gì mình có thể làm cho cháu Trinh. Nhìn Trinh đôi khi tôi như thể thấy lại Lan lúc còn con gái – lúc Lan, anh Tâm và tôi, cả ba anh em sống hạnh phúc bên nhau. Ký ức đó ngọt ngào, đồng thời lại nhức nhối – nhưng đối với người ngày một lớn tuổi mà nếu không có cái gì khác nữa thì ký ức của hẳn sẽ càng ngày càng quan trọng thêm lên.

Joseph đứng lên, bước tới bên cửa sổ nhìn ra bóng tối mùa đông lạnh giá bên ngoài. Con mưa đã chuyển thành trận tuyết đổ. Những bông tuyết trắng thắm lặng xoay tròn rồi rơi xuống đất giữa vũng ánh sáng toả ra từ các ngọn đèn trong công viên Tuileries. Cảnh tượng mờ ảo ấy bỗng dưng làm Joseph cảm thấy lòng thấm thía hơn những cảm xúc của chính mình. Anh nói với giọng chán nản, mặt không quay lui:

- Tại xứ sở của tôi, quân đội rất hãnh diện về trận không tập hồi lễ Giáng Sinh ấy. Nguyên có khiến cho họ ăn mừng là sự kiện chỉ làm chết một ngàn sáu trăm người nhưng lại hủy diệt được hết thảy các mục tiêu chiến lược trong hai thành phố lớn. Nhưng cái chết của chỉ một người thôi thậm chí cũng đã là quá nhiều – nếu người đó là con gái của mình.

Joseph tiếp tục nhìn trống rỗng vào tuyết đang rơi:

- Trận không tập ấy là một hình thức tra tấn của chúng tôi. Như quý vị từng moi cho

ra những lời tự kiểm có tính tuyên truyền nơi các phi công của chúng tôi dù ai nấy đều biết rõ những lời ấy chẳng có chút ý nghĩa nào, thì cũng thế, do bởi vào tháng Mười hai năm ngoái Lê Đức Thọ không chịu nói những gì chúng tôi muốn ông ta nói nên chúng tôi phóng ra một trận không tập lớn nhất trong lịch sử. Chúng tôi quấn và siết thật chặt “dây thông lọng” của mình cho tới khi Lê Đức Thọ lật đặt quay lại Đại lộ Kléber để “báo cáo” và ký hiệp định. Cả hai phía chúng ta đều biết rõ rằng quý vị ký hiệp định Paris là để chặn lại cơn đau vì bị đánh bom – và chúng tôi biết rằng một khi sức lực đã phục hồi thì trước sau như một, quý vị sẽ tiến chiếm Miền Nam như quý vị đã dự tính.

Kim đứng lên, mặt không cảm giác, cài nút áo măng tô:

- Monsieur Sherman, anh có lý. Chúng tôi sẽ không nghỉ ngơi cho tới khi đạt được mục tiêu của mình. Kinh nghiệm bị chèn ép trong hội nghị Genève 1954 đã làm chúng tôi khôn ngoan hơn trong Hội nghị Paris. Sẽ có ngày đất nước chúng tôi tái thống nhất – chúng tôi không bỏ ra trọn cả cuộc đời mình, đi suốt hai cuộc chiến tranh để chỉ đạt tới một thứ thỏa hiệp như thế. Nói thật, bản Hiệp định Paris hôm nay đối với chúng tôi chỉ là một phương tiện để tiếp tục công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Anh thừa biết mọi bên ký kết đều chỉ

coi bản hiệp định ấy là phương tiện để đạt tới một cái gì đó không tiện nói ra. Nguyễn Văn Thiệu chịu đặt bút ký chẳng qua là vì xem đó như một phương tiện để bảo đảm cho cá nhân y được Nixon giúp đỡ. Các ràng buộc có tính rắn đẽ mà Kissinger kiên quyết đòi ghi vào cho bằng được chỉ là phương tiện để Mỹ có lý do can thiệp thường trực vào Đông Nam Á trong khuôn khổ chủ thuyết Nixon. Và xin anh nhớ cho rằng đây là lần độc nhất tôi san sẻ với anh các ý kiến đó, một cách riêng tư và kín đáo giữa hai người quen biết nhau lâu năm, không như một nhân vật của Hà Nội trình bày với một ký giả của tờ The Times.

Từ bên cửa sổ, Joseph quay mình lại, bước tới phía Kim. Anh chìa tay. Người Việt Nam sùng sốt nhìn xuống bàn tay ấy và trên mặt lộ vẻ giật mình. Joseph nói:

- Anh Kim ạ, chúng ta không thể giả bộ rằng mình lúc nào cũng là bạn của nhau, nhưng chúng ta quen nhau đã gần nửa thế kỷ - và hôm nay nên là một ngày của hòa giải. Cảm ơn anh đã mang tới những bức ảnh đó. Và cảm ơn anh đã kể cho tôi nghe về Tuyết - biết được thì vẫn tốt hơn là không biết.

Cả hai bắt tay nhau thật lẹ rồi người Việt Nam xoay mình hướng về phía cửa. Joseph bước tới đi trước Kim. Trước khi mở cửa, anh tần ngần, mắt ánh lên vẻ kỳ quặc:

- Anh Kim này, nói cho tôi nghe thêm một điều nữa, anh có tới gặp anh Tâm khi hai anh em cùng ở Paris không?

Trong mắt Kim xuất hiện ánh phòng thủ. Anh lúng túng loay hoay với chiếc găng tay:

- Tôi chỉ ghé thăm anh ấy một chút thôi tại địa chỉ đã được anh cho biết – và thật đau lòng cho cả hai chúng tôi vì phải thêm lần nữa chia tay nhau quá sớm.

Trong một hai giây Kim ngó xuống mũi giày mình rồi khắc khoải ngược lên nhìn Joseph:

- Chỉ có anh là người độc nhất biết chuyện đó. Xin anh đừng đề cập tới nó với bất cứ ai.

Joseph mở cửa và đứng qua một bên:

- Tôi sẽ giữ đúng lời anh dặn. Nhưng trước khi anh đi, tôi còn một điều nữa phải cảm ơn anh.

- Đó là điều gì?

- Trước khi anh tới đây, tôi không biết viết gì về biến cố hôm nay. Lúc này tôi đã biết. Tôi sẽ viết về tin tức anh vừa nói – và về sự buồn bã mà nó gây ra trong tôi.

Mắt người Việt Nam mở lớn, kinh ngạc:

- Anh sẽ kể về cái chết của con gái anh?

Joseph gật đầu không chút lưỡng lự.

- Đó sẽ là một bài báo đáng cho người ta quan tâm. Chào anh.

Người Việt Nam nói lời đó thật chậm và thêm lần nữa túm lấy bàn tay của Joseph rồi vội vã bước ra khỏi phòng.

Joseph ngồi xuống sau máy đánh chữ, bắt đầu gõ liên tục suốt một giờ sau đó. Anh mô tả chi tiết việc gia đình anh can dự lâu dài tới Việt Nam, bắt đầu từ cái chết của Chuck trong cuộc đi săn vào giữa thập niên hai mươi và chấm dứt với lời diễn tả ngắn gọn Tuyết đã chết như thế nào trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh. Theo dòng diễn tiến của bài báo, Joseph cố giải thích cặn kẽ các biến cố xảy ra tại Việt Nam đã ảnh hưởng ra sao lên chính cuộc đời anh. Kế đó, anh đứng lên và rảo bước trong phòng, chìm sâu trong ý nghĩ của mình suốt mấy phút. Cuối cùng, Joseph ngồi xuống, thêm vào một đoạn kết luận:

“Nhìn ngược trở lại năm mươi năm trời bắt đầu từ lúc mới xảy ra tấn thảm kịch riêng tư nơi rừng núi An Nam, lúc này tôi nhận ra rằng lỗi lầm tệ hại nhất của gia đình tôi là chúng tôi không bao giờ công khai thừa nhận rằng nếu biết lo xa hơn chúng tôi đã tránh được cái chết của anh tôi. Suốt nhiều năm trời, việc không đối mặt với thực tế ấy đã giữ cho những căng thẳng mang tính hủy diệt sôi âm ỉ bên dưới bề mặt. Tôi tin rằng trong khi mưu tìm việc bảo vệ “danh dự” của Hoa Kỳ tại Việt Nam, các vị tổng thống kế tiếp nhau và các nhà lãnh đạo khác của quốc gia đã phạm phải những lỗi lầm tương tự và mang tới cho quốc gia của chúng tôi một tấn thảm kịch chưa từng có. Chỉ khi nào chúng

tôi thừa nhận điều đó và kiên quyết không bao giờ tái phạm những lỗi lầm giống y như thế, lúc ấy sự hy sinh của hết thảy những người Mỹ đã chết tại Việt Nam mới có được giá trị nào đó.”

Rút trang giấy chót ra khỏi máy đánh chữ, Joseph đọc lại cho mình nghe, rồi cho máy vào túi xách, kéo dây kéo lại. Gom những bức ảnh của Tuyết đã được anh để yên trên mặt bàn kế bên khuỷu tay mình suốt thời gian viết, anh chuỗi lẹ chúng vào hộp giấy tờ. Joseph cầm bài báo đi xuống phòng viễn ký nơi tầng trệt của khách sạn, trao cho nhân viên khách sạn để truyền về văn phòng báo The Times ở Luân Đôn. Đưa xong, anh xách máy đánh chữ và túi xách du lịch ra đường đón xe tắc-xi mang anh tới phi trường để đáp máy bay về Luân Đôn.

Trong khi chờ một chiếc tắc-xi vắng khách, Joseph đứng trên vỉa hè và không để ý đến tuyết đang rơi. Đầu trần, vai lệch, mặt hằn sâu những nếp nhăn phiền muộn. Trong khi anh đứng đó, một bên vai bị thương lúc ở Huế bắt đầu âm ỉ nhức. Đột nhiên Joseph cảm thấy mình già. Và với những bông tuyết trắng xóa đậu trên mái tóc, trông anh không khác gì mọi người ở tuổi sáu mươi ba.

Hướng bộ mặt quý phái về phía Naomi Boyce-Lewis đang ngồi một đầu bàn tiệc, vị dân biểu

quốc hội lưỡng tuổi thuộc đảng Bảo thủ Anh vui vẻ nâng ly rượu vang Bordeaux đỏ lên và chậm chậm đưa qua đưa lại chiếc ly dưới mũi mình như trêu ghẹo khứu giác bằng hương rượu:

- Cô Naomi khả ái của tôi ạ, vào kỳ nghỉ cuối tuần nhân dịp lễ Phục Sinh này, trong khi cả thế giới bỗng dưng vênh tai lên nghe ngóng thì cô với Joseph làm ngược lại, vẫn tiếp tục đãi loại rượu Château Latour tuyệt vời này. Ngài thân sinh quá cố của cô quả thật cực kỳ khôn ngoan khi cho nhập kho tích trữ chúng đúng vào năm cô chào đời. Chắc chắn tôi không bao giờ chịu tin rằng đây là chai cuối cùng cô dành cho chúng tôi.

Nói xong, ông nhắm mắt và nhấp rượu với vẻ gần như xuất thần. Từ cuối bàn có giọng đàn ông thét lớn:

- Thật đáng xấu hổ, anh già Tory kia! Trong ngày sinh nhật của một phu nhân mà anh hài rõ tuổi tác của người ta ra!

Vị dân biểu tròn xoe con mắt, nhìn chăm chập một lúc vào tờ nhãn dán nơi lưng chai Latour có ghi rõ năm sản xuất 1936 rồi đưa bàn tay còn lại lên vỗ vỗ trán, làm bộ giống như ta đây rất ăn năn. Cử chỉ ấy khiến cả bàn tiệc rộ lên cười thú vị.

Tối nay, Naomi trông đẹp rực rỡ trong chiếc áo đầm Corrèges màu trắng mộc mạc, để lộ đôi vai trần rám nắng và rõ ràng không giấu

vẻ sung sướng và thích thú với số tuổi ba mươi chín. Không chút phật lòng, nàng nhường đôi lông mày về phía vị dân biểu, làm bộ trách móc rồi mỉm cười đầm ấm với Joseph đang ngồi ở đầu bàn đằng kia.

Từ trên các chân đèn bằng bạc có khắc huy hiệu dòng họ Boyce-Lewis, những ngọn nến toả ánh lung linh làm sáng loáng khung vải trắng hồ cứng trên ngực áo và đường viền cổ áo cũng màu trắng của gần hai mươi nam nữ thực khách. Họ là những khuôn mặt nổi tiếng trong chính trường Anh, Trung tâm Tài chính Thương mại, Nhà hát Luân Đôn, giới xuất bản sách và phóng viên truyền hình. Phu nhân hoặc tình nhân của họ hầu hết đều phục sức một cách tinh tế bằng những nữ trang đắt giá, chớp nháy lập loè dưới ánh nến mỗi khi các bà quay đầu hoặc cử động bàn tay. Trên các bức tường chung quanh bàn tiệc, những bức chân dung khung thiếp vàng của mấy thế hệ Boyce-Lewis từng kế tục nhau cư ngụ tại đây, trong ngôi nhà thời thượng Belgrave Square ở Khu Tây Luân Đôn, đang chăm chăm nhìn xuống với vẻ dường như phê chuẩn cuộc họp mặt đầy vị vọng này.

Với bộ mặt bỗng dung mang vẻ trịnh trọng, vị dân biểu nói:

- Naomi ạ, tôi không có ý làm cô bớt vui một chút trong bữa tiệc sinh nhật của mình, nhưng thưa quý vị, dù trong một dịp hạnh phúc như

thế này ta cũng không thể quên thực tại, phải không quý vị. Mấy ngày vừa qua là một thời điểm rất khó khăn và trong cùng một lúc, chúng ta tiếp nhận quá nhiều tin tức chẳng tốt đẹp chút nào. Với việc Kissinger nhận được dấu hiệu bác bỏ của cả Ai Cập lẫn Do Thái sau tất cả những chuyến đi lại như thoi đưa của ông ta và việc vua Faisal của Saudi Arabia bị ám sát thì chẳng bao lâu nữa lò lửa Trung Đông lại bùng lên. Nội các mới của Bồ Đào Nha bị Cộng Sản xâm nhập, như thế chúng ta đang chính thức có các điệp viên Cộng Sản ngồi trong Liên minh Phòng thủ Bắc Đại Tây Dương NATO. Và để kết thúc, cái lũ Miền Bắc Việt Nam chẳng tôn trọng Hiệp định Paris chút nào và không biết làm sao chúng lại xuất hiện khắp Miền Nam, có vẻ như chỉ một tuần nữa thôi là chúng vô tới Sài Gòn.

Joseph mỉm cười phản đối:

- Thật ra chẳng bên nào coi trọng cái bản hiệp định ấy. Nhất là mấy gã trong Bộ Chính trị ở Hà Nội đâu có đánh lòng ôm mãi những điều khoản ai ở đâu nằm yên chỗ đó sau hơn cả chục năm họ thúc ép nhân dân Miền Bắc đổ ra ngân ấy xương máu. Nhưng để nuốt nổi cục xương Sài Gòn chắc phải cần thời gian lâu hơn nhiều. Có thể Hà Nội tung tới mười tám sư đoàn vào cuộc tổng tấn công đó nhưng Thiệu đang tái tập trung lực lượng dọc vùng duyên hải và chung quanh Sài Gòn.

Một thực khách từng làm ký giả truyền hình tại Bangkok lên tiếng:

- Không phải chương trình “Việt Nam hoá chiến tranh” của Nixon dù gì đi nữa cũng được hoạch định là để làm cho Miền Nam tự cường tự lực sao? Từ ngày Kissinger thương thuyết được cái bản Hiệp định Paris rắc rối đó tới nay mới chỉ có hai năm – chắc chắn người ta phải có ý định chống đỡ cho Thiệu đứng vững lâu hơn thế, đúng không?

Joseph nhún vai:

- Trong toan tính của Kissinger đâu có chỗ cho người Việt Nam. Hiệp định Paris và Việt Nam hoá chiến tranh chỉ là một hình thức tháo lui của Hoa Kỳ và nhận về tù binh cùng truy tầm người mất tích. Chính Kissinger đã nói nhỏ ngay sau lúc ký kết rằng may mắn lắm thì VNCH kéo dài được một năm rưỡi nữa. Trên thực tế, khi nửa triệu lính Mỹ rút lui mà 150.000 lính Miền Bắc vẫn còn ở Miền Nam thì cán cân quân sự nghiêng hẳn về phía Hà Nội. Từ sau ngày ký kết tới nay, Hà Nội ung dung chở quân khí vào Nam gấp cả chục lần trước đây mà không còn sợ bị oanh kích như trên đường mòn Trường Sơn trước đây. Vì thế, hễ tấn công một cứ điểm là họ dễ dàng huy động sức mạnh gấp ba, cả về hỏa lực lẫn quân số, nhất là từ hai năm nay, họ hơn hẳn về pháo binh và chiến xa.

Tay “ký giả Thái Lan” rướn mình tới như lâm chiến:

- Nhưng Việt Nam hoá chiến tranh cũng có nghĩa là người Miền Nam chủ động chiến lược và chiến thuật!

Naomi bênh đỡ cho chồng. Nàng cảm thấy mình theo sát tình hình quân sự của Việt Nam hơn Joseph:

- Đúng thế, binh lính Miền Nam đã chứng tỏ tinh thần chiến đấu quyết liệt của họ trong biến cố Tết 1968. Họ cũng đã chứng tỏ sự trưởng thành không ngờ khi đứng vững suốt Mùa hè 1972 mà không cần lính Mỹ tiếp ứng và cho tới cuối năm 1974, Bắc Việt không thắng được trận nào lớn. Nhưng có hai vấn đề không giải quyết nổi. Thứ nhất là tiếp liệu. Trên thực tế, quân đội Miền Nam từ mấy năm nay lâm trận với vũ khí ngày càng hạn chế. Từ năm 1969, Mỹ không yểm trợ phi pháo đúng mức và không thực hiện vũ khí một đổi một đúng như đã cam kết trong chương trình Việt Nam hóa. Thứ hai là lãnh đạo. Cá nhân Thiệu nắm quyền chỉ huy trực tiếp các tướng tư lệnh; đại tướng tổng tham mưu trưởng chỉ còn biết việc hậu cần; trong khi có vẻ như quân đội ấy có con số tướng lãnh được người ta kính trọng đếm không quá các ngón của hai bàn tay.

Một nhà văn rất thân với Naomi rụt rè lên tiếng:

- Tôi không hiểu tại sao năm năm nay, từ ngày Mỹ bắt đầu rút quân, Sài Gòn không xây

dụng nổi căn bản đại đoàn kết cho một chế độ dân chủ để lấy lại cảm tình của phương tây và chống cộng hữu hiệu hơn?

Lần này Joseph nói thay cho vợ:

- Chính Thiệu để vượt cơ hội ấy. Hồi cuối năm 1972, Thiệu nổi bật vì yêu sách được một bản Hiệp định Paris có lợi đôi chút về thời gian cho Miền Nam tự củng cố nhưng rồi Thiệu vẫn giữ cung cách độc tài ù lì và đa nghi. Thiệu chỉ biết điều hành cuộc chiến bằng cách kỳ kèo với Mỹ trên giá máu của một quân đội mà mức độ điều động tác chiến của Thiệu tỉ lệ thuận với mức độ viện trợ của Mỹ. Hình như Thiệu vững tin vào chân mạng đế vương của mình nên không chịu kết hợp một tập đoàn chính trị có thực lực, thậm chí không thêm tạo vây cánh cho mình, mà chỉ cần Mỹ chống đỡ và thầy bói cố vấn là đủ! Thiệu duy trì một guồng máy tham nhũng từ trên xuống dưới để nuôi các tướng lãnh, quan chức, nghị sĩ chịu mặc cả với Thiệu và cúi đầu tuân lời Thiệu.

Đưa mắt nhìn Naomi, thấy vợ có ý hưởng ứng lời của mình, Joseph nói tiếp:

- Theo chỗ tôi biết thì Thiệu vẫn cố tin vào lời hứa chống đỡ của cá nhân Nixon dù sau vụ Watergate, lời hứa ấy đã tiêu tan theo với chức tổng thống của Nixon. Thiệu không tiêu hóa nổi sự kiện Miền Nam hết là tiền đồn của thế giới phương Tây sau khi chế độ chống cộng của

Indonesia vững vàng, Trung Quốc đã vào Liên Hiệp Quốc, Washington đã lập bang giao bình thường với Bắc Kinh và chấp nhận cho Nga Xô qui chế tối huệ quốc. Khi tình hình chiến tranh lạnh ở Á Đông lắng xuống thì người Mỹ thất hầu bao lại, lo chữa thương. Tòa Bạch Ốc thoát ra khỏi Việt Nam theo cách vừa rồi thì kể như là êm thấm lắm! Dù khác nhau một trời một vực về nhân cách và cứu cánh, Thiệu chia chung cái nhận định sai lầm chết người của Diệm Nhu khi cho rằng mình là đối tác độc nhất mà Mỹ không thể loại bỏ. Thiệu không chịu tin rằng sau khi Ford lên làm tổng thống thì đối với Washington, cuộc chiến Việt Nam được coi như đã chấm dứt. Cách đây bốn tháng, Hà Nội tung hai sư đoàn đánh chiếm Phước Long, gần Sài Gòn khoảng 100 cây số, vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris mà chính quyền Ford không lên tiếng, cũng không có ý muốn giúp đỡ gì thêm cho Sài Gòn. Quốc hội Hoa Kỳ chán ngấy chiến tranh, chỉ nghĩ tới quyền lợi của Mỹ. Theo tôi thì Hà Nội biết quá rõ như vậy nên họ thừa thế xốc tới.

Có tiếng của một vị khách làm bộ nghiêm giọng, nghiêng mình về phía Naomi hỏi:

- Thế thì thưa nữ phóng viên nổi tiếng nhất của chúng ta về Việt Nam, có phải vì chịu không nổi sức ép của Việt Cộng mà quân chính phủ đành phải rút về duyên hải?

Naomi mỉm cười tỏ vẻ chẳng mặn mà lắm với

“lời nịnh bợ” ấy nhưng không trả lời. Nàng nhìn chồng như mời tiếp tục. Joseph trầm ngâm một lúc rồi trả lời thay cho vợ:

- Tôi không biết chắc. Có lẽ cũng không ai biết chắc. Không ai đoán nổi lý do nào khiến Thiệu bồng dung quyết định rút quân khỏi cao nguyên miền trung. Có lẽ ông ta bị ám ảnh bởi kinh nghiệm của Pháp tại Điện Biên Phủ: ông ta khiếp đảm trước việc Bắc Việt đang cắt đứt con đường quá dài kéo từ các căn cứ tiếp liệu tới Sư đoàn 23. Hoặc có lẽ ông ta muốn gây xúc động cho người Mỹ, xem việc rút quân như một nước cờ thâu cây và cho đối phương thêm cơ hội vi phạm lộ liễu và ồ ạt Hiệp định Paris, làm Hoa Kỳ rất mặt, để vòi thêm viện trợ của người Mỹ. Cũng có thể ông ta nhận thấy lúc này khả năng của mình chỉ còn có thể giữ được một khoảnh lãnh thổ nhỏ hẹp, thí dụ vùng đất Nam kỳ thuở trước.

Joseph ngừng nói. Hình ảnh những thân người, đàn bà trẻ con và trâu bò nằm chết la liệt giữa trời nắng gió trên Đại lộ Kinh hoàng ở Quảng Trị ba năm trước hiện rõ từng nét làm choáng ngợp tâm trí anh. Và anh cảm thấy chóng mặt. Nàng ly vang đỏ lên anh tính nhấp một ngụm cho dịu người nhưng chợt tự hỏi sao màu của rượu tựa màu máu bầm. Joseph run tay bỏ ly xuống và dụi mắt:

- Có một dư luận cực kỳ khó nghe và có lẽ sẽ không bao giờ tìm được bằng chứng hỗ trợ.

Người ta nói rằng sau thời hạn một năm rưỡi của Kissinger, Thiệu bị áp lực sao đó nên phải thực hiện phương án của vị ngoại trưởng ấy là giật sập Miền Nam cho nó sụp đổ nhanh tới độ không nước nào kịp nhảy vào can thiệp. Tác giả của kịch bản này vừa muốn Hoa Kỳ dành ưu tiên hiện nay cho Do Thái và Trung Đông vừa yên chí tính toán rằng với một Việt Nam cả hai miền đều kiệt quệ thì dù có thống nhất, việc quay trở lại trông cậy vào Mỹ để có thể đối trọng với Trung Quốc chỉ là vấn đề thời gian.

Cả bàn tiệc nín thở nhìn nhau. Vị dân biểu cao niên tăng hăng:

- Không lẽ cái lão Kissinger quá quắt đến thế. Một kịch bản như vậy mà mượn tay Thiệu thực hiện thì ngoài sức tưởng tượng. Nó vô luân một cách quái đản và nó trắng trợn một cách quái vật!

Joseph thở dài:

- Người duy nhất có khả năng trả lời về vấn đề kịch bản đó là Thiệu. Nhưng nếu con quái vật ấy là vị đương kim tổng thống kiêm tổng tư lệnh Quân Đội VNCH thì Thiệu chỉ còn cách ngâm câu hỏi đó cho tới chết! Dù gì đi nữa, trên thực tế, lúc này, cuộc rút quân đang gây hoảng loạn. Binh lính và dân tị nạn cả trăm ngàn người từ trên cao nguyên dồn nhau chạy xuống duyên hải, mắc kẹt cả tuần nay ở vùng rừng núi Sông Ba, bị Việt Cộng truy đuổi, pháo

kích và bị các phân tử lưu manh cướp bóc, hãm hại. Cuộc chiến tranh ấy từ đầu tới cuối, từ việc Hồ Chí Minh đưa người tập kết vào lại Miền Nam để tiến hành khủng bố, phá hoại, xua cả triệu thanh niên sinh bắc tử nam, chiến dịch tố cộng của Ngô Đình Diệm tới Johnson tự động Mỹ hoá ổ ạt rồi Nixon Việt Nam hoá gấp gấp để Mỹ tháo chạy thật lẹ, không bên nào để mất tới tình người. Nhất là lúc này, quốc hội Mỹ, kẻ chi tiền cho chính sách của chính phủ Mỹ đang thất hấu bao mà không nghĩ tới số phận của mấy chục triệu người Việt từng được Điện Capitol và Tòa Bạch Ốc xem là tiền đồn bảo vệ Thế giới Tự do!

Ông dân biểu thêm lần nữa hướng về Naomi:

- Thật là một cuộc tháo chạy tán loạn, dẫm máu và khủng khiếp. Naomi thương mến ạ, dĩ nhiên vùng đất đó cũng là chỗ trước đây cô thường lui tới, phải không? Cô có dự tính lao vô lại đó để tường thuật tình trạng đau khổ và chết chóc ấy không?

- Suốt hôm nay văn phòng của cháu thảo luận cuống cuống về một bộ phim thời sự chung cuộc – một loại “Vĩnh Biệt Sài Gòn” nào đó. Họ yêu cầu cháu thực hiện cuốn phim ấy – nhưng tới giờ này cháu đang tìm cách từ chối.

Naomi vừa nói vừa mỉm cười âu yếm nhìn tới đầu bàn đằng kia nơi Joseph đang ngồi:

- Lúc này cháu không chắc mình có còn

muốn đi mãi đi hoài như trước đây để mặc cho ông chồng khốn khổ ở lại nhà tự lo liệu lấy thân hay không?

Ông lão dân biểu khịt khịt mũi:

- Ông chồng khốn khổ! Quả chẳng sai tí nào! Quý vị hãy nhìn nước da rám nắng California của anh ta kia kìa! Tôi không biết anh ta có ở đây trọn cả mùa đông đáng ghét của chúng ta không hay là trong thời gian đó, anh ta đi chỗ khác để đánh quần vợt và bơi lội. Nếu tôi được cô hỏi ý kiến thì Naomi ạ, tôi sẽ nói toàn bộ cái chuyện vợ vẫn như việc viết một cuốn sách mới về “vai trò của Hoa Kỳ trong tương lai tại Á Đông” chỉ là bình phong che đậy cho sựong cái thân mình thôi. Anh ta y hệt con bọ chết!

Nhuống mắt nhìn ba người hầu gái phục vụ bàn ăn, cùng mặc áo đầm bằng vải sa tanh đen, đội lúp trắng và đeo tạp dề trắng đang bắt đầu dọn mấy chiếc đĩa cuối cùng, ông nói tiếp:

- Còn về chuyện tự lo liệu lấy thân thì anh ta không phải làm nhiều việc lắm đâu. Coi – nếu cô Naomi quyết định lên đường và quả thật anh ta cần người săn sóc thì đã có tôi đây. Tôi sẵn sàng tạt qua đây hoặc xuống thăm ngôi nhà thôn dã đáng yêu của cô ở tận miệt vườn Sussex để thỉnh thoảng tiếp tay khui một chai Latour cho.

Nói tới đây, vị dân biểu lúc lắc cả hai vai tự tán thưởng lời nói khôi hài của mình và cười ha hả tới độ cả bàn tiệc cùng rộ lên cười theo.

Có tiếng chuông điện thoại reo nơi hành lang bên ngoài phòng ăn. Khoảnh khắc sau, cửa mở, một người hầu gái đi vào. Cô ta bước tới bên ghế của Naomi, thì thầm vào tai nàng. Naomi vừa lật đặt ra ngoài thì một người hầu gái khác xuất hiện. Hai tay người ấy trình trọng bưng chiếc khay bạc trên đặt một bình thon cổ đựng rượu vang đỏ Bồ đào nha và một chai rượu mạnh. Trong khi mọi người chuyển bình rượu, người hầu gái lúc nãy trở vào thưa với Joseph rằng Naomi muốn gặp riêng anh đôi ba phút để hỏi ý kiến về cú điện thoại vừa gọi. Xin lỗi đi ra, anh thấy vợ đang chờ trong phòng đọc sách được trang hoàng tể chỉnh bằng nhiều tác phẩm nghệ thuật phương đông và những kỷ vật Á Đông được anh chuyển từ Cornell sang. Naomi nói ngay:

- Phòng quay phim gọi. Họ quá sốt ruột về việc tường thuật tình hình Việt Nam. Họ vừa nhận được tin lực lượng của Thiệu đã bỏ Huế mà không chống cự. Sắp tới là bỏ Đà Nẵng. Binh lính chính phủ nhiều người tự sát, nhiều kẻ đào ngũ, nhiều nơi bắt đầu ném lựu đạn vào nhau để dành chỗ trên máy bay di tản. Người ta nói lúc này có tới một nửa lực lượng của Nam Việt Nam hoặc bị giết, bị thương, bị bắt làm tù binh hay bị buộc phải rút lui mà không có quân trang quân dụng gì cả. Không lẽ... không lẽ... có cái kịch bản quái đản ấy!

Joseph lắc đầu không tin nổi:

- Chẳng biết ra làm sao nữa! Nhưng nếu em có ý định đi Sài Gòn thì phải lẹ lên mới được.

- Đúng như vậy, và đó là lý do họ gọi điện lúc này – họ muốn có một toán quay phim và một đạo diễn đi ngay sáng mai.

- Em trả lời họ thế nào?

Naomi nắm bàn tay Joseph bằng cả hai tay mình:

- Em bảo họ mười phút nữa em gọi lại. Theo anh, em nên làm sao đây?

- Em nên đi. Em muốn như vậy, phải không? Sài Gòn từng làm cho em cảm thấy nó lúc nào cũng cực kỳ quyến rũ.

Xoắn các ngón tay, nàng nhìn vào mắt chồng và cười âu yếm:

- Em nghĩ “từng làm” có thể là một từ ngữ chính xác. Nhưng em không còn dám chắc như vậy nữa... lúc này em có anh rồi.

Naomi ngừng nói và nhíu mày:

- Em bị dằng co giữa việc đi xa... và việc ở lại đây với anh.

- Nhưng em sang bên đó chỉ một hai tuần thôi.

Nàng vuốt ve lưng bàn tay Joseph và mắt nhìn xuống:

- Em biết. Nhưng không chỉ vậy thôi Joseph. Dù có đi thì em đã quyết định đây là cuốn phim chót của em. Em thấy là trong ngày sinh nhật thứ ba mươi chín của mình, cô gái ấy đang

hoang mang ngẫm nghĩ một vài ý tưởng sâu xa hơn việc chỉ ăn mừng thôi. Thí dụ như, phải chăng đã tới lúc cô ta nên bỏ cái việc chạy nhào nhào khắp thế giới và nghĩ tới... tới một cái gì khác... trước khi quá trễ...

Joseph mỉm cười tặc mịch và hỏi:

- Cái gì khác là cái gì vậy?

- Anh biết không, cái đó lúc này thành một mốt thời thượng. Mấy cô bạn học cùng lớp với em ở Sherbourne bỗng dưng đang có ý thực hiện cái đó – kể cả những gia đình có đầy đủ rồi.

- Thực hiện cái gì?

Joseph hỏi với vẻ mặt hoang mang. Naomi cười như nổi cáu với chồng:

- Cái việc có em bé, mình ạ. Nay là đã cuối thời tam thập và bắt đầu tứ tuần của người ta rồi! Em biết, thực tế em là dân thành phố, lại lớn tuổi... nhưng hiện nay, người ta có thể làm đủ thử thử nghiệm và làm đủ mọi cách để đảm bảo cho việc đó ổn thoả. Anh nghĩ là em có xoay xở nổi cái việc đó không?

Joseph cười lớn. Anh đưa tay âu yếm vuốt nhẹ lên hai đùi thon và dài của Naomi qua làn vải sa tanh mịn màng:

- Anh biết một cách tuyệt đối và chắc chắn rằng hễ em muốn việc gì thì tất nhiên em làm được việc đó. Có điều anh cũng biết một cách dứt khoát rằng cái lão này quá già cho ba cái trò hấp dẫn ấy.

- Nói năng chả có ý nghĩa gì cả!

Naomi lùi ra sau một bước, ngẩng ngĩa kỹ lưỡng bộ mặt chồng trong một chốc. Tóc Joseph bây giờ bạc trắng nhưng người anh vẫn thẳng đứng và gọn gàng trong bộ đồ vét hiệu Savile Row trang nhã mặc cho bữa tiệc tối. Nước da sạm nắng mùa đông ở California làm anh lại càng có vẻ trẻ trung hơn nhiều so với tuổi tác của mình. Nàng bật cười ròn rả và đưa tay lên xoa xoa cổ chồng:

- Anh mạnh khoẻ hơn khối người chỉ bằng nửa số tuổi của anh, mình ạ. Và anh cũng biết rõ như vậy... tính luôn cả lỗ đạn trong vai trái nữa. Có lo là lo cho em đây này...

Lửa trong lò sưởi phòng sách cháy leo lét. Joseph quay mình cầm que cời rồi trở cùi. Lửa lập tức bùng lên, toả ánh sáng màu da cam khắp mặt anh. Joseph tiếp tục ngồi trên thảm, ngẩng cùi đang cháy đen sạm thành than, mặt bỗng lộ vẻ đăm chiêu. Lửa trong lò chọt tắt ngúm và giọng nói của anh mang âm hưởng của một tâm trạng hiu hắt:

- Naomi ạ, đôi khi anh cảm thấy mình không khác bao nhiêu so với mấy thanh cùi này... Có thể ở bên ngoài rực lên chói sáng nhưng ngay nơi trung tâm lại đang có một loại trống rỗng và nguội lạnh nào đó.

Naomi quì xuống bên Joseph. Đưa hai tay lên áp khuôn mặt anh nàng sừng sờ đăm đăm nhìn chồng:

- Joseph! Anh đừng có cảm tưởng như thế... mình ạ, chứ bao giờ như thế!

Joseph phủi quần áo, đứng lên. Anh vừa nói với vợ vừa mỉm cười:

- Anh xin lỗi. Tại sao mình không để tới khi em trở về mới bàn tính cận kề cái việc đó. Nếu em không đi Sài Gòn thì em sẽ tiếc nuối mãi. Ít ra nó cũng cho anh cơ hội về dưới vùng quê, tiếp tục cuốn sách... Và giữa các chương này chương nọ thì nghĩ tới quả bom mới nhất em vừa cho nổ! Naomi cười đáp trả và vẻ mặt trang trọng trở lại:

- Joseph ạ, anh có thể đi Sài Gòn với em không? Không phải để làm việc... mà là để chỉ ở đó với em thôi.

Joseph lắc đầu:

- Lúc này Sài Gòn đối với anh chỉ còn là những ám ảnh đau đớn của quá khứ Naomi ạ, em biết như vậy mà!

Naomi im lặng nhìn Joseph một lúc rồi với vẻ hiểu biết, nàng gật đầu. Anh theo nàng ra cửa nhưng trước khi mở cửa, nàng dừng bước và quay lại. Đặt hai tay lên lần vải sa tanh trắng mịn màng hai bên ve ngực áo anh, Naomi nhìn vào mặt chồng, cười tinh quái:

- Mình ạ, khi khách khứa ra về hết rồi, dù anh chưa có cơ hội suy nghĩ về cái việc đó giữa chương này chương nọ của cuốn sách thì anh có nghĩ rằng, như một chiêu đãi cho ngày sinh nhật

của em, mình đi thẳng vô giường và bắt đầu xúc tiến việc thử nghiệm ý tưởng đó của em không? Hoặc ít ra mình chỉ giả vờ thử nghiệm thôi!

Hứng khởi bởi lời Naomi nói, Joseph ôm nàng vào lòng, siết thật chặt cơ thể thon dài và mềm mại ấy. Anh để má mình ở yên trên mái tóc vàng của nàng một lúc, mắt nhắm lại, hít thật sâu mùi hương thoang thoảng da thịt nàng. Rồi cả hai rời nhau, nhìn nhau cười dịu dàng. Joseph trở lại phòng ăn để kịp thấy chiếc bình thon cổ đựng bồ đào mỹ tửu vẫn được chuyển nhau giữa tiếng nói cười rôm rả và khói xì gà mù mịt như mây. Khi đóng cửa hành lang lại đằng sau mình, anh nghe Naomi đang nói điện thoại báo phòng quay phim rằng nàng sẵn sàng cho chuyến bay trưa mai tới Sài Gòn, một thành phố đã bị kết án.

- 6 -

Khi Naomi vừa lên đường đi Sài Gòn để theo dõi cuộc nam tiến lộ liễu và ào ạt của mười tám sư đoàn quân Hà Nội, Joseph lui về ngôi nhà nơi trang trại của hai vợ chồng tại miệt Đông Sussex, cách Luân Đôn một trăm cây số mạn nam. Ở đó, bao quanh với những ngọn đồi xanh biếc chập chùng vùng South Downs, Joseph cố gắng bắt tay viết cuốn sách. Nhưng hết ngày này sang ngày nọ, anh cảm thấy tin tức của Sài Gòn làm mình không tập trung nổi trí óc.

Naomi rời Luân Đôn mới được bốn mươi tám tiếng đồng hồ, quân đội Cộng Sản đã tràn vào Qui Nhơn, Nha Trang và Đà Lạt mà chỉ gặp sức kháng cự yếu ớt của lực lượng quân chính phủ đang tan rã tinh thần. Tin tức dồn dập về những chiếc xà-lan chở người Việt chạy loạn từ Đà Nẵng vào Cam Ranh rồi kẹt lại đó sau gần một tuần lễ lênh đênh trên biển với nhiều người chết vì bệnh tật, đói khát và giành giật nhau trên tàu. Tuyến đường từ Đà Lạt xuống Sài Gòn bị quân Bắc Việt cắt ở Định Quán, vùng đất gia đình Joseph sản bản thuở nào. Hàng trăm chiếc xe di tản phải quay về Đức Trọng chạy bọc sang ngã Phan Rang, nhập với hàng ngàn chiếc xe từ miền trung chạy vào để rồi mắc cạn tại Bình Tuy vì Bắc quân đã chiếm Rừng Lá, cắt ngang Quốc lộ Một. Joseph nhắm mắt lại khi bắt chợt liên tưởng tới hình ảnh đàn bà và trẻ con tro vợ giữa hàng chục ngàn người đang vật vã vì đói rét, bệnh tật và tuyệt vọng, trong đó có hàng ngàn thanh niên có súng.

Trong khi lắng nghe từ máy phát thanh tin tức liệt kê tên thành phố này tới thành phố khác lần lượt thất thủ trước đà tiến công dồn dập của Bắc Việt, tâm trí Joseph tràn ngập những ký ức ngày cũ. Anh nhớ lại chuyến đi khắc khoải của mình, với Lan bên cạnh, trong chiếc xe đíp của OSS năm 1945, lái không ngừng từ Sài Gòn ra phương bắc theo Quốc lộ Một lâu đời, chạy dọc

ven bờ những bãi biển trắng xóa và đại dương xanh thẳm của Nha Trang và Qui Nhơn. Cuộc thất thủ Đà Lạt ngày 2 tháng Tư đẩy Joseph vào nỗi hoài cảm vừa ngọt ngào vừa cay đắng khi nhớ lại niềm hoan lạc anh cùng Lan chung hưởng tại khách sạn Lang-Biang Palace năm 1954. Và rồi kỷ niệm ấy tới lượt nó lại gọi lên những hồi tưởng tê dại về cái chết đau thương của nàng ngay trước mắt anh chỉ mấy tháng sau đó trên vỉa hè Sài Gòn, dưới mé tầng trệt khách sạn Continental.

Cuối cùng, càng nghĩ tưởng lòng Joseph càng âm u. Và chẳng mấy chốc tạo ra trong anh cảm giác ảm đạm cùng lo âu cho sự an toàn của Naomi từ đây cho đến ngày nàng trở về. Rồi cứ thế, anh mỗi lúc một khắc khoải trông ngóng từng cú điện thoại của vợ. Hàng tuần, nàng gọi điện cho anh đôi ba lần từ khách sạn Continental Palace nhưng những cú điện thoại ấy thường bị trì hoãn, không đâu vào đâu. Và qua đường dây bị nhiễu, Naomi chỉ có thể kể rất ít tới những gì nàng thấy về cuộc đụng độ. Cuối cùng, Naomi tự giới hạn bằng những lời trấn an, lặp đi lặp lại rằng nàng an toàn và đang ở ngoài vùng nguy hiểm. Nhưng cùng với thời gian dần trôi, những cuộc điện đàm không nói được gì ấy thay vì làm Joseph an tâm lại khiến lòng anh thêm bồn chồn. Là phóng viên truyền hình, Naomi không thể tránh việc xông vào

những nơi có giao tranh với toán chuyên viên thu hình và máy móc linh kinh; càng kặng càng bao nhiêu khi di chuyển càng gặp nhiều nguy cơ bấy nhiêu.

Tới cuối tuần lễ đầu tiên của tháng Tư, Cộng Sản siết chặt thông lọng quân sự quanh Sài Gòn. Số quân chính phủ sẵn sàng ứng chiến còn chưa tới năm chục ngàn người. Họ phải đương đầu với khoảng ba trăm ngàn bộ đội Bắc Việt với mũi nhọn đã thọc tới Xuân Lộc, một thị trấn nằm cách thủ đô khoảng bảy mươi cây số. Có lẽ để nhấn nhe Hà Nội phải chậm chậm lại hoặc để làm động tác giả với Sài Gòn, Hoa Kỳ cho đưa tới Tân Sơn Nhứt loại bom CBU với khả năng giết hại mọi sinh linh trong đường kính mười ngàn thước. Đến mức ấy, Joseph thấy dường như chỉ còn một hy vọng duy nhất là có thể Hà Nội muốn điều đình, chấp nhận một thời khóa biểu nào đó của Hoa Kỳ để giảm thiểu mức tử trận và để quân đội của họ xuất hiện trên đường phố Sài Gòn như những chiến sĩ giải phóng chứ không phải là một đoàn quân xâm lược vào chiếm đóng. Hẳn Sài Gòn sẽ không phản đối một đề nghị điều đình như thế vì nó có thể vừa làm chậm lại tiến trình thất trận vừa đưa tới cơ may mong manh là thực hiện phần nào bản Hiệp định Paris về hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Joseph khắc khoải lắng nghe những tường

thuật từ Washington về việc tổng thống Ford đang cố thuyết phục Quốc Hội rằng một tài khoản viện trợ quân sự 722 triệu Mỹ kim có thể cứu vãn Sài Gòn – nhưng rồi ngày tiếp ngày trôi qua, các nhà lập pháp ở Điện Capitol vẫn cứng như đá, quyết liệt bảo vệ quyền lực vừa được họ giành lại vào thời hậu “tổng thống đế chế” của Richard Nixon. Cuối cùng, ngày 17 tháng Tư, Quốc Hội quyết định dành phần thắng cho Cộng Sản và chờ giờ đưa Nam Việt Nam vào nhà quàng bằng cách chỉ chấp nhận ngân khoản di tản và cho phép Ford sử dụng quân đội để vận chuyển người Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Từ giờ này sang giờ khác, giữa vùng đồi phương Nam nước Anh, trong khi ngồi bên máy phát thanh lắng nghe tin tức về các biến cố dồn dập đầy tai ương ấy, Joseph lại càng không để được lòng mình vào công việc. Trời chưa rạng sáng, anh đã chỗi dậy, lái xe đi mấy cây số tới Chichester, thành phố có ngôi nhà thờ chính toà cổ, để mua ấn bản đặc biệt của các nhật báo ngay khi chúng vừa tới ga xe lửa. Trong khi chờ giờ đài phát thanh loan tin tức và những cú điện thoại của Naomi, anh quần trí, đi loanh quanh không yên qua các bãi tập ngựa hoặc những mảnh vườn cắt tỉa gọn gàng của cái trang trại vốn được lập lên từ thế kỷ mười tám.

Ngày 21 tháng Tư, Nguyễn Văn Thiệu từ chức, trao quyền cho phó tổng thống Trần Văn

Hương, một ông lão 74 tuổi, người Miền Nam, kiên cường và bệnh tật. Là một chính khách tiêu biểu cho đức tính bộc trực và khí phách của sĩ phu nam bộ, ông nhận chức tổng thống với lời thề tử thủ Sài Gòn, nơi ông từng là Đô trưởng. Ba mươi năm trước, khi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp ở nam bộ, nhà giáo họ Trần ấy là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Tây Ninh rồi sau đó tự động rời bỏ hàng ngũ Việt Minh. Trong diễn văn bàn giao, Nguyễn Văn Thiệu đồng dục tuyên bố rằng mình từ chức nhưng không đào ngũ và hứa hẹn rằng sẽ sát cánh với quân dân Miền Nam trong bất cứ công tác nào cần thiết cho việc bảo vệ quốc gia. Lời nói chữa thẹn đó của một tổng tư lệnh quân đội từ nhiệm như một báo hiệu đã tới thời điểm sắp sửa kết thúc cuộc chiến. Joseph bắt đầu đi dạo lâu hơn bên ngoài trang trại, thờ thẩn tản bộ khắp vùng đồi chung quanh và không để ý tới những lộc non đang lốm đốm xanh cành cây bên trên đầu mình hay vừa nhú lên khỏi mặt đất quanh chân mình. Lúc này, với bộ mặt rám nắng không bao giờ xua tan nổi những nếp nhăn mỗi lúc một hằn sâu và lòng càng lúc càng thêm khắc khoải, Joseph đi hai vai lệch hẳn với bước chân hệt hẫng của một người lẫm đẫm bởi những biến cố nằm bên kia tầm kiểm soát của mình.

Joseph không biết rằng cũng đúng vào

những ngày ấy, tại Hà Nội, một nơi cách nước Anh hàng chục ngàn cây số, anh ruột của người thiếu nữ bốn mươi năm trước đã biến linh hồn anh thành một con tin lao đao theo vận nước Việt Nam, cũng đang chịu những hội chứng khắc khoải chẳng kém anh chút nào.

Trong khi Joseph hàng ngày đi lang thang trong miền South Downs, Trần Văn Kim bước bốn chồn quanh quẩn trên sàn nhà không lót thảm của một trong những văn phòng trang bị sơ sài dành riêng cho ủy viên Bộ Chính trị tại Trụ sở Trung ương Đảng Lao Động. Cơn khắc khoải của Kim cũng do bởi các biến cố thời cuộc tạo nên nhưng điều làm anh lo ngại chính là sự an nguy của bản thân.

Chỉ dần dà Kim mới nhận ra rằng sự nghiệp của mình đang tiêu tán, thậm chí có thể mất luôn tính mạng. Những cuộc trao đổi ý kiến suốt ngày suốt đêm và hội họp như điên theo sau thắng lợi bất ngờ của chiến dịch Hồ Chí Minh vào cuối tháng Ba và đầu tháng Tư làm mọi người kiệt sức. Vì thế, thoát tiên Kim không để ý tới các dấu hiệu cảnh báo. Kim đã tham dự từ đầu tất cả những cuộc thảo luận. Với kinh nghiệm có được nhờ sự diu dặt lâu ngày của người thầy điêu luyện và lão thành Hồ Chí Minh, kẻ đã qua đời đầu tháng Chín năm 1969, anh thận trọng không hoàn toàn gắn bó mình vào một trong hai quan điểm cực đoan

đang nhanh chóng lập thành hai đối cực trong Bộ Chính trị.

Nhờ viện trợ vũ khí ồ ạt của Liên Xô vào cuối năm 1974, đầu năm nay, Bộ Chính trị dự kiến phát động mặt trận cao nguyên để chuẩn bị thời cơ đánh lớn vào 1976 là năm diễn ra cuộc bầu cử tổng thống Mỹ. Sang năm 1977 sẽ đánh mạnh hơn để hoàn tất công cuộc giải phóng Miền Nam trong vài ba năm sau. Thế rồi đột nhiên kể từ giữa tháng Ba, xảy tới sự kiện Nguyễn Văn Thiệu quyết định rút khỏi cao nguyên, ra lệnh bỏ Huế Đà Nẵng và rồi quân đội Miền Nam rút chạy tán loạn khỏi các tỉnh duyên hải miền trung.

Một số ủy viên khác thấy tình hình xoay đổi quá nhanh, sợ rằng đây có thể là bẫy rập của Hoa Kỳ; việc trắng trợn xé bỏ Hiệp định Paris sẽ làm cho Hoa Kỳ có cơ hủy lời cam kết góp phần tái thiết Miền Bắc; và một Việt Nam thống nhất quá sớm có thể đưa tới những gay gắt trong quan hệ chính trị với Bắc Kinh, vô tình tự biến mình thành một loại tiền đồn miễn phí cho phương tây, nghĩa là thay thế vai trò đầy tổn kém của Việt Nam Cộng Hoà từ hơn hai chục năm nay. Họ đề nghị phải thận trọng cân nhắc các tín hiệu đang cho thấy Trung Quốc và Pháp sẵn sàng thay chân Mỹ để can thiệp nhằm thiết lập một chế độ trung lập tại Miền Nam.

Một số ủy viên muốn lợi dụng thời cơ có một

không hai này, thừa thắng xốc tới, mạo hiểm lập tức và dốc toàn lực tràn vào Sài Gòn để tiến tới thống nhất đất nước; từ đó chi phối hoàn toàn Cambodia và Lào, làm thành một vùng đất do Việt Nam chủ động và đối trọng trong tình hình chính trị và quân sự tại khu vực Đông Nam Á; và thực hiện giấc mơ từ bốn mươi lăm năm nay của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Đông Dương. Điển hình cho lập trường này là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Theo hai nhân vật quyền uy nhất Bộ Chính trị từ mười lăm năm nay thì Trung Quốc nay thuộc bọn xét lại, đã biến thể và phản bội nghĩa vụ giải phóng nhân loại của chủ nghĩa Mác-Lênin. Như thế, nếu có việc Trung Quốc nhúng tay vào Việt Nam, Bắc Kinh sẽ bị Hà Nội xem là thù nghịch. Còn Pháp, với tính cách Tổng tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ gọi điện nói thẳng vào mặt Đại sứ Pháp ở Sài Gòn rằng nếu nhà ngoại giao ấy còn tiếp tay với Trung Quốc và các thế lực ngoại bang khác ngăn cản đà chiến thắng để quốc Mỹ ở Miền Nam, thì chỉ 24 giờ sau khi quân Cộng Sản đặt chân vào Sài Gòn, Thọ sẽ tới ngay sứ quán Pháp, trục xuất ông ta ra khỏi Việt Nam, bất chấp những gì Pháp đã giúp đỡ trước đây trong cuộc hòa đàm Paris.

Gần ba mươi năm ở địa vị chóp bu của đảng, Kim thấy nhiều và biết nhiều, đồng thời cũng nhận ra mình ngày càng mắc kẹt trong một

guồng máy gồm những kẻ miệng nói thân thương Miền Nam mà bụng dạ rất đa nghi người Miền Nam. Họ đặc biệt phân biệt đối xử những thành phần chưa từng bị tù ở Côn Lôn hoặc đã theo học Học viện Thợ thuyền Đông Phương tại Mát-cơ-va, trong đó có Dương Bạch Mai, kẻ bị đột tử mười năm trước ngay tại trụ sở Quốc Hội. Còn kẻ học ở Nga duy nhất còn sống là Trần Văn Giàu thì mấy chục năm nay ở trong sự ghẻ lạnh. Trong Bộ Chính trị chỉ còn độc nhất Trần Văn Kim là người Miền Nam nên khi thấy con số ngang bằng của các ủy viên theo hai quan điểm vừa kể, Kim chỉ lựa lời tán dương và bổ khuyết cho cả hai, không ủng hộ bên nào nhiều hơn bên nào. Vì quá tự tin vào tính tập đoàn của Bộ Chính Trị và cho rằng mình đang chọn một thái độ khôn ngoan nhất nên Kim không để ý tới sự kiện anh chưa hề được yêu cầu đưa ra lời tuyên bố dứt khoát về quan điểm của cá nhân mình. Chỉ cách đây mấy ngày, anh mới nhận ra mình không may mắn được yêu cầu phát biểu ý kiến.

Sau chiến thắng của Khơ me Đỏ tại Cambodia và việc từ chức của Nguyễn Văn Thiệu, nhịp độ cuộc họp ngày càng tăng và cực kỳ khẩn trương. Suốt ngày suốt đêm, các hành lang của Trụ sở Trung ương Đảng lúc nào cũng tấp nập những viên chức mặc áo đại cán cổ cao, tất bật cầm từng chồng giấy tờ tối mịt, hối hả lao từ cuộc

hợp này sang cuộc họp khác. Và chính ngay lúc đó, khi lịch trình dự họp dành cho mình đột nhiên thừa hẳn, Kim mới bắt đầu cảm thấy đau nhói và sợ hãi tới đỉnh người như bị ai đâm: anh đang bị loại trừ hoàn toàn khỏi mọi cuộc họp thượng đỉnh về chính sách sau này sẽ được áp dụng ở Miền Nam – và sự kiện đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất!

Bị liên tục bỏ cho ngồi chơi xơi nước hết giờ này sang giờ khác trong phòng làm việc của mình, Kim khởi sự gấp rút lục lọi ký ức để tìm cho ra một lỗi lầm nào đó mà mình vô ý phạm phải. Mối quan hệ của anh đối với Hồ Chí Minh thì có tính cách thân tình và mật thiết suốt hơn ba mươi năm; anh lúc nào cũng biết rằng chính sự việc đó, trên tất cả mọi sự việc khác, giúp cho anh có được một chỗ ngồi trong Bộ Chính trị. Ngay từ những năm đầu thập niên sáu mươi, khi Hồ Chí Minh bị Trường Chinh rồi Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lấn lướt, và nhất là vào những năm tiếp theo sau cái chết của vị lãnh tụ ấy, Kim đã lường trước tình trạng ảnh hưởng của mình sẽ bị suy giảm dần. Nhưng anh luôn luôn cảm thấy tự tin rằng uy tín và sự am hiểu các sự vụ của đảng mà anh sở đắc trong ba thập niên làm người thân cận với Bác Hồ và quá trình tham gia cách mạng suốt bốn chục năm nay từ nam chí bắc đủ đảm bảo cho địa vị của mình, và hơn nữa, đảng cần sự hiện diện của một cán bộ

chóp bu Miền Nam. Bằng chứng hôm lễ ký kết bản Hiệp định Paris, Lê Đức Thọ đòi hỏi phải có anh ngồi bên cạnh.

Kim cũng đã nhiều lần tự hỏi rằng biết đâu vì trình độ trí thức của anh cộng với số lượng thời gian anh được Bác Hồ cực kỳ tin tưởng là nguyên nhân giành tị của một số ủy viên trong Bộ Chính Trị. Trước hết là Võ Nguyên Giáp, người thường bị Kim xem là đã được đảng vì nhu cầu chính trị, đánh bóng anh ta lên hàng đại danh tướng, vượt quá năng lực và khí phách thật sự. Võ Nguyên Giáp cũng cảm nhận được Kim đánh giá mình ngang mức nào, và vì thế, có thể nọc độc tị hiềm mưng mủ lâu năm giờ đây mới phát tán. Nhưng nếu sự thể này hoàn toàn xuất xứ từ Võ Nguyên Giáp thì hẳn không trầm trọng lắm vì hiện nay, ngoài vai trò cố vấn quân sự, Giáp chỉ còn là nhân vật trình diễn của chế độ, không còn ảnh hưởng đáng kể lên cán cân quyền lực trong Bộ Chính trị.

Thứ đến và hiểm độc nhất là Lê Đức Thọ. Vào những năm bắt đầu thập niên bảy mươi này, Thọ không màng che giấu tính cách quyền thần với tham vọng muốn trở thành một nhân vật có uy danh nhất, không những tại Việt Nam mà còn trên toàn cõi Đông Dương. Khi đi loanh quanh trong văn phòng mình vào ngày đầu của hạ tuần tháng Tư năm 1975, Kim kết luận rằng mối đe dọa trực tiếp hầu như phát xuất

từ vị Trưởng ban Tổ chức Trung ương đảng ấy, người đang gần như có toàn quyền đánh giá lẫn phân phối nhân sự của đảng và là người hình như mấy năm gần đây, có khuynh hướng muốn biến truyền thống chuyên chính tập đoàn của đảng thành chuyên chính của cá nhân như Mao Trạch Đông và Brezhnev.

Kim đã thử liên lạc gián tiếp với vài ủy viên trong bộ phận tổ chức đảng, những kẻ rất thân tình với anh trong quá khứ, để khám phá cho ra liệu mình có bị qui chụp là thông đồng với những kẻ khác trong một cuộc thanh trừng rộng lớn nào đó hay không. Nhưng tất cả những kẻ ấy đều lạnh lùng nhún vai. Và như thế, xác nhận những e ngại tệ hại nhất của Kim – anh cô đơn, anh bị vứt bỏ về mặt chính trị một cách đột ngột và không cắt nghĩa nổi.

Kim hầu như chẳng ăn chẳng ngủ được chút nào. Mãi tới sáng Thứ Ba ngày 21 tháng Tư, anh thở phào gần như nhẹ nhõm khi nhận được giấy triệu tới văn phòng của người phụ trách bộ phận kiểm tra trong ban Tổ chức Trung ương Đảng và chịu trách nhiệm vấn đề thẩm định kỷ luật nội bộ. Người đồng chí mặt mỏng và mắt đỏ kè ấy, kẻ thuở sinh thời của Hồ Chí Minh luôn luôn tỏ ra khúm núm tôn kính Trần Văn Kim, lúc này không đứng lên khi anh bước vào phòng làm việc của y, cũng chẳng mời anh ngồi. Thay vào đó, y phát biểu bằng giọng sắc và gọn,

hai con mắt đầy gân máu chỉ nhìn xuống tờ giấy trên bàn:

- Đồng chí ạ, các ủy viên khác trong Bộ Chính trị của Đảng Lao Động vĩ đại và quang vinh đã chỉ thị tôi yêu cầu đồng chí làm sáng tỏ vấn đề. Như đồng chí biết đấy, đảng ta đang gần kề chiến thắng lịch sử mà sẽ làm cho nhân dân Miền Nam lần đầu tiên phục tùng sự kiểm soát của đảng, trong đó gồm hàng triệu đứa có nợ máu với nhân dân. Chúng là quân công cán chính của chế độ ngụy và gia đình họ hàng của chúng, từng làm tay sai cho thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ. Chúng là kẻ thù chủ chốt trong vô số kẻ thù khác của nhân dân, sản phẩm của một xã hội Miền Nam nô dịch, phản động và đồi trụy. Chúng cần được cải tạo để triệt tận gốc mọi mầm mống. Đây là giai đoạn đòi hỏi kỷ luật tự giác triệt để của hết thảy các đồng chí thuộc mọi cấp bộ. Trước mặt chúng ta đang có nhiều khó khăn lẫn nguy cơ. Và thật không dễ dàng gì khi ta thực hiện công tác cải tạo nhằm thay đổi đường lối tư duy của nhân dân Miền Nam, thậm chí một bộ phận cán bộ của cái từng được đảng gọi là Mặt trận Dân Tộc GPMN và mấy trí thức trong danh sách Liên minh Dân tộc Dân chủ và Hoà bình. Bên cạnh đó còn có những tay trí thức tiểu tư sản thành thị lãng mạn cách mạng, từ mấy năm nay mưu tìm danh phận chính trị bằng việc tự xưng là thành phần thứ ba và đeo đuổi giấc mơ hoà giải hoà hợp không tưởng.

Y ngược mắt, nhìn vào cổ áo đại cán của Trần Văn Kim rồi cúi xuống đọc tiếp:

- Đảng đã quyết định, trước sau như một, rằng ngay sau khi Mỹ rút ngụy nhào, chúng ta lập tức tiến hành thống nhất Nam Bắc. Tiếp đó, từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chúng ta bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng nước Việt Nam theo con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa, không thông qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Việc tiếp quản của cái từng được đảng gọi là Chính Phủ Cách mạng Lâm thời MNVN chỉ là hình thức quân quản tạm thời cho phù hợp với luật pháp quốc tế và để lấy chính danh nhằm hợp thức hoá một hội nghị hiệp thương nam bắc. Danh sách Liên minh DTDCVHB cùng với Mặt Trận GPMN sẽ được đảng cho lập tức hủy bỏ ngay khi đảng đặt chân vào Sài Gòn. Sau đó, mọi hội đoàn quần chúng và tôn giáo phải gia nhập và chịu sự chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc. Tiếp đó, các cán bộ quân sự lẫn chính trị trung cao và cao cấp từng bị Mỹ ngụy giam giữ và thẩm vấn, sẽ được đảng kiểm điểm và cho nghỉ hưu; đồng thời đảng điều trên năm trăm đoàn cán bộ từ bắc vào nam để giúp thành lập cơ quan và kèm cặp mọi ban ngành ở khắp các tỉnh huyện kết nghĩa. Ngay khi đảng đặt chân vào Sài Gòn, bọn phóng viên quốc tế còn nấn ná lại sẽ bị cô lập và cấm triệt để mọi hình thức thông tin ra nước ngoài. Tên Sài Gòn

sẽ biến mất và thành phố thân thương ấy được vinh dự mang tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Kế đó, vấn đề cấp bách là khẩn trương tiến tới thống nhất đất nước và đặt mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao Động vĩ đại và quang vinh, vì e rằng để lâu thì đêm dài lắm mộng. Đồng chí thừa biết rằng kẻ nào phê bình hoạt động của nhà nước là tìm cách lật đổ chính quyền cách mạng. Kẻ nào chống đối chủ trương đường lối của đảng là chống lại tổ quốc và dân tộc. Kẻ nào chống Đảng Lao Động tiên phong và bách chiến bách thắng là phản động phản quốc và là kẻ thù của nhân dân.

Y dừng lại, gỡ kính đeo mắt. Sau khi nuốt ực một cái, y vói tay lấy bình thuốc lào, xoi xoi cọng thép, hất mạnh xái thuốc rơi về một điều cho lên nỏ. Y bật lửa, đốt đóm nhưng thay vì châm lên nỏ, không hiểu sao y lại thổi tắt đóm. Nuốt ực thêm một cái, y đeo kính vào, cầm tờ giấy lên, đọc tiếp. Lần này giọng y có vẻ sống động và hùng hồn:

- Thế mà vẫn có kẻ mơ tưởng hào huyền rằng sẽ duy trì hai Miền Nam bắc riêng biệt, tiếp tục giữ vĩ tuyến 17 làm ranh giới, với hai chính phủ hai thể chế khác nhau, để gọi là tôn trọng bản sắc của mỗi miền, thu hút tối đa viện trợ và đầu tư của hai khối đông và tây cho mỗi miền phát triển thịnh vượng rồi năm mươi năm sau mới tính tới chuyện thống nhất! Thật là không

tuồng và cực kỳ phá hoại. Tình hình phức tạp mới đó đưa tới nhiều nhiệm vụ cấp bách mới và nhiều biện pháp triệt để mới. Đã có sự nhất trí rằng vào thời điểm này, đảng không thể khoan hồng cho bất cứ kẻ nào đang ở cấp bậc cao mà thiếu sự hiến thân triệt để cho chính nghĩa của dân tộc. Còn nữa, cũng đã có sự nhất trí rằng bất cứ kẻ nào ăn ở hai lòng, phản bội các mục tiêu tối hậu của ta ở Miền Nam vì những trung thành riêng tư sai trái thì không được tin tưởng và phải bị loại trừ tức khắc!

Kim chăm chăm nhìn cái đầu đang cúi xuống của người cán bộ kiểm tra trong khi y đọc tất cả những lời đang nói đó với giọng gần như đều đều, chắc hẳn không sót, không thừa một chữ trong tờ giấy y cầm chặt trên tay. Bây giờ anh đã thấy khá rõ rằng mình được mời tới đây chỉ để tự mở miệng lên án mình nhưng anh không hiểu tại sao có chuyện đó. Kim nói với giọng bị xúc phạm:

- Tôi đã và đang dâng hiến trọn cuộc đời mình cho đảng. Tôi muốn biết mình bị tố cáo về vấn đề gì. Không trả lời, người cán bộ đẩy tới mép bàn Kim đang đứng một bản báo cáo chữ đánh máy và hai bức ảnh kẹp vào đó. Kim cầm lên. Thoạt đầu anh không nhận ra ý nghĩa bức ảnh thứ nhất trong đó cho thấy một toà nhà ở Paris, tại góc đại lộ Léopold II và đường La Fontaine. Kế đó, trong bức ảnh thứ hai, anh nhận ra lưng

của mình, đang bước vào cửa trước và ông anh Tâm chào đón. Tim đập thình thịch trong lồng ngực, Kim quay qua bản báo cáo và trong đó anh đọc thấy lời tường trình của nhân viên mặt vụ về việc theo dõi anh khi anh tới Khu vực Mười sáu ở Paris.

Thả bản báo cáo rơi trên mặt bàn, Kim nói thì thào, hầu như không nghe rõ:

- Đó chỉ là chuyện gặp gỡ riêng tư giữa hai anh em ruột, không hơn không kém. Trong đó chẳng thảo luận chút nào chuyện chính trị...

Người cán bộ tổ chức nhìn lại anh với hai con mắt vô hồn:

- Đã có quyết định rằng đồng chí phải trình diện tại Trung tâm Thẩm vấn của Đảng trên Phúc Yên đúng bốn giờ chiều nay. Để tiện di chuyển, đồng chí được cấp xe nhưng không có tài xế. Đồng chí phải tự lái lấy – chạy bọc theo con đường hướng bắc. Thôi nhé.

Chậm chậm trở về phòng làm việc của mình, Kim với lòng ảm đạm đi như kẻ mộng du suốt dãy hành lang. Có phải cái bằng chứng người ta vừa đưa cho anh xem chính là lý do thật sự của việc anh bị thất sủng? Anh không biết. Có phải người ta dùng nó để che đậy mối hận thù cá nhân, một sự ganh tị lâu năm nào đó về sự nổi bật của anh? Anh cũng không chắc. Qua kinh nghiệm bản thân, Kim biết rằng những cừu hận cay đắng ở cấp bộ chóp bu của đảng thường có

gốc rễ trong những ác cảm cá nhân và lâu bền. Dưới bề mặt có vẻ đoàn kết của Bộ Chính trị là những sóng ngầm do bởi khát vọng quyền lực, tị hiềm và đủ thứ mặc cảm của các ủy viên xuất xứ từ những thành phần và những địa phương khác nhau. Càng suy nghĩ Kim càng nguyên rủa mình vì đã tự tin tới mức cô độc và đã điên rồ để cho những kẻ thù tiềm tàng đó có đủ đạn dược để bắn mình.

Hoặc là... Một ý nghĩ bất chợt lóe lên trong óc làm Kim toát mồ hôi. Tại sao gã đồng chí mặt mỏng ấy lại được lệnh tiết lộ với anh quá nhiều dự tính quan trọng đến thế? Gã đâu phải loại người có nhiệm vụ và có tầm cỡ thuyết phục anh. Có lẽ cũng không cần thiết phải mất công thuyết phục anh. Qua những gì gã tiết lộ về sách lược sắp áp dụng tại Miền Nam thì Quân đội Nhân dân sẽ là một đạo quân chiếm đóng chứ không là đoàn quân giải phóng và sẽ chỉ là lực lượng vũ trang duy nhất tại Miền Nam. Thế thì phải chăng bằng giọng điệu ngạo mạn, những tiết lộ hào phóng ấy chính là phát súng ân huệ dành cho một kẻ thất sủng, sắp bị loại trừ vì gốc gác Miền Nam của hắn? Và những thông tin ấy chỉ được phô trương cho một kẻ sẽ căm và sẽ điếc, sẽ bị hất cho văng vòng từ lưng cộp ra đằng trước miệng cộp, theo kiểu như gã nói: để phòng “đêm dài lắm mộng”!

Ngước mặt về phía bức tường trắng đối diện,

vô tình ánh mắt Kim đậu lại trên khuôn mặt của Hồ Chí Minh. Người thầy thuở nào đang nhìn xuống anh với đôi mắt sáng, hai mắt sáng và hàm râu dài được trau chuốt thêm, thật công phu, trông phất phơ và phúc hậu như một tiên ông. Kim tự hỏi, một người uyển chuyển và cao cường trong việc chuyển nguy thành an và mượn sức kẻ khác như Bác Hồ sẽ phản ứng ra sao nếu lâm vào tình thế của anh lúc này. Đột nhiên, những ký ức và suy nghĩ của Kim về vị cố chủ tịch xuất hiện rõ mồn một trong trí não.

Ngày từ lúc bắt đầu lên tàu xuất dương vào năm 1911 tới ngày qua đời, nhân vật Nguyễn Tất Thành không bám trụ lâu dài vào một chỗ dựa, một sách lược trường kỳ hay một tư tưởng chủ đạo nào. Sau sáu năm lang thang lao động nhiều nơi trên thế giới, ông dùng chân ở Pháp và bắt đầu hoạt động cách mạng. Tại đó, ông theo nhóm Từ Long để mình thành Đệ Ngũ Long và sau đó rút tĩa được danh xưng Nguyễn Ái Quốc. Từ bàn đạp đó, ông nổi bật trong Đảng Cộng Sản Pháp rồi sang Liên Xô, trở thành học trò của Quốc Tế Đệ Tam. Ông về Trung Quốc hoạt động trong hàng ngũ những người theo chủ nghĩa dân tộc, dùng cơ sở và nhân sự của Tâm Tâm Xã để lập Đồng Chí Hội. Sau đó, dùng danh nghĩa Phái viên Cộng Sản quốc tế, ông kết hợp và thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Từ Trung Hoa về lại Pắc Bó nhân thất bại của

cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa 1940, ông củng cố cơ sở đảng ở Miền Bắc thành đầu não trung ương, dùng nó làm hạt nhân cho Mặt trận Việt Minh do các đệ tử của cụ Phan Bội Châu lập từ năm 1936. Từ Pắc Bó, ông dùng tên Hồ Chí Minh để đi Trung Quốc. Từ Liễu Châu, ông nhận được yểm trợ của Trương Phát Khuê về lại Cao Bằng.

Trong cải cách ruộng đất, quyền lực chính trị tuột khỏi tầm tay của Hồ Chí Minh, chuyển sang lòng bàn tay của Trường Chinh. Khi cuộc đấu tranh thống nhất đất nước đi vào qui mô, quyền lực ấy sang tay Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, kẻ nắm công cuộc giải phóng Miền Nam từ năm 1954 tới nay. Từ đầu năm 1960 tới ngày qua đời, trong các cuộc họp của Bộ Chính trị, ông ít khi bày tỏ lập trường cụ thể, chỉ phát biểu ý kiến khi được mời góp ý, thường là vài câu nói động viên, khích lệ. Ngược lại, ông sử dụng mọi thời gian, nắm bắt mọi cơ hội để xuất hiện trong vai cha già dân tộc, một người yêu nước đã đi vào huyền thoại và biểu tượng cho cách mạng trên toàn thế giới. Đường như ông rất thoải mái khi thực hiện đúng những yêu cầu do Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đề ra cho ông.

Nhiều lúc Kim tự hỏi phải chăng tới tuổi bảy mươi, Hồ Chí Minh mệt mỏi và tự bằng lòng vì đã đạt tới cực điểm danh vọng giữa cuộc đời và trong lịch sử. Lúc này nhìn lại, anh không biết người thầy mà anh kính ngưỡng đó thật sự là

ai? Một người quả thật yêu nước, sống chết với lý tưởng, tận dụng mọi vốn liếng, sức bật và phương thế mình kiếm được để đưa dân tộc đi tới tận cùng con đường nó phải đi? Hay ông chỉ là một kẻ cực kỳ táo bạo, mưu lược, cơ hội và đầy may mắn trong cuộc đấu tranh giành quyền lực nhằm thành đạt những mục tiêu cá nhân, rồi sau khi đạt tới tột đỉnh danh vị thì chỉ còn nhu cầu bảo toàn tính mạng?

Nếu chẳng may bác đúng là loại người thứ hai thì rõ ràng bác đang có những đồng chí hậu duệ tuyệt luân. Bác giỏi dùng người khác thì nay bác bị người ta tận dụng. Chỉ bốn tháng nữa thôi, Lăng Bác sẽ được khánh thành làm nơi trưng bày di hài bác, trái với lời di chúc của bác chỉ muốn được hoá thiêu. Từ nay, người ta sẽ tha hồ sử dụng hình ảnh bác làm một thứ ngẫu tượng chính trị và dùng luôn cả thịt xương khô héo của bác làm con bê vàng cho những liên hoan lễ lạc của các kẻ tà đạo.

Điểm những khuôn mặt còn lại trong Bộ Chính trị tính từ ngày mới nắm tay nhau lên đường, Trần Văn Kim bỗng nhận ra một hiện tượng làm anh rung mình. Những người tha thiết với tinh thần quốc tế vô sản đã biến mất. Những người kiên trì đấu tranh cho độc lập dân tộc cũng đã biến mất. Tới lúc sắp về tới đích thì những kẻ còn lại hầu hết có xuất xứ từ gia đình quan lại hay địa chủ và từng ở tù với nhau

tại Côn Lôn, Lao Bảo hay Sơn La. Như thế, phải chăng đảng đã bị tiếm đoạt và chỉ còn là một tập đoàn phong kiến mới giả danh Cộng Sản để sử dụng phương pháp Cộng Sản, khi tinh vi khi thô bạo, nhằm loại bỏ những kẻ không cùng bản chất, trấn áp quần chúng và duy trì đặc quyền đặc lợi của nó?

Suốt nửa giờ, Kim ngồi khò người sau bàn giấy, mắt đờ đẫn nhìn đăm đăm bức hình của Hồ Chí Minh, rồi anh choàng tỉnh, thấy mình đã lạc mất câu hỏi tự đặt ra cho mình. Trấn tĩnh lại, Kim tự nhủ, kinh nghiệm cuối đời của bác thụ động đến thế thì mình có suy nghĩ tới mấy đi nữa cũng chẳng ăn thua gì. Đảng là một guồng máy hoạt động để cướp quyền lực và bảo vệ quyền lực, Kim biết rất rõ. Guồng máy ấy phải thường xuyên đấu tranh cả trong lẫn ngoài và xốc tới nên nó cần đối tượng trấn áp để lấy đà. Nó lúc nào cũng cần kẻ thù; không có thì phải vẽ ra. Đấu tranh với kẻ thù tưởng tượng để loại trừ những đối tượng mình muốn loại trừ. Lúc đó, đảng mượn danh nghĩa tiêu diệt kẻ thù tưởng tượng để huy động âm binh nghiền nát đối tượng. Mình đã tham gia lập nên guồng máy hiểm độc đó, đã góp phần tạo nên răng cưa sắc lẹm của nó, phải chăng giờ đây mình trở thành nguyên liệu bổ béo cho nó? Anh chắc lưỡi, liếc đồng hồ và thấy đã hai giờ. Sau một thoáng đăm chiêu, Kim rút trong hộp bàn ra hai tờ giấy

trắng và bắt đầu viết rất nhanh. Khi viết xong hai trang thư, một bằng tiếng Việt với những dòng chữ chi chít và nguệch ngoạc, một bằng tiếng Pháp ngắn và rõ nét, Kim cho cả hai vào một bì thư. Anh dán lại, rồi dùng điện thoại gọi người phụ tá.

Một thanh niên từ văn phòng đặt xéo phòng làm việc của Trần Văn Kim bước qua. Anh nói thật gọn với người trẻ tuổi ấy:

- Đồng chí mang cái này tới cho Triệu Hồng Trinh, cháu gái của tôi, ở nhà máy quân khí. Lập tức và đích thân giao cho bằng được. Nói với nó là cực kỳ khẩn trương.

- Tuân lệnh đồng chí.

Người thanh niên báo cáo nhận lệnh với giọng lo lắng. Anh cất chân đi nhưng tới cửa anh dừng lại và quay lui, tần ngần nhìn cấp trên:

- Thưa đồng chí, có vấn đề gì không ạ? Trông đồng chí không được khoẻ.

Trong một thoáng, Kim trở vờ ngó anh ta:

- Đi lẹ lên. Giao xong bì thư đó, anh đừng trở về đây. Cố tìm cách đi phương nam rồi tới một nơi nào đó không ai tìm ra anh.

Bộ mặt của người thanh niên bỗng xanh lè:

- Tại sao, đồng chí, tại sao như thế?

- Vì tôi được lệnh tới Phúc Yên cho người ta thẩm vấn. Đi ngay – không thì trễ mất.

Nửa giờ sau, Kim đi xuống nhà xe mé sau trụ sở, khom người chui vào chiếc xe hòm Moskwa

của Nga do một thợ máy mặc quần yếm đánh tới tận cửa ga-ra cho anh. Lấn cấn với chiếc xà cột vương nơi cửa xe, Kim quên gật đầu đáp lại cái chào ngưỡng ngáp của người thợ máy. Kim cũng không để ý hai bàn tay anh ta dính vết dầu nhớt và bộ mặt hơi tái, cố tỏ vẻ khúm núm lâu hơn thường lệ. Vào trong lòng xe, Kim nhăn mũi vì lâu lắm anh mới ngửi lại mùi xà phòng Liên Xô ngai ngái bốc lên từ tay lái.

Xe lăn bánh giữa rừng cờ đỏ thắm và hàng hàng lớp lớp người dân thủ đô đang nhập cơn đồng thiếp đại thắng. Họ say sưa nhìn các tấm bản đồ thật lớn, ánh điện chớp nháy liên tục theo đường tiến quân mùa xuân. Từ vạn chiếc loa phóng thanh, tiếng hợp ca trùng điệp, líu lo, hùng tráng và nồn nao rượt đuổi nhau như cơn bão nổi lên từ Trị Thiên, Đà Nẵng băng qua Tây Nguyên tiến về Sài Gòn. Thịnh thoảng có một giọng nam vắn hơi thật đầy rồi cất lên cao vút, hát vang ngàn lời ngợi ca lãnh tụ đẹp nhất tên người và ngôi sao mai Hà Nội mến yêu. Đâu đó bên hồ Thuyền Quang, trên căn gác nhỏ, người nhạc sĩ héo hắt của khúc Tiến Quân Ca sắt máu ba chục năm trước nay bắt đầu sáng tác trở lại với những nốt nhạc rạo rực giấc mơ mùa xuân đầu tiên có những người từ đây biết con người, biết thương người và biết yêu người.

Len lỏi giữa rừng người mắt long lanh niềm tự hào dân tộc, mừng mừng tủi tủi vì thấy mình

sống sót và hân hoan chờ phút giây chiến tranh với những gian nan khốn khó cùng kéo nhau vào dĩ vãng, Kim thận trọng lái xe qua thủ đô, qua cầu Long Biên, nhắm hướng Phúc Yên, một địa điểm nằm cách Hà Nội gần năm mươi cây số ở mạn bắc dọc theo các triền dốc trong châu thổ sông Hồng.

Lúc này, khi lái xe ven Hồ Hoàn Kiếm, bất giác Kim tự hỏi chẳng biết mình có bao giờ còn thấy thêm lần nữa Tháp Rùa và Đền Ngọc Sơn trên cồn đất và hòn đảo nhỏ ấy không – rồi anh để ý qua kính chiếu hậu và thấy có một chiếc Moskwa khác với ba công an mặc thường phục đang theo dõi anh, không chút giấu diếm. Từ đường quanh đống đổ vỡ Gia Lâm và suốt con đường quốc lộ lộng gió cho tới khi xe leo lên đồi cao nhìn xuống vùng đồng bằng, chiếc xe công an giữ một khoảng cách đều đặn đằng sau xe Kim, không màng tới việc bị anh nhận rõ mặt. Hai bàn tay bắt đầu run rẩy trên tay lái, Kim vừa cho xe chạy vừa không ngớt nhìn vào kính chiếu hậu. Trong lúc đó, những vết dầu thắng thoát ra từ lỗ thùng mà người thợ máy mặc quần yếm trước khi giao xe đã chích nơi hệ thống thủy lực của nó nhỏ những giọt đều đặn và li ti tới độ ngay cả mắt người bình thường cũng khó nhận ra. Và Kim không biết rằng thắng xe anh đang bị người ta làm cho thành vô dụng.

Vì con dốc quá cao, Kim vẫn giữ nguyên tốc

lực cho tới khi xe đổ xuống một triển dốc dài và dựng đứng ở mé bên kia một ngọn đồi lớn nằm ngoài tỉnh lỵ. Từ một mỏm đá cao, con đường quanh thật gắt. Khi chiếc xe Moskwa của Kim lao xuống khúc queo cù chỏ ấy, anh khởi sự đạp mạnh chân lên bàn đạp thắng. Kim tái mặt. Chân thắng mất sức nhún, bật ngược rồi văng ra trên sàn xe. Và tốc lực chiếc xe tăng nhanh hơn.

Chiếc xe đâm thẳng vào một lỗ trống giữa rào chắn bảo hộ mà qua vết gỗ cửa còn mới, Kim có thể thấy rõ nó vừa được người ta cố ý trở ra. Khoảnh khắc trước khi chiếc xe lao ra ngoài ghềnh đá, Trần Văn Kim nhớ lại lời sau cùng cha anh đã nói với anh trong đêm xưa ở Sài Gòn khi anh khinh mạn ném tờ giấy bạc năm đồng vào mặt ông: "... Kim ạ, cuối cùng, giả dụ như chủ nghĩa bôn-sê-vich thành công, con sẽ đem sự tan nát tới cho đất nước con, gia đình con – và cho chính bản thân con..."

Chiếc xe xoáy vòng trên không rồi rơi xuống, va trúng một tảng đá nhô ra cách ba mươi thước ở mé dưới và phát nổ. Nó nảy lên thêm lần nữa trên mặt mỏm đá thứ hai ở mé dưới nữa rồi văng ra ngoài. Các mảnh vỡ và xăng dầu bốc lửa toé lên như mưa khắp mọi hướng. Tiếp đó, mặt nước cuộn cuộn của sông Hồng nuốt lấy nó và sau cùng, làm tắt ngúm những ngọn lửa cuồng nộ.

Ba hôm sau, lúc ba giờ sáng, trong ngôi nhà

nơi trang trại lâu đời vùng South Downs, đang ngủ chập chờn, Joseph bị đánh thức bởi tiếng chuông điện thoại reo vang bên giường. Anh cầm ống nghe lên và lập tức nhận ra giọng của Naomi. Nàng nói rất nồn nóng nhưng khó nghe rõ vì đường dây quá xấu:

- Joseph ơi... có thanh trừng... trong Bộ Chính trị... Đảng Lao Động...

Naomi cố ý ngừng lại sau mỗi cụm từ vì tiếng máy kêu lè xè:

- Một ký giả Pháp ở Hà Nội cho em biết chuyện đó từ một nguồn tin rất bất thường.

Joseph dụi hai con mắt ngái ngủ, ngồi bật dậy. Anh thét lớn lại:

- Rất đáng quan tâm. Nhưng tại sao nửa đêm lại kêu anh dậy mà kể chuyện đó.

- Joseph! Anh nghe đây. Chính Trần Văn Kim là kẻ bị thanh trừng – thậm chí có thể ông ta đã chết. Anh ký giả Pháp biết chuyện đó từ một cô gái người Việt đang quần trí tìm tới văn phòng của anh ta. Cô ấy yêu cầu anh ta bí mật móc nối với anh. Cô xưng tên là Trinh và sắp vào tới Sài Gòn trong ba ngày nữa. Cô nói cô cần anh giúp đỡ.

Joseph bật người ngồi thẳng lên khi thấm ý nghĩa những lời Naomi nói:

- Trinh? Có phải em nói là Trinh? Con gái của Tuyết?

Naomi hét to:

- Đừng tên Trinh, họ Triệu, và hình như vậy. Anh muốn em làm sao đây - em sẽ làm bất cứ điều gì anh bảo.

Các đốt ngón tay của Joseph trắng bệch trên ống liên hợp. Anh gào lớn:

- Đừng làm gì cả. Hoàn toàn không làm gì cả.
- Naomi hỏi lại, giọng sùng sốt:
- Tại sao không? Trời đất ơi, tại sao không?
- Vì anh sẽ đích thân tới Sài Gòn.

Joseph dần ống điện thoại xuống, mặc quần áo thật lẹ, chạy ào tới phòng sách lấy sổ thông hành. Không sửa soạn hành lý, cũng không tắt đèn nhà, anh lật đật chạy ra nhà xe. Sau khi nhận được cú điện thoại của Naomi chưa đầy mười phút, Joseph đã ngồi trên xe phóng thật lẹ qua những con đường nhỏ hẹp trong vùng thôn dã Sussex, nhắm tới Luân Đôn để bắt kịp chuyến máy bay đầu tiên may ra còn chỗ đi Viễn Đông.

Bốn giờ sau, vào sáng Thứ Sáu ngày 25.4.1975, khi trời rạng sáng và ánh nắng đầu tiên rọi tới thủ đô Luân Đôn, Joseph khởi hành từ Phi trường Heathrow để bắt đầu chặng đường thứ nhất bay đi Sài Gòn, một thủ đô đang bị vây hãm mà tuổi thọ của nó chỉ còn vòn vẹn năm ngày.

- 7 -

Ba hôm sau, vào chiều Thứ Hai ngày 28 tháng Tư năm 1975, không khí đặc sệt và thẫm đẫm

như một tấm khăn liệm phủ lên thủ đô Miền Nam Việt Nam. Từ lúc mới tảng sáng, mây trời xám xịt và mỗi giờ một đen kịt thêm như điểm gờ báo trước cơn mưa đầu tiên sẽ rơi ào ạt, bắt đầu cho một mùa ẩm ướt mới. Nhưng dù bầu trời râm ran liên tục như sắp tới điểm rạn vỡ, cơn bão đang tụ về vẫn buồng bình không chịu bùng nổ. Hậu quả, khắp mọi đường phố căng thẳng như bị điện giật và trong ánh sáng chập chờn màu xám, ba triệu rưỡi người dân thủ đô Sài Gòn bị mắc kẹt trong vòng vây siết chặt của xe tăng Cộng Sản vẫn có thể thấy rõ những vết nhăn sợ hãi đang đậm nét và hằn sâu trên mặt nhau. Nỗi sợ hãi ấy cô đặc lại khi dân chúng đô thành chuyển tay nhau các nhật báo đăng tin rằng trong đêm thứ tư sau ngày từ chức, Nguyễn Văn Thiệu đã cùng với thủ tướng lâu năm của mình là vị đại tướng trầm lặng và hiểm hóc Trần Thiện Khiêm chạy sang Đài Loan bằng một chuyến phi cơ đặc biệt của Không lực Hoa Kỳ, mang theo 15 tấn tài sản.

Trong khi đi bộ thật nhanh từ trung tâm thành phố tới Dinh Độc lập, Joseph có thể nghe ra tiếng gầm rú xa xa của cuộc pháo kích đang trải thảm xuống căn cứ không quân chính của Nam Việt Nam tại Biên Hoà, cách Sài Gòn khoảng ba mươi cây số. Thình thoảng, trong tiếng gầm của đạn pháo lại xen lẫn rải rác tiếng sấm và nghe càng lúc càng lớn hơn. Joseph

nhận thấy những người dân anh gặp trên đường, miên man ngó lên trời. Rõ ràng họ vẫn tự hỏi tới bao giờ khỏi sự cuộc oanh tạc thủ đô.

Sau nhiều tuần lễ mỗi ngày một thêm e ngại, trên bộ mặt của dân chúng đang kẹt lại ở Sài Gòn bắt đầu lộ vẻ sợ hãi vì họ biết rằng với hai mươi sư đoàn quân Cộng Sản đang bao vây thành phố, không ai có thể trông mong sư đoàn duy nhất có kỷ luật còn lại của Quân Lực VNCH ở mạn bắc chặn được đường nam tiến của Bắc quân. Trong khi đó, quân VNCH ở Miền Tây phải giữ nguyên vị trí, không thể đưa lên tiếp viện. Đối mặt với tình hình quân sự vô vọng ấy, chính quyền lung lay của Nam Việt Nam đang sửa soạn lễ tuyên thệ của tân tổng thống – vị tổng thống thứ hai trong khoảng thời gian sáu ngày – với kỳ vọng mong manh rằng ông có thể chứng tỏ mình đúng là người được Cộng Sản chấp nhận. Thế nhưng lời đồn đãi về hành động đó đã lan tràn khắp đường phố và trong số những người biết tới kỳ vọng đó, chỉ có vài ba người tin rằng cái trò liêu lĩnh chính trị tuyệt vọng và cầu may ấy sẽ cứu nổi thủ đô.

Suốt hai tuần lễ thứ ba và thứ tư trong tháng Tư, những người lãnh đạo Hà Nội đã tăng cường lực lượng của họ và bố trí quân vào các vị trí một cách ung dung và chậm rãi, để họ có đủ thời giờ hủy hoại thẩm quyền lãnh đạo chính trị của Nam Việt Nam tới mức độ hoàn toàn không phục hồi nổi.

Trước đây khoảng mười ngày, để đảm bảo việc tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không đào thoát ra hải ngoại rồi thành lập chính phủ lưu vong hầu có thể gây phương hại về sau cho sự kiểm soát tối hậu của Cộng Sản tại Miền Nam, những người lãnh đạo Bắc Việt, qua các đại biểu của họ ở Trại Davis trong Tân Sơn Nhứt, đã đưa ra lời gợi ý rằng họ có thể chấp nhận điều đình và dàn xếp nếu Nguyễn Văn Thiệu chính thức từ chức tổng thống. Nhưng sau khi dọn đường cho Hoa Kỳ ép được Nguyễn Văn Thiệu từ chức, họ lập tức đưa ra đòi hỏi mới. Họ khẳng khái rằng nay tới lượt phải thay thế phó tổng thống kế nhiệm Trần Văn Hương, kẻ chủ trương từ thủ Sài Gòn tới giọt máu cuối cùng bằng một khuôn mặt khác. Và từ Hà Nội, họ nêu đích danh Dương Văn Minh. Ông là một vị đại tướng tự nhận là lãnh tụ của lực lượng thứ ba, chủ trương hòa giải và hòa hợp với Cộng Sản và được Thượng tọa Thích Trí Quang xem là một nhân vật, với sự hỗ trợ của Phật giáo Ấn Quang, có tư thế và khả năng thương thuyết với Cộng Sản về một cuộc ngừng bắn song phương. Vì sự đòi hỏi đó dường như đưa tới niềm hy vọng mong manh là có thể ngăn được việc Sài Gòn bị hoàn toàn tàn phá nên người Nam Việt Nam phải vội vàng đồng ý. Để việc chuyển giao chức vụ tổng thống cho Dương Văn Minh được hợp hiến, quốc hội đành phải họp khoáng đại lưỡng

viện, biểu quyết trao cho Trần Văn Hương toàn quyền chọn người kế vị.

Lễ tuyên thệ nhậm chức của Minh Cổ được cử hành vào xế chiều. Joseph tới Dinh Độc lập lúc vừa quá năm giờ, kịp thời gian nhìn vị tướng lãnh Phật giáo đơn sơ ấy – kẻ từng đóng vai trò lãnh đạo trong cuộc lật đổ Ngô Đình Diệm do Hoa Kỳ giật dây – đi vào đại sảnh khánh tiết với bộ mặt chất phác và bản thân. Người Mỹ sắp bỏ đi hết. Thế và lực của Miền Nam chẳng còn gì. Cộng Sản đã tới bên lưng. Những kẻ trước đây hùng hổ hô hào chống cộng tới giọt máu cuối cùng cũng đang cuống cuống bỏ đi. Chỉ còn ba sư đoàn ở thủ đô và miệt Cần Thơ, không lẽ để họ cùng với vị cao niên gân guốc và quyết tử Trần Văn Hương đánh đến hơi thở cuối cùng cho tan nát hết. Vậy ông từ vị trí trung lập chuyển qua vị trí nguyên thủ của chế độ VNCH để thương lượng với phía bên kia.

Đây cũng là cơ hội được các nhà sư hệ phái Ấn Quang và thành phần thứ ba ấp ủ và tranh đấu suốt mười mấy năm nay, đó là chủ động một chính phủ xúc tiến việc hòa giải hòa hợp với các phe lâm chiến. Họ hy vọng, tuy không dám nghĩ là rất mong manh, sẽ thương lượng được với các thành phần trong MTGPMN và Chính phủ Cộng Hòa MNVN để có một chính phủ liên hiệp ba thành phần do Pháp làm bà mẹ, và để hạn chế bớt những mất mát sinh

mạng và hư hao tài sản của người Việt. Riêng đối với Dương Văn Minh, bất chấp những lời của Trần Văn Hương đã si nhục ông công khai trước quốc hội và trên vô tuyến truyền hình hai ngày trước đó là “ngây thơ và nông cạn về chính trị”, ông chấp nhận vai trò tổng thống để vừa đáp ứng niềm tin của những người xem Dương Văn Minh là một giải pháp, vừa thành tựu giấc mơ làm chủ nhân Dinh Độc lập được ông đeo đuổi từ lâu. Nếu thành công như ông đang tin tưởng vào lời hứa từ nhiều phía, ông sẽ ngăn cao đầu trước những người suốt hai mươi năm nay làm thương tổn ông. Nếu thất bại, ông sẽ trang trọng bàn giao chính quyền cho phía bên kia và để tên tuổi của mình cho lịch sử phán xét. Còn tính mạng, ông sẽ bảo trọng tới cùng vì theo ông, đó là kết tạo bởi trời đất, do cha mẹ sinh dưỡng và ông không có quyền hy sinh theo kiểu “thành mất tướng tuấn tiết theo thành.”

Phòng khánh tiết rộng thênh thang với những bức rèm thêu kim tuyến và màn cửa bằng nhung cùng trần cao vời vợi, treo những chùm đèn pha lê thật lớn, đang có mặt một cử tọa khoảng hai trăm người Việt gồm các sĩ quan quân đội và các chính trị gia có thành tích chống đối chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Trong e dè và thính lặng, họ quan sát tướng Dương Văn Minh cao lớn và chững chạc, trong bộ vét-tông mới may cắt, bước lên chiếc bục diễn thuyết có

gắn huy hiệu riêng của ông – một đồ hình hoa mai trắng trên nền màu xanh nhạt dịu dàng. Có kẻ bảo đó là hình ảnh lấy từ ý thơ lạc quan “nhất chi mai” trong Thiển tông Việt Nam. Có kẻ cho rằng nó được vẽ trại đi từ hoa lan, vì với biệt danh “tướng hoa lan”, ông nổi tiếng là người có nhiều hoa lan quý và đẹp nhất Sài Gòn. Có kẻ lại lập luận rằng nó có ý bày tỏ tinh thần hòa hiếu, và ý nguyện hòa hợp hòa giải của chính phủ ông với người anh em Cộng Sản ở bên kia chiến tuyến.

Joseph len lỏi qua đám đông chùng một trăm phóng viên ở cuối phòng khánh tiết để tới chỗ Naomi đang đứng bên toán truyền hình với vẻ mặt căng thẳng và điều khiển việc quay phim diễn tiến nghi lễ. Dưới bàn tay trái của Naomi đang đưa chiếc mũ sắt và nàng vẫn mặc áo giáp chống đạn màu xanh ô liu như hầu hết các phóng viên khác, những kẻ tất bật vô ra các tuyến đầu mặt trận, nơi lúc này chỉ cần vài phút xê dịch bằng xe hơi từ khách sạn của họ ở trung tâm thành phố là có thể tới ngay hiện trường. Cả Naomi lẫn Joseph đều tập trung tâm trí và bốn chôn lắng nghe Minh Cổ, cố tìm xem việc thay đổi lãnh đạo như một nỗ lực cứu vãn cuối cùng này có cho Joseph thêm được vài giờ để tìm cho ra Trinh không.

Dương Văn Minh bắt đầu phát biểu với giọng rưng rưng xúc động:

- Đồng bào cần thấy rõ rằng tình thế lúc này vô cùng nghiêm trọng. Những sự việc bi đát đang diễn ra từng phút từng giây trên xứ sở của chúng ta và chúng ta đang trả giá đắt bằng xương máu cho những sai lầm của mình. Tôi vô cùng đau buồn vì những biến cố đó và lúc này tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải tìm kiếm một cuộc ngừng bắn và mang lại hòa bình trên căn bản Hiệp định Paris... Những ngày sắp tới sẽ vô cùng khó khăn. Tôi không thể hứa hẹn nhiều với đồng bào...

Joseph lắc đầu thất vọng. Naomi nhìn quanh sảnh đường và bắt gặp bộ mặt ảm đạm mệt mỏi của chồng. Từ khi đặt chân xuống Sài Gòn cho tới lúc này, đã bốn mươi tám tiếng đồng hồ, Joseph chẳng chớp mắt chút nào. Suốt ngày suốt đêm, anh đi lang thang trong thành phố, cố tìm cho ra những nơi thường lui tới của các đầu mối liên lạc của Việt Minh thuở trước và Việt Cộng ngày nay trong các ngõ hẻm quanh co và giăng mắc mù mịt như cung mê và những xóm nhà tồi tàn lụp xụp dọc hai bên bờ mấy con kênh nước đen. Joseph bắt đầu bằng việc cho tiền hối lộ thật hậu hỉ những người hầu để mua chuộc và những người gác cửa khách sạn Continental Palace, Caravelle và các khách sạn lớn khác, những kẻ anh tin chắc họ lúc này không thể không làm mật báo viên cho Việt Cộng. Anh hứa sẽ cho thêm nhiều tiền nữa nếu

họ có thể nói cho anh biết làm thế nào liên lạc được với Triệu Hồng Trinh, một cán bộ mới mẻ và quan trọng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam vừa rời Hà Nội năm ngày trước đây để vào nam đảm trách công tác đặc biệt tại Sài Gòn. Anh âm thầm nhét tờ giấy bạc một trăm Mỹ kim vào tay họ. Đôi khi còn kín đáo cho họ thấy mấy bức ảnh anh chụp chung với Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp thời anh công tác OSS năm 1945. Trong liều lĩnh tuyệt vọng tìm cho ra Trinh, Joseph nói dối như máy, không cảm thấy hổ thẹn chút nào. Anh bảo mình là một nhà văn có cảm tình với chính nghĩa Cộng Sản và hiện có lý do để tin rằng đồng chí Trinh đang mang những tin tức bí mật và quan trọng do lãnh đạo của đảng Lao Động ở Hà Nội gửi vào và mong anh nhận được càng sớm càng tốt. Và chính vì tầm quan trọng sống còn của nhiều nhân vật Việt Cộng tại thủ đô Miền Nam nên nữ đồng chí ấy phải lập tức liên lạc với anh, ngay lúc vừa từ Miền Bắc Việt Nam đặt chân tới Sài Gòn.

Những người làm công cho khách sạn nghe và nhìn Joseph với ánh mắt nghi hoặc. Rồi sau khi chia tay nhận thêm tiền đứt lót, họ cung cấp một số danh tính cùng địa chỉ. Và anh khổ sở lần từng bước thật chậm theo các đường dây điều động bí mật dẫn qua những lối đi bùn lầy nước đọng và bước xuống những nhà đồ hôi

hám cấm neo làm thành những xóm lụp xụp bẩn thỉu trên kênh rạch của thành phố. Khắp mọi chỗ tiếp xúc tối tăm và dơ dáy ấy, người ta đón nhận những lời dò hỏi của Joseph bằng con mắt cảnh giác và những tiếng lẩm bẩm trong miệng. Không màng tới sự an nguy của bản thân, ban đêm Joseph còn đi ra cả những làng mạc ven đô mỗi khi dàn xếp được việc gặp gỡ người đầu mối ở đó. Và như thế, anh tin chắc rằng mình đang lần ngược trở lên hệ thống và càng lúc càng tiếp xúc được với cấp chỉ huy cao hơn của Việt Cộng. Nhưng tới đêm thứ hai Joseph thất vọng ngừng cuộc tìm kiếm vì xét thấy mình chỉ lần mò tới được cấp chỉ huy bậc trung. Và không một người đầu mối nào xác nhận họ có biết chút gì tới sự hiện hữu của đồng chí Triệu Hồng Trinh trong hàng ngũ của họ.

Hôm Chúa nhật, Joseph tới dự tất cả các thánh lễ cử hành tại Nhà thờ Đức Bà. Anh cố làm cho người ta để ý tới mình vì anh biết rằng trong rất nhiều năm, nơi này là chỗ cho những phái viên của Việt Cộng tiến hành việc móc nối lén lút các nhà báo nước ngoài khi có lợi cho họ. Nhưng tới khi mọi người ra về, không một tay trung gian nào tiếp cận anh. Sang sáng Thứ Hai, lòng ngập tràn thất vọng hơn bao giờ hết, Joseph đến phi trường Tân Sơn Nhứt. Anh tìm được cách vào Trại Davis, một cơ sở kiên cố mà theo Hiệp định Paris được dùng làm trú sở

cho phái đoàn liên hiệp quân sự. Họ gồm hai trăm bộ đội thuộc Quân Đội Nhân Dân của Bắc Việt cùng với một nhóm ít người hơn gồm các viên chức Việt Cộng thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Trên lý thuyết, họ có mặt tại đó để giám sát việc ngừng bắn vốn bắt đầu từ năm 1973 nhưng mọi người thừa biết rằng các sĩ quan Bắc Việt ấy là cán bộ chính trị nguy trang của Hà Nội. Và suốt hai năm nay, cứ mỗi sáng Thứ Bảy, họ xúc tiến một cuộc họp báo quái đản để cổ động cho đường lối tuyên truyền của Hà Nội.

Trên đường tới Trại Davis, lần đầu tiên Joseph thấy các đám người Việt mỗi lúc một đông, đang chờ di tản bằng những chuyến máy bay C-130 của Không lực Hoa kỳ cất cánh rời phi đạo theo những thời điểm cách nhau đều đặn. Phòng luyện tập của DAO: Defense Attached Office – Cơ quan Tùy viên Quân lực Hoa Kỳ, trở thành một trung tâm điều hành việc tị nạn. Tại đó, quang cảnh những người đàn ông, đàn bà và trẻ em giữ chặt túi đồ đạc của mình trong khi chờ rời bỏ quê hương bản quán ra đi khiến cho cảm giác báo động của Joseph bốc lên thật cao. Trong một cơn bồng bột, Joseph quyết định tiết lộ gần hết sự thật của việc anh quan tâm tới Trình cho viên đại tá Hà Nội, thủ trưởng phái đoàn Cộng Sản ở Trại Davis. Joseph xin gặp bằng cách gởi bức ảnh OSS của mình kèm theo

một mảnh giấy nhỏ ghi đầy đủ họ tên Triệu Hồng Trinh và lý do của việc anh tha thiết tìm cho ra đứa cháu ngoại. Nửa giờ sau, viên đại tá mắt ti hí ấy tiếp anh, lắng nghe câu chuyện của anh với bộ mặt không lộ chút cảm xúc. Kể đó, ông ta gọi một phụ tá tới tiền Joseph ra cửa rồi nói với anh:

- Tôi chẳng biết tí gì về những điều ông vừa nói.

Tới lúc Joseph rời phi trường Tân Sơn Nhứt, số lượng đông đảo những người tị nạn xếp hàng ra đi phình lên thấy rõ. Toán lính Thủy quân Lục chiến Mỹ ít ỏi được đưa sang đây trong tuần lễ vừa qua để giữ trật tự cho cuộc di tản đang vất vả thuyết phục những người Việt hoảng loạn đừng vứt lung tung xe hơi của mình làm nghẽn lối vào phi trường. Trên đường về lại trung tâm Sài Gòn, vừa qua khỏi Lăng Cha Cả được một quãng, Joseph dần dần bị kẹt cứng giữa cả chục ngàn người dân Sài Gòn. Họ hầu hết là quân nhân các nơi vừa chạy thoát về Sài Gòn và tín hữu Công giáo mà gia đình hơn 20 năm trước đã vượt thoát Miền Bắc, di cư vào nam. Họ tấp nập kéo nhau tới giáo xứ Tân Sa Châu để ngóng từng lời diễn thuyết của cựu phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ. Đứng trên bục cao ở một góc sân thánh đường, mắt đeo kính đen, mình mặc bộ đồ trắng ủi thẳng nếp, vị thiếu tướng không quân hồi hưu nổi tiếng ăn nói bôác đồng

và hành động đầy khinh suất đó đang hô hào quân dân thủ đô hãy cùng ông ở lại tử thủ Sài Gòn. Ông hứa hẹn nếu Sài Gòn có bị thất thủ, lúc ấy ông sẽ cùng đồng bào rút xuống cố thủ ở Miền Tây. Lấy giọng thật trầm và thật ảm, ông tâm sự rằng mình sẽ không bao giờ chạy sang Mỹ vì không chịu được lối sống của Mỹ, và tại quê hương này, lúc nào cũng có sẵn rau muống và mắm cáy là hai món ăn ông thích nhất.

Không lách qua được đám đông ấy, Joseph phải tấp chiếc xe mướn của mình vào đậu một bên đường và xuống xe, bắt đầu đi bộ dọc theo đường Trương Minh Ký. Đi chưa được bao lâu, tới đường Trương Minh Giảng, qua một cổng xe lửa, anh nhận ra mình đang ở vùng xứ đạo Bùi Phát. Đó là khu vực mới sáng nay, trong cuộc pháo kích vào thành phố, quân Cộng Sản đã bắn trúng và san bằng trọn quãng đường phố chạy ngang một xóm nhà lụp xụp tồi tàn, mái lợp tôn, nằm tùm tùm vào nhau. Khói vẫn còn bốc lên trên những đồng đồ nát bị lửa cháy lan sáng nay. Từ các xác nhà đổ sụp, người ta vẫn còn moi ra thi thể người đã chết và người sống sót bị cụt chân gãy tay. Thân nhân ngồi thành từng nhóm nhỏ khóc sụt sùi. Người đi ngang cũng tụ thành từng đám, đứng nhìn choáng váng. Khi tới gần góc phố điều tàn ấy, Joseph thấy một nạn nhân bị phỏng rất nặng vì cuộc pháo kích, đang được người ta lôi ra từ bên dưới

những gì tan nát còn lại của một túp lều mái tôn cong vồng.

Joseph đứng ngó với cảm giác càng lúc càng thêm hãi hùng khi hai người lính túm hai cổ chân cháy thành than giật mạnh và phần thân thể còn lại bị kéo tuột ra ngoài, vọng lên tiếng rên rỉ yếu ớt. Bỗng tin rằng nạn nhân đó là một thiếu nữ, anh bất giác chạy tới, la lớn. Thân mình cùng tứ chi đen như khúc củi than, giập lên. Tóc trên đầu cháy trụi. Đôi mắt màu nâu thật sáng, tròn tròn xoe đau đớn, đảo lia đảo lịa. Hai môi đen đui mấp máy nhưng không thoát ra thành tiếng. Joseph chụp bị đông của một người lính, ra hiệu cho họ hạ thấp chiếc cáng nạn nhân xuống trong khi anh nhỏ vài giọt nước vào cổ họng cháy sém ấy. Anh nghe vọng lên thêm một tiếng rên khe khẽ và thống thiết khi cơn co giật vì đau đớn làm thân thể nạn nhân rùng mạnh. Và lúc ấy Joseph mới thấy ra trên mình nạn nhân hầu như không còn một mảnh vải vì chúng đã cháy theo ngọn lửa khi nó thiêu rụi mọi sự. Cái anh tưởng chiếc quần đen nylon thật ra chỉ là lớp da bị giập lên. Lúc ấy anh cũng nhận ra nạn nhân là một thanh niên. Dù vẫn cảm thấy cực kỳ kinh hãi, Joseph thở ra nhẹ nhẹ, lòng dịu lại đôi chút. Khoảnh khắc sau, người tuổi trẻ ấy rùng mình rên lên tiếng cuối cùng rồi từ trần. Hai người lính Việt Nam đang nôn nóng chờ với vẻ mặt ác cảm khi nhìn

Joseph, lúc này tiếp tục công tác của họ là dọn dẹp tử thi chưa ai nhận ấy.

Đứng hồi lâu giữa những đổ nát do các phát hoả tiễn gây ra Joseph cảm thấy lòng choáng váng không kém người dân trong xóm đang đứng chung quanh anh. Ai nấy đều nhận ra rằng cuối cùng cuộc chiến đã xâm phạm tới trung tâm thủ đô, nơi suốt gần ba mươi năm qua, Sài Gòn hiện hữu như một phép lạ giữa những trận đánh đẫm máu diễn ra khắp bốn phương tám hướng chung quanh nó. Chỉ một ít ngoại lệ như cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân vào bảy năm trước, cuộc pháo kích bằng hoả tiễn năm 1971, và vài ba vụ đánh phá bằng chất nổ vào nhà hàng hay vũ trường thường có người nước ngoài lui tới, thủ đô của Nam Việt Nam lúc nào cũng là một ốc đảo tương đối thanh bình trong một đại dương sôi sùng sục vì chiến tranh. Nay khi ngày tiếp tục và những đám mây đầu mùa mưa làm đen kịt bầu trời thủ đô, trong không khí Sài Gòn dường như đang hiện hữu điều gì đó rất cụ thể tới độ người ta có thể sờ mó được, báo hiệu một cách chắc chắn rằng chiến tranh đang tiến vào rất gần.

Hình ảnh thi thể cháy đen của người thanh niên lại hiện về ám ảnh trí tưởng của Joseph hết giờ này qua giờ khác khi anh tiếp tục lùng tìm Trinh. Rồi dần dà, nó diễn đi diễn lại mãi và trở thành một biểu tượng cho sự kinh khiếp

hải hùng. Trong khi lắng nghe diễn từ chỉ toàn là kỳ vọng của Dương Văn Minh anh lại nghĩ tới hình ảnh đó vì qua những gì vị tân tổng thống Nam Việt Nam phát biểu, người ta có lẽ sớm nhận ra rằng trong tâm tư ông hẳn cũng đang tràn ngập những ý nghĩ tương tự. Lần đầu tiên Dương Văn Minh nhắc tới và gọi thẳng cái tên tự xưng của “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam”. Ông nói rằng lúc này toàn dân muốn sự “hoà giải” trên hết mọi sự. Nhưng cung giọng của Minh Cổ gợi cho thấy ông không dám đặt hy vọng vào việc Việt Cộng hoặc người Bắc Việt sẽ có nhiều nhượng bộ vì lúc này, chiến thắng hoàn toàn về quân sự đang nằm trong lòng bàn tay của họ.

Cố sức bơm thêm niềm tin tưởng vào lời lẽ của mình, Dương Văn Minh nói:

- Việc hoà giải đòi hỏi anh em bên này lẫn anh em bên kia đều phải tôn trọng quyền sống của nhau. Tôi kêu gọi anh em bên kia ngưng ngay lập tức những cuộc tấn công lẫn nhau để chấm dứt những khổ đau của dân chúng, cùng nhau ngồi vào bàn hội nghị để tìm những giải pháp hữu ích cho quốc gia dân tộc. Vị tướng chất phác và lực lưỡng ấy ngừng một chút, hít vào một hơi thật dài, mắt không nhìn cử tọa. Ông nhận thức rõ ràng rằng mình đang nói qua vô tuyến truyền hình phát trực tiếp tới tai mắt của nhiều người bên ngoài đại sảnh khánh tiết này:

- Với tất cả tấm lòng chân thật của mình, tôi hy vọng rằng lời kêu gọi này sẽ được anh em bên kia đón nhận...

Đúng khoảnh khắc ấy, toàn bộ dinh tổng thống rung động bởi một tiếng nổ long trời. Chớp loé lên rực sáng bầu trời bên ngoài, hất tung những chiếc màn lớn treo trên các cửa dẫn ra hàng hiên. Một luồng gió mạnh ào tới, tạt nước mưa vào phòng khánh tiết trong khi cơn bão đầu mùa gió chướng bùng nổ cực kỳ dữ dội. Và khi các cửa lớn được đóng kín trở lại, tổng thống Dương Văn Minh cất cao giọng để cử tọa nghe rõ hơn, át tiếng sấm tiếp tục rền vang bên ngoài. Mặt nghiêm trọng hơn trước, ông nói:

- Thừa đồng bào, trong những ngày vừa qua, tôi có thể nhận thấy rằng có nhiều người đang âm thầm rời bỏ xứ sở này. Tôi muốn nhắc nhở toàn thể đồng bào rằng đây là quê hương yêu quý của chúng ta. Xin đồng bào hãy can đảm, hãy ở lại và chấp nhận số phận mà Thượng đế... Tiếng sấm lại nổ thêm lần nữa và rền vang đỉnh tai buốt óc. Chờ cho tới khi lặng tiếng sấm, Dương Văn Minh thêm lần nữa ngược mặt và nhìn cử tọa bằng ánh mắt van lơn:

- Xin hãy ở lại và cùng đứng bên nhau - tái xây dựng Miền Nam Việt Nam! Xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và thịnh vượng. Và như vậy người Việt Nam sẽ sống với người Việt Nam trong tình nghĩa anh em.

Ngừng lại lần chót, Minh Cổ đưa mắt nhìn quanh phòng khánh tiết, như một người cố tỏ ra can trường nhận biết, một cách trợn vện, rằng rồi ra bản thân mình có thể sẽ bị nhấn chìm bởi cơn thủy triều lịch sử không cưỡng lại nổi. Cuối cùng, giọng trầm hẳn, ông nói thêm: “Xin cảm ơn quý vị và toàn thể đồng bào”. Nhưng lời ấy không tới được tai cử tọa trong phòng khánh tiết vì mọi người đang bị nhấn chìm bởi một loạt sấm vang rền khác.

Khi cuộc tụ họp bắt đầu tán ra, Naomi bước tới bên Joseph, nắm cánh tay chống an ủi. Với vẻ mặt rúm ró, anh ưỡn người lên, nhún vai cam chịu. Kể từ lúc tới Sài Gòn, Joseph hỏi tới hỏi lui Naomi nhiều lần về lời nhắn gởi đã được nàng nhận từ người ký giả Pháp. Và lần nào nàng cũng kiên nhẫn kể đi kể lại với anh rằng một cô gái tên Trinh họ Triệu liên lạc với người đại diện của Hãng Thông tấn AFP tại Hà Nội, đưa cho anh ta một tờ giấy và kể cho anh ta nghe việc Trần Văn Kim biến mất sau khi bị loại khỏi Bộ Chính trị. Đối lại tin tức đó, cô gái yêu cầu anh ta bí mật liên lạc với một người Mỹ có tên là Joseph Sherman và chuyển lời rằng ông cậu ngoại của Triệu Hồng Trinh đã sắp xếp cho cô ta xâm nhập Miền Nam với tính cách một cán bộ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Cô gái ấy nói rằng do việc Trần Văn Kim bị trừ khử, cô ta sợ cho tương lai của mình nếu còn ở lại

Miền Bắc. Lúc này rõ ràng quân đội Bắc Việt sắp hoàn toàn chiến thắng tại Miền Nam nên cô gái ấy cảm thấy nếu mình có vào Nam ở đi nữa cũng không có tương lai. Đó là lý do tại sao cô ta muốn Joseph Sherman giúp đỡ để ra khỏi nước Việt Nam. Cho tới lúc ấy, đảng không đưa ra lời tuyên bố nào về Trần Văn Kim nhưng ngay sau đó, anh ký giả Pháp biết từ một người đưa tin đáng tin cậy rằng ông ta đã chết trong một vụ xe lật.

Naomi nói trầm giọng:

- Joseph ạ, anh đừng có vẻ lo lắng quá như thế. Có thể anh bạn AFP kia vì lý do nghề nghiệp giữ lại một số chi tiết. Có thể chuyến đi của Trinh bị trì hoãn. Cũng có thể tại những khu vực Cộng Sản kiểm soát, đường đi lại lúc này rất lộn xộn.

Joseph không trả lời. Anh nhướng mắt nhìn quá ra sau vai của Naomi, tới đám đông các dân biểu và thượng nghị sĩ quốc hội đang đứng thành từng nhóm bên dưới các chùm đèn, thảo luận về bài diễn văn nhậm chức của Dương Văn Minh. Naomi vừa hỏi vừa quay mình theo ánh mắt chồng:

- Gì vậy?

- Trần Văn Tâm! Coi kia, anh ta đang nói chuyện với vị thủ tướng mới. Vẫn là một con tắc kè chính trị xuất sắc không chệ vào đâu được! Dù gì anh ta cũng phải cố chuyển mình từ chế độ Thiệu qua phía những người trung lập.

Joseph lật đặt đi tới người Việt Nam ấy. Vừa quay lại Tâm đã thấy Joseph đứng sát khuỷu tay mình. Anh anh chìa bàn tay:

- Vậy là anh tới đây để chứng kiến màn chót tẩn tẩm kịch của đất nước chúng tôi, phải không Joseph? Chúng tôi đang làm tất cả những gì có thể làm nhưng chúng tôi hiện không còn chút sức mạnh nào để mặc cả. Việc tuyên thệ nhậm chức của tân tổng thống chỉ kiếm được nhiều nhất cho chúng tôi một ít thì giờ thôi.

Tâm nói những lời ấy với giọng thật thấp không để những người đứng chung quanh nghe. Rồi anh ta mỉm cười buồn bã. Joseph gật đầu:

- Nhưng còn kế hoạch riêng của cá nhân anh thì sao? Liệu anh có nằm trong số những người hưởng ứng lời kêu gọi ở lại và chấp nhận số phận được Thượng đế an bài cho mình không?

Người Việt Nam cười khúc khích rồi bồn chồn đưa mắt nhìn quanh trước khi trả lời:

- Với lòng yêu nước nồng nàn, tôi muốn hưởng ứng, nhưng cũng giống như những kẻ khác, tôi e sợ những gì Cộng Sản sẽ làm. Tôi đã phòng ngừa bằng cách cho vợ tôi và cả nhà rời khỏi Sài Gòn. Họ hiện ở Thái Lan.

Joseph hỏi như thì thầm:

- Vậy anh có tính chuyện đưa luôn ra ngoài ít nhiều của cải không?

Tâm lại khúc khích cười với vẻ bối rối:

- Có, cũng đã có tính trước chuyện phòng xa như thế cho chắc ăn.

- Và bằng cách nào bản thân anh ra đi được? Trong phi trường, người ta càng lúc càng bu đông như kiến!

Bộ mặt Tâm cau lại thành một nụ cười như có tính toán sẵn:

- Vị đại sứ của anh lúc nào cũng đối xử với tôi như một người bạn tốt. Anh biết không, tôi luôn luôn làm hết sức mình để có thể cung cấp cho ông ấy quan điểm riêng của tôi về các công việc của chính phủ chúng tôi. Như để bày tỏ lòng biết ơn, ông ấy bảo đảm cho tôi một chỗ trên máy bay của toà đại sứ nếu cần phải di tản đột ngột.

- Và làm thế nào anh thoát khỏi sự qui kết rằng bản thân anh cũng từng có những sai phạm lâu dài không kém gì tổng thống Thiệu?

Tâm lại nở thêm trên môi một nụ cười:

- Một sự khôn ngoan rút lui khỏi chức vụ của mình tại Bộ Thông tin vào tuần trước – khi đã thấy rõ gió đang thổi về hướng nào. Nhưng nói cho tôi biết có phải anh đang viết thêm một cuốn sách nữa? Có phải đó là lý do khiến anh quay lại Sài Gòn trong tình thế nguy hiểm này? Joseph lắc đầu:

- Không phải vậy đâu anh Tâm. Thực tế, tôi tới đây vì việc vừa xảy ra cho Trần Văn Kim, em của anh, ở Hà Nội. Tôi rất buồn khi nghe tin ấy.

Tâm lắc đầu thờ dãi:

- Tình huống cái chết của em tôi rất lạ lùng nhưng tôi không hiểu tại sao nó lại tác động tới anh?

- Có thể anh không biết, nhưng Tuyết và con trai của nó bị tử nạn trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh năm 1972. Chỉ còn con gái của Tuyết là Trinh sống sót. Kim là người thân duy nhất của Trinh ở Hà Nội. Lúc này, Kim đi rồi thì Trinh cô độc và rất sợ hãi. Hình như Kim có bảo trước cho Trinh biết làm thế nào nhả tôi qua một ký giả Pháp tại Hà Nội. Và Kim cũng chuẩn bị sẵn giấy tờ để Trinh có thể âm thầm thâm nhập Miền Nam chung với các cán bộ Bắc Việt khác. Tâm tròn xoe mắt:

- Như vậy anh tới đây tìm nó để mang nó ra khỏi Việt Nam?

Joseph âm thầm gật đầu, giọng chua xót và tuyệt vọng:

- Đúng, nhưng tôi tìm không ra nó. Tôi đã cố liên lạc với hết thầy các đầu mối mà mình biết. Anh biết có ai ở phía bên kia giúp được không?

Trong mắt người Việt Nam hiện lên vẻ đề phòng:

- Tôi không làm nổi việc đó đâu... Tôi rất tiếc. Giống như những kẻ khác, tôi còn phải lo lắng đủ thứ cho thân mình.

Tâm dợm chân muốn bỏ đi nhưng Joseph túm vai xoay người anh ta lại:

- Anh Tâm này, Trinh cũng là ruột thịt của anh! Người như anh chắc chắn phải có những liên lạc riêng của mình với phía Việt Cộng.

Joseph ngừng nói. Quai hàm bỗng đánh lại, anh gằn giọng:

- Có lẽ tôi nên đề cập vấn đề đó với ông đại sứ và yêu cầu ông ấy hủy chỗ của anh trên máy bay trực thăng!

Mặt Tâm biến sắc xanh lè. Anh ta hoác miệng cười hót hải và nhìn Joseph một lúc lâu với vẻ cảnh giác. Rồi mắt anh ta loé sáng:

- Tại sao anh không hỏi ý kiến người bạn của anh trong “phòng trắng”?

Joseph ngó Tâm chăm chăm, sùng sốt:

- Anh biết gì về người đàn ông trong phòng trắng đó?

- Chú em Guy của anh kể hết cho tôi nghe việc anh ta từng đưa anh tới xà lim đó để cố nhận diện hắn. Anh ta nghĩ anh nhận ra hắn qua những ngày xa xưa ở Bắc kỳ nhưng anh không chịu nói ra điều đó.

Joseph lắc đầu không tin nổi. Bảy năm trời trôi qua từ ngày anh ghé lại cái xà lim trắng toát và bí bùng, nơi giam hãm bộ xương run lẩy bẩy của Đào Văn Lật. Anh hỏi với giọng ngờ vực:

- Anh ta còn ở đó sao?

Tâm gật đầu:

- Vâng, và vẫn ngậm kín miệng – từ lâu người ta không còn thẩm vấn hắn. Hắn không bao giờ để lộ điều gì về tổ chức của Mặt trận Giải phóng. Nhưng lúc này đang tới hồi kết cuộc, có thể hắn làm một ngoại lệ – cho một người bạn cùng chiến đấu mà trong quá khứ đã chứng tỏ lòng trung thành đối với hắn.

Joseph lại túm vai Tâm:

- Tôi sẽ cố! Anh sắp xếp cho người bên an ninh của anh giúp tôi tới đó thăm anh ta – mà tắt hết các ống kính và mi-crô đi.

Tâm lẹ làng gật đầu:

- Tôi sẽ vì anh mà gọi liên vại cú điện thoại. Xin đợi tôi tại khách sạn anh ở cho tới lúc nhận được tin của tôi.

- 8 -

Hai mươi bốn giờ sau, lúc trời vừa sẩm tối ngày Thứ Ba 29 tháng Tư, Joseph ngồi chồm hổm bên chiếc ghế đầu sơn trắng đặt chính giữa phòng giam sơn cũng màu trắng. Anh tiếp tục nhìn chăm chặp khuôn mặt choắt cheo trên bộ xương co rút trong khi tâm tư mình càng lúc càng tuyệt vọng. Suốt những năm dài tro mình trong bầu không khí buốt giá, da trên mặt và trên khắp thân thể Đào Văn Lật dường như chun lại khiến nó tự động co rút, bọc sát xương và biến khuôn mặt anh thành như một đầu lâu. Tóc Lật hoá ra trắng xóa như mọi thứ trong xà lim. Hai mắt anh lóe một cách quái đản, lấp lánh trong hai hốc mắt sâu hoắm như hai chiếc hố thăm thẳm. Vẫn ngồi gập người, hai cánh tay tựa hai que củi ôm chặt thân mình như anh từng làm như thế trong lần cuối Joseph gặp anh dạo đầu năm 1968. Lật vẫn mặc độc nhất trên người chiếc quần cụt tả tơi. Cơ thể gầy đét của

anh dường như hoàn toàn không đủ thịt để lưu dưỡng sự sống. Nhưng cũng như bảy năm trước, Lật chẳng chút để ý tới tình trạng khốn khổ của mình. Anh vẫn ngồi trên chiếc ghế đầu ấy, hoàn toàn hờ hững và không chút nhúc nhích. Mắt vẫn nhìn đăm đăm và trống rỗng tới bức tường trắng toát trước mặt.

Joseph lặp lại lần thứ hai với giọng hết sức nhản nại:

- Anh Lật này, anh nghe tôi nói đây. Chiến tranh sắp chấm dứt. Các mi-crô ở đây đã được tắt hết. Chỉ lát nữa thôi, anh và hết thầy tù nhân chính trị sẽ được thả ra theo lệnh của tổng thống Dương Văn Minh. Nội hai mươi bốn giờ nữa, lực lượng của các anh chắc chắn sẽ toàn thắng trong vinh quang. Họ đang vào tới vùng ngoại ô Sài Gòn – nhưng trước khi họ tới đây, anh phải giúp tôi một việc!

Trong thế ngồi chồm hồm, Joseph thụt lùi một chút. Anh cẩn thận xem xét vẻ mặt Lật thêm lần nữa nhưng người Việt Nam không tỏ dấu hiệu có nghe anh nói. Thay vào đó, Lật tiếp tục nhìn thẳng tới trước, mắt không chút nhấp nháy. Lòng Joseph nhoi nhói nổi e ngại rằng biết đâu Lật đã hoàn toàn mất trí.

Anh cúi đầu tới gần hơn, căng hết hệ thần kinh trong cơ thể của mình ra để phá cho vỡ trạng thái có vẻ lạc thần dường như người tù Việt Nam đang đắm chìm trong đó:

- Anh Lật này, cháu anh, Trần Văn Kim, qua đời rồi. Anh ấy bị thất sủng, bị loại khỏi Bộ Chính trị và cách đây một tuần, đã chết trong một vụ lật xe. Đó là lý do khiến tôi phải cần tới sự giúp đỡ của anh.

Thêm lần nữa Joseph rút trong túi áo ra bức ảnh của Tuyết khi còn con gái mà lúc này, anh đã hai lần đưa lên ngay trước con mắt vô hồn của Lật:

- Tôi và Lan, em của Kim, cháu gái gọi anh bằng cậu ruột, yêu nhau vào những năm “ba mươi”. Chúng tôi có một đứa con gái tên là Tuyết. Khi lớn lên Tuyết trở thành Tuyết Lương. Nó phục vụ hết mình cho chính nghĩa của các anh tại lục tỉnh. Có thể anh không bao giờ biết rằng nó có bà con với anh. Nhưng anh nhìn đây. Nó đây này. Nó đang đứng với tôi bên ngoài trường học của nó tại Sài Gòn đây này!

Joseph lại chuỗi mấy bức ảnh khác tới trước mặt Lật và chờ. Ngay lúc vừa bước vào xà lim, anh đã cho Lật thấy mấy bức ảnh anh chụp chung với Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp. Và anh nhắc lại sự việc Lật và anh gặp gỡ nhau như thế nào tại Huế năm 1925. Anh cũng nhắc lại chuyện Lật chống bè nửa chò anh xuôi dòng sông Kỳ Cùng như thế nào để tới hang Pắc Bó sau khi chiếc máy bay Warhawk của anh bị rớt. Nhưng Lật không để lộ dấu hiệu nào, dù nhỏ nhất, cho thấy mình có hiểu hoặc có nghe.

Bằng lối nói thật chậm như đang nói với trẻ nhỏ, Joseph tiếp tục:

- Tuyết Lương bị giết trong trận không tập Hà Nội hồi lễ Giáng Sinh ba năm trước đây. Nhưng có một đứa con gái của nó sống sót, tên là Trinh. Anh là ông cậu cố của Trinh. Trinh được ông cậu ngoại Trần Văn Kim trông nom sau khi mẹ của nó chết. Nhưng lúc này Kim cũng đã chết. Và Trinh chẳng còn ai bà con ở Miền Bắc. Nó yêu cầu tôi giúp nó. Nó muốn theo tôi rời Việt Nam nhưng lúc này tôi không cách gì tìm ra dấu vết của nó. Kim đã sắp xếp cho nó xâm nhập Sài Gòn như một cán bộ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Nhưng tôi cần danh tính của viên chỉ huy trưởng an ninh của chính phủ đó để có thể yêu cầu ông ta tìm Trinh cho tôi. Anh giúp tôi việc đó có được không? Nói vừa xong, Joseph đưa hai mắt van lơn nhìn thẳng vào mặt Lật. Nhưng người Việt Nam vẫn ngồi bất động trên ghế đầu như thể chỉ có một mình anh ta trong căn phòng. Joseph đứng dậy, khịt khịt mũi, giận điên người. Nhìn đồng hồ thấy đã hơn sáu giờ tối. Trong một thoáng, quên mất xà lim bị cách âm, anh nhong tai lên cố nghe cho ra tiếng máy bay trực thăng của Mỹ từ Hạm đội Bảy đang tiến hành cuộc di tản khổng lồ đã được bắt đầu từ trưa nay. Trên đường hót hải chạy tới bản doanh cũ này của Sở Liêm phóng Pháp ở bót Catinat cũ, Joseph thấy từng đoàn

trực thăng Sea Stallion, Chinook và Jolly Green Giant phân phát bay qua các mái nhà, bốc hết lượt này tới lượt khác khoảng một ngàn người Mỹ còn kẹt lại.

Người ta thành lập hai khu vực lên đường – một ở sân quần vợt tại Tân Sơn Nhứt và một ở bãi cỏ trong khuôn viên Toà Đại Sứ Hoa Kỳ. Trực thăng bay vào bay ra như thoi đưa, chở người di tản ra bốn chục chiếc chiến hạm Mỹ đang đậu ngoài khơi Biển Đông. Những chiếc trực thăng của hàng không CIA nhỏ hơn, sơn màu bạc, mang huy hiệu Air America, nổi bật giữa những vệt khói và làn hơi nước của những chiếc máy bay lớn hơn của các cơ quan khác. Chúng đang lao tới hoặc đang cất lên từ các sân thượng trên nóc nhà, nơi tập trung những nhóm nhỏ người Mỹ cùng với những người Việt nào lo sợ sẽ đối mặt với thần chết hoặc bị tù đày trong bàn tay Cộng Sản vì những liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ. Khi người ta biết được rằng nhiều người Việt muốn ra đi sẽ bị bỏ lại, đã thấy rõ rệt khắp thành phố xuất hiện những dấu hiệu hoảng loạn. Lúc này, nhớ tới tình trạng đó, Joseph bắt đầu rùng mình, sải chân bước tới bước lui trên sàn xà lim trắng toát.

Chiều hôm qua, chỉ vài phút sau lễ tuyên thệ nhậm chức của tổng thống Dương Văn Minh, những gì diễn ra như một bằng chứng cụ thể cho thấy sự nhượng bộ chính trị cuối cùng và

nhục nhả ấy là vô ích. Ngay trước khi các chính trị gia chưa bước ra khỏi Dinh Độc lập, các chiến đấu cơ của chính phủ bị đối phương tịch thu được trước đó lúc này do phi công Bắc Việt lái, bắt đầu thả bom xuống căn cứ quân sự Tân Sơn Nhứt. Chỉ trong vòng mấy phút, cuộc oanh tạc ấy hủy diệt bộ phận sau cùng của Không lực Việt Nam Cộng Hòa.

Rồi cũng chính những chiến đấu cơ đó bay sà ngang trung tâm Sài Gòn. Tiếng chúng gầm rú điếc tai thủng óc sát các mái nhà hiệp với những khẩu súng lớn gắn hai bên cánh xả đạn xuống thành phố đã đẩy thủ đô chìm ngập trong cơn hoảng loạn. Từ các cao ốc dưới đất, súng phòng không khai hỏa. Và những người có sẵn súng tiểu liên cũng bắt đầu nổ chỉ thiên trên đường phố vì họ cho rằng Việt Cộng đang lạng lẽ phóng ra cuộc tấn công tối hậu.

Các đại lộ với những hàng cây thẳng tắp chất ngất những tiếng động hoang mang của chiến trận. Joseph và Naomi cùng với hàng trăm người khác chạy tới trú ẩn trên nền đá trong Nhà Thờ Đức Bà. Lời tuyên bố giới nghiêm hăm bốn trên hăm bốn giờ làm họ kẹt lại tại đó cho tới khuya. Khi lối mình ra được, họ khám phá rằng Cộng Sản, qua người phát ngôn ở Trại Davis, lại vừa nêu ra những đòi hỏi mới về chính trị mà rõ ràng chỉ để giống hồi chuông báo tử cho Sài Gòn.

Cộng Sản bảo rằng chính quyền của tổng thống Dương Văn Minh phải “tuyên bố ủng hộ cách mạng và yêu cầu hết thảy người Mỹ lập tức rút khỏi Việt Nam.” Họ còn ngụ ý một cách ngạo nghễ rằng cuộc tấn công tối hậu vào Sài Gòn sẽ khởi sự lúc nửa đêm Thứ Ba 29 tháng Tư và rằng lúc đó, người Mỹ nào không di tản phải gánh chịu mọi hậu quả.

Tới đây đã tắt ngúm mọi hy vọng điều đình của chính phủ Dương Văn Minh. Sự thay đổi giọng điệu của Cộng Sản đối với chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ cho thấy rõ rằng Minh Cổ chỉ còn lối thoát duy nhất là đầu hàng vô điều kiện và chờ thời điểm bàn giao cho chính phủ Cách mạng Lâm thời MNVN. Nếu sự việc diễn ra đúng theo thủ tục đó thì trên thực tế, Hiệp định Paris giờ đây không còn hiệu lực là do ý nguyện của cả hai bên người Việt và chính quyền sắp tới tại Sài Gòn có đủ tính cách kế tục hợp pháp về mặt công pháp quốc tế để tiếp quản các nghĩa vụ, tài sản và công nợ của chính phủ VNCH trên khắp thế giới.

Trước thế tiến thoái lưỡng nan và cố làm hết sức mình để kêu gọi thiện chí của Cộng Sản, Dương Văn Minh gửi văn thư hỏa tốc yêu cầu đại sứ Hoa Kỳ “ra chỉ thị cho các nhân viên của Cơ quan Tùy viên Quân lực DAO rời khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ đồng hồ kể từ ngày 29 tháng 4 để vấn đề hoà bình Việt Nam sớm

chóng được giải quyết.” Văn thư ấy được thủ tướng Vũ Văn Mẫu, chủ tịch Lực lượng Hoà giải Dân tộc, đọc đi đọc lại trên đài phát thanh ngay trưa hôm đó. Như thế, Hoa Kỳ đã có lý do chính thức để chấm dứt hoàn toàn sự can dự ở Việt Nam. Sự ra đi tối hậu của Hoa Kỳ rốt cuộc là do bởi chính phủ Nam Việt Nam chính thức và công khai yêu cầu.

Mọi diễn tiến từ suốt cả tháng nay và đặc biệt trong mấy ngày qua tại Sài Gòn dường như thể hiện có lớp lang, đúng theo một kịch bản nào đó tuy đầy đột biến nhưng rất chặt chẽ, của một tác giả và đạo diễn quốc tế lão luyện. Cuộc chiến tranh Việt Nam kết liễu không để lại một hệ quả pháp lý hoặc tài chính nào cho Hoa Kỳ, nghĩa là Mỹ rửa sạch tay mọi hình thức cam kết công khai lẫn bí mật với hai Miền Nam bắc Việt Nam, và chữ ký của Kissinger trên các nghị định thư của Hiệp định Paris bị chính hai chính phủ Hà Nội và Sài Gòn vô hiệu hoá.

Vài giờ sau, lực lượng Bắc Việt phóng ra một cuộc pháo kích bằng hoả tiễn với mức độ nặng nề nhất cuộc chiến vào Tân Sơn Nhứt. Một chiếc máy bay khổng lồ C-130 của Không lực Hoa Kỳ có nhiệm vụ chở người tị nạn tới đảo Guam bị bắn nát ngay trên phi đạo. Trong số hàng ngàn người Việt đang chờ tại trung tâm xúc tiến tị nạn có nhiều người thương vong, và có hai lính TQLC trẻ thuộc lực lượng giữ an ninh

di tản bị hoả tiễn giết chết. Chính những cái chết đầu tiên ấy của lính Mỹ xảy ra sau hai năm tính từ ngày Hoa Kỳ bắt đầu rút khỏi Việt Nam đã làm Ford, vị tổng thống đang khắc khoải tại Washington, hủy bỏ việc không vận bằng máy bay có cánh tại Tân Sơn Nhứt và ra lệnh lập tức bắt đầu cuộc di tản bằng máy bay lên thẳng có mã danh là “Operation Frequent Wind: Chiến Dịch Ngọn Gió Thường Xuyên.”

Hậu quả là tiếng riu rữa và tiếng cưa đốn ngã hình hài xương xẩu của cây me lâu đời trên bãi cỏ đằng trước, trong khuôn viên Toà Đại Sứ, vào giữa buổi sáng, như tượng trưng cho sự thừa nhận tối hậu của Hoa Kỳ rằng nó đã thất bại trong những nỗ lực cứu Nam Việt Nam khỏi bàn tay Cộng Sản. Bãi cỏ ấy là chỗ độc nhất trong Toà Đại Sứ mà máy bay trực thăng không lỡ có thể đáp an toàn.

Joseph đứng ngó cây me ngã gục, rồi rời khu nhà sứ quán vào khoảng mười giờ rưỡi sáng. Lúc còn ở bên trong Toà Đại Sứ, anh đã liên lạc với một người quen hiện đang điều hành phân sở CIA nơi các tầng trên để lấy một lời hứa chắc chắn rằng sẽ dành hai chỗ cho anh và Trinh trên một trong các chuyến trực thăng chót. Sau đó chẳng bao lâu, dấu hiệu bí mật đã chuẩn bị sẵn cho cuộc di tản được loan báo trên Đài Phát thanh Quân đội Hoa Kỳ. Cứ cách mười lăm phút, phát thanh viên lại cất tiếng ngân nga:

“Nhiệt độ ở Sài Gòn lúc này là 105 độ F và đang tăng”. Và tiếp liền lời loan báo đó là giọng hình như của Bing Crosby hát bài “White Christmas: Noel Tuyết Trắng”.

Lập tức hết thảy những người nước ngoài từng được viên chức đặc trách di tản tại Toà Đại Sứ cảnh báo trước – các nhà báo, doanh gia, kỹ sư dân sự, nhà thầu – lật đật ào tới các điểm tập trung được chỉ định sẵn cho mình ở khắp thành phố. Một số lên xe buýt tới phi trường. Một số leo lên nóc sân thượng của các cao ốc chung cư, chỗ máy bay trực thăng Mỹ có thể đáp được.

Trước mười một giờ sáng một chút, bắt đầu cuộc ra đi của hàng trăm nhà báo quốc tế. Trong các hành lang khách sạn Continental Palace, Caravelle, Majestic và các khách sạn khác, tiếng cửa đóng rầm rập nghe như tiếng súng liên thanh thành linh nổ vang khi các đại diện người Mỹ của các tạp chí New York Times (Thời Đại New York), Washington Post (Bưu Điện Washignton), Time (Thời Báo), Newsweek (Tuần Tin Túc) và các hệ thống vô tuyến truyền hình ào ra, xách theo máy đánh chữ hoặc lôi theo các dụng cụ quay phim, chụp hình. Ngoại trừ khoảng 120 ký giả châu Âu, các nước trung lập và các nước Cộng Sản ở lại, các thông tin viên báo chí và truyền hình của trên một chục nước phương tây khác – các TCN: Third Country

Nationals, Người Mang Quốc Tịch Nước Thứ Ba, gọi theo biệt ngữ của những kẻ tổ chức cuộc không vận – cũng ra đi. Họ lũ lượt kéo nhau tới các điểm tập trung, băng qua những đường phố và công viên vắng lặng một cách kỳ quái vì đang giới nghiêm suốt hăm bốn tiếng đồng hồ.

Trước khi ra đi, hầu hết các nhà báo Mỹ đều ghé lại phòng của Joseph, lúc lắc đầu tỏ vẻ xin lỗi. Mấy hôm trước, vừa đặt chân tới Sài Gòn, anh đã yêu cầu hết thấy họ cho anh biết lập tức nếu họ có sự móc nối với một thiếu nữ Việt Nam đang xin gặp Joseph Sherman. Lúc này, khi sắp sửa ra đi, họ từng người lần lượt tới bắt tay anh và chúc anh ở lại bình an.

Sau một cuộc cãi vã gay gắt với Naomi, Joseph nhất quyết rằng nàng phải ra đi với những người khác trong toán truyền hình. Từ cửa sổ khách sạn Continental, anh đứng nhìn theo Naomi đang cùng đám phóng viên ít ỏi của nàng lật đặt băng ngang mặt sân nhựa nóng bỏng trong công viên Lam Sơn. Một đôi lần Naomi ngoái lui, đưa mắt lo lắng nhìn lên khung cửa sổ. Nhưng Joseph không chịu đựng nổi ý nghĩ đưa tay chào vĩnh biệt vợ, anh vội vàng lùi xa khung cửa cho nàng khỏi ngó thấy. Rồi cảm thấy toàn thân như ngứa ngáy sốt vì mệt mỏi, Joseph ngã vật xuống giường. Anh nằm dang tay dang chân và lập tức là người rơi vào giấc ngủ mê mệt.

Khi đi qua đường phố trống vắng, Naomi và toán phóng viên truyền hình cẩn thận dè chừng các cảnh sát viên Nam Việt Nam với vũ khí vẫn nằm yên trong bao súng đeo bên đai lưng. Họ đã bắt đầu giăng hàng rào kẽm gai chướng ngại vật ngang các vỉa hè nóng như gạch nung. Và các phóng viên hiểu rằng việc mình ra đi có phần nào phờ phạc với tay xách nách mang hết thấy đồ nghề là hình ảnh biểu lộ một sự xác định không thể chối cãi rằng rốt cuộc, Hoa Kỳ đang rút khỏi Việt Nam.

Những người phương tây ở Sài Gòn đều biết rõ thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan đã đưa lời cảnh cáo rằng nếu người Mỹ tính chuyện ra đi một mình, họ sẽ không sống sót mà tới phi trường. Chính ông tướng ấy trong vụ Tết Mậu Thân, lúc làm tư lệnh lực lượng cảnh sát của chế độ Sài Gòn, đã tự ý xử tử bằng cách đích thân bắn vào đầu một biệt động thành Việt Cộng đang bị trói, ngay trước máy ảnh và ống kính vô tuyến truyền hình. Mãi tới mười năm sau, theo tài liệu do nhà cầm quyền Cộng Sản công bố, người ta mới biết kẻ bị bắn đó là đại úy Bảy Lốp, một đặc công ngay sáng hôm ấy cũng vừa tự tay mình giết gọn một đại úy cảnh sát quốc gia và tất cả vợ con của viên đại úy ấy. Không người nào trong toán truyền hình của Naomi biết rằng ngay lúc này, thiếu tướng Loan cũng đang tất tưởi lo việc đào thoát lấy

thân, không thể nào thực hiện nổi lời hăm dọa đẫm máu của ông ta. Giờ này, cùng chạy đua với Nguyễn Ngọc Loan và các tướng lĩnh khác, hẳn cựu thiếu tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ cũng đã quảng thật nhanh các dàn bài diễn văn hô hào tử thủ để an tâm leo lên một chiếc trực thăng nào đó bay ra Hạm đội Bảy. Còn lại là vẻ thù hận trên mặt các cảnh sát đang đứng giữ trật tự, khi toán truyền hình đi ngang, khiến các phóng viên cảm thấy vừa hổ thẹn vừa phập phồng. Tại vài điểm ra đi bằng trực thăng, họ thấy lính Nam Việt Nam bố trí ổ súng đại liên trên các sân thượng kế cận, và vì thế, các nhóm thừa thớt ký giả tị nạn ấy lập tức bắt đầu lùng kiếm những bãi bốt an toàn hơn.

Vì cảnh sát và quân đội không còn giữ kỷ luật chặt chẽ, việc áp dụng giới nghiêm chỉ có tính cách lỏng lẻo. Bên ngoài vòng tường thành cao ba thước chung quanh Toà Đại Sứ Hoa Kỳ lúc mới bắt đầu buổi chiều đã tập trung sẵn một đám đông lên tới khoảng hai ngàn người. Nhiều người vừa gào thét hoang dại vừa đu mình lên cánh cổng cao bằng thép, nài nỉ và cố sức thuyết phục lính gác TQLC Mỹ rằng họ sắp bị thảm sát trong bàn tay Cộng Sản nếu không được lên máy bay di tản – nhưng lính chỉ cho vào những ai có giấy phép đặc biệt.

Trong khi lính TQLC ra sức chặn đám đông dân chúng run sợ và mặt vắn nơi cổng trước,

các bộ trưởng, tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp Nam Việt Nam ve vẩy tấm giấy thông hành đặc biệt, nhẹ nhàng lách mình qua chiếc cổng bên hông khuôn viên sứ quán, phía đường Mạc Đình Chi, để âm thầm vào xếp hàng cùng với các đám đông những người được ưu tiên di tản đang chờ sẵn bên trong. Từ chỗ chờ đợi của mình, mắt của họ có thể thấy các cụm khói đen đang bốc lên bên trên Tân Sơn Nhứt nơi lúc này vẫn đang hứng chịu hoả tiễn và đạn súng cối của Việt Cộng pháo kích từng chập. Tiếng đạn pháo âm vang dội trên mọi ngã đường thành phố kéo theo một tình trạng hỗn độn diễn ra khắp Sài Gòn.

Tới khoảng giữa chiều, các trực thăng khổng lồ Sikorsky Sea Stallion và Chinook bắt đầu dập dềnh vào ra khuôn viên Toà Đại Sứ. Mỗi chuyến chở sáu bảy chục người. Chẳng bao lâu sau, từ những đám đông bên ngoài, có những phát súng nổ lẻ tẻ bắn thẳng vào máy bay trực thăng. Người ta gọi máy bay trực thăng Cobra cầm tua tua vũ khí tới để bảo vệ bãi đáp. Từ cửa sổ khách sạn Continental, Joseph thấy chúng lượn lơ một cách đáng ngại bên trên toà nhà sứ quán suốt buổi chiều.

Sau cùng, cú điện thoại của Tâm đến khoảng năm giờ rưỡi chiều, báo Joseph phải tới thẳng trụ sở an ninh ở đầu đường Catinat. Tâm giải thích rằng viên cảnh sát trưởng đã lên đường ra Hạm

Đội và người xử lý thường vụ nhận được lệnh tới bảy giờ tối nay sẽ thả hết ba trăm tù nhân chính trị đang bị họ giam giữ. Tâm đã điện thoại với viên sĩ quan trực ấy, sắp xếp cho Joseph gặp người đàn ông trong phòng trắng một mình – và đó là việc tối đa anh ta có thể làm được. Với nụ cười khúc khích độc đáo của mình, anh ta bảo rằng có lẽ cả hai sẽ gặp lại nhau trên nước Mỹ, rằng anh ta sắp đi ngay tới khuôn viên Tòa Đại Sứ để bắt cho kịp chuyến bay của mình và rằng sau cùng, anh ta chúc Joseph tìm kiếm có kết quả.

Không đáp lại, Joseph gác máy, chạy như bay ra khỏi phòng. Trên đường phố, anh nghe tiếng hỏa tiễn pháo kích dồn dập Tân Sơn Nhứt. Những xe díp chở lính Nam Việt Nam chạy tới chạy lui ào ào. Máy truyền tin trên những chiếc xe không mui đó kêu lè xè với những câu trao đổi cẩu kính.

Mặc dù từ hai tuần nay, Sài Gòn không cho người tị nạn vào để phòng tái diễn tình trạng hỗn độn vừa xảy ra tại mạn bắc, nhưng các đám đông dân quê tay xách nách mang với con cái của họ đã bắt đầu xuất hiện giữa trung tâm thành phố. Nách kẹp mền chiếu, tay xách va li hoặc vai gồng gánh nổi niêu soong chảo, họ chạy lung tung khắp thành phố, không cần biết mình sẽ tới chỗ nào, miễn sao thoát được cơn bão lửa đã bị Cộng Sản đốt cho cháy phùng phục từ nơi quê quán của họ.

Tại bàn doanh của Sở Liêm Phóng Pháp cũ, người dẫn Joseph tới xà lim là một sĩ quan an ninh mặt mũi như điều hâu, trên mình vẫn mặc cảnh phục. Hắn mở cửa căn phòng trắng cho Joseph. Trong khi chờ bước vào, anh thấy hắn không đứng lại để canh chừng hoặc để bật cho hoạt động trở lại các ống kính và mi-crô do thám đã tắt từ trước. Vào tới bên trong, Joseph phải mất mấy giây mới hết choáng váng trước diện mạo của Lật. Rồi trải qua mười lăm phút ngồi lom khom bên chiếc ghế đầu của Lật, anh kể lại câu chuyện của mình. Ban đầu bằng tiếng Pháp, kể đó tới tiếng Việt và sau cùng chuyển sang tiếng Anh.

Ngay lúc Joseph bước loanh quanh trong xà lim trắng rợn người, cổ dần cơn tuyệt vọng càng lúc càng tăng cũng chính là lúc Lật lần đầu tiên mở miệng. Người vẫn giữ nguyên tư thế ôm chặt thân mình, đầu không ngẩng lên, Lật thì thảo thật nhỏ tới độ thoát đầu Joseph tự hỏi phải chăng mình đang tưởng tượng có giọng ai đó nói:

- Cho dù Tuyết Lương là con gái của anh đi nữa, tại sao tôi lại phải giúp anh? Nghe tiếng nói của Lật, Joseph lật đật quay ngoắt người. Anh lại tới ngồi chồm hổm bên Lật. Trong một lúc lâu, anh đắm đắm nhìn Lật, không biết trả lời thế nào. Rồi anh dịu dàng nắm cánh tay của Lật:

- Anh Lật ạ, bảy năm trước, người ta mang tôi tới đây để nhận diện anh, anh còn nhớ không?

Lúc đó, tôi nhận ra anh ngay và anh cũng nhận ra tôi. Nhưng vì thuở trước trên đường đời, chúng ta từng chen vai sát cánh bên nhau nên tôi không thể nói ra. Anh đã cứu tôi khi máy bay của tôi bị rớt và người y tá của tôi đã cứu được tính mạng của Hồ Chí Minh – chúng ta từng là bạn chiến đấu trong một thời gian và thật khó có thể quên điều đó.

Joseph bóp chặt cánh tay gầy guộc của người tù đang im lặng:

- Nhưng lúc này, những sự việc ấy đã ở đằng sau chúng ta. Chỉ lát nữa đây anh sẽ được tự do. Chính nghĩa của các anh đã chiến thắng. Sài Gòn sẽ thuộc về các anh trong vài giờ nữa và tôi hiện không có cách gì ép được anh giúp đỡ tôi. Nhưng anh Lật ạ, tôi xin anh giúp cho tôi vì cuộc đời của một thiếu nữ. Trinh là con gái của Tuyết, Tuyết là con gái của tôi, và cháu nó cũng là ruột thịt của anh!

Trước sự ngạc nhiên của Joseph, đôi mắt Lật rơm rớm nước mắt. Lần đầu tiên Lật nhìn thẳng vào mặt Joseph. Anh nói với giọng xúc động nghẹn nghẹn:

- Điều anh nói đó thật đấy chứ? Có phải hôm nay các lực lượng của nhân dân đang trên bờ chiến thắng?

Joseph khắc khoải gật đầu:

- Đúng thật đấy anh Lật. Tất cả những gì tôi nói với anh đều là thật đấy.

Bộ mặt tiêu tụy của người Việt Nam chột dụi lại. Khi Lật quay qua nhìn Joseph lần nữa, miệng anh mở rộng để trơ ra hai hàng nướu không còn một chiếc răng. Lật ngồi như thế một lúc rồi Joseph thấy vẻ mặt Lật như ánh lên một nụ cười nhưng không nói gì thêm. Trong tuyệt vọng, Joseph chụp cánh tay của Lật lần nữa. Anh day mạnh:

- Anh Lật, ai có thể giúp tôi tìm ra Trinh? Anh phải cho tôi biết ngay lập tức. Nụ cười cứng nhắc gần như nửa điên nửa dại ấy vẫn không chút nao núng:

- Tôi số nhà 15 đường Phong Phú, Chợ Lớn. Ở đó có một nhà buôn người Hoa lấy tên là Wang. Bảo rằng anh đã trò chuyện với Người Hiếm Độc Rắn. Bảo rằng tôi ra lệnh cho anh ta giúp anh tìm cho ra đứa chất ngoại của tôi tên là Triệu Hồng Trinh.

Joseph túm bàn tay xương xẩu của Lật, giữ chặt nó một chốc trong hai bàn tay mình. Rồi anh đứng bật dậy, chạy ra khỏi xà lim. Sau khi Joseph đi, Lật vẫn tiếp tục ngồi bất động trên ghế đầu, khuôn mặt của chiếc đầu như sọ dừa của anh vẫn giữ mãi vẻ nhẵn nhớt, một cách khả hoàn.

Đường từ Sài Gòn vào Chợ Lớn dù chỉ dài năm sáu cây số cũng làm Joseph mất gần nửa

giờ lái xe. Khi anh vừa bắt đầu cho xe lăn bánh, cơn mưa đầu mùa buổi tối làm ngập lụt đường phố khiến xe phải chạy chậm lại như thể đang bò. Thêm nữa, những hàng kẽm gai chướng ngại vật càng lúc càng giăng đầy cũng khiến anh phải thường xuyên cho xe dừng lại rồi quành qua ngã khác.

Máy bay trực thăng chở người Mỹ tháo chạy ra hạm đội đậu ngoài khơi vẫn đang quạt phần phật trong trời đêm âm u bên trên. Nhưng những ngôi nhà và chung cư trước đây người Mỹ cư ngụ nay bị bọn du thủ du thực người Việt vừa gào thét vừa tràn vào cướp phá. Mảnh vụn bát đĩa và đồ đạc bị ném xuống đất qua các cửa sổ tầng trên, rớt vương vãi trên mặt đường phố Joseph lái xe qua. Anh còn phải thường xuyên lạng tránh các nhóm trẻ em quần áo bèo nhèo đang cố lòi xềnh xệch tủ lạnh, máy giặt, máy điều hoà không khí hôi được từ trong các ngôi nhà vắng chủ. Anh thấy đàn ông từ cửa các chung cư Mỹ bế nát chạy ra, hai tay ôm rượu whisky và sâm-banh trong khi đàn bà bước loạng choạng dưới sức nặng của mấy tảng thịt còn nguyên giấy gói, rõ ràng họ vừa lấy được trong các tủ ướp lạnh vô chủ.

Joseph lái chiếc xe Pontiac cũng vô chủ đã được Naomi thuê bao để chở toán truyền hình. Nhiều lần anh phải quẹo sang ngã khác hay quành xe lại vì cảnh sát bắn thẳng về phía anh,

không một cử chỉ cảnh cáo. Lính Nam Việt Nam thất lạc đơn vị tụ tập thành từng nhóm trên giao lộ các con đường lớn dẫn từ hướng bắc vào. Trên tay họ lăm lăm vũ khí. Có mấy ổ súng đại liên được họ bố trí trên ban-công các nhà phố ngay ngã tư, có vẻ sẵn sàng nghênh địch tới phút cuối cùng. Một người lính mặc quần áo rằn ri, vai vác súng phóng hỏa tiễn M-72 nhắm thử vào chiếc Pontiac như tập bắn xe tăng T-54 của Bắc quân trên đường phố. Ngược lại, lác đác vài binh sĩ cởi bỏ quần phục trong bóng tối của gốc cây, liệng súng đạn qua một bên. Trên người chỉ còn mặc quần đùi trắng nhà binh, họ cúi mặt chạy dưới trời lất phất mưa. Anh cũng thấy một số khác chặn xe hơi lại, chĩa súng vào tài xế và rút găng cạp xăng trong thùng xe để cho vào xe díp hay xe dodge của mình.

Rốt cuộc khi Joseph tìm tới được địa điểm Phong Phú trời đã tối hẳn. Đó là một đường phố nhỏ như một con hẻm, hai bên không có vỉa hè. Cơn mưa vừa rồi biến nó thành một biển bùn. Và vì sự căng thẳng trong mấy ngày vừa qua làm Joseph gần kiệt sức, anh trượt chân mấy lần, loạng choạng lảo lảo trong bóng tối. Phải mất một lúc lâu anh mới tìm được số nhà 15. Đó là một ngôi nhà hai tầng, mặt ngoài cầu bần, vôi vữa tróc từng mảng. Tiếng gõ cửa vừa dứt, Joseph lập tức thấy một thanh niên người Việt thò ra bộ mặt châu quau. Lăm li chằng nói,

anh ta dẫn Joseph vào một gian phòng thấp đèn cây, mờ mờ tối, không khí đặc quánh mùi hương trầm.

Joseph bị để lại một mình. Rồi một người Hoa tóc bạc, mặt nghiêm nghị, xuất hiện nơi ngưỡng cửa. Anh lập tức kể câu chuyện của mình và người ấy lắng nghe. Trên bộ mặt vàng khè già nua không lộ chút cảm xúc cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên về việc anh mang tới đây mệnh lệnh của một nhân vật lãnh đạo Mặt trận Giải phóng suốt tám năm nay bị làm người tù biệt giam.

Khi Joseph kể xong câu chuyện, người Hoa nói với giọng bình thản:

- Trước khi ông đến đây, mật báo viên của tôi bên trong bót cảnh sát trung ương đó đã báo cho tôi biết việc ông gặp Người Hiếm Độc Rắn. Tôi đang có ý chờ ông tới đây.

Joseph hỏi ngay:

- Vậy ông có thể giúp tôi tìm ra Triệu Hồng Trinh không?

Đôi môi người Hoa tách ra thành một nụ cười rầu rĩ. Ông chậm chậm lắc đầu như thể kinh ngạc trước câu hỏi ngỡ ngàng của Joseph:

- Monsieur Sherman ạ, hình như ông cho rằng trong hai tuần lễ vừa qua chỉ có đồng chí Trinh là cán bộ độc nhất từ Hà Nội xâm nhập Sài Gòn. Tôi có thể đoán chắc với ông rằng suốt quãng thời gian đó, chúng tôi đã mang

vào đây hàng ngàn cán bộ và đặc công biệt động thành. Joseph chống chế, giọng anh se lại vì căng thẳng:

- Nhưng đương nhiên ông biết rõ Trinh được biệt phái tới bộ phận nào!

Bộ mặt người Hoa dịu lại và thêm lần nữa nở một nụ cười thương hại khiến chiếc răng vàng loé lên dưới ánh nến:

- Monsieur Sherman ạ, chỉ có các thủ trưởng bộ phận địa phương mới giữ danh sách đầy đủ các cán bộ cơ hữu.

- Vậy không thể liên lạc với họ để kiểm tra sao?

Người Hoa im lặng xem xét vẻ mặt khắc khoải của Joseph rồi nói:

- Monsieur Sherman ạ, sau ba mươi năm chiến đấu đẫm máu nay sắp tới giờ lực lượng Quân đội Giải phóng Dân tộc và các anh em Bắc Việt của chúng tôi đạt được chiến thắng lịch sử. Số phận của một nữ cán bộ đơn độc chỉ mang tầm quan trọng rất nhỏ vào một đêm trọng đại như đêm nay. Joseph ngó người Hoa, chơi với:

- Nhưng Người Hiếm Độc Rắn hạ lệnh ông phải tìm ra dấu vết của cô ta cho tôi.

- Người Hiếm Độc Rắn có thể ra mệnh lệnh một cách dễ dàng. Nhưng thực hiện nó lại là một điều không dễ. Và có lẽ không chút nào thực hiện được mệnh lệnh đó trước giờ bắt đầu các trận đánh.

Vừa nói người Hoa vừa tiếp tục nhìn Joseph bằng cặp mắt không nhấp nháy. Kể đó ông gật đầu:

- Nhưng để tôi thử xem mình có thể làm được gì. Xin ông chờ ở đây.

Âm thầm không kém khi bước vào, ông rời gian phòng và đi xuống một cầu thang dài ở mé sau ngôi nhà thẳng tới một căn buồng nhỏ. Mở cánh cửa cách âm dẫn xuống một địa đạo, ông đi qua bên dưới mặt đường Phong Phú và bước vào một trung tâm truyền tin trong lòng đất sáng rực ánh đèn. Ở đó có năm sáu người Việt Nam tai đeo ống nghe, lùi húi bên những chiếc máy truyền tin hai chiều và cực mạnh do Liên Xô chế tạo. Họ đang truyền đi và tiếp nhận các công điện, liên miên hết thu lại phát, rạt rào như suối chảy. Trong một hai phút, người Hoa nói với một người Việt đang điều hợp các hiệu thính viên. Sau đó, quay về ngôi nhà của mình, ông lại leo lên cầu thang rồi tới gian phòng thấp đèn cây và đầy nhang khói, nơi Joseph đang ngồi đợi.

Ông nói trầm giọng:

- Monsieur Sherman ạ, người ta sẽ liên lạc với thủ trưởng tất cả các đơn vị. Phải mất vài giờ. Hiện có nhiều công điện quan trọng phải tiếp nhận và truyền đi. Ông cứ trở về khách sạn, chờ ở đó – chúng tôi sẽ liên lạc với ông.

- Nhưng nếu phải mất vài giờ thì có lẽ quá trễ!

- Chúng tôi chỉ có thể làm được đến thế thôi.

Lối nói dứt điểm trong cung giọng của người Hoa cho thấy đã tới lúc dừng đặt thêm câu hỏi nào nữa. Khoảnh khắc sau, khi người thanh niên mặt mũi khó đăm đăm xuất hiện trở lại, Joseph đi theo anh ta ra ngoài, không một chút phản đối.

Mưa thôi rơi khi Joseph mệt mỏi đặt chân xuống con đường lầy lội nhưng tiếng nổ của hoả tiễn và đạn đại pháo nghe càng lúc càng lớn hơn, khắp chung quanh thủ đô. Anh có thể thấy trong bầu trời đêm tràn ngập những luồng lửa chói lọi bay ngang đầy trời nhắm hướng tây bắc trên phi trường Tân Sơn Nhứt, tiếng gầm rú của những chiếc máy bay trực thăng khổng lồ chở người di tản và chấm sáng nhấp nháy của những chiến đấu cơ phản lực hộ tống của Mỹ. Trong khi trở đầu xe Pontiac lái về hướng khách sạn Continental, Joseph thấy một chiếc trực thăng nhỏ mang phù hiệu Air America bay ngang bên trên đầu mình. Anh không bao giờ biết được rằng chiếc máy bay ấy phát xuất từ bản doanh Sở Liêm Phóng Pháp cũ và đang chờ bên trong nó người tù trơ xương, kẻ lần đầu tiên anh gặp vào đúng năm mươi năm trước trong chánh điện đặt ngai vàng của Hoàng đế Khải Định tại Điện Thái Hoà.

Lom khom trên sàn trực thăng lắc qua xóc lại, hai cổ tay của Đào Văn Lật vẫn nằm trong còng và người vẫn mặc độc chiếc quần đùi rách

tả tôi. Ngồi trên chiếc ghế ngay trước mặt Lật là gã cảnh sát giám thị có bộ mặt điều hâu cách đây hai giờ đã dẫn Joseph vào xà lim trắng toát. Lúc này hắn mặc y phục dân sự như một thường dân người Việt vô danh nào đó, gồm áo sơ-mi trắng cụt tay và quần dài đen. Hai lần môi cong cón vẽ thành một nụ cười khi hắn sắp sửa nói với một người Việt Nam khác, nhân viên an ninh thứ hai, đang ngồi cúi mặt trong chiếc ghế nhỏ của máy bay trực thăng. Rồi hắn trở môi đăi giọng:

- Tôi nghĩ là lão tù nhân câm như hến này không tin nổi vận hên của lão. Lão không tin nổi rằng lão đang bay tới vùng tự do.

Lật nhìn ra không gian trống rỗng và rạt rào bên ngoài khung cửa máy bay trực thăng mở sẵn, không nói một tiếng. Ánh mắt anh thận trọng và e ngại nhưng không có chút dấu hiệu nào của vẻ khải hoàn từng bùng sáng khắp khuôn mặt anh như vài giờ trước đây khi anh nghe nói chiến tranh sắp chấm dứt.

Sau khi Joseph rời căn phòng trắng chưa được bao lâu, có lệnh thả tất cả ba trăm chính trị phạm trong các xà lim tại đó. Nhưng trong số đó không có Lật. Thậm chí Lật còn bị canh chừng cẩn mật hơn. Người ta dẫn Lật tới nhốt vào một xà lim khác nằm chênh chếch nơi sân sau của trụ sở, trong khi các tù nhân khác đều được phóng thích. Nửa giờ sau, khi chiếc trực

thăng chờ người di tản đáp xuống sân sau, người ta trùm mền lên đầu Lật để không ai có thể nhận ra anh. Và lập tức Lật bị đẩy lên máy bay, chờ đi ngay.

Khi máy bay bốc lên cao quá mái nhà, gã giám thị mặt điều hâu nhìn Lật cười chua chát. Hắn nói giọng nhạo báng:

- Đồng chí, yên tâm nào. Chẳng có gì phải động não cả. CIA Mỹ đã cung cấp tiện nghi đặc biệt cho đồng chí suốt tám năm qua và họ cũng vừa ra chỉ thị đặc biệt phải chấm dứt cuộc tù ngục của đồng chí như thế nào. Cứ vô tư thôi!

Đêm tối đen và dày đặc hơn khi chiếc trực thăng bay qua vùng duyên hải, nhắm đến các con tàu sáng lấp lánh của Hạm đội Bảy. Tới khi thấy rõ những con tàu đó, gã giám thị thêm lần nữa chia ngón tay thọc vào một bên vai xương xẩu của Lật, thúc anh nhìn qua cửa đang mở:

- Đồng chí ạ, đó là những con tàu sẽ mang chúng tôi tới một đời sống mới ở Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Và phía dưới kia là Biển Đông đầy - những không gian đại dương tự do, bao la và vĩ đại! Thật tốt hơn rất nhiều so với cái xà lim trắng toát rợn người mà đồng chí đã sống trong đó suốt tám năm trời dài dằng dặc, phải không? Lúc này, đồng chí có chịu phá vỡ sự im lặng của mình mà chuyện trò đôi chút với chúng tôi chưa? Nào, nói cho chúng tôi biết đồng chí nghĩ ra sao về mọi sự này?

Trong lòng máy bay trực thăng, ánh đèn duy nhất là tia sáng yếu ớt rọi ra từ bảng đồng hồ bay. Nhưng nó cũng đủ cho gã giám thị thấy Lật quay lại nhìn hắn bằng đôi mắt ngùn ngụt căm hờn. Qua vẻ mặt của Lật, rõ ràng anh biết rất rõ số phận của mình rồi sẽ ra sao.

Tên giám thị nói, giọng dịu dàng:

- Đồng chí ạ, tôi nghĩ ông đã biết cái gì sắp xảy ra, phải không? Và có lẽ ông cũng đoán ra lý do của nó. Tuy ông chẳng cung cấp cái gì cả nhưng những người bạn Mỹ của chúng tôi kết luận rằng ông biết quá nhiều. Nhiều người Việt Nam bí mật làm việc cho người Mỹ đang bị bỏ lại - và vì ông biết rõ họ là những ai nên ông phải được phóng thích xuống biển.

Nói tới đây, hắn thỉnh linh vươn tay vô lấy Lật đang ngồi trong tư thế thu mình. Và cú thế, hắn lôi xềnh xệch anh tới cửa máy bay. Hắn chụp dây lưng chiếc quần cụt tả tơi của Lật rồi bứt cho đứt hắn.

- Đồng chí này, đâu cần phải mặc quần mới bơi được, phải không?

Hình hài co rút của Đào Văn Lật, từng bị cắt xẻo bởi chính bàn tay anh trong một cơn mê loạn bùng bùng yêu nước bốn mươi lăm năm trước, nay chơi vơi trên mép vực tối đen, sâu thẳm và trống rỗng bên ngoài chiếc trực thăng đang bay nhanh. Cả hai gã giám thị chăm chú nhìn thật kỹ vẻ mặt Lật, chờ xem anh tỏ dấu

hiệu run sợ. Nhưng ngay cả trong những giây phút cuối của cuộc đời mình, Lật vẫn nhìn thẳng vào bóng tối sâu thẳm thẳm ba ngàn thước bên trên đại dương, cũng với vẻ mặt để kháng hiện ngang và trống rỗng luôn luôn được Lật từ thuở nào cho tới đêm nay phô ra cho những kẻ bắt giữ mình. Và khi gã giám thị mặt điều hầu co chân đạp vào người Lật, anh vẫn không kêu lên một tiếng.

Trong một hai giây, theo phản xạ, hai tay Lật sờ soạng khung cửa, như cố níu lấy nó. Rồi không một âm thanh, cơ thể yếu ớt không tí thịt của anh lạng quạng, ngã vào vực thẳm âm u của đêm đen. Từ trong phong màn đen đui ấy, quá khứ tái hiện như một cuốn phim loáng lên thật nhanh những hình ảnh chớp nhoáng. Nghệ An. Huế. Paris. Aix-en-Provence. Hà Nội. Pắc bó. Và gió. Gió sớm mai lành lạnh thổi dọc con đường làng dưới chân đèo Ngang. Gió biên giới hú lồng lộng núi đồi Việt Bắc. Gió mùa thu bay phần phật rừng cờ cướp chính quyền cách mạng ở Nhà Hát Lớn và Ba Đình. Gió Lào nham nháp nhà tù Lao Bảo. Gió biển bít bùng ngực tối Côn Lôn. Gió quần quật trên đồng ruộng Miền Nam mệnh mang nước trong tiếng bom đạn bay vun vút ở Mộc Linh. Lưỡi dao anh cửa xuống mình, sắc lēm và đồ lēm. Và Liên, mái tóc dài quần quít, hai con mắt đen tuyền, sâu thẳm hiện lên cuối con đường hầm xoáy vòng và hun hút. Đầu

đó anh nghe có tiếng thở dồn dập của Liên khi anh cúi đầu lên thân thể nàng trên con đường ngập máu bên ngoài thị xã Vinh; chiếc xuyên vàng tuột xuống cổ tay Liên, cắn vào hông anh lạnh buốt...

Chậm chậm tựa chiếc lá dâu nhiều cánh quẫy lộn theo các luồng không khí vô hình, Lật rơi xuống, không kêu lên một tiếng. Cơ choáng váng khi bị đập ra từ trên độ cao ba ngàn thước đã nhanh chóng giết chết anh, giết thật lâu trước khi đại dương đen ngòm và sủi bọt đánh vỡ nát và nuốt gọn thi thể không còn sự sống của anh.

- 10 -

Joseph lại quay về khách sạn Continental. Lúc mở cửa phòng, Joseph tưởng sẽ thấy phòng trống vắng nhưng anh bỗng hoa mắt, đưa tay níu lấy khung cửa khi chợt thấy Naomi đang ngồi đó chờ anh. Mặt nàng không sắc máu, tóc xơ xác rối tung. Vừa thấy Joseph, nàng đứng bật dậy, lao mình vào hai cánh tay chống. Bên ngoài, đêm lại chất ngất với âm thanh điếc tai buốt óc của một đợt pháo kích nữa nhằm bắn cho tan tành phi trường Tân Sơn Nhứt. Qua khung cửa sổ khách sạn, bầu trời như đang trong một màn trình diễn pháo bông đầy từ khi với các làn đỏ rực của hoả tiễn bay chéo nhau làm thành hàng chục vạch sáng.

- Trời đất ơi, sao em bỏ về đây?

Dụi đầu lên vai Joseph, giọng Naomi nghẹn ngào:

- Em không thể ra đi mà không có anh. Với lại, em không thể chịu đựng nỗi ý nghĩ để Sài Gòn lấy mất anh. Nếu có xảy tới điều gì khủng khiếp, em muốn được cùng anh gánh chịu. Joseph im lặng. Naomi trầm giọng:

- Trong khi Miền Nam bị đồng minh sắp đặt bỏ đi, dân chúng và lính tráng bị những kẻ lãnh đạo chính trị và quân sự đào ngũ bỏ chạy, anh lại tới đây liều mạng cứu cho bằng được đứa cháu ngoại. Em hiểu đứa cháu máu thịt ấy gắn liền với mạch sống, con người và nhân cách của anh nên em không có lý do gì ngăn cản anh. Nếu em là anh, em cũng chỉ có một chọn lựa như thế. Nhưng Joseph ạ, em không dám nghĩ tới chuyện mất anh...

Hai vợ chồng im lặng nín lấy nhau, lắng nghe âm thanh trận chiến bên ngoài đang lên tới cực điểm. Đầu Naomi vẫn ép sát ngực Joseph và nàng bắt đầu kể lể:

- Cuộc di tản rừng rợn không tưởng tượng nổi. Xe buýt chờ ký giả vừa từ đây ra tới đầu đường thì bị mấy người lính Cộng hòa chĩa súng. Họ chạy theo xe, đập thành thạch lên cửa sổ xe, hét lớn yêu cầu dừng bánh, không được kéo nhau đi di tản. Lính TQLC Mỹ áp tải bọn em phải bắn chỉ thiên ngay bên trên đầu họ.

Nàng càng nói càng run lấy bầy:

- Tại Tân Sơn Nhứt, lính gác cổng cũng nổ súng bắn thẳng vào xe, may sao tài xế là người Mỹ. Anh ta nhấn ga đâm thẳng xe tới trong khi rất nhiều tài xế người Việt quanh xe chạy lui. Rồi tất cả các ký giả phải chờ suốt hai tiếng đồng hồ trong một hầm trú ẩn của Mỹ. Chung quanh hầm đạn pháo rơi như mưa, nổ liên tục. Bãi đáp của Air America bốc cháy phừng phực. Khi đến lượt mình chạy ào ra máy bay, bọn em phải vất hết hành lý. Toán truyền hình của em mất tất cả đồ nghề, mất luôn cả phim mới quay. Em chạy được nửa đường, sắp tới được càng máy bay thì chừng lại – em biết mình sẽ không chịu đựng nổi việc về tới Luân Đôn mà không có anh. Khi đó, hết thấy xe buýt của người Việt đều quanh lui ngay ngoài cổng phi trường vì lính Cộng hoà bắn vô xe. Em chạy ra, nhảy đại lên một chiếc. Tới giờ này người nào muốn đi chỉ còn cách duy nhất là cố mà vào cho được Toà Đại sứ.

Joseph nhắm mắt hít vào một hơi thật sâu:

- Trời ơi là trời, tại sao lại kết thúc theo kiểu như thế này?

Naomi không chúi người vào chồng nữa. Nàng đi rót hai ly whisky:

- Em thì em nghĩ trước sau gì cũng sẽ diễn ra một tình trạng vô trật tự nhưng có lẽ không tới nổi tán loạn như thế này. Tán loạn – một sự tán loạn đầy ý nghĩa và rất có chủ tâm. Người ta

quảng Miền Nam cho hổ đói khi thấy nó không còn “quan trọng cho lợi ích quốc gia của Mỹ lẫn hoà bình của thế giới”. Người ta nhẫn tâm bỏ rơi một dân tộc đã chọn tự do và những hy sinh nhân mạng của Mỹ-Việt và năm sáu đồng minh nay trở thành vô ích! Thật chẳng có hoà bình và danh dự chút nào! Không biết đã tới màn chót trong cuộc đối trá hào nhoáng và tàn mạt của Nixon cực kỳ thực dụng chủ nghĩa và Kissinger điều ngoa xảo quyết chưa?

Trong khi nói, những giọt nước mắt vô vọng chảy dài xuống má Naomi. Nàng run tay cầm ly lên, nhấp một chút rượu:

- Có tới hàng trăm người Việt làm cho các cơ quan của nước anh bị bỏ lại khắp nơi trong thành phố. Trong bọn họ, không biết bao nhiêu người chờ hết giờ này sang giờ khác, đợi một chiếc máy bay trực thăng hoặc một chiếc xe buýt không bao giờ đến. Lúc này, họ vẫn đứng ngóng cổ tại những chỗ đó, rất tin tưởng và đang ngược mắt lên trời ngó theo từng chiếc trực thăng trong khi tay xách nách mang con cái cùng với chút hành lý sơ sài của mình...

Thấy hai vai của Naomi run rẩy, Joseph bước tới vòng tay ôm vợ. Nàng kể tiếp:

- Toà Đại sứ Mỹ y hệt một viện tâm thần. Em tới đó trước hết là để tìm anh. Phải mất mười lăm phút em mới chen vô được bên trong. Có người nói với em rằng Toà Bạch ốc và Kissinger

đang đập bàn hét toáng lên đòi ông đại sứ phải kết thúc cuộc di tản vào đúng nửa đêm nay. Nhưng trong khuôn viên Toà Đại sứ còn ít ra một ngàn người Việt và lúc nào cũng có thêm người leo được qua hàng rào. Lính TQLC lừa họ thành từng nhóm sáu chục người rồi nhét thật lẹ vào bất cứ chiếc trực thăng nào từ hạm đội bay trở vô. Chỉ có trời mới biết sẽ có bao nhiêu người bị bỏ lại...

Giọng Naomi càng nói càng uất ức, xen từng tiếng nấc. Joseph chỉ biết im lặng ôm nàng trong khi cả hai cùng cố nhấp rượu cho lắng lòng. Bên ngoài, màu đỏ từ các đám cháy chiếu sáng rực chân trời, làm thành một hình vòng cung dần từ phương đông sang phương tây và bọc lấy mạn bắc thủ đô. Tới giờ này, Cộng Sản đã tràn tới Biên Hoà và Long Bình nơi tuyến đề kháng sau cùng của quân chính phủ vừa bị vỡ.

Các đội hình xe tăng và các đoàn xe tải dài thườn thượt của quân phương bắc bắt đầu di mũi chạy dọc theo Xa Lộ Biên Hòa-Sài Gòn, tiến vào thủ đô phương nam. Kim đồng hồ vừa chỉ quá mười giờ tối. Dưới một hầm trú ẩn tại Bến Cát, nằm ở hướng bắc cách khách sạn Continental Palace chưa tới năm chục cây số, tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh mặt trận của chiến dịch Hồ Chí Minh, đang cùng các sĩ quan tham mưu xem xét điện văn báo cáo từ các tuyến mặt trận tuôn về. Chỉ nội trong hai giờ

nữa, ông sẽ hạ mệnh lệnh sau cùng của cuộc chiến cho mười lăm sư đoàn đang tiến công và tung họ vào cuộc tàn sát với toàn bộ sức mạnh sấm sét.

Khi lấy lại được bình tĩnh, Naomi hỏi:

- Có phải anh chẳng có chút tin tức nào của Trinh?

Mặt Joseph phờ phạc và căng thẳng nhưng rần rỏ mỉm cười, anh đặt cả hai tay lên vai Naomi:

- Anh làm hết mọi sự mình có thể làm. Anh đang hy vọng nhận được lời người ta nhắn thẳng tới đây cho biết Trinh hiện đang ở chỗ nào. Anh chỉ còn mỗi một cách là chờ thôi. Tốt nhất em tới Tòa Đại sứ rồi chờ anh ở đó. Anh đem em tới đó ngay bây giờ...

Có tiếng gõ cửa nhẹ nhàng khiến Joseph quay ngoắt người. Anh giật toang cửa và thấy một nhân viên gác cửa kiêm bảo vệ khách sạn Continental người tầm thước, nước da đen sạm. Anh ta đứng ngay giữa khung cửa, cười rộng miệng với vẻ xin lỗi:

- Monsieur Sherman, tôi xin lỗi, nhưng có người Việt Nam dưới tầng trệt đang tìm một người Mỹ... Chưa nghe hết câu nói, Joseph đã lao mình lướt qua người bảo vệ, chạy xuống ngã cầu thang gần nhất. Trên vỉa hè, một gia đình người Việt đông lúc nhúc đang đứng chờ, tay giữ chặt túi xách và va li. Người mẹ bỗng đưa con khoảng một tuổi. Ba đứa nhỏ khác nín quạnh

chân bà. Đang đi tới phía Joseph là một cậu bé lớn hơn và một cô bé cùng với cha chúng, một người gầy gò với vẻ mặt cực kỳ khắc khoải. Áo sơ mi trắng ông mặc đầm mồ hôi trên quần tây đen nhăn nhủ rộng thùng thình và cổ đeo chiếc cà-vạt màu xanh nước biển lúc này nói lỏng và quần queo như một khúc dây chèo. Người cha lập tức túm cánh tay Joseph, nói lúng búng như mê như sảng bằng thứ tiếng Anh lắp bắp, lơ lơ. Joseph đắm đắm nhìn ông và các bộ mặt hoang mang, vô danh của cả gia đình.

- Tôi xin ông... Ông phải giúp chúng tôi... Ông giúp chúng tôi với! Tôi là viên chức dân vận, từng làm việc chung với các cơ quan Mỹ suốt 15 năm nay! Cộng Sản sẽ giết hết chúng tôi, không chừa một mạng...

Joseph quay lại, thấy người gác cửa sạm đen vẫn đứng đằng sau anh, trên tầng cấp. Anh nói với anh ta bằng giọng thất vọng:

- Anh lầm rồi. Tôi đâu có quen biết mấy người này.

Người bảo vệ khách sạn nhăn bộ mặt chữ điền, vừa cười vừa lắc đầu quả quyết:

- Không. Tôi không lầm đâu Monsieur Sherman. Họ nói với tôi rằng họ đang tìm một người Mỹ - bất cứ người Mỹ nào.

Người mẹ làm như thể ấn đứa con đang bồng vào tay của Joseph. Bà cũng bắt đầu van nài anh trong khi lũ con ngó lên anh chăm chặp,

mắt tròn xoe e sợ. Anh cố lạng người thoát ra nhưng họ hót hải niu chặt quần áo anh. Joseph thở hổn hển:

- Tôi xin lỗi. Tôi không giúp gì được. Các người phải cố tới Tòa Đại sứ thử xem. Anh bắt giắc cho tay vào túi, muốn cho họ ít tiền. Nhưng anh rút tay lại, bắt đầu cố lúi người vào bên trong cửa khách sạn. Thành linh, người cha buông anh ra. Trong chớp mắt, về mặt ông ta chuyển từ nản ni sang khinh miệt. Ông gằn mạnh bằng tiếng Anh, chêm vào đôi ba chỗ bằng tiếng Pháp.

- Tụi tao đã cố vào Tòa Đại sứ khốn nạn của chúng mày - nhưng không cách gì vào nổi. Tụi tao đã gây cổ ngóng chúng mày tới đón tụi tao suốt mười hai tiếng đồng hồ nay - nhưng xe buýt của chúng mày không bao giờ tới. Mẹ kiếp! Vì tin lời bọn Mỹ chó đẻ chúng mày nên chúng ông mới ra nông nổi này! Đồ đểu! Chúng mày cùng một giuộc với bọn Tây! Chó cả lũ!

Đầu ông ta bỗng gặc mạnh và một luồng nước bọt bắn trúng áo vét của Joseph. Người vợ ngăn chồng không được, cất tiếng khóc tấmtức. Rồi với cái liếc mắt sau cùng ngùn ngụt căm hờn, ông ta lùa cả gia đình trơ vợ và nhỏ thó của mình ra xa khách sạn. Joseph đứng nhìn theo. Khi Naomi đến bên Joseph và đặt tay lên vai chồng, nàng thấy anh run lẩy bẩy, không mở nổi miệng. Hai vợ chồng đứng ở lối cửa ra vào

cho tới khi gia đình ấy lùi thui đi khuất tầm mắt họ ở một góc đường bên Công trường Lam Sơn.

Không nhìn Naomi, Joseph thở dài. Lúc lắc đầu, anh thăm nảo nói qua kẽ răng:

- Vậy đó! Vậy đó! Bây giờ chỉ còn cách tốt nhất là anh đưa em tới ngay Toà Đại sứ.

Trước khi cùng vợ ra đi, Joseph gọi người gác cửa rám nắng ấy tới. Ấn vào tay anh ta hai tấm giấy một trăm Mỹ kim, anh vừa nói chầm chậm vừa nhấn thật mạnh bằng tiếng Việt:

- Bây giờ, anh lên phòng của tôi ngay. Anh ngồi chờ trong phòng cho tới khi tôi trở về đây. Anh đừng ra khỏi phòng, cho dù bom có rớt trúng nóc khách sạn. Anh phải ghi lại, rất cẩn thận, bất cứ lời nào nhấn tôi qua máy điện thoại.

Người gác khách sạn đưa đôi mắt xéch ngó xuống hai tờ giấy bạc rồi gật đầu cười:

- Chuyện nhỏ! Monsieur yên chí. Tôi biết chút đỉnh tiếng Anh mà.

Khi Naomi và Joseph lật đật chạy qua quảng trường Nhà Thờ Đức Bà, cuộc pháo kích bằng hoả tiễn vào sân bay Tân Sơn Nhứt tạm ngừng. Khu vực trung tâm Sài Gòn rơi vào một cơn yên tĩnh kỳ quái và tiếng gào thét của đám đông bu bên ngoài Toà Đại Sứ Mỹ vang ra xa hơn tới độ còn cách một quãng đường nữa mới tới nơi, hai vợ chồng đã nghe rõ.

Họ thấy trong bầu trời đêm bên trên nóc toà

nhà sứ quán hình dáng to lớn và đen sẫm của chiếc máy bay trực thăng võ trang Cobra lượn lơ giống một con cá mập đang phơi mình. Các khẩu đại liên có thể khai hỏa một phút sáu ngàn viên đạn, chục liên tục mũi súng xuống các nóc nhà quanh đó lẫn đám đông đang sôi sục bên dưới. Thình thoảng, có máy bay phản lực F-5 của Hải quân hoặc Không lực Hoa Kỳ gầm rú trên đầu nhưng dù sao đi nữa, đô thành vẫn có vẻ như đột nhiên nín thở trong tình trạng chờ đợi khủng khiếp thời điểm kết liễu cuộc chiến.

Khi Naomi và Joseph tới trước Tòa Đại Sứ, cả hai thấy thậm chí chỉ ở mé ngoài của đám đông thôi, tính khí của người Việt lúc này đã đáng sợ. Trong lúc lẫn mở đường tới cổng hông Mạc Đình Chi, hai vợ chồng bị người ta xô đẩy và phỉ nhổ liên tục. Đôi khi Joseph phải vòng hai tay ôm chặt Naomi để bảo đảm không bị người ta đẩy rời nhau ra. Khi tới gần vòng tường cao, họ thấy dây kẽm gai đã được giăng ra làm chướng ngại vật dọc trên đầu tường. Và trong đám đông, những người trẻ hơn đang leo lên các trụ đèn, cố đu người níu lấy bờ tường để nhảy qua hàng rào kẽm gai.

Một thanh niên bị kẹt cứng nơi cổng trước mé đường Thống Nhất. Người anh ta đông đưa đầu ngược xuống đất và máu chảy nhỏ giọt nhưng chẳng người Việt nào để ý tới anh ta. Họ chơi vơi vươn tay lên phía TQLC Mỹ, vẫy vẫy

những bức thư của các chủ nhân người Mỹ hoặc điện tín do thân nhân ở nước ngoài gửi về. Hễ có ai gan lì níu được bờ tường liền bị lính TQLC dùng báng súng trường M-16 nện tới tấp hoặc dùng giày trận bột-đờ-sô nặng nề đập liên tiếp lên đầu ngón tay để kẻ đó chịu đau không nổi, phải buông ra rồi té lộn nhào xuống đường. Và cứ mỗi lần xảy ra chuyện như vậy, đám đông lại gào lên la ó giận dữ.

Khi Naomi và Joseph chỉ còn cách cổng sắt vài thước, một thanh niên người Việt bỗng quần trí. Rút trong người ra một con dao dài, anh ta chĩa thẳng vào mặt Joseph đồng thời một tay túm tóc Naomi. Anh ta hét lớn:

- Mày phải đem tao đi với mày, bằng không, vợ mày chết tươi tại chỗ!

Hai tròng mắt hung dữ và đáng sợ của anh ta đảo lia đảo lịa. Naomi thét lên đau đớn. Joseph nghiêng chặt răng. Anh thỉnh thoảng lấy hết sức đâm thẳng vào mặt anh ta, và rồi nhẹ nhõm thấy người thanh niên ấy buông dao, lão đảo ngã xuống. Thở muốn hụt hơi vì dùng sức quá mạnh, Joseph đẩy Naomi ra đằng trước. Một TQLC này giờ nhìn họ chen lấn tới gần, cúi xuống và đưa tay kéo Naomi lên đứng bên mình.

Chênh vênh bám trên đầu cánh cổng, Naomi ngoái lui nhìn Joseph và thấy chồng lùi trở lại đám đông. Nàng la lớn, với ánh mắt van lơn:

- Joseph, anh phải cẩn thận! Mau quay lại đây nghe!

- 11 -

Sau cùng, mãi tới hai giờ sáng, máy điện thoại trong phòng Joseph mới chịu reo. Anh cầm ống nghe lên, nhận ra giọng của ông già người Hoa ở Chợ Lớn. Ông báo tin với giọng dửng dưng:

- Đồng chí Trinh đã vào tới Sài Gòn cách đây bảy giờ, đi một mạch từ Hà Nội bằng xe Molotova. Đồng chí là thành viên của Đoàn Xâm nhập số 19, đang có mặt tại cầu Biên Hoà. Chúng tôi đã móc nối và bảo cho biết hãy chờ tại đó. Đoàn 19 hiện ẩn tại ống cống bê-tông cách đầu cầu phía nam một trăm thước. Ông sẽ tìm thấy đồng chí Trinh tại đó nếu ông đi ngay lúc này. Đầu đằng kia kêu clic và đường dây điện thoại tắt lịm, không thêm một nghi thức xã giao nào. Joseph chụp cánh tay người bảo vệ khách sạn, kéo anh ta chạy theo mình xuống cầu thang. Tới cửa, trả lời câu hỏi đi đâu của anh ta, Joseph nói thật nhanh:

- Anh giúp tôi đi cứu cháu ngoại của tôi. Anh biết cầu Biên Hoà chứ?

Anh ta lại toét miệng cười:

- Chuyện nhỏ. Cách đây hai mươi tám cây số. Nó nằm trên Quốc Lộ Một cũ, phải đi ngã Bình Triệu. Lúc này, đường khó đi đấy.

Dựa ngửa trên ghế trước của chiếc Pontiac,

người gác khách sạn tỉnh bơ gác chân lên chân tấm kính chắn gió, tai như vểnh lên và hai mắt lấp lánh quan sát đường đi. Thịnh thoảng anh ta rít một hơi thuốc lá và hình như chẳng chút để ý tới năm tờ một trăm Mỹ kim vừa được Joseph nhét vào túi trên áo vét của anh ta khi hai người chui vào xe. Lúc này, ngồi yên sau tay lái và dưới ánh sáng loang loáng chiếu ngược vào xe, Joseph mới để ý thấy anh ta khoảng ba mươi tuổi. Bắp thịt vai và cánh tay rắn chắc, sẵn vồng dưới tay áo vét trắng của nhân viên bảo vệ khách sạn. Tóc anh ta cắt ngắn trên chiếc đầu gần như hình vuông. Trên bộ mặt rám nắng, hai quai hàm anh ta thỉnh thoảng săn lại, hằn nét phong trần và quả quyết.

Hai tiếng đồng hồ trước đó, đúng nửa đêm, tại sở chỉ huy ở Bến Cát, qua hệ thống truyền tin, tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh mặt trận của Cộng Sản, hạ mệnh lệnh tối hậu tấn công vào Sài Gòn: “Tất cả các binh đoàn thọc sâu tiến gấp, tiến thẳng vào các mục tiêu đã qui định!” Các lực lượng của ông nhận được lệnh truyền ấy và các khẩu đội pháo vừa từ vùng duyên hải kéo vào lập tức nã như mưa đạn 130 li lên bản doanh Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH tại Tân Sơn Nhất.

Tiếng gầm rú của cuộc pháo kích dồn dập ấy càng lúc càng làm Joseph ù tai khi anh lái chiếc Pontiac, theo lời dẫn đường của người bảo vệ

khách sạn Continental, thận trọng lách qua những đoàn người tị nạn đang lũ lượt kéo vào các khu vực ngoại ô đông bắc Sài Gòn. Xe anh chạy theo đường Thị Nghè qua ngã Ba Hàng Xanh. Bên này cầu Bình Triệu, dọc theo bờ sông Sài Gòn, lính Nam Việt Nam bố trí thành một phòng tuyến cả ngàn người gồm các quân nhân gần như đủ loại binh chủng. Nhìn huy hiệu trên áo của họ, Joseph đoán đây có thể là các đơn vị từ Biên Hòa Long Khánh kéo về. Lính bộ binh đào các hố chiến đấu ở những chỗ đất khô. Lính Dù và Thủy quân Lục chiến chia thành từng tổ đằng sau các lùm dừa nước. Họ là những kẻ sau khi đã cùng đồng đội chiến đấu gan lì tại mặt trận Xuân Lộc rồi vì thế cô sức kiệt, phải rút về lập vòng đai quanh Sài Gòn để bảo vệ thủ đô. Họ đang kết hợp nhau ở cấp đại đội, nhiều chỗ chỉ là cấp trung đội, tiểu đội. Hoặc cá nhân đơn lẻ ôm súng tới xin nhập bọn. Các sĩ quan của họ tập hợp lại và đặt dưới quyền chỉ huy của người có cấp bậc cao nhất và thâm niên nhất.

Có thể họ đã biết giờ đây, hầu hết các tướng chỉ huy của họ đang bỏ rơi thuộc cấp, đào nhiệm chạy ra các tàu chiến thuộc Hạm đội Bảy của Mỹ đang buông neo ngoài khơi Vũng Tàu. Nhưng chưa nhận được lệnh buông súng của tổng tư lệnh là họ còn chiến đấu, có thể chỉ vì người bạn cùng đơn vị đang chiến đấu và vì bản thân không muốn làm người đầu hàng sau khi

đã mang tiếng là người tháo chạy trước một đối phương suốt mười lăm năm qua chỉ biết chiến đấu lén lút. Từ sau năm 1968, với sự yểm trợ càng lúc càng sút giảm của Mỹ, họ đã chiến đấu dũng cảm và giữ vững Miền Nam. Thế rồi hai tháng nay, sự việc xảy ra như đất trời bỗng chốc đảo lộn. Trên bộ mặt cam chịu của họ chưa hết dấu vết bàng hoàng của sự sụp đổ quá nhanh. Nhưng trong con mắt họ phản ánh ý chí quyết chiến và sẵn sàng đem hết sinh mạng hiến cho trận đánh có thể là sau cùng này, bên người bạn thân nhất trong tiểu đội, như một cú đấm tối hậu lấy lại danh dự của một võ sĩ chẳng hiểu tại sao mình thất thế, sắp ngã gục trên đài cảm tử.

Xe chạy ngang một đồng lúa bên này dốc cầu Bình Triệu, Joseph bỗng nghe có tiếng hát. Khoảng một tiểu đội lính mặc quần áo rằn ri đứng quanh một người lính trẻ ôm cây đàn Guitar. Họ nhịp chân và tay vỗ đều theo tiếng hát của người ôm đàn. Trong trời đêm, giọng hát ồm ồm và đều theo nhịp quân hành của họ thật hồn nhiên khỏe khoắn, như âm thanh vang vang của một niềm tự hào và lời dặn dò nhau của các tráng sinh trong đêm lửa trại chia tay. Tiếng hát quyện với các lưỡi lửa bên bờ từ sinh nghe thật bi tráng và trông thật ấm áp. Joseph cảm thấy cay cay hai góc mắt. Người gác cửa khách sạn lẩm bẩm hát theo. Rồi quay sang ngó Joseph, anh ta khịt khịt mũi. Châm thêm một điếu thuốc, anh ta dụi mắt và cười khẽ:

- Tôi là Biệt kích Dù bị thương trận An Lộc. Giờ này mà tụi nó còn hát cờ bay cờ bay oai hùng trên thành phố với ta như nước dâng dâng tràn. Hay thiệt! Chốc nữa về lại, ông thả tôi xuống đây để tôi chơi cú chót với tụi nó.

Trong khi cho xe chạy qua khỏi cầu Bình Triệu và rẽ tay phải, theo đường Quốc Lộ Một cũ, sắp tới thị trấn Thủ Đức, thấy cây cối hai bên đường loang loáng dưới ánh đèn xe, Joseph nhớ lại đây chính là con đường nửa thế kỷ trước, cha anh, Chuck cùng với anh đã theo Jacques Devraux ra khỏi thành phố trong chuyến đi săn đầu tiên. Đây cũng là con đường ba mươi năm trước, anh cùng Lan đi phương bắc tìm Tuyết.

Phía bắc sông Sài Gòn, cảnh tượng chiến tranh diễn ra khác hẳn với bờ nam. Con đường tắc nghẽn với những xe díp và xe GMC bị vấp lại bởi các binh sĩ VNCH đang tìm cách tháo chạy thật lẹ về hướng Sài Gòn. Nhìn quân đội Miền Nam đang rút lui trong hỗn loạn, Joseph liếc người bảo vệ khách sạn và cay đắng tự hỏi, không biết khi cuộc chiến tranh này chấm dứt, người cựu binh đang ngồi bên cạnh anh cùng những người lính đang chạy kia và kể cả những bộ đội đang cầm súng rượt theo họ, sẽ nghĩ ra sao về bản thân cùng bản chất của cuộc chiến từng được đôi bên ném hoặc bị ném vào đó cả thể xác lẫn tuổi xuân và may mắn thấy mình sống sót. Đấu tranh cho giải phóng dân tộc,

thống nhất đất nước. Bảo vệ tự do dân chủ cho Miền Nam. Nội chiến hay ngoại xâm. Chiến tranh giữa Cộng Sản và tư bản, giữa đế quốc và giải phóng, giữa các khuynh hướng chính trị bản địa khác nhau. Đấu trường Chiến Tranh Lạnh cho các thế lực quốc tế vừa đối đầu vừa mặc cả với nhau, v.v.

Tìm câu trả lời có lẽ là một công việc rất gian nan, rất dài ngày và sự thật ấy hẳn sẽ bị khuất lấp trong những tròng hô khẩu hiệu của kẻ chiến thắng hoặc chìm sâu dưới lớp lớp tủi hận của người chiến bại. Hình như mỗi người đều không tránh khỏi lý do cá nhân khi bị cưỡng bách hoặc tự nguyện tham gia cuộc chiến trên mặt trận chính trị hoặc quân sự. Câu trả lời mang tính tập thể có lẽ còn tùy thuộc chính sách xây dựng và tái thiết xứ sở của chế độ Việt Nam sắp tới. Joseph ngẫm nghĩ chùng nào người Việt chưa được sống trong bối cảnh tự do đối thoại thì vẫn chưa có lời giải thoả đáng cho vấn nạn đó. Như thế, họ sẽ khó có điều kiện nhìn vào sự thật, để từ đó, cùng nhau hóa giải mọi hệ lụy của hận thù, bình thản khép lại quá khứ và nắm tay nhau xây dựng tương lai.

Tình trạng hoảng loạn và hoang mang ấy làm Joseph mất hơn nửa tiếng đồng hồ cho một quãng đường ngắn như thế. Kim đồng hồ chỉ hai giờ bốn mươi lăm phút sáng khi anh tắt đèn xe và rẽ ra khỏi đường quốc lộ cũ, cách phía

nam cầu Biên Hòa khoảng bốn trăm thước. Lúc Joseph nghiêng người qua vói tay mở cửa bên kia xe, người bảo vệ khách sạn cau mặt tính toán. Kể đó, anh ta xếp mấy tờ giấy bạc ở túi áo trên cho vào túi quần sau và nói thật lẹ với Joseph:

- Ông giữ áo vét trắng với áo sơ mi trắng dùm tôi, bằng không, xa cả cây số bọn chúng vẫn thấy ra tôi. Đưa tôi cái giẻ chùi máy xe tôi lau mặt.

Mừng rơn vì gặp thứ thiệt, Joseph thò phào:

- Có anh tôi yên chí. Cứ cời ra đưa tôi.

Anh giúp người bảo vệ tuột hết hai lớp áo rồi một tay đặt lên bắp thịt vai u lên một cục của anh ta, một tay chỉ chỗ mặt nước phản chiếu bầu trời:

- Ông cống bê tông đó nằm cách đầu cầu mé bên này chừng một trăm thước! Gọi nhỏ tên cô ta thôi, rằng “Đồng chí Triệu Hồng Trinh” – Lẹ lên!

Người Việt Nam thì thâm lặp lại hai lần câu gọi tên ấy với giọng rõ từng tiếng rồi cúi xuống thật thấp. Anh ta khom người như ngồi buồng thông hai cánh tay gân guốc xuống đất và lúi rất lẹ vào bóng đêm.

Nhìn qua kính chắn gió, Joseph thấy bên kia cầu, cách chưa tới hai ba cây số, một đoàn dài dằng dặc xe tăng và xe tải của quân Bắc Việt đang chừng chặc tiến vào, đèn xe bật sáng trưng. Trong lúc quan sát đoàn tiền phương

ấy tiến tới càng lúc càng gần mình hơn, Joseph bỗng giật thót thất ruột khi chợt nghĩ rằng biết đâu người bảo vệ khách sạn kia nếu thấy lộ sẽ không dám quay lui vì sợ bị bắt chung với người Mỹ. Anh ta chỉ việc biến mình trong bóng tối rồi co giò chạy ngược về Thủ Đức hoặc bơi thẳng qua bên kia sông! Anh ta là Biệt kích mà! Tại sao mình không bắt anh ta hứa dù gì đi nữa cũng phải quay lại báo cho mình tính! Mình thật khủng hết biết!

Suốt mười lăm phút Joseph ngồi nhấp nhóm đằng sau tay lái, không dám xuống xe. Anh biết chắc chắn rằng nếu một người Mỹ lộ mình ra quá gần một toán Cộng Sản xâm nhập, ở ngay khu vực mặt trận, thế nào cũng bị bắt. Nhưng anh nghĩ nếu người gác cửa kia không xuất hiện trở lại, mình chỉ còn cách duy nhất là liều mạng xuống xe thôi, và phải thử thêm lần nữa, đích thân đi tới ống cống tìm cho ra Trinh.

Cứ cách vài giây Joseph lại ngó đồng hồ. Đã mấy phút trôi qua với tiếng tích tắc đánh nhịp thật chậm. Rồi khi anh mở cửa xe phía bên tài xế, leo xuống xe và dợm chân bắt đầu lúi tới ống cống thì từ trong bóng tối kế bên anh âm thầm trỗi ra hai bóng đen. Có tiếng động như hai gót giày đập vào nhau, rồi giọng người bảo vệ khách sạn Continental nói nhỏ, tỉnh queo:

- Monsieur American, đồng chí Trinh của ông đây.

Sương tê người, Joseph vỗ vai người cựu binh Biệt kích và đẩy anh ta vào ghế sau của xe Pontiac. Rồi anh dẫn bóng đèn kia đi quanh đầu xe để lên ghế trước bên cạnh tài xế. Khi anh mở cửa xe, Trinh quay mặt đối diện anh. Dưới ánh lửa đỏ rực của những đám cháy trong thành phố bên kia sông hắt sang, Joseph thấy vẻ mặt Trinh căng thẳng nhưng vẫn trầm tĩnh. Nó mặc bộ bà ba đen đầy bụi của một người nhà quê nhưng đeo chiếc mũ tai bèo lật ngược ra sau gáy và tóc rũ lòa xoà trên má. Tim anh trông trành khi thấy Trinh đã lớn thật nhiều, thành một thiếu nữ mười bảy tuổi. Trinh tròn xoe mắt nhìn lại anh với vẻ mặt e ngại và rụt rè. Nhưng trên khuôn mặt nó rõ ràng có sự kết hợp các dấu tích nhan sắc tuyệt vời của Lan và sức mạnh ngoan cường của Tuyết.

Joseph cố nén lòng khát khao mãnh liệt được dang rộng hai tay ôm chầu vào lòng. Và thay cho cử chỉ đó, anh dịu dàng nói bằng tiếng Việt:

- Trinh ạ, ông rất sung sướng là đã tìm ra cháu kịp thời.

Trong một thoáng, Trinh lo lắng nhìn ông ngoại rồi hướng ánh mắt về phía có đoàn xe tăng Bắc Việt đang tiến tới:

- Cháu cũng mừng lắm – nhưng chúng ta cần lẹ lên, phải không?

Joseph mỉm cười, ra hiệu cho Trinh vào xe:

- Cháu chớ lo. Mọi sự sẽ ổn thoả hết.

Anh chạy vòng qua cửa tài xế và lại chuỗi mình vào đằng sau tay lái, lẹ làng trở đầu xe, nhắm hướng thành phố. Joseph phải bóp không ngót còi xe Pontiac để len lỏi qua các đám dân chúng và binh sĩ đang chạy. Tới khi xe chạy đều, anh đưa cuờm tay lên sát mặt mình. Qua ánh lửa đỏ rực từ các đám cháy hắt vào xe làm lấp lánh mặt đồng hồ đeo tay, anh thấy kim chỉ quá ba giờ sáng một chút:

- Vẫn còn đủ thì giờ tới Toà Đại sứ của ông. Ở đó, hai ông cháu mình sẽ tìm được một chuyến trực thăng chở chúng ta ra khỏi Việt Nam.

Trong khi lái xe, Joseph có cảm giác cánh tay mặt lay động nhẹ nhẹ. Quay qua nhìn, anh thấy đầu ngón tay của Trinh đang chạm vào tay áo anh. Trong mắt nó ánh lên tia nhìn kinh ngạc, và với một nụ cười hơi có vẻ e thẹn, Trinh rút tay lại khi thấy ông ngoại ngó mình. Khi xe đổ dốc cầu Bình Triệu, sắp ngừng bánh để thả anh cựu binh Biệt kích Dù xuống, Trinh từ từ lột chiếc mũ tai bèo, thả ra ngoài cửa xe.

Vào lúc đó, bên trong Toà Đại Sứ Hoa Kỳ bên Đại lộ Thống Nhất, viên đại sứ Mỹ cuối cùng tại Sài Gòn đang xếp quốc kỳ Mỹ và đứt lá cờ vào túi plastic để mang theo mình ra Hạm đội Bảy. Với nét mặt tái xanh và ủ dột, hậu quả của một cơn sung phổi làm suy kiệt sức khoẻ, ông thấp thòm quan sát những chiếc trực thăng khổng lồ

CH-53 tiếp tục đáp xuống khuôn viên Tòa Đại Sứ để bốc đi từng nhóm người di tản.

Lúc này, các phi công mất đồ ăn phờ phạc trong khi năm sáu trăm người Việt đang đứng chờ dường như đã cảm thấy rằng cuộc không vận đang tới hồi kết thúc. Từ bệ cao nhỏ hơn trên nóc toà nhà sứ quán, các trực thăng CH-47 đang di tản nhân viên Tòa Đại Sứ, khoảng một ngàn người tính cả thân nhân của họ. Tới ba giờ mười lăm sáng, số người còn lại không bao nhiêu, kể cả những kẻ đang đứng loanh quanh thành từng nhóm nhỏ ở một tầng lầu bên trong sứ quán. Đứng đó với lòng phân vân và sùng sờ họ chứng kiến sự bại trận cùng nỗi nhục nhã tối hậu của quốc gia mình và đồng minh Á Đông của nó.

Cùng có mặt trong số những người ấy có Naomi Boyce-Lewis. Và gần như nàng không bao giờ rời khỏi chỗ đứng sát khung cửa sổ. Naomi liên tục xem xét kỹ từng li từng tí các con đường bên ngoài, trông ngóng một dấu hiệu nào đó của Joseph. Nhưng khi tới lượt mình ra đi, nàng bị người ta ấn cho bằng được vào nhóm người đang sắp hàng dọc trước cầu thang xoắn ốc bên trong.

Naomi cố lùi lại trong khi các nhân viên ngoại giao đứng chung quanh rỉ tai nhau rằng tại Washington, tổng thống Ford càng lúc càng mất kiên nhẫn trước sự miễn cưỡng của ông đại

sứ trong việc kết thúc thật nhanh “Chiến dịch Ngọn Gió Thường Xuyên.” Họ bảo rằng các thiết bị truyền tin tối mật của Toà Đại Sứ đã bị phá hủy; các điệp văn cuối cùng đã được gửi đi Washington. Tuyến truyền tin qua trực thăng với các chỉ huy trưởng tại Hạm đội Bảy là kênh liên lạc duy nhất còn được duy trì giữa Sài Gòn và Washington. Họ còn nói người ta đang chờ mệnh lệnh từ Tòa Bạch Ốc có thể tới bất cứ lúc nào để lập tức ngưng cuộc không vận ngay sau khi ông đại sứ Hoa Kỳ, nhà ngoại giao sau cùng ấy lên máy bay. Sau đó, không chắc người nào còn có thể ra đi.

Naomi đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ lần cuối rồi miễn cưỡng bước lên cầu thang xoắn ốc theo sau những người Mỹ khác đang chờ. Khi nàng bước ra ngoài, đặt chân lên sân thượng trên nóc toà nhà sứ quán, trời đã gần bốn giờ sáng. Một chiếc trực thăng CH-47 vừa đáp xuống bệ với nhiệm vụ bốc Naomi và hai mươi bốn người khác ra tàu Blue Ridge của Hải quân Mỹ, soái hạm của hạm đội đảm trách việc di tản. Vì thời gian quý báu và hiếm hoi, người ta không tắt máy và cánh quạt tiếp tục quay tít trong khi lính TQLC thúc nhóm hành khách thứ nhất bước vào máy bay. Naomi bỗng thấy từ trên nóc toà nhà sứ quán sáu tầng lầu này, nàng có thể nhận ra xe tăng của quân Bắc Việt như những dòng sông đang tuôn theo hai quốc lộ chính,

chảy thẳng về Sài Gòn với đèn xe rực sáng. Và tìm nàng chùng lại. Rồi khoảnh khắc kế đó, Naomi hạ ánh mắt nhìn xuống con đường bên ngoài vòng tường Tòa Đại Sứ và chợt thấy chiếc Pontiac của Joseph đang dí mũi chen qua đám đông để tới chiếc cổng bên hông.

Xe di chuyển chậm rì. Những người Việt tuyệt vọng điên cuồng bu quanh xe. Có lẽ họ cố tưởng tượng rằng dù sao đi nữa đây vẫn có thể là cơ hội cứu vớt sau chót. Thấy vậy, Naomi bước sang một bên để cho các nhân viên ngoại giao khác lên máy bay trước mình. Nàng đưa tay lên che miệng khi thấy có hơn chục thanh niên trườn lên mui chiếc Pontiac với hi vọng khi xe tới gần cổng, họ có thể từ mui xe phóng mình lên đầu cổng. Một số khác đập vỡ cửa sổ xe. Và dần dần đám đông dày đặc vây kín mít làm xe khựng lại. Dân chúng nổi cơn thịnh nộ, bắt đầu đẩy cho xe lắc qua lắc lại. Và Naomi thét lên nho nhỏ khi chiếc xe chầm chậm lật qua một bên. Đàn ông và thiếu niên đá vào xe, đập tan kính chắn gió và cửa hai bên hông xe. Chính lúc ấy, lần đầu tiên Naomi thấy bộ mặt kinh hoàng của Trinh khi nó vùng vẫy để đẩy bật cửa xe lúc này đã thành linh nằm ngay trên đầu nó.

Tiếng gào thét của đám đông dội vào lòng xe nghe điếc tai nhức óc. Chiếc xe lật nghiêng làm Joseph rớt xuống dưới đáy. Anh lúng túng rút chân ra khỏi tay lái và cần lái đồng thời cổ trắn

an cháu. Khi Trinh bắt đầu rán hết sức để leo ra ngoài xe, anh túm cánh tay nó, làm hiệu cho nó chờ. Rồi anh rút cuốn sổ thông hành từ túi bên trong áo vét của mình ra, ấn vào tay Trinh và thét lớn:

- Nếu bị tách rời nhau thì đưa cái này cho lính Mỹ gác trên đầu tường. Họ sẽ cho cháu vào. Gay cấn gật đầu, Trinh leo ra khỏi chiếc xe móp méo, tay nắm chặt sổ thông hành. Đám đông bắt đầu tràn tới dạt lui như sóng đánh. Gần như lập tức, Trinh bị hất ra xa, đẩy tới tận chân tường Đại sứ quán, cách Joseph một quãng. Từ đám đông nổ vang một loạt súng bắn thẳng lên chiếc trục thẳng vừa đáp xuống nóc toà nhà sứ quán. Tiếng súng ấy kéo theo tiếng người ta hoan hô reo hò như điên. Kế đó, thỉnh thoảng có tiếng khạc nặng nề của một khẩu đại liên khai hỏa từ một nóc nhà ở mé bên kia đường Thống Nhất, dội âm âm, nổi bật lên trên tiếng la hét của đám đông. Rồi năm sáu người nam có nữ có trúng đạn ngã lăn xuống đất.

Khi Joseph trôi được người ra khỏi chiếc Pontiac, khắp chung quanh anh rộ lên tiếng la lớn “Việt Cộng! Việt Cộng!”. Đồng thời đám đông hè nhau ào lên bờ tường như thể đã có dự tính trước. Các TQLC Mỹ đứng sát vai nhau trên đầu tường, mặc áo giáp và đội mũ sắt, thọc lưỡi lê xuống và dậm mạnh đôi giày trận nặng nề lên những bàn tay nào cố bầu lấy đầu tường. Đám

đồng dội lộn ngược, rớt xuống, thét lên đau đớn. Chiếc trục thẳng Cobra lượn lơ bên trên thành linh nhào xuống như chim ưng. Trong vài giây, nó khai hoả vào ổ súng đại liên tình nghi là của Cộng Sản trên nóc nhà đối diện. Tiếng gầm của những khẩu súng nhiều nòng trên trục thẳng át hẳn mọi tiếng động bên dưới.

Trong đám đông đen kịt ấy, Joseph tuyệt vọng ngóng cổ lên cố tìm cho ra chỗ của Trinh nhưng anh không thể nào thấy được nó. Rồi nghe xa xa có tiếng thét lớn tên mình, anh ngó lên, thấy Naomi cuống cuống ra hiệu từ trên nóc toà nhà sứ quán. Nàng chỉ dọc bờ tường. Theo hướng cánh tay của vợ, Joseph thấy Trinh đang bám người trườn lên một cột đèn sát hàng rào mắt cáo, trong khi ngay phía bên trên nó đã có hai thanh niên khác. Joseph huých vai lấn qua đám đông và bắt đầu trèo lên cột đèn ấy. Mới trèo lên được một nửa, anh cảm thấy ngộp thở và dừng lại. Trong khi lấy hơi thở, anh thấy một lính TQLC Mỹ xuất hiện trên đầu mình. Anh ta tàn bạo động báng súng M-16 vào hai thanh niên Việt Nam đang trên Trinh để mở đường cho Joseph. Cả hai thét lên, rơi ngược trở lại, kéo theo Trinh cùng ngã lăn xuống đất. Nhưng Trinh đứng bật dậy, òa khóc, đưa cả hai tay kêu cứu về phía Joseph:

- “Ông ngoại! Ông ngoại!” Trong tuyệt vọng Trinh gọi lớn hai tiếng chan chứa tình thương

nó từng gọi Joseph bảy năm trước trong con đò tam bản trên sông Hương:

- Ông ngoại ơi! Cứu cháu với! Người lính TQLC mấy lần la lớn, hét Joseph cứ trèo lên một mình nhưng anh làm như thể không nghe. Chân anh kẹp cứng cột đèn, nhòai người ra bên trên đám đông, đưa hai tay về phía Trinh. Nó rướn người cố vói cho tới tay ông ngoại nhưng đám đông trong cơn điên cuồng kinh hãi hoang dại lại vây kín Trinh và nó bị đẩy dạt ra xa. Chiếc Cobra võ trang không làm cảm hòng nổi khẩu đại liên của Việt Cộng nên bắt đầu thả trái sáng để xác định vị trí ổ súng. Dưới ánh sáng hoả châu ma quái, Joseph thấy Trinh đang cố vùng vẫy để rướn người tới.

Cảm thấy sinh lực trong người mình tới hồi cạn kiệt, Joseph quyết định không mạo hiểm nhào trở lại cuộc hỗn đấu. Thay vào đó, anh réo đi réo lại thật lớn tên Trinh và vẫy tay về hướng nó. Khi Trinh thấy anh, nó bắt đầu lẩn đường về hướng cột đèn lần nữa. Nhưng nó chưa tới được cột đèn, bỗng xuất hiện một đốm màu đen bay bên trên đầu đám đông, theo hình vòng cung. Quả lựu đạn nổ tung và ánh chớp của nó làm Joseph lòa mắt trong mấy giây. Tới khi mắt sáng trở lại, anh thấy Trinh nằm bất động giữa một đám các thân thể khác vừa gục xuống trên vỉa hè.

Từ sân thượng trên nóc sứ quán, Naomi

không thấy rõ biến cố vừa xảy ra bên ngoài vòng tường. Nhưng qua tư thế khòm lưng và cứng đờ của Joseph khi anh đeo lưng lẳng trên cột đèn, nàng cảm thấy có điều gì đó không ổn. Ngay lúc ấy, một lính Mỹ quát lớn, túm vai Naomi và đẩy mạnh nàng về phía cửa trực thăng mở sẵn đang chờ bốc lên. Naomi cố vùng vẫy, hét lớn bảo anh ta buông nàng ra. Nhưng lời nói của nàng đứt quãng và lạc mất trong tiếng phản phật của cánh quạt trực thăng đang quay tít. Cuối cùng, anh lính TQLC nhắc bổng người Naomi lên, thấy nàng vô lòng máy bay với các hành khách khác cho yên chuyện. Xong, anh ta đóng rầm cửa lại. Khi chiếc trực thăng lượn vòng trên không, Naomi thấy Joseph buông tay khỏi cột đèn và chuỗi người trở lại đám đông. Nàng nhắm mắt, úp mặt vào giữa hai lòng bàn tay.

Lúc Joseph tới sát bên Trinh, nó nằm không nhúc nhích. Hai mắt nhắm nghiền nhưng trên mặt và thân thể không có dấu vết bị thương. Với tiếng hỗn loạn càng lúc càng tăng do cuộc pháo kích của Cộng Sản tràn ngập trong tai mình, Joseph quì xuống bổng Trinh lên. Gom hết hơi sức tàn tạ, anh loạng choạng đi trở lại chân tường thành. Tiếng nổ của quả lựu đạn đã làm đám đông dạt ra. Joseph ra hiệu cho viên trung sĩ TQLC trên đầu cổng kéo Trinh lên dùm anh. Viên trung sĩ cúi xuống và chỉ bằng một cánh tay, anh ta kéo mạnh Trinh lên trên

đầu cổng rồi chuyển nó cho đồng đội đang chờ kế bên. Kế đó, anh ta leo xuống giúp Joseph đu người lên.

Trinh vẫn hôn mê khi Joseph nhận lại nó từ tay người lính TQLC. Anh bỗng cháu loạng choạng đi trong khuôn viên Toà Đại Sứ đầy bóng tối tới chỗ máy bay đáp trên bãi cỏ. Tại đó, anh phải thuyết phục viên đại tá giám sát cuộc di tản để anh với Trinh được lên chuyến máy bay Stallion Sea Sikorsky cuối cùng, chen chúc với bảy tám chục người Việt khác vừa được lùa vào lòng máy bay với vẻ kinh hoàng còn nguyên trên mặt.

Joseph ngồi lom khom trên sàn, giữ cho đầu Trinh kê trên lồng ngực mình. Khi chiếc trực thăng bốc lên, chầm chậm ra khỏi vùng ánh sáng của khu vực Toà Đại Sứ, Trinh mở mắt kinh hãi nhìn quanh và chỉ thấy đen kịt mặt mày con người ta. Joseph cúi xuống thật sát bên tai cháu và nói:

- Trinh ạ, cháu đừng lo. Ông cháu mình an toàn rồi – mọi sự sẽ ổn thoả hết.

TÁI BÚT

I. Của Anthony Grey

Trong khi nghiên cứu bối cảnh cho cuốn tiểu thuyết này, tôi nhận được sự hướng dẫn vô giá của các học giả về lịch sử tại Paris, Luân đôn, Washington và Đại học Harvard; nhiều nhà báo và nhà văn am hiểu sâu xa Việt Nam cũng ân cần chia sẻ cho tôi các nhận thức của họ về những gì từng xảy ra.

Tại Paris, các thiện cảm ban đầu của tôi được nuôi lớn lên nhờ sử gia Pháp Philippe Devillers và phóng viên hải ngoại Edith Lenart, người đã theo dõi Đông Dương một cách xuất sắc trong nhiều năm.

Tại Luân đôn, Tiến sĩ Ralph B. Smith, Phó Giáo sư môn Lịch sử Đông Nam Á tại Trường Nghiên Cứu Phương Đông và Châu Phi, đã hướng tôi tới nhiều nguồn tài liệu đầy khích lệ,

trong đó có hồ sơ của Sûreté Générale: Liêm Phóng Pháp mà lúc này có thể tiếp cận tại Bộ Thuộc địa Pháp.

Tại Washington, tác giả William R. Corson, một người bạn tuyệt vời và già dặn kinh nghiệm, có lẽ vô song về vấn đề tình báo và quân sự ở Đông Nam Á, là người truyền cảm hứng, một cách không bao giờ mệt mỏi, và là người cộng tác với tôi; Giáo sư Allan W. Cameron của Trường Luật và Ngoại giao Fletcher, đã bỏ thời gian thảo luận hàng giờ và bất tận với tôi về Việt Nam; Frank Snepp, tác giả cuốn *Decent Interval*: Khoảng thời gian thích đáng [Bản tiếng Việt: Cuộc Tháo Chạy Tán Loạn, do Ngô Dư dịch, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1985], câu chuyện bên trong sự sụp đổ sau cùng của Sài Gòn, đã cung cấp nhiều cái nhìn tươi rói; Douglas Pike, người viết nhiều tác phẩm có thẩm quyền về Việt Cộng, đã giúp tôi một cách quảng đại; và Bruce Martin, viên chức phụ trách các tiện nghi nghiên cứu tại Thư viện Quốc hội, đã liên tục cung ứng sự hỗ trợ vượt quá tầm trách nhiệm của mình.

Suốt thời gian ba năm, tại các thư viện và thư khố ở Paris, Luân đôn và Washington, tôi đã tham khảo vài trăm cuốn sách và hàng ngàn tài liệu liên quan tới Việt Nam; tất cả đều đã đóng góp ít nhiều vào những nỗ lực của tôi nhằm tái tạo hình ảnh Việt Nam trong nhiều thập niên,

nhưng trong số đó có mấy cuốn sách nổi bật như những ngọn hải đăng soi đường. Các cuốn *The Three Kingdoms of Indo-China*: Ba vương quốc Đông Dương của Harold J. Coolidge Jr. và Theodore Roosevelt, xuất bản năm 1933, cung cấp những nét thấp thoáng mà đầy quyến rũ của những gì tựa như một trò săn bắn lớn tại Nam kỳ và Trung kỳ thời thuộc địa; *Little China*: Tiểu Trung Hoa của Alan Houghton Brodrick, xuất bản năm 1942; và *East of Siam*: Đông Thái Lan bởi nhà văn du hành Mỹ Harry A. Franck (1939), là những hướng dẫn không thể thiếu về phong tục Việt Nam và thuộc địa vào những năm đầu của thế kỷ này. Ngô Vĩnh Long với tác phẩm *Before the Revolution: The Vietnamese Peasants Under the French*: Thuở tiền cách Mạng: dân quê Việt Nam thời Pháp thuộc, đã đưa ra các tài liệu mà không ai khác có thể thực hiện nổi về tình trạng thiếu thốn cơ cực của một số đồng bào ông tại các đồn điền cao su và trong nạn đói thời Thế Chiến Hai; và Virginia Thompson với cái nhìn tổng quát và đa diện trong cuốn *French Indo China*: Đông Pháp (1937), đã giúp tôi thấy rõ ràng và sắc nét những khắc nghiệt và những vấn đề trong đời sống tại các xứ thuộc địa ấy của Pháp.

Trong số mấy cuốn viết về tiểu sử của Hồ Chí Minh, cuốn của Charles Fenn, xuất bản năm 1973, là nổi bật vì tác giả có những giao tiếp cá

nhân với nhà lãnh đạo bí hiểm người Việt ấy trong thời Thế Chiến Hai. Một số ít ỏi các văn bản viết về cuộc can dự ngăn ngui nhưng trọng yếu của người Anh tại Đông Dương năm 1945 và cuốn sách nhỏ mà đây can đảm của George Rosie, *The British in Viet Nam*: Người Anh tại Việt Nam, mà cho tới nay là tài liệu duy nhất đã xuất bản, liên quan tới các biến cố đầy tranh luận ấy.

Cuốn *La Bataille de Dien Bien Phu*: Trận đánh Điện Biên Phủ của Jules Roy [Bản tiếng Việt: Trận Điện biên phủ dưới con mắt người Pháp, do Bùi Trân Phượng dịch, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994] và cuốn *Hell in a Very Small Place*: Hoả ngục ở một nơi rất nhỏ của Bernard Fall, là sách đọc phối hợp cho những ai muốn dựng lại một cách xác thực trận đánh tốt điểm của chiến tranh Đông Dương thời Pháp.

Trong số những sách được viết vào thập niên 1960, cuốn *The Making of Quagmire*: Việc tạo ra vũng lầy của David Halberstam và cuốn *The New Face of War*: Bộ mặt mới của chiến tranh của Malcom W. Browne chứng tỏ là những hướng dẫn vô giá về Sài Gòn và Nam Việt Nam trong các thời kỳ đó, và cuốn *Tet*: Tết Mậu Thân của Don Oberdorfer là một sách hướng dẫn đầy đủ nhằm am hiểu trọn vẹn cuộc Tổng Công Kích Mậu Thân lịch sử năm 1968 của cộng sản.

Về mặt thể hiện, tôi cũng xin gởi lời cảm ơn nồng nhiệt tới Sally Weston, người phụ tá nghiên cứu của tôi ở Washington, tới Jean Johnson, người phụ trách việc đánh máy, đã làm việc không biết mệt và điều chỉnh rất hữu hiệu các bản thảo của cuốn tiểu thuyết này ở Luân đôn lẫn Washington – và sau cùng, tới William D. Philipps, người biên tập cẩn mẫn của tôi tại Boston.

Tuy thế, qua việc thừa nhận món nợ ân nghĩa đối với các nhà chuyên môn đã giúp đỡ mình, tôi không có ngụ ý rằng các vị ấy nhất thiết chấp nhận mọi trường hợp sử dụng ngòi bút mà trong đó tôi đã dùng để vẽ chân dung các biến cố của một quá khứ kéo dài năm chục năm. Vì tối hậu, cái duy nhất còn lại vẫn là quan điểm của chính người viết cuốn tiểu thuyết này.

II. Của Nguyễn Ước

Trường thiên tiểu thuyết *Trăng Huyết* dựa căn bản trên bản gốc tiếng Anh có nhan đề là SAIGON của Anthony Grey, được xuất bản lần đầu năm 1982 do nhà Little, Brown & Company tại Boston, Hoa Kỳ và Toronto, Canada, từ đó, được in lại nhiều lần bởi nhiều nhà xuất bản Âu, Mỹ, Úc, Nam Phi...

Trong một thư email bằng tiếng Anh, A. Grey còn kể với tôi rằng: “Năm 1988, tôi nói chuyện với Bộ trưởng Thông tin tại Hà Nội. Ông ấy cho

tôi biết rằng nhiều phần hoặc trọn cả cuốn SAIGON đã được dịch ra tiếng Việt và được dùng làm sách giảng khóa tại Học viện Quân sự Hà Nội để góp phần dạy sinh viên sĩ quan của Quân đội Nhân dân về lịch sử đất nước và cuộc Chiến tranh Việt Nam. Tôi cũng rất sung sướng vì trước đó, biết được rằng cuốn SAIGON cũng được dùng làm sách giảng khóa tại Học viện Hải quân Hoa Kỳ ở Annapolis để dạy Sinh viên Sĩ quan Hải quân Mỹ về hai cuộc Chiến tranh Đông Dương và lịch sử VN.”

Từ ngày SAIGON ra mắt lần đầu đến nay đã 22 năm; bao nhiêu chân cầu đã bị nước cuốn và bao nhiêu thay đổi chính trị ngoài sức tưởng tượng đã diễn ra trên thế giới. Đầu năm 1979, bộ đội VN vừa lâm chiến trên trận địa Cambodia vừa tại biên giới Hoa Việt với Trung Quốc, mãi sau năm 1989-90 đất nước mới hết ngoại chiến. Rồi chế độ cộng sản sụp đổ nhanh chóng ở Nga và châu Âu. Chiến Tranh Lạnh chấm dứt từ năm 1990. Chiến tranh Việt Nam với số tổn thất về phía người Việt khoảng 1,3 triệu người chết và 700.000 người thương tật hết là một đề tài quốc tế. Kể từ tháng 4 năm 1975 tới đầu thập niên 1990, có tới nửa triệu người Việt, cả nam lẫn bắc, thiệt mạng trên đường vượt biên bằng đường biển và đường bộ sang các trại tị nạn ở vùng Đông Nam Á. Hiện có khoảng ba triệu người Việt lánh nạn và lập nghiệp trên khắp các đại lục.

Dần dần, Hà Nội từ bỏ niềm hy vọng vào ngân khoản viện trợ 4,2 tỉ Mỹ kim mà Nixon hứa ngày 1.2.1973. Nay đảng CSVN tuy vẫn duy trì chế độ toàn trị nhưng đổi sách lược, xây dựng kinh tế thị trường trong tình trạng tham nhũng chính trị có hệ thống và thiếu hẳn một nền tảng pháp trị. Bên cạnh đó, đảng xem Trung Quốc là chỗ dựa cũng như kiểu mẫu hiện đại hóa để bảo tồn quyền lực; ngăn chặn việc hình thành xã hội dân sự; khống chế toàn bộ sinh hoạt chính trị lẫn văn hoá giáo dục, v.v.; biến mọi giai tầng cũ lẫn mới của xã hội thành những con quay trong quỹ đạo độc đảng; và vì thế đảng trở thành lực trị của phát triển.

Từ tháng 7.1995, Mỹ-Việt lập đầy đủ bang giao. Tháng 4.1997, Hà Nội ký văn kiện cam kết trả Mỹ khoản nợ thời chiến của Việt Nam Cộng Hòa là 146 triệu Mỹ kim. Sang tháng 11.2003, quan hệ Mỹ-Việt tới khúc quặt mới với cuộc viếng thăm Hoa Kỳ của tướng Phạm Văn Trà, Bộ trưởng Quốc phòng VN, và chuyến ghé cảng Sài Gòn của chiến hạm Mỹ USS Vandegrift. Ba tháng đầu năm 2004, trong khi cổ động cả nước rầm rộ chuẩn bị lễ kỷ niệm trọng thể 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Hà Nội nồng nhiệt đón tiếp các tướng tư lệnh của Pháp, Mỹ và Anh.

Dù vẫn tuyên dương vai trò độc tôn của đảng trong suốt 50 năm “đấu tranh giải phóng dân

tộc” vừa qua, CSVN đang bình thường hoá mọi quan hệ với Mỹ, Anh và Pháp, hiện đại hoá quân đội và hân để mưu tìm sự cân bằng cán cân quyền lực quốc tế tại biển Đông và vùng Đông Nam Á. Trong khi đó, sự mất quân bình nghiêm trọng giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị khiến trên khắp đất nước tình người điêu đảo, hố cách biệt giữa thành thị và nông thôn, kẻ có thể lực và người cô thế, kẻ giàu và người nghèo ngày càng sâu, thành những vùng xoáy chóng mặt.

Là tiểu thuyết sử thi, SAIGON xây dựng bối cảnh theo một số tài liệu có được từ trước năm 1982 và được viết khi A. Grey chưa hề đặt chân tới VN. Từ bấy đến nay, các cường quốc từng dính líu tới VN như Nga, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Pháp... đã giải toả nhiều văn kiện mật, đồng thời có thêm nhiều công trình nghiên cứu của các nhà sử học cùng hồi ký của các nhân vật trong cuộc. Tôi có sử dụng hàng chục tài liệu đó để bổ sung và hoàn tất bản tiếng Việt *TRĂNG HUYẾT*. Thực tế, không ai có thể đọc hết các văn bản liên quan tới VN vì nhận xét như Giáo sư Phạm Văn Lưu thuộc Đại học Monash, Melbourne, Australia thì: “Chỉ riêng tại văn khố Đông Dương Indochina Archives thuộc Đại học California, Hoa Kỳ, có hơn 6.000 cuốn sách, không kể các tạp chí, nhật báo viết về VN đủ loại và bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.” Như

thế, ý nghĩa và sự thật lịch sử hẳn cũng chỉ là những diễn giải không kém chủ quan của người không bao giờ sử dụng đầy đủ các tài liệu mà giá trị của chúng lại bị giới hạn bởi chủ đề, quan điểm của tác giả và thời điểm ấn hành. Đặc biệt, dưới chế độ toàn trị tại VN ngày nay, các tác giả viết về lịch sử, nhất là thời đương đại, hoặc hồi ký chính trị, thường theo phương pháp cộng sản là lấy hiện tại rồi lần về quá khứ, chọn và làm nổi bật các sự kiện thích hợp cho việc biện minh quan điểm của đảng cộng sản và thực hiện nhiệm vụ chính trị nhất thời cho nhà cầm quyền. Bởi thế, mọi kết luận về biến cố lịch sử chỉ là kết quả tạm, sử gia phải liên tục tìm kiếm, phanh phui sự thật giữa mịt mù những tường thuật phiến diện hoặc cục bộ, nửa vời hoặc lấp liếm, xuyên tạc hoặc hư cấu lẫn hoang tưởng quỵen vào nhau. Đặc biệt, ngày nào các tác giả VN còn chưa thành công trong thể loại hồi ký lịch sử và chính phủ VN còn chưa giải toả các văn kiện mật thì việc nghiên cứu lịch sử VN thế kỷ 20 vẫn còn nhiều khập khểnh.

Vượt lên trên tất cả những điều vừa kể, *Trăng Huyết* chủ yếu là một tác phẩm văn học. Tác giả của nó cố gắng bám sát sự kiện lịch sử nhưng không có ảo tưởng lý giải lịch sử; người điểm sách lẫn độc giả hẳn cũng không đòi hỏi nó phải đúng từng chi tiết với việc thật và người thật. Tác giả chỉ linh động dựa trên một số biến

cổ và nhân vật lịch sử cùng khung cảnh địa lý để trình bày về con người và cảnh đời, từ đó, có thể gắng gỏi đưa ra một số cái nhìn hằn là đầy cảm tính. Trong trường hợp này, *Trăng Huyết* có chủ ý nhìn theo lối đa phương và đa tuyến tính, rồi cố diễn tả bối cảnh mịt mù, tâm lý đơn giản của nhân vật này hoặc phức tạp của nhân vật nọ, có thật hoặc hư cấu, trong một giai đoạn lịch sử đầy oan khiên của người Việt và những hệ lụy của người Pháp rồi người Mỹ. Và vì thế, từ nhan đề SAIGON, thành phố định mệnh trong cuộc đời và tâm tưởng của nhân vật chính Joseph Sherman, tôi đổi thành *Trăng Huyết*, trăng đỏ như máu, trăng báo điềm và làm chứng cho nửa thế kỷ đau thương ly loạn trên khắp đất nước Việt, từ bắc chí nam. Năm mươi năm ấy bết tắc, để lại đằng sau nó vẫn một tình trạng băng hoại và quẩn bách, như một “công án thiên” bức xúc và nan giải của dân tộc, rằng có quá nhiều người Việt đang bị cuộn chặt bởi tầng tầng lớp lớp hận thù của bản thân, gia đình, gia tộc và tập thể, trong khi đó, muốn thành công trong công cuộc xây dựng con người và phát triển đất nước thì phải giữ gìn, điều hoà và phục vụ toàn bộ các chi thể của dân tộc.

Tôi giữ lại cốt truyện, nhiều tình tiết, đối thoại và diễn biến tâm lý của các nhân vật trong SAIGON rồi viết thêm và chêm vào, khi thì gần một chương, khi thì vài đoạn nghĩ tưởng, vài

lời đối thoại, các câu thơ lời hịch hoặc sấm ký, nhiều nhân vật phụ, v.v. để chính đính; minh họa; đào sâu tâm lý của các nhân vật người Việt; bổ túc nhiều chi tiết về hoàn cảnh chính trị, khuynh hướng cách mạng bản địa và thời đại, sự kiện lịch sử, nghi lễ cung đình, phong cảnh từng địa phương, tông phái tôn giáo, nếp nghĩ, tục lệ và văn hóa dân tộc, v.v. Và điều tôi chú tâm hơn cả là cố gắng nói lên Việt tính của nhân vật và sự kiện, đồng thời trình bày sao cho hợp với cảm quan của độc giả người Việt.

A. Grey nỗ lực đưa ra cái nhìn của người ngoài cuộc và chủ yếu dành cho độc giả phương Tây, còn tôi thì cố gắng trình bày nỗi lòng của người trong cuộc, với ước vọng hiệp thành một tác phẩm đa diện, cho độc giả người Việt. Có nhiều trường hợp tôi không dám mạnh tay vì sợ làm hụt hẫng mạch biến hóa của tác phẩm. Thí dụ: thực tế, Nguyễn Ái Quốc không có mặt ở Hà Nội vào năm 1930; tác giả của Ngục Trung Nhật Ký còn là vấn đề gây tranh luận; cuộc gặp gỡ tại phòng mạch của một nha sĩ ở Sài Gòn không phải giữa viên chức CIA với Dương Văn Minh mà là với Trần Văn Đôn, nhân vật chủ chốt trong cuộc đảo chánh 1.11.1963; bản thông cáo Thủ tướng Vũ văn Mẫu đọc trưa 29.4.1975 yêu cầu Mỹ rút quân trong vòng 24 giờ, theo lời kể của cựu Tổng thống Dương Văn Minh trong cuộc gặp mặt nối lại tình thân với vài tướng

lãnh VNCH vào đầu năm 1991 tại Paris, là do chính Đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin đưa cho ông (DVM); sau khi chiếc trực thăng CH-46 cuối cùng với tín hiệu “Swift 22” rời Sài Gòn chở theo toán Thủy Quân Lục Chiến canh gác Tòa Đại sứ Mỹ thì trên nóc tòa nhà ấy, hơn 420 người Việt vẫn chong mắt nhìn trời, cố tìm dấu hiệu máy bay Mỹ trở lại vì trước đó, những người lính rất thiện chí ấy đã hứa với họ rằng “sẽ không ai bị bỏ lại”, v.v.

Lòng biết ơn trước hết và trên hết tôi xin được bày tỏ với Anthony Grey, người đã giải tỏa cho tôi trách nhiệm pháp lý, dù vậy tôi vẫn cảm thấy mình mãi mãi mắc ông món nợ tình nghĩa và văn chương. Chẳng những không phiền lòng và không phản đối khi tôi sử dụng SAIGON và để tên làm đồng tác giả của *TRĂNG HUYẾT*, ông còn ân cần bày tỏ tình thương và hào phóng khích lệ vợ chồng tôi. Sau khi nhận được bản thảo tiếng Việt của *TRĂNG HUYẾT*, thư email xin phép và giải thích căn nguyên cùng nội dung khái quát những gì tôi chính đính và viết thêm, ông hồi âm rất nhiệt tình, bằng tiếng Anh, trong một thư email như sau:

“Nguyễn Ước thân mến,

“Tôi rất vui mừng khi nhận được thư email của anh. Cám ơn anh về việc nhanh chóng trả lời và về việc giải thích đầy đủ. Tôi tôn trọng các động cơ của anh trong tất cả những gì anh làm

và lúc này, tôi chắc chắn rằng chúng ta là bằng hữu, dù anh có viết gì đi nữa. Tôi cũng rất ngạc nhiên về việc anh đã viết thêm rất nhiều. Tôi sẽ rất thích thú tới ngày nào đó đọc được chúng.

“Tôi tin khi anh nói rằng anh không thay đổi cốt truyện của tôi. Và tôi gọi tới anh cùng Lệ Hiền, người vợ đáng yêu của anh, tình thương và những lời chúc nồng ấm, tốt đẹp nhất của tôi. Trong khi viết những dòng chữ này, mắt tôi đang nhìn vào bức hình của vợ chồng anh. Xin anh hãy đoan chắc với Lệ Hiền rằng tôi không cảm thấy phiền lòng chút nào.

“Tôi cảm động vì cuốn tiểu thuyết của mình đã gợi niềm hứng khởi cho người khác làm điều gì đó sâu xa thêm để mang tới sự hòa giải. Đó chính là mục đích trước đây và hiện nay của tôi khi viết cuốn tiểu thuyết ấy, để bằng cách thức nhỏ nhoi nào đó, góp phần hàn gắn những vết thương khủng khiếp và những đau khổ của người dân ở mọi phía trong xứ sở của anh vốn đã bị tá tơi vì một cuộc chiến quá dài, dài hơn của bất cứ xứ sở nào. Tôi tin rằng chẳng bao lâu nữa SAIGON sẽ được quay thành phim. Và có lẽ phim đó hẳn sẽ được nâng cao nhờ những am hiểu mà anh cung cấp trong những gì anh viết thêm.

“Khi viết thêm vào một cuốn tiểu thuyết đang lưu hành thì anh đã làm một điều độc đáo. Cho dù anh có viết gì đi nữa, về mặt nguyên

tắc, tôi ưu ái những công việc chưa ai từng làm, nhằm góp phần biến thế giới này thành một chốn tốt lành hơn cùng mang lại sự hòa hợp cho dân chúng và cho thế giới của chúng ta. Tôi mong sẽ có ngày gặp gỡ anh và Lệ Hiền.”

Lòng biết ơn cũng sâu xa không kém, tôi xin được bày tỏ với những ân nhân mà vì chưa có hoàn cảnh chính trị thuận tiện để tôi được hân hạnh liệt kê danh tánh. Trong khi thực hiện tham vọng của mình với cuốn trường thiên tiểu thuyết này, tôi may mắn nhận được sự góp ý, khích lệ, giúp đỡ cụ thể về tài chánh của nhiều bằng hữu tại Toronto, Vancouver và San Jose, trong đó có những người từng nếm trải các biến cố lịch sử được đề cập tới hoặc là hậu duệ của vài nhân vật có thật trong *TRĂNG HUYẾT*. Ngoài ra, còn có thêm sự hướng dẫn của nhiều người quen biết trong hai lần từ Canada về Việt Nam vào các năm 2001 và 2002 để sưu tầm thêm sách báo, tài liệu và tham quan các di tích, địa điểm được nhắc tới trong bản gốc, tại Sài Gòn, Huế, Hà Nội, Đà Lạt, Đồng Nai, Điện Biên Phủ... *TRĂNG HUYẾT* hẳn không thể vượt qua phần nào các thiếu sót nếu không có những hỗ trợ thân tình và quý báu ấy.

Đặc biệt, tôi xin chân thành biết ơn những tác giả Anh, Mỹ, Pháp, Hoa và Việt của các sách nghiên cứu, hồi ký hoặc tài liệu mà tôi may mắn tìm thấy để tham khảo, và những đồng bào ở

trong nước và hải ngoại mà tôi được hân hạnh tiếp xúc, qua giới thiệu hoặc tình cờ, đã chấp nhận cho tôi phỏng vấn, để xúc tiến phần bổ túc cho SAIGON và hoàn tất bộ *trường thiên tiểu thuyết* TRĂNG HUYẾT này.

Sau cùng, dù TRĂNG HUYẾT là tác phẩm dựa trên SAIGON và có tên Anthony Grey đồng tác giả, nhưng bởi những chủ quan trong chọn lựa, thẩm thấu, sửa chữa và viết thêm, cùng bút pháp của Nguyễn Uớc, nên tác giả người Việt của nó là kẻ chịu trách nhiệm mọi khuyết điểm cả về nội dung lẫn hình thức diễn đạt.

THAY LỜI BẠT CỦA HOÀNG KHỞI PHONG

1.

Đối với các học giả và các nhà nghiên cứu lịch sử và chiến tranh Việt Nam, trong các thư viện người ta có thể tìm thấy hàng ngàn tác phẩm được nhìn bởi nhiều góc độ, của những tác giả Pháp, Mỹ, Anh, Trung Hoa, Nhật Bản, và tất nhiên không thể thiếu của những tác giả Việt Nam đóng góp cách nhìn của mình vào ngay những dòng máu của người đồng chủng, mà có thể chính những tác giả người Việt cũng như những tác giả ngoại quốc ấy đều đã can dự không ít vào việc khơi cho những dòng máu này chảy mạnh hơn, lớn hơn hoặc làm cho chúng bớt gia tăng cường độ.

Về phía các tác giả người Việt, tôi muốn nói tới các hồi ký chính trị của những người từng ngự trị trên đỉnh quyền lực của hai miền Nam

và Bắc, những lãnh tụ của phía Cộng Sản, hay những chính trị gia của miền Nam... Tất nhiên những hồi ký chính trị của các tác giả Việt Nam được viết bởi hai động lực tâm lý chính, nhất là sau năm 1975 khi miền Nam sụp đổ, đã khiến cho các tác giả xuất thân từ phía miền Bắc như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Trần Văn Trà... cùng hàng trăm tác giả khác tha hồ thêu dệt, tô điểm cho chiến thắng của miền Bắc bằng những chiến công được dựng lên bởi những con người đúc bằng sắt bằng thép với trí tuệ cao vời tưởng chừng như những con người này chỉ có thể hiện diện trong các truyện thần thoại. Đó là chưa nói tới các tác phẩm của Hồ Chí Minh, được viết từ trước khi chiến tranh chấm dứt, vì ông từ trần vào năm 1969. Chỉ có điều cần nhắc lại là chính ông đã dùng một cái tên khác, để viết sách tự ca tụng mình. Trong khi đó các hồi ký của những tác giả xuất thân từ phía miền Nam thì dường như được viết ra chỉ nhằm để phân bua với mọi người rằng mình không có lỗi, rằng mình không mang chút trách nhiệm nào trong việc miền Nam thất thủ, và rằng miền Nam mất là vì bị người Mỹ bỏ rơi, hay vì lỗi của những kẻ khác. Hầu như các tác giả xuất thân ở phía miền Nam không một ai thành khẩn đắm vào ngục mình để nói lên phần nào trách nhiệm của chính mình, nhận một phần lỗi lầm, dù thật nhỏ, trong việc thất trận của miền Nam. Kể

từ năm 1975 tới nay, các tướng lĩnh của miền Nam từng ngự trên đỉnh cao quyền lực như Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Đức Thắng... đã khóa miệng mình thật chặt, trong khi vài tướng lĩnh khác như Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Trần Văn Đôn... dùng những cuốn sách đầu Ngô mình Sở của họ để đổ lỗi cho người khác. Bên cạnh những cuốn sách ấy còn có hồi ký của những tác giả đã thật sự chiến đấu ngoài mặt trận nhưng phần lớn họ là những sĩ quan trung cấp nên dù có muốn nhận trách nhiệm của mình trước lịch sử cũng không ở trong các vị trí đủ cao để gánh vác toàn bộ trách nhiệm, tựa như tín hữu công giáo thường thảm nhủ mình trong nhà thờ mỗi khi xưng tội rằng: "Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng".

Về những cuốn sách của người nước ngoài, trước tiên ta có thể thấy một điều là các tác giả Pháp, Mỹ, Anh, Trung Hoa, Nhật Bản dường như viết chỉ để giải thích, phân tích và biện hộ cho nguyên nhân và bản chất sự dính líu của quốc gia họ vào chiến tranh Việt Nam mà họ cho rằng đó hoàn toàn vì những lý tưởng cao cả. Hầu như hiếm có tác giả người Pháp nào quy trách nhiệm việc gây ra chiến tranh Việt Pháp là do chính bởi người Pháp xâm lăng Việt Nam và cai trị Việt Nam một cách tệ hại. Hầu như không một tác giả Pháp nào khởi đi từ cái gốc của trận chiến, mà chỉ nói tới cái ngọn của nó, ở

Điện Biên Phủ. Các tác giả người Mỹ cũng chẳng hơn gì. Cái gốc mà họ khởi đi là sự hiện diện của quân Mỹ ở Việt Nam, nhằm giúp người Việt ngăn chặn Cộng Sản, để rồi họ lúng túng giải thích chương trình Việt Nam hóa chiến tranh dưới thời Nixon, và sau cùng là những tranh cãi về hồi đại kết cục của cuộc chiến, về nguyên nhân thất bại của miền Nam mà họ cho rằng vì đã không chiến đấu hết sức để tự cứu mình nên không thể trông mong một nước bạn nào có thể cứu dùm. Và hầu như cũng ít có tác giả người Mỹ nào thật sự viết về cung cách người Mỹ hành xử như chủ nhân của vùng đất mà họ hiện diện để tham chiến trong tư cách của một đồng minh. Cách cư xử ấy của người Mỹ đối với người Việt cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho chiến tranh có cơ để lan rộng.

Hàng ngàn cuốn sách viết về Việt Nam như thế đã khiến cho bất cứ nhà nghiên cứu hoặc học giả nào cũng không tránh khỏi nhiều lần lúng túng khi đem một sự kiện đối chiếu với nhiều tác giả khác nhau, dưới những góc độ khác nhau. Có thể nói không một cuốn sách nào viết về lịch sử và chiến tranh Việt Nam được coi là hoàn hảo vì không thể nào có một sự thật trọn vẹn cho chiến tranh Việt Nam, dù được nhìn vô tư tới đâu chăng nữa, dưới bất cứ góc cạnh nào đi nữa.

2.

Là một người đọc bình thường, tôi vô cùng cảm ơn Anthony Grey trong nguyên bản Saigon và Nguyễn Ước trong Trăng Huyết. Như tôi đã trình bày ở đoạn trên, không thể tìm thấy sự thật tuyệt đối của lịch sử Việt Nam nơi các tác phẩm nghiên cứu của các học giả cũng như nơi các cuốn hồi ký của những người từng thao túng vận mệnh Việt Nam trong suốt thế kỷ 20. Tuy thế, người đọc có thể đi tìm những sự thật tương đối của lịch sử nơi một tác phẩm văn chương. Tác phẩm văn chương đó chính là Saigon của Anthony Grey, và đặc biệt là Trăng Huyết với phần đóng góp của Nguyễn Ước vào tác phẩm gốc Saigon. Chính trong hai tác phẩm ấy người ta thấy được trong thế kỷ vừa qua, không một dân tộc nào chịu đau khổ vì chiến tranh nhiều tới độ như dân tộc Việt Nam đã chịu.

Thử kiểm điểm lại những cuộc chiến mà người Việt phải hứng chịu trong thế kỷ 20: Để giành quyền sống dưới ánh mặt trời, dân tộc Việt phải đứng lên hất đổ ách đô hộ của người Pháp. Suốt một thế kỷ rong rã, máu của dân Việt đã chảy lênh láng trên núi trong rừng, xác của người Việt đã trôi đầy sông ra tới biển để rồi năm 1954, trước khi người Pháp xuống tàu về nước, họ đã để lại một vết dao cắt đứt ngang mình nước Việt. Để hàn gắn vết thương ấy, dân Việt khai diễn một cuộc chiến khác giữa miền Bắc được chống

lưng bởi thế giới Cộng Sản với đối thủ miền Nam được hậu thuẫn bởi khối Tư Bản.

Hai thế kỷ trước đó, nước Việt cũng đã một lần bị chia hai, nhưng chiến tranh Trịnh Nguyễn chỉ là tranh chấp giữa nội bộ dân tộc vì thế nó không thể tàn nhẫn, khốc liệt và chết chóc nhiều tới độ như cuộc chiến Nam Bắc vừa qua, với những thế lực ngoại cường thúc đẩy phía sau lưng của hai nửa phần dân tộc. Cuộc nội chiến trước kia chỉ là huynh đệ tương tàn với cung tên giáo mác, thế mà xương đã cao thành gò, máu đã chảy thành suối. Với cuộc nội chiến thứ hai thì bên cạnh những tranh chấp nội bộ của dân Việt, các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Hoa đã ấn vào tay người Việt vô vàn bom đạn nên máu chảy thành sông và xương chất cao thành núi. Cái nọc của chiến tranh trong lòng dân Việt là phải thu hồi quyền tự quyết cho dân tộc, phải giành lấy chỗ đứng cho mình trong cộng đồng nhân loại.

Chính vì vậy gia tộc Ngô Văn Lộc, từ thế hệ này sang thế hệ khác, bằng mọi giá phải tham gia vào cuộc chiến đấu giải phóng quê hương. Chính vì thế hai cha con Ngô Văn Lộc và Ngô Văn Đồng khởi đầu theo Việt Nam Quốc Dân Đảng, nhưng khi VNQDD mất đi uy thế ban đầu, cả gia tộc ấy đã đã không ngần ngại đứng chung hàng ngũ với Cộng Sản. Cuối cùng, khi cậu bé Ngô Văn Kiệt chết trong khuôn viên tòa đại sứ

Hoa Kỳ ở Sài Gòn vào năm 1968, tuy là một đặc công Việt Cộng, nhưng cậu đã bó sát thân thể mình, bên trong bộ quần áo MTGPMN, là lá cờ VNQDD nguyên thủy mà người cha Ngô Văn Đồng và ông nội Ngô Văn Lộc đã tôn thờ, chứ không phải là lá cờ của Cộng Sản.

Chính vì phải thu hồi độc lập cho tổ quốc mà Đào Văn Lật đã không ngần ngại cắt cụt một phần thân thể của mình, chỉ vì tin rằng sau khi phế bỏ nó, anh không còn bị chi phối bởi tình yêu nam nữ, và như thế có thể dồn toàn tâm, toàn trí vào cuộc chiến đấu.

Chính vì muốn lấy lại giang sơn trong tay người Pháp mà Trần Văn Kim đã quay lưng lại với cha và anh, là những quan lại của Nam Triều. Để không bị chi phối bởi những vương bận gia đình, Trần Văn Kim chấp nhận sống một cuộc đời độc thân tro troi hầu có thể yên tâm chiến đấu dưới ngọn cờ giải phóng. Nhưng rút cục, sau hơn ba chục năm cống hiến toàn bộ tâm trí cho cuộc chiến đấu, trong những tình cờ của lịch sử, Trần Văn Kim và người anh ruột Trần Văn Tâm lại cùng hiện diện trong hòa đàm Ba Lê, nhưng ở hai vị trí đối mặt nhau nơi bàn hội nghị, như hơn ba chục năm trước dưới mái ấm gia đình, Trần Văn Kim từng đối đầu với người cha sinh ra mình là Trần Văn Hiếu, cũng như với Trần Văn Tâm, vì chính sách cai trị của người Pháp. Ở bên ngoài hội nghị, Trần Văn Kim

lên đi gặp lại người anh ruột ấy sau hơn ba chục năm xa cách. Chỉ vì vài phút yếu lòng ấy mà Trần Văn Kim đã tạo thêm cơ cho những người đồng chí trừ khử mình. Khi bị thanh trừng, Kim là một trong những lãnh tụ hàng đầu của Cộng Sản, và là người thân tín của Hồ Chí Minh; tuy kế thừa chủ trương của Hồ là đứng giữa những tranh chấp của Nga Hoa anh lại bị kết tội là hữu khuynh, và bị thanh toán bởi những người Cộng Sản hiếu chiến và cuồng tín.

Những trận chiến tôi vừa nêu là những trận chiến chính của dân Việt, chưa nói tới những trận chiến lẻ tẻ giữa người Việt với người Anh và người Nhật, trong giai đoạn tàn cuộc đệ nhị thế chiến, cũng như hai trận chiến xảy ra sau năm 1975 nơi biên giới Hoa Việt phía Bắc, và nơi biên giới Miên Việt phía Nam.

Trong thế kỷ 20 vừa qua dân tộc Việt quả là người bạn đồng hành với chiến tranh, đến độ nhiều thế hệ trẻ thơ Việt Nam đã biết đến súng đạn ngay từ khi vừa thôi nún vú mẹ. Khi những thế hệ trẻ thơ Việt Nam này lớn lên thì nhận lãnh những vũ khí giết người, không kém gì việc nhận những món đồ chơi mới lạ như trẻ thơ các nước khác.

3.

Là một nhà văn không được đào tạo bởi trường ốc, tôi ngưỡng mộ các đóng góp của

Anthony Grey và Nguyễn Ước. Cung cách tiếp cận sự thật lịch sử của Anthony Grey trong tác phẩm Saigon quả là điểm son cho tôi học hỏi. Để viết cuốn tiểu thuyết ấy Anthony Grey đã bỏ ra ba năm trời lục lạo trong các thư viện, trong các văn khố lưu trữ hồ sơ của các quốc gia từng can dự vào chiến tranh Việt Nam. Ông cũng trực tiếp phỏng vấn một số nhân vật đầu não của các phe tham chiến, nên vì vậy mà tác phẩm của ông tuy chỉ là một tác phẩm văn chương song nó giúp cho người đọc hiểu thấu đáo một cách tổng quát những diễn tiến của các biến cố lịch sử liên quan tới nước Việt trong thời cận đại.

Dưới ngòi bút của Grey, các nhân vật có thật của lịch sử và các nhân vật hư cấu của tiểu thuyết hiển lộ như những con người thật bằng xương thịt trước mắt người đọc. Tùy thuộc vào những biến cố lịch sử mà các nhân vật tham dự và cấu thành, mỗi nhân vật có một cá tính riêng, một nhân cách riêng. Điển hình cho những nhân vật này ta có thể kể tới các nhân vật do nhu cầu của tiểu thuyết như các thành viên của bốn gia tộc gồm dòng họ Sherman của nước Mỹ, dòng họ Devraux của nước Pháp và gia tộc Ngô Văn Lộc, gia tộc Trần Văn Hiếu của nước Việt. Tính chất di truyền nơi tính tự cao của dòng họ Sherman, Devraux hay nơi lòng thù hận của của các gia tộc họ Ngô và họ Trần có thể được coi là một trong những cái trục chính của toàn bộ cuốn

tiểu thuyết Saigon. Bên cạnh những nhân vật của tiểu thuyết là những nhân vật thật của lịch sử như Hồ Chí Minh, một kịch sĩ đại tài, nhất cử nhất động của Hồ đều được tính toán chính xác, đến độ không một khán giả nào có thể biết được con người thật của Hồ Chí Minh. Người đọc cũng nhận thấy sự tráo trở lật lọng nơi những những lãnh tụ Cộng Sản như Lê Đức Thọ, cung cách ứng xử trịch thượng của Kissinger, thái độ thụ động của các tướng lãnh Dương Văn Minh và Nguyễn Văn Thiệu.

Là một nhà văn tự học qua trường đời và qua các tác phẩm của những nhà văn đi trước, tôi không học Anthony Grey cách hành văn. Nhưng tôi học được trong tác phẩm Saigon rất nhiều điều về cách sử dụng những chi tiết lịch sử cho một cuốn tiểu thuyết lớn, bao trùm một không gian rộng gồm những biến động xảy ra tại nhiều quốc gia và trải một thời gian dài suốt hơn nửa thế kỷ.

Sau cùng tôi muốn nói tới những đóng góp của Nguyễn Ước trong Trăng Huyết. Kể từ khi văn học Việt Nam chuyển từ văn chương Hán Nôm sang văn chương quốc ngữ đã được hơn một thế kỷ. Trong thời kỳ văn học mới ấy, văn chương Việt Nam, bằng những bản dịch, đã tiếp nhận rất nhiều tác phẩm của các nền văn học khác. Một trong những người tiên phong trong việc phỏng dịch các tác phẩm ngoại quốc

có thể kể đến Hồ Biểu Chánh. Một số truyện của tác giả này là những phó bản của các tác phẩm viết bởi các nhà văn Pháp của thế kỷ 19. Điều đáng nói là Hồ Biểu Chánh không hề ghi chú rằng ông đã mượn cốt truyện của các tác giả ngoại quốc để chuyển đổi câu chuyện cho phù hợp với đời sống của người Việt ở trên đất Việt. Thời của Hồ Biểu Chánh là giai đoạn đầu của văn chương quốc ngữ. Cũng phải nói ngay là ông có công giúp cho các độc giả người Việt không có khả năng đọc tác phẩm ngoại quốc, có thể cảm nhận được các tác phẩm ấy. Sau Hồ Biểu Chánh một vài thập niên, cũng có một vài tiểu thuyết gia chuyên phóng tác các truyện ngoại quốc, vì nhu cầu của người đọc càng ngày càng tăng, tuy nhiên các cuốn sách này được ghi rõ là phóng tác, và phần lớn nhằm để giải trí cho người đọc hơn là những tác phẩm văn học. Sau cùng là những tác phẩm văn học được dịch đầy đủ với toàn bộ câu chuyện, đã giúp cho người đọc ở Việt Nam tiếp cận thật sự với nền văn học của các nước khác.

Tác phẩm Saigon của Anthoney Grey được hoàn tất năm 1982, với chiều dày khoảng bảy trăm trang, khi được Nguyễn Ước tiếp cận vào năm 2000 đã trở thành một cuốn tiểu thuyết khác, với một cái tên khác, là Trăng Huyết, có chiều dày hơn một ngàn trang và khổ sách cũng lớn hơn. Để hình thành Trăng Huyết, bản thân

Nguyễn Ước, theo như ông kể lại ở phần Tái bút, cũng bỏ ra nhiều năm trời sưu tầm, kiểm tra các tài liệu lịch sử và tham quan các địa điểm được dùng làm bối cảnh cho câu chuyện.

Nơi bìa trước của cuốn Trăng Huyết, người đọc nhận thấy hai tên tác giả Anthony Grey và Nguyễn Ước được đặt cùng một hàng. Trong các trang đầu của cuốn sách người đọc bắt gặp lá thư của Anthony Grey gửi cho độc giả của Trăng Huyết; ông viết không phải với tư cách của một tác giả cho phép dịch tác phẩm của mình sang một ngôn ngữ khác, mà là đồng thuận việc Nguyễn Ước cùng đứng tên với ông làm đồng tác giả của cuốn Trăng Huyết, bởi vì Trăng Huyết đã có những đóng góp đáng kể của Nguyễn Ước đến độ Anthony Grey không thể phủ nhận những đóng góp ấy.

Khi so sánh hai cuốn sách, người đọc có thể thấy trong khoảng bốn trăm trang đóng góp của Nguyễn Ước là những bổ túc cần thiết cho nguyên bản Saigon, bởi vì sau hai chục năm tác phẩm này hoàn thành, đã có những tư liệu mới được các văn khố Pháp, Mỹ, Nga, Hoa cho công bố. Điều đặc biệt là những gì Nguyễn Ước đóng góp đã đan chặt lại với nguyên bản, như là một tấm lụa được dệt nguyên thủy, chứ không phải là một miếng vải khác đắp vào một tấm lụa bị hư hỏng vài đoạn. Trong Trăng Huyết có những đoạn được viết thêm vào trong các chương, hơn

thế nữa Nguyễn Ước đã dựng thêm một số nhân vật, cũng như đôi khi đã viết hẳn một chương.

Điều thứ hai mà tôi bắt gặp trong tác phẩm này chính là chất văn chương trong toàn tác phẩm, dù được viết bởi nguyên bản Saigon của Anthony Grey, hay là bản dịch và sự đóng góp thêm vào trong Trăng Huyết của Nguyễn Ước. Cả hai tác giả này đã cho người đọc thấy cách sử dụng ngôn ngữ tuyệt vời trong toàn cuốn sách. Với hơn 1000 trang sách của bộ tiểu thuyết Trăng Huyết, Anthony Grey và Nguyễn Ước đã làm được một kỳ công trước đó hầu như chưa một cuốn sách nào đáp ứng được, là gói trọn lịch sử và chiến tranh Việt Nam cận đại của năm chục năm từ 1925 cho tới 1975. Tất cả những biến động lớn nhất xảy ra cho Việt Nam trong nửa thế kỷ này, được ngồi bút tài ba, và tấm lòng ngùn ngụt của hai nhà văn này đúc lại thành một tác phẩm mà bất cứ ai quan tâm tới Việt Nam đều nên đọc.

Sau cùng tôi muốn nói về Trăng Huyết và những gì tôi học được ở Saigon của Anthony Grey qua Trăng Huyết với sự đóng góp của Nguyễn Ước là những bài học quý giá cho một nhà văn không được đào tạo bởi trường ốc. Tôi chân thành ngưỡng mộ và cảm ơn cả hai tác giả đã cho tôi đọc lịch sử cận đại của nước tôi, trong một cuốn tiểu thuyết hay nhất về chiến tranh Việt Nam.

PHỤ LỤC 1

TÁC GIẢ

VÀ TÁC PHẨM

I. Anthoney Grey

Nhà văn và nhà báo người Anh. Sinh năm 1938 tại Norwich, Anh. Trong lúc làm thông tin viên cho hãng Reuters tại Bắc Kinh để tường thuật về Cách mạng Văn hoá, thì bị bắt và biệt giam từ tháng 7-1967 tới tháng 10-1969. Là ký giả bị làm con tin nổi tiếng khắp thế giới, khi được phóng thích, A. Grey được Nữ Hoàng Anh phong tước hiệu Hiệp Sĩ Phẩm trật Đế chế Anh (Officer of the Order of the British Empire) và Hiệp hội Báo chí Thế giới tặng danh hiệu Đệ Nhất Ký Giả Năm 1969.

Từ năm 1974 tới năm 1979, thực hiện chương trình hàng ngày Các Sự vụ Thế giới của đài truyền hình BBC. Năm 1988, làm rất nhiều phim thời sự cho đài BBC và ATV, nổi tiếng nhất là hai chương trình: Trở Lại Bắc Kinh và

Trở Lại Sài Gòn; nhờ thế có cơ hội lần đầu tiên đặt chân tới Việt Nam (sáu năm sau ngày cuốn Saigon được xuất bản và thành công). Trong hai năm 1996 và 1997, ông làm loạt phim UFO - Các vật thể bay không thể xác định, có thật, hư cấu hay tưởng tượng. Sau đó, ông là hội viên tích cực của Phong trào Rael, do bác sĩ Claude Rael thành lập, với niềm tin rằng mọi hình thái sự sống trên thế giới này có xuất xứ từ một nền văn minh ngoài địa cầu.

Các tiểu thuyết lịch sử của A. Grey được dịch ra 17 thứ tiếng, riêng cuốn SAIGON được Tạp chí San Francisco Chronicle so sánh với Chiến Tranh và Hoà bình của Tolstoy và được nhiều trường trung học lẫn đại học dùng làm sách giảng khoá về một giai đoạn trong lịch sử Hoa Kỳ.

Từ năm 1999 tới nay, A. Grey là người sáng lập và điều hành tagman-press, một cơ sở xuất bản sách, CD, DVD, băng video và cassette phổ biến những kiến thức thách đố các khái niệm có tính qui ước về y dược, khoa học, y tế, cuộc sống tâm linh và sự trưởng thành của cá nhân.

A. Grey hiện cư trú tại Norwich tại địa chỉ: Lovemore House, 5 Caley Close, Sweet Briar Estate, Norwich NR3 2BU, United Kingdom.

Tác phẩm đã in:

- *Saigon*

- *Peking: A Novel of China's Revolution* -

Bắc Kinh: Tiểu thuyết về cuộc cách mạng của Trung Hoa

- *The Bulgarian Exclusive* – Độc quyền Bulgaria

- *The Chinese Assassin* – Tên sát nhân người Hoa

- *The Prime Minister Was a Spy* – Thủ tướng là gã gián điệp

- *Hostage in Peking* – Con tin ở Bắc Kinh

- *Quest for Justice: Towards Homosexual Emancipation* – Đi tìm công lý: hướng tới cuộc giải phóng đồng tính luyến ái

- *The Bangkok Secret* – Bí mật Bangkok

- *The Naked Angels* – Những thiên sứ khỏa thân

- *Some Put their Trust in Chariots* – Nhiều kẻ tin vào cỗ xe lên trời

- *Tokyo Bay* – Vịnh Tokyo

- *A Man Alone* – Người đàn ông một mình

- *A Gallery of Nudes* – Phòng trưng bày tranh khỏa thân

- *The German Stratagem* – Mưu mẹo Đức

- *What is the Universe in?* – Vũ trụ nơi nào?

- *Trăng Huyết*, trường thiên tiểu thuyết, (chung với Nguyễn Ước)

II. Nguyễn Ước

Sinh năm 1947 tại Hàm Hoà, Quảng Ninh, Quảng Bình. Năm 1954, theo gia đình di cư vào

Bồ Điền, Phong Điền, Thừa Thiên. Tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Huế, ban Việt Hán. Trước năm 1975, dạy Văn và Sử tại Huế, Đà Nẵng rồi Tuy Hòa, đồng thời làm chuyên viên công tác phát triển xã hội. Có bài đăng trên các báo Giáo Giới, Văn, Bách Khoa, Trình Bày, Ý Thức, Xây Dựng, Sóng Thần, Đại Dân Tộc, v.v. Sau ngày 30.4.1975, làm rẫy ở Quảng Thuận, Sông Pha, Ninh Thuận. Từ năm 1976, buôn đồng hồ cũ, sách cũ rồi mua bán dạo vật liệu phế thải dùng để phân kim tại Sài Gòn và Châu Đốc suốt 13 năm, trong đó có 2 lần sống ở Hà Nội và Từ Sơn khoảng 2 năm. Năm 1989, vượt biển sang đảo Galang, Indonesia. Từ năm 1991, định cư tại Toronto, Canada; tác viên cộng đồng; cộng tác với các tạp chí như Hợp Lưu, Thơ, Diễn đàn talawas, Đi Tới, Làng Văn, Thời Báo, Thư Quán Bản Thảo, Người Việt Hải Ngoại, Đàn Chim Việt, v.v.

Địa chỉ hiện nay: 532 Dufferin St. Toronto, ON. Canada. M6K 2A7.

Tác phẩm đã in

Trước 1975:

- *Tội Của Họ* (kịch)
- *Bài Ca Người Nô Lệ Mới* (thơ)

Tại hải ngoại: (những cuốn có dấu * đã tái bản và phát hành trong nước do các NXB Văn Học, Văn Hoá Thông Tin, Hội Nhà Văn, Tôn Giáo, v.v.):

- *Giáo Lý Mới Thời Đại Mới: Đức Tin Công giáo* (Sách Giáo lý của HĐGM Hà lan), dịch*
- *Chân Dung Một Giáo Hoàng*, tuyển dịch
- *Đức Giê-su: Cuộc Đời Và Thời Đại*, dịch*
- *Krishnamurti: Cuộc Đời Và Lời Giảng*, biên dịch*

Tập I: *Đời Không Tâm Điểm* *

Tập II: *Dòng Sông Thanh Tẩy* *

Tập III: *Krishnamurti Tinh Yếu* *

- *Chuyện Kinh Thánh* của Pearl Buck, dịch *

- *Về Từ Cõi Chết* của Elie Wiesel, dịch *

Tập I: *Đêm* *

Tập II: *Rạng Sáng* *

Tập III: *Tai Nạn* *

- *Chuyện Người Hành Hương*, dịch và chú giải*

- *Máu Hồng Y* của Brian Moore, dịch *

- *Hiến Chương Nhân Bản 2000*, dịch và chú giải

- *Một Hồ Sơ Chủ Nghĩa Hậu Hiện Đại*, biên khảo*

- *Trăng Huyết*, trường thiên tiểu thuyết (chung với A. Grey)

- *Truyện Tì bà Của Nguyễn Bình*, sưu khảo và chú thích

- *Cẩm Nang Sống Thiển*, biên dịch

- *Một Thời Để Nhớ* – Tuyển tập thơ chung 10 tác giả

PHỤ LỤC 2

ĐẠI Á CHÂU TỰ DO (RFA)

PHÒNG VĂN NGUYỄN ƯỚC

Như thường lệ vào tối Thứ Bảy hàng tuần, Tạp chí Văn học do Phạm Điền phụ trách lại đến với quý vị thính giả.

Phạm Điền:

Tạp chí Văn học Nghệ thuật và Phạm Điền thân chào quý vị thính giả.

Việt Nam với máu xương chông chất trong nửa thế kỷ vừa qua trở thành một đề tài cho giới cầm bút người Việt cũng như người nước ngoài khai thác. Thoạt đầu, một nhà văn người Anh là Anthony Grey dựng một tiểu thuyết đặt tên là SAIGON, xuất bản tại Bắc Mỹ vào năm 1982. Khi đọc cuốn sách này, ông Nguyễn Ước đã bị thu hút vì những tình tiết giăng mắc trong bối cảnh lịch sử Việt Nam. Ông Nguyễn Ước đã dịch cuốn này nhưng có sáng kiến thêm thắt một số chi tiết

khác nữa. Ông đã đề nghị với tác giả và được tác giả Anthony Grey đồng ý.

Từ đó, ông Nguyễn Ước đưa thêm một số nhân vật phụ và các chi tiết khác vào SAIGON, với khoảng một nửa trong tổng số trang, làm tăng sự phong phú cho tác phẩm. Kết hợp độc đáo này khiến SAIGON được tái tạo với tựa đề mới là TRĂNG HUYẾT.

Để thỉnh giả khắp nơi biết thêm về công trình này, chúng tôi liên lạc với ông Nguyễn Ước và được cho biết thêm một số chi tiết qua cuộc phỏng vấn dưới đây.

Phạm Điền: Kính chào tác giả Nguyễn Ước. Thưa ông, trước hết xin ông cho thỉnh giả biết một số chi tiết về ông và duyên nợ của ông đối với văn chương.

Nguyễn Ước: Thưa anh Phạm Điền và thưa quý vị thỉnh giả của đài Á châu Tự do,

Tôi người gốc Quảng Bình. Năm 1954, di cư vào Huế. Học xong Đại học Sư phạm Huế, tôi dạy Văn và Sử tại Tuy Hòa và làm chuyên viên phát triển xã hội cho Caritas Việt Nam.

Từ sau tháng 4 năm 1975, tôi sống loanh quanh ở Sài Gòn và lục tỉnh suốt 12 năm, và 2 năm sống ở Hà Nội. Năm 1989, tôi vượt biển sang đảo Galang, Indonesia. Từ năm 1991, định cư tại Toronto, Canada. Trước năm 1975, có xuất bản một tập thơ và một vở kịch. Tại Canada, tôi in được trên 10 cuốn. Hiện nay có

khoảng 7 cuốn về văn học và đạo học đã được tái bản trong nước dưới thương hiệu của các NXB Văn Học, Thông Tin Văn hóa, Hội Nhà Văn Hà Nội...

Phạm Điền: *Thưa ông Nguyễn Ước, xin ông cho biết trong trường hợp nào ông đã biến SAIGON thành TRĂNG HUYẾT, và lý do xuất hiện của nó cũng như cảm hứng đó đến từ đâu?*

Nguyễn Ước: Thưa anh, có lẽ đến từ những hoài bão, gian nan và ưu tư của mình về hoàn cảnh đất nước và những chết chóc hoạn nạn của thân nhân, bè bạn.

Năm 1989, tôi tình cờ bắt gặp tại đảo Galang cuốn SAIGON của Anthony Grey xuất bản năm 1982. Ban đầu chỉ mảy mò đọc để học Anh văn, rồi càng đọc càng cảm động, cứ lẩm bẩm: “Người ta nước ngoài mà còn viết tới như thế này!” Tuy trong đó có vài điểm tôi cảm thấy lẩn tránh nhưng tôi tâm đắc với ý tưởng chủ đạo của tác giả, rằng dân tộc Việt Nam ta đang bị cuộn chặt bởi tầng tầng lớp lớp thù hận và rằng để thành công trong công cuộc cứu nguy dân tộc thì phải giữ gìn và phục vụ toàn thể các chi thể của dân tộc.

Tôi nghĩ tại sao mình lại không vừa dịch ra vừa viết bổ túc nếu cần. Rồi thì, từ nhan đề SAIGON, thủ đô của miền Nam, thành phố định mệnh đối với cuộc đời của nhân vật chính, tôi đổi thành TRĂNG HUYẾT, trăng đỏ như máu,

trắng báo điềm và làm chứng cho nửa thế kỷ đau thương ly loạn trên khắp nước Việt Nam.

Còn lý do cụ thể để ra mắt gấp *Trăng Huyết* vì năm nay kỷ niệm 50 năm trận đánh Điện Biên Phủ và sang năm là kỷ niệm 30 năm Sài Gòn thất thủ. Với hai thời điểm đó, tôi nghĩ có lẽ độc giả dễ chú ý tới bộ trường thiên tiểu thuyết *Trăng Huyết* và đề tài của nó hơn lúc nào hết.

Phạm Điền: Thưa ông, *TRĂNG HUYẾT* có nhiều nhân vật khác nhau, lối sống khác nhau, thuộc nhiều thế hệ và trong bối cảnh xã hội cũng khác nhau, nhưng có chung là hoàn cảnh ly loạn của đất nước trải qua nhiều triều đại lịch sử. Sự dàn dựng phong phú đó chắc hẳn cũng có lý do? Nhưng phần thực của nó là bao nhiêu và phần vẽ lại lịch sử của nó thì như thế nào?

Nguyễn Ước: Thưa anh, truyện *Trăng Huyết* bắt đầu từ năm 1925 với các nhân vật gần bó đời mình vào dòng lịch sử cách mạng và chiến tranh của Việt Nam.

Các nhân vật chủ yếu xuất xứ từ bốn gia đình:

- Nathaniel Sherman, người Mỹ, thượng nghị sĩ;
 - Jacques Devraux, người Pháp, cựu sĩ quan rồi thanh tra mật thám;
 - Trần văn Hiếu, quan sứ thần, phú hộ Nam kỳ; và
 - Ngô văn Lộc, người “bồi” của J. Devraux, chống Pháp, theo chủ nghĩa dân tộc rồi cộng sản.
- Không gian truyện là Việt Nam, Paris, Wash-

ington, Anh. Thời gian kéo dài từ năm 1925 khi nền đô hộ của Pháp vững vàng nhất, cuộc vận động cách mạng của các sĩ phu cựu học chuyển sang các thanh niên tân học, với những ngày Pháp đàn áp tàn bạo các phong trào chống thuế của nông dân, cuộc khởi nghĩa của VNQDD, Xô viết Nghệ Tĩnh, hành tung của Hồ Chí Minh, nạn đói Ất Dậu, tới trận đánh Điện Biên Phủ, vụ ám sát Ngô Đình Diệm, biến cố Mậu Thân và sau cùng, cuộc thất thủ Sài Gòn.

Lý do dàn dựng mà anh gọi là phong phú đó chỉ cốt để trình bày đời sống, tư duy và cảm xúc của các nhân vật hư cấu hoặc có thật trong suốt 50 năm nghiệt ngã với hận thù cá nhân, gia tộc, dân tộc chống chọi và quỵen chặt vào nhau, trong đấu tranh và chiến tranh giữa hai bên. Một bên là những người lấy dân tộc chủ nghĩa làm nền tảng, một bên là những kẻ lấy cộng sản bôn-sê-vich làm phương pháp. Rồi cuối cùng người dân cả hai miền bị cuốn vào vòng quay chiến tranh lạnh, trong sự thất trận của người Pháp, tháo chạy của người Mỹ và đất nước Việt Nam điêu tàn xơ xác...

Có thể xem Trăng Huyết là hư cấu vì các nhân vật chủ lực của nó là hư cấu. Cũng có thể xem Trăng Huyết là một thực tế vì nó đề cập đến rất nhiều nhân vật có thật trong suốt 50 năm lịch sử; họ chi phối và làm điều đúng các nhân vật hư cấu. Trăng Huyết được đặt trong

những biến cố có thật mà một số tôn độnɡ cho tới hôm nay.

Nói như thế nhưng *Trăng Huyết* không có tham vọng lý giải hoặc vẽ lại lịch sử vì mọi kết luận về biến cố lịch sử chỉ là kết quả tạm mà thôi, và chính các sử gia cũng phải liên tục tìm kiếm.

Trăng Huyết chủ yếu là một tác phẩm văn học. Có thể tiêu khiển qua cốt truyện gay cấn với đầy đủ các tình huống yêu đương, chiến tranh và chết chóc. Nhưng nội dung của nó cổ đào thật sâu tâm tư tình cảm của các nhân vật với những gút mắc trong tình yêu, cách mạng và chiến tranh. Hướng mà *Trăng Huyết* nhắm tới là cùng với độc giả, qua văn chương và nghệ thuật, nhìn sâu vào lòng mình, nhìn lại quá khứ và hoàn cảnh để góp phần xóa ngộ nhận, giải hận thù, để cùng nhau yêu thương trong tình người và sống hoà hợp trong nghĩa đồng bào.

Phạm Điền: *Thưa ông, như ông vừa nói thì Trăng Huyết ban đầu do tác giả Anthony Grey viết dưới tên là SAIGON, sau nhờ sự đóng góp thêm của ông, một số nhân vật phụ và những chi tiết về vấn đề lịch sử lại được ông thêm vào cuốn này. Ông có thể cho thính giả của đài chúng tôi biết làm thế nào ông có cơ duyên và có khả năng phối hợp được một kết cấu như vậy?*

Nguyễn Ước: Thưa anh, có lẽ cái chính là với cảm quan thiên phú của nhà báo và nhà văn, Anthony Grey thấu hiểu được lịch sử và dân

tộc Việt Nam dù khi viết cuốn SAIGON, ông chưa hề tới Việt Nam bao giờ. Nhưng mà như thế thì ông ấy chỉ có thể dựa vào những tài liệu có được trước năm 1982 mà thôi. Khi bắt tay tái chế cuốn SAIGON của Anthony Grey thành *TRĂNG HUYẾT* tôi tự hỏi tại sao mình không nỗ lực trình bày cái nhìn của người trong cuộc để hợp thành một tác phẩm đa diện cho độc giả người Việt. Nhất là từ năm 1982 tới nay, đã biết thêm nhiều sự thật và có thêm nhiều tài liệu, và người Việt lúc này, nam cũng như bắc, thế hệ già cũng như thế hệ trẻ, cũng đã nhìn quá khứ và cuộc chiến cũng như nhìn nhau bình tĩnh, độ lượng và đồng cảm hơn trước đây.

Tôi sưu tầm thêm tài liệu, về Việt Nam tới các địa điểm mà Anthony Grey đề cập tới trong cuốn SAIGON, phỏng vấn những người liên hệ. Rồi trong khi chuyển ngữ thành *TRĂNG HUYẾT* ngang đầu thì tôi bỏ tức ngang đó. Khi nguyên một chương, khi thì vài nhân vật, về tôn giáo, về phong tục và phong cảnh, về biến cố lịch sử, v.v. Có khi thay đổi hẳn cái nhìn nguyên thủy của Anthony Grey về những người dân tộc chủ nghĩa, VNQDD, quân dân miền nam, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Nhu, Dương Văn Minh, v.v.

Sau đó tôi truy cập và may mắn tìm ra A. Grey trên internet. Nhận được bản thảo tiếng Việt và các emails trả lời của tôi về việc tôi giữ nguyên cốt truyện và giải thích những gì tôi

thêm bớt, Anthony Grey chẳng những không phản đối mà còn hào phóng khích lệ, hy vọng sẽ có sự đóng góp tích cực của tôi khi một ngày nào đó SAIGON được quay thành phim.

Phạm Điền: *Thưa ông, xem thế thì TRĂNG HUYẾT cũng giống như một bản nhạc được hoà âm, được phối hợp lại độc đáo. Ông có nghĩ rằng điểm đặc sắc ấy sẽ thu hút được độc giả trong khung cảnh hiện nay, khung cảnh của 30 năm sau khi chiến tranh kết thúc và người Việt hiện nay đang tản mạn khắp năm châu bốn biển?*

Nguyễn Ước: Thưa anh, trước hết xin cảm ơn lời khen của anh. Sự hòa âm mà như anh khen đó nếu có giữa hai tác giả Anh và Việt thì có lẽ là mới lạ đối với độc giả, còn độc đáo hay không thì tôi không dám nói. Tuy các độc giả của ta tản mác nhưng tôi cảm thấy hình như dạo sau này, các độc giả, nhất là độc giả lớn tuổi, lại thích đọc các tác phẩm liên quan tới chính trị và đạo học. Cái khó là hiện nay việc phát hành sách ở hải ngoại gần như bế tắc. Tại Canada, lần in thứ nhất vừa qua với 500 ấn bản đã được độc giả ở Canada tiêu thụ gần hết. Tôi đang tìm người tái bản ở California để tiện việc phát hành ra khắp nơi tại hải ngoại.

Phạm Điền: *Với kết quả tốt mà ông nhận được đó, ông có dự tính viết tác phẩm khác không, và độc giả có thể chờ đợi gì nơi tác phẩm sắp tới của ông?*

Nguyễn Ước: Thưa anh, là người viết văn thì lúc nào cũng có nhiều dự tính. Cưu mang thì có nhưng hoàn tất chắc là còn lâu. Có lẽ tôi cũng sẽ cố gắng để viết một bộ trường thiên tiểu thuyết nữa, lấy bối cảnh giai đoạn lịch sử từ năm 1975 tới năm 1990 hoặc 1995. Hiện nay, có một bộ như Trăng Huyết được dư luận chú ý là cực kỳ may mắn trong cuộc đời viết văn rồi. Có lẽ tôi cũng chẳng có tham vọng gì hơn nữa. Và lúc này, tôi lại quay về với việc nghiên cứu và dịch thuật của mình.

Và nhân đây, xin thêm lần nữa cảm ơn anh Phạm Điền, quý vị thính giả, và các thân hữu, các tạp chí đã cổ vũ và hỗ trợ cho cuốn *Trăng Huyết*.

Phạm Điền: *Chúng tôi thành thật cảm ơn nhà văn Nguyễn Ước đã dành cho cuộc phỏng vấn này.*

Chào ông.

• *Phát trong Chương trình 11:00 tối, ngày 14.8.2004*

PHỤ LỤC 3
NGUYỄN VĂN LỜI MỞ ĐẦU
CỦA ANTHONY GREY

Foreword

A message to readers of Trang Huyet

From Anthony Grey

A young Vietnamese friend of mine now studying in England read the new augmented Vietnamese text of Trang Huyet during the summer of 2004. She compared parts of it to my original English novel SAIGON, which forms the core and essence of this new expanded work by fellow co-author Nguyen Uoc. Since I do not speak or read Vietnamese, I had no idea then what Uoc had done to my text. He did not consult me before he did the work nor seek my permission until after he had finished. Even as I write this message I still do not know in great detail what is contained in the extra 400 pages he has added – except that there are more

changes in the period after 1945 than in the first half of the story.

I knew from his own explanation to me that Uoc passionately believed that my novel with his added passages of information and interpretation was ‘the War and Peace novel that the people of Vietnam have been waiting for.’ He told me in his first communication that he felt it had the power to ‘reconcile and free’ Vietnamese people from the conflicts of their past. I found myself moved by this conviction and decided on an impulse not to oppose or take any immediate exception to what Uoc had done.

I was, however, relieved when the young Vietnamese student in England told me she was very moved by what she had read. ‘I would like to thank you for writing this book,’ she said. ‘I have learned so much about my country and its people that I never knew before. The story’s greatest value, I think, is that it preserves historical memories in a rapidly changing world for new generations of Vietnamese. I think it is a very important novel for the people of Vietnam – and everybody else too.’

In the year 2005, thirty years after the fall of Saigon, our world seems to be a more dangerous place than ever before. The bitter warfare in Iraq triggered by the American inspired invasion of early 2003 is being

compared increasingly with the Vietnam war of the 1960s and 1970s. In any event terrorism and killing for political and religious reasons is more widespread globally than ever before.

The whole planet, it seems, now lives daily in anticipation of some new massive ‘terrorist’ outrage. In these circumstances it is vital that the growing number of people around the world who are wishing fervently for a permanent end to all warfare and carnage should believe there are reasons to feel encouraged. It is important for us all to have grounds for trusting in a better future and not become haunted by fear.

The purpose at the highest level of republishing this expanded novel about the long and bitter wars in Vietnam in the second part of the twentieth century is to remind us of the terrible and futile tragedy of all wars, particularly ill-judged wars. Both Vietnam and Iraq fall into that sad category. Everybody suffers in such tragic times and nobody truly triumphs. War makes us all victims. Now it is vital for our world to move forward to a state of being in which we can solve all problems among peoples and nations without recourse to violence and killing. It is equally vital to heal the terrible physical and psychological wounds of the past to help create a better peaceful future for us all.

SAIGON when first published in 1982 to my surprise and delight became an international bestseller in 15 countries and nine languages. Very gratifyingly it has already been used in classrooms in Vietnam and in the United States for educating young army and navy officer cadets – The Peoples Army Defence University in Hanoi and the American Naval Academy at Annapolis. Nguyen Uoc first read the novel in English when he found himself in an Indonesian refugee camp after fleeing by boat from Vietnam in the late 1980s. He said he wept on reading parts of it. Much later, he decided to translate and expand the novel on his own initiative because he felt that the story with the additions of historical fact and some fiction that he could make as ‘an insider’ would cause Vietnamese readers to realise that ‘the truth frees us and reconciles us.’

As I have already indicated, I have decided to take on trust Uoc’s written assurance to me that he has not ‘betrayed’ the form and intent of my original novel. I must reserve a full and measured judgement until such time as I know precisely word by word what he has written. Meantime I am pursuing my own course for SAIGON to be translated separately into Vietnamese exactly as I wrote it without any additions – and for it to be published openly by

a Vietnamese publisher in Vietnam. As I write in December 2004, there have been some initial inconclusive discussions in Hanoi about this on my behalf. I do not yet know whether this will happen sooner or later – or indeed ever.

What is beyond doubt is that Nguyen Uoc has applied himself with passion, idealism and energy to produce Trang Huyet. If he is right and a book can contribute significantly to healing and reconciling past wounds, a more harmonious future will begin in small ways to emerge for the people of Vietnam – and this must also eventually touch people of other nations. Then all of Uoc's diligent efforts will have been worthwhile. In any event I commend his ambition and his spontaneous and dedicated labours and wish him well.

My admiration and affection for Vietnam and its courageous and highly distinctive people have grown constantly from the moment I began to research and write SAIGON. Renewed involvement with Vietnam which has been triggered by the emergence of Trang Huyet and the republication in Britain of a new 2005 English edition of SAIGON has therefore been a source of great pleasure to me. So may I thank all concerned and wish those who read these pages enduring peace and growing harmony in their daily lives.

